

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**  
*(Giai đoạn đánh giá: 2018 - 2022)*

**Hà Nội, tháng 9 - 2022**

## **Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa**

### ***Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

#### ***1. CSGD có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng:***

Trường Đại học Luật Hà Nội lần đầu tiên tuyên bố sứ mạng của mình trong hệ thống tài liệu ISO được ban hành năm 2008 như sau: “*Trường Đại học Luật Hà Nội là trường đại học trọng điểm về đào tạo luật ở Việt Nam, là cơ sở hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về luật học, tư vấn và cung cấp các dịch vụ pháp luật cho Nhà nước, xã hội và công dân*” [MC: Bộ tài liệu ISO 2008 – Đã có trong Bộ minh chứng ĐGCSGD 2017]. Tiếp đó, sứ mạng của Trường được tái khẳng định trong Đề án “*Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật*” theo Quyết định số 549/QĐ-Ttg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Đề án 549) [MC: Quyết định 549]. Năm 2016, tầm nhìn và sứ mạng của Trường được hoàn thiện theo yêu cầu phân tầng các trường đại học và được tuyên bố rõ ràng trong Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, theo đó xác định sứ mạng của Trường như sau “*1. Trường Đại học Luật Hà Nội là trường đại học có định hướng nghiên cứu; có sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao cho đất nước, cung cấp các sản phẩm khoa học và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho Nhà nước, xã hội và người dân, tham gia tích cực trong công tác xây dựng pháp luật và chính sách, phản biện xã hội, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Cùng với sứ mạng nêu trên, Trường cũng “*xác định tầm nhìn trở thành trường đại học trọng điểm đào tạo pháp luật và cán bộ về pháp luật ở Việt Nam, phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo luật có uy tín, trung tâm NCKH pháp lý và trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam và có thương hiệu trong khu vực Đông Nam Á*” [MC: Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN]. Thực hiện quy định của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 18 tháng 5 năm 2020, Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN trong đó xác định: “*Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực pháp luật và cung cấp các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao cho đất nước và xã hội; đóng góp tích cực cho công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chính sách và pháp luật; tham gia phản biện xã hội, phổ biến, giáo dục pháp luật, cung ứng dịch vụ pháp lý, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*”; “*Trường Đại học Luật Hà Nội xác định tầm nhìn trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; là trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật, trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam, mang tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và quốc tế; giữ vững vai trò dẫn dắt đối với Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật trong cả nước.*” Ngày 23 tháng 10 năm 2020, Hội đồng trường thông qua Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, trong đó đã

rà soát, khẳng định chính thức sứ mạng, tầm nhìn của Trường như sau: “*Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; Tầm nhìn đến năm 2030: “*Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.*”

## *2. Có sự tham gia của các BLQ trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng:*

Quá trình xây dựng, hoàn thiện sứ mạng, tầm nhìn hiện nay (năm 2020) đã được thực hiện trên cơ sở thu hút, tham khảo đầy đủ ý kiến của các bên có liên quan. Cụ thể như sau: Ngày 07 tháng 02 năm 2020, Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-ĐHLHN về việc thành lập Ban Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định số 581/QĐ-ĐHLHN ngày 17 tháng 2 năm 2020 về việc bổ sung thành viên Ban xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Ban xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (qua nhiều lần Dự thảo). Trên cơ sở ý kiến thống nhất trong các thành viên của Ban, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng, hoàn thiện Dự thảo, gửi lấy ý kiến tất cả các các đơn vị thuộc Bộ, tất cả các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Nhà trường đã nhận được ý kiến góp ý của tất cả các đơn vị thuộc Trường, Công đoàn và Đoàn TNCS HCM Trường, và một số đơn vị thuộc Bộ. Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, tiếp thu để hoàn thiện Dự thảo; lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy - Ban Giám hiệu; lấy ý kiến Đảng ủy (ngày 16 tháng 9 năm 2020). Trên cơ sở đó, ngày 21 tháng 9 năm 2020, Ban xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã họp dưới sự chủ trì của Hiệu trưởng, Ban đã rà soát các ý kiến đóng góp của các đơn vị trong và ngoài trường, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo, giải trình, tiếp thu các ý kiến có liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức cán bộ đã hoàn thiện Dự thảo; đề trình xin ý kiến của Đảng ủy về những nội dung lớn và toàn văn dự thảo; phối hợp với Phòng Thanh tra để thẩm định, Phòng Hành chính – tổng hợp để rà soát về hình thức văn bản; báo cáo giúp Hiệu trưởng xem xét, trình Hội đồng trường thông qua trong phiên họp tháng 10 năm 2020. **[MC: Bộ hồ sơ công việc xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội].**

## *3. Nội dung tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của CSGD; phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của ngành và/hoặc địa phương, cả nước:*

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường đại học được xác định trong Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và đã được quy định trong Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội và điều kiện thực tế của Trường. Theo đó, Trường Đại học Luật Hà Nội là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ luật học và các ngành khác có liên quan phù hợp với mục tiêu và phương

hướng phát triển của Trường; NCKH pháp lý; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tư vấn pháp luật [MC: **Quyết định 868**]. Sứ mạng này cũng phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Trường được ghi nhận trong Quyết định 549/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật. Theo đó: *“Tập trung các nguồn lực xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của trường trọng điểm, có đội ngũ cán bộ, giảng viên vững mạnh; hệ thống chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo tiên tiến; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, cơ sở thực hành và thư viện hiện đại; có mô hình quản trị đại học tiên tiến, nhằm tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, quy mô hoạt động đào tạo cán bộ pháp luật, NCKH pháp lý, tích cực góp phần cung cấp nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp và toàn xã hội nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, cải cách pháp luật, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN”* [MC: **QĐ 549**].

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường được xây dựng phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định: *“Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh là một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020... Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa”*. Đội ngũ cán bộ pháp luật giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ quan trọng về xây dựng, phát triển hệ thống pháp luật, trong đó có phát triển nguồn nhân lực với các nhiệm vụ: *“Hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật”*; *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ*

quốc” là một trong 3 đột phá chiến lược nhằm thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030... Văn kiện cũng khẳng định nhiệm vụ: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế”.

Những định hướng trên hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật như Nghị quyết số 49-NQ/TW và Kết luận của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW với chủ trương xây dựng Đề án mới, tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Cụ thể:

Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đã chỉ rõ một trong những nhiệm vụ quan trọng về công tác cán bộ là: “Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển chọn, bổ nhiệm các chức danh tư pháp, cán bộ làm việc trong các cơ quan tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực tư pháp, hỗ trợ tư pháp”; “Quan tâm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về tư pháp, hỗ trợ tư pháp. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ tư pháp, luật sư đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế để tham gia giải quyết các vụ việc tranh chấp có yếu tố nước ngoài, bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”.

Ngày 12/5/2021, Ban Nội chính Trung ương đã ban hành Thông báo số 22-TB/BNCTW thông báo Kết luận của đồng chí Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương tại Phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo, trong đó có nội dung: “Đối với Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”: Tán thành việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Do thời gian thực hiện của Đề án chỉ đến năm 2020 nên cùng với việc tiếp tục thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đề án đặt ra nhưng chưa thực hiện được, Bộ Tư pháp cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan khẩn trương xây dựng Đề án mới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nhằm tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật... Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương có cơ chế hỗ trợ về mặt bằng xây dựng trụ sở, ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho đào tạo và có chính sách cho phép hai Trường được linh hoạt trong việc thu học phí”.

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường đến năm 2030 đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa truyền thống hình thành và phát triển Trường, phát huy uy tín, thương hiệu và nguồn lực của Trường từ năm 1979 đến nay, theo đó Trường đã đào tạo cho xã hội hơn 120,000 cử nhân luật,

hàng ngàn thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhà trường có đội ngũ giảng viên cơ hữu từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng; có đội ngũ giảng viên cơ hữu lớn nhất trong số các cơ sở đào tạo luật hiện nay, có khả năng đảm nhận giảng dạy toàn bộ các chương trình đào tạo. Đến nay, số lượng giảng viên cơ hữu của Trường là 304 giảng viên (gồm có 03 giáo sư, 30 phó giáo sư, 97 tiến sĩ, 172 thạc sĩ, 02 cử nhân). Bên cạnh đó, Trường chú trọng đầu tư nguồn lực về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đào tạo và nghiên cứu phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố. Đến tháng 9/2022, Trường có hệ thống giảng đường đầy đủ với số lượng lớp/ người học, được trang bị tương đối hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo theo đúng sứ mạng được xác định. Trụ sở chính của Trường tại số 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội với hệ thống Thư viện điện tử gồm nhiều tài liệu được số hoá, kết nối với cơ sở dữ liệu pháp luật trực tuyến Heionline, bước đầu liên kết, hợp tác, chia sẻ nguồn lực thông tin và các dịch vụ thông tin thư viện với thư viện của các cơ sở đào tạo luật trong nước, giúp khả năng tra cứu và nguồn tư liệu ngày càng phong phú đáp ứng yêu cầu sứ mạng đặt ra **[Dẫn chiếu đến minh chứng về cơ sở vật chất]** và Trung tâm tư liệu, Văn phòng thực hành pháp luật, Phòng thực hành ngoại ngữ, Phòng Diễn án. Các phòng học đều được trang bị hệ thống đèn chiếu phục vụ việc giảng dạy; hệ thống điều hoà được trang bị cho nhiều phòng học, hệ thống quạt gió được bố trí phù hợp với các phòng học tại các toà nhà đảm bảo hiệu quả học tập **[Dẫn chiếu đến minh chứng về cơ sở vật chất]**. Trường đặc biệt chú trọng đầu tư biên soạn giáo trình, sách phục vụ học tập, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các tài liệu tham khảo của nước ngoài **[Dẫn chiếu đến minh chứng về danh sách giáo trình, học liệu]**. Trong quá trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, các ý kiến góp ý của các bên liên quan gồm có các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các đơn vị thuộc Trường, các cá nhân thuộc các đơn vị đều cơ bản đồng tình, đồng ý với các nội dung của sứ mạng, tầm nhìn.**[MC: Hồ sơ xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường]**

4. Lãnh đạo CSGD có các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định:

Để triển khai thực hiện Sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2030 của Trường, Nhà trường đã triển khai xây dựng nhiều văn bản để cụ thể hóa các nội dung thực hiện.

Tháng 5 năm 2020, Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Luật Hà Nội đã thông qua Nghị quyết Đại hội với chủ đề: phát huy truyền thống, đoàn kết, trí tuệ, kỷ cương, đổi mới, quyết tâm xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; Đại hội xác định mục tiêu tổng quát là: *Lãnh đạo Nhà trường tiếp tục giữ vững vị trí là cơ sở dẫn đầu cả nước về đào tạo pháp luật và các lĩnh vực có liên quan với các chương trình đào tạo có chất lượng cao ở tất cả các bậc đào tạo; là trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý có uy tín, trung tâm dịch vụ pháp lý, truyền bá tư tưởng pháp lý tích cực và có trách nhiệm với cộng đồng; thực hiện thành công việc xây dựng trường trọng điểm quốc gia về đào tạo cán bộ pháp luật; có mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế có hiệu quả; từng bước trở thành cơ sở đào tạo luật có uy tín, được công nhận ở khu vực.* Trong giai đoạn đánh giá, Đảng ủy Nhà trường cũng đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề để thực hiện các nhiệm vụ trên gồm có: **Nghị quyết**

**số 24-NQ/ĐU ngày 24/6/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; Nghị quyết số 26-NQ/ĐU ngày 11/9/2019 về lãnh đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tại Phân hiệu đến năm 2021 và những năm tiếp theo; Nghị quyết về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục; .... [MC: Các Nghị quyết của Đảng ủy]**

Năm 2020, Hội đồng trường ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã được Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội. Chiến lược xác định mục tiêu tổng quát: *“Phấn đấu đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, trường trọng điểm quốc gia về đào tạo pháp luật có vị thế trong khu vực; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý uy tín hàng đầu, có vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực khoa học pháp lý, tham gia xây dựng và hoạch định chính sách, pháp luật; trung tâm truyền bá tư tưởng pháp lý, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng.”* Trên cơ sở đó, Chiến lược xác định các mục tiêu cụ thể, các nhiệm vụ, giải pháp triển khai về các lĩnh vực: Đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo; Nghiên cứu khoa học; Về phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng; Về tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự; Về hợp tác quốc tế; Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất; Về công nghệ thông tin [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội].

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLHN ban hành Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025; trong đó xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, thời hạn hoàn thành, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện. [MC: Kế hoạch thực hiện CL]

Trên cơ sở Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược, Nhà trường đã ban hành, thực hiện nhiều kế hoạch công tác năm, các kế hoạch chuyên đề trong từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và các đề án, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện Chiến lược, hướng đến thực hiện được sứ mạng và mục tiêu, tầm nhìn phát triển Nhà trường.

Năm 2021 và năm 2022, Nhà trường thực hiện việc báo cáo kết quả thực hiện Đề án xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật theo Quyết định 549/QĐ-TTg và đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật trong giai đoạn tiếp theo [MC: Hồ sơ báo cáo tổng kết thực hiện Đề án 549 và Hồ sơ trình Đề án mới]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD***

***1. CSGD có công bố chính thức giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD:***

Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động của Trường Đại học Luật Hà Nội lần đầu tiên được công bố chính thức tại Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường theo đó, *Trường Đại học Luật Hà Nội khẳng định và hướng tới những giá trị cốt lõi đặc trưng của một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam: Bề dày truyền thống, uy tín, thương hiệu; Chất lượng cao về đào tạo và nghiên cứu pháp luật; Nguồn nhân lực chất lượng cao trong đào tạo, nghiên cứu pháp luật; Gắn kết, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và các thế hệ cán bộ, giảng viên, người học của Trường; Quản trị đại học hiện đại, hiệu quả; môi trường sư phạm thân thiện, văn minh; Tôn vinh công lý, công bằng, dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa.* Trường cũng xác định Khẩu hiệu hành động: **“Đoàn kết, Trí tuệ, Minh bạch, Năng động, Hội nhập”**

Đến tháng 10, Hội đồng trường đã rà soát, tinh chỉnh giá trị cốt lõi của Trường theo hướng ngắn gọn, trực diện, dễ triển khai thực hiện hơn và thể hiện chính thức trong Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, theo đó Giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: **Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập**; Khẩu hiệu hành động được điều chỉnh: **Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững.**

2. *Giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD được xác định từ các giá trị/truyền thống của CSGD nhằm thúc đẩy các hành vi mong muốn của CSGD để đạt được mục tiêu chiến lược của CSGD, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng:*

Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động của Trường đã được xác định từ các giá trị, truyền thống được tạo dựng, hun đúc, phát triển trong suốt lịch sử 43 năm hình thành, phát triển của Nhà trường thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó:

**Con người:** Viên chức, người lao động, đặc biệt là đội ngũ nhà giáo và người học qua các thế, qua các thời kỳ là tài sản quý giá nhất của Trường Đại học Luật Hà Nội. Nhà trường luôn quan tâm, chăm lo phát triển giá trị con người, luôn tạo cơ hội cho mỗi cá nhân phát triển, khẳng định được vị thế cá nhân và lan tỏa trong cộng đồng, xã hội

**Chất lượng:** Khẩu hiệu hành động của Trường Đại học Luật Hà Nội là *Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững.* Trường Đại học Luật Hà Nội luôn đề cao và lấy chất lượng đào tạo làm giá trị trung tâm, bền vững bằng cách kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào, chất lượng quản lý đào tạo, chất lượng đầu ra cũng như đầu tư tốt nhất cho các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

**Thương hiệu:** Trường Đại học Luật Hà Nội là cái nôi khởi thủy đào tạo cán bộ pháp luật trình độ đại học ở Việt Nam. Nhà trường có bề dày truyền thống, thành tích trong công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, nghiên cứu, chuyên gia khoa học pháp lý và truyền bá pháp lý. Chính chất lượng đào tạo đã tạo nên giá trị thương hiệu đào tạo luật của nhà trường - Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật của đất nước. Nhà trường sẽ không ngừng đầu tư, chăm lo và phát triển thương hiệu của mình, tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam.



**Hội nhập:** Trường Đại học Luật Hà Nội có tầm nhìn trở thành trường đại học có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhà trường luôn sẵn sàng xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khoa học pháp lý và truyền bá pháp lý.

Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động như trên hoàn toàn phù hợp và nhắm thúc đẩy, thực hiện được sứ mạng “*đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; và Tầm nhìn đến năm 2030: “*Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.*”

Cùng với việc xác định sứ mạng, tầm nhìn, việc khẳng định các giá trị cốt lõi, khẩu hiệu hành động đã được Nhà trường lấy ý kiến rộng rãi trong viên chức, người lao động của Trường, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp. Các ý kiến về cơ bản nhất trí các nội dung, trong đó có góp ý chỉnh sửa các nội dung cho phù hợp và dễ hiểu, dễ nhớ, dễ triển khai thực hiện. **[MC: Hồ sơ xây dựng Chiến lược phát triển Trường].**

Tầm nhìn, sứ mạng, cùng giá trị cốt lõi, khẩu hiệu hành động của Trường đã được công bố công khai, phổ biến, quán triệt rộng rãi trong toàn trường, đối với viên chức, người lao động và người học của Trường; được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường [www.hlu.edu.vn], trong các hồ sơ, tài liệu, brochure truyền thông của Trường, các bảng pano, áp phích trong Trường, trong Sổ tay sinh viên, tài liệu phổ biến tuyển sinh của Trường. **[MC: ảnh chụp các pano, sổ tay sinh viên, tài liệu phổ biến, brochure...].**

*3. Lãnh đạo CSGD xây dựng kế hoạch nhằm phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong CSGD xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD:*

Các giá trị cốt lõi, khẩu hiệu hành động trên đã được Nhà trường cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 – 2025, Phương hướng, nhiệm vụ và các kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của các đơn vị; các kế hoạch đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã được Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội. *Chiến lược xác định mục tiêu tổng quát: “Phấn đấu đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, trường trọng điểm quốc gia về đào tạo pháp luật có vị thế trong khu vực; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý uy tín hàng đầu, có vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực khoa*

*học pháp lý, tham gia xây dựng và hoạch định chính sách, pháp luật; trung tâm truyền bá tư tưởng pháp lý, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng.”*

*Chiến lược xác định quan điểm phát triển gồm có:*

*1. Tập trung nâng cao chất lượng song song với phát triển quy mô: không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và khu vực; tăng cường đào tạo tư duy pháp lý và kiến thức thực tiễn cho người học, bảo đảm người học tốt nghiệp đáp ứng được ngay yêu cầu của công việc; hỗ trợ tối đa cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp; đầu tư xây dựng và thu hút đội ngũ giảng viên có chất lượng vượt trội, đặc biệt là đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành, chú trọng đầu tư nâng cao trình độ của giảng viên trẻ;*

*2. Tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng gắn với nhiệm vụ giảng dạy, xây dựng và thực hiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng Trường thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, có năng lực hàng đầu về nghiên cứu khoa học pháp lý, phân biện, đánh giá pháp luật; tăng cường năng lực nghiên cứu của giảng viên, từng bước xây dựng đội ngũ những chuyên gia đầu ngành, hình thành trường phái học thuật.*

*3. Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng pháp lý thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao sản phẩm khoa học pháp lý chất lượng cao, kết hợp với hoạt động giáo dục, phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. coi hoạt động phục vụ cộng đồng là một trong ba trụ cột hoạt động của Trường với mục đích vừa truyền bá, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, vừa góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội.*

*Trên cơ sở đó, Chiến lược xác định các mục tiêu cụ thể, các nhiệm vụ, giải pháp triển khai về các lĩnh vực: Đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo; Nghiên cứu khoa học; Về phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng; Về tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự; Về hợp tác quốc tế; Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất; Về công nghệ thông tin.*

Tại Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà trường đã cụ thể hóa các thành các nhiệm vụ cụ thể, giao đơn vị chủ trì, phối hợp với kết quả sản phẩm, thời hạn thực hiện [MC: QĐ số 2538/QĐ-ĐHLHN]. Trên cơ sở đó, thể chế trong các Nghị quyết của Hội đồng trường hằng năm về Phương hướng Tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo; hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; chính sách đảm bảo chất lượng đào tạo; chính sách học phí và chính sách hỗ trợ người học; chính sách hợp tác với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động của Trường Đại học Luật Hà Nội [Nghị quyết của Hội đồng trường năm 2021, 2022] và các Kế hoạch công tác cụ thể, hằng năm của Trường [Kế hoạch công tác hằng năm, Kế hoạch đào tạo, nghiên

**cứu khoa học, Kế hoạch đảm bảo chất lượng...].** Tại các Hội nghị viên chức hằng năm, Hội nghị tổng kết năm học, các Hội nghị góp ý về Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật đều có đánh giá tổng thể hướng đến các giá trị này.

Nhà trường đồng thời tập trung hoàn thiện các thể chế về **Chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu, Quy định về giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên của Trường, Quy chế chi tiêu nội bộ với nhiều nội dung mới về chính sách đối với cán bộ và giảng viên nhà trường, ban hành Quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động Trường Đại học Luật Hà Nội [MC: các văn bản, quy chế trên đây].**

Nhà trường giao cho các đơn vị, theo chức năng nhiệm vụ của mình giám sát và đánh giá việc đảm bảo thực hiện các giá trị cốt lõi của Nhà trường trong đó có các đơn vị chủ chốt chủ yếu như Phòng Tổ chức cán bộ (đối với các nội dung về tổ chức, nhân sự, văn hóa, đạo đức, quy tắc ứng xử của viên chức); Phòng Hành chính – Tổng hợp (về theo dõi thực hiện các kế hoạch thực hiện), các đơn vị quản lý đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí, công tác sinh viên, hợp tác quốc tế (theo các lĩnh vực công tác); thể hiện đúng yêu cầu và tinh thần của Luật Giáo dục đại học sửa đổi về phân cấp, xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: **5/7**

***Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện***

***1. CSGD có truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan:***

Tầm nhìn, sứ mạng, Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động của Trường Đại học Luật Hà Nội được thể hiện tại Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường, Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội và Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 đã được phổ biến, quán triệt rộng rãi trong Trường.

Sau khi được ban hành, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để phổ biến, quán triệt truyền thông rộng rãi trong nội bộ Trường và đối với xã hội: gồm có gửi văn bản đề nghị các đơn vị, cá nhân phổ biến, quán triệt, nghiên cứu và tổ chức thực hiện; tổ chức phổ biến, quán triệt trong các Hội nghị, đặc biệt là các Hội nghị quan trọng như Hội nghị viên chức các cấp, Hội nghị tổng kết, triển khai nhiệm vụ năm học; được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường [www.hlu.edu.vn], trong các hồ sơ, tài liệu, brochure truyền thông của Trường, các bảng pano, áp phích trong Trường, trong Sổ tay sinh viên, tài liệu phổ biến tuyển sinh của Trường. **[MC: ảnh chụp các pano, sổ tay sinh viên, tài liệu phổ biến, brochure...].**

Quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường, quá trình tổng kết, xây dựng Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật có sự tham gia góp ý của đông đảo viên chức, người lao động, của các đơn vị trong và ngoài Trường, của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp cũng góp phần quan trọng trong việc tiếp tục phổ biến, quán triệt, giải thích rõ ràng và triển khai cụ thể các mục tiêu, sứ mạng, giá trị thành các hành động, nhiệm vụ cụ thể theo từng giai đoạn. **[MC: hồ sơ xây dựng Chiến lược phát triển, Kế hoạch thực hiện Chiến lược, Hồ sơ tổng kết Đề án 549 và trình Đề án tiếp tục thực hiện]**

*2. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được quán triệt và giải thích rõ ràng cho các BLQ trong CSGD để thực hiện:*

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường như trình bày ở tiêu chí trên, đã được quán triệt và giải thích rõ ràng cho các bên liên quan trong Trường để thực hiện. Được cụ thể hóa thành những văn bản, kế hoạch, nhiệm vụ rất cụ thể của Trường trong từng giai đoạn. Thể hiện tập trung trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội **[MC: Chiến lược phát triển, QĐ số 2538/QĐ-ĐHLHN]**; các Nghị quyết của Hội đồng trường hằng năm về Phương hướng Tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo; hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; chính sách đảm bảo chất lượng đào tạo; chính sách học phí và chính sách hỗ trợ người học; chính sách hợp tác với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động của Trường Đại học Luật Hà Nội **[Nghị quyết của Hội đồng trường năm 2021, 2022]** và các Kế hoạch công tác cụ thể, hằng năm của Trường **[Kế hoạch công tác hằng năm, Kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, Kế hoạch đảm bảo chất lượng...]**. Tại các Hội nghị viên chức hằng năm, Hội nghị tổng kết năm học, các Hội nghị góp ý về Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật đều có đánh giá tổng thể hướng đến các giá trị này.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

*Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan*

*1. Có đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát:*

Trong giai đoạn đánh giá, Trường Đại học Luật Hà Nội đã thực hiện rà soát, đề điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường như đã trình bày trong Tiêu chí 1.1. Năm 2016, tầm nhìn và sứ mạng của Trường được hoàn thiện theo yêu cầu phân tầng các trường đại học và được tuyên bố rõ ràng trong Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; theo Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường

Trường Đại học Luật Hà Nội và hiện nay đã được chỉnh lý và ban hành chính thức trong Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường thông qua ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội.

*2. Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan:*

Quá trình xây dựng, hoàn thiện sứ mạng, tầm nhìn hiện nay (năm 2020) đã được thực hiện trên cơ sở thu hút, tham khảo đầy đủ ý kiến của các bên có liên quan. Cụ thể như sau: Ngày 07 tháng 02 năm 2020, Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-ĐHNLN về việc thành lập Ban Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định số 581/QĐ-ĐHNLN ngày 17 tháng 2 năm 2020 về việc bổ sung thành viên Ban xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Ban xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (qua nhiều lần Dự thảo). Sau khi ban hành, Hội đồng trường giao cho Hiệu trưởng tổ chức thực hiện Quy chế và Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030. Trong các đơn vị thuộc Trường, Hiệu trưởng quy định và giao cho Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị có trách nhiệm tham mưu, giúp Hiệu trưởng chủ trì thực hiện việc theo dõi, tổ chức thực hiện các nội dung này **[MC. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức cán bộ]**. Quá trình xây dựng Dự thảo đã có báo cáo, rà soát về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi để có tinh chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn **[MC: Hồ sơ xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động]**

*3. Có báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi:*

Trên cơ sở ý kiến thống nhất trong các thành viên của Ban, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng, hoàn thiện Dự thảo, gửi lấy ý kiến tất cả các đơn vị thuộc Bộ, tất cả các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Nhà trường đã nhận được ý kiến góp ý của tất cả các đơn vị thuộc Trường, Công đoàn và Đoàn TNCS HCM Trường, và một số đơn vị thuộc Bộ. Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, tiếp thu để hoàn thiện Dự thảo; lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy - Ban Giám hiệu; lấy ý kiến Đảng ủy (ngày 16 tháng 9 năm 2020). Trên cơ sở đó, ngày 21 tháng 9 năm 2020, Ban xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã họp dưới sự chủ trì của Hiệu trưởng, Ban đã rà soát các ý kiến đóng góp của các đơn vị trong và ngoài trường, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo, giải trình, tiếp thu các ý kiến có liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức cán bộ đã hoàn thiện Dự thảo; đề trình xin ý kiến của Đảng ủy về những nội dung lớn và toàn văn dự thảo; phối hợp với Phòng Thanh tra để thẩm định, Phòng Hành chính – tổng hợp để rà soát về hình thức văn bản; báo cáo giúp Hiệu trưởng xem xét, trình Hội đồng trường thông qua trong phiên họp tháng 10 năm 2020. **[MC: Bộ hồ sơ công việc xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

***Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

2. *Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan:*

Trong giai đoạn đánh giá, Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Cụ thể

Theo Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, theo đó xác định sứ mạng của Trường như sau “1. *Trường Đại học Luật Hà Nội là trường đại học có định hướng nghiên cứu; có sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao cho đất nước, cung cấp các sản phẩm khoa học và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho Nhà nước, xã hội và người dân, tham gia tích cực trong công tác xây dựng pháp luật và chính sách, phản biện xã hội, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Cùng với sứ mạng nêu trên, Trường cũng “*xác định tầm nhìn trở thành trường đại học trọng điểm đào tạo pháp luật và cán bộ về pháp luật ở Việt Nam, phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo luật có uy tín, trung tâm NCKH pháp lý và trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam và có thương hiệu trong khu vực Đông Nam Á*” [MC: **Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN**].

Đến Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020, Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội đã xác định điều chỉnh lại: “*Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực pháp luật và cung cấp các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao cho đất nước và xã hội; đóng góp tích cực cho công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chính sách và pháp luật; tham gia phản biện xã hội, phổ biến, giáo dục pháp luật, cung ứng dịch vụ pháp lý, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*”; “*Trường Đại học Luật Hà Nội xác định tầm nhìn trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; là trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật, trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam, mang tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và quốc tế; giữ vững vai trò dẫn dắt đối với Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật trong cả nước.*” Đến ngày 23 tháng 10 năm 2020, Hội đồng trường thông qua Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, trong đó đã rà soát, khẳng định chính thức sứ mạng, tầm nhìn của Trường như sau: “*Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; Tầm nhìn đến năm 2030: “*Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.*”

Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động của Trường Đại học Luật Hà Nội lần đầu tiên được công bố chính thức tại Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường theo đó, *Trường Đại học Luật Hà Nội khẳng định và*

*hướng tới những giá trị cốt lõi đặc trưng của một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam: Bề dày truyền thống, uy tín, thương hiệu; Chất lượng cao về đào tạo và nghiên cứu pháp luật; Nguồn nhân lực chất lượng cao trong đào tạo, nghiên cứu pháp luật; Gắn kết, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và các thế hệ cán bộ, giảng viên, người học của Trường; Quản trị đại học hiện đại, hiệu quả; môi trường sư phạm thân thiện, văn minh; Tôn vinh công lý, công bằng, dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa.* Trường cũng xác định Khẩu hiệu hành động: **“Đoàn kết, Trí tuệ, Minh bạch, Năng động, Hội nhập”**

Đến tháng 10, Hội đồng trường đã rà soát, tinh chỉnh giá trị cốt lõi của Trường theo hướng ngắn gọn, trực diện, dễ triển khai thực hiện hơn và thể hiện chính thức trong Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, theo đó Giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: **Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập**; Khẩu hiệu hành động được điều chỉnh: **Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững.**

**Nhà trường có** Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động của Trường Đại học Luật Hà Nội lần đầu tiên được công bố chính thức tại Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường theo đó, *Trường Đại học Luật Hà Nội khẳng định và hướng tới những giá trị cốt lõi đặc trưng của một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam: Bề dày truyền thống, uy tín, thương hiệu; Chất lượng cao về đào tạo và nghiên cứu pháp luật; Nguồn nhân lực chất lượng cao trong đào tạo, nghiên cứu pháp luật; Gắn kết, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và các thế hệ cán bộ, giảng viên, người học của Trường; Quản trị đại học hiện đại, hiệu quả; môi trường sư phạm thân thiện, văn minh; Tôn vinh công lý, công bằng, dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa.* Trường cũng xác định Khẩu hiệu hành động: **“Đoàn kết, Trí tuệ, Minh bạch, Năng động, Hội nhập”**

Đến tháng 10, Hội đồng trường đã rà soát, tinh chỉnh giá trị cốt lõi của Trường theo hướng ngắn gọn, trực diện, dễ triển khai thực hiện hơn và thể hiện chính thức trong Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, theo đó Giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: **Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập**; Khẩu hiệu hành động được điều chỉnh: **Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững.**

1. Có quy trình, đơn vị/bộ phận giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa:

3. Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá:

Như đã phân tích ở mục trên, Nhà trường đã ban hành kế hoạch, xác định lộ trình, nhiệm vụ, quy trình thực hiện, giao cho Ban Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động thực hiện việc tổng kết, rà soát và xây dựng lại Quy chế tổ chức và hoạt động trong đó rà soát kỹ các nội dung về Sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường (như phân tích tại các tiêu chí trên đây). Trong quá trình thực hiện, tất cả các ý kiến góp ý của

các bên liên quan đều được phân tích, tổng hợp và đối chiếu để tiếp thu tối đa, chỉnh lý và hoàn thiện Dự thảo trình Hội đồng trường ký ban hành [**Hồ sơ xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường**]

Quá trình xây dựng Dự thảo, trước đây giao cho Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì, tuy nhiên, trong lần rà soát, điều chỉnh, cải tiến về quy trình xây dựng lần này, đã xác định nhiệm vụ của Ban Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường do 01 lãnh đạo Trường chủ trì và nhiều bộ phận có liên quan; về cách thức tổ chức lấy ý kiến và phân công các nhóm theo lĩnh vực chuyên môn cũng được chú trọng, lấy ý kiến rộng rãi nhiều lần để triển khai thực hiện. [**Hồ sơ xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động**]

Trong đợt rà soát, góp ý xây dựng Dự thảo Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật], ngoài các nhóm nòng cốt được thành lập, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị toàn trường góp ý cho Dự thảo này vào tháng 6 năm 2022 [**Hồ sơ Hội nghị tổ chức lấy ý kiến toàn trường về Dự thảo Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật**].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường Đại học Luật Hà Nội đã xác định và tuyên bố công khai sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2030, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước, Bộ Tư pháp và định hướng Chiến lược phát triển Trường.

- Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động theo đúng quy định và yêu cầu, có sự tham gia của các bên có liên quan; đã phổ biến, quán triệt, rộng rãi, hướng dẫn triển khai cụ thể và đã có nhiều Chiến lược, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, hằng năm để tổ chức thực hiện.

- Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã thực hiện công tác báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật với các chỉ tiêu, chỉ số, nhiệm vụ, giải pháp đã xác định trong Chiến lược, Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường. Kết quả đánh giá đã khẳng định việc thực hiện tốt sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Trường.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- Một số kế hoạch triển khai cụ thể sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn của Trường còn chậm được ban hành như Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Kế hoạch phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2022-2025...

- Việc xây dựng Dự án xây dựng Cơ sở II còn chậm tiến độ, ảnh hưởng phần nào đến việc đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường.



**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Phòng Tổ chức cán bộ	Hoàn thành trong năm 2022	.....
2	Khắc phục tồn tại 2	Kế hoạch phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2022-2025	Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí	Hoàn thành trong năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiếp tục đẩy nhanh và đảm bảo tiến độ xây dựng Dự án xây dựng Cơ sở II	Phòng Quản trị, Phòng Tài chính - Kế toán	Giai đoạn 2022-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục chú trọng công tác xây dựng cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ thành Kế hoạch cụ thể	Các đơn vị có liên quan	Giai đoạn 2022-2025	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Năm 2022, sau khi Đề án được ban hành	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, Chiến lược để phù hợp với tình hình	Phòng Tổ chức cán bộ	Năm 2025; tổng kết 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển và Đề án tiếp tục xây dựng Trường thành trường trọng điểm	

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 1.1	5/7
Tiêu chí 1.2	5/7
Tiêu chí 1.3	4/7
Tiêu chí 1.4	5/7
Tiêu chí 1.5	4/7

#### Tiêu chuẩn 2. Quản trị

**Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD**

1. CSGD có thành lập hội đồng quản trị/hội đồng trường; có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của đơn vị chủ quản:

Hệ thống quản trị của Trường Đại học Luật Hà Nội được thiết lập theo đúng quy định của pháp luật bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua, khen thưởng... Các thành phần trong hệ thống quản trị được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng tổ chức và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Trong đó, Đảng bộ Trường Đại học Luật Hà Nội là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Hiện nay, Đảng bộ Trường có .... đảng viên sinh hoạt tại 26 chi bộ, ở trụ sở chính Hà Nội và Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk. Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Luật Hà Nội khóa XII nhiệm kỳ 2020-2025 đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 đồng chí **[QĐ của Thành uỷ]**. Sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ Trường khóa XII đã xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2020-2025 **[Quyết định số 02-QĐ/ĐU ngày 31/7/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ Trường Đại học Luật Hà Nội]**, Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 **[Chương trình]**. Quyết định phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Trường phụ trách đảng bộ bộ phận, các chi bộ, các tổ chức đoàn thể trong trường **[QĐ phân công]**. Hàng năm,

Đảng ủy có xây dựng chương trình công tác đề định hướng, chỉ đạo triển khai các hoạt động của Nhà trường [*Chương trình công tác số 02- Ctr/ĐU ngày 10/02/2022, thiếu 2020, 2021*].

Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội được thành lập vào năm 2019 theo Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 và được thành lập lại năm 2020 theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập gồm 17 thành viên [**Quyết định số 1737/QĐ-BTP công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Quyết định số 1738/QĐ-BTP công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng trường, CHƯA CÓ MC**]. Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do Trường ban hành dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội đã phát huy tốt vai trò vừa là cơ quan quản trị, vừa là cơ quan giám sát thông qua việc quyết định phương hướng hoạt động và huy động các nguồn lực cho Nhà trường, triển khai các hoạt động giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên.

Ngay sau khi được Bộ Tư pháp công nhận, Hội đồng trường đã xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội theo từng nhiệm kỳ [**QC làm việc**] và xây dựng các kế hoạch hoạt động hàng năm [**Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHLHN ngày 08/02/2022 về ban hành Kế hoạch công tác năm 2022 của hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội**]

Các hội đồng tư vấn của Trường đã được thành lập là Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển dụng v.v... Các Hội đồng của Nhà trường thường xuyên được kiện toàn, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tham mưu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các lĩnh vực công tác của Nhà trường [**QĐ số 3101/QĐ-ĐHLHN ngày 28/9/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHLHN 9sửa đổi, bổ sung) năm 2018**]. [**QĐ thành lập HĐ tuyển dụng năm 2019; QĐ thành lập HĐ thi đua khen thưởng...**]

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Nhà trường được thành lập theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của các tổ chức. Trong quá trình hoạt động, Công đoàn Trường Đại học Luật Hà Nội đã thể hiện rõ vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của viên chức, người lao động trong Trường, tham gia xây dựng môi trường làm việc và phối hợp với Nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Công đoàn Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ ..... được Công đoàn Giáo dục Việt Nam ra quyết định công nhận Ban Chấp hành, Ban Thường

vụ, Ủy ban Kiểm tra và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch [.....]. Sau Đại hội, Ban Chấp hành Công đoàn trường có xây dựng Quy chế tổ chức, hoạt động của Công đoàn Trường Đại học Luật Hà Nội khóa ..... [.....] và xây dựng kế hoạch hoạt động Công đoàn Trường nhiệm kỳ ..... để đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động của Công đoàn [.....].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Luật Hà Nội trực thuộc Thành đoàn Hà Nội. Hội Sinh viên Việt Nam Trường Đại học Luật Hà Nội trực thuộc Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội. Trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội. luôn nỗ lực thể hiện vai trò là tổ chức nòng cốt chính trị - xã hội của đoàn viên, sinh viên. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã tổ chức nhiều hoạt động, chương trình có ý nghĩa, phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo đã tạo nên thương hiệu của sinh viên luật, góp phần vào sự phát triển của Nhà trường [**Chương trình hoạt động của Đoàn, Hội**]. Hệ thống các câu lạc bộ trực thuộc Đoàn Thanh niên có những đóng góp quan trọng vào việc tạo lập môi trường đào tạo, hệ sinh thái chung đặc biệt trong các hoạt động đổi mới sáng tạo của Nhà trường. Ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn trường Trường Đại học Luật Hà Nội khóa ....., nhiệm kỳ 2020-2022 [**Quy chế hoạt động**], triển khai các kế hoạch, chương trình công tác nhiệm kỳ và kế hoạch công tác hàng năm [**kế hoạch, chương trình công tác**].

*2. Hội đồng quản trị/hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; có các văn bản thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động:*

Vai trò và trách nhiệm giải trình của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội [**Nghị quyết 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020**]. Quy chế này phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, đơn vị, thể hiện trách nhiệm, cách thức giải quyết công việc, kế hoạch công tác, chế độ thông tin, báo cáo, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường. Ngoài ra, chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức trong hệ thống quản trị như Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể và sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban giám hiệu [.....], Quy chế làm việc của Hội đồng trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 [.....] Nhờ đó việc phối hợp và triển khai các hoạt động của Nhà trường bảo đảm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế tổ chức hoạt động của Trường.

Trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong công tác xây dựng kế hoạch hàng năm, công tác báo cáo, sơ kết, tổng kết và công tác kiểm tra, giám sát. Vào đầu năm công tác, năm học, Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể xây dựng chương trình công tác, kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện trong năm [CTCT của Đảng ủy các năm 2020, 2021, 2022], [CTCT của HĐ trường các năm 2020-2022]; [CTCT của Đoàn TN], [CTCT của Công đoàn]. Có sơ kết, tổng kết kết quả triển khai nhiệm vụ hàng quý, hàng năm [Báo cáo sơ kết, tổng kết của Đảng], [Báo cáo sơ kết, tổng kết của HĐ trường], [Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn, Đoàn TNCS]. Trong quá trình hoạt động, Đảng ủy, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong quy chế làm việc và quy chế tổ chức hoạt động của từng tổ chức [Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Đảng], [Kế hoạch kiểm tra, giám sát của HĐ trường], [Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Công đoàn], [Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Đoàn TN]. Ngoài ra, Đảng ủy, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể đều chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

*3. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của CSGD:*

Hệ thống văn bản của Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức tư vấn khác được gửi báo cáo các cơ quan cấp trên trực tiếp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên để biết để biết và thực hiện. Hệ thống văn bản của Hội đồng trường được quản lý tập trung tại Bộ phận Văn thư thuộc Phòng Hành chính, tổng hợp. Hệ thống văn bản của Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể được quản lý tập trung tại Văn phòng Đảng - Đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị Trường Đại học Luật Hà Nội được tổ chức và hoàn thiện theo hướng đáp ứng tốt hơn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và của Nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Đảng ủy, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể có vị trí, vai trò riêng, hoạt động thống nhất trong hệ sinh thái chung của Nhà trường. Trong đó có phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: ...../7**

***Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.***

1. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của Đảng ủy, hội đồng quản trị/hội đồng trường, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức đoàn thể khác, các hội đồng tư vấn (hội đồng ĐBCL, hội đồng khoa học và đào tạo, ...) được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn:

Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hoạt động và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Đảng ủy Trường giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường, lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác chuyên môn, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể. Sau Đại hội Đảng bộ, Đảng ủy ban hành chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 [**Chương trình công tác số 02- Ctr/ĐU ngày 10/02/2022, thiếu 2020, 2021**]. Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường, năm 2021, Đảng ủy Trường đã ban hành chương trình công tác trọng tâm trong nhiệm kỳ 2020-2025: (1) ..... và tổ chức tổng kết công tác xây dựng Đảng, đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm tiếp theo [**Báo cáo tổng kết của ĐB năm 2020-2022.**].

Hội đồng trường quyết nghị thông qua các nội dung quan trọng về các mặt công tác chuyên môn của Nhà trường [**Nghị quyết số 03/NQ-HĐTĐHLHN ngày 21/01/2022**].

2. Các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn được triển khai thực hiện:

Nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng trường được Ban Giám hiệu cụ thể hóa và xây dựng kế hoạch năm học để chỉ đạo các nhiệm vụ chuyên môn của Nhà trường [**Kế hoạch công tác năm 2018-2022**]. Ban Giám hiệu ban hành các kế hoạch năm học để thực hiện và phân công cho từng đơn vị tổ chức triển khai nhiệm vụ. Hàng năm, Nhà trường đánh giá kết quả và báo cáo công khai, bàn bạc tại Hội nghị cán bộ chủ chốt và Hội nghị viên chức năm học [**Báo cáo tổng kết công tác năm của trường từ 2018-2022**].

Nhà trường xây dựng kế hoạch, các chương trình công tác trọng tâm trong năm học và chỉ đạo các đơn vị tập trung trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách từng năm. Các đơn vị xây dựng và bảo vệ kế hoạch ngân sách tại Hội đồng trường. Xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm là bước quan trọng trong đổi mới công tác quản lý chung, nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong Nhà trường trong thực thi nhiệm vụ. Việc đổi mới công tác kế hoạch đã giúp Nhà trường chủ động khai thác nguồn lực cho giáo dục đào tạo, đồng thời đảm bảo an toàn tài chính trong ngắn hạn và dài hạn [**Báo cáo dự toán tài chính và Báo cáo quyết toán tài chính từ năm 2020-2022**].

Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phân công. Phòng Kế hoạch Tài chính và Phòng Hành chính - Tổng hợp là đơn vị theo dõi, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch và mục tiêu, kế hoạch hoạt động của Nhà trường. Định kỳ mỗi quý, 6 tháng và cuối năm, các đơn vị có tổng hợp kết quả hoạt động, đánh giá những tồn tại so với kế hoạch đã xác định **[Báo cáo quý, 6 tháng, năm]**.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Trường, trong giai đoạn 2020-2025, Nhà trường đã tập trung rà soát, xây dựng các văn bản quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Nhà trường đã chỉ đạo rà soát và xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 **[Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020 ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030]**. Năm 2021, Hội đồng trường đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Luật Hà Nội **[Nghị quyết 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020]** Quy chế dân chủ trong hoạt động Trường Đại học Luật Hà Nội **[QC dân chủ]** Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025.... **[QC làm việc của HĐ trường]**. Các quy định, quy chế đều được quán triệt, phổ biến tới tất cả các viên chức trong Trường qua các hội nghị quán triệt của đơn vị, của Nhà trường và hệ thống thông tin, truyền thông của Nhà trường để viên chức, người lao động trong biết và thực hiện.

Trên cơ sở nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường và Nhà trường đã tập trung thực hiện công tác tổ chức và nhân sự. Hội đồng trường đã triển khai quy trình quyết định nhân sự Hiệu trưởng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 **[hồ sơ đề nghị của HĐ trường]** Trên cơ sở kết quả thực hiện quy trình, Hội đồng trường ban hành nghị quyết đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Nhà trường **[QĐ của BTP công nhận chức danh Hiệu trưởng theo đề nghị của HĐ trường]** **[NQ bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng]**. Ban Giám hiệu chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, đảm bảo hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn. Trong đó từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện kiện toàn, ổn định tổ chức, nhân sự trong toàn Trường phù hợp với sự phát triển và thực tiễn hoạt động: Thành lập Hội đồng Khoa, cơ cấu lại Phòng Đào tạo đại học theo hướng sáp nhập Phòng Đào tạo tại chức **[QĐ sáp nhập]**, đổi tên Trung tâm Đào tạo chất lượng đào tạo thành Phòng Đào tạo chất lượng đào tạo và khảo thí **[QĐ đổi tên]**,. Chỉ đạo thành lập Khoa ngoại ngữ pháp lý trên cơ sở Bộ môn ngoại ngữ **[NQ của HĐT về thành lập Khoa NNPL]**, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho Phòng Thanh tra đào tạo **[Quyết định số 1670/QĐ-ĐHLLHN quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Thanh tra.]**, Đây được xem là sự thay đổi căn bản trong tổ chức bộ máy của Nhà trường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, trước mắt cũng như lâu dài cho sự phát triển của Nhà trường.

Tại các phiên họp thường kỳ của Đảng ủy, Tập thể lãnh đạo Trường báo cáo đề Đảng ủy xem xét và thông qua các chủ trương về công tác nhân sự. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy, Nhà trường thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, kéo dài thời gian công tác theo đúng quy định. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã bổ nhiệm mới các chức danh quản lý ở các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [Các QĐ bổ nhiệm].

Các hội đồng tư vấn của Nhà trường họp định kỳ theo quy định. Các cuộc họp đều được ghi biên bản, ra kết luận để Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định. [Biên bản các cuộc họp]

Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên có chương trình công tác theo nhiệm kỳ và ban hành các kế hoạch, chương trình để triển khai các hoạt động tới các công đoàn viên, đoàn viên, sinh viên trong toàn trường [CTCT của Đoàn, Hội SV.....], [.....].

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng trường, các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Công đoàn Trường đã đồng hành cùng Nhà Trường tổ chức cho cán bộ viên chức thực hiện các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo các cán bộ công chức và đoàn viên tham gia: tổ chức các chương trình, các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm: Tết Trung thu, ngày truyền thống 10/11 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức chương trình Hè hàng năm cho cán bộ, viên chức, triển khai các tọa đàm với các chủ đề đa dạng, tạo môi trường để các đoàn viên chia sẻ kinh nghiệm trong nghề nghiệp và tăng cường sự gắn kết. [CT hè của Công đoàn trường đi Cát Bà năm 2022]

Trong các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tăng cường triển khai công tác giáo dục chính trị tư tưởng; học tập - NCKH; văn hóa - văn nghệ - thể thao; đồng hành cùng sinh viên lập nghiệp; xây dựng môi trường văn hóa - văn minh; khởi nghiệp sáng tạo; tình nguyện, các hoạt động phục vụ cộng đồng... Nhà trường đặc biệt quan tâm đến hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên, hướng câu lạc bộ sinh viên vào tạo lập môi trường sư phạm, rèn luyện thiết thực bổ ích cho sinh viên. Hoạt động các Câu lạc bộ sinh viên và phong trào sinh viên tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tạo nên phong cách và giá trị riêng có của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội [CLB sinh viên NCKH ...].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**



### ***Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.***

*1. Định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị:*

Định kỳ, hệ thống quản trị của Nhà trường được rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ cũng như đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa, chương trình công tác hàng năm thường xuyên được rà soát bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế.

Sau Đại hội Đảng bộ Trường, Đảng ủy Trường đã ban hành quy chế làm việc của Đảng ủy, phân công nhiệm vụ các đảng ủy viên và thành lập các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy [QĐ phân công nhiệm vụ ĐUV; QĐ thành lập các Ban tham mưu của Đảng]. Công tác tổ chức nhân sự cấp ủy được Đảng ủy Nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện và rà soát thường xuyên. Hàng năm, Đảng ủy Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo [VB rà soát quy hoạch cấp ủy]. Hàng năm, Đảng ủy Nhà trường có thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch theo hướng dẫn của cấp trên. Đối với các chi bộ trực thuộc để đảm bảo nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, Đảng ủy Nhà trường cũng thường xuyên rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức và nhân sự cấp ủy các chi bộ trực thuộc [NQ kiện toàn Chi bộ Khoa PLHCNN, Khoa PL Hình sự ...].

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng ủy xây dựng chương trình công tác toàn khóa và chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát hàng năm. Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát từng quý theo đúng kế hoạch [kế hoạch của UB kiểm tra Đảng ủy].

*2. Có báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm của các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị:*

Định kỳ hàng năm, Đảng ủy Trường gửi báo cáo tổng kết báo cáo kết quả triển khai các mặt công tác của Đảng bộ, kiểm điểm đánh giá đối với tập thể Đảng ủy và các đồng chí đảng ủy viên [Báo cáo kiểm điểm của Đảng ủy]. Đảng ủy Khối có quyết định phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng hàng năm đối với Đảng bộ Nhà trường [Nghị quyết của Đảng ủy khối]. Qua tổng kết, kiểm điểm, đánh giá, Đảng ủy Nhà trường rà soát tổng thể các công tác của Đảng bộ, chỉ đạo triển khai trong năm và đánh giá các công việc của từng đảng ủy viên phụ trách [Báo cáo kết quả đánh giá Đảng bộ, các đảng ủy viên].

Hội đồng trường Đại học Luật Hà Nội được thành lập năm 2019 và được thành lập lại năm 2020. Bộ Tư pháp ra quyết định công nhận Hội đồng trường Trường ĐHNHNT nhiệm kỳ 2020-2025 [Quyết định số 1737/QĐ-BTP công nhận Hội đồng trường Trường

Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 – 2025, chưa có MC]. Nhân sự tham gia Hội đồng trường được rà soát khi có biến động nhân sự, phù hợp với điều kiện thực tiễn, tuân thủ theo đúng quy định. Tháng 04 trên cơ sở tình hình thực tế và chủ trương của Đảng ủy Nhà trường, Hội đồng trường đã thực hiện quy trình miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường được hoàn thiện phù hợp với điều kiện thực tiễn nhiệm kỳ [Quy chế tổ chức hoạt động của HĐ trường]. Năm ....., Hội đồng trường triển khai giám sát thông qua phiên họp thường kỳ và chuyên đề và báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Hội đồng trường tại Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động [Báo cáo tổng kết năm] [Biên bản họp của Hội đồng trường]

Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV có quy chế làm việc và được rà soát, cập nhật, bổ sung khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên và để phù hợp với tình hình thực tế [.....], .....]. Trên cơ sở quyết định kiện toàn tổ chức nhân sự của chính quyền, Đảng ủy Nhà trường kịp thời có sự rà soát, điều chỉnh tổ chức, nhân sự cấp ủy tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ của Đảng bộ bộ phận, chi bộ. Công đoàn trường ra quyết định chia tách, sáp nhập để phù hợp về mặt tổ chức giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể trong đơn vị, thuận lợi cho việc phối hợp triển khai công tác.

Năm 2022, Đoàn Thanh niên tổ chức Đại hội Đoàn trường, thực hiện quy trình kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành Đoàn trường nhiệm kỳ 2022-2025 [Biên bản đại hội Đoàn Trường].

Các chương trình, kế hoạch công tác của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở thực hiện các kế hoạch của cấp trên và các hoạt động thực tế của Nhà trường [Kế hoạch, chương trình công tác năm của Công đoàn], [Kế hoạch, chương trình công tác năm của Đoàn].

*3. Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị và các văn bản của hệ thống quản trị được đánh giá hằng năm:*

Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, các văn bản quản lý được xây dựng đồng bộ, các tổ chức đoàn thể đã thực hiện các nhiệm vụ một cách chủ động, sáng tạo và đã đạt nhiều kết quả được cấp trên đánh giá, ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng [Quyết định khen thưởng của Thành Đoàn hoặc Công đoàn cấp trên]

Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như Hội đồng khoa học đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng được thường xuyên rà soát, kiện toàn theo yêu cầu phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn và biến động nhân sự đại diện được cử tham gia [Quyết định thành lập các hội đồng].

## **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

### ***Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn***

*1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận được điều chỉnh phù hợp với các quy định của CSGD và các quy định khác của đơn vị chủ quản để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn:*

Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy Đảng và hệ thống chính trị, nhằm mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền. Hệ thống quản trị của Trường cũng từng bước được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn.

Năm 2020, Đảng ủy Nhà trường đã thông qua phương hướng nhân sự Ban Chấp hành trong đó thống nhất số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ là 15 đồng chí [NQ của Đảng ủy khối chuẩn y danh sách Đảng ủy viên].

Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, Nhà trường đã thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024 với 17 thành viên, trong đó có ... thành viên đương nhiên, ... thành viên ngoài trường; ... thành viên là đại diện giảng viên [Quyết định của BTP công nhận HĐT]. Năm 2020, ngay sau Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025, và thực hiện Nghị định 99/2019/NĐ-CP, Hội đồng trường đã xây dựng đề án, kế hoạch và triển khai thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 [Đề án thành lập/]. Hội đồng trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 có 17 thành viên, trong đó có ... thành viên đương nhiên, ... thành viên đại diện giảng viên và ... thành viên ngoài trường [QĐ của Bộ tư pháp công nhận]. Nhân sự tham gia Hội đồng trường được giới thiệu theo đúng tiêu chuẩn được nêu trong Quy định thành lập Hội đồng trường; bầu, thôi giữ chức vụ, bổ sung các chức vụ trong Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội. Sau khi được thành lập, Hội đồng trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác của Hội đồng trường [Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường]. Từ năm 2020 tới nay, Hội đồng trường tập trung cho công tác xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 và hệ thống các văn bản quan trọng khác của Nhà trường góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn trên cơ sở các văn bản, các quy định đã được rà soát, xây dựng và ban hành.

Các tổ chức đoàn thể cải tiến, đổi mới trong tổ chức nhiều hoạt động để phù hợp với điều kiện thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động. Công tác thiện nguyện, phục vụ cộng đồng được quan tâm thực hiện thường xuyên [Kế hoạch của Công đoàn ủng hộ lũ lụt ...]. Năm 2020, 2021, trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công đoàn

trường đã khuyến khích các công đoàn bộ phận triển khai chuỗi các hoạt động góp phần vào đào tạo nâng cao năng lực của viên chức, xây dựng văn hóa, văn minh, gắn kết tinh thần đoàn kết. Tháng 7/2022, Công đoàn trường đã tổ chức Tập huấn về xây dựng văn hoá tổ chức trong bối cảnh hội nhập. Đoàn Thanh niên, Hội SV và các Câu lạc bộ tăng cường tổ chức các cuộc thi thường niên theo kế hoạch, các hoạt động tình nguyện thực chất và hiệu quả hơn, các hoạt động đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, các sân chơi trang bị kỹ năng thực hành xã hội, ngoại ngữ trên không gian trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tiễn được đẩy mạnh [Chương trình tình nguyện của Đoàn Thanh niên, KH các cuộc thi của Hội sinh viên].

*2. Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị được điều chỉnh và/hoặc được nâng cao năng lực để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn:*

Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị được đánh giá hàng năm [Báo cáo kết quả đánh giá viên chức ], .....]. Đối với Đảng ủy Nhà trường, việc kiểm điểm, đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trung ương, trong đó từ năm 2018, nhấn mạnh việc thực hiện đánh giá liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, có sự so sánh giữa các vị trí tương đương, gắn đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân với tập thể và với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, nhà trường [Báo cáo kết quả đánh giá đảng viên các năm]

Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên trong Ban Giám hiệu thực hiện việc đánh giá hàng năm theo quy định [Biên bản họp đánh giá CT HĐT và BGH các năm 2018-2022], [.....].

Hàng năm, Nhà trường có tiến hành đánh giá phân loại viên chức [Báo cáo đánh giá kết quả phân loại viên chức các năm 2018-2022] và đánh giá kết quả công tác trong nhiệm kỳ, lấy thư tín nhiệm viên chức quản lý để tiến hành rà soát, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, kéo dài thời gian công tác theo đúng quy định. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã bổ nhiệm mới, điều chỉnh các chức danh quản lý ở các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [Các Quyết định bổ nhiệm chức danh quản lý các đơn vị].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sát sao công tác đào tạo, phát triển đội ngũ. Nhân sự tham gia công tác quản lý tại các đơn vị của hệ thống quản trị được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng hiệu quả vị trí công tác. Nhà trường tích cực tìm kiếm và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, khai thác các nguồn lực khác nhau cho công tác đào tạo, tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị

trung cấp và cao cấp, an ninh quốc phòng, lễ tân ngoại giao, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp trung, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng, thanh tra...[Danh sách VC được cử đi học, bồi dưỡng].

Công tác đào tạo, tập huấn về công tác tổ chức, nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể, công tác tuyên giáo, công tác kiểm tra, giám sát, công tác văn phòng được quan tâm tổ chức hàng năm [Kế hoạch tổ chức tập huấn của Đảng, đoàn thể và của Trường].

Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị được rà soát, cải tiến. Năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia hệ thống quản trị được nâng cao. Các công việc, nhiệm vụ mới phát sinh trong điều kiện, hoàn cảnh mới được tổ chức tốt, khẳng định vai trò trong việc thực hiện chiến lược của Nhà trường.

*3. Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý của CSGD được điều chỉnh phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của CSGD:*

Trong công tác xây dựng văn bản, Nhà trường đã ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định cho phù hợp với bối cảnh mới khi thực hiện tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phù hợp với những quy định mới của luật. Theo đó, Trường đã rà soát, sửa đổi, bổ sung ..... văn bản quản lý có nội dung cải tiến nhằm tạo dựng nền tảng cho quản lý đại học hiện đại và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [Báo cáo tổng hợp ban hành các VB nội bộ của trường].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: .../7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Hệ thống quản trị được thành lập và tổ chức theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn của Nhà trường qua từng giai đoạn, đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự phát triển bền vững.
- Đảng ủy, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể đã phát huy vai trò trong hệ thống quản trị của Nhà trường. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường được Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể quán triệt và tổ chức triển khai hiệu quả.
- Hệ thống quản trị luôn được rà soát và điều chỉnh về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu quản lý của Nhà trường, đảm bảo yêu cầu quản lý theo quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản trị thực tế.
- Việc đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường được thực hiện thường xuyên, bài bản.
- Hệ thống quản trị có sự phối hợp chặt chẽ, phát huy vai trò của các tổ chức, đơn vị trong Trường.

- Hệ thống quản trị nhà Trường luôn chủ động kịp thời đưa ra các quyết định và chuyển tải thành các hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do quy định pháp luật hiện hành chưa đồng bộ nên Hội đồng Trường chưa thực sự phát huy đầy đủ vai trò thực hiện chức năng quản trị

## 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu vào hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại ...	Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định pháp luật đảm bảo tính đồng bộ	Hội đồng trường	Quý 4/2022	
2	Khắc phục tồn tại ...	Phát huy vai trò của Hội đồng trường vừa là cơ quan quản trị vừa là cơ quan giám sát các hoạt động của Nhà trường.	...	Hàng năm	

## 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	
Tiêu chí 2.1	.../7
Tiêu chí 2.2	5/7
Tiêu chí 2.3	6/7
Tiêu chí 2.4	.../7

## Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

**Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD**

1. Có cơ cấu quản lý rõ ràng. Các đơn vị/bộ phận/các tổ chức được thành lập mới căn cứ trên kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD:

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 26 đơn vị thuộc Trường và 01 đơn vị trực thuộc Trường; trong đó có 10 đơn vị đào tạo (khoa, viện và bộ môn thuộc Trường), 01 Phân hiệu, 01 đơn vị cung cấp dịch vụ, 01 cơ quan báo chí, 14 phòng chức năng và tương đương [Sơ đồ...]. Các đơn vị, tổ chức này đều được thành lập phù hợp với các quy định pháp luật về giáo dục đại học; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường; định hướng phát triển của Trường [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội)]; Các Quyết định thành lập đơn vị thuộc/trực thuộc trường].

2. Có văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý:

Các văn bản này gồm văn bản quy định chung về tổ chức và hoạt động của Trường; các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị, tổ chức cụ thể trong cơ cấu quản lý của Trường; các văn bản khác có nội dung quy định về mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường. Do hầu hết các văn bản này đều được dự thảo, ban hành mới cùng đợt, nên bảo đảm được tính thống nhất, đồng bộ, rõ ràng trong tổ chức và hoạt động của Trường; đồng thời bảo đảm được tính toàn diện trên các lĩnh vực công tác của Trường và đối với các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường. [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết 1044/NQ-HĐTĐHLLN ngày 04/3/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 1396/QĐ-ĐHLLN ngày 01/9/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy chế Tổ chức và hoạt động của Tạp chí Luật học (ban hành kèm theo Quyết định số 3268/QĐ-ĐHLLN ngày 06/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quyết định số 515/QĐ-ĐHLLN ngày 17/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức cán bộ; Quyết định số 1243/QĐ-ĐHLLN ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản trị; Quyết định số 1288/QĐ-ĐHLLN ngày 04/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - Kế toán; Quyết định số 1670/QĐ-ĐHLLN ngày 07/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Thanh tra; Quyết định số 1671/QĐ-ĐHLLN ngày 07/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế; Quyết định số 1852/QĐ-ĐHLLN ngày 26/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý khoa học và trị sự tạp chí; Quyết định số 1890/QĐ-ĐHLLN ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật

Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác sinh viên; Quyết định số 1973/QĐ-ĐHLHN ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đào tạo đại học; Quyết định số 1938/QĐ-ĐHLHN ngày 03/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đào tạo sau đại học; Quyết định số 2036/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Khoa thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2037/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Hành chính - Tổng hợp; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk (ban hành kèm theo Quyết định số 2274/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin; Quyết định số 2557/QĐ-ĐHLHN ngày 27/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Hợp tác quốc tế; Quyết định số 2584/QĐ-ĐHLHN ngày 29/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Luật so sánh; Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí; Quyết định số 2977/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ môn Giáo dục thể chất; Quyết định số 1891/QĐ-ĐHLHN ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin thư viện (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2855/QĐ-ĐHLHN ngày 01/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy định về mối quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 18/12/2019; Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội) {Chưa có file dấu đỏ} (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 424/QĐ-ĐHLHN ngày 10/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên trong Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2666/QĐ-ĐHLHN ngày 05/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)].

3. Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo:



Vấn đề này được quy định tập trung trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động đối với các đơn vị trong Trường, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường [MC: các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động nêu ở trên; **Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn từ năm 2021 (chưa có)**].

Hiệu trưởng đã ban hành nhiều văn bản phân công, phân cấp, ủy quyền cho các Phó Hiệu trưởng và lãnh đạo các đơn vị trong Trường. Việc phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được quy định cụ thể, rõ ràng đối với từng lĩnh vực công tác, đơn vị phụ trách và được điều chỉnh kịp thời để tăng cường tính chủ động, trách nhiệm và hiệu quả của từng thành viên và tập thể Ban Giám hiệu. Để bảo đảm hoạt động thông suốt của Ban Giám hiệu khi Hiệu trưởng vắng mặt, 01 Phó Hiệu trưởng được giao nhiệm vụ thường trực. [MC: Quyết định số 2969/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 3015/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2275/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Về việc phân cấp quản lý viên chức, người lao động của Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2276/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Về việc phân cấp quản lý các hoạt động chuyên môn đối với Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2277/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Về việc ủy quyền cho Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về công tác quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; Quyết định số 3078/QĐ-ĐHLHN ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Về việc phân công công tác tạm thời đối với các Phó Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk; Quy định về phân cấp quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Đại học Luật Hà Nội tại Phân hiệu Đắk Lắk (ban hành kèm theo Quyết định số 3102/QĐ-ĐHLHN ngày 15/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)]

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD**

1. Lãnh đạo CSGD tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD:

Lãnh đạo Trường tham gia trực tiếp vào việc tuyên truyền về định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược đến toàn thể viên chức, người lao động, người học và các đối tác của Trường thông qua nhiều hình thức, như: phát biểu tại các sự kiện lớn của Trường có mời các đại biểu ngoài Trường, phóng viên tham dự (Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm; Hội nghị tổng kết năm học; các buổi đối thoại

với người học; các buổi khai giảng đối với khóa học mới...); Phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác truyền thông; Giao cho Phòng Hành chính - Tổng hợp phụ trách công tác tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác truyền thông [MC: *Quyết định số 3015/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2037/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Hành chính - Tổng hợp; các bài phát biểu và hình ảnh, clip của lãnh đạo Trường tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm; Hội nghị tổng kết năm học; các buổi đối thoại với người học; các buổi khai giảng đối với khóa học mới (chưa có); các kế hoạch tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm; Hội nghị tổng kết năm học; các buổi đối thoại với người học; các buổi khai giảng đối với khóa học mới (chưa có)*].

Định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường đã được thể chế thành văn bản đăng công khai trên website của Trường, gửi qua email đến tất cả các đơn vị trong trường để phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường [MC: *Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); ảnh chụp email gửi Quy chế Tổ chức và hoạt động và chiến lược phát triển Trường đến trường các đơn vị trong Trường ngày 05/11/2020)*].

Định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường là những nội dung quan trọng trong bộ nhận diện thương hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội. Những nội dung này được quảng bá thông qua các poster treo ở một số vị trí dễ quan sát trong Trường; các tờ rơi, lịch năm mới, kẹp file tài liệu của Trường để viên chức, người lao động, sinh viên và các bên liên quan của Trường tiện nắm bắt và phát huy tối đa sức lan tỏa [MC: *Bộ nhận diện thương hiệu Trường đại học Luật Hà Nội; ảnh chụp các poster treo tại trụ sở chính của Trường và tại Phân hiệu (hiện tại, Phân hiệu chưa có); các tờ rơi, lịch năm mới, kẹp file tài liệu của Trường có nội dung liên quan (chưa có)*].

2. Lãnh đạo CSGD tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD đến các bên liên quan:

Trường đã ban hành và tổ chức thành công nhiều kế hoạch có nội dung tuyên truyền về định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến toàn thể viên chức, người lao động, người học và các bên liên quan [MC: *Kế hoạch công tác của Trường các năm từ năm 2018 đến năm 2022 (chưa có kế hoạch các năm từ 2018 đến 2020); Kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 1134/QĐ-ĐHLHN ngày 16/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội); Kế hoạch Công tác truyền thông về hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, số 1540/KH-ĐHLHN ngày 20/4/2022; Kế hoạch Triển khai thực hiện các sản phẩm*

***khoa học chào mừng 45 năm ngày thành lập Trường Đại học Luật Hà Nội (1979-2024), số 1875/KH-ĐHLHN ngày 12/5/2022; Kế hoạch Tổ chức chương trình tập huấn “Xây dựng văn hóa tổ chức trong bối cảnh đổi mới và hội nhập” của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, số 2102/KH-ĐHLHN ngày 27/5/2022].***

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022 cho thấy: có 100% viên chức, người lao động của Trường; ...% người học của Trường, ....% chuyên gia, nhà khoa học, người sử dụng lao động ngoài Trường nắm được định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường (chưa có số liệu cụ thể và minh chứng).

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên***

***1. Cơ cấu quản lý được định kỳ rà soát:***

Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác rà soát về cơ cấu quản lý của Trường. Theo đó, Phòng Tổ chức cán bộ định kỳ 6 tháng tiến hành rà soát và thông báo cho các đơn vị trong Trường rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu quản lý của Trường; trên cơ sở đó tổng hợp báo cáo với Ban Giám hiệu. Trong trường hợp cần thiết, Ban Giám hiệu có thể giao nhiệm vụ đột xuất cho Phòng Tổ chức cán bộ tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu quản lý của Trường [MC: ***Quyết định số 515/QĐ-ĐHLHN ngày 17/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức cán bộ; Các văn bản định kỳ của Phòng Tổ chức cán bộ thông báo cho các đơn vị trong Trường rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu quản lý của Trường (chưa có); Các văn bản của Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ đột xuất cho Phòng Tổ chức cán bộ tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu quản lý của Trường (chưa có); các báo cáo của Phòng Tổ chức cán bộ đề xuất, tổng hợp đề xuất điều chỉnh cơ cấu quản lý của Trường (chưa có).***]

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, cơ cấu quản lý của Trường đã được rà soát và đã được điều chỉnh 06 lần; cụ thể:

- Thực hiện Đề án thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Phân hiệu); căn cứ vào Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 21/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chủ trương thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk; Trường đã thực hiện các thủ tục cần thiết để đề nghị thành lập Phân hiệu. Ngày 12/02/2019, trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk. Việc thành lập Phân hiệu đánh dấu bước phát triển mới của Trường về tổ chức và hoạt động; tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao vị thế của Trường trong lĩnh vực đào tạo cán bộ pháp luật ở Việt Nam [MC: ***Đề án thành lập Phân hiệu (chưa có bản dấu đỏ); Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 21/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chủ trương thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk (chưa có); Quyết định số 310/QĐ-BGDĐT ngày***

**12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk].**

- Thực hiện đề án thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội do Bộ Tư pháp xây dựng, Hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên 2019 - 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội đã được thành lập, gồm 17 thành viên. Đây là việc làm cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2012; góp phần kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Trường theo tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình [**MC: Đề án thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019 - 2024 (chưa có); Quyết định số 1473/QĐ-BTP ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2019 - 2024 (chưa có).**]

- Trên cơ sở rà soát cơ cấu tổ chức của Trường tại Phiên họp ngày 14/7/2020 của Hội đồng trường Trường đại học Luật Hà Nội và kết quả trao đổi thống nhất ý kiến trong Liên tịch Ban Thường vụ Đảng ủy - Lãnh đạo Hội đồng trường - Ban Giám hiệu - các thành viên đương nhiên của Hội đồng trường; Trường đã xây dựng, thông qua và thực hiện Đề án thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025, số 2419/ĐA-ĐHLHN ngày 31/7/2020. Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã được công nhận theo Quyết định số 1738/QĐ-BTP ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025 là cần thiết để phù hợp với quy định của Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019); góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng trường đối với các lĩnh vực công tác của Trường [**MC: Đề án thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025, số 2419/ĐA-ĐHLHN ngày 31/7/2020; Quyết định số 1738/QĐ-BTP ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025 (chưa có).**]

- Trong năm 2020, Trường đã hợp nhất Phòng Đào tạo và Khoa Đào tạo tại chức thành Phòng Đào tạo đại học để bảo đảm tinh gọn đầu mối và thực hiện thống nhất nhiệm vụ quản lý đào tạo đối với trình độ đại học trong Trường [**MC: Quyết định hợp nhất Phòng Đào tạo và Khoa Đào tạo tại chức thành Phòng Đào tạo đại học (chưa có).**]

- Trên cơ sở rà soát cơ cấu tổ chức của Trường tại Phiên họp ngày 04/3/2020, Hội đồng trường Đại học Luật Hà Nội đã xác định một số nhiệm vụ liên quan đến điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Trường trong năm 2020, như: Xem xét, cho ý kiến về Đề án thành lập Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đào tạo; Xem xét, cho ý kiến về Đề án thành lập Khoa ngoại ngữ trên cơ sở Bộ môn ngoại ngữ. Thực hiện các nhiệm vụ này, ngày 31/5/2021 Trung tâm Hỗ trợ người học và Kết nối cộng đồng đã được thành lập; ngày ... /5/2022 Khoa Ngoại ngữ pháp lý đã được thành lập [**MC: Kế hoạch Công tác của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2020 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1044/NQ-HĐTĐHLHN ngày 04/3/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Quyết định số 1890/QĐ-ĐHLHN ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng**

*Công tác sinh viên; Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Khoa Ngoại ngữ pháp lý (chưa có)].*

*2. Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được định kỳ rà soát:*

Phòng Thanh tra là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác rà soát về văn bản quy định nội bộ của Trường. Theo đó, Phòng Thanh tra định kỳ 6 tháng tiến hành rà soát và thông báo cho các đơn vị trong Trường rà soát, đề xuất điều chỉnh văn bản quy định nội bộ thuộc phạm vi lĩnh vực công tác được giao phụ trách; trên cơ sở đó tổng hợp báo cáo với Ban Giám hiệu. Trong phạm vi lĩnh vực công tác được giao phụ trách, các đơn vị trong Trường đều có trách nhiệm chủ động đề xuất với Ban Giám hiệu điều chỉnh văn bản quy định nội bộ. Trong trường hợp cần thiết, Ban Giám hiệu có thể giao nhiệm vụ đột xuất cho các đơn vị trong Trường tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh văn bản quy định nội bộ của Trường. Đặc biệt, tại cuộc họp Ban Giám hiệu ngày 26/11/2020 và ngày 07/12/2020, Hiệu trưởng đã chỉ đạo triển khai tổng rà soát các quy định, quy chế của Trường; Giao Phòng Tổ chức cán bộ, phối hợp với Phòng Thanh tra chuẩn bị công văn yêu cầu tất cả các đơn vị trong Trường rà soát các văn bản quy định nội bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành [MC: Quyết định số 1670/QĐ-DHLHN ngày 07/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Thanh tra; Thông báo Kết luận của Hiệu trưởng Đoàn Trung Kiên tại cuộc họp Ban Giám hiệu ngày 26/11 và ngày 07/12/2020, số 4676/TB-DHLHN ngày 16/12/2020 của Trường Đại học Luật Hà Nội; Các văn bản định kỳ của Phòng Thanh tra thông báo cho các đơn vị trong Trường rà soát, đề xuất điều chỉnh văn bản quy định nội bộ của Trường (chưa có); các báo cáo của Phòng Thanh tra đề xuất, tổng hợp đề xuất điều chỉnh văn bản quy định nội bộ của Trường (chưa có)].

Trong giai đoạn 2018-2022, các văn bản quy định nội bộ của Trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới để bảo đảm sự phù hợp với những quy định mới của pháp luật, những điều chỉnh mới về cơ cấu quản lý, khắc phục những hạn chế đã được phát hiện và để phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của Trường trong từng giai đoạn cụ thể. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy định nội bộ được tiến hành toàn diện trên các lĩnh vực tổ chức, hoạt động của Trường, của các đơn vị trong Trường; tuyển sinh, đào tạo, quản lý đào tạo, khảo thí, khoa học - công nghệ, công tác sinh viên, v.v. Trong năm 2018 có ...., năm 2019 có ....., năm 2020 có ....., năm 2021 có ....., 09 tháng đầu năm 2022 có .... văn bản quy định nội bộ của Trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới [MC: Cần giao cho Phòng Thanh tra thống kê số lượng, liệt kê danh sách các văn bản quy định nội bộ theo từng năm được điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới và báo cáo Hiệu trưởng bằng văn bản để làm minh chứng].

*3. Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được đánh giá định kỳ hằng năm:*

Định kỳ hằng năm (vào tháng 11 hoặc tháng 12 của năm công tác), đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường được đánh giá, xếp loại viên chức theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Để triển khai

công tác này, vào tháng 11 hằng năm Trường ban hành công văn hướng dẫn, kèm theo các biểu mẫu để triển khai thống nhất trong toàn Trường. Công văn của Trường hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm quy định cụ thể về các nội dung, như các văn bản của Đảng, của Nhà nước, của Bộ Tư pháp làm căn cứ cho việc đánh giá, xếp loại viên chức; mục đích, nguyên tắc, đối tượng đánh giá và xếp loại; các mức xếp loại chất lượng viên chức, tiêu chí, nội dung, thời gian đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức; thẩm quyền, trách nhiệm, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức; thông báo, khiếu nại kết quả và lưu giữ tài liệu đánh giá, xếp loại viên chức **[MC: Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức lãnh đạo, quản lý các năm từ năm 2018-2021 (Công văn hướng dẫn, biểu mẫu, biên bản, văn bản thống kê kết quả, báo cáo tổng kết hằng năm của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu) - Chưa có]**.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường được thực hiện định kỳ hằng năm một cách bài bản, nề nếp và thống nhất với quy trình 04 bước: (1). Viên chức tự đánh giá, xếp loại chất lượng; (2). Tổ chức họp đơn vị nơi viên chức công tác để nhận xét, đánh giá đối với viên chức; (3). Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường có ý kiến nhận xét, đánh giá đối với cấp phó của mình và ghi trên phiếu đánh giá theo quy định; (4). Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức. Bên cạnh đó, công tác này còn được Trường điều chỉnh qua các năm để phù hợp với những điều chỉnh mới về cơ cấu quản lý của Trường (thành lập Hội đồng trường, Phân hiệu) và cập nhật những quy định mới của Đảng, của Nhà nước, của Bộ Tư pháp, như: Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Luật Viên chức sửa đổi, bổ sung năm 2019; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động; Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức của Bộ Tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-BTP ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); v.v. **[MC: Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức lãnh đạo, quản lý các năm từ năm 2018-2021 (Công văn hướng dẫn, biểu mẫu, biên bản, văn bản thống kê kết quả, báo cáo tổng kết hằng năm của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu) - Chưa có]**.

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường trong 04 năm qua (2018-2021) cho thấy đội ngũ này có năng lực, phẩm chất tốt và có uy tín cao: năm 2018 có .../..., năm 2019 có.../..., năm 2020 có.../..., năm 2021 có.../... viên chức lãnh đạo, quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2018 có .../..., năm 2019 có.../..., năm 2020 có.../..., năm 2021 có.../... viên chức lãnh đạo, quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ **[MC: Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức lãnh đạo, quản lý các năm từ năm 2018-2021 (Công văn hướng dẫn, biểu mẫu, biên bản, văn bản thống kê kết quả, báo cáo tổng kết hằng năm của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu) - Chưa có]**.

*4. Thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định:*

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 xác định một trong những giải pháp chủ yếu là: “Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo

của Trường đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới, nhằm tạo sự chủ động, sớm phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập, được đào tạo bài bản để quy hoạch, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, đáp ứng các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của nhà trường. Chú trọng kiện toàn các đơn vị, trong đó đặt trọng tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ những đơn vị thế mạnh, chủ lực của Trường” [MC: *Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội)*].

Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường (bao gồm cả nhiệm vụ rà soát, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu chiến lược). Theo đó, Hằng năm, Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các đơn vị trong Trường rà soát, đề xuất Hiệu trưởng ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và kế hoạch xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ mới [MC: ***Quyết định số 515/QĐ-ĐHLLN ngày 17/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức cán bộ; Các kế hoạch quy hoạch từ năm 2018 đến nay (chưa có)***].

Các kế hoạch nêu trên quy định cụ thể về các nội dung, như các quy định làm căn cứ để xây dựng mới, rà soát, bổ sung quy hoạch; mục đích, yêu cầu, chức danh, đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình quy hoạch. Các nội dung này được quy định phù hợp với từng nhóm chức danh cụ thể; được rà soát, điều chỉnh qua từng năm để phù hợp với những quy định mới của cấp có thẩm quyền; bảo đảm tính công khai, dân chủ, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và chiến lược phát triển Trường [MC: *Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội); Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2018-2020 (mới có đề án, chưa có Quyết định phê duyệt); Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn từ năm 2021 (chưa có); Các kế hoạch quy hoạch từ năm 2018 đến nay (chưa có)*].

Trong năm 2018, Trường đã quy hoạch được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm lại được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm mới được .... viên chức lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch là ...%. Trong năm 2019, Trường đã quy hoạch được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm lại được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm mới được .... viên chức lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch là ...%. Trong năm 2020, Trường đã quy hoạch được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm lại được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm mới được .... viên chức lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch là ...%. Trong năm 2021, Trường đã quy hoạch được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm lại được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm mới được .... viên chức lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch là ...%.

Trong 9 tháng đầu năm 2022, Trường đã quy hoạch được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm lại được ... viên chức lãnh đạo, quản lý; đã bổ nhiệm mới được .... viên chức lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch là ...%. [MC: các danh sách viên chức được quy hoạch theo từng năm từ năm 2018 đến nay (chưa có); Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý theo từng năm từ năm 2018 đến nay (chưa có)].

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

#### ***Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn***

##### ***1. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến dựa trên kết quả rà soát, đánh giá:***

Trên cơ sở kết quả thực hiện rà soát, đánh giá, cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được điều chỉnh theo hướng phù hợp với những quy định mới của pháp luật và Chiến lược phát triển Trường. Cụ thể như sau:

- Việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 310/QĐ-BGDĐT ngày 12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh dấu bước phát triển mới của Trường về tổ chức và hoạt động; tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao vị thế của Trường trong lĩnh vực đào tạo cán bộ pháp luật ở Việt Nam [MC: *Quyết định số 310/QĐ-BGDĐT ngày 12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk*].

- Thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ đầu tiên 2019 - 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội gồm 17 thành viên góp phần quan trọng để kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Trường theo tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình [MC: *Quyết định số 1473/QĐ-BTP ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2019 - 2024 (chưa có)*].

- Thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 là cần thiết để phù hợp với quy định của Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019); góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng trường đối với các lĩnh vực công tác của Trường [MC: *Quyết định số 1738/QĐ-BTP ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025 (chưa có)*].

- Việc hợp nhất Phòng Đào tạo và Khoa Đào tạo tại chức thành Phòng Đào tạo đại học (năm 2020) nhằm bảo đảm tinh gọn đầu mối và thực hiện thống nhất nhiệm vụ quản lý đào tạo đối với trình độ đại học trong Trường [MC: *Quyết định hợp nhất Phòng Đào tạo và Khoa Đào tạo tại chức thành Phòng Đào tạo đại học (chưa có)*].

- Việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ người học và Kết nối cộng đồng (năm 2021) góp phần nâng cao sự gắn kết giữa Trường với người học và cộng đồng; qua đó nâng



cao chất lượng đào tạo và tăng cường hiệu quả quảng bá của Trường [MC: *Quyết định số 2930/QĐ-ĐHLHN ngày 25/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Hỗ trợ người học và Kết nối cộng đồng*].

- Việc thành lập Khoa Ngoại ngữ pháp lý (năm 2022) là đầu mối quan trọng trong thực hiện Chiến lược phát triển Trường, là điều kiện cần thiết để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, tiếng Anh pháp lý [MC: *Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Khoa Ngoại ngữ pháp lý (chưa có)*].

2. Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn:

Trong giai đoạn 2018-2022, các văn bản quy định nội bộ trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới để bảo đảm sự phù hợp với những quy định mới của pháp luật, những điều chỉnh mới về cơ cấu quản lý, khắc phục những hạn chế đã được phát hiện và để phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của Trường trong từng giai đoạn cụ thể. Trường đã ban hành mới nhiều văn bản có tính chất nền tảng của hệ thống thể chế nội bộ như: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030; Quy chế làm việc của Hội đồng trường; Quy định về mối quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Hiệu trưởng; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường. Trường đã ban hành mới nhiều văn bản quy định nội bộ có tính chất cụ thể về tổ chức, hoạt động của các đơn vị trong Trường; về các lĩnh vực hoạt động quan trọng của Trường (tuyển sinh, đào tạo, quản lý đào tạo đối với các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; khảo thí; quản lý người học; khoa học công nghệ; tài chính; quản lý tài sản; v.v.). Trong năm 2018 có ...., năm 2019 có ....., năm 2020 có ....., năm 2021 có ....., 09 tháng đầu năm 2022 có .... văn bản quy định nội bộ của Trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới [MC: *Cần giao cho Phòng Thanh tra thống kê số lượng, liệt kê danh sách các văn bản quy định nội bộ theo từng năm được điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới và báo cáo Hiệu trưởng bằng văn bản để làm minh chứng*].

3. Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc:

Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc; định kỳ theo năm công tác đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý được đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý, hiệu quả công việc và xếp loại chất lượng. Trên cơ sở kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm của mỗi viên chức lãnh đạo, quản lý; Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu trong phạm vi thẩm quyền xem xét, cân nhắc để quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong Trường. Đối với từng đợt xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển viên chức lãnh đạo, quản lý; Trường đều ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về căn cứ, mục đích, yêu cầu, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, thủ tục thực hiện [MC: *Các văn bản hướng dẫn thực hiện việc bổ*



đạo, quản lý cấp bộ môn, tỷ lệ viên chức nữ đạt ... %, tỷ lệ viên chức trẻ (từ 35 tuổi trở xuống) đạt ... %, tỷ lệ viên chức trong quy hoạch đạt ... %.[Chưa có số liệu thống kê và minh chứng].

Trong 09 tháng đầu năm 2022, Trường có ... viên chức được bổ nhiệm, có ... viên chức được bổ nhiệm lại, có .... viên chức được luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp vụ, tỷ lệ viên chức nữ đạt ... %, tỷ lệ viên chức trẻ (từ 35 tuổi trở xuống) đạt ... %, tỷ lệ viên chức trong quy hoạch đạt ... %; Trường có ... viên chức được bổ nhiệm, có ... viên chức được bổ nhiệm lại, có .... viên chức được luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng, tỷ lệ viên chức nữ đạt ... %, tỷ lệ viên chức trẻ (từ 35 tuổi trở xuống) đạt ... %, tỷ lệ viên chức trong quy hoạch đạt ... %; Trường có ... viên chức được bổ nhiệm, có ... viên chức được bổ nhiệm lại, có .... viên chức được luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp bộ môn, tỷ lệ viên chức nữ đạt ... %, tỷ lệ viên chức trẻ (từ 35 tuổi trở xuống) đạt ... %, tỷ lệ viên chức trong quy hoạch đạt ... %.[Chưa có số liệu thống kê và minh chứng].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường có cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý rõ ràng, đầy đủ để thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030; trong đó có một số thiết chế mới được thành lập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao vị thế, uy tín của Trường trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học; như Hội đồng trường, Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk và Khoa Ngoại ngữ pháp lý.

- Các văn bản quy định nội bộ được rà soát thường xuyên; phần lớn các văn bản quy định nội bộ được ban hành mới, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực công tác của Trường.

- Đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý được rà soát, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đúng quy định của Đảng, của Nhà nước và của Trường; bảo đảm khách quan, dân chủ và đáp ứng tốt các yêu cầu về năng lực, uy tín và trách nhiệm.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Một số vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng trong Trường chưa được kiện toàn, như: Giám đốc Phân hiệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin thư viện, Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Phòng Chuyên môn tổng hợp thuộc Phân hiệu, Trưởng khoa Khoa Đào tạo cơ bản thuộc Phân hiệu - Vị trí này đang thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm.

- Một số vị trí quản lý cấp bộ môn trong Trường chưa được kiện toàn, như: Trưởng Bộ môn Luật Dân sự, Phó trưởng bộ môn Luật hành chính, các trưởng bộ môn tại Phân hiệu - các vị trí này đang thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm.

**3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Kiện toàn các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng còn trống	Ban Giám hiệu, Phòng TCCB và các đơn vị có vị trí cần kiện toàn	01/2023-12/2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Kiện toàn các vị trí quản lý cấp bộ môn còn trống	Ban Giám hiệu, Phòng TCCB và các đơn vị có vị trí cần kiện toàn	01/2023-06/2023	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Ban hành Chiến lược riêng về phát triển nhân lực của Trường đến năm 2030	Hội đồng Trường	01/2023-06/2023	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tuyển dụng bổ sung đội ngũ giảng viên tại Phân hiệu và Khoa Ngoại ngữ pháp lý	Ban Giám hiệu, Phòng TCCB, Phân hiệu, Khoa Ngoại ngữ pháp lý	01/2023-06/2023	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Ban hành văn bản quy định nội bộ về rà soát, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển viên chức	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ	01/2023-06/2023	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về văn bản quy định nội bộ	Ban Giám hiệu, Phòng Thanh tra và Trung tâm CNTT	01/2023-06/2023	

**4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 3:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Tỷ đánh giá</b>
Tiêu chí 3.1	5/7
Tiêu chí 3.2	5/7
Tiêu chí 3.3	5/7
Tiêu chí 3.4	5/7

**Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược**

***Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.***

***1. Có bộ phận phụ trách công tác xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược của CSGD:***

Trước ngày 23 tháng 10 năm 2020, Trường không ban hành chiến lược phát triển trường riêng mà hoạt động và phát triển theo Đề án xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật theo Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ [MC: **Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về theo Đề án xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật**]. Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phù hợp với thực tiễn cho quá trình xây dựng và phát triển, năm 2020, Trường đã xây dựng và công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi mới. Đồng thời, ban hành chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 [MC: **Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030**].

Để đảm bảo việc tổ chức triển khai chiến lược, Nhà trường đã thành lập Ban Xây dựng Chiến lược phát triển của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và các năm tiếp theo. Thành phần gồm: Hiệu trưởng là trưởng ban, Phó Hiệu trưởng là phó trưởng ban và các ủy viên. Đồng thời, thành lập Tổ giúp việc Ban Xây dựng Chiến lược phát triển của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và các năm tiếp theo. [MC: **Quyết định thành lập Ban xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030**]. Tháng 2 năm 2020, Ban Xây dựng Chiến lược phát triển của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và các năm tiếp theo được kiện toàn theo quyết định số 209/QĐ-ĐHLHN ngày 07/2/2020 và quyết định số 1100/QĐ-ĐHLHN ngày 26/3/2020 [MC: **quyết định số 209/QĐ-ĐHLHN ngày 07/2/2020 và quyết định số 1100/QĐ-ĐHLHN ngày 26/3/2020 về việc kiện toàn Ban XD CLPT Trường**]. Trường đã ban hành văn bản giao nhiệm vụ cho Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì hoàn thiện Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [MC: **Văn bản giao nhiệm vụ cho Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì hoàn thiện Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**].

***2. Có quy trình/hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể; kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực (nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng):***

Ban Xây dựng Chiến lược phát triển của Trường đã xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển của Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và các năm tiếp theo và tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các bên liên quan đối với Dự thảo Chiến lược [MC: **VB lấy ý kiến góp ý về Chiến lược phát triển Trường**]. Trên cơ sở ý kiến góp ý từ tất cả các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các đơn vị và cá nhân của Trường [H4.04.01.06MC: **Tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị**], Ban Giám hiệu đã họp và chỉ đạo Phòng Tổ chức

cán bộ tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện Dự thảo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.07]. Thực hiện chỉ đạo của Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp từ các bên liên quan, hoàn thiện Dự thảo Chiến lược phát triển Trường và ngày 23 tháng 10 năm 2020, Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN [MC: **Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030**].

*3. Kế hoạch chiến lược được xây dựng, ban hành và còn hiệu lực phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:*

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 có mục tiêu tổng quát là phấn đấu đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.**

*1. Có các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cụ thể hóa kế hoạch chiến lược của CSGD theo từng lĩnh vực (nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, ...) được ban hành và còn hiệu lực:*

Chiến lược phát triển của Trường vừa bao gồm chiến lược tổng thể, vừa được cụ thể hóa qua các chiến lược thành phần gồm: chiến lược đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo; chiến lược nghiên cứu khoa học; chiến lược phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng; chiến lược về tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự; chiến lược hợp tác quốc tế; chiến lược về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất; chiến lược về công nghệ thông tin [MC: **Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030**]

Chiến lược phát triển của Trường được triển khai thực hiện thông qua Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 [H4.04.01.10 MC: **Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025**]. Để chuyển tải Kế hoạch thành những hành động cụ thể, hàng năm, Trường ban hành kế hoạch công tác năm của Trường với các mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu cụ thể, có xác định rõ thời hạn hoàn thành, đơn vị chịu trách nhiệm chính [H4.04.02.04 MC: **Kế hoạch công tác năm của Trường năm 2022**].

*2. Công bố, phổ biến kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực để các bên liên quan biết và thực hiện:*

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và các văn bản liên quan để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển của Trường được phổ biến tới toàn thể viên chức, người lao động, người học trong toàn trường qua nhiều kênh khác nhau như cổng thông tin điện tử của Trường<sup>1</sup> qua các hội nghị, các phiên họp giao ban, qua hệ thống email từ Trường đến các trường đơn vị và từ trường đơn vị đến viên chức, người lao động để thực hiện.

*3. Các đơn vị, bộ phận, các khoa/bộ môn cụ thể hoá và triển khai các hoạt động nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn:*

Trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển của Trường cũng như Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025, các mục tiêu chiến lược và các hoạt động luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn, các kế hoạch ngắn hạn cho từng năm được xây dựng. Đối với các kế hoạch ngắn hạn, trên cơ sở các kế hoạch thực hiện chiến lược, hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động để thảo luận, đóng góp ý kiến và thông qua các kế hoạch năm học [Kế hoạch công tác]. Để đảm bảo thực thi các kế hoạch nói trên, Nhà trường và các đơn vị đã triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Hàng năm, Trường đơn vị dựa vào Nghị quyết Hội nghị viên chức của đơn vị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm học cũ và đề ra phương hướng hoạt động của năm học mới. Các đơn vị gửi báo cáo lên Trường trong đó đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể [Biên bản hội nghị viên chức các đơn vị]. Lãnh đạo nhà trường giải đáp các thắc mắc, đề xuất kiến nghị bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động của Trường hàng năm [Biên bản hội nghị viên chức của Trường].

- Hàng quý, Trường tổ chức giao ban trực tuyến đối với toàn thể lãnh đạo các đơn vị trong toàn trường (bao gồm cả Trụ sở chính và phân hiệu tại Đắk Lắk) để tổng kết công tác của quý vừa qua và đề ra kế hoạch công tác của quý tiếp theo [Biên bản họp giao ban].

- Hàng tuần, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám hiệu hội ý triển khai công tác tuần. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm việc với lãnh đạo đơn vị mình phụ trách để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm. Lãnh đạo đơn vị tổ chức họp giao ban tuần để phân công các nhiệm vụ đến từng cá nhân. Các cá nhân xây dựng kế hoạch làm việc từng ngày trong tuần để triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách.

Trường cũng chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác hàng năm để lãnh đạo Trường phê duyệt bảo đảm thực hiện Chiến lược phát triển của Trường [**H4.04.01.11 MC: VB hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác năm**]. Cuối mỗi năm

---

<sup>1</sup> Các trang thông tin điện tử: <https://tccb.hlu.edu.vn/SubNews/Details/20868>,  
<https://tccb.hlu.edu.vn/SubNews/Details/22382>

học, Trường đều có thông báo tới các đơn vị tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm mà đơn vị mình được giao (qua hệ thống email), dựa trên kết quả báo cáo của mỗi đơn vị, Trường tiến hành tổng kết, đưa ra những điểm mạnh điểm yếu và qua đó có kế hoạch điều chỉnh cho những năm tiếp theo của Nhà trường sao cho phù hợp với thực tế.

Để hoàn thành kế hoạch chiến lược, Trường ban hành Nghị quyết về xác định số lượng người làm việc và chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội [**H4.04.02.07 MC: Nghị quyết về xác định số lượng người làm việc và chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội**], Kế hoạch xây dựng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031 và rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021-2026 [**H4.04.02.08 MC: Kế hoạch xây dựng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031 và rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021-2026**], Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Khoa thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội [].

Với cách làm đảm bảo nhất quán dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chủ động trong việc triển khai, Trường đã chuyển tải được kế hoạch chiến lược trung hạn thành các kế hoạch ngắn hạn luôn đảm bảo đạt các tiêu chí, chỉ tiêu đặt ra.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.**

*1. Xây dựng các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính (về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng):*

*2. Các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đảm bảo rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện:*

Dựa trên Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 được ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2022 với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường gồm: đào tạo (trình độ đại học: 9 tiêu chí, trình độ sau đại học: 6 tiêu chí); công tác đảm bảo chất lượng đào tạo: 15 tiêu chí; công tác nghiên cứu khoa học: 16 tiêu chí; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng: 7 tiêu chí; tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự: 12 tiêu chí; công tác hợp tác quốc tế: 4 tiêu chí; công tác phát triển nguồn nhân lực tài chính và cơ sở vật chất: 5 tiêu chí; công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 7 tiêu chí.

Các nhiệm vụ cụ thể được đề ra cho giai đoạn 2021-2025 như sau:

**Bảng 1: Các nhiệm vụ đề ra cho giai đoạn 2021-2025**

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
-----	----------	----------	---------------------



<b>1</b>	<b>Đào tạo</b>		
<i>1.1.</i>	<i>Đào tạo trình độ đại học</i>		
1.1.1.	Hoàn thiện các thể chế về đào tạo trình độ đại học	Các Quy chế, Quy định, Quy trình ISO về đào tạo trình độ đại học	Hằng năm
1.1.2.	Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các chương trình đào tạo trình độ đại học	Các chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật	Năm 2021, 2022 và theo định kỳ 2 năm/ lần
1.1.3.	Xây dựng Chương trình đào tạo ngành luật, chuyên ngành pháp luật thi hành án dân sự; ngành luật, chuyên ngành pháp luật sở hữu trí tuệ	Hồ sơ và quyết định ban hành Chương trình đào tạo	Quý IV 2022
1.1.4.	Triển khai xây dựng các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học với các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín	Các chương trình liên kết đào tạo được phê duyệt	Năm 2023, 2024
1.1.5.	Xây dựng Đề án tự chủ đào tạo giáo dục quốc phòng và an ninh	Đề án tự chủ đào tạo giáo dục quốc phòng và an ninh được phê duyệt	Năm 2024
1.1.6.	Xây dựng các đề án, kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học hằng năm phù hợp với mục tiêu đề ra	Các đề án, kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học hằng năm	Hằng năm
1.1.7.	Rà soát, đề xuất, xây dựng các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh trong các chương trình đào tạo đại học của Trường	Đề cương chi tiết các học phần/triển khai giảng dạy trên thực tế	Theo chu kỳ sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo
1.1.8.	Triển khai diễn án trong lịch trình đào tạo chính khóa	Các quy định về công tác diễn án và hồ sơ thực hiện	Hằng năm
1.1.9.	Tăng cường kiến thức thực tiễn cho người học, kiến tập giữa khóa, giám sát chặt chẽ quá trình thực tập cuối khóa của người học	Các quy định và hồ sơ thực hiện công tác kiến tập, thực tập	Hằng năm
<i>1.2.</i>	<i>Đối với đào tạo trình độ sau đại học</i>		
1.2.1.	Hoàn thiện thể chế về đào tạo trình độ sau đại học	Các quy chế, quy định, quy trình ISO về đào tạo trình độ sau đại học	Hằng năm
1.2.2.	Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Các chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật	Năm 2022 và theo định kỳ 2 năm/ lần
1.2.3.	Xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ luật học bằng tiếng Anh	Chương trình đào tạo được phê duyệt	Quý III năm 2023
1.2.4.	Xây dựng 02 chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ luật học với cơ sở đào tạo nước ngoài	Chương trình đào tạo được phê duyệt và triển khai thực hiện	Quý II năm 2025

1.2.5.	Xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành luật thương mại quốc tế	Đề án mở ngành đào tạo được phê duyệt	Chậm nhất quý III năm 2024
1.2.6.	Rà soát, đề xuất, xây dựng một số học phần giảng dạy bằng tiếng Anh trong các chương trình đào tạo sau đại học	Đề cương chi tiết các học phần/triển khai giảng dạy trên thực tế	Theo chu kỳ sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo
<b>2.</b>	<b>Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo</b>		
2.1.	Hoàn thiện các thể chế về đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí và hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	Chính sách đảm bảo chất lượng, các quy chế, quy định, quy trình ISO có liên quan	Hàng năm
2.2.	Ban hành và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá chất lượng các học phần	Quyết định ban hành bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá chất lượng các học phần	Năm 2023
2.3.	Tiếp tục hoàn thiện và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và NCKH của giảng viên	Các quy định và hồ sơ đánh giá giảng viên	Hàng năm
2.4.	Tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài chu kỳ II		Hàng năm
2.5.	Kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ III	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học	Năm 2023
2.6.	Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo trình độ đại học	Báo cáo tự đánh giá và giấy chứng nhận kiểm định chất lượng	2022-2023
2.7.	Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Báo cáo tự đánh giá và giấy chứng nhận kiểm định chất lượng	2023-2025
2.8.	Xây dựng và triển khai đề án/kế hoạch nâng cao văn hóa chất lượng của Trường	Đề án/kế hoạch	Năm 2023
2.9.	Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận các tiêu chí của khu vực và thế giới	Các quy định về công tác khảo thí và hồ sơ thực hiện	Hàng năm
2.10.	Tiến hành phân tích năng lực thực sự của người học đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Các quy định và hồ sơ đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra	Hàng năm, từ năm 2023
2.11.	Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong nước, đặc biệt là các tiêu chí để trở thành trường	Các quy định và hồ sơ cải tiến chất lượng	Hàng năm

	đại học theo định hướng nghiên cứu		
2.12.	Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong khu vực Asean	Các quy định và hồ sơ cải tiến chất lượng	2024-2028
2.13.	Nghiên cứu, từng bước chuẩn bị các điều kiện và đăng ký tham gia vào mạng lưới các trường đại học châu Á	Các quy định và hồ sơ cải tiến chất lượng	2023-2025
2.14.	Đăng ký kiểm định chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của AUN	Hồ sơ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo	2026-2030
2.15.	Rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo	Báo cáo rà soát và đề xuất biên soạn, chỉnh lý, phát triển giáo trình, học liệu	Hàng năm
<b>3.</b>	<b>Công tác nghiên cứu khoa học</b>		
3.1.	Xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường	Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường	Quý I năm 2022
3.2.	Ban hành Kế hoạch phát triển NCKH của Trường giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch phát triển NCKH của Trường giai đoạn 2022-2025	Quý III năm 2022
3.3.	Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập; Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ	Quý IV năm 2022
3.4.	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch NCKH hằng năm	Kế hoạch NCKH hằng năm; các công trình, sản phẩm khoa học	Hàng năm
3.5.	Tổ chức diễn đàn Luật học và phát triển hằng năm	Diễn đàn được tổ chức thường niên hằng năm	Hàng năm
3.6.	Ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Năm 2021
3.7.	Ban hành Quy chế hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường	Quy chế hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường	Năm 2021
3.8.	Hàng năm tổ chức ít nhất 01 hội thảo quốc tế có phản biện và xuất bản kỷ yếu	Hội thảo quốc tế có phản biện và xuất bản kỷ yếu	Hàng năm
3.9.	Tiếp tục nghiên cứu cơ chế khuyến khích giảng viên NCKH nhằm đẩy mạnh công bố quốc tế, cơ chế thu hút các nhà khoa học danh tiếng ngoài trường và nước ngoài tham gia hoạt động NCKH, công bố công trình NCKH	Quy định về hỗ trợ công bố quốc tế (sửa đổi, bổ sung)	Quý III năm 2022

3.10.	Thành lập ít nhất 15 nhóm nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2025, tiếp tục hoàn thiện quy định về nhóm nghiên cứu	Các nhóm nghiên cứu; quy định về nhóm nghiên cứu (sửa đổi, bổ sung)	- 2021-2025 - Quý II năm 2023
3.11.	Đấu thầu các đề tài cấp Nhà nước và tương đương, cấp Bộ và tương đương	Ít nhất 01 đề tài cấp Nhà nước và tương đương/1 năm; ít nhất 03 đề tài cấp Bộ/1 năm	Hàng năm
3.12.	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong NCKH	Ít nhất 02 hội thảo quốc tế/1 năm; ít nhất 20 lượt giảng viên của Trường có tham luận được trình bày tại hội thảo quốc tế/1 năm; ít nhất 02 đề tài NCKH của Trường chủ trì có sự tham gia của đối tác nước ngoài/1 năm; đến năm 2025 có ít nhất 05 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết.	Hàng năm
3.13.	Xây dựng Tạp chí Luật học đạt tiêu chuẩn quốc tế	Tạp chí Luật học đạt tiêu chuẩn quốc tế	Giai đoạn 2021-2025
3.14.	Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo quốc tế và trong nước	Ít nhất 03 đầu sách chuyên khảo do các Nxb uy tín phát hành/năm; ít nhất 03 hội thảo quốc tế và trong nước có chỉ số xuất bản quốc tế ISBN/năm	Hàng năm
3.15.	Đẩy mạnh phong trào sinh viên NCKH	Từ năm 2022, ít nhất 150 đề tài NCKH của sinh viên tham gia cuộc thi sinh viên NCKH/năm; Từ năm 2025, ít nhất 200 đề tài NCKH của sinh viên tham gia cuộc thi sinh viên NCKH/năm; Ít nhất 10 giải thưởng sinh viên NCKH cấp Bộ và tương đương; Xây dựng, đưa vào vận hành nội san sinh viên NCKH từ năm 2022.	Hàng năm
3.16.	Tiếp tục nghiên cứu cơ chế tăng chi cho NCKH	Các quy định, quy chế về mức chi tăng ít nhất 15-20% mỗi năm; đạt 5% tổng chi vào năm 2025 và	Hàng năm

		trên 10% tổng chi vào năm 2030.	
<b>4.</b>	<b>Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng</b>		
4.1.	Xây dựng đề án tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật để hướng tới mục tiêu tự trang trải tài chính	Đề án tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật để hướng tới mục tiêu tự trang trải tài chính	Năm 2022
4.2.	Nâng cao năng lực và mở rộng hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật để tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao	Hội thảo, tọa đàm, tập huấn kỹ năng; xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích giảng viên tham gia tư vấn pháp luật và cung cấp dịch vụ pháp lý; thường xuyên rà soát, bổ sung đội ngũ tư vấn pháp luật	Hằng năm
4.3.	Thực hiện trợ giúp pháp luật miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người cao tuổi, thanh thiếu niên, viên chức, người lao động trong Trường	Các chương trình trợ giúp pháp lý	Hằng năm
4.4.	Mở rộng phạm vi, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ pháp lý và các dịch vụ hợp pháp khác nhằm kết nối, phục vụ nhu cầu của tổ chức và cá nhân trong xã hội và phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng	Ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp luật cho khách hàng; ít nhất 04 hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm với các cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý có uy tín khác	Hằng năm
4.5.	Đẩy mạnh, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo ngắn hạn	Chương trình đào tạo ngắn hạn, chương trình tập huấn, khóa đào tạo xây dựng theo yêu cầu của khách hàng	Hằng năm
4.6.	Rà soát, sửa đổi Quy chế thu, chi và quản lý tài chính đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của Trung tâm tư vấn pháp luật	Quy chế thu, chi và quản lý tài chính đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của Trung tâm tư vấn pháp luật	Năm 2022
4.7.	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi sáng tác các tiểu phẩm, ấn phẩm tuyên truyền pháp luật dành cho thanh thiếu niên	Các cuộc thi	Hằng năm
<b>5.</b>	<b>Về tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự</b>		

5.1.	Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả; các đơn vị thuộc Trường được phân định nhiệm vụ, quyền hạn rành mạch, rõ ràng, có quan hệ phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả	Đề án thành lập mới hoặc tổ chức lại các đơn vị thuộc Trường; Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường	Năm 2022 và những năm tiếp theo
5.2.	Nghiên cứu thành lập một số viện nghiên cứu hoặc tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ theo hướng tự chủ	Báo cáo khả thi về việc thành lập một số viện nghiên cứu hoặc tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ theo hướng tự chủ/ Đề án thành lập khi được phê duyệt chủ trương	2023-2025
5.3.	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT và khoa học – công nghệ tiên tiến, từng bước áp dụng tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị hiện đại	Các kế hoạch/Đề án và sản phẩm thực hiện, hệ thống quy trình ISO	Hàng năm
5.4.	Hoàn thiện thể chế nội bộ về công tác TCCB	Các quy định, quy chế, quy trình về công tác TCCB	Hàng năm
5.5.	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2022-2025	Đề án phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2022-2025	Năm 2022 và những năm tiếp theo
5.6.	Thực hiện tuyển dụng viên chức hằng năm, thực hiện thu hút giảng viên, viên chức hành chính có năng lực, kinh nghiệm	Kế hoạch tuyển dụng viên chức, viên chức được thu hút, tiếp nhận về làm việc cho Trường	Hàng năm và theo kế hoạch
5.7.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2025 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm	Kế hoạch và kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Hàng năm và theo kế hoạch
5.8.	Đổi mới, nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động	Quy chế, tiêu chí đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và kết quả triển khai	Quy chế, tiêu chí: năm 2022; Hàng năm và theo kế hoạch
5.9.	Rà soát, bổ sung Quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2021-2026; xây dựng Quy hoạch giai đoạn 2026-2031	Danh sách viên chức được quy hoạch	Hàng năm và theo kế hoạch
5.10.	Quy hoạch, phát triển các nhà khoa học có trình độ cao của Trường, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên sâu trong các lĩnh vực	Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học có trình độ cao, chuyên sâu	Hàng năm

5.11.	Kiểm toàn viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường	Đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường	Hàng năm và theo kế hoạch
5.12.	Xây dựng, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động	Chế độ, chính sách được thực hiện tốt	Thường xuyên
<b>6.</b>	<b>Công tác hợp tác quốc tế</b>		
6.1.	Rà soát, đánh giá việc ký kết và thực hiện các bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài	Báo cáo rà soát, đánh giá và đề xuất	Quý III năm 2022
6.2.	Tổ chức ký kết và thực hiện các Bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài	Các Bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác; kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo thực hiện	Hàng năm
6.3.	Xây dựng Kế hoạch thí điểm tiếp nhận giảng viên nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu tại Trường	Kế hoạch được ban hành, tổ chức thực hiện	Quý IV năm 2022
6.4.	Xây dựng Kế hoạch thí điểm cử giảng viên của Trường đi học tập, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo nước ngoài	Kế hoạch, cơ chế hỗ trợ tài chính và thủ tục thực hiện	Ban hành kế hoạch: quý IV năm 2022 Triển khai: giai đoạn tiếp theo
<b>7.</b>	<b>Công tác phát triển nguồn nhân lực tài chính và cơ sở vật chất</b>		
7.1.	Rà soát các nguồn thu, cân đối thu chi dự kiến đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030	Báo cáo tổng hợp	Năm 2022
7.2.	Gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu, tạo nguồn, tạo được nguồn lực tài chính	Các kế hoạch gia tăng, phát triển nguồn thu, nguồn thu được đa dạng hóa, gia tăng	Năm 2022
7.3.	Rà soát cơ sở vật chất	Bảng tổng hợp, báo cáo tổng hợp và các đề xuất cải tạo, sửa chữa	Năm 2022
7.4.	Hoàn thiện xây dựng và đưa vào sử dụng dự án Cơ sở 2 tại Từ Sơn – Bắc Ninh	Giảng đường, ký túc xá, phòng làm việc...	Năm 2022-2023
7.5.	Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị các phòng học, phòng làm việc	Phòng học, phòng làm việc được đầu tư, nâng cấp khang trang	Hàng năm
<b>8</b>	<b>Công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số</b>		
8.1.	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025; thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số	Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số	Quý II năm 2022
8.2.	Xây dựng Đề án chuyển đổi số vào công tác giảng dạy, quản lý đào tạo	Đề án được ban hành và thực hiện	Quý I năm 2023

8.3.	Xây dựng thể chế và chuẩn hóa quy trình điều hành trong lĩnh vực chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin	Thể chế và quy trình điều hành	Năm 2022-2023
8.4.	Đào tạo cán bộ CNTT chuyên trách đạt chứng chỉ quốc tế về CNTT	Cán bộ CNTT chuyên trách đạt chứng chỉ quốc tế về CNTT	Năm 2022-2025
8.5.	Triển khai các phần mềm	Hệ thống phần mềm tổng thể	Năm 2022-2025
8.6.	Nâng cấp, mở rộng trung tâm dữ liệu, hạ tầng CNTT	Hạ tầng CNTT và trung tâm dữ liệu tập trung của Trường	Năm 2022-2024
8.7.	Hình thành cơ sở dữ liệu nền tảng và các dữ liệu cơ bản và trực tích hợp dữ liệu toàn trường	Các dữ liệu, liên thông dữ liệu giữa các phòng ban	Năm 2023-2025

3. *Giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số/chỉ báo thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với các mục tiêu chiến lược:*

Hàng năm, toàn bộ hoạt động chủ yếu của Trường trong từng lĩnh vực (tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng, công tác sinh viên...) được nêu rõ ràng trong Kế hoạch công tác của Trường [**Kế hoạch công tác của Trường**]. Trên cơ sở đó, để thực hiện được các mục tiêu chung, Trường phê duyệt kế hoạch hoạt động của từng đơn vị [**Kế hoạch hoạt động của từng đơn vị**] làm cơ sở để các đơn vị triển khai hoạt động trong năm cũng như đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị vào cuối năm.

Các phòng chức năng được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu trong kế hoạch chiến lược phát triển hàng năm, kế hoạch phát triển từng giai đoạn và từng thời kỳ. Phòng Đào tạo đại học và phòng Đào tạo sau đại học là đơn vị theo dõi giám sát, đánh giá các chỉ tiêu về đào tạo, phòng Quản lý khoa học và trị sự tập chí theo dõi giám sát các chỉ tiêu về hoạt động khoa học, phòng Hợp tác quốc tế theo dõi giám sát các chỉ tiêu về hoạt động hợp tác quốc tế, Phòng Tổ chức cán bộ theo dõi, giám sát các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ, phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí giám sát các chỉ tiêu đảm bảo chất lượng [**Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này**]. Bên cạnh đó, các đơn vị trong Trường thường xuyên tổng kết và báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện công việc trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý của Trường [Biên bản họp giao ban tháng, quý].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động của Trường cũng như kế hoạch công tác của các đơn vị, khoảng giữa mỗi năm, Trường tổ chức rà soát mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với các mục tiêu chiến lược để kịp thời điều chỉnh [**Biên bản các cuộc họp giao ban về rà soát, điều chỉnh kế hoạch các năm 2018-2022**]. Tháng 10 năm 2021, trên cơ sở rà soát tình hình thực tế của Trường đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu chiến lược, Hội đồng trường ban hành Nghị quyết số 35/NQ-HĐTĐHLHN Về việc điều chỉnh kế hoạch công tác năm



2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội [NQ số 35]. Cuối mỗi năm học, Trường tiến hành đánh giá, so sánh và đối chiếu các mục tiêu đã được đề ra, đồng thời tổng kết lại các kết quả đã đạt được trên từng lĩnh vực hoạt động của Trường [**Báo cáo hội nghị viên chức, Báo cáo tổng kết năm học các năm 2018-2021**] để điều chỉnh kế hoạch năm sau sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu này. Kết quả thực hiện công việc của các cá nhân, đơn vị của Trường được sử dụng làm tiêu chí đánh giá viên chức hằng năm cũng như làm cơ sở để Trường thực hiện khen thưởng cho những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc [**Công văn về việc đánh giá xếp loại công chức, viên chức, người lao động**]; [**Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Luật Hà Nội**]; [**Quyết định khen thưởng cá nhân, đơn vị năm 2018-2021**].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.**

*1. Thực hiện cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD:*

Sau 07 năm thực hiện chiến lược phát triển theo Đề án tổng thể Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật được phê duyệt trong Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ [**MC: Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ**], năm 2020, Trường tiến hành xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030.

Quá trình xây dựng Chiến lược được thực hiện thể hiện qua các giai đoạn cụ thể: 1/ Xây dựng Dự thảo Chiến lược; 2/ Lấy ý kiến của các bên liên quan; 3/ Chỉnh sửa Dự thảo và 4/ Ban hành Chiến lược. Sau khi Dự thảo được xây dựng, Trường đã gửi Dự thảo lấy ý kiến rộng rãi các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Nhà trường [**H4.04.01.04 MC: VB lấy ý kiến về Dự thảo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030**], [**H4.04.01.06 MC: Tổng hợp ý kiến góp ý về Dự thảo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030**]. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Nhà trường tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo và ban hành Chiến lược phát triển của Trường [**MC: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030**]. Chiến lược phát triển của Trường khẳng định rõ: hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

*2. Thực hiện đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược để đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp:*

Để đảm bảo tính khả thi của các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã tiến hành phân tích SWOT để xác định rõ bối cảnh những khó khăn, thuận lợi, cơ hội và thách thức trên cơ sở các bài học kinh nghiệm rút ra từ việc kết quả thực hiện chiến lược theo Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ. Trên cơ sở đó, Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội được ban hành năm 2020 đã cải tiến các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính để đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường. Theo đó, mục tiêu tổng quát của Chiến lược được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của giai đoạn hiện nay, điều chỉnh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự, cơ sở vật chất so với quy định của Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ. Bên cạnh đó, Chiến lược phát triển Trường quy định bổ sung các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đối với các lĩnh vực hoạt động khác mà Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ chưa đề cập đến, gồm: bảo đảm chất lượng đào tạo; phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng; hợp tác quốc tế; công nghệ thông tin. Nội dung điều chỉnh cụ thể đối với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính để thực hiện mục tiêu chiến lược của Trường được thể hiện rõ trong bảng đối sánh dưới đây.

**Bảng 2: Đối sánh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính giữa Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ và Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội**

	<b>Quyết định 549/QĐ-TTg</b>	<b>Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội</b>
<b>Mục tiêu tổng quát</b>	Tập trung nguồn lực xây dựng trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, có đội ngũ cán bộ, giảng viên vững mạnh; hệ thống chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo tiên tiến; cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ sở thực hành và thư viện hiện đại, có mô hình quản trị tiên tiến, tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo cán bộ pháp luật và nghiên cứu khoa học pháp lý; cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất	Phấn đấu đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng.

	lượng cao cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp và toàn xã hội nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế.	
<b>Mục tiêu cụ thể</b>		
<i>Về đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo chuyển biến mạnh về đào tạo cán bộ pháp luật, tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực. Tăng quy mô tuyển sinh năm sau so với năm trước khoảng 11%, đến năm 2020 quy mô đào tạo khoảng 19.000 sinh viên.</li> <li>- Tạo được uy tín, danh tiếng trong đào tạo mũi nhọn của Trường, khẳng định thế mạnh đào tạo những vấn đề lý luận cơ bản, những chuyên ngành về bộ máy nhà nước, luật hành chính, luật hình sự, luật kinh tế, luật thương mại quốc tế, luật dân sự, luật tố tụng hình sự, luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính.</li> <li>- Phát triển, đa dạng chương trình và mở rộng các hình thức đào tạo gồm đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo theo đơn đặt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ vị thế là một trong những cơ sở hàng đầu trong cả nước về đào tạo nguồn nhân lực pháp luật; phát triển hợp lý các chương trình, ngành, chuyên ngành đào tạo mới theo hướng đa ngành, liên ngành, hội nhập với đào tạo luật ở khu vực và thế giới; không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội; đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng xã hội hóa trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển của Trường (liên kết đào tạo trong nước và quốc tế, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng của nhà tuyển dụng...); xác định quy mô đào tạo hợp lý; tỷ lệ sinh viên/giảng viên đến năm 2025 không quá 30, đến năm 2030 không quá 20; phấn đấu đến năm 2030 và những năm tiếp theo, quy mô tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trung bình không thấp hơn 20% tổng quy mô tuyển sinh; hằng năm cấp trung bình từ 20 bằng tiến sĩ trở lên; có tỷ lệ ngành đang đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đạt từ 50% trở lên so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng.</li> <li>- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Trường có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác đạt 20% vào năm 2025, đạt 50% vào năm 2030; xây dựng thí điểm chương trình đào tạo cử nhân luật bằng tiếng Anh cho sinh viên Việt Nam và quốc tế; có 02 chương trình liên kết đào tạo bậc đại học và 02 chương trình liên kết đào tạo bậc sau đại học với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trên thế giới.</li> </ul>

<p>hàng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tham gia tích cực và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong lĩnh vực đào tạo luật ở Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên khi tốt nghiệp có kiến thức pháp luật chuyên sâu, có năng lực tư duy pháp lý, có năng lực hợp tác và cạnh tranh, có khả năng tự học để nâng cao trình độ, có kỹ năng phản biện và các kỹ năng làm việc khác của nghề luật; tăng cường kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn ngay trong quá trình đào tạo, trình độ ngoại ngữ và khả năng thích nghi với công việc sau khi tốt nghiệp; sản phẩm đào tạo của Trường được trên 75% các bên liên quan đánh giá ở mức cao.</li> <li>- Chú trọng thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan và với xã hội theo quy định; tất cả các chỉ số chất lượng đào tạo và thông tin đào tạo được công bố công khai và minh bạch; các hoạt động của Trường được các bên liên quan được tham gia góp ý, đánh giá.</li> <li>- Đến năm 2025, Trường thiết lập đầy đủ và vận hành chuyên nghiệp hệ thống đánh giá nội bộ các chương trình đào tạo, đánh giá học phần, đánh giá giảng viên, đánh giá người học và đánh giá chất lượng đầu ra của sản phẩm đào tạo. Thực hiện nghiêm túc quy trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học, khắc phục các tồn tại nhằm nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động của Trường; năm 2023, Trường nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</li> <li>- Đến năm 2022 Trường tham gia xếp hạng theo các tiêu chí xếp hạng trong nước; Đến năm 2025, Trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thứ hạng trong bảng xếp hạng trường đại học theo các tiêu chuẩn quốc tế.</li> <li>- Đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Trường (các bậc đào tạo đại học và sau đại học) đủ điều kiện đánh giá đều nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;</li> </ul>
---	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường phấn đấu trở thành thành viên của mạng lưới kiểm định chất lượng đào tạo Châu Á và có ít nhất 1 chương trình đào tạo được kiểm định theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của AUN.</li> <li>- Năm 2025, 100% cán bộ, giảng viên, chuyên viên và người học thâm nhuần và làm việc theo các yêu cầu văn hóa chất lượng của Trường.</li> <li>- Có hệ thống giáo trình được biên soạn theo hướng hiện đại, kết hợp lý luận và thực tiễn, tương thích với chuẩn đầu ra và nội dung môn học. Đến năm 2025, 100% các môn học bắt buộc và 50% các môn học tự chọn có giáo trình, đồng thời có một số giáo trình bằng tiếng Anh; hệ thống sách chuyên khảo do giảng viên của Trường chủ biên hoặc tham gia biên soạn ngày càng đa dạng; có nhiều giáo trình, sách chuyên khảo của nước ngoài được biên dịch để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.</li> </ul>
<p><i>Về nghiên cứu khoa học</i></p>	<p>Xây dựng Trường thành trung tâm nghiên cứu, trung tâm học thuật và trao đổi các ý tưởng khoa học pháp lý có uy tín tại Việt Nam. Ưu tiên công tác nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng gắn với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm, 100% giảng viên công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong hoặc ngoài nước và có ít nhất 01 báo cáo tại các tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; đến năm 2025, 100% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, 75% giảng viên có trình độ tiến sĩ chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án khoa học công nghệ các cấp; đến năm 2025, mỗi năm công bố ít nhất 50 bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm từ 0,15 bài trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới; đến năm 2030, mỗi năm công bố ít nhất 100 bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu mỗi năm công bố từ 0,3 bài báo trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới.</li> <li>- Xây dựng cơ chế tự chủ về nghiên cứu khoa học</li> </ul>

	<p>học; đầu tư kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng tăng dần tỉ lệ thu - chi đối với hoạt động khoa học công nghệ của Trường: Kinh phí so với tổng chi cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tăng ít nhất 15 - 20% mỗi năm; đạt 5% tổng chi vào năm 2025 và trên 10% tổng chi vào năm 2030; nguồn thu từ các hoạt động khoa học tăng dần đạt tối thiểu 5% tổng thu của trường vào năm 2025, 10% tổng thu của Trường vào năm 2028 và 15% từ năm 2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm, phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức ít nhất 03 hội thảo khoa học quốc tế có chất lượng; có ít nhất 06 đề tài khoa học do giảng viên của Trường chủ trì thực hiện có sự hợp tác tham gia của đối tác nước ngoài; Từ năm 2025, hằng năm có ít nhất 20 lượt giảng viên của Trường có báo cáo, tham luận được trình bày tại các hội thảo quốc tế. Đến năm 2025 có ít nhất 05 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai; trong 05 năm tiếp theo có 10 chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác nước ngoài.</li> <li>- Thành lập, phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, mũi nhọn, nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao uy tín của Trường trong khoa học pháp lý; đến năm 2025, trong mỗi lĩnh vực pháp luật chủ yếu có các nhóm nghiên cứu có vai trò dẫn dắt, có khả năng hình thành và phát triển trường phái học thuật, có uy tín trong nước và quốc tế; xây dựng Tạp chí Luật học đạt tiêu chuẩn quốc tế, được chấp thuận vào ACI từ năm 2025; trở thành tạp chí có uy tín ở châu Á và từng bước khẳng định uy tín trên thế giới; từ năm 2021 phát hành ít nhất 01 số bằng tiếng Anh/năm; từ năm 2025, phát hành ít nhất 02 số bằng tiếng Anh/năm.</li> <li>- Phát triển Trung tâm Thông tin thư viện hiện đại, có đầy đủ học liệu, chú trọng số hoá tài liệu và nguồn học liệu điện tử, có liên kết chặt chẽ với thư viện và cơ sở dữ liệu của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức có</li> </ul>
--	--

		liên quan; cung cấp dịch vụ không thu phí và có thu phí đối với bạn đọc trong và ngoài trường.
<i>Về phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng</i>		<p>- Hằng năm, số vụ, việc tư vấn cho khách hàng tăng trung bình khoảng 10%, trong đó có từ 20% đến 30% là các vụ việc tư vấn miễn phí cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật. Đến năm 2025, số vụ, việc tư vấn cho khách hàng ở các lĩnh vực pháp luật tối thiểu là 300 vụ, việc/năm; số lượt giảng viên, chuyên viên và tương đương, sinh viên tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý từ 250 đến 300 lượt/năm. Từ sau năm 2025, hằng năm tăng trưởng ít nhất 5%.</p> <p>- Mở rộng phạm vi, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ pháp lý và các dịch vụ hợp pháp khác nhằm kết nối, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và cá nhân trong xã hội và phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng; góp phần tăng nguồn thu tài chính của Trường từ hoạt động tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao. Thành lập chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật của Trường tại Phân hiệu ở Đắk Lắk và tại Cơ sở II ở Bắc Ninh. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và phương tiện điện tử trong hoạt động tư vấn. Đến năm 2025, Trung tâm Tư vấn pháp luật có hoạt động liên kết, hợp tác với ít nhất 4 cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý khác; đến năm 2030, tăng gấp đôi so với năm 2025.</p>
<i>Về tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự</i>	Phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng, đến năm 2020 trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 1.400 giảng viên trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm khoảng 40% (ưu	<p>- Tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại: Áp dụng mô hình, tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị đại học hiện đại, phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học. Hệ thống quản trị đại học của Trường được vận hành có hiệu quả trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ quản lý.</p> <p>- Đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế: Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu của</p>

	<p>tiên việc đào tạo giảng viên ở nước ngoài). Tập trung kiện toàn mô hình tổ chức, bộ máy quản lý theo mô hình quản trị đại học hiện đại.</p>	<p>Trường Đại học Luật Hà Nội có khoảng 450 người, phần đầu đạt chỉ tiêu đề ra trong Quyết định 549/QĐ-TTg trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 40%, trong đó tối thiểu 15% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 50%, trong đó ít nhất 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên được đào tạo tại nước ngoài; xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến năm 2030 có thể đảm nhiệm ít nhất 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2025, ít nhất 70% lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài; đến năm 2030, đạt tỷ lệ 100%.</li> <li>- Đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có tác phong công sở hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp. Đến năm 2025, 100% viên chức hành chính đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn tại Khung năng lực vị trí việc làm của Trường; có khả năng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; ít nhất 50% có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc. Tỷ lệ này tăng dần đến năm 2030 và những năm tiếp theo.</li> <li>- Đến năm 2025, 100% đội ngũ quản lý, giảng viên, chuyên viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; phần đầu đến năm 2030, 100% viên</li> </ul>
--	--	--



		chức công nghệ thông tin chuyên trách đạt chuẩn kỹ sư quốc tế về công nghệ thông tin.
<i>Về hợp tác quốc tế</i>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến năm 2025, có ít nhất 50 thỏa thuận hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nước ngoài; tập trung thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác trong giai đoạn tiếp theo.</li> <li>- Đến năm 2025, hằng năm có tối thiểu 20 sinh viên của Trường được tham gia các chương trình trao đổi và tiếp nhận ít nhất 05 giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại Trường; phấn đấu tiếp nhận số sinh viên nước ngoài đến học tập tại Trường và số giảng viên của Trường được cử đi giảng dạy ở các trường đối tác theo các chương trình trao đổi tương đương với số sinh viên của Trường được cử đi trao đổi và số giảng viên nước ngoài được tiếp nhận giảng dạy tại Trường. Phấn đấu đến năm 2030, các chỉ tiêu tăng gấp đôi so với năm 2025.</li> <li>- Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của sinh viên Trường thông qua việc nâng cao trình độ ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh), tăng cường các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong chương trình đào tạo; khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đối tác, các cuộc thi, hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên mang tính chất quốc tế. Hằng năm, có ít nhất 01 hoạt động giao lưu, trao đổi với sinh viên quốc tế được tổ chức tại Trường và sinh viên của Trường tham gia ít nhất 01 cuộc thi tranh tụng giả định bằng tiếng Anh (ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế).</li> </ul>
<i>Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất</i>	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tư vấn pháp luật; nghiên cứu thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo	- Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính bằng việc gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu, tạo được nguồn lực tài chính đáp ứng cơ bản yêu cầu xây dựng và phát triển Trường. Đến năm 2030 Trường tự chủ được hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư; thu nhập của cán bộ, viên chức và người lao động tăng tối thiểu từ 10%-20%/năm. Mức thu hút tài chính bằng nguồn xã hội hóa tăng tối thiểu từ 10% hằng năm.

	<p>quy định.</p>	<p>- Có hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại được đầu tư bài bản, theo hướng hiện đại tại trụ sở chính, cơ sở II và Phân hiệu, nhất là hệ thống giảng đường, thư viện và các trung tâm nghiên cứu khoa học; đảm bảo phương tiện làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập.</p>
<p>Về công nghệ thông tin</p>		<p>- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý nhà trường theo hướng tập trung, hiện đại, hiệu quả đồng bộ và có thể tích hợp với các ứng dụng quản lý sẽ được xây dựng trong tương lai.</p> <p>- Về hạ tầng công nghệ thông tin: Đến năm 2023, 100% các đơn vị, phòng học trong Trường (gồm có trụ sở chính, phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk và Cơ sở II) được kết nối mạng LAN và Wifi với băng thông cao ổn định; 100% viên chức hành chính được trang bị máy tính sử dụng trong công việc; xây dựng hoàn thiện phòng máy chủ thành Data Center theo đúng tiêu chuẩn; các tòa nhà của Trường được kết nối với phòng Server bằng cáp quang để đảm bảo băng thông; xây dựng hoàn thiện hệ thống wifi tập trung độ chịu tải cao, tốc độ cao nhằm đảm bảo cho giảng viên, sinh viên giảng dạy và học tập tốt qua môi trường mạng; đến năm 2025, đưa một số dịch vụ công nghệ thông tin của Trường lên môi trường Cloud để vận hành tốt, đảm bảo lượng truy cập lớn.</p> <p>- Về hệ thống quản lý hành chính: Đến năm 2023, 100% các văn bản chỉ đạo điều hành sẽ được trao đổi trên môi trường mạng; 60% công tác giao tiếp của người học với nhà trường sẽ được giải quyết qua hệ thống công nghệ thông tin; 50% bài giảng của giảng viên sẽ được đưa lên hệ thống E-Learning; giảng dạy trực tuyến theo tỷ lệ tối đa pháp luật quy định; 100% viên chức, người học sử dụng thư điện tử tên miền hlu.edu.vn trong công việc; 100% người học nộp học phí qua các ứng dụng ngân hàng, ví điện tử; 40% các cuộc họp diễn ra bằng</p>

		<p>phương thức hợp trực tuyến.</p> <p>- Xây dựng và vận hành hệ thống các chương trình, ứng dụng quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu khoa học, quản lý hành chính - nhân sự, tài chính, tài sản... đồng bộ, thống nhất, có tính liên thông cao, đáp ứng yêu cầu quản trị đại học hiện đại trên nền tảng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin theo lộ trình phù hợp. Phấn đấu đến năm 2025, Trường có hệ thống chương trình, ứng dụng tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ; trong những năm tiếp theo tiếp tục cải tiến, cập nhật để đáp ứng các yêu cầu hoạt động, quản lý của Trường.</p>
--	--	--

3. Ban hành các văn bản bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính:

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng chiến lược nhằm đạt được sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; các kế hoạch chiến lược được Nhà trường quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và trung hạn để triển khai thực hiện; Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường sát với thực tế nên không phải bổ sung, điều chỉnh.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

Trong quá trình xây dựng chiến lược, Nhà trường chưa có biện pháp cụ thể để phòng ngừa rủi ro.

**3. Kế hoạch cải tiến**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện / cá nhân	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	<b>Tồn tại cần khắc phục</b>	Đưa ra biện pháp phòng ngừa rủi ro	Hội đồng trường, Ban giám hiệu	Năm 2023

2	<b>Điểm mạnh cần phát huy</b>	Tiếp tục thực hiện việc lập kế hoạch thực hiện chiến lược để đạt được sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi cho những giai đoạn tiếp theo.	Ban Giám hiệu và các đơn vị trong trường	Từ năm 2024
---	-------------------------------	---	--	-------------

#### 4. *Mức đánh giá*

<b>Tiêu chuẩn /tiêu chí</b>	<b>Tỷ đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>4,25</b>
<b>Tiêu chí 4.1</b>	<b>4/7</b>
<b>Tiêu chí 4.2</b>	<b>5/7</b>
<b>Tiêu chí 4.3</b>	<b>4/7</b>
<b>Tiêu chí 4.4</b>	<b>4/7</b>

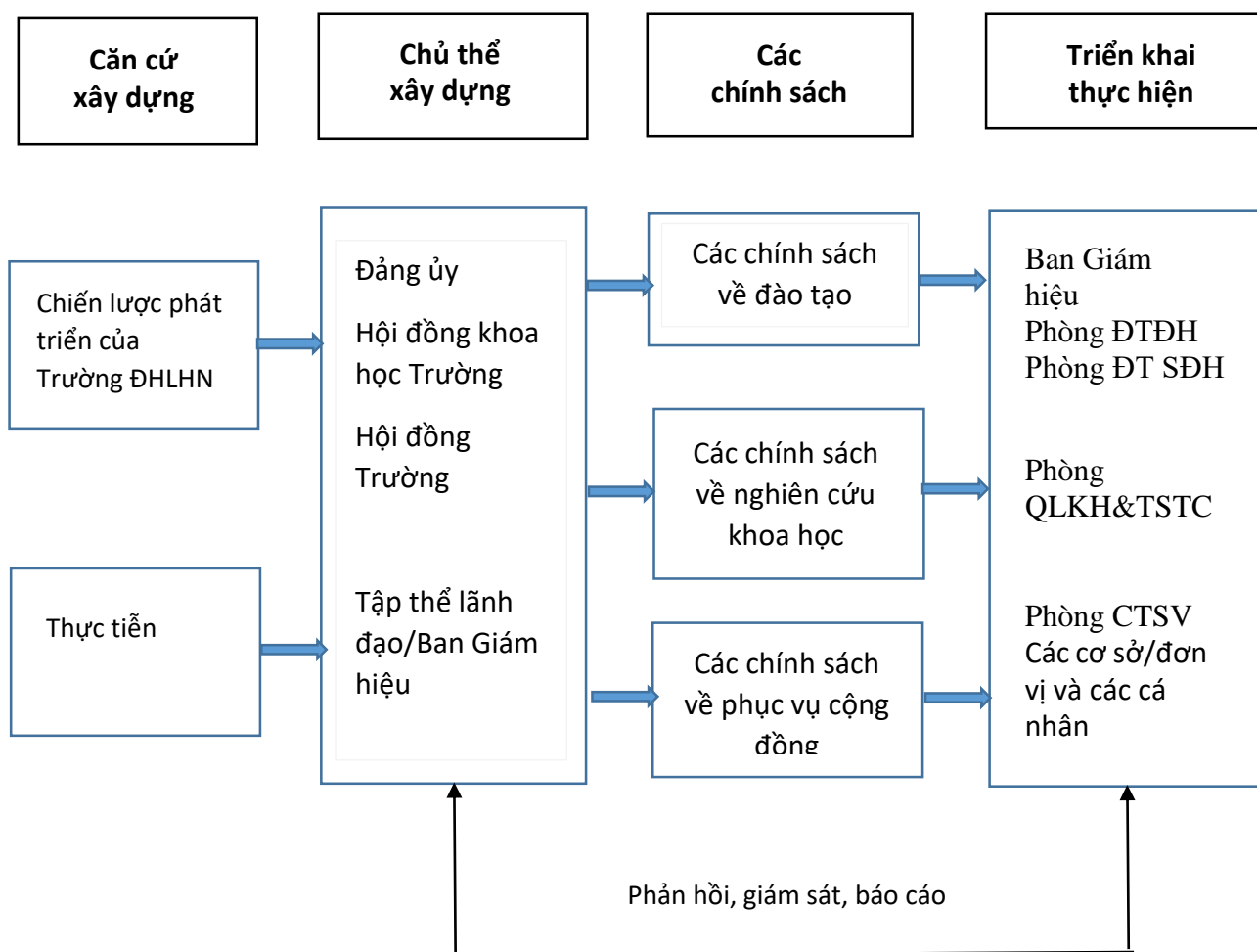
## Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Việc xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng luôn được Nhà trường coi trọng. Nhà trường đã có hệ thống để xây dựng các chính sách, có quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thường xuyên được rà soát và cải tiến.

**Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng**

### Mô tả:

Nhà trường đã có một hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo (đào tạo), nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Hệ thống này được thể hiện trong hình sau:



Hệ thống xây dựng và thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ

Hình trên mô tả hệ thống xây dựng, thực hiện, phản hồi, giám sát, báo cáo các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.

Căn cứ để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của các cơ quan liên quan, chiến lược phát triển của Trường ĐHLHN đến năm 2025

tầm nhìn đến năm 2030 và thực tiễn hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường trong bối cảnh chung của các cơ sở giáo dục đại học trong nước, khu vực và thế giới. Hàng năm, các nội dung xây dựng quy chế, quy định, chỉnh sửa, đổi mới cơ chế chính sách được các đơn vị đề xuất, trình Hiệu trưởng phê duyệt trong kế hoạch hoạt động năm của Nhà trường giao cho từng đơn vị.

Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường đã quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của các chủ thể trong việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ [MC: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội; Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo đại học; quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng đào tạo Sau đại học; quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản lý khoa học và trị sự tạp chí]. Đảng ủy, Hội đồng trường ban hành các Nghị quyết, xác định các phương hướng, chủ trương để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ (MC: Nghị quyết của HĐT từ năm 2018 đến 2022 về chiến lược đào tạo; nghiên cứu khoa học; Nghị quyết của Đảng ủy hàng năm từ 2018-2022 về đào tạo, nghiên cứu khoa học) .

Trên cơ sở từng nội dung chính sách và kế hoạch xây dựng chính sách, BGH phân công các đơn vị chức năng liên quan xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm thực hiện các mục tiêu của Trường và phù hợp với định hướng các chính sách tương ứng mà nghị quyết của Hội đồng trường đã đề ra như: giao P.Tổ chức cán bộ tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng chiến lược phát triển Trường, kế hoạch triển khai chiến lược theo từng giai đoạn; Giao phòng Hành chính – Tổng hợp tham mưu xây dựng Đề án xây dựng Trường ĐHLHN thành trường trong điểm đào tạo cán bộ về pháp luật và dự thảo kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; P.Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, tham mưu ban hành và thực hiện các chính sách về đào tạo đại học, Phòng Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng, tham mưu ban hành chính sách về đào tạo sau đại học; về NCKH giao cho phòng NCKH&TSTC chủ trì; về phục vụ cộng đồng giao Phòng CTSV chủ trì, Phòng Hành chính –Tổng hợp, Công đoàn, ĐTN phối hợp thực hiện; về chính sách đảm bảo chất lượng đào tạo giao cho Phòng ĐBCLĐT&KT chủ trì thực hiện. (MC: kế hoạch công tác các năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Sau khi dự thảo nội dung của các chính sách, quy chế, quy định sẽ tiếp tục lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng tư vấn chuyên môn định hướng xây dựng nội dung các chính sách của Trường..., Ban Giám hiệu chỉ đạo việc xây dựng và ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Đối với các chính sách thuộc các lĩnh vực trên, đơn vị được giao thẩm quyền xây dựng có triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan như: các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, nhà tuyển dụng, các cơ quan liên quan của Bộ Tư pháp (MC: Công văn lấy ý kiến đóng góp cho các dự thảo chiến lược phát triển trường; chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học). Theo Quy định về quy trình ban hành văn bản nội bộ của Trường và quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Đại học Luật Hà Nội, trong quá trình xây dựng các văn bản, trong đó có chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, các đơn vị chức năng có trách nhiệm lấy ý kiến của các đơn vị liên quan, người học được

quyền có ý kiến, giám sát việc xây dựng chính sách của Nhà trường (MC: Quy định về quy trình ban hành văn bản nội bộ; quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội).

Chiến lược phát triển Trường được xây dựng trên cơ sở chủ trương của Đảng, Nhà nước, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường Đại học, các Thông tư và Công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Bộ Tư pháp và Bộ, ngành liên quan; dựa trên kết quả phân tích bối cảnh xã hội, thực trạng của Nhà trường, thách thức về sự cạnh tranh nên phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ, Bộ Tư pháp và nhu cầu của xã hội... Đặc biệt, trong quá trình xây dựng chính sách cho các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Trường Đại học Luật Hà Nội bám sát Đề án “Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” (MC: Đề án 549/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết 54/2019 của Ban cán sự Đảng Bộ tư pháp và kế hoạch thực hiện Nghị quyết 54/NQ-BCSĐ); các Chiến lược và Nghị quyết, Kế hoạch này đã xác định rõ các chính sách chính sách cho từng lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCD,... với các mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Phòng Thanh tra của Trường có nhiệm vụ tư vấn, kiểm soát tính phù hợp, hợp pháp của các chính sách và giám sát quy trình thực hiện trong xây dựng các chính sách theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường (MC: Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Thanh tra). Vì vậy, các chính sách của Nhà trường phù hợp với chủ trương của Đảng, các chính sách phát triển KT-XH của địa phương, vùng và đất nước; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển Trường; phù hợp với các chính sách của cơ quan quản lý cấp trên; liên quan mật thiết với các chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được cụ thể hóa bằng văn bản và được Hiệu trưởng Trường đại học luật Hà Nội phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện. Một số văn bản quan trọng gồm:

- Trong lĩnh vực đào tạo:

Trình độ đại học: Nhà trường đã ban hành Quy chế về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Luật Hà Nội, Quy định về điều kiện thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp, xét và cấp bằng tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Luật Hà Nội; Quy chế đào tạo VLVH trình độ đại học;...(Minh chứng: QĐ 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021; QĐ 2720; QĐ 2721; QĐ 2722; QĐ 2723; QĐ 2725; QĐ 2726 về đào tạo đại học).

Trình độ Sau đại học: Trong đào tạo trình độ Thạc sĩ, Nhà trường đã ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy chế đào tạo Tiến sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Minh chứng: Các quy định, quy chế về đào tạo sau đại học từ năm 2019 đến 2022).

- Trong lĩnh vực NCKH

Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ năm 2021. Nhà trường đã rà soát toàn bộ hệ thống các quy định liên quan tới các đề tài/nhiệm vụ các cấp do Nhà trường cấp kinh phí để xây dựng một hệ thống quy định về các đề tài cấp cơ sở theo hướng vừa đầu tư trọng điểm vừa đầu tư khuyến khích các nhà khoa học trẻ tham gia các đề tài cấp cơ sở. Để gia tăng số lượng công bố quốc tế và năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, Nhà trường đã ban hành Quy định về nhóm nghiên cứu (MC: QĐ số 2273 ngày 30/6/2021 Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu của trường Đại học Luật Hà Nội; QĐ số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2021 hướng dẫn về nhóm nghiên cứu và quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu). Trên cơ sở Đề án 549/QĐ-TTg và để triển khai thực hiện hiệu quả đề án, tập trung phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026 nhằm gia tăng số lượng đồng thời nâng cao chất lượng các công bố quốc tế, tăng cường hợp tác trong các nghiên cứu liên ngành, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ các nhà khoa học, thúc đẩy hợp tác và chuyên giao tri thức (MC: Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2021; 2021-2026; QĐ số 548/QĐ-ĐHLHN ngày/02/2018 về định hướng phát triển nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2-18-2020). Đặc biệt, từ năm 2020 Trường đã thành lập Diễn đàn luật học và phát triển để đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên và sự hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước và với nước ngoài (MC: Quy chế Diễn đàn luật học và phát triển). Để khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, Nhà trường đã ban hành các Quy chế và Thẻ lệ Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học theo hướng tăng cường phân cấp cho các đơn vị chuyên môn để nâng cao tính chủ động, đổi mới, sáng tạo của các đơn vị trong việc thúc đẩy hoạt động NCKH của người học (MC: Quy chế nghiên cứu khoa học của sinh viên).

- Trong lĩnh vực PVCD

Nhà trường đã có các chính sách phát triển: xây dựng Diễn đàn hợp tác giữa đơn vị sử dụng lao động và Nhà trường từ năm 2018 đến nay (MC: Kế hoạch chương trình Job fair hàng năm), để kết nối các hoạt động đào tạo và nhu cầu của các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn nhân lực là sản phẩm đào tạo của Nhà trường, đặc biệt trong bối cảnh Đại dịch Covid-19. Nhà trường đã có các chính sách khuyến khích các đề tài/nhiệm vụ/chương trình nghiên cứu khoa học các cấp gắn với chuyên giao tri thức, công nghệ, mô hình, công cụ quản lý cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp (MC: QĐ 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 về Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội). Trong đào tạo, Nhà trường đã có chính sách triển khai nhiều hoạt động nâng cao kiến thức, trình độ cho cộng đồng những người yếu thế (MC: Đề án 549, đề án 1156). Thông qua Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên, Nhà trường đã có nhiều chính sách hỗ trợ, phục vụ cộng đồng với các hoạt động như xây dựng các công trình thiện nguyện, các chương trình hè xanh tình nguyện giúp đỡ các vùng và người dân khó khăn, hiến máu nhân đạo... (MC: Kế hoạch triển khai chiến dịch mùa hè xanh của ĐTN năm 2017 đến năm 2022).

Triển khai thực hiện các quy chế, quy định nêu trên, Nhà trường đã có văn bản hướng dẫn cụ thể các công việc và các quy trình nghiệp vụ: Quy trình xây dựng CTĐT



và CĐR, Quy trình lập kế hoạch giảng dạy và xếp thời khóa biểu, Quy trình mời giảng viên thỉnh giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, Quy trình tổ chức thi hết môn, Quy trình hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Quy trình xét tốt nghiệp, Quy trình quản lý văn bằng và chứng chỉ quốc gia; các hướng dẫn, nội quy an toàn lao động trong các phòng Lab, phòng thí nghiệm, ... Các chính sách và các quy chế, quy định về đào tạo được các đơn vị liên quan (Phòng ĐT, ĐT SDH, các khoa chuyên ngành, Phòng CTSV, P.TCCB, Phòng Khảo thí ... ) chủ trì xây dựng trình lãnh đạo phê duyệt và triển khai (MC: Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tài liệu ISO về quy trình đào tạo...).

Nội dung các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh cho phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, đáp ứng các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội (Minh chứng: Đề án 549; Đề án 1156; NQ của Hội đồng trường về Chiến lược phát triển trường đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 54/ NQ-BCSD). Những chính sách được cập nhật, hiệu chỉnh được thể hiện rõ từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của Nhà trường giai đoạn 2020-2025 cho tới các quy định, văn bản cụ thể được triển khai Nhà trường đã xây dựng các chính sách về NCKH; ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn thực hiện, các quy trình nghiệp vụ, ... liên quan đến các chính sách về NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, các quy tắc đạo đức trong NCKH, trong chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu, ... như: Quy trình quản lý đề tài NCKH của CB-GV-NV; Quy trình quản lý đề tài NCKH của SV cấp Trường; quy định về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH; hướng dẫn thiết lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu; định mức chi cho hoạt động NCKH... (MC: Nghị quyết của Đảng Bộ các năm từ 2019-2022; quy chế chi tiêu nội bộ; QĐ 01/2021; QĐ 1208/2021; QĐ 1067/202; QĐ 4911/2019; QĐ 1790/2017).

Nhà trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Trường Đại học Luật Hà Nội (Minh chứng: Quy định về lấy ý kiến phản hồi của người học). Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ thường xuyên được lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bao gồm viên chức và người lao động thông qua: Hội nghị viên chức được tổ chức hàng năm (MC: Văn bản lấy ý kiến và bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của viên chức hàng năm tại Hội nghị viên chức), Phòng CTSV lấy ý kiến của các doanh nghiệp đối tác thông qua chương trình Job fair hàng năm (MC: Kế hoạch/ chương trình Job fair hàng năm), Trung tâm Đảm bảo chất lượng lấy ý kiến các bên liên quan thông qua phiếu khảo sát đánh giá chương trình đào tạo (MC: Phiếu khảo sát và kết quả khảo sát đánh giá chương trình đào tạo), Phòng CTSV lấy ý kiến của người học về các chính sách thông qua Hội nghị đối thoại sinh viên được tổ chức hàng năm (MC: Các chương trình đối thoại sinh viên hàng năm).

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

### ***Tiêu chí 5.2 Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện***

Cùng với việc thực hiện và triển khai các chính sách, việc phân công theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được giao cho các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện chính sách của mỗi đơn vị. Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường đã quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của các chủ thể trong việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ (Minh chứng: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Quản lý khoa học và trị sự tạp chí; phòng Công tác sinh viên). Bên cạnh đó, Trường giao nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện chính sách chung trong đó có chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học... cho Phòng Hành chính- tổng hợp, Phòng Thanh tra. Riêng Phòng Thanh tra được giao nhiệm vụ giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và có các kế hoạch giám sát (MC: kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch thanh tra nội bộ năm 2022). Bên cạnh đó, Ban Thanh tra nhân dân của Trường tham gia giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và có các báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát trong các Hội nghị viên chức và người lao động.

Để thực hiện việc giám sát, Nhà trường đã ban hành các văn bản định hướng cho quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ như Quy chế dân chủ (MC: Quy chế về thực hiện dân chủ tại trường Đại học Luật Hà Nội). Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn giám sát các chính sách về ĐT và NCKH; Phó Hiệu trưởng phụ trách tài chính giám sát chính sách PVCĐ. P.ĐT giám sát, kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện chính sách về ĐT; P.QLKH&TSTC giám sát, kiểm tra, đánh giá tổng kết thực hiện các chính sách về NCKH & KHCN; P.CTSV tổng kết việc thực hiện chính sách về kết nối và PVCĐ;... Các phòng chức năng trên có trách nhiệm báo cáo BGH về việc thực hiện các chính sách được giao giám sát (MC: báo cáo của các đơn vị trong Hội nghị công tác đầu năm học các năm 2018-2019; đến 2021-2022 – xem trong hồ sơ hội nghị tổng kết năm học)

Hội đồng Trường đã có Báo cáo giám sát các chính sách về khoa học và công nghệ (Minh chứng: Nghị quyết của Hội đồng Trường hàng năm đánh giá kết quả hoàn thành các mục tiêu chiến lược). Ban Thanh tra nhân dân có các báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ trong Hội nghị viên chức và người lao động và thông qua hệ thống thông báo bằng văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường (Minh chứng: Báo cáo của Ban tranh tra nhân dân tại Hội nghị viên chức 2018, 2019, 2020, 2021).

Định kỳ hàng năm Trường thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ theo kế hoạch. Hàng năm, các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát, đánh giá để báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động (MC: báo cáo HNVC hàng năm). Theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã có báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ trong đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và xem xét việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy chế và các

thủ tục, quy trình hiện hành của Bộ GD&ĐT cũng như có các báo cáo về từng mảng hoạt động gồm báo cáo về đào tạo báo cáo về NCKH (MC: Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ GD&ĐT 2017, 2018, 2019, 2020, 2021). Thông qua rà soát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, QLKH và PVCĐ, Nhà trường đánh giá các chỉ tiêu chưa đạt được từ đó có phân tích, xác định các nguyên nhân để đưa ra biện pháp khắc phục cải tiến kịp thời. Trường đã thực hiện tự giám sát bên trong trường kết hợp với giám sát ngoài (Bộ GD&ĐT và cơ quan chủ quản). Đối với chính sách NCKH: Giám sát quy định quản lý QLKH/KHCN, quy định tài chính NCKH, quy trình quản lý đề tài NCKH; tỷ lệ kinh phí NCKH. Đối với Đào tạo (giám sát việc mở ngành ĐT, xây dựng CTĐT, việc cấp phát, lưu trữ văn bằng chứng chỉ, quy trình kiểm tra đánh giá; hoạt động giảng dạy, vv...Đối với PVCĐ: giám sát việc xây dựng kế hoạch; ký kết HĐ/thỏa thuận, hiệu quả và tác động của PVCĐ;... (MC: Báo cáo thanh tra nội bộ 2022; Báo cáo gửi Bộ GD&ĐT hàng năm về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo; báo cáo công tác năm học gửi Bộ GD&ĐT từ 2018-2022)

Nhà trường đặc biệt coi trọng việc góp ý của các Đoàn đánh giá ngoài về chính sách giáo dục và chương trình đào tạo để duy trì công tác đảm bảo chất lượng của hệ thống. Nhà trường sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan cho công tác rà soát cải tiến chính sách, chất lượng. Năm 2018, Trường hoàn thành kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2. Qua quá trình làm việc với đoàn đánh giá ngoài, Trường tiếp thu ý kiến của các chuyên gia về việc xác định chính sách và kết quả thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH của Trường (MC: Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài và báo cáo kết quả khắc theo phục khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài). Hàng năm, Phòng Đảm bảo chất lượng & khảo thí, Phòng CTSV triển khai khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên và người sử dụng lao động về chính sách đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường (MC: Báo cáo khảo sát ý kiến của sinh viên hàng năm trong các chương trình đối thoại sinh viên; khảo sát giảng viên).

Tại các cuộc họp của Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị, các hoạt động rà soát chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được đưa vào nội dung cuộc họp. Các cuộc họp đã phân tích nguyên nhân, đánh giá kết quả và trao đổi kế hoạch ban hành, sửa đổi, hoàn thiện các chính sách cho năm học hoặc giai đoạn tiếp theo (MC: Biên bản, nghị quyết các phiên họp cuối năm học của Hội đồng Trường năm 2018,2019, 2020, 2021, Báo cáo của Ban giám hiệu tại các phiên họp của HĐT)

Trong quá trình tổng kết việc thực hiện Đề án “Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” theo quyết định số 549/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường thường xuyên đối sánh chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường với trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh là 1 trong 02 cơ sở đào tạo luật lớn nhất cả nước và đối sánh, tự đánh giá việc thực hiện chính sách của Trường qua từng năm (MC: Báo cáo kết quả thực hiện đề án 549 hàng năm; kỷ yếu Hội thảo tổng kết thực hiện Đề án 549). Mặc dù, Nhà trường chưa có quy định riêng về một đơn vị chuyên trách thực hiện công tác so chuẩn, đối sánh việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, nhưng các đơn vị chức năng như Phòng Đào tạo, QLKH&TSTC, CTSV đã định kỳ tiến hành đánh giá nhằm đảm bảo các hoạt động, các chính sách đi đúng mục tiêu, mục đích. Bên cạnh

đó, phòng HCTH là đơn vị đầu mối phụ trách theo dõi việc thực hiện các kế hoạch công tác trên các lĩnh vực của Trường có trách nhiệm thực hiện hoạt động đánh giá kết quả công tác, tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách trên các lĩnh vực định kỳ trong hội nghị triển khai công tác đầu năm học (MC: Báo cáo Hội nghị triển khai công tác đầu năm học 2018, 2019, 2020, 2021).

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

#### ***Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Trường, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

Nhà trường đã thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ dựa trên kết quả rà soát, đánh giá. Các quy chế, quy định liên quan tới đào tạo, NCKH và PVCĐ được thường xuyên cải tiến, điều chỉnh nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Trường. Sự cải tiến, điều chỉnh của các chính sách được thể hiện cụ thể như sau:

#### **Cải tiến chính sách về đào tạo**

Trong Đề án 549/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 (Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật) có xác định mục tiêu: “Phát triển hệ thống chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo tiên tiến, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, cơ sở thực hành phải thu viện hiện đại, có mô hình quản trị tiên tiến, tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo cán bộ pháp luật và nghiên cứu khoa học pháp lý, cung cấp nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp và toàn xã hội nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. (MC: Đề án 549) Đến Chiến lược phát triển trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 ngày 23/10/2020, chính sách có điều chỉnh theo hướng xác định cụ thể hơn “Phấn đấu đến năm 2030, phát triển trường đại học luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm với đào tạo pháp luật; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng”. (MC: Nghị quyết 3778/NQ-HĐT ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường). Đến năm 2022, trong Đề án Tiếp tục Xây dựng trường Đại học Luật Hà Nội và trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” tại Quyết định 1156, trường tiếp tục cải tiến chính sách trên cơ sở xác định mục tiêu cao hơn “Tiếp tục tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; trung tâm nghiên cứu và truyền bá pháp lý hàng đầu trong các cơ sở đào tạo pháp luật của Việt Nam, có vai trò dẫn dắt trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật của cả nước, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á và thế giới” (MC: Quyết định 1156 ngày 30/9/2022).

Cụ thể hóa mục tiêu chung trong chiến lược phát triển của Trường, quy mô đào tạo điều chỉnh tăng theo thời gian: Giai đoạn 2013- 2020 quy mô đào tạo khoảng 15.000 thì đến 2022 đã xác định quy mô cho giai đoạn 2022-2025 là 19.000 và đến 2030 đạt quy mô 21.000 sinh viên; (Minh chứng: QĐ 2392/2017, QĐ 548/2018 và QĐ 1156)

Các nội dung có tính đột phá trong chính sách phát triển đào tạo từ năm 2017 đến 2022 vừa nhằm đáp ứng những yêu cầu, điều kiện ngày càng khắt khe trong những thay đổi của Luật Giáo dục đại học năm 2018, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, nhưng điều quan trọng là hướng tới đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự chuyển đổi của xã hội đang số hóa và toàn cầu hóa. Việc định hướng phát triển đa dạng hóa ngành đào tạo theo hướng liên ngành, đa ngành; việc đầu tư phát triển công bố quốc tế, tăng cường tính ứng dụng thực tiễn của hoạt động khoa học; việc đẩy mạnh gắn kết công đồng thông qua các chương trình tư vấn, trợ giúp, thiện nguyện... của Nhà trường càng ngày càng được cụ thể hóa và chi tiết hóa hơn.

Nhà trường đã xây dựng triết lý giáo dục đó là “Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự tổ quốc” và theo đó, định hướng đào tạo và nghiên cứu khoa học, PVCĐ đều hướng đến phát triển cho sinh viên năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và khả năng thích ứng với môi trường phát triển theo xu hướng của thế giới hiện đại (MC: Quyết định 2216/2021 ban hành Chương trình đào tạo ngành Luật Chất lượng cao và các chương trình đào tạo khác).

Trong đào tạo trình độ đại học, trên cơ sở rà soát, đánh giá các quy định về đào tạo đại học hệ chính quy và hệ vừa học vừa làm được ban hành trong thời gian trước, Nhà trường đã điều chỉnh để ban hành các quy định mới vào các năm 2017, 2018 và năm 2021 (MC: các QĐ từ số 2719 đến 2726/2021 về công tác đào tạo). Quy chế đào tạo đại học năm 2021 đã tổng hợp các quy định về đào tạo đại học hệ chính quy và hệ vừa học vừa làm vào thống nhất trong một văn bản. Quy chế cũng đã xác định rõ việc xây dựng chương trình phải đảm bảo 3 nguyên tắc: (1) Căn bản, (2) Mở và (3) Linh hoạt của chương trình, đồng thời, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đảm bảo yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác. Quy chế cũng thể hiện rõ những điểm cải tiến trong tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường so với trước đây.

Trong đào tạo trình độ thạc sĩ, trên cơ sở rà soát, đánh giá các quy định về đào tạo trình độ Thạc sĩ trước đây (năm 2018), Nhà trường đã sửa đổi, điều chỉnh quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ (năm 2021). Quy chế về đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 đã tập trung vào một số chính sách chủ yếu sau đây: 1) Tăng chuẩn đầu vào về ngoại ngữ nhằm tăng chất lượng đào tạo, 2) Tăng số lần tuyển sinh hàng năm nhằm tuyển sinh tốt hơn, 3) Cho phép tổ chức theo hình thức vừa học vừa làm, 4) Cho phép đào tạo, đánh giá luận văn trực tuyến để tạo điều kiện cho người học có thể tham gia (MC: QĐ 2758/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/2018; QĐ93471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021; QĐ92949/QĐ-ĐHLHN ngày 27/8/2021)

Trong đào tạo trình độ tiến sĩ, trên cơ sở rà soát, đánh giá các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ trước đây, Nhà trường đã sửa đổi, điều chỉnh quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ (năm 2019, 2021, 2022) [MC: QĐ9261/QĐ-ĐHLHN ngày 24/1/2019; QĐ 2744/QĐ-ĐHLHN ngày/8/2021; QĐ 606/QĐ-ĐHLHN ngày 01/3/2022 về đào tạo tiến sĩ]. Quy chế về đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021, 2022 đã tập trung vào một số chính sách chủ yếu sau đây:

1) Yêu cầu cao hơn đối với người hướng dẫn NCS. theo Quy chế của Bộ GD&ĐT ở các khía cạnh: a) Phải có công trình nghiên cứu công bố quốc tế để minh chứng cho năng lực nghiên cứu, b) Các công trình nghiên cứu của người hướng dẫn nếu có đồng tác giả thì phải chia điểm, 2) Yêu cầu cao hơn đối với NCS: để bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở, NCS cũng phải đáp ứng các điều kiện theo Quy chế Bộ GD&ĐT liên quan tới công trình công bố nước ngoài; 3) Quy trình Thủ tục bảo vệ luận án của NCS cần thông qua thêm 1 bước là góp ý tại Bộ môn. 4) Tăng cường hỗ trợ NCS. Thành lập Hội đồng tư vấn tên đề tài luận án tiến sĩ để NCS có cơ hội nhận được các góp ý và có thể điều chỉnh tên đề tài khả thi và phù hợp hơn với thực tế (MC: QĐ 606/QĐ-ĐHLHN ngày 01/3/2022). Nhấn mạnh vai trò của đơn vị chuyên môn và Bộ môn trong công tác hỗ trợ, đôn đốc, giám sát NCS trong quá trình đào tạo của NCS. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học công nghệ, Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu... đã mở ra những cơ hội mới thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh [MC: QĐ 01/QĐ-ĐHHN ngày 22/01/2022, QĐ 1208/QĐ-ĐHLHN ngày 09/04/2021].

Nhà trường đã thực hiện công tác đối sánh CTĐT của Trường với CTĐT của các trường trong và ngoài nước cũng như đối chiếu với yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá CT đào tạo của Bộ giáo dục & đào tạo khi xây dựng các chương trình đào tạo mới cũng như khi rà soát các chương trình đào tạo hiện có để từng bước cải tiến CTĐT. Nhà trường cũng đã thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo chính quy (04 chương trình) theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & đào tạo và đăng ký kiểm định các chương trình này (MC: kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo và công văn gửi Trung tâm kiểm định Thăng Long đề nghị kiểm định chương trình đào tạo). Các đoàn khảo sát, đánh giá chất lượng của các trường đại học đối tác đã tới tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo, quản lý và cơ sở vật chất tại Trường trước và trong quá trình triển khai các chương trình liên kết đào tạo với Nhà trường (MC: Hồ sơ/ Biên bản làm việc với đại học Arizona Hoa kỳ trong quá trình xây dựng chương trình liên kết đào tạo)

### Cải tiến chính sách về NCKH

Chiến lược phát triển Trường ĐHLHN năm 2025 tầm nhìn 2030 đã nhấn mạnh tới mục tiêu phát triển trường đại học luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm với đào tạo pháp luật; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng. Chiến lược đã đề cập tới giá trị cam kết là cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao tri thức cập nhật có tính ứng dụng cao. Chiến lược đề cập tới các đột phá chiến lược là đổi mới cơ chế, chính sách hoạt động khoa học công

nghệ theo hướng tăng phân cấp, trao quyền tự chủ, đầu tư trọng điểm phát triển hướng nghiên cứu mũi nhọn (MC: Nghị quyết 3778/NQ-HĐT ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường).

Các chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học cũng có cải tiến rõ ràng từ chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2021 đến định hướng phát triển nghiên cứu khoa học giai đoạn 2018-2020 đến Đề án 1156 với các chỉ tiêu về công bố quốc tế được đẩy mạnh và nhất là chính sách phát huy vai trò của các nhà khoa học của Trường trong tham mưu xây dựng ban hành chính sách pháp luật của Nhà nước và kết hợp nghiên cứu khoa học ứng dụng cho các bộ ngành địa phương – nghiên cứu theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ (MC: Đề án 1156/QĐ-TTg ngày 30/9/2022)

Hiệu trưởng đã có Quyết định số 2392/QĐ-ĐHLHN ngày 14/8/2027 về chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 trong đó nhấn mạnh các trọng tâm gồm: 1) xác định rõ định hướng nghiên cứu của Nhà trường hướng đến các vấn đề mới về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, bám sát định hướng của TW về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước; bảo đảm và phát huy quyền con người, quyền công dân 2) đầu tư cho hoạt động KH&CN có trọng điểm, gắn với sản phẩm cụ thể, 3) huy động các nguồn lực bên ngoài cho hoạt động KH&CN, gắn kết nghiên cứu với các hoạt động phục vụ cộng đồng, yêu cầu của Bộ ngành, địa phương, 4) phát triển hoạt động NCKH của người học, gắn kết hoạt động NCKH của người học với hoạt động NCKH của giảng viên.

Quy định về chế độ làm việc và Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hàng năm theo hướng tăng cường khuyến khích, đầu tư và hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của viên chức, người lao động và người học. Quy định về chế độ làm việc được điều chỉnh theo hướng tăng yêu cầu về kết quả NCKH đối với các chức danh giảng viên có ngạch cao. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh theo hướng tăng chi cho các công bố khoa học có chất lượng cao trên các tạp chí có uy tín và các nhà xuất bản có uy tín (MC: QĐ 4911/QĐ-ĐHLHN ngày 25/12/2019; QĐ 1790 ngày 02/6/2017; QĐ 02 ngày 04/01/2022)

Trên cơ sở sửa đổi toàn diện Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ năm 2022 Nhà trường đã điều chỉnh và cải tiến các chính sách về NCKH tập trung vào một số điểm chính về chính sách phát triển hoạt động NCKH như sau: 1) Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học có chất lượng cao, 2) Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các địa phương, cơ quan nhà nước và phát huy vai trò của các đối tác là tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường để đẩy mạnh thu hút các nguồn lực và tạo cơ chế hữu hiệu triển khai các hoạt động NCKH, 3) tạo thêm nhiều cơ hội thực hiện nghiên cứu khoa học cho người học thông qua tham gia vào các đề tài/nhiệm vụ/chuyên đề nghiên cứu khoa học các cấp, 4) Tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động trong hoạt động NCKH cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường (MC: QĐ số 01 ngày 04/01/2022).

Nhằm triển khai các hoạt động nghiên cứu theo các hướng nghiên cứu đã được xác định, Nhà trường đã xây dựng chính sách và triển khai 05 Nhóm nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2022 với nhiều sản phẩm đăng ký công bố trong nước và nhiều sản phẩm

đăng ký công bố trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/Scopus (MC: Quy định về hướng dẫn nhóm nghiên cứu năm 2021; danh sách nhóm nghiên cứu năm 2021). Thông qua các chính sách tăng cường đầu tư có trọng điểm cho đội ngũ thể hiện trong các quy định, quy chế nói trên, Nhà trường đã triển khai nhiều chương trình, đề tài/nhiệm vụ/dự án nghiên cứu, hỗ trợ các hoạt động triển khai nghiên cứu, công bố, chuyển giao tri thức cho cộng đồng và thông qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ các nhà khoa học.

### **Cải tiến chính sách về PVCĐ**

Trong đề án xây dựng trường ĐHLHN thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật theo QĐ 1156/QĐ-TTg đã nhấn mạnh giá trị cam kết là triển khai các hoạt động xã hội thiết thực phục vụ cộng đồng. Mục tiêu của Trường là trở thành đại học định hướng nghiên cứu, dẫn đầu cả nước về đào tạo cán bộ pháp luật phục vụ nhà nước và xã hội [MC: QĐ 1156].

Nhà trường đã có các chính sách mới, chủ động phát triển các hoạt động phục vụ cộng đồng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của cộng đồng thông qua các cơ chế gồm Hội chợ việc làm (Job fair) tổ chức từ 2018 đến nay để phục vụ sự phát triển của cộng đồng và có chính sách triển khai nhiều hoạt động nâng cao kiến thức, trình độ cho cộng đồng những người yếu thế; đổi mới hoạt động phục vụ cộng đồng với các hoạt động như xây dựng các công trình thiện nguyện, các chương trình hè xanh tình nguyện giúp đỡ các vùng và người dân khó khăn, hiến máu nhân đạo... [MC: chương trình tình nguyện từ 2017 đến nay; chương trình Hiến máu nhân đạo từ 2017 đến nay].

Nhờ vào sự thay đổi các chính sách về phục vụ cộng đồng nên số lượng và chất lượng các hoạt động PVCĐ như các hoạt động Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, các khóa đào tạo Ngoại ngữ, Tin học, Kỹ năng mềm... gia tăng mạnh mẽ. Giai đoạn 2017-2021, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và nhiều cá nhân của Trường nhận được nhiều Bằng khen, Giấy khen của các tổ chức quốc tế, quốc gia, ở cấp Đoàn, Hội ở Trung ương và địa phương về hoạt động PVCĐ ví dụ như: Danh hiệu “Trường ĐH xuất sắc tiêu biểu (MC: các bằng khen, giấy khen của các Bộ ngành địa phương; của Hiệu trưởng). Hạt nhân thay đổi tạo tác động lớn nhất” tại cuộc thi Spirit of law – sáng tác tiểu phẩm tuyên truyền phổ biến pháp luật năm 2020 và 2021, đã đóng góp tích cực cho Bộ ngành Tư pháp thực hiện vai trò chủ đạo trong chính sách phổ biến pháp luật nhân ngày Pháp luật Việt Nam.

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

#### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn**

##### *1. Tóm tắt các điểm mạnh:*

- Nhà trường đã có một hệ thống hoàn chỉnh để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường đã phân công rõ các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách. Việc phân cấp để xây dựng các chính sách đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị trong xây dựng các chính sách. Nhà trường đã có



hệ thống các văn bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nội dung các chính sách phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Các chính sách được lấy ý kiến các bên liên quan, được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

- Nhà trường đã phân công rõ các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Để có thể triển khai việc theo dõi, giám sát được hiệu quả, tránh các phản ứng không phù hợp từ các đối tượng được theo dõi, giám sát, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, Nhà trường đã phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách tới viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường. Để đảm bảo việc xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách được hiệu quả, định kỳ và hàng năm, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách với các cơ quan cấp trên, với toàn thể viên chức, người lao động và người học.

- Nhằm đảm bảo các chính sách bám sát thực tiễn, tuân thủ các quy định hiện hành, Nhà trường đã ban hành hướng dẫn về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở các quy định về việc rà soát, Nhà trường định kỳ hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách theo kế hoạch. Nhà trường đã kịp thời phát hiện những bất cập, tiếp tục khẳng định những ưu việt trong chính sách để có thể thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách. Do có sự điều chỉnh, cập nhật kịp thời để bám sát thực tiễn và các quy định nên các bên liên quan bao gồm viên chức và người lao động, người học bên trong Trường và các tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

## 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách làm căn cứ để các đơn vị/bộ phận triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát một cách chặt chẽ, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh cụ thể.

- Sự phối hợp giữa đơn vị chủ trì soạn thảo và các đơn vị có liên quan trong quá trình soạn thảo các chính sách chưa đồng bộ. Quá trình tham gia ý kiến xây dựng chính sách của các đơn vị liên quan đôi lúc còn chậm.

- Sự tham gia của các bên bên ngoài Trường trong việc đề xuất, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường còn hạn chế.

## 3. Kế hoạch cải tiến

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh 1	Có hệ thống hiệu quả để xây dựng các chính sách về đào	- Tập thể LD Trường, - Phòng QLKH, Phòng HTQT, Phòng TT & QHĐN	Thường xuyên

		tạo, NCKH và PVCĐ	- Các đơn vị liên quan	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được theo dõi, giám sát thường xuyên để đánh giá kịp thời sự phù hợp với thực tiễn	- Tập thể LĐ Trường, - Phòng QLKH, Phòng HTQT, Phòng TT & QHĐN - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
3	Phát huy điểm mạnh 3	Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến trên cơ sở kết quả đánh giá thường xuyên đảm bảo sự hài lòng của các bên liên quan	- Tập thể LĐ Trường, - Phòng QLKH, Phòng HTQT, Phòng TT & QHĐN - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách	- Hiệu trưởng - Phòng Thanh tra, HCTH - Phòng TCCB, PĐT, QLKH, CTSV	Hết quý IV/2022
5	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường sự phối hợp, đồng bộ hóa quy trình soạn thảo, ban hành các chính sách để đảm bảo tiến độ thực hiện.	- Tập thể LĐ Trường, - Phòng QLKH, Phòng HTQT, Phòng TT & QHĐN - Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022-2023
6	Khắc phục tồn tại 3	Thực hiện các giải pháp tăng cường sự tham gia của các bên bên ngoài Trường trong việc đề xuất, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường.	- Tập thể LĐ Trường, - Phòng QLKH, Phòng HTQT, Phòng TT & QHĐN - Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022-2023

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>6</b>
Tiêu chí 5.1	6
Tiêu chí 5.2	6

Tiêu chí 5.3	6
Tiêu chí 5.4	6

## **Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực**

### ***Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng***

*1. Có kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD:*

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên được Nhà trường xác định là một trong những nội dung quan trọng nhằm hiện thực hóa sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, kế hoạch chiến lược. Nhà trường đã có kế hoạch đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực CB, GV, NV của các đơn vị phục vụ công tác ĐT, NCKH, PVCD. Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổng thể xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”. Theo Đề án: Mục tiêu phát triển đội ngũ giảng viên của hai Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng với các nhiệm vụ: Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ tiêu chuẩn theo Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ...đến năm 2020, Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 1.400 giảng viên, trong đó khoảng 90% có trình độ sau đại học (khoảng 40% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên chính) và có từ 25 đến 30 giảng viên có thể giảng dạy ở nước ngoài. Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước; mời các giáo sư có uy tín là người Việt Nam yêu nước định cư ở nước ngoài, các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các tòa án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên.

Để thực hiện mục tiêu đã nêu ra trong Đề án, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; ban hành Nghị quyết của Đảng ủy (năm 2019) về tăng cường nguồn nhân lực của Trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Hàng năm Trường đều báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện Quyết định 549. Báo cáo của Trường đã được ghi nhận và thể hiện Trong Nghị quyết số 54-NQ/BCSD của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp về lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật đến năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030 ngày 26 tháng 4 năm 2019. Theo Nghị Quyết 54, Trường đã đạt được các kết quả quan trọng về *tổ chức bộ máy, đội ngũ giảng viên ngày càng được củng cố, kiện toàn cả về số lượng và chất lượng; quy mô đào tạo từng bước được mở rộng; hoạt động nghiên cứu khoa học đạt được nhiều kết quả tích cực; hợp tác quốc tế và hợp tác với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước ngày càng thực chất ... góp phần quan trọng vào việc thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật cho đất nước*”. Nghị quyết cũng chỉ ra một số vấn đề tồn tại đối với cơ cấu tổ chức một số đơn vị; chất lượng số lượng giảng viên chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Trường. Trên

cơ sở Nghị Quyết 54 đã đề ra, Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp đã ban hành Kế hoạch số 2646/QĐ-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2020 triển khai thực hiện Nghị Quyết 54.

Trong bối cảnh mới, để tiếp tục phát huy những thế mạnh của Trường và khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong Nghị Quyết số 54, hiện thực hoá Kế hoạch số 2646, Trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030. Chiến lược thể hiện nhiều nội dung tuyển dụng bồi dưỡng, quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, thu hút tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Các văn bản trên đây đã thể hiện định hướng, quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện các chương trình đào tạo (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cụ thể:

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, trong đó có xác định các mục tiêu của giai đoạn 2021 – 2025 và 2025 – 2030 về phát triển đội ngũ giảng viên: Theo đó xác định phát triển “*Đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế: Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Hà Nội có khoảng 450 người, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra trong Quyết định 549/QĐ-TTg trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 40%, trong đó tối thiểu 15% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 50%, trong đó ít nhất 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên được đào tạo tại nước ngoài; xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến năm 2030 có thể đảm nhiệm ít nhất 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường.*”

Nghị quyết số 24-NQ/ĐU ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Đảng ủy Trường về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật đã xác định các mục tiêu và biện pháp thực hiện: “*Xây dựng được đội ngũ giảng viên cơ hữu và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đủ về số lượng và mạnh về chất lượng, có trình độ chuyên môn và năng lực giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn khoa học đảm bảo tỷ lệ 25 sinh viên/01 giảng viên; Phấn đấu đến năm 2020, Trường Đại học Luật Hà Nội có khoảng 40% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên chính.*”

*Đến năm 2025, có 30 lượt giảng viên của Trường có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành, trong đó, mỗi năm có ít nhất 01 giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS; Mỗi bộ môn, đặc biệt là các bộ môn luật chuyên ngành có từ 01 đến 02 giảng viên có thể trao đổi chuyên môn, giảng dạy luật bằng ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh và có thể tham gia giảng dạy luật ở nước ngoài; hàng năm, mỗi Khoa chuyên môn cử từ 01 giảng viên trở lên đi học tập, nghiên cứu, trao đổi ở nước ngoài.*”

Về phương thức thực hiện, Chiến lược phát triển Trường xác định “*Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng theo hướng: phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị, xác định cơ cấu giảng viên theo hướng tăng tỷ lệ tiến sĩ; thu hút các giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài theo các mục tiêu của Chiến lược này. Chú trọng rà soát, đánh giá chất*

*lượng đội ngũ giảng viên thông qua năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật; đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.*

*- Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước; mời các giáo sư, chuyên gia pháp luật có uy tín là người Việt Nam ở nước ngoài, các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các tòa án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên.”[MCH1.06.01.01: Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổng thể xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”]; [MC H1.06.01.02: Chiến lược phát triển trường đến năm 2030]; [MC H1.06.01.03: Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường]*

*2. Có quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, tuân thủ các quy định hiện hành:*

*Về định hướng phát triển nguồn nhân lực, Trường có dự kiến dài hạn về phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2022 – 2026. Theo đó, đến năm 2026, Nhà trường dự kiến số lượng người làm việc năm 2026 là 640 người, trong đó có 450 giảng viên để đảm bảo thực hiện khối lượng công việc. (MC: Báo cáo số 3193/BC-ĐHLHN ngày 22/9/2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội về tình hình, kết quả thực hiện quản lý biên chế gắn với vị trí việc làm giai đoạn 2016-2021; đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 và hằng năm). Ngoài ra, định hướng phát triển đội ngũ giảng viên tiếp tục được khẳng định trong định hướng và Đề án tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. [MCH1.06.01.04: Đề án tiếp tục thực hiện 549 sẽ được cập nhật].*

*Việc tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ nhân sự để bổ nhiệm, điều chuyển thực hiện theo đúng quy định của Luật viên chức (sửa đổi), Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan và Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội. Các tiêu chí tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của Luật giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội; Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; các văn bản quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với từng vị trí việc làm. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên được xây dựng trên định hướng tổng số người làm việc của Trường, định hướng phát triển cơ cấu nhân sự, nhu cầu công việc, đề xuất của*

các đơn vị và thể hiện cụ thể trong Kế hoạch tuyển dụng của Trường. Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm được ban hành, được rà soát trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của nhiều bên có liên quan và Hội đồng trường ban hành, công nhận làm cơ sở chung cho việc thực hiện. Đối với viên chức hành chính sau khi được tuyển dụng, Nhà trường áp dụng quy định của pháp luật liên quan đến tập sự đối với viên chức theo từng vị trí việc làm để yêu cầu viên chức trải qua quá trình tập sự trước khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; cử những viên chức có kinh nghiệm thuộc đơn vị (đa phần là lãnh đạo đơn vị) để hướng dẫn tập sự cho viên chức mới được tuyển dụng, trong đó xác định rõ các nội dung, yêu cầu, người hướng dẫn tập sự và các yêu cầu phải đạt được qua thời gian tập sự. Thời gian, nội dung tập sự thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. **[MC: Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội; Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội Khung năng lực vị trí việc làm của Trường]**

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực hiện các hoạt động chuyên môn của Trường, Hội đồng trường đã xác định tổng số người làm việc trong năm, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên. **[MC: Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 18/5/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc tiếp tục thực hiện có thời hạn và quy định bổ sung một số quy chế, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.06: Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 17/02/2021 về việc xác định số người làm việc năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.07: Nghị quyết số 09/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 08/02/2022 về việc xác định số lượng người làm việc và chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động của Trường năm 2022 và những năm tiếp theo]**

Chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động của Trường được xác định gồm có:

“1. Công tác phát triển nguồn nhân lực của Trường nói chung và công tác tuyển dụng viên chức, người lao động nói riêng nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng Trường trở thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu theo Đề án xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, Nghị quyết 54-NQ/BCSD của Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp; Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030. Công tác tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực phải gắn với việc xây dựng tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại.

2. Chú trọng tuyển dụng, thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế nhằm đạt các mục tiêu theo Đề án xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật và Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030; ưu tiên, chú trọng việc thu hút người có phẩm chất, năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác, nhất là người có trình độ tiến sỹ, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc được đào tạo sau đại học ở nước ngoài đến làm việc cho Trường.

3. Đảm bảo công tác tuyển dụng thực hiện đúng theo các quy định của Luật Viên

chức (sửa đổi), Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức và các quy định có liên quan của pháp luật, của Bộ Tư pháp và của Trường; đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và hiệu quả; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế nội bộ về tuyển dụng, quản lý, sử dụng và đánh giá viên chức, người lao động của Trường.

4. Đổi mới nội dung, phương thức tuyển dụng để lựa chọn được người thực sự có phẩm chất, năng lực, trình độ và mong muốn cống hiến về làm việc cho Trường; kết hợp linh hoạt nhiều hình thức, phương thức tuyển dụng; thu hút người có năng lực, trình độ; sử dụng linh hoạt, có hiệu quả cơ chế tuyển dụng viên chức và ký hợp đồng lao động, hợp đồng khoán công việc, sản phẩm để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn của Trường. Tiếp tục thực hiện chủ trương ký hợp đồng lao động làm công tác trợ giảng tạo nguồn phát triển đội ngũ giảng viên có chất lượng.

5. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng chế độ đãi ngộ khi thu hút người có năng lực, trình độ chuyên môn cao, có trình độ tiến sỹ, có chức danh giáo sư, phó giáo sư về làm việc cho Trường

6. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động trong Trường.”

Nhờ có việc quy hoạch nguồn nhân lực trên cơ sở đánh giá, rà soát nhu cầu nguồn nhân lực mà Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ CV, GV, NV đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên tại các đơn vị được đề xuất theo nhu cầu thực tế phù hợp với quy định và kế hoạch phát triển nhân sự chung của Nhà trường. Trong giai đoạn vừa qua, cụ thể là năm 2019, Trường tổ chức 01 đợt tuyển dụng viên chức để đảm bảo nguồn lực phát triển nguồn nhân lực của Trường; kết quả, Trường đã tuyển dụng được 29 giảng viên [**MCH1.06.01.08: Các quyết định và danh sách công nhận thí sinh trúng tuyển năm 2019**]. Ngoài ra, Trường chú trọng việc thu hút, tiếp nhận viên chức từ các đơn vị khác, có năng lực, trình độ và khả năng đáp ứng ngay yêu cầu của vị trí việc làm; quy trình thực hiện khuyến khích các đơn vị giới thiệu nguồn nhân sự chất lượng cao để đề xuất, thu hút về Trường (bên cạnh nguồn giới thiệu từ phía nhà trường); kết quả từ năm 2018 đến nay, Trường đã thu hút ??? giảng viên, trong đó có ??? PGS, ??? TS, ??? ThS. Bên cạnh đó, thực hiện chính sách và cơ chế ký hợp đồng lao động để làm công tác trợ giảng đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu thống nhất nhằm thu hút, tạo nguồn nhân sự tốt cho sự phát triển đội ngũ giảng viên của Trường, Nhà trường đã ký hợp đồng lao động làm công tác trợ giảng đối với ??? ứng viên, trong đó có ??? 2 cá nhân có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc; ??? cá nhân tốt nghiệp thạc sĩ tại các trường đại học có uy tín tại nước ngoài. [**MCH1.06.01.09: Danh sách viên chức được tiếp nhận về Trường trong giai đoạn 2018 – 2022**]. Việc xác định nhu cầu tuyển dụng hằng năm được tính toán trên cơ sở tổng số biên chế (người làm việc), tính toán biến động nhân sự do nghỉ hưu, chuyển công tác...; khối lượng công việc của đơn vị và lộ trình phát triển chuyên môn. [**MCH1.06.01.10: Báo cáo về đề xuất tuyển dụng năm 2019**].

Bên cạnh đội ngũ này, Nhà trường chú trọng công tác phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng các bậc, hệ, chương trình đào tạo phát triển với gần 300 người là các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các cơ quan tòa án,

các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên; bước đầu thu hút, trao đổi một số chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường. Bên cạnh đó, nhằm mục đích tạo điều kiện cho hoạt động thỉnh giảng, Nhà trường đã ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên trong Trường. **[MC H1.06.01.11: Quyết định số 2666/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành “Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên” trong Trường Đại học Luật Hà Nội; Danh sách GV thỉnh giảng].**

Trong giai đoạn 05 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho chương trình đào tạo, Nhà trường đã luôn quan tâm và đầu tư đặc biệt cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của các trình đào tạo. Hàng năm, khoảng hơn 200 lượt giảng viên đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. **[MCH1.06.01.12: Danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng 05 năm].**

#### **THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU QUA CÁC NĂM**

STT	Năm	TS giảng viên cơ hữu	GS	PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân
1	2018	309	3	37	90	167	12
2	2019	307	4	38	90	167	8
3	2020	316	4	38	98	170	6
4	2021	317	4	35	101	174	3
5	2022						

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của giảng viên được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cụ thể về việc gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng đối với các giảng viên làm việc theo chế độ hợp đồng chuyên gia 12 tháng, giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư. Việc kéo dài thời gian làm việc của giảng viên được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định riêng của Nhà trường **[MCH1.06.01.13: Quyết định số 267/QĐ-ĐHLHN ngày 30/01/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định về kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu]; [MC H1.06.01.14: Quyết định số 4397/QĐ-ĐHLHN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 267/QĐ-ĐHLHN quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu].** Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng, nghỉ hưu, kéo dài thời gian làm việc đều được thông báo trước tới các đơn vị và cá nhân. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cá nhân, đúng quy định pháp luật.

Theo kế hoạch công tác, Nhà trường định kỳ tiến hành rà soát quy hoạch công tác cán bộ, bao gồm quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, cấp Khoa, Phòng đến Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Ngoài ra, công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên nhìn chung đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[MC H1.06.01.15: Các văn bản về rà soát quy hoạch cán bộ từ năm 2018 – 2022]**



## **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:5/7**

***Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến***

*1. Có văn bản quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đáp ứng các quy định hiện hành:*

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt bổ nhiệm, sắp xếp và điều chuyển nhân sự thực hiện theo đúng quy định của Luật viên chức (sửa đổi), Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), các văn bản pháp luật có liên quan và theo quy định của Bộ Tư pháp, của Trường như: Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội; Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Trên cơ sở kế hoạch công tác năm và tính toán nhu cầu về nhân lực, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu về cả đạo đức và năng lực học thuật. Các đơn vị trong Trường có kế hoạch tuyển dụng một số vị trí nhân sự để trình Ban giám hiệu phê duyệt, trong KH có nêu rõ tiêu chí tuyển dụng đặc thù cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí điều kiện theo đúng các quy định của pháp luật và của Trường đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định. ***[MC: đề xuất tuyển dụng của các đơn vị trong Trường].***

Các yêu cầu tuyển dụng và lựa chọn nhân sự được thể hiện trong Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019 như sau:

- *Người dự tuyển làm giảng viên phải có bằng tốt nghiệp thạc sỹ trở lên, bên cạnh đó bằng tốt nghiệp đại học phải đạt từ loại Khá trở lên, có điểm trung bình chung toàn khóa đạt 7.0 trở lên. Kết quả học tập của các học phần môn dự tuyển làm giảng viên phải đạt điểm thi lần một từ 7.0 điểm trở lên (Đối với người dự tuyển làm giảng viên Khoa Pháp luật thương mại quốc tế, nếu không tốt nghiệp mã ngành Luật Thương mại quốc tế thì kết quả học tập môn Luật Thương mại hoặc Luật Thương mại quốc tế phải đạt điểm thi lần một từ 7.0 trở lên). Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp ở nước ngoài sẽ được Hội đồng tuyển dụng xét duyệt từng trường hợp cụ thể.*

- *Có năng lực sư phạm và khả năng nghiên cứu khoa học;*

- *Có ngoại hình và phong cách phù hợp với công tác giảng dạy.*

- *Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ*

ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Đối với giảng viên sau khi được tuyển dụng, Nhà trường có quy định cụ thể và thực hiện theo Quy định về chế độ tập sự đối với viên chức Trường Đại học Luật Hà Nội; trên cơ sở đó nhà trường tổ chức thực hiện hướng dẫn tập sự theo quy định, trong đó mỗi giảng viên mới được tuyển dụng đều được đơn vị cử những nhà giáo có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, có uy tín trong đơn vị làm người hướng dẫn tập sự. Đồng thời, giảng viên trong thời gian tập sự phải tham gia các khóa học về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm, soạn bài giảng và giảng dạy học phần các môn được giao, dự giờ, tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia đầy đủ các hoạt động khác của Nhà trường để được xét công nhận hết tập sự. Hoàn thành thời gian tập sự, giảng viên thực hiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định và Nhà trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo việc thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường đã lồng ghép chính sách thu hút nhân sự trong kế hoạch tuyển dụng viên chức và trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030. Theo đó, “ưu tiên những người đã có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương ứng” hoặc “thu hút giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài”.

Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường đã tuyển dụng, thu hút ??? giảng viên, trong đó có ??? phó giáo sư, tiến sĩ, ??? thạc sĩ và ??? cử nhân loại giỏi.

<b>Thống kê số lượng viên chức được tuyển dụng, tiếp nhận về Trường trong giai đoạn 2018 - 2022</b>				
<b>Thời gian</b>	<b>Số lượng được tuyển dụng/tiếp nhận</b>			
	<b>Tổng số</b>	<b>Giảng viên</b>	<b>Trợ giảng</b>	<b>Viên chức hành chính</b>
Năm 2018	<b>5</b>	3		2
Năm 2019	<b>24</b>	19		5
Năm 2020	<b>4</b>	3		1
Năm 2021	<b>2</b>	0		2
Năm 2022				
<b>Tổng số</b>				

2. Có văn bản quy định về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự:

Nhà trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý,

trong đó nhấn mạnh các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Thủ tục bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư được thực hiện theo Quyết định 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp giảng viên (giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên) được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Trong giai đoạn 2018 – 2022, Nhà trường đã bổ nhiệm 01 giáo sư, 12 phó giáo sư, 45 giảng viên cao cấp, 35 giảng viên chính.

*3. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau:*

Hệ thống các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được Nhà trường phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau. **Các kế hoạch tuyển dụng của Nhà trường được thông báo công khai** đến các đơn vị, trên website của Nhà trường (<http://hlu.edu.vn>), trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo Pháp luật Việt Nam; báo Nhân dân) thông báo tuyển dụng nêu rõ tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng. Trường ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; ưu đãi đội ngũ giáo sư, phó giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo. [**MCH3.06.03.01: Bản chụp Cổng TTĐT/Đăng báo/Công văn/Kế hoạch triển khai tuyển dụng**].

**Các quy định liên quan đến bổ nhiệm, điều chuyển được công khai đến các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Trường** với nhiều hình thức, theo đúng các quy định gồm có: Gửi Công văn/thông báo/thư điện tử đến các đơn vị của Trường/Công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường [**MCH3.06.03.02: Bản in thư điện tử/Bản sao Công văn phổ biến/quán triệt/Bản in Cổng TTĐT**].

Nhà trường luôn chú trọng việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên. Tính đến tháng 8/2022, trong 317 giảng viên có 04 giáo sư, 35 phó giáo sư, 101 tiến sĩ, 174 thạc sĩ, 03 cử nhân [**MCH2.06.02.05: Danh sách giảng viên cơ hữu kèm trình độ và độ tuổi tính đến thời điểm đánh giá**].



**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: Mức 5/7**

**Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau**

1. Có bản mô tả các năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau:

Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường đã xác định tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau. Đề án vị trí việc làm của Trường đã xác định 3 nhóm vị trí việc làm. Trong đó, nhóm I – nhóm lãnh đạo quản lý bao gồm 10 vị trí; nhóm II – nhóm chuyên môn nghiệp vụ bao gồm 9 vị trí; nhóm III – nhóm hỗ trợ, phục vụ bao gồm 13 vị trí. Đối với mỗi vị trí việc làm, đề án có mô tả rõ tên công việc, tên sản phẩm cùng với kết quả công việc thực hiện trong năm. Bên cạnh đó, Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường đã xác định tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau. [MC: Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường].

2. Có văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên:

Tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định cụ thể trong Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên và Bộ tiêu chuẩn đánh giá giảng viên, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. [MC H4.06.04.02: Bộ tiêu chuẩn và Quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên, ban hành theo Quyết định 2536/QĐ-ĐHLHN ngày 08/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H2.06.02.07: Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban (hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)].

Theo đó, để xác định mục tiêu, khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ khác, Nhà trường đã ban

hành các quy định phù hợp ở từng thời kỳ để hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện gồm có Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội và Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội). Quy chế làm việc của giảng viên của Trường đưa ra các quy định về định mức giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khác của giảng viên để làm căn cứ xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện chế độ chính sách đối với giảng viên. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác trong Trường là 1760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định. **[MC H2.06.02.08: Quyết định 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2016 của Trường đại học Luật Hà Nội ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.]**

Tổng quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Nhiệm vụ \ Chức danh	Giảng viên (hạng III)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên cao cấp (hạng I)
Giảng dạy	810 giờ	810 giờ	810 giờ
Nghiên cứu khoa học	600 giờ	700 giờ	800 giờ
Thực hiện các nhiệm vụ khác	350 giờ	250 giờ	150 giờ
<b>Tổng cộng</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>

Ngày 30/6/2021, Hiệu trưởng ban hành Quyết định 2273/QĐ-ĐHLHN về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong Quy định này số giờ NCKH cho giảng viên phải thực hiện trong một năm gồm: 600 giờ (Giảng viên hạng III); 800 giờ (GV hạng II); 1000 giờ (GV hạng I). Riêng giảng viên cơ hữu công tác tại Viện Luật so sánh, định mức giờ NCKH phải thực hiện là 700 giờ (GV hạng III), 900 giờ (GV hạng II), 1000 giờ (GV hạng I). Theo quy định này thì số giờ định mức NCKH cho giảng viên đều nhiều hơn cho mỗi chức danh theo đúng định hướng nghiên cứu của Trường.

Trong các quy định tuyển dụng và thông báo tiêu chí tuyển dụng cũng nêu rõ các tiêu chí năng lực đội ngũ. Chẳng hạn, các yêu cầu tuyển dụng được thể hiện trong Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019 như sau:

- Người dự tuyển làm giảng viên phải có bằng tốt nghiệp thạc sỹ trở lên, bên cạnh đó bằng tốt nghiệp đại học phải đạt từ loại Khá trở lên, có điểm trung bình chung toàn khóa đạt 7.0 trở lên. Kết quả học tập của các học phần môn dự tuyển làm giảng viên phải đạt điểm thi lần một từ 7.0 điểm trở lên (Đối với người dự tuyển làm giảng viên Khoa Pháp luật thương mại quốc tế, nếu không tốt nghiệp mã ngành Luật Thương mại quốc tế thì kết quả học tập môn Luật Thương mại hoặc Luật Thương mại quốc tế phải đạt điểm thi lần một từ 7.0 trở lên). Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp ở nước ngoài sẽ được Hội đồng tuyển dụng xét duyệt từng trường hợp cụ thể.

- Có năng lực sư phạm và khả năng nghiên cứu khoa học;

- Có ngoại hình và phong cách phù hợp với công tác giảng dạy.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/ TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng

lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ viên chức hành chính, nhân viên còn được xác định theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí của từng việc làm, đồng thời kết hợp các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, và được công khai đến toàn thể viên chức trong Trường.

Với quy trình như trên, việc đánh giá đội ngũ viên chức hành chính và nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan về cơ bản đã có sự tham gia của nhiều bên: cá nhân người tự đánh giá, ý kiến đánh giá của đồng nghiệp trong đơn vị, lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo trường phụ trách đơn vị.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường kết hợp đánh giá năng lực, thái độ làm việc thông qua hoạt động đối thoại với người học, Hội nghị viên chức các đơn vị và của Trường; các hội nghị giao ban, triển khai công việc của Trường, các hiện tượng, bất cập, hạn chế của đội ngũ nhân viên được phát hiện và kịp thời có các chỉ đạo, nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục. **[MC H3.07.03.01: Biên bản đối thoại với sinh viên]**

Kết quả đánh giá viên chức là cơ sở để bình xét thi đua, đồng thời là cơ sở cho việc thực hiện các hoạt động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đáp ứng yêu cầu phát triển theo định hướng chiến lược chung của Nhà trường.

Ngoài ra, các tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ giảng viên còn được lồng ghép xác định tại Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 và Nghị quyết phát triển nguồn nhân lực của Đảng ủy, cụ thể:

Về tin học: “Đến năm 2025, 1005 đội ngũ quản lý, giảng viên, chuyên viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; phấn đấu đến năm 2030, 100% viên chức công nghệ thông tin chuyên trách đạt chuẩn kỹ sư quốc tế về công nghệ thông tin.” **[MCH4.06.04.03: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030]**

Về ngoại ngữ: “Phấn đấu đến năm 2025, cán bộ quản lý có thể sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong công việc; giảng viên từ 40 tuổi trở xuống có trình độ tiếng Anh IELTS đạt mức 6.5 hoặc tương đương trở lên hoặc một ngôn ngữ phổ biến khác với trình độ tương đương...; Thực hiện chính sách bắt buộc giảng viên mới được tuyển dụng trong năm 2019 phải có trình độ tiếng Anh IELTS đạt mức 5.5 hoặc tương đương trở lên do các tổ chức quốc tế tổ chức thi và cấp bằng để được công nhận hết tập sự sau tuyển dụng; sau 03 năm, kể từ khi được công nhận hết tập sự giảng viên phải có trình độ tiếng Anh IELTS đạt mức 6.5 hoặc tương đương trở lên do các tổ chức quốc tế tổ chức thi và cấp bằng để được ký hợp đồng không xác định thời hạn.”

**[MCH4.06.04.04: Nghị quyết số 24-NQ/ĐU ngày 10/6/2019 của Đảng ủy Trường Đại học Luật Hà Nội về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phát triển**

***nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.***

Hiện nay Trường đang xây dựng Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động của Trường và Bộ tiêu chí về đánh giá, phân loại đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động Trường Đại học Luật Hà Nội và dự kiến ban hành trong năm 2022 để cụ thể hoá các quy định của pháp luật, đồng thời làm căn cứ để đánh giá chi tiết hơn mức độ thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên. **[MCH3.07.03.02: Quy định về đánh giá viên chức của Chính phủ và Bộ Tư pháp].**

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó***

***1. Có quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, GV và nhân viên ở các cấp trong CSGD:***

Hàng năm, trên cơ sở thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NV thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị thuộc Trường, Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động của Trường. Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 đã nêu rõ một trong những giải pháp để phát triển tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự đó là đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật; đa dạng hóa hợp tác nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên. **[MC H5.06.05.01: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm]; [MC H5.06.05.02: Quy trình ISO về đào tạo, bồi dưỡng]; [MC H5.06.05.03: Bảng tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong 5 năm]; [MC H5.06.05.04: Các văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Bộ].**

Bên cạnh việc khảo sát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, Nhà trường cũng thực hiện khảo sát, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho viên chức giai đoạn 05 năm, trong đó ưu tiên công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên. **[MC H5.06.05.05: Hồ sơ xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2021 – 2025]**

Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu, yêu cầu của các chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn được nhà trường thực hiện theo đúng yêu cầu; đối với GV tập sự thì phải đảm bảo đầy đủ theo đúng yêu cầu của Quy định về chế độ tập sự đối với giảng viên.

Thực tiễn cho thấy, trong 05 năm thuộc giai đoạn đánh giá, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên tăng từng năm, tập trung phần lớn vào đối tượng giảng viên dưới 40 tuổi; tập trung ở các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy, tin học, ngoại ngữ, lý luận chính trị.

Đối với chính sách hỗ trợ cho GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng: Hiện nay, Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày

30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 273/QĐ-BTP ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Tư pháp và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Cụ thể, Nhà trường có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước như: thông báo thông tin chiêu sinh các khóa học, thông tin về các chương trình học bổng trong và ngoài nước đến toàn bộ giảng viên; hỗ trợ các thủ tục đăng ký học bổng; ra quyết định cử đi học; theo dõi quá trình học tập. Giảng viên được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên được giảm trừ nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (theo quy định tại Quy chế làm việc của giảng viên). Về kinh phí, giảng viên khi được Nhà trường cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng sẽ được chi trả kinh phí học tập, chi phí tài liệu và các chi phí bắt buộc khác theo yêu cầu của khóa học. Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên khi tham gia các đợt tập huấn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nội bộ trên cơ sở nhu cầu đã khảo sát, thu hút đồng đảo sự tham gia của giảng viên. **[MC H5.06.05.06: Thông tư 36/2018/TT-BTC]; [MC H5.06.05.07: Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Tư pháp], [MC H5.06.05.08: Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2021]**

2. *Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của CSGD:*

Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được xây dựng dựa trên nhu cầu phát triển đội ngũ giảng viên Nhà trường; xuất phát từ chính đề xuất của các đơn vị và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chung của Trường. Hằng năm, Phòng Tổ chức cán bộ thực hiện thông báo tới các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm hoặc theo giai đoạn hoặc theo chuyên đề. Thủ trưởng các đơn vị thông báo tới toàn thể viên chức thuộc đơn vị mình được biết, thực hiện triển khai tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, bồi dưỡng theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp. Dựa trên cơ sở khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NV Phòng Tổ chức cán bộ sẽ tổng hợp, xây dựng Dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức của Nhà trường trong năm, trong đó dự thảo chi tiết số lượng viên chức dự kiến cử đi đào tạo, bồi dưỡng của từng loại hình, nội dung, kinh phí tổ chức các khóa học cho viên chức Nhà trường, trọng tâm là đội ngũ giảng viên, trình Ban giám hiệu thảo luận, cho ý kiến trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành. Đối với một số khóa học đặc thù, khi triển khai trên thực tế, Phòng Tổ chức cán bộ triển khai khảo sát trong nội bộ giảng viên Nhà trường về nội dung, hình thức học tập mong muốn, trên cơ sở đó xây dựng nội dung khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp theo nhu cầu. **[MC H5.06.05.05: Hồ sơ xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức từ năm 2018 – 2022]; [MC H5.06.05.09: Phiếu khảo sát nhu cầu đối với khóa học cụ thể].**

3. *Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được triển khai thực hiện:*



Sau khi Hiệu trưởng ký ban hành, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm được triển khai rộng rãi trong toàn trường dưới sự tham mưu của đơn vị chủ trì là Phòng Tổ chức cán bộ. Các thông báo khóa học từ các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngay khi về đến Trường đều được thông báo, triển khai rộng rãi đến các đơn vị và viên chức trong trường để đề xuất và đăng ký. Bên cạnh đó, căn cứ theo kế hoạch, Phòng Tổ chức cán bộ cũng chủ động kết hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín, xây dựng phương án tổ chức các khóa bồi dưỡng cho viên chức Nhà trường theo nhu cầu hàng năm. Song song với việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức của Trường, Nhà trường kết hợp thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Tư pháp, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu. Theo Quyết định của Bộ Tư pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội có 08 giảng viên thuộc danh sách viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu.

Qua rà soát, thống kê, tính đến tháng 8/2021, có tổng số 295/309 giảng viên cơ hữu thuộc biên chế, chiếm tỉ lệ 95.5% của Nhà trường đã được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị trong 05 năm thuộc chu kỳ đánh giá. Các giảng viên không tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong 05 năm vừa qua là các giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư, có trình độ chuyên môn cao, đang thực hiện kéo dài thời gian làm việc. [MCH5.06.05.10: *Bảng tổng hợp kết quả đào tạo bồi dưỡng của viên chức toàn trường trong 05 năm từ 2017 – 2021*].

Tình hình tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học của giảng viên trong 05 năm gần được thể hiện tại Bảng sau:

**THỐNG KÊ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN**  
**Từ 2017 - 2021**

STT	Năm	Tổng	Loại hình đào tạo, bồi dưỡng						
			Đào tạo	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng làm việc	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN, chức vụ LD, VTVL	Tin học	Ngoại ngữ	Quốc phòng an ninh, Lý luận chính trị	Hội thảo, hội nghị, trao đổi kinh nghiệm
1	2018	368	5	79	160		39	37	48
2	2019	295	13	77	54	71	3	39	38
3	2020	356	13	73	20	65	41	131	13
4	2021	196	5	74	12	4	27	72	2
5	2022								
<b>Tổng:</b>		<b>1391</b>	<b>52</b>	<b>371</b>	<b>254</b>	<b>140</b>	<b>114</b>	<b>284</b>	<b>176</b>

Ngoài ra, trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng cho giảng viên trên cơ sở nhu cầu của giảng viên và nguồn kinh phí được phân bổ từ các Đề án. Cụ thể tại bảng sau:

**THỐNG KÊ CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG DO NHÀ TRƯỜNG TỔ CHỨC**

STT	Năm tổ chức	Tên khóa học	Số lượng GV tham gia
-----	-------------	--------------	----------------------

1.	2018	Lớp Bồi dưỡng tiếng Anh pháp lý cho giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội	20
2.	2018	Lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp	41
3.	2018	Lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính	44
4.	2018	Tập huấn dạy học tiếp cận năng lực cho giảng viên	38
5.	2018	khóa tiếng Anh chuyên ngành luật và phương pháp giảng dạy luật bằng tiếng Anh cho viên chức	20
6.	2019	Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên	40
7.	2019	Lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính	44
8.	2019	Lớp Bồi dưỡng tin học đạt chuẩn theo TT03	69
9.	2020	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và an ninh đối tượng 4	101
10.	2020	Lớp Bồi dưỡng Kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch	29
11.	2020	Lớp Bồi dưỡng kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	24
12.	2020	Lớp bồi dưỡng tiếng Anh học thuật	32
13.	2020	Lớp Bồi dưỡng tiếng Anh trong môi trường công sở	9
14.	2020	Lớp bồi dưỡng kỹ năng hành chính	8
15.	2021	Lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4	53
16.	2021	Lớp Bồi dưỡng tiếng Anh học thuật từ kinh phí của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	20
17.	2021	Lớp Bồi dưỡng văn hóa công sở	31
18.	2022		

Hàng năm, Nhà trường đều chọn, cử đội ngũ viên chức hành chính, nhân viên của trường tham gia các chương trình đào tạo dài hạn như: Đào tạo bậc cao đẳng, đại học, sau đại học và các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm, ngạch viên chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng cao kỹ năng làm việc, tin học, ngoại ngữ.

Tình hình tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học của đội ngũ viên chức hành chính, nhân viên trong 05 năm gần đây

được thể hiện qua bảng thống kê sau:

**THỐNG KÊ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH Từ 2017 - 2021**

STT	Năm	Tổng	Loại hình đào tạo, bồi dưỡng						
			Đào tạo	Bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng làm việc	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN, chức vụ LĐ, VTVL	Tin học	Ngoại ngữ	Quốc phòng an ninh, Lý luận chính trị	Hội thảo, hội nghị, Trao đổi kinh nghiệm
1	2018	42	2	4	20		1	12	3
2	2019	84	4	13	17	38	1	11	
3	2020	291	13	80	58	44	30	64	2
4	2021	107	1	62	10			34	
5	2022								
<b>Tổng:</b>		<b>591</b>	<b>24</b>	<b>192</b>	<b>110</b>	<b>82</b>	<b>33</b>	<b>128</b>	<b>22</b>

Ngoài ra, trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng trên cơ sở nhu cầu của độ ngũ viên chức hành chính, nhân viên và nguồn kinh phí được phân bổ từ các Đề án. Cụ thể tại bảng sau:

**THỐNG KÊ CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG DO NHÀ TRƯỜNG TỔ CHỨC**

STT	Năm tổ chức	Tên khóa học	Số lượng NV tham gia
1.	2018	Khóa tiếng Anh chuyên ngành luật và phương pháp giảng dạy luật bằng tiếng Anh cho viên chức	01
2.	2019	Lớp Bồi dưỡng tin học đạt chuẩn theo TT03	38
3.	2020	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và an ninh đối tượng 4	49
4.	2020	Lớp Bồi dưỡng Kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch	28
5.	2020	Lớp Bồi dưỡng kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	13
6.	2020	Lớp bồi dưỡng tiếng Anh học thuật	6
7.	2020	Lớp Bồi dưỡng tiếng Anh trong môi trường công sở	23
8.	2020	Lớp bồi dưỡng kỹ năng hành chính	22
9.	2021	Lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4	30

10.	2021	Lớp Bồi dưỡng văn hóa công sở	33
11.	2022		

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NV được giám sát, đánh giá. Hằng năm, Phòng Tổ chức cán bộ đều có thông báo đến thủ trưởng các đơn vị thuộc trường về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị, nộp các chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành trong năm về Phòng Tổ chức cán bộ để cập nhật hồ sơ cán bộ, đồng thời đăng ký đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình vào năm tiếp theo. Trên cơ sở rà soát, Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng Dự thảo báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm tiếp theo trình Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định. [MC H5.06.05.11: Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm giai đoạn 2017 – 2021].

Đối với việc đào tạo đội ngũ viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu: Thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp, Nhà trường cùng cá nhân các viên chức định kỳ thực hiện báo cáo về kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và hoạt động theo giai đoạn. [MC H5.06.05.12: Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ viên chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu].

Công tác báo cáo, kết quả hằng năm của các đơn vị giúp Nhà trường có thể nắm bắt được tình hình cụ thể của các đơn vị, những đề xuất, kiến nghị mà đơn vị đưa ra giúp Nhà trường có cái nhìn tổng thể hơn về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong từng năm cần phải chú trọng vào nội dung gì. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ tổng hợp, chỉnh lý và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tình hình chung của Trường. Nhà trường cũng có bản tiêu chuẩn ISO liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng của viên chức trong trường. [MC H4.07.04.06: Quy trình ISO về đào tạo, bồi dưỡng].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng**

1. Có xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên:

Nhằm quản lý có hệ thống việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, GV, nhân viên trong Trường để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, hàng năm Nhà Trường yêu cầu các đơn vị, GV, NV lập kế hoạch công tác cụ thể:

- Đối với quy trình lập kế hoạch hằng năm của các đơn vị trong Trường

Hàng năm các đơn vị trong Trường đều thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch. Phòng Hành chính - tổng hợp tham mưu cho lãnh đạo trường ban hành công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch công tác năm của các đơn vị thuộc Trường. Trong Công văn có hướng dẫn cụ thể quy trình xây dựng kế hoạch công tác năm như sau: "Triển khai xây dựng Dự thảo Kế hoạch công tác năm của đơn vị trên cơ sở lấy ý kiến tập thể viên chức, người lao động trong đơn vị; đề xuất những nhiệm vụ trọng tâm năm của Trường Đại học Luật Hà Nội có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của đơn vị (Theo mẫu phụ lục 04). Gửi hồ sơ xây dựng Dự thảo (gồm Phiếu trình, Dự thảo Kế hoạch công tác, và các

phụ lục kèm theo) về Phòng Hành chính – Tổng hợp; trên cơ sở hướng dẫn và biểu mẫu của Trường, các khoa xây dựng kế hoạch công tác năm của Khoa và kế hoạch công tác năm của từng viên chức trong khoa, lập phiếu trình gửi về Phòng Hành chính – Tổng hợp để trình lãnh đạo Trường phê duyệt”. [MC H6.06.06.01: Công văn 4743/ĐHLHN-HCTH ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn lập kế hoạch công tác]; [MC H6.06.06.02: Kế hoạch của các đơn vị trong Trường]

+ Quy trình xây dựng lịch giảng của các bộ môn.

Hàng năm, lịch giảng của các bộ môn được xây dựng theo quy trình sau:

- Phòng Đào tạo đại học lên dự kiến kế hoạch lịch giảng tổng thể cả năm học, tổ chức họp lấy ý kiến rộng rãi đến lãnh đạo các khoa và bộ môn chuyên môn;

- Các bộ môn có khoảng 01 tuần để đề xuất sự thay đổi (nếu có);

- Phòng Đào tạo đại học chỉnh sửa trên cơ sở đề nghị của các bộ môn và hoàn thiện Kế hoạch giảng dạy, gửi đến các Khoa, bộ môn thông thường vào ngày 10/7 hàng năm;

- Trên cơ sở lịch giảng từng khoá, từng hình thức và hệ đào tạo được Phòng Đào tạo đại học gửi, các bộ môn phân công giảng viên cụ thể tham gia giảng dạy (lịch giảng);

- Các bộ môn gửi lịch giảng đã phân công cho từng giảng viên về Phòng Đào tạo đại học để Phòng làm cơ sở quản lý và thanh toán giờ giảng.

[MC H6.06.06.03: Kế hoạch giảng dạy chung của Trường]; [MC H6.06.06.04: Lịch giảng của các bộ môn]

Đối với các quy định về đánh giá kết quả công việc hàng tháng, hàng quý và cuối năm, Trường đã ban hành và triển khai thực hiện quy định của pháp luật về đánh giá kết quả công việc hàng tháng, quý, năm. Nhà trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá công việc của cán bộ, GV, NV. Các văn bản quy định các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của các chủ thể này được thể hiện trong các văn bản:

- Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022;

- Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số ...;

- Quyết định số 1806/QĐ-TCCB ngày 30/8/2011 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định 2273/QĐ-ĐHLHN về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 30/6/2021;

- Quyết định số 2536/QĐ-ĐHLHN ngày 08/9/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chuẩn và Quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội, Kế hoạch đánh giá giảng viên, các hồ sơ đánh giá giảng viên.

- Quyết định phân loại, đánh giá viên chức hằng năm

- Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá giảng viên; các hồ sơ đánh giá giảng viên; Tài liệu

- Hội nghị tổng kết công tác đánh giá giảng viên

- Biên bản đối thoại với sinh viên

- Kế hoạch công tác năm đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Trong quá trình công tác, năng lực làm việc của đội ngũ viên chức hành chính và nhân viên luôn được giám sát chặt chẽ và đánh giá hàng năm theo quy định về đánh giá viên chức. Việc đánh giá viên chức, người lao động hiện nay thực hiện theo các quy định của pháp luật và Bộ Tư pháp về đánh giá viên chức; các tiêu chí đánh giá viên chức quy trình đánh giá viên chức như Nghị định 90/2020/NĐ-CP về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 1206/QĐ-BTP ngày 29/7/2021 về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức của Bộ Tư pháp. Các văn bản này đã đưa ra các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại viên chức ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Đây là cơ sở để đánh giá, xếp loại đối với đội ngũ viên chức hành chính, nhân viên của Nhà trường.

Quy trình đánh giá thực hiện theo các bước cơ bản như sau:

- Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm;
- Cá nhân làm báo cáo trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp toàn thể đơn vị;
- Đơn vị đánh giá, nhận xét; Trưởng đơn vị đánh giá phân loại viên chức;
- Lãnh đạo trường đánh giá theo thẩm quyền.

Như vậy, Trường đã có khá đầy đủ công cụ để đánh giá kết quả công việc đối với các đơn vị cũng như viên chức, người lao động

Trên cơ sở kết quả đánh giá phân loại, cá nhân, tập thể viết báo cáo thành tích; các đơn vị họp bình xét thi đua, khen thưởng; Bộ phận thường trực Hội đồng TĐ-KT của Trường tổng hợp kết quả bình xét thi đua của từng đơn vị. Hội đồng TĐ-KT họp thông qua kết quả bình xét thi đua theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành; kết hợp với tại Bộ Tiêu chí chấm điểm thi đua đối với các tập thể của Trường. Sau đó, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận và công bố công khai kết quả sau 10 ngày kể từ ngày ký quyết định thi đua.

Đối với kỉ luật viên chức, Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

*2. Việc đánh giá kết quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch:*

Công tác quán triệt quy định pháp luật của Nhà nước, các chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Ngành Tư pháp được quan tâm, tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của Trường. Tính dân chủ, công khai, minh bạch được đảm bảo trong công tác đánh giá viên chức. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thi đua khen thưởng của Trường thực hiện tốt: lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo đơn vị luôn đề cao trách nhiệm bám sát nhiệm vụ chuyên môn; văn bản chỉ đạo, điều hành được triển khai kịp thời, coi công tác thi đua, khen thưởng là động lực mạnh mẽ để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường; hướng vào thực chất, gắn liền với nhiệm vụ chuyên môn; công tác thi đua, khen thưởng được triển khai đồng bộ tới các tập thể bao gồm: thi đua thường xuyên, thi thi đua chuyên đề, khen thưởng thường xuyên, khen thưởng đột xuất. Đây là tiền đề để nhà trường, đội ngũ viên chức và người lao động đoàn kết, nhất trí, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 5 năm qua.

Việc đánh giá hiệu quả công việc hằng năm được thông báo công khai tới từng đơn

vị qua email của Trường để mọi cá nhân đều được nắm được *[MC: email gửi các đơn vị về đánh giá xếp loại viên chức và kết quả thi đua khen thưởng hàng năm]*

3. Có dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên:

Việc đánh giá theo mức độ hoàn thành công việc của cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện hằng năm theo đợt triển khai đánh giá viên chức, người lao động của Trường với những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá, hồ sơ, thủ tục, quy trình đánh giá viên chức; trên cơ sở đó xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ. Riêng đối với GV, một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá đối với giảng viên là định mức giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên. **(MC: công văn triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; các biểu mẫu, các quyết định xếp loại chất lượng viên chức).**

Tình hình thực hiện quản lý việc thực hiện nhiệm vụ đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong 5 năm được thể hiện thông qua kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Về cơ bản, hàng năm, phần lớn giảng viên của Trường đều thực hiện vượt định mức giờ giảng dạy, cụ thể: Năm học năm học 2017 – 2018, có 228/299 giảng viên (chiếm tỉ lệ 76.3%) vượt giờ; năm học 2018 – 2019, có 282/291 giảng viên (chiếm tỉ lệ 96.9%) vượt giờ; năm học 2019 – 2020 có 279/292 giảng viên (chiếm tỉ lệ 95.5%) vượt giờ; năm học 2020 – 2021 có.... Số lượng giảng viên vượt từ 200 đến 500 giờ chiếm đa số. **[MC H6.06.06.08: Bảng tổng hợp số liệu kê khai giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học của Giảng viên từ năm học 2017-2018 đến 2020 – 2021]**

Đối với giờ nghiên cứu khoa học, nhìn chung các giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện đầy đủ theo đúng quy định, đa phần thực hiện vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. Năm học 2016 – 2017, 22/294 giảng viên (75.5%) thực hiện vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. Năm học 2017 – 2018, 273/299 giảng viên (91.3%) thực hiện vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. Năm học 2018 – 2019, 278/291 giảng viên (95.5%) thực hiện vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. Năm học 2019 – 2020, 284/292 giảng viên (97.2%) thực hiện vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. **[MC H2.06.02.09: Bảng tổng hợp số liệu kê khai giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học của Giảng viên từ năm học 2017-2018 đến 2020 – 2021]**

Các dữ liệu về hồ sơ đánh giá được cập nhật trên file mềm của Phòng TCCB. Kết quả đánh giá viên chức đối với đội ngũ giảng viên được thể hiện trong bảng sau:

### **KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN TỪ 2017 - 2021**

STT	NĂM	TỔNG	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI			
			HTXSNV	HTTNV	HTNV	KHTNV
1	2018	292	193	87	12	0
2	2019	288	196	81	10	1
3	2020	304	203	95	6	0
4	2021	301	240	50	6	0

5	2022					
---	------	--	--	--	--	--

4. Kết quả đánh giá được sử dụng trong công tác thi đua khen thưởng, công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền:

Hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch Tổng kết công tác thi đua khen thưởng, trong đó có quy định rõ về yêu cầu, nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn để xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Kết quả và thành tích cá nhân CB, GV, NV của Trường được sử dụng trong công tác TĐ-KT. Ví dụ, để đạt được danh hiệu lao động tiên tiến, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Đối với các đơn vị trong Trường, để đạt được giấy khen của Hiệu trưởng, tập thể phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tỷ lệ đề nghị tặng “Giấy khen Hiệu trưởng” không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

[MC: Kế hoạch bình xét thi đua 2018 - 2022]

Kết quả số lượng GV được khen thưởng định kỳ trong 05 năm (2018 – 2022)

TT	NĂM	NỘI DUNG CHI TIẾT
1	2018	- 01 giảng viên được công nhận điển hình tiên tiến ngành Tư pháp - 55 viên chức là giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - 61 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” - 404 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” - 105 viên chức là giảng viên được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng
2	2019	- 72 viên chức là giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - 62 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” - 402 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” - 122 viên chức là giảng viên được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng
3	2020	- 02 viên chức là giảng viên được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - 04 cá nhân là giảng viên được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tư pháp.



		- 85 viên chức là giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - 68 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” - 448 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” - 129 viên chức là giảng viên được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng
4	2021	- 116 viên chức là giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - 66 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” - 432 viên chức là giảng viên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” - 207 viên chức là giảng viên được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng
5	2022	

Số lượng GV được khen thưởng đột xuất

TT	NĂM	NỘI DUNG CHI TIẾT
1	2018	Có 06 giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học
2	2019	- 29 viên chức nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 48 cá nhân nhận Giấy khen của Hiệu trưởng (nhân dịp 40 năm thành lập Trường) - 06 giảng viên được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 11 cá nhân được nhận giấy khen của Hiệu trưởng (thành tích NCKH) - 05 viên chức được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 18 cá nhân nhận giấy khen Hiệu trưởng (kỷ niệm 25 năm Tọa chỉ luật học (9/9/2019))
3	2020	- 09 viên chức được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 39 cá nhân được nhận giấy khen của Hiệu trưởng do có thành tích xuất sắc trong NCKH. 02 cá nhân và 02 tập thể đạt danh hiệu điển hình tiên tiến ngành giai đoạn 2015-2020 (Hội nghị điển hình tiên tiến ngành Tư pháp)
4	2021	- 07 giảng viên nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp do có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học; 06 viên chức nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp do có thành tích trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016 – 2021
5	2022	

Nhìn chung, trong giai đoạn 05 năm vừa qua, viên chức Nhà trường luôn có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật viên chức, nội quy của Nhà trường, hầu như không có trường hợp sai phạm dẫn đến kỷ luật. Năm 2017, Nhà trường thực hiện kỷ luật 01 viên chức bằng hình thức cảnh cáo do có hành vi vi phạm nguyên tắc ứng xử khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

*5. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:*

Trên cơ sở đánh giá cuối năm, các đơn vị trong Trường vị xác định nhu cầu cần đào tạo bồi dưỡng cho các cá nhân và Trường tổng hợp để xác lập dự toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng cho năm tiếp theo để hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. **[MC H5.06.05.01: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; MC H5.06.05.05: Hồ sơ xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2021 – 2025].**

Ngoài ra, nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện tốt cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đã có quy định về một trong các tiêu chí để chi trả tăng thêm cuối năm dựa trên kết quả đánh giá, phân loại CB, GV, NV như sau:

- *Mức phân bổ thu nhập tăng thêm cho mỗi đơn vị được xác định như sau: 70% mức chi trả chia cho tổng số cá nhân thuộc diện bình xét năm nhân với số người thuộc diện bình xét của từng đơn vị.*

- *Trưởng đơn vị quyết định hệ số phân bổ mức thu nhập cho từng loại viên chức trong đơn vị theo kết quả đánh giá: loại xuất sắc (A); Hoàn thành tốt (B); Hoàn thành (C).*

**[MC: Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường]**

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên***

***1. Chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát hằng năm:***

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, Phòng Tổ chức Nhân sự là đơn vị thường trực theo dõi, rà soát tham mưu về việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường; Phòng Thanh tra- Pháp chế cũng được giao để rà soát các quy định, quy chế của Nhà trường, trong đó có các quy định, quy chế về nhân sự. *[MC: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức cán bộ; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Thanh tra đào tạo]*. Hàng năm, Phòng Tổ chức Nhân sự đều có báo cáo tổng kết về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực *[MC: báo cáo tổng kết năm của Phòng Tổ chức cán bộ; Báo cáo tổng kết năm của Phòng thanh tra đào tạo]*

Việc rà soát được thực hiện với các hình thức như lấy ý kiến của các cá nhân, đơn vị; qua Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động. Hàng năm, các đơn vị trong Trường đều tổ chức Hội nghị viên chức cấp đơn vị, góp ý đối với báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị và báo cáo tổng kết công tác của Trường; đồng thời các viên chức, người lao động cũng bày tỏ ý kiến góp ý trực tiếp tại hội nghị viên chức cấp đơn vị, cấp Trường về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Trường. Nhà trường tổ chức Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động để xin ý kiến biểu quyết thông qua các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường; Báo cáo quyết toán tài chính; Báo cáo sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Báo cáo sửa đổi, bổ sung Quy định về chế độ làm việc của viên chức và người lao động tại Trường ĐHTT,.. Kết quả đóng góp ý kiến của các đơn vị, của CBGV, NV là cơ sở thực tiễn để Nhà trường đánh giá chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của trường và được sử dụng để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến kịp thời nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ của năm học. *[MC H1.09.01.23: Biên bản Hội nghị viên chức hàng năm]*.

Đối với công tác quy hoạch cán bộ, theo kế hoạch công tác, Nhà trường định kỳ tiến hành rà soát quy hoạch công tác cán bộ, bao gồm quy hoạch các chức danh cán bộ

quản lý từ cấp bộ môn, cấp Khoa, Phòng đến Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Nhà trường cũng ban hành Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch đề rà soát đưa ra khỏi quy hoạch hoặc bổ sung quy hoạch. Rà soát đưa ra khỏi quy hoạch những viên chức không còn đủ điều kiện tiếp tục được quy hoạch, thực hiện rà soát về độ tuổi, trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức nhằm thống nhất sử dụng kết quả đánh giá cán bộ cho việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ vào quy hoạch. Ngoài ra, công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên nhìn chung đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [**MC H1.06.01.15: Các văn bản về rà soát quy hoạch cán bộ từ năm 2018 – 2022**]

Đối với chế độ, chính sách của giảng viên, Trường tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật mới cũng như sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tiễn để hoàn thiện Quy định về chế độ làm việc của viên chức và người lao động tại Trường. [**MC: Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban (hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)**]. Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích giảng viên thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã ban hành mới Quy định về đăng ký nghiên cứu hàng năm. Theo đó, giảng viên có thể lựa chọn các định mức nghiên cứu khoa học và giảm trừ giờ giảng tương ứng. [**MC: Phụ lục 2 Danh mục định mức quy đổi giờ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu; Danh sách đăng ký chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022 của Trường**]. Nhà trường cũng luôn có biện pháp khuyến khích NCKH thông qua áp dụng quy định về định mức giờ NCKH của giảng viên và chế độ tài chính chi cho các hoạt động NCKH, nhất là mức chi được sửa đổi theo hướng ngày càng tăng cho các hoạt động [**MC H5.06.05.08: Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022**], [**MC H7.06.07.07: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18/11/2020**], [**MC H2.06.02.07: Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội**]; [**MC H7.06.07.08: Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022**].

Đối với công tác phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, Nhà trường đã ban hành mới Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên trong Trường nhằm tạo thống nhất đối với quy trình mời giảng viên thỉnh giảng, tạo thuận lợi cho việc phát triển đội ngũ chuyên gia phục vụ công tác đào tạo. [**MC H1.06.01.11: Quyết định số 2666/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành “Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên” trong Trường Đại học Luật Hà Nội; Danh sách GV thỉnh giảng**].

Bên cạnh việc rà soát chế độ chính sách cho viên chức và người lao động, Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo

dài thời gian làm công tác chuyên môn của các giảng viên có chức danh GS, PGS và có trình độ TS. Nhà trường cũng rà soát, thực hiện theo quy định của nhà nước [MC: Quyết định số 267/QĐ-ĐHLHN ngày 30/01/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu; Quyết định số 4397/QĐ-ĐHLHN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu (sửa đổi bổ sung)]

Đối với các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường có chính sách rõ ràng để khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động tham gia đào tạo và phát triển. Ngân sách hàng năm đều được phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng viên chức, chế độ được thực hiện theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Qua rà soát, thống kê, tính đến tháng 8/2021, có tổng số 295/309 giảng viên cơ hữu thuộc biên chế, chiếm tỉ lệ 95.5% của Nhà trường đã được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị trong 05 năm thuộc chu kỳ đánh giá. Các giảng viên không tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong 05 năm vừa qua là các giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư, có trình độ chuyên môn cao, đang thực hiện kéo dài thời gian làm việc; 80% viên chức hành chính, nhân viên của Nhà trường đã được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị trong 05 năm thuộc chu kỳ đánh giá. [MC H4.07.04.05: Bảng tổng hợp danh sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động toàn Trường 05 năm, từ 2017 – 2021]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, GV, NV được giám sát, đánh giá. Hằng năm, Phòng Tổ chức cán bộ đều có thông báo đến thủ trưởng các đơn vị thuộc trường về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị, nộp các chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành trong năm về Phòng Tổ chức cán bộ để cập nhật hồ sơ cán bộ, đồng thời đăng ký đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình vào năm tiếp theo. Trên cơ sở rà soát, Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng Dự thảo báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm tiếp theo trình Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định. [MC H5.06.05.11: Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm giai đoạn 2017 – 2021].

Đối với quy chế chi tiêu nội bộ, trong những năm gần đây, Trường đã có những điều chỉnh trong chế độ, chính sách nhằm thu hút, ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động cụ thể là những điều chỉnh trực tiếp tại quy chế chi tiêu nội bộ, như điều chỉnh tăng mức thu nhập tăng thêm hàng tháng và các khoản phúc lợi khác so với giai đoạn trước năm 2017. [Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đang rà soát, lấy ý kiến cán bộ, viên chức người lao động trong Trường để ban hành mới Quy chế thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với viên chức của Trường [MC: Dự thảo Quy chế thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với viên chức của Trường].

2. Việc rà soát, đánh giá về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực căn cứ trên các ý kiến đánh giá của cán bộ, GV, nhân viên:

Trên cơ sở Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội; Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà trường đã gửi công văn

số 2099/ĐHLHN-TCCB yêu cầu các đơn vị trong trường phối hợp rà soát bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực vị trí việc làm. Trên cơ sở góp ý của các đơn vị trong Trường, Nhà Trường có những điều chỉnh phù hợp. *[MC: Công văn số 2099/ĐHLHN-TCCB yêu cầu các đơn vị trong trường phối hợp rà soát bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực vị trí việc làm; Bản mô tả vị trí việc làm và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường (sửa đổi)].*

Tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Khi xây dựng các quy định về việc đánh giá, xếp loại viên chức, quy định liên quan đến chế độ, chính sách của viên chức và người lao động, Trường đều xin ý kiến góp ý của viên chức và người lao động trong toàn trường trước khi ban hành theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

Các dự thảo văn bản sẽ được gửi tới thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường. Đơn vị tổ chức họp, đóng góp ý kiến cá nhân, ghi lại bằng biên bản. Trưởng đơn vị tập hợp ý kiến của đơn vị mình, gửi đơn vị Chủ trì bằng văn bản. Các văn bản đóng góp ý kiến của các đơn vị được tổng hợp, trình Ban xây dựng Quy chế và lãnh đạo Trường xem xét, ghi nhận hoặc giải trình. *[MC H5.07.05.01: Văn bản đề nghị các đơn vị đóng góp ý kiến đối với Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp loại viên chức; Văn bản đề nghị các đơn vị đóng góp ý kiến đối với quy chế chi tiêu nội bộ, Văn bản đề nghị các đơn vị đóng góp ý kiến đối với “Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên” trong Trường Đại học Luật Hà Nội, Văn bản đề nghị các đơn vị đóng góp ý kiến đối với Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu của Trường]*

Tổng số viên chức của Trường hiện có 484 người, trong đó có 317 giảng viên, 167 viên chức hành chính và người lao động. Trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có năng lực, kinh nghiệm quản lý. Trong số 317 giảng viên cơ hữu hiện có, có 04 giáo sư (chiếm tỉ lệ 1,26%), 35 phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 11,04%), 101 tiến sĩ (chiếm tỉ lệ 31,86%), 174 thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 54,88%), 03 cử nhân (chiếm tỉ lệ 0,95%). Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu thực hiện các hoạt động chuyên môn của Trường, Hội đồng trường đã xác định tổng số người làm việc trong năm, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên. *[MCH1.06.01.05: Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN ngày 18/5/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc tiếp tục thực hiện có thời hạn và quy định bổ sung một số quy chế, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.06: Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHLHN ngày 17/02/2021 về việc xác định số người làm việc năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.07: Nghị quyết số 09/NQ-HĐTĐHLHN ngày 08/02/2022 về việc xác định số lượng người làm việc và chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động của Trường năm 2022 và những năm tiếp theo]*

Về định hướng phát triển nguồn nhân lực, Trường có dự kiến dài hạn về phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2022 – 2026. Theo đó, đến năm 2026, Nhà trường dự kiến số lượng người làm việc năm 2026 là 640 người, trong đó có 450 giảng viên để đảm bảo thực hiện khối lượng công việc. *(MC: Báo cáo số 3193/BC-ĐHLHN ngày 22/9/2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội về tình hình, kết quả thực hiện quản lý biên chế gắn với vị trí việc làm giai đoạn 2016-2021; đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 và hằng năm).* Ngoài ra, định hướng phát triển đội ngũ giảng viên tiếp tục được khẳng định trong định hướng và Đề án tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành

trường trong điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. **[MCH1.06.01.04: Đề án tiếp tục thực hiện 549 sẽ được cập nhật].**

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng**

*1. Thực hiện việc cải thiện các chế độ, chính sách dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:*

Trên cơ sở kết quả rà soát các quy định về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Nhà trường đã phân tích thực trạng để cải thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định, hướng dẫn nhằm hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các Quy chế được ban hành mới bao gồm: Quyết định số 01/QĐ-DHLHN ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu; Quyết định số 2666/QĐ-DHLHN ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành “Quy định về chế độ thỉnh giảng, mời báo cáo viên” trong Trường Đại học Luật Hà Nội; Danh sách GV thỉnh giảng; Quy chế thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với viên chức của Trường (Dự thảo); Quy chế thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với viên chức của Trường.

Các Quy chế được rà soát bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu; Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu (sửa đổi bổ sung).

Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi trên cơ sở lấy ý kiến các đơn vị bằng văn bản. Bên cạnh đó Nhà trường tổ chức một cuộc họp lấy ý kiến trực tiếp đối với tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường. **[MC: Biên bản họp lấy ý kiến sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ].** Các nội dung đề xuất hợp lý từ các đơn vị được đưa vào Quy chế mới. Với các quy định chi tiết về cách tính giờ chuẩn giảng dạy và làm việc, cách tính vượt giờ, hệ số tăng cường độ, hệ số trách nhiệm dành cho viên chức quản lý, các Quy chế của Nhà trường đã bước đầu thực hiện chi trả thu nhập theo kết quả công việc và vị trí công việc. Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi bổ sung theo hướng có lợi hơn cho cán bộ, giảng viên và người lao động nhằm điều chỉnh trong chế độ, chính sách nhằm thu hút, ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động cụ thể là những điều chỉnh trực tiếp tại quy chế chi tiêu nội bộ, như điều chỉnh tăng mức thu nhập tăng thêm hàng tháng và các khoản phúc lợi khác so với giai đoạn trước năm 2017.

Ví dụ:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Quy chế chi tiêu nội bộ cũ (Điều 23)</b>	<b>Quy chế chi tiêu nội bộ 2021 (Điều 30)</b>
Chi xây dựng đề cương tham gia đấu thầu đề tài khoa học các cấp	Đề tài cấp bộ, thành phố: tối đa 5.000.000/đề tài	1. Chi xây dựng đề cương đề tài cấp bộ, thành phố: tối đa 10.000.000/đề tài 2. Chi xây dựng đề cương đề tài cấp nhà nước, quỹ khoa học công nghệ

	Đề tài cấp nhà nước: tối đa 10.000.000đ/đề tài	quốc gia (Nafosted): tối đa 10.000.000đ/đề tài
--	--	---

[Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022; Bảng đối sánh nội dung sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ].

Quy chế làm việc của giảng viên được sửa đổi, bổ sung vào năm 2021. Theo đó, Nhà trường đã có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Trong giai đoạn đánh giá, Trường Đại học Luật Hà Nội đang thực hiện theo quy định tại Quy định chế độ làm việc của giảng viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội). Quy chế quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên. Theo đó, thời gian làm việc của giảng viên thực hiện theo chế độ mỗi tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác trong Trường là 1760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định. Tổng quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Nhiệm vụ \ Chức danh	Giảng viên (hạng III)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên cao cấp (hạng I)
Giảng dạy	810 giờ	810 giờ	810 giờ
Nghiên cứu khoa học	600 giờ	700 giờ	800 giờ
Thực hiện các nhiệm vụ khác	350 giờ	250 giờ	150 giờ
<b>Tổng cộng</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>

Từ năm học 2021 – 2022, Trường Đại học Luật Hà Nội áp dụng Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội). Quy chế được xây dựng bám sát những thay đổi của quy định pháp luật hiện hành như Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Theo đó, tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên là 1760 giờ và được phân chia khác nhau theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Nhiệm vụ \ Chức danh	Giảng viên (hạng III)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên cao cấp (hạng I)
Giảng dạy	900 giờ	810 giờ	660 giờ
Nghiên cứu khoa học	600 giờ	800 giờ	1000 giờ
Thực hiện các nhiệm vụ khác	260 giờ	150 giờ	100 giờ
<b>Tổng cộng</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>

Riêng đối với các giảng viên công tác tại Viện Luật so sánh, định mức giờ làm việc được

quy định như sau:

Nhiệm vụ	Chức danh	Giảng viên (hạng III)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên cao cấp (hạng I)
	Giảng dạy		720 giờ	660 giờ
Nghiên cứu khoa học		700 giờ	900 giờ	1000 giờ
Thực hiện các nhiệm vụ khác		340 giờ	200 giờ	160 giờ
<b>Tổng cộng</b>		<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>	<b>1760 giờ</b>

Định mức giờ làm việc của giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội thay đổi theo hướng: giảng viên ở chức danh nghề nghiệp hạng III thì quy định định mức giờ giảng cao, định mức giờ nghiên cứu khoa học vừa phải (ưu tiên giảng dạy), giảng viên chính hạng II định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học phù hợp; giảng viên cao cấp hạng I quy định định mức giờ giảng thấp, định mức giờ nghiên cứu khoa học cao (ưu tiên nghiên cứu). Các giảng viên hạng III và hạng II được phép lựa chọn định mức nghiên cứu khoa học ở mức cao hơn đồng thời được giảm trừ giờ giảng theo định mức mới. Việc quy định linh hoạt trong Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2021 nhằm khuyến khích giảng viên NCKH, nâng cao chất lượng công bố trong nước và quốc tế. *[MC: Phụ lục 2 Danh mục định mức quy đổi giờ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu; Danh sách đăng ký chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022 của Trường].*

Đối với nhóm giảng viên là viên chức quản lý cấp Phòng và cấp Bộ môn thực hiện định mức giờ giảng, nghiên cứu khoa học theo hạng chức danh nghề nghiệp, tỉ lệ giảm trừ giờ giảng theo quy định của pháp luật, tỉ lệ giảm trừ giờ nghiên cứu khoa học bằng 50% tỉ lệ giảm trừ giờ giảng.

Việc thay đổi quy định về định mức giờ làm việc đối với giảng viên nhằm mục tiêu tạo ra thay đổi rõ rệt, chú trọng nghiên cứu khoa học, từng bước xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu theo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 đã được Hội đồng Trường phê duyệt.

Quy định về các trường hợp được quy đổi từ giờ giảng sang giờ nghiên cứu khoa học và ngược lại theo quy chế mới được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 về cơ bản không có nhiều thay đổi, chỉ bổ sung thêm nhóm đối tượng là giảng viên các môn thuộc Khoa Lý luận chính trị, do quy định của pháp luật thay đổi đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai tổ chức giảng dạy, phân giờ giảng của các bộ môn thuộc Khoa Lý luận chính trị. *[MC H2.06.02.08: Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H2.06.02.07: Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội].*

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng: Về cơ bản, hàng năm, phần lớn giảng viên



của Trường đều thực hiện vượt định mức giờ giảng dạy, cụ thể: Năm học 2016 – 2017, có 285/294 giảng viên (chiếm tỉ lệ 96.9%) vượt giờ; năm học 2017 – 2018, có 276/299 giảng viên (chiếm tỉ lệ 92.3%) vượt giờ; năm học 2018 – 2019, có 282/291 giảng viên (chiếm tỉ lệ 96.9%) vượt giờ; năm học 2019 – 2020 có 279/292 giảng viên (chiếm tỉ lệ 95.5%) vượt giờ; năm học 2020 – 2021 có 274/291 giảng viên (chiếm tỉ lệ 94.2%). **[MCH2.06.02.09: Bảng tổng hợp số liệu kê khai giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học đã quy đổi của Giảng viên từ năm học 2016 – 2017 đến 2020 – 2021].**

Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Trường năm 2021, Nhà trường cũng đổi mới hoạt động thi đua bằng việc ban hành Kế hoạch phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua 2021 để biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các phong trào thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến có thành tích tiêu biểu xuất sắc, tạo sự lan toả, đồng thời là căn cứ để đánh giá xếp loại viên chức trong năm 2021 **[MC: Kế hoạch số 1013/KH-ĐHLHN ngày 08/4/2021 phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua năm 2021; Danh sách các đơn vị, cá nhân được biểu dương, khen thưởng].**

**2. Thực hiện việc cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực:**

Quy định về tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với các quy định pháp luật mới cũng như phù hợp với thực tiễn của Nhà trường. So với quy trình trước đây, Nhà trường đã đổi mới việc xác định nguồn nhân lực. Thay vì Nguồn nhân lực lao động trong trường được xác định cụ thể thông qua Nghị quyết 09/NQ-HĐTĐHLTN của Hội đồng Trường. Căn cứ trên Nghị quyết 09, Hiệu trưởng đã chỉ đạo tại Hội nghị giao ban Trường các đơn vị thuộc Trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022 và dự kiến phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2022-2025. **[MCH1.06.01.05: Nghị quyết số 1473/NQ-HĐTĐHLHN ngày 18/5/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội về việc tiếp tục thực hiện có thời hạn và quy định bổ sung một số quy chế, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.06: Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHLHN ngày 17/02/2021 về việc xác định số người làm việc năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC H1.06.01.07: Nghị quyết số 09/NQ-HĐTĐHLHN ngày 08/02/2022 về việc xác định số lượng người làm việc và chính sách tuyển dụng viên chức, người lao động của Trường năm 2022 và những năm tiếp theo]**

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển trường, xây dựng Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm và các khâu của công tác cán bộ. Trong Đề án đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm viên chức;

- Nhà trường đã có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; được thực hiện nghiêm túc trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nghị quyết của Hội đồng Trường; kế hoạch và nhu cầu thực tiễn của Nhà trường;

- Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc của giảng viên, các Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, kéo dài thời hạn làm việc theo hướng luôn tạo điều kiện chính sách, chế độ tốt nhất để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ và khả năng phục vụ cộng đồng;

- Nhà trường đã ban hành hướng dẫn về việc đánh giá năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên, ban hành các kế hoạch thi đua khen thưởng, có các hình thức thi đua khen thưởng riêng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn tại trường, từ đó viên chức lập thành tích được ghi nhận động viên kịp thời, khách quan, tạo động lực làm việc cho viên chức và người lao động, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực tốt từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác.

- Nhà trường luôn quan tâm ban hành đầy đủ thể chế nội bộ về nghiên cứu khoa học của giảng viên trên cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật và Chiến lược phát triển Trường; có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học mà giảng viên phải thực hiện.

- Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đối sánh hằng năm, từ đó đưa ra các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của Trường.

- Đội ngũ giảng viên có tâm huyết trong NCKH, tích cực tham gia NCKH với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao chất lượng công tác đào tạo của Trường. Trường đã thành lập được các nhóm nghiên cứu tại các khoa chuyên môn.

## ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Mặc dù đã có các quy định trong quy chế để thực hiện chi trả thu nhập theo kết quả công việc và vị trí công việc, Nhà trường chưa xây dựng chế độ lương mới mang tính đột phá để khuyến khích viên chức và người lao động.

- Trong Chiến lược phát triển Trường và Nghị Quyết về việc xác định số người làm việc năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội chưa xác định cụ thể chỉ tiêu nguồn nhân lực cho từng ngành đào tạo.

- Các tiêu chí ĐG năng lực đội ngũ GV còn chưa đầy đủ chủ yếu là đánh giá việc GD của GV; chưa có quy trình đánh giá năng lực đội ngũ. Tiêu chí đánh giá đối với đội ngũ nhân viên còn áp dụng trực tiếp các quy định của pháp luật mà chưa cụ thể hoá quy định đối với đội ngũ nhân viên của Trường.

- Chưa có một văn bản riêng quy định về công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CB, GV (điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung đào tạo bồi dưỡng, quy trình lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và tổ chức thực hiện).

- Chưa có cơ chế và quy trình xử lý các trường hợp viên chức được cử đi đào tạo nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, đã quá hạn đào tạo nhưng không về nước hoặc không về trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường chưa xây dựng chế độ lương mới mang tính đột phá để khuyến khích viên chức và người lao động.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính Kế toán	Từ năm học 2023	... ....
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường chưa xác định cụ thể chỉ tiêu nguồn nhân lực cho từng ngành đào tạo.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ, các đơn vị trong trường	Từ năm học 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Các tiêu chí ĐG năng lực đội ngũ GV còn chưa đầy đủ chủ yếu là đánh giá việc GD của GV; chưa có quy trình đánh giá năng lực đội ngũ.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ	Từ năm học 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhà trường chưa có một văn bản riêng quy định về công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CB, GV	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ	Từ năm học 2022-2023	
5	Khắc phục tồn tại 5	Nhà trường chưa có cơ chế và quy trình xử lý các trường hợp viên chức được cử đi đào tạo nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, đã quá hạn đào tạo nhưng không về nước hoặc không về trường.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ	Từ năm học 2023	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ, các đơn vị trong trường	Hàng năm	... ....
7	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường đã có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường luôn quan tâm ban hành đầy đủ thể chế nội bộ về nghiên cứu khoa học của giảng viên	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Nghiên cứu khoa học và trị sự tạp chí	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 4	Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt	Ban giám hiệu, Phòng Nghiên cứu khoa học và	Hàng năm	

		động NCKH của GV được giám sát, đối sánh hằng năm, từ đó đưa ra các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của Trường.	trị sự tập chí		
0	Phát huy điểm mạnh 5	Đội ngũ giảng viên có tâm huyết trong NCKH, tích cực tham gia NCKH với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao chất lượng công tác đào tạo của Trường. Trường đã thành lập được các nhóm nghiên cứu tại các khoa chuyên môn.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Nghiên cứu khoa học và trị sự tập chí	Hàng năm	

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 6.1	5/7
Tiêu chí 6.2	5/7
Tiêu chí 6.3	5/7
Tiêu chí 6.4	5/7
Tiêu chí 6.5	5/7
Tiêu chí 6.6	5/7
Tiêu chí 6.7	5/7

#### Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

**Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành**

##### 1. Mô tả:

- Phòng Tài chính – Kế toán là đơn vị thuộc Trường với cơ cấu tổ chức gồm 01 Trưởng phòng; 02 Phó Trưởng phòng; 05 kế toán viên; 01 thủ quỹ; 03 hợp đồng lao động được đào tạo bài bản, có trình độ nghiệp vụ: gồm 04 thạc sĩ; 08 cử nhân, có chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao [Thống kê danh sách phòng Tài chính – Kế toán]. Phòng có chức năng tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp quản lý công tác tài chính, kế toán của Trường và thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ tài chính – kế toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Phân tích thông tin, số liệu kế toán để ra các giải

pháp tăng nguồn thu, tiết kiệm chi phục vụ yêu cầu quản trị và quản lý tài chính của Trường phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [QĐ số 1288 ngày 04/5/2021 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng TC-KT]; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng, trình Hiệu trưởng hoặc các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản của Trường; hướng dẫn công khai các biểu mẫu và quy trình thanh toán cho các đơn vị trong trường [Quy trình thanh toán nội bộ MSTL: QT-TCKT-01, ngày ban hành: 01/11/2011; hướng dẫn quy trình thanh toán đối với Phân hiệu]. Để đáp ứng công việc hàng năm của Trường, Phòng Tài chính – Kế toán được Trường tổ chức tham dự các khoá tập huấn về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ như: lớp kế toán viên, kế toán viên chính, trung cấp LLCT, tập huấn TT 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017....[QĐ cử đi học]. Công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được triển khai qua hệ thống các văn bản quản lý điều hành và phần mềm EIE [phần mềm kế toán năm 2003; phần mềm kế toán năm 2018 sửa đổi theo TT 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017], CMC [phần mềm thu học phí năm 2016] để theo dõi hệ thống tài chính trong toàn trường từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý kế hoạch tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Đối với các nguồn lực tài chính phục vụ cộng đồng, hàng năm Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động tình nguyện: tuyên truyền pháp luật; tặng quà các gia đình chính sách ở các vùng biên giới, hải đảo như Hà Giang, Lào Cai, Hải Phòng. Thực hiện các hoạt động như Đông âm, Xuân Yêu thương, mùa hè tình nguyện nhằm hỗ trợ phần nào đời sống tinh thần và vật chất cho các hoàn cảnh khó khăn tại địa phương. Các hoạt động trồng cây xanh, làm trường học, con đường ánh sáng tại các bản vùng cao....., các hoạt động tư vấn pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp phục vụ cộng đồng [báo cáo quyết toán tài chính – TTTVPL]

- Nhà trường luôn đảm bảo hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, nội dung hàng năm theo chiến lược của Nhà trường: chiến lược phát triển trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 [Ban hành kèm theo NQ số 3778/NQ-HĐTĐHNLHN ngày 23/10/2020]; kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021- 2025 [QĐ số 2538/QĐ-ĐHNLHN ngày 30/6/2022]. Để đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Trường Đại học Luật Hà Nội xác định mục tiêu chiến lược nguồn lực tài chính như sau: đa dạng hóa các nguồn thu, đảm bảo năng lực tài chính bền vững; hình thành các dự án hợp tác, mở các lớp liên kết đào tạo với các đối tác trong và nước ngoài nhằm thu hút các nguồn lực [HĐ liên kết đặt lớp; Thỏa thuận chương trình hợp tác cấp bằng giữa trường ĐH Arizona và Trường ĐHNLHN]; thu từ các hoạt động dịch vụ; các hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu, tạp chí. Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, Trường đã xây dựng các Phương án về nguồn lực tài chính, cụ thể: lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Trường hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc tự chủ tài chính của nhà trường được cụ thể hóa qua Phương án tài chính về việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm trình Bộ Tư pháp một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và công khai [QĐ 349/QĐ-BTP ngày 03/3/2016 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2016-2018 cho Trường ĐHNLHN; Phương án 3381/PA-ĐHNLHN ngày 24/10/2018 về việc giao

quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 cho Trường ĐHLHN; Phương án 1586/PA-ĐHLHN ngày 22/4/2022 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2026 cho Trường ĐHLHN]. Kế hoạch tài chính, báo cáo cơ cấu nguồn thu, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn thu chi trong năm trước, định hướng các năm sau được báo cáo tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức hàng năm [Báo cáo tại hội nghị VCNLĐ]. Để thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm quản lý tài chính, Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện rà soát toàn bộ các văn bản quản lý tài chính trong đó quy định rõ về cơ chế quản lý tài chính, các định mức chi tiêu, quy trình các nghiệp vụ quản lý tài chính. Các văn bản quy định cụ thể các định mức chi tiêu cùng các quy trình nghiệp vụ cụ thể có thể kể đến: Quy chế Tài chính [NQ số 20/NQ-HĐTĐHLHN ngày 04/6/2021]; Quy chế chi tiêu nội bộ [QĐ số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022]; Quyết định về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Trường Đại học Luật Hà Nội [QĐ số 2740/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021]; Quyết định về việc quy định mức thu học phí các năm học ở các bậc đào tạo [QĐ về việc quy định mức thu học phí của các hệ đào tạo]

- Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển đã được Hội đồng trường phê duyệt, cũng như căn cứ vào kế hoạch trọng tâm của Trường, Phòng đã triển khai công tác xây dựng Phương án tài chính được xây dựng thông qua hai chiều từ cấp đơn vị đề xuất và từ cấp trường phân bổ để thực hiện các mục tiêu phát triển [Kế hoạch công tác năm của các đơn vị]. Hàng năm, công tác tài chính được thể hiện bằng báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính (Báo cáo quyết toán các năm); báo cáo quyết toán thuế TNCN, thuế TNDN (báo cáo quyết toán nộp cơ quan thuế). Trường có trách nhiệm nộp báo cáo quyết toán [Báo cáo quyết toán năm 2018, 2019, 2020, 2021], báo cáo tài chính [Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020, 2021] cho Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Tư pháp thực hiện kiểm tra xét duyệt báo cáo quyết toán tài chính và ban hành thông báo xét duyệt quyết toán năm đối với Trường. Bên cạnh đó, Trường luôn đáp ứng đầy đủ công tác tài chính khi có kế hoạch kiểm toán, cũng như yêu cầu của các cơ quan chức năng khác của Nhà nước. Các báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế nhà trường luôn nộp đúng thời hạn và theo đúng quy định. Việc quản lý, sử dụng tài chính đã được thực hiện trung thực và hợp lý với tình hình tài chính, tình hình quyết toán ngân sách, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan. Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quy định, triển khai các hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính; kiểm soát hoạt động thu, chi minh bạch, hiệu quả đúng theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của Nhà nước. Công tác quản lý tài sản được gắn với công tác lập, chấp hành dự toán ngân sách Nhà nước, đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, trên tinh thần tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả; đồng thời, thực hiện công khai, kiểm kê và trích hao mòn tài sản theo quy định. Việc mua sắm tài sản đảm bảo đúng quy định, trình tự mua sắm thực hiện theo các quy định có liên quan.

- Năm 2020 Trường Đại học Luật được giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập [QĐ số 2807/QĐ-BTC ngày 06/11/2019], Trường đã từng bước đa dạng hóa các nguồn thu và thực hiện chiến lược tích lũy tập trung cho đầu tư trang thiết bị nâng cấp, cải tạo các phòng làm việc, phòng học, hội trường nhằm nâng cao chất lượng

dạy học, làm việc, nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên Nhà trường; Bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị giảng dạy; mua mới bổ sung trang bị như máy tính, máy in, âm thanh các phòng học, hội trường, phòng họp và đầu tư xây dựng dự án cơ sở 2 ở Bắc Ninh. Trường đã thực thi hiệu quả chính sách hỗ trợ tài chính đối với sinh viên bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19 năm 2020 [QĐ số 1605/QĐ-ĐHLHN ngày 29/5/2020], đặc biệt là hỗ trợ tài chính cho người học có hoàn cảnh khó khăn [Quyết định hỗ trợ học phí – phòng CTSV] điều này góp phần đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học của người học, đồng thời giúp cho Trường thu hút được sinh viên giỏi tham gia học tập tại Trường. Bên cạnh nguồn kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sinh viên được hình thành trên cơ sở quy định của Nhà nước, trong những năm qua Trường đã không ngừng nỗ lực thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để hỗ trợ cho người học. Hầu hết các hoạt động của sinh viên đều có sự đồng hành, bảo trợ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cựu sinh viên. Nguồn thu tài trợ từ các tổ chức và doanh nghiệp gia tăng qua các năm là một phần kinh phí đáng kể để nhà trường hỗ trợ kịp thời các hoàn cảnh khó khăn cũng như thực thi nguyên tắc bình đẳng tiếp cận giáo dục đại học. Trên cơ sở các mục tiêu phát triển chiến lược, Trường Đại học Luật Hà Nội đã xây dựng lộ trình thực thi các giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục với các mức độ ưu tiên về phân bổ ngân sách. Nhà trường đã từng bước áp dụng cơ chế phân quyền trong quản lý tài chính về cấp đơn vị, cơ chế phân quyền được thực thi đồng thời với cơ chế kiểm soát nhằm một mặt đảm bảo tính chủ động của các đơn vị trong khai thác hiệu quả nguồn lực tài chính, mặt khác đảm bảo tính tuân thủ trong quản lý tài chính của nhà trường. Bên cạnh việc thực hiện chính sách tiền lương ngạch bậc theo quy định của Nhà nước, Trường cũng đã xây dựng các định mức phân bổ thu nhập tăng thêm dựa trên mức độ đóng góp và kết quả công việc nhằm đảm bảo phân bổ thu nhập công bằng trong nhà trường. Các quy định liên quan tới tiền lương và thu nhập của viên chức và người lao động được trao đổi công khai, minh bạch và được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ cũng như thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động hàng năm.

- Tình hình tài chính của Nhà trường trong 5 năm qua nguồn thu ổn định. Nguồn thu năm 2019 so với năm 2018 tăng 12,9%; năm 2020 tăng so với năm 2019 tăng 11,5%; năm 2021 so với năm 2020 giảm 0,6% do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19. Trường Đại học Luật Hà Nội đã chung tay hỗ trợ tài chính đối với sinh viên bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19 học kỳ II năm học 2019-2020: 2 tỷ 617 triệu đồng; hỗ trợ cho sinh viên hệ chính quy VB1 do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid: 388 triệu (QĐ số 2904/QĐ-ĐHLHN ngày 24/8/2021 và QĐ số 2921/QĐ-ĐHLHN ngày 25/8/2021). Năm 2022 tăng so với năm 2021 1,76%. Trong đó nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu là học phí chính quy, lệ phí tuyển sinh, học phí hệ vừa học vừa làm, học phí sau đại học. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đẩy mạnh đa dạng hóa các nguồn thu từ hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, các dự án.

### **Tổng nguồn thu giai đoạn 2018 – 2022**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

ST T	Năm tài chính				
	2018	2019	2020	2021	2022

	<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>
	<b>TỔNG THU</b>	193.809	100	203.279	100	230.041	100	207.973	100	199.289	100
I.	<b>NSNN cấp</b>	38.594	20	27.968	14	34.551	15	25.690	12,4	13.789	6,9
II.	<b>Thu từ nguồn trường</b>	155.215	80	175.311	86	195.490	85	182.283	87,6	185.500	93,1

### **Nguồn kinh phí phân bổ giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>ST T</b>	<b>Các chỉ số tài chính</b>	<b>Năm tài chính</b>									
		<b>2018</b>		<b>2019</b>		<b>2020</b>		<b>2021</b>		<b>2022</b>	
		<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>	<b>Số tiền</b>	<b>%</b>
	<b>TỔNG CHI</b>	109.347	100	119.863	100	119.602	100	124.142	100		
I.	<b>Hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng</b>	2.782	2,5	8.482	7	5.841	4,9	4.561	3,7		
II.	<b>Hoạt động đào tạo</b>	106.565	97,5	111.381	93	113.761	95,1	119.581	96,3		

### **2. Điểm mạnh:**

- Trong thời gian qua, tình hình tài chính của Trường tương đối ổn định. Trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cũng như đảm bảo tối đa quyền lợi của viên chức và người lao động.

- Trường luôn công bố công khai việc phân bổ kinh phí cho từng hoạt động cụ thể theo từng năm. Công khai minh bạch các nguồn chi cho tiền lương, tiền công, tiền giảng, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, chi học bổng cho SV, chi cho hoạt động NCKH, chi mua sắm, sửa chữa tài sản, chi phục vụ công tác chuyên môn.



- Công tác quản lý tài chính và quản lý học phí đã sử dụng phần mềm tổng thể để quản trị công tác quản lý tài chính, quản lý học phí phù hợp với thực tế và đúng với quy định của Nhà nước.

- Trường đã ban hành Quy chế Tài chính (Năm 2021), Quy chế Chi tiêu nội bộ (Năm 2022) khắc phục những kiến nghị của đoàn kiểm toán.

### **3. Điểm tồn tại:**

Nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

Mới thực hiện một hình thức công khai tài chính là báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, viên chức.

Chưa có báo cáo phân tích, đối sánh số kế hoạch tài chính giữa các năm.

### **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cũng như đảm bảo tối đa quyền lợi của viên chức và người lao động.

- Tiếp tục xây dựng các Phương án về nguồn lực tài chính, cụ thể: lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Trường hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát nội bộ về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan.

- Thường xuyên thực hiện công tác đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cả trong nội bộ và với các trường đại học trong cùng khối ngành nhằm đưa ra những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

### **5. Mức đánh giá tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.***

#### **1. Mô tả**

Công tác cơ sở vật chất luôn được Trường quan tâm đầu tư, nâng cấp, duy trì để phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Phòng Quản trị là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác quản lý, mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành cơ sở vật chất (CSVCh) và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị, công cụ đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. [Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội],[QĐ 1243/QĐ-ĐHLHN ngày 28/4/2021 về việc Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản trị], cơ cấu tổ chức

phòng Quản trị gồm: Tổ Bảo vệ, Tổ xe, Tổ điện nước, bộ phận quản lý ký túc xá, bộ phận xây dựng cơ bản, bộ phận kho tài sản. Viên chức và người lao động của phòng Quản trị có 29 viên chức, người lao động (13 viên chức, 16 hợp đồng) có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và cộng đồng. [*Thống kê danh sách phòng Quản trị*]

Để đáp ứng công việc chuyên môn, hàng năm phòng Quản trị được Trường tổ chức các khoá tập huấn về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ như tập huấn Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, quản lý dự án, an ninh quốc phòng v.v [*QĐ tổ chức lớp PCCC*], [*QĐ cử đi học nghiệp vụ đấu thầu*]

Để hiện đại hóa CSVC, hạ tầng kỹ thuật các phương tiện phục vụ công tác đào tạo, NCKH, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, trong đó về CSVC tập trung đầu tư trang thiết bị, tin học cho cơ sở 2, Phân hiệu. Đầu tư cho thư viện tại trụ sở chính, Phân hiệu và Cơ sở 2. [*Chiến lược phát triển của Trường đến năm 2030 kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTDHLLHN*]

Căn cứ chiến lược phát triển của Trường đã được phê duyệt, Trường xây dựng Kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể:

+ Các dự án trung hạn và dài hạn: Dự án cải tạo chỉnh trang Trụ sở số 87 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội (thời gian thực hiện từ 2017-2019 cải tạo chỉnh trang Trụ sở số 87 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội (2017-2019); mục tiêu cải tạo các giảng đường, nhà ký túc xá, bổ sung thêm thang máy nhà A [*QĐ số 2292/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 về việc phê duyệt dự án*]/[*Biên bản nghiệm thu ngày 24/8/2020 hoàn thành công trình xây dựng*]. Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 tại Từ Sơn, Bắc Ninh: Đây là dự án trong chiến lược xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật theo Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục của giai đoạn 1 gồm các nhà giảng đường, ký túc xá, nhà ăn và nhà công vụ, một phần hạ tầng và đang triển khai thực hiện các hạng mục của Giai đoạn 2 [*QĐ 1069/QĐ-TTg về phê duyệt chủ trương; Các QĐ phê duyệt dự toán, phê duyệt KHLCNT của dự án*]

+ Các văn bản bổ sung nguồn vốn Trung hạn để đầu tư xây dựng, mua sắm của Trường [*CV số 2944/ĐHLLN-TCKT ngày 26/8/2021 gửi BTP đề xuất vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025*];

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch, tổ chức mua sắm tài sản, thiết bị; Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; Kế hoạch cải tạo sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Năm 2018:

+ Tận dụng một phần hành lang nhà A cải tạo thành phòng nước giáo viên tầng 8, tầng 10, tầng 12 [*Các QĐ phê duyệt dự toán, hợp đồng và nghiệm thu*];

+ Thực hiện cải tạo các phòng làm việc, phòng học, hội trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học, làm việc, NCKH của viên chức, người lao động và người học; bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị giảng dạy; mua mới bổ sung trang bị như máy tính, máy in, thiết bị âm thanh, bảo trì thang máy, thiết bị PCCC, nạo vét hệ thống thoát nước trong khuôn viên Trường... [*các quyết định chỉ định đơn vị thực hiện*]

Năm 2019:

+ Lắp điều hoà tầng 7 nhà A, tăng điều kiện cơ sở vật chất cho các phòng học chất lượng cao [*Các QĐ phê duyệt dự toán, hợp đồng và nghiệm thu*];

+ Cải tạo hệ thống thoát nước trước Ký túc xá [*Các QĐ phê duyệt dự toán, hợp đồng và nghiệm thu*];

+ Mua máy chiếu, máy in [*Các QĐ phê duyệt dự toán, hợp đồng và nghiệm thu*];

+ Thực hiện cải tạo các phòng làm việc, phòng học, hội trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học, làm việc, NCKH của viên chức, người lao động và người học; bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị giảng dạy; mua mới bổ sung trang bị như máy tính, máy in, thiết bị âm thanh, bảo trì thang máy, thiết bị PCCC, nạo vét hệ thống thoát nước trong khuôn viên Trường... [*các quyết định chỉ định đơn vị thực hiện*]

Năm 2020:

+ Trang bị công an ninh Thư viện với kinh phí gần 3 tỷ đồng, góp phần quản lý, vận hành thư viện hiệu quả [*Quyết định số 2148/QĐ-BTP ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt đề cương và dự toán mua sắm công an ninh thư viện*]

+ Trang bị màn hình led cho phòng họp và hội trường, nâng chất lượng hội trường A403 và phòng họp lớp A402 thành phòng họp và hội trường hiện đại [*QĐ số 2242/QĐ-BTP ngày 4/11/2020 của BTP về việc phê duyệt KHLCNT mua màn hình led cho phòng họp và hội trường*]

+ Đầu năm 2020, Trường nhận toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột với diện tích gần 10ha với đầy đủ trang thiết bị dạy và học và thành lập Phân hiệu Trường tại Đắk Lắk. Việc này làm tăng cơ sở vật chất của trường và mở rộng đào tạo của Trường vào các tỉnh Tây Nguyên. [*Biên bản bàn giao và QĐ thành lập Phân hiệu*]

+ Thực hiện cải tạo trụ sở, nhà ăn, căng tin tại Phân hiệu [*QĐ số 4437/QĐ-DHLHN ngày 26/11/2020*];

+ Thực hiện cải tạo các phòng làm việc, phòng học, hội trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học, làm việc, NCKH của viên chức, người lao động và người học; bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị giảng dạy; mua mới bổ sung trang bị như máy tính, máy in, thiết bị âm thanh, bảo trì thang máy, thiết bị PCCC, nạo vét hệ thống thoát nước trong khuôn viên Trường... [*các quyết định chỉ định đơn vị thực hiện*]

Năm 2021:

+ Trang bị điều hoà không khí các phòng học tầng 11, 12 nhà A [*Quyết định số 960/QĐ-DHLHN ngày 05/4/2021 về KHLCNT điều hoà tầng 12*] [*QĐ số 1787/QĐ-DHLHN ngày 19/5/2021 về KHLCNT điều hoà tầng 11*];

+ Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp tầng 1, 2 nhà B [*Quyết định số 2413/QĐ-DHLHN, ngày 12/07/2021 về việc phê duyệt KHLCNT*];

+ Cải tạo ban công tầng 2 nhà A để mở rộng diện tích phòng làm việc tại đây 50m<sup>2</sup> [*QĐ số 1708 /QĐ-DHLHN ngày 12/5/2021 về KHLCNT*] [*QĐ số 793 /QĐ-DHLHN ngày 22/3/2021 về KHLCNT*];

+ Cải tạo, lắp đặt nội thất sảnh tầng 1 nhà A làm tăng công năng sử dụng của sảnh tầng 1, giúp sinh viên có thêm không gian giao lưu, trao đổi, thảo luận nhóm, nơi thư giãn trước khi vào lớp học, tạo cảnh quan môi trường cho khuôn viên Trường học, tăng diện tích sử dụng 240m<sup>2</sup> [*Quyết định số 2982/QĐ-ĐHLHN, ngày 01/09/2021 về việc phê duyệt KHLCNT*]

+ Đầu tư xây dựng 01 phòng diễn án với kinh phí hơn 600 triệu đồng là nơi thực hành, thực tập cho người học. [*ảnh chụp phòng diễn án*]

+ Đầu tư hội nghị truyền hình trực tuyến, nâng cao hiệu quả làm việc, kết nối giữa trụ sở chính, phân hiệu và cơ quan quản lý cấp trên (Bộ Tư pháp; Bộ Giáo dục và đào tạo) [*Quyết định số 3463/QĐ-ĐHLHN, ngày 15/10/2021 về việc phê duyệt KHLCNT*]

+ Cải tạo, nâng cấp tầng 3 nhà K6 thành khu học tập giáo dục thể chất với phòng tập Gym và phòng tập đa năng [*các quyết định chỉ định đơn vị lắp thảm, gương*]

+ Cải tạo lắp nguồn điện điều hoà, cải tạo các phòng tầng 13 nhà A thành phòng làm việc, bảo trì thang máy, bảo trì điều hoà, máy chiếu, mua sắm bổ sung các bàn ghế làm việc, trang thiết bị hội trường [*các QĐ chỉ định đơn vị thực hiện các nội dung trên*]

Năm 2022:

+ Thi công cải tạo một phần nhà xe sinh viên thành kho sách, tăng diện tích sử dụng cho Nhà trường 60m<sup>2</sup> [*Quyết định số 1894/QĐ-ĐHLHN, ngày 15/5/2022 về việc phê duyệt KHLCNT*]

+ Cải tạo hành lang tầng 5 thành phòng làm việc cho trợ lý khoa Pháp luật Hành chính – Nhà nước [*QĐ chỉ định đơn vị thực hiện*]

+ Cải tạo vệ sinh chung tầng 4 nhà A, cải tạo, bảo trì các trang thiết bị bảo trì thang máy, bảo trì điều hoà, máy chiếu, mua sắm bổ sung các bàn ghế làm việc, trang thiết bị hội trường [*các QĐ chỉ định đơn vị thực hiện các nội dung trên*]

Nhìn chung, trong thời gian từ năm 2018 đến nay cơ sở vật chất của Trường đã được đầu tư, trang bị tốt, hiện đại ngày càng khang trang, sạch sẽ.

Hàng năm, dựa trên nhu cầu của các đơn vị trong toàn trường, Nhà trường có thực hiện rà soát và phê duyệt kế hoạch từng năm của từng đơn vị. Trong đó kế hoạch duy tu, bảo trì các trang thiết bị, mua mới bổ sung, thay thế các thiết bị đã hỏng, kế hoạch thanh lý tài sản,... nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, NCKH của Nhà trường [*QĐ phê duyệt kế hoạch công tác hàng năm của Phòng Quản trị, [kế hoạch mua sắm tài sản hàng năm, danh mục tài sản mua sắm hàng năm]*]

Dựa vào kế hoạch đã được phê duyệt, phòng Quản trị của Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện bảo trì, duy tu, bổ sung và thực hiện. Gồm:

+ Bảo trì: Thang máy, thiết bị PCCC, nạo vét hệ thống thoát nước, vệ sinh công nghiệp, cắt tỉa cây xanh, bảo trì máy chiếu. [*các QĐ chỉ định đơn vị thực hiện*]

+ Bổ sung thay thế các trang thiết bị đã hư hỏng như máy tính, máy chiếu, bàn ghế,... [*các QĐ chỉ định đơn vị thực hiện*]

+ Sửa chữa: Chông thấm, dột, thay bóng điện, sửa chữa điện nước, quạt trần, điều hoà,... [các QĐ chỉ định đơn vị thực hiện];

Trường đã ban hành các qui định về nội qui phòng học, nội qui Ký túc xá, Quy định về quản lý tài sản [các quyết định phê duyệt]

Để kịp thời xử lý các sự vụ về cơ sở vật chất xảy ra hàng ngày, Nhà trường đã giao các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra từng hội trường, hành lang, khu vệ sinh,.. từ đó phát hiện các trang thiết bị hư hỏng, kịp thời sửa chữa, thay thế để phục vụ tốt nhất cho quá trình dạy và học, làm việc của Trường [các giấy đề nghị, phiếu trình của các đơn vị]

Việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, cải tạo, bảo trì CSVC và hạ tầng cơ sở được Nhà trường triển khai đúng tiến độ, kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của CSVC, phục vụ công tác giảng dạy vào học tập, NCKH, làm việc của Nhà trường. Việc mua sắm, cải tạo được thực hiện đúng qui định của Nhà nước như lựa chọn nhà thầu, lập dự toán, thẩm tra, thẩm định, ký hợp đồng với các nhà thầu, giám sát, nghiệm thu, bàn giao công việc [Các QĐ phê duyệt dự toán, phê duyệt KHLCNT]

Hàng năm, Trường đều thực hiện kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản, thống kê các thiết bị cũ, hỏng không khắc phục được đã hết khấu hao sẽ được thu hồi để tổ chức thanh lý tài sản theo qui định, [sổ theo dõi tài sản, kế hoạch thanh lý tài sản, sổ mượn trang thiết bị] [sổ theo dõi tần suất, công suất sử dụng thiết bị phòng học]

Các báo cáo về đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản đều được thực hiện đánh giá tổng hợp gửi cơ quan chủ quản. Qua báo cáo đánh giá đầu tư cơ bản đáp ứng các qui định pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà trường [Báo cáo giám sát đầu tư dự án; Báo cáo công tác đấu thầu; Báo cáo Hội nghị viên chức cuối năm của trường]

Ngoài ra, việc đánh giá còn được thể hiện qua đối thoại giữa sinh viên với nhà trường. Tất cả các ý kiến của sinh viên đều được tiếp nhận, phản hồi và triển khai [biên bản đối thoại (chưa có)]

### **Số liệu về CSVC đáp ứng qui mô đào tạo 2018-2022:**

#### **Biểu 1. Đất đai**

<b>I</b>	<b>Đất đai</b>		
1	Tổng diện tích	<b>391,051</b>	
	Trong đó		
	- Trụ sở chính: tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	14,009.8	
	- Phân hiệu tại Đắk Lắk	98,240.7	
	- Đất khác	278,800.0	Cơ sở 2 tại Từ Sơn, Bắc Ninh đang xây dựng

2	Đất xây dựng công trình	<b>20,677.0</b>	
	- Trụ sở chính:	6,179.0	
	- Phân hiệu:	14,498.0	
<b>II</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng m2/học viên</b>	<b>61119/13.000 học viên = 4,7 m<sup>2</sup>.</b>	
<b>III</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng thuê</b>	<b>0.0</b>	
	Diện tích sàn xây dựng thuê < 10 năm	0	
	Diện tích sàn xây dựng thuê ≥10 năm	0	

**Biểu 2: Các loại phòng tính đến 31/8/2022**

<b>Stt</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích phòng (m<sup>2</sup>)</b>
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	178	42.907
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	3.969
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	14.289
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	29	7.674
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	38	7.039
1.5	Số phòng học đa phương tiện	8	1.058
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, văn phòng	64	8.468
2.	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	2	2.813
3.	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	7	770
	<b>Tổng</b>	<b>187</b>	<b>46.490</b>

Qua thống kê về CSVC, có thể thấy rõ việc thực hiện cải tạo, nâng cấp CSVC đáp ứng yêu cầu về đào tạo (chỉ số m<sup>2</sup>/sv đạt 4,7m<sup>2</sup> vượt mức chuẩn 2,8m<sup>2</sup>). Trường đã có những chiến lược và đã thực hiện việc mở rộng đất đai [QĐ thành lập phân hiệu] [QĐ đầu tư cơ sở 2] đáp ứng nhu cầu dạy và học, NCKH, thực hiện xây dựng Trường thành Trường trọng điểm quốc gia về đào tạo pháp luật theo QĐ 549/QĐ-TTg.

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch về bảo trì nâng cấp CSVC được xây dựng và triển khai thường xuyên, hợp lý. Qua đó đã đáp ứng nhu cầu dạy và học, NCKH của Trường;

Nhà trường có chủ trương đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất theo từng giai đoạn, ngắn hạn và dài hạn. Chính vì vậy mà nguồn CSVC, trang thiết bị học tập và làm việc được bảo trì sửa chữa và nâng cấp thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của Trường.

## 3. Điểm tồn tại

Việc triển khai đánh giá, lấy ý kiến của người học, cán bộ giảng viên còn chưa được thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			hoặc hoàn thành		
			hiện		
1	Khắc phục		.....	2022-2030	
	Tồn tại 1: Lấy ý kiến người học, cán bộ giảng viên về CSVC	Đối với người học: Thường xuyên tổ chức lấy phiếu thăm dò ( 2 lần/năm) để kịp thời điều chỉnh Đối với cán bộ, giảng viên: Lấy ý kiến phản hồi CB, GV	Phòng CTSV  Phòng QT		

2	Phát huy		Phòng QT, Phòng TCKT	.....	.....
	điểm mạnh	Tiếp tục triển khai công tác đầu tư CSVC theo chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt			

### 5. Mức đánh giá tiêu chí: 5/7

**Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và cơ sở hạ tầng (CSHT) trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ).

Nhà trường đã từng bước thiết lập và vận hành qua các năm các hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, Trường ĐH Luật Hà Nội luôn chú trọng đến đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu thư viện phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên và SV.

Trường ĐH Luật Hà Nội đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin (tiền thân là Trung tâm Thông tin và Trung tâm Thông tin và Khảo thí) để giao nhiệm vụ phụ trách công tác Công nghệ thông tin của toàn trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm Công nghệ Thông tin, website đơn vị <https://cntt.hlu.edu.vn/> [F7.07.03.01] Trung tâm Công nghệ thông tin có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống công nghệ thông tin (CNTT); quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: <https://cntt.hlu.edu.vn/>; tổ chức đào tạo trực tuyến (e-learning), Trung tâm Công nghệ thông tin của Trường Đại học Luật Hà Nội đã lập bảng hệ thống Công nghệ thông tin theo bảng kiểm kê tài sản các đơn vị, thống kê cơ sở vật chất hàng năm [F7.07.03.04], [F7.07.03.07] như sau:

**Bảng 10: Hệ thống Công nghệ thông tin của ĐH Luật Hà Nội**

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
----	-------------------------	----------



1	Phòng máy chủ [F7.07.03.12]	- Có 12 máy chủ, tủ rack, Switch, Router, firewall, ổ cứng máy chủ, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy
2	Phòng thực hành máy tính, Phòng LAB [F7.07.03.05]	- 2 phòng máy tính thi trắc nghiệm trên máy tính và giảng dạy các môn học và tập huấn về CNTT - 2 phòng máy học, thực hành và thi
3	Hạ tầng mạng [F7.07.03.13]	Trang bị 1 hệ thống Wifi phủ sóng cho nhà A và Thư viện, tốc độ cao đáp ứng 800 SV, cán bộ và giáo viên có thể truy cập đồng thời Internet tại các phòng học 2 đường truyền Internet
4	Hệ thống bảo mật [F7.07.03.14]	Sử dụng firewall cứng và phần mềm diệt vi rút
5	Quyền truy cập [F7.07.03.15]	Tài khoản email đối với cán bộ, giáo viên tên miền @ftu.edu.vn của MS Office 365 - Tài khoản email đối với SV, HV tên miền @hlu.edu.vn trên nền Gmail
6	Các phần mềm quản lý [F7.07.03.16]	Cổng thông tin Trường ĐH Luật Hà Nội Trang website về đào tạo Trang website về Công nghệ thông tin Phần mềm tin chỉ

		Phần mềm kế toán (kế hoạch tài chính) Phần mềm quản lý văn bản (eOffice) Phần mềm Elearning. Hệ thống office 365 với tên miền hlu.edu.vn - Hệ thống thư điện tử sử dụng hệ thống gmail với tên miền hlu.edu.vn - Phần mềm về họp trực tuyến các cơ sở (Teams) Phần mềm Thư viện Phần mềm quản lý công văn điện tử (SOE) Phần mềm lịch công tác (Calendar) Phần mềm quản lý công việc (S-Tasks) Phần mềm quản lý xe ô tô Phần mềm quản lý phòng học (đang xây dựng) Phần mềm thi tiếng Anh trực tuyến Phần mềm quản lý tạp chí - Phần mềm thống kê quản lý hỗ trợ kỹ thuật CNTT Phần mềm thi chứng chỉ CNTT căn bản - Phần mềm thống kê và hỗ trợ KT họp trực tuyến
--	--	---

### **Hệ thống lập kế hoạch đã được thiết lập và vận hành:**

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Trung tâm CNTT lập kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất hàng năm [F7.07.03.17]. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế;

Quy trình lập kế hoạch mua sắm, nâng cấp như sau:

1. Đơn vị sử dụng gửi nhu cầu  Trung tâm CNTT tiếp nhận  Trình Ban Giám hiệu phê duyệt  Tổ chức thực hiện

2. Căn cứ nhu cầu của Nhà trường, Trung tâm CNTT đề xuất  Ban xét duyệt chủ trương  Ban Giám hiệu phê duyệt  Quản lý dự án  Mua sắm đấu thầu  Tổ chức thực hiện.

+ Kế hoạch trung hạn được giao cho Trung tâm CNTT xây dựng đề đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành, nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NKCH.

### **Hệ thống bảo trì đã được thiết lập và vận hành.**

+ Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Trung tâm Công nghệ Thông tin và phòng Quản trị Thiết bị phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế [H9.09.04.24], [H9.09.04.25] Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu.

Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT; Trung tâm CNTT định hằng tháng, hằng quý có kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT để kịp thời phối hợp phòng QT, và các đơn vị chức năng [H9.09.04.03]

Các hoạt động bảo trì về CNTT thường xuyên được thực hiện, bao gồm phòng máy chủ, trung tâm dữ liệu, bảo trì website, trang thiết bị máy tính phòng làm việc Quy trình bảo trì như sau:

Đơn vị sử dụng gửi yêu cầu  Trung tâm CNTT giải quyết việc sửa chữa, nếu cần thay thế thiết bị đặt tiền đề xuất  Phòng Quản trị tổng hợp  Ban Giám hiệu xét duyệt  Phòng quản trị thực hiện.

### **Hệ thống kiểm tra đã được thiết lập và vận hành**

Hàng năm Trung tâm CNTT tổ chức kiểm tra toàn bộ các thiết bị công nghệ thông tin, máy tính, máy chủ, thiết bị mạng, trang thiết bị phòng máy tính, máy in, Nhà trường có hệ thống tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các cán bộ, giảng viên và SV về hệ thống và sự cố [H9.09.04.21]

Nhà trường có hệ thống tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các cán bộ, giảng viên và SV về hệ thống và sự cố [F7.07.03.09].

Quy trình xử lý sự cố như sau:

Ý kiến từ người sử dụng  Trung tâm CNTT tiếp nhận  Giao cán bộ hỗ trợ

Báo cáo kết quả

### **Hệ thống nâng cấp các thiết bị CNTT đã được thiết lập và vận hành**

Dựa vào kết quả đánh giá hệ thống CNTT của SV và các bên liên quan hàng năm, hàng năm Nhà trường đã đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và mua sắm máy tính

bổ sung cho các phòng học và phòng làm việc.

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, Trung tâm CNTT đề xuất việc thực hiện cải tạo, cải tiến hệ thống nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, NCKH. Bảng thống kê kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ công nghệ thông tin hàng năm [F7.07.03.11].

Quy trình nâng cấp thiết bị CNTT như sau:

Nhu cầu của các đơn vị sử dụng □ Trung tâm CNTT tiếp nhận và tổng hợp, đề xuất trong kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách □ Phòng Quản trị □ Phòng TCKT □ Ban Giám hiệu quyết định các đơn vị chức năng thực hiện □ Mua sắm đầu thầu □ Tổ chức thực hiện.

Để tổ chức và lưu trữ dữ liệu cho các hoạt động quản lý, Nhà trường có một phòng máy chủ với các thiết bị có cấu hình tương đối mạnh, trong đó có những máy chủ dành riêng cho các hoạt động sao lưu dữ liệu (đặt tại tòa nhà B), hoạt động quản lý đào tạo, hoạt động quản lý thư viện...

Bên cạnh đó, để chủ động cho việc quảng bá thông tin trên Internet (địa chỉ <https://hlu.edu.vn/> Nhà trường đã đặt máy chủ web (web hosting) ngay tại Trường và có đường truyền Internet tốc độ cao, đáp ứng được nhu cầu truy cập của đông đảo của người dùng [F7.07.03.19] và máy chủ thuê ngoài để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí.[F7.07.03.20].

Mỗi cán bộ, giảng viên và HV đều được cung cấp một tài khoản cá nhân cho việc truy cập vào cổng thông tin điện tử chính thức của Trường. Nhà trường đã cấp cho mỗi CBVC và SV một tài khoản Email mang tên miền của Trường (...@hlu.edu.vn) để trao đổi thông tin kịp thời. Nét nổi bật trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập của Nhà trường là việc ứng dụng hệ thống hỗ trợ giảng dạy và học tập trực tuyến E-learning [F7.07.03.21] và hệ thống dạy và học trực tuyến qua MS Teams [F7.07.03.22].

### **CNTT đã đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:**

Để nhận biết nhu cầu và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, TTCNTT thường xuyên phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng ĐT &KT tiến hành khảo sát về nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng trong Trường, tổ chức lấy ý kiến bằng phương pháp khảo sát online được tiến hành định kỳ hàng năm. Số liệu gần đây cho thấy mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ của TTCNTT có mức phản hồi ngày càng tốt hơn [F7.07.03.10]. Chưa có

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ hệ thống CNTT phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:

- Cung cấp đủ thư điện tử với 60.000 tài khoản, cho cán bộ, giảng viên và SV toàn trường [F7.07.03.15], [F7.07.03.22].
- Cung cấp đủ tài khoản Teams cho cán bộ, giảng viên và SV với 31.500 nhóm, 42.900 tài khoản để dạy và học trực tuyến [F7.07.03.22].
- Cung cấp hệ thống Wifi phủ sóng toàn trường, phục vụ 20.000 tài khoản, 2.000

người dùng đồng thời, 2 đường truyền 900 Mbps và 177 bộ phát [H9.09.04.02]

- Cung cấp hệ thống 2 đường Internet phục vụ cán bộ, giảng viên, SV (các phòng học và phòng máy tính) [H9.09.04.01].

- Cung cấp đầy đủ máy tính cho các phòng thực hành [F7.07.03.3], [F7.07.03.05].

Huy vẽ sơ đồ phòng học

- Cung cấp hệ thống website, gồm 3 website chính và 55 website các đơn vị [F7.07.03.07], [F7.07.03.19], [F7.07.03.20].

- Cung cấp bộ (15) phần mềm quản lý phục vụ các hoạt động của nhà trường: Phần mềm tin chỉ, Phần mềm kế toán (kế hoạch tài chính), Phần mềm quản lý văn bản (eOffice), Hệ thống office 365 với tên miền hlu.edu.vn, Hệ thống, Phần mềm Thư viện, - Với mục tiêu chung là ứng dụng nhanh và hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, NCKH, phục vụ cộng đồng và hiện đại hóa công tác quản lý của nhà trường đáp ứng yêu cầu của một trường Đại học tiên tiến trong khu vực. Vì vậy, hệ thống CSHT CNTT luôn được lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH, các nội dung được giao cho Trung tâm Công nghệ Thông tin (CNTT) thực hiện, cụ thể như sau:

- Cung cấp bộ (15) phần mềm quản lý phục vụ các hoạt động của nhà trường: Phần mềm tin chỉ, Phần mềm kế toán (kế hoạch tài chính), Phần mềm quản lý văn bản (eOffice), Phần mềm Elearning (Topica - FTU), Hệ thống office 365 với tên miền ftu.edu.vn, Hệ thống, Phần mềm Thư viện, Phần mềm quản lý công văn điện tử (SOE), Phần mềm lịch công tác (Calendar), Phần mềm quản lý công việc (S-Tasks), Phần mềm quản lý xe ô tô, Phần mềm quản lý phòng học, Phần mềm quản lý tạp chí, Phần mềm thống kê quản lý hỗ trợ kỹ thuật CNTT, Phần mềm thống kê và hỗ trợ kỹ thuật họp trực tuyến [F7.07.03.16]. CỬA HỌ NGUYỄN

- Cung cấp hệ thống thi trắc nghiệm tiếng Anh trên máy tính phục vụ 12.000 lượt thi mỗi năm, hệ thống thi chứng chỉ ứng dụng CNTT căn bản cho cán bộ, giảng viên và SV và thí sinh ngoài trường [F7.07.03.16].

+ Ứng dụng Công nghệ Thông tin phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH, phục vụ cộng đồng và quản lý.

+ Ứng dụng CNTT tại cả ba cơ sở để triển khai chuyển đổi số tiến tới đại học số, đại học thông minh.

+ Ứng dụng CNTT vào đổi mới chương trình đào tạo và giảng dạy để SV có năng lực sáng tạo, am hiểu về kỹ thuật số trong lĩnh vực chuyên môn, có năng lực ứng dụng các công nghệ mới (điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, IoT, tự động hóa, mô phỏng, web, Internet...) có năng lực tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng CNTT trong quản lý và kinh doanh.

Đặc biệt là năm học 2020-2021, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến, mạng LAN nối các tòa nhà xây dựng các phòng kỹ thuật ở các tòa nhà bổ sung các máy tính nối mạng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu tốt của NCKH và đào tạo.

Đặc biệt là năm học 2020-2021, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống Wifi

[F7.07.03.13], mạng LAN nối các tòa nhà [F7.07.03.23], xây dựng các phòng kỹ thuật ở các tòa nhà [F7.07.03.24], bổ sung các máy tính nối mạng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu tốt của NCKH và PVCĐ [F7.07.03.05].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.***

### **1. Mô tả**

Thư viện là bộ phận cấu thành quan trọng, là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường. Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với sự phát triển của Nhà trường. Trong những năm qua, Trường đã quan tâm, đầu tư nguồn kinh phí đáng kể để phát triển nguồn học liệu và thư viện. Trung tâm TTTV có chức năng quản lý, duy trì, phát triển hệ thống thông tin phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường Đại học Luật Hà Nội; Quản lý, vận hành hệ thống thư viện của Trường; Tổ chức, quản lý, phát triển các dịch vụ thư viện phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Về nhiệm vụ, tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về phát triển hệ thống thông tin, tài liệu; thu thập tài liệu, học liệu; bổ sung, phát triển nguồn thông tin, tài liệu trong nước và nước ngoài phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập và chuyên gia công nghệ của Trường. Về cơ cấu tổ chức và nhân sự, Trung tâm TTTV có Giám đốc, Phó Giám đốc, 02 tổ chuyên môn nghiệp vụ, gồm: tổ Phát triển thông tin, tổ Dịch vụ thông tin. **[Quyết định 1891 ngày 31 tháng 5 năm 2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm TTTV, Quyết định 2855 ngày 3 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm TTTV]**

Thư viện tại trụ sở chính được bố trí tại tòa nhà D với diện tích 1.500m<sup>2</sup>. Các phòng phục vụ, gồm: phòng đọc, phòng mượn, phòng đào tạo người dùng tin/thảo luận nhóm. **[Sơ đồ bố trí thư viện]**. Phòng đọc với diện tích 1.000m<sup>2</sup>, có sức chứa 450 chỗ ngồi với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, phục vụ liên tục từ 7h30-19h30 hàng ngày, từ thứ Hai tới Chủ nhật **[H2.09.02.02: Quy định về thời gian phục vụ của thư viện]**. Phòng đọc của Thư viện tại Phân hiệu tại Đắk Lắk có diện tích 896 m<sup>2</sup>, đã đưa vào sử dụng 256m<sup>2</sup>, có sức chứa 50 chỗ ngồi. Đội ngũ viên chức, [người lao động tại](#) Trung tâm TTTV gồm 14 người, trong đó có 12/14 có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thư viện, 03 viên chức có trình độ Thạc sĩ TTTV, 3/14 viên chức có văn bằng thứ hai là cử nhân Luật, [02 nhân viên hợp đồng là cử nhân và thạc sĩ Luật; Thư viện tại Phân hiệu có 01 viên chức trình độ của nhân kế toán và cao đẳng Thông tin thư viện](#) **[H2.09.02.03: Thống kê nguồn nhân lực Trung tâm TTTV]**.

Trường có các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 xác định rõ mục tiêu chiến “có hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại được đầu tư bài bản, theo hướng hiện đại tại trụ sở chính, cơ sở II và phân hiệu, nhất là hệ thống giảng đường, thư viện, trung tâm nghiên cứu khoa học...”.

Một số giải pháp cụ thể được đề xuất, trong đó nhấn mạnh “Đầu tư phát triển trung tâm thông tin thư viện tại trụ sở chính, sơ sở II và phân hiệu; hợp tác, liên kết, chia sẻ nguồn thông tin với các cơ quan thông tin, thư viện thuộc khối nội chính và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, thực hành pháp luật trong nước và trên thế giới” [**Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030**]. Quyết định 549 ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật xác định các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản trong đó nhiệm vụ “Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống giảng đường, thư viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống mạng, biên soạn giáo trình-tài liệu, phát triển nguồn tài liệu điện tử, nâng cấp website của Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh”, “Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất kang trang, hiện đại tại Cơ sở 2 của Trường Đại học Luật Hà Nội tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; nâng cấp, cải tạo, hiện đại hóa cơ sở vật chất tại trụ sở chính ở Thủ đô Hà Nội và Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk... Đổi mới cách dạy, cách học, quản trị và quản lý dựa trên công nghệ số; phát triển thư viện số hiện đại, tăng cường sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử tiên tiến hàng đầu trên thế giới; hợp tác ít nhất ba thư viện các nước trong khu vực” [**Quyết định 549 ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1156/QĐ-TTG ngày 30 tháng 9 năm 2022**]. Trên cơ sở chiến lược phát triển, Quyết định 549, Quyết định 1156, Trường đã cụ thể hoá các nhiệm vụ trong các kế hoạch nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ công tin, tự động hoá thư viện [**Hợp đồng chuyển giao phần mềm thư viện điện tử, thư viện số Kipos, kế hoạch số hoá nguồn tài liệu nội sinh, hợp đồng trang bị hệ thống công an ninh và thiết bị tự động hoá thư viện**]. Hàng năm, Trường xây dựng, phê duyệt kế hoạch công tác, dự toán kinh phí của Trung tâm TTTV trọng tâm đầu tư, phát triển hệ thống học liệu, cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường [**Kế hoạch công tác, dự toán kinh phí của Trung tâm TTTV 2018-2022**].

Thư viện Trường được xây dựng theo mô hình thư viện mở, hiện đại, có đầy đủ nguồn tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường. Về nguồn tài nguyên thông tin hiện có tại thư viện 24.301 đầu tài liệu in (196.320 cuốn), 10.893 đầu tài liệu số, 02 cơ sở dữ liệu trực tuyến.

Bảng 1. Thống kê tài liệu thư viện

Loại tài liệu	Tài liệu in		Tài liệu số	
	Số đầu	Số bản	Số đầu	Số bản
Giáo trình	816	55.266	120	
Sách tham khảo	14.221	127.186	199	
Luận án, luận văn	8.200	12.669	4.579	
Đề tài khoa học	583	594	382	

Tài liệu hội thảo	481	605	380	
Báo, tạp chí (tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	100			
Bài tạp chí			4.394	
Tài liệu truy cập mở			764	
Sách điện tử			75	
Cơ sở dữ liệu trực tuyến			03	

Để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nguồn học liệu phục vụ các chương trình đào tạo, hàng năm, Trung tâm TTTV tiến hành rà soát, lập danh mục bổ sung tài liệu, học liệu cần bổ sung theo đáp ứng yêu cầu của các chương trình đào tạo, theo yêu cầu của giảng viên và người học. Hàng năm, Nhà trường ưu tiên dành nguồn kinh phí cho việc mua sắm, bổ sung tài liệu, học liệu, số hoá tài liệu thư viện. Trong chu kỳ đánh giá 2018-2022, Trường đã đầu tư 5.746.729.515 đồng cho việc bổ sung tài liệu thư viện. Trung bình, mỗi năm là 1.15 tỷ đồng.

Bảng 2. Thống kê bổ sung tài liệu 2018-2022

Năm	Tài liệu in			Tài liệu số		Sách điện tử/CSDL	
	Số đầu	Số bản	Số tiền	Số đầu	Số tiền	Số đầu	Số tiền
2018	830	7.729	895.661.000	1.022	107.543.353	75	199.200.000
						CSDL Heinonline	109,606,500
2019	1.056	5.374	1.065.578.000	2.177	286.154.185	CSDL Heinonline	109,606,500
	1.028	5.474	997.380.000	1.266	48.590.905	CSDL Heinonline	113,746,500
						CSDL Westlaw	327.000.000
2021	785	7.042	659.529.000	1.448	48.031.201	CSDL sách điện tử iG Publishing tạp, chí Sage thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung: miễn phí	



2022	206	2.985	348.429.000	1.032	112.464.571	CSDL Heinonline	318.208.800
						CSDL sách điện tử iG Publishing tạp chí Sage thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung: miễn phí	
<b>Tổng</b>	<b>3.905</b>	<b>28.60</b>	<b>3.966.577.000</b>	<b>6.945</b>	<b>602.784.215</b>		<b>1.177.368.300</b>

Bên cạnh việc đầu tư kinh phí bổ tài liệu, học liệu, Trường còn chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hiện đại hoá thư viện như: đầu tư nâng cấp phần mềm thư viện điện tử, thư viện số Kipos, trang bị hệ thống công an ninh và thiết bị tự động hoá thư viện [*Hợp đồng chuyển giao phần mềm thư viện điện tử, thư viện số Kipos, hợp đồng mua sắm công an ninh và thiết bị tự động hoá thư viện*]. Thư viện Trường được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: hệ thống máy chủ, máy tính, mạng internet, wifi, máy photocopy, máy mượn trả sách tự động, hệ thống trả sách tự động 24/7, công an ninh thư viện công nghệ RFID, camera giám sát; hệ thống giá kệ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ [*Danh mục trang thiết bị tại thư viện, thống kê kinh phí đầu tư trang thiết bị cho thư viện*].

Nguồn tài liệu, học liệu, các trang thiết bị, tiện tích tại thư viện được quản lý, sử dụng hiệu quả phục vụ hoạt động nghiên cứu và đào tạo của Trường. Trường ban hành nội quy thư viện, an biên soạn các chỉ dẫn, hướng dẫn, quy trình sử dụng tài liệu, trang thiết bị thư viện công bố công khai tại các bộ phận phục vụ, công thông tin thư viện [*Nội quy thư viện, tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện, các quy trình sử dụng trang thiết bị, tài liệu thư viện*]. Trường có dữ liệu theo dõi hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phần mềm quản lý thư viện điện tử, thư viện số Kipos được sử dụng để quản lý toàn bộ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của thư viện. Các thông tin, dữ liệu về tài liệu, học liệu, lưu thông tài liệu, truy cập tài liệu số được cập nhật, lưu trữ trong hệ thống dữ liệu của thư viện phục vụ việc theo dõi, thống kê, làm cơ sở để đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện [*H2.09.02.32: Hợp đồng chuyển giao phần mềm quản lý thư viện*], [*H2.09.02.33: Dữ liệu thống kê chỉ số hoạt động của thư viện*]

Bảng 3. Thống kê chỉ số hoạt của thư viện

Chỉ số hoạt động	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng bạn đọc đến thư viện	6853	7141	5735	3814	3099
Số lượt bạn đọc đến thư viện	93546	111007	66186	25536	21951
Số lượng bạn đọc mượn - trả tài liệu	10319	7033	6942	3306	3104

Số lượt tài liệu lưu thông	86696	39406	28400	12214	11993
Số lượng bạn đọc truy cập tài liệu số	2888	4133	5783	7367	6662
Số lượt tài liệu số được truy cập	40532	117710	353872	729332	518823
Lượt truy cập Internet	5746	6991	2288	735	87
Lượt tư vấn, hỗ trợ bạn đọc	8136	8245	7407	6687	9157

Để đảm bảo đáp ứng đầy nguồn học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Trường tiến hành rà soát học liệu của các CTĐT định kỳ theo từng học kỳ, bổ sung, thu thập học liệu thiếu **[Báo cáo rà soát học liệu, danh tài liệu liệu bổ sung]**. Nguồn tài liệu, học liệu, CSDL trực tuyến được tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. Các kho tài liệu được rà soát, định kỳ hàng năm để đánh giá hiệu quả sử dụng, tình trạng tài liệu, từ đó có kế hoạch bảo quản, tu bổ kịp thời. Thư viện tiến tổng kiểm kê kho tài liệu định kỳ 5/lần **[Báo cáo rà soát tài liệu, danh mục tài liệu bảo quản hàng năm, hồ sơ kiểm kê kho tài liệu]**.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện, hàng năm Trường tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến hân hời của giảng viên người học về nguồn tài liệu, chất lượng dịch vụ của thư viện làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cáo chất lượng phục vụ của thư viện **[Hồ sơ khảo sát bạn đọc]**. Kết quả khảo sát năm 2022 về mức độ hài lòng của các bên liên quan cho thấy giảng viên đánh giá cao về các tài liệu và trang thiết bị của Thư viện, cụ thể là:

+ Về trang bị tại phòng đọc của Thư viện: Điểm trung bình 4,40/5 trong số 219 ý kiến phản hồi;

+ Về cảnh quan tại phòng đọc của Thư viện: Điểm trung bình 4,40/5 trong số 219 ý kiến phản hồi;

+ Về lịch phục vụ người đọc tại Thư viện: Điểm trung bình 4,50/5 trong số 219 ý kiến phản hồi;

+ Về quy trình phục vụ người đọc tại Thư viện: Điểm trung bình 4,48/5 trong số 219 ý kiến phản hồi;

+ Về thái độ phục vụ của nhân viên Thư viện: Điểm trung bình 4,54/5 trong số 219 ý kiến phản hồi;

**[Kết quả khảo sát các bên liên quan năm 2022]**

## **2. Điểm mạnh**

- Thư viện Trường có đầy đủ nguồn tài liệu, học liệu (bản in và điện tử), được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Thư viện được trang bị các trang thiết bị và tiện ích hiện đại, có đầy đủ nội quy, hướng dẫn; thư viện được tổ chức, vận hành theo mô hình thư viện mở, thân thiện, thuận tiện cho việc tiếp cận, khai thác và sử dụng của giảng viên và người học.

- Trường đã xây dựng thư viện số, số hóa toàn bộ nguồn tài liệu nội sinh, mua quyền truy cập CSDL, sách điện tử, liên kết chia sẻ tài nguyên thông tin với các cơ sở đào tạo khác để làm phong phú thêm nguồn học liệu phục vụ các chương trình đào tạo.

- Nguồn lực học tập, các thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin tại thư viện được thường xuyên được rà soát, bổ sung, cập nhật cập nhật hàng năm đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các chương trình đào tạo.

- Nguồn lực học tập được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường.

- Thư viện được quản lý bằng mềm quản lý thư viện thế hệ mới, có hệ thống dữ liệu theo dõi hoạt động của thư viện để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hàng năm, Thư viện tiến hành thu thập ý kiến đánh giá, phản hồi của giảng viên và người học làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho thấy bạn đọc đánh giá cao về chất lượng phục vụ của thư viện, điểm số trung bình đạt 4,50/5 điểm.

### 3. Hạn chế, tồn tại

- Chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin tại thư viện như: Mạng hệ thống máy tính, mạng wifi chưa đồng bộ, hay bị lỗi, nghẽn kết nối.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Nâng cấp hạ tầng CNTT (mạng Internet, wifi, hệ thống máy tính).  - Tăng cường sự hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm CNTT trong việc bảo trì, sửa chữa khắc phục lỗi, sự cố mạng, máy tính và các thiết CNTT tại thư viện.	Trung tâm CNTT	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài liệu, học liệu hiện có.  - Mở rộng hợp tác, kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dịch vụ thư viện với thư viện của các cơ sở đào tạo	Trung tâm TTTV  Trung tâm TTTV	Hàng năm  Từ năm 2022

	luật và các thư viện trong và ngoài nước. - Tiếp tục hiện đại hoá thư viện, số hoá tài liệu, bổ sung CSDL, sách, tạp chí điện tử.	Trung tâm TTTV	Hàng năm
--	--	----------------	----------

**5. Mức đánh giá tiêu chí: Đạt mức 6/7**

**Tiêu chí: 7.5 Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành**

Trường luôn quan tâm đến công tác môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Trường có Trạm y tế là đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ thăm, khám, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho viên chức, người lao động và người học. Trạm Y tế được biên chế 05 viên chức, trong đó có 01 bác sĩ, 04 điều dưỡng viên. (QĐ số 1671/QĐ-ĐHLHN ngày 7/5/2021 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm YT). Trạm y tế tổ chức: Khám và chữa một số bệnh thông thường và sơ cấp cứu cho viên chức, người lao động và người học; (số khám, chữa bệnh 2018 đến 2022), thực hiện mua bảo hiểm cho người học; (danh sách tham gia BH 1018 đến 2022), tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên năm đầu tiên nhập học, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho viên chức, người lao động (Hợp đồng khám sức khỏe 2018 đến 2022). Theo dõi, kiểm tra vệ sinh bên trong các phòng học, phòng làm việc, cảnh quan môi trường bên ngoài thuộc khuôn viên Trường. Giám sát an toàn thực phẩm, an toàn nguồn nước. (Số kiểm tra ATTP; Giấy xét nghiệm nguồn nước, Hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom rác, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt). Trường có Hội đồng sức khỏe, căn cứ kết quả khám sức khỏe đã được phân loại, Hội đồng quyết định có chế độ theo dõi, chăm sóc sức khỏe được tốt hơn và có cơ chế học tập phù hợp đối với mỗi nhóm sức khỏe của sinh viên, trong đó đặc biệt quan tâm và có chính sách cho những sinh viên có sức khỏe yếu, bệnh nền, khuyết tật (Quyết định thành lập Hội đồng sức khỏe các năm). Theo các giai đoạn khi dịch bệnh có nguy cơ lan rộng, nguy hiểm, Trường thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch như: Ban chỉ đạo phòng chống dịch sốt xuất huyết; Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 (Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh). Trường có Phòng Quản trị là đơn vị thực hiện chức năng đảm bảo cơ sở vật chất, trật tự, an ninh, thực hiện công tác quản lý Ký túc xá, duy trì công tác vệ sinh, chăm sóc cây xanh, đảm bảo cảnh quan môi trường văn minh, thân thiện, xanh, sạch, đẹp. Tổ bảo vệ được biên chế 08 viên chức, người lao động và thực hiện công tác trực, tuần tra 24/7, chủ trì triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn. tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Ban Phòng chống bão lụt và phòng cháy chữa cháy, thành lập Đội Phòng chống bão lụt và phòng cháy chữa cháy. (QĐ số 1243/QĐ-ĐHLHN ngày 8/4/2021 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Quản trị). Phòng Công tác Sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm về chế độ chính sách đối với sinh viên như: Xét học bổng; xét miễn giảm học phí; xét các đối tượng được ưu tiên vào ở Ký túc xá, đề xuất các chế độ khác cho từng trường

hợp gặp khó khăn trong học tập. Phòng có Trung tâm hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng.

Trường quan tâm công tác xây dựng kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Hàng năm, Nhà trường ban hành các Kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt như: Kế hoạch mua bổ sung thuốc chữa bệnh; mua bổ sung dụng cụ y tế; tổ chức phun thuốc diệt muỗi, chuột; tổ chức khám sức khỏe cho viên chức người lao động; (*Quyết định phê duyệt công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Hiệu trưởng của trạm y tế*). Kế hoạch thực hiện BHYT hàng năm (*Kế hoạch BHYT năm học 2018-2019.....2022-2023*); Kế hoạch phòng chống sốt xuất huyết; Kế hoạch phòng chống dịch; Kế hoạch thau rửa bể nước; Kế hoạch xét nghiệm nguồn nước; Kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa học (*Kế hoạch phòng chống dịch sốt xuất huyết số 4090/KH-BCĐPDB ngày 1/11/2019; Phiếu trình VV KSK sinh viên năm 2018 đến 2022*); Kế hoạch đầu tư nâng cấp, sửa chữa CSVC, bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, nạo vét hệ thống thoát nước, vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt (*Quyết định phê duyệt công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Hiệu trưởng*) Hàng năm Trường ban hành kế hoạch phòng chống bão lụt và phòng cháy chữa cháy (*Kế hoạch PCBL & PCCC các năm*)

Kết quả đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2018 - 2022 được thể hiện ở bảng tổng hợp và đối sánh kinh phí qua các năm dưới đây:

Stt	Nội dung chi phí tài chính	Năm tài chính				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Khám Sk cho CB, NV	136	141	153	187	
2	Mua thuốc phục vụ CBNV, SV	399	316	332	181	
3	Thuê mướn, vệ sinh môi trường	1000	1000	1000	63	63
4	Thuê mướn, chăm sóc cây cảnh	33	33	33	63,8	63,8

5	Phun hóa chất phòng chống dịch	47	47	211	195	
6	Phòng cháy chữa cháy	100	100	100	100	100
7	Đầu tư cơ sở vật chất					

Trường đã đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt: Trạm Y tế của Trường là cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm y tế các trường đại học, học viện, đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp (*Quyết định thành lập trạm y tế số 668/QĐDBTP ngày 7/5/2015 của bộ tư pháp*). Trạm nằm ở vị trí thuận tiện trong khuôn viên Trường, tại tầng 1 nhà E, với tổng diện tích 90 m<sup>2</sup>, sàn lát gạch men, tường ốp gạch men trắng gồm 6 phòng chức năng: Phòng tiếp đón; phòng khám nội, ngoại, TMH, mắt; phòng thủ thuật; phòng phát thuốc; phòng lưu bệnh nhân; phòng khám sản khoa. Trạm có đầy đủ trang thiết bị y tế, cơ sở thuốc cần thiết và có đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế được đào tạo bài bản, có chứng chỉ hành nghề thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ (*Bản kê khai cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*), vật tư y tế và thuốc chữa bệnh luôn được đảm bảo đầy đủ cho công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho viên chức, người lao động và người học của Trường. Hàng ngày, Trường có nhân viên y tế trực sơ cứu, cấp cứu và khám chữa bệnh ban đầu (*Sổ Khám bệnh 2018 đến 2022*). Công tác y tế của Trường luôn được thực hiện tốt, hàng năm viên chức, người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm các loại bệnh để có phương pháp điều trị kịp thời (*Hợp Đồng KSK*). Công tác phun thuốc phòng dịch theo mùa được thực hiện hàng năm (*hợp đồng phun thuốc diệt muỗi, chuột các năm*). Hệ thống nước sạch của thành phố, các bể nước sinh hoạt được thau rửa định, vệ sinh khử khuẩn và xét nghiệm hàng năm (*hợp đồng thau bể và phiếu xét nghiệm nguồn nước*). Công tác an toàn cháy nổ, các tòa nhà được trang bị hệ thống báo cháy tự động tới từng phòng làm việc, hội trường, giảng đường, lớp học và hòng nước cứu hỏa được cơ quan chức năng kiểm định đúng quy định (*giấy thẩm duyệt về PCCC*). Hệ thống PCCC được sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hàng năm (*Hợp đồng bảo dưỡng PCCC*). Hàng năm Trường thực hiện mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ cho công trình (*Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ*). Trường đầu tư trang bị đồng phục, các phương tiện làm việc cho nhân viên bảo vệ và lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong trường. Trường ký hợp đồng với Công an Phường Láng Hạ để tăng cường công tác trật tự, an ninh của Nhà trường (*Hợp đồng CA với bảo vệ*).

Trường đầu tư hệ thống giảng đường, phòng học hiện đại, 80% các giảng đường, lớp học được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, 100% được trang bị âm thanh, máy chiếu, các trang thiết bị được sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hàng năm (*Hợp đồng bảo dưỡng máy chiếu, điều hòa*). Trường trang bị hệ thống máy lọc nước tinh khiết RO ở tất cả các

khu vực trong trường, khu vệ sinh đạt chuẩn, khuôn viên được trồng cây xanh, bóng mát, được chăm sóc thường xuyên, tạo không gian xanh, sạch, đẹp và môi trường học tập gần gũi với thiên nhiên. Công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, đã được Trường ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ (*hợp đồng vệ sinh các năm*). Công tác trông giữ xe được đầu tư hệ thống tự động, có camera giám sát, bãi trông giữ phương tiện giao thông có kẻ ô hướng dẫn sắp xếp khoa học. Một số tòa nhà có lối đi cho xe lăn, thang máy có bàn phím nổi, nhà vệ sinh, bảng chỉ dẫn cho người khuyết tật. Ký túc xá được thiết kế khép kín và được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, bình nóng lạnh. Trường đầu tư các phòng tập giáo dục thể chất, sân chơi thể thao, nhà thi đấu, sân vận động, hội trường cho viên chức, người lao động và người học (*phòng tập tầng 3 nhà K6, sân bóng rổ, bóng chuyền, nhà thi đấu đa năng, sân vận động*). Trường đã thiết lập hệ thống thông tin về việc làm, thông tin hai chiều giữa Nhà trường và đơn vị sử dụng lao động về khả năng đáp ứng nguồn nhân lực và nhu cầu sử dụng lao động để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học (*Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng*).

Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá hằng năm: Hằng năm môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá trong các báo cáo tổng kết của Trường và các đơn vị chức năng. Nội dung này còn được thể hiện thông qua Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng của Trường với các đơn vị cung cấp dịch vụ; Các biên bản kiểm tra của các cơ quan chức năng: Y tế học đường, cơ quan PCCC, vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác nghiệm thu công việc của các đơn vị thực hiện dịch vụ vệ sinh, trông giữ xe, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thang máy... Các báo cáo và Biên bản được phân tích, đánh giá chỉ ra những ưu, khuyết điểm về công tác này để phát huy, rút kinh nghiệm và có kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại của công tác này (*Báo cáo tổng kết công tác năm của Trường, các Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm, Y tế học đường, PCCC, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng dịch vụ*).

Trường có dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt: Các dữ liệu theo dõi được lưu giữ tại các đơn vị chức năng. Trạm Y tế lưu giữ các dữ liệu về công tác y tế cộng đồng, sức khỏe của viên chức, người lao động và người học, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; Phòng Quản trị lưu giữ các dữ liệu về an ninh trật tự, Quản lý ký túc xá, hội trường, lớp học, về công tác PCCC; Phòng Công tác sinh viên lưu giữ thông tin về người học. Từ những dữ liệu trên Trường có biện pháp phân tích, đánh giá để đưa ra các biện pháp thực hiện cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, cụ thể: Trường ban hành Quy định về công tác y tế trường học, Nội quy Nội quy PCCC, Ký túc xá, Nội Quy sử dụng điện... các quy chế phối hợp bảo đảm an ninh an toàn tại Trường với công an địa phương. Giữ liệu được lưu giữ linh hoạt bằng cả phần cứng và phần mềm. (Các nội quy PCCC, KTX, Nội quy sử dụng điện...)

Dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt lưu giữ tại các đơn vị chức năng được cải tiến sau khi đánh giá, rà soát: Trong giai đoạn 2018 đến 2022,

môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã được cải tiến. Hệ thống cơ sở vật chất được cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa, hầu hết các tòa nhà cũ đều đã được đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa trang thiết bị. Hiện nay tất cả các phòng họp, phòng làm việc được trang bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị văn phòng kết nối mạng internet. 80% giảng đường, hội trường, phòng học Trường đã trang bị điều hòa nhiệt độ, 100% các giảng đường, hội trường lớp học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, hệ thống chiếu sáng theo tiêu chuẩn hoạt động ổn định. Ký túc xá được cải tạo khang trang, phòng ở khép kín, 100% các phòng ở Ký túc xá có điều hòa nhiệt độ và bình nước nóng phục vụ sinh viên ở trong ký túc xá. Nhà ăn căng tin cũng được cải tạo, nâng cấp và tăng cường cơ sở vật chất khang trang. Công tác y tế phục vụ sức khỏe viên chức, người lao động và người học cũng được tăng cường như mua sắm thêm dụng cụ y tế hỗ trợ khám chữa bệnh, phòng dịch như: Máy đo thân nhiệt và khử khuẩn được lắp đặt tại các lối ra vào đông người, máy mát sa, máy chiếu tia hồng ngoại... (*hợp đồng mua máy*). Hệ thống máy lọc nước uống trực tiếp đã được đầu tư hầu hết tại các khu vực trong trường, định kỳ thường xuyên được thay lõi lọc đảm bảo nguồn nước uống (*hợp đồng thay lõi cây nước*). Tăng cường công tác trật tự an ninh, Trường đã lắp đặt hệ thống camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu để tăng cường giám sát, các hoạt động an ninh an toàn trong trường. Tăng cường công tác PCCC & CNCH, bổ sung các thiết bị PCCC bị hỏng hoặc hết niên hạn sử dụng, tập huấn PCCC & CNCH, tập huấn phương án PCCC & CNCH cấp giấy chứng nhận PCCC & CNCH cho đội phòng chống bão lụt và PCCC của Trường (*Giấy chứng nhận PCCC & CNCH*).

Đặc biệt, vào cuối tháng 01/2020 khi dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra, nhận định tình hình dịch bệnh phức tạp khả năng lan rộng bùng phát cao. Trường đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh virus Corona (Quyết định thành lập ban chỉ đạo PC dịch ngày 31/1/2020). Trường đã ban hành nhiều văn bản, hướng dẫn các các đơn vị, viên chức, người lao động và người học thực hiện triệt để các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ Đạo Quốc Gia, triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona, ban hành kế hoạch phòng chống dịch chủng mới Corona chủng mới (*các Kế hoạch phòng chống dịch*). Trường đã đầu tư trang bị 30 phòng cách ly đạt tiêu chuẩn tại nhà K4, mỗi phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị chuẩn của phòng cách ly như: Thùng rác y tế, thùng rác sinh hoạt, ấm đun nước, khăn lau, túi nilon... Các vị trí trong trường đều được để bình xịt nước sát khuẩn, một số vị trí chính, đông người đi lại được trang bị máy đa năng vừa sát khuẩn và đo nhiệt độ, thời gian sinh viên học tập trung, trường tổ chức vệ sinh khử khuẩn 2 lần/ buổi học, các phòng làm việc được phát nước khử khuẩn để lau phòng làm việc mỗi ngày, trường tổ chức cấp phát liều thuốc tăng sức đề kháng cho 100% viên chức, người lao động, tổ chức hỗ trợ vật chất cho sinh viên ngoại trú, nội trú không về nhà được trong thời gian giãn cách xã hội.

## **2. Điểm mạnh:**

- Trường đã ban hành các văn bản quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn;
- Các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện;



- Trong thiết kế, xây dựng cơ sở vật chất có lưu ý đến khả năng tiếp cận của những người khuyết tật.

### 3. Tồn tại:

- Các khu vệ sinh của một số tòa nhà và địa điểm công cộng chưa thiết kế đường xe lăn, nhà vệ sinh giành cho người khuyết tật;

- Chưa khảo sát, lấy ý kiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	.....	.....	.....	.....
2	Phát huy điểm mạnh	.....	.....	.....	.....

Mức đánh giá tiêu chí: Đạt 4/7

Tự đánh giá tiêu chuẩn:

Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7.1</i>	<i>4/7</i>
<i>Tiêu chí 7.2</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 7.3</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 7.4</i>	<i>6/7</i>
<i>Tiêu chí 7.5</i>	<i>4/7</i>

## **Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại**

### ***Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục***

1. Tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đều hướng đến đích trở thành “trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới”. Vì vậy, việc phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại (bao gồm hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước) luôn được Trường chú trọng thúc đẩy nhằm hướng đến việc thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường.

Các đơn vị đầu mối của Trường chịu trách nhiệm điều phối, tổ chức thực hiện và giúp Hiệu trưởng theo dõi, giám sát việc phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước, cụ thể:

- Phòng Hợp tác quốc tế là đầu mối tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển các đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại quốc tế: Phòng Hợp tác quốc tế được thành lập theo Quyết định số 412/1998/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp [Minh chứng số 354]; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng được quy định tại Quyết định số 2557-QĐ-ĐHLHN ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội. Theo các quy định này, Phòng Hợp tác quốc tế là đơn vị tham mưu và giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế của Trường theo [Minh chứng số 354].

- Phòng Hành chính tổng hợp là đầu mối tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển các đối tác, mạng lưới, quan hệ trong nước: Phòng Hành chính tổng hợp được thành lập theo Quyết định số... [Minh chứng số...]; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quyền hạn của Phòng được quy định tại Quyết định số ...-QĐ-ĐHLHN ngày... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội [Minh chứng số...]

Các đơn vị thuộc Trường khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và các Quyết định của Hiệu trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của mỗi đơn vị thực hiện các hoạt động cụ thể để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường.

2. Trường đã ban hành các quy định quản lý hoạt động ngoại để thực hiện các công việc phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại trong nước và quốc tế, cụ thể:

- Đối với phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại quốc tế: Trường đã ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo *Quyết định số 1123 /QĐ-ĐHLHN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội*. Trong quá trình xây dựng văn bản này, Trường Đại học Luật Hà Nội đã lấy ý kiến của các đơn vị trực thuộc Trường, ý kiến của người học làm cơ sở thực tiễn để xây dựng và ban hành các quy định này. Sau khi ban hành, văn bản này đã được gửi đến đơn vị trực thuộc Trường để thực hiện và được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Trường (<https://htqt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/11730>) [Minh chứng số 355]. Văn bản này bám sát tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường; quy định rõ

*ràng về nội dung quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, cơ chế quản lý, phân cấp, phân quyền, kiểm tra, giám sát trong hoạt động hợp tác quốc tế của Trường; quy định trách nhiệm xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, tổ chức kí kết và thực hiện các thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác, quy định việc quản lý viên chức, người lao động của Trường đi công tác, học tập ở nước ngoài, quản lý sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia chương trình trao đổi. Các hoạt động đối ngoại của Trường đều được thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Trường; các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường ngoài việc được thông tin bằng tiếng Việt còn được thông tin bằng tiếng Anh. [Minh chứng số 365].*

- Đối với phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại trong nước [chưa có thông tin]

Trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 trong đó có nội dung liên quan đến phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại quốc tế và trong nước [Minh chứng 356, 357]. Hàng năm, Hội đồng Trường đều ban hành “Phương hướng tuyển sinh, mở ngành đào tạo, liên kết đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế, chính sách bảo đảm chất lượng đào tạo, chính sách học phí, chính sách hỗ trợ người học” của Trường Đại học Luật Hà Nội [Minh chứng 358] trong đó có chiến lược về phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước. Kế hoạch công tác hàng năm của Trường đều có nội dung về đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước và nội dung này được cụ thể hóa trong Kế hoạch công tác năm của Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính Tổng hợp cũng như các đơn vị trực thuộc Trường có liên quan khác [Minh chứng 359]. Nội dung các chiến lược, kế hoạch này đều nhấn mạnh đến (i) Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài ở trình độ đại học và sau đại học về chiến; (ii) việc phát triển quan hệ đối tác với các cơ sở giáo dục đại học, các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, cá nhân ở trong và ngoài nước: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 nêu rõ “phần đầu đến năm 2025 có ít nhất 50 thỏa thuận hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nước ngoài; tập trung thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác ở giai đoạn tiếp theo” [Minh chứng số 356, 35]; (iii) hợp tác trong việc thực hiện trao đổi giảng viên, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học; (iv) trao đổi người học, thu hút lưu học sinh nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Luật Hà Nội ; (v) trao đổi giáo trình, học liệu giảng dạy. Kế hoạch hợp tác quốc tế của Trường đã xác định rõ nội dung hợp tác với các đối tác ở từng quốc gia [Minh chứng 359].

3. Trên cơ sở kế hoạch, chiến lược phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại quốc tế và trong nước, Trường chủ động trao đổi với các đối tác ở trong nước hoặc quốc tế thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp ở Việt Nam hoặc nước ngoài để bàn thảo nội dung hợp tác, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để kí kết các thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác, theo đó đến nay đã có 39 thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài đang có hiệu lực thi hành và ... bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước đang được triển khai thực hiện [Minh chứng số 361, 362].

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tổng kết hoạt động của các cơ sở, đơn vị trực thuộc Trường, cũng như phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm được thảo luận và đưa vào Nghị

quyết của Hội nghị viên chức, người lao động của Trường, các đơn vị đầu mối, chức năng có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược chung của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

***Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện***

1. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước của Trường Đại học Luật Hà Nội về cơ bản được phân chia thành các nhóm chính sau đây:

- Các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán/cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài.

- Các mạng lưới (trong đó có Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam và mạng lưới cựu sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội), tổ chức giáo dục, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, các giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia ở trong và ngoài nước.

- Các quỹ, hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp.

- Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương.

Căn cứ vào Chiến lược phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại quốc tế và trong nước, Trường đã có kế hoạch triển khai các hoạt động đối ngoại và nội dung này được phản ánh trong Kế hoạch công tác năm của Trường, Kế hoạch công tác năm của Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính tổng hợp và các Kế hoạch có liên quan khác (như Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025) [Minh chứng 359]. Kế hoạch triển khai các hoạt động đối ngoại hàng năm được xây dựng trên cơ sở các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của Trường cũng như nhu cầu và khả năng đáp ứng của các đối tác của Trường. Trong giai đoạn 2016 – 2021, Trường Đại học Luật Hà Nội đã kí kết 18 thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế, [...] đối tác trong nước [Minh chứng số 362]. Nội dung các thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác này tập trung vào việc hợp tác để tổ chức hội thảo khoa học quốc tế, hợp tác xuất bản các nghiên cứu khoa học, trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên, liên kết đào tạo, trao đổi kinh nghiệm quản lý đào tạo, quản trị đại học. Các thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác trong nước cũng tập trung vào việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm quản lý, trao đổi học liệu, trao đổi sinh viên, giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật ở trong nước với nhau, các hoạt động hợp tác phục vụ cộng đồng [Minh chứng 362].

2. Trong giai đoạn từ năm 2018 cho đến nay, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức các đoàn công tác nước ngoài (đoàn ra) cũng như đón tiếp các đoàn công tác nước ngoài đến làm việc tại Trường (đoàn vào) để bàn về khả năng hợp tác, phát triển mạng lưới, đối tác, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài [Minh chứng số 371]. Cũng trong giai đoạn này đã có nhiều lượt sinh viên của Trường tham gia vào các chương trình trao đổi tập trung ở các đối tác là Đại học Quốc gia Singapore (NUS), Đại học Quốc lập Đài Loan (NTU), Đại học Nagoya, Đại học Keio (Nhật Bản), Đại học Akron (Hoa Kỳ); Trường cũng tiếp nhận sinh viên

quốc tế đến học tập tại Trường theo chương trình trao đổi, chương trình ngắn hạn, các chương trình đào tạo cấp bằng (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ theo thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác [Minh chứng số 369].

Trong giai đoạn từ 2018 đến nay được đã triển khai thực hiện hoạt động liên kết đào tạo ở trình độ cử nhân với Đại học Arizona (Hoa Kỳ) [Minh chứng 370] và có kế hoạch xây dựng ít nhất một chương trình liên kết đào tạo ở trình độ thạc sĩ với một cơ sở đào tạo luật có uy tín của nước ngoài [Minh chứng 357, 358, 359].

Đối với chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, trong giai đoạn từ 2018 đến nay Trường cũng đã tiếp nhận giảng viên của các cơ sở đào tạo luật nước ngoài là đối tác của Trường đến thuyết trình, giảng dạy, nghiên cứu tại Trường [Minh chứng số 367, 371] và cử các giảng viên của Trường đi thuyết trình, giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo luật ở nước ngoài là đối tác của Trường [Minh chứng 371].

Về hợp tác trong lĩnh vực khoa học với các đối tác của Trường, giai đoạn từ 2018 đến nay, Trường đã phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế tại Trường Đại học Luật Hà Nội trong đó ngoài sự tham gia của chuyên gia nước ngoài là đối tác của Trường còn có đại diện của cơ sở là đối tác trong nước của Trường, đại diện các cơ sở đào tạo luật trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam là Trường là thành viên điều hành tham dự [Minh chứng số 236]. Cùng với các hội thảo quốc tế, các hội thảo khoa học cấp quốc gia, cấp trường do Trường tổ chức cũng có sự tham gia của các đối tác trong nước của Trường, trong đó có một số hội thảo do Trường Đại học Luật Hà Nội đồng chủ trì với các đối tác trong nước [Minh chứng 237]; Trường cũng cử đại diện tham dự các hội thảo khoa học do các đối tác tổ chức. Trường có các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các đối tác trong và ngoài nước, theo đó dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa giảng viên của Trường với các giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học của các đối tác trong và ngoài nước [Minh chứng 250, 253, 254, 255, 256]; các công bố nghiên cứu được thực hiện chung bởi các giảng viên của Trường với các giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học của các đối tác trong và ngoài nước [Minh chứng 190]. Các nhóm nghiên cứu được Trường thành lập có các thành viên là các nhà khoa học nước ngoài và các nhà khoa học ở bên ngoài Trường thể hiện rõ việc thúc đẩy phát triển quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước của Trường [Minh chứng 251].

Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Trường tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các các tổ chức quốc tế để tăng cường năng lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phương tiện vật chất hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, cụ thể: Dự án GIZ về xây dựng môn học “Đánh giá tác động xã hội của chính sách trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”; Dự án “Tăng cường pháp luật và tư pháp” (Dự án EU-JULE) về xây dựng môn học “Giới, bình đẳng, giới và pháp luật”; Dự án Phát triển Chương trình đào tạo Thạc sĩ về Chính sách và Luật chống biến đổi khí hậu” do Ủy Ban Châu Âu (European Commission) thông qua ‘Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hóa (Education, Audiovisual and Culture Executive Agency: EACEA) trong khuôn khổ của Chương trình ERAMUS +; các hoạt động do Unicef, UN Women tài trợ [Minh chứng bổ sung]. Các hoạt động hỗ trợ của Bang Hessen (thông qua Văn phòng Bang Hessen tại Việt Nam) trong việc cấp học bổng cho sinh viên, tặng sách, tài liệu, hỗ trợ thiết bị kỹ thuật cho Trung tâm pháp luật Đức của Trường cũng rất

đáng ghi nhận [Bổ sung minh chứng].

Việc kết nối Trường với các cơ quan nhà nước, cộng đồng các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, các địa phương được triển khai tích cực nhằm: (i) chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động thực tiễn [Minh chứng 234]; (ii) kết nối sinh viên của Trường với cơ quan, đơn vị nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để cung ứng nhân lực, hỗ trợ việc làm cho sinh viên của Trường [Minh chứng 340, 341]; kết nối các nhà hoạt động thực tiễn, doanh nhân đến Trường giảng bài, trao đổi kinh nghiệm hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp với cán bộ, giảng viên và người học [Minh chứng bổ sung] (iv) thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua việc tham gia vào các công tác xã hội, hoạt động từ thiện, hoạt động tình nguyện [Minh chứng số 342, 343].

3. Các chủ trương, chính sách của Trường nhằm phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại quốc tế và trong nước thể hiện ở nhiều nội dung: đầu tư nguồn lực nhân lực và nguồn lực tài chính để phát triển các hoạt động đối ngoại (các khoản chi cho hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước, các khoản chi hỗ trợ thành lập nhóm nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và công bố quốc tế đội ngũ nhân sự làm công tác hợp tác quốc tế được tăng cường về số lượng và chú trọng đào tạo, bồi dưỡng). Nhờ điều này, hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước của Trường đã có nhiều kết quả đáng khích lệ, theo đó: các hoạt động này đã phát triển theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu bên cạnh việc gia tăng số lượng đối tác; (ii) các đối tác được lựa chọn đều là những đối tác có nhiều tiềm năng, thế mạnh, có thể hợp tác để thúc đẩy đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; (iii) chất lượng các hoạt động đối ngoại của Trường đã được cải thiện đáng kể, điều này thể hiện cụ thể ở những nội dung sau:

-Hàng năm, Trường đều ký kết các thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước theo xu hướng gia tăng (trừ ngoại lệ do ảnh hưởng của thời gian bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 (Minh chứng 362, 363).

-Số lượng hội thảo khoa học được tổ chức có sự phối hợp chủ trì và tham gia của các đối tác trong và ngoài nước được duy trì ổn định [Minh chứng 236, 237].

- Số lượng các công bố quốc tế, trong đó có các công bố có sự tham gia của các đối tác gia tăng [Minh chứng 190].

- Các chương trình liên kết đào tạo với các đối tác trong nước vẫn được duy trì ổn định theo đó nguồn thu từ học phí của các chương trình này là...[Minh chứng bổ sung – bảng kê bổ sung và tổng hợp từ năm 2018 đến nay]

- Đã có chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài có uy tín và số lượng sinh viên của chương trình liên kết đào tạo có sự gia tăng từ khi bắt đầu triển khai thực hiện cho đến nay, trong đó nguồn thu học phí từ chương trình liên kết đào tạo quốc tế là... [Minh chứng bổ sung – bảng kê bổ sung và tổng hợp từ năm 2018 đến nay]

-Các khoản tài trợ thông qua dự án hợp tác quốc tế trong giai đoạn từ 2018 cho đến nay được duy trì khả quan, theo đó tổng giá trị các khoản tài trợ từ dự án hợp tác quốc tế Trường nhận được từ 2018 đến nay là.... [Minh chứng bổ sung].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### ***Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát***

Đến thời điểm hiện nay, mạng lưới hợp tác quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có 32 cơ sở đào tạo luật tập trung ở các khu vực châu Á, châu Âu, châu Úc và Bắc Mỹ cùng với 05 viện nghiên cứu, quỹ, tổ chức, mạng lưới và công ty luật nước ngoài và hiện tại có 39 thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác đang có hiệu lực thực hiện [Minh chứng 361, 362]. Kết thúc mỗi năm hoạt động, Trường và đối tác trao đổi email hoặc gặp gỡ trực tiếp để trao đổi về tình hình hoạt động hợp tác trong năm, rà soát để đề xuất trao đổi nội dung hoạt động trong năm tới. Qua trao đổi, nếu thấy có vướng mắc, khó khăn, các bên bàn bạc và đề xuất giải pháp khắc phục. Các báo cáo tổng kết năm tình hình hoạt động chung của Trường, Báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại và phương hướng nhiệm vụ đều có nội dung tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế, trong đó có việc đánh giá việc triển khai thực hiện các thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài [Minh chứng 29, 30, 32, 366]. Trong năm 2022, Trường đã tiến hành rà soát tổng thể, đánh giá chi tiết hoạt động hợp tác với từng đối tác hiện có của Trường, thấy được những ưu điểm, hạn chế và làm cơ sở đề xuất kịp thời các giải pháp hữu hiệu, thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác; đề xuất tiếp tục duy trì hoặc chấm dứt quan hệ đối tác [Minh chứng bổ sung – Báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện các thỏa thuận/bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài]. Trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trong Trường về việc triển khai hoạt động hợp tác quốc tế; ý kiến phản hồi của sinh viên và phụ huynh của sinh viên tham gia chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài để có thông tin phục vụ cho việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời [Cần tiến hành bổ sung và cung cấp minh chứng].

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong nước được thực hiện qua các hoạt động tổng kết chương trình và các đề xuất, kiến nghị, tham vấn từ các bên liên quan [Minh chứng bổ sung].

Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, nhìn chung Trường đã triển khai tốt công tác đối ngoại theo quy định, nhiều cá nhân, đơn vị trực tiếp làm công tác phục vụ hợp tác quốc tế của Trường đã được Hiệu trưởng khen thưởng. Các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế của Trường đã giúp Trường đạt được nhiều giải thưởng và thành tích cao ở trong nước và quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### ***Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục***

Dù là cơ sở giáo dục đại học mang tính chuyên ngành và hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp có nhiều nét đặc thù, Trường Đại học Luật Hà Nội luôn đặc biệt coi trọng công tác phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được thực hiện với ưu tiên hướng tới thực hiện tầm nhìn, sứ mạng cùng các mục tiêu chiến lược của Trường. Từ năm 2018 đến nay, các hoạt động hợp tác đối ngoại của Trường đều có những cải thiện đáng kể về nội dung và chất lượng hoạt động, cụ thể:

**Thứ nhất**, số lượng các đối tác trong và ngoài nước của Trường luôn được duy trì và phát triển đều đặn; Trường phát triển nhiều đối tác mới ở trong nước để thúc đẩy

hoạt động hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, thể hiện vai trò tiên phong, dẫn dắt của mình trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Các đối tác nước ngoài được Trường đánh giá, lựa chọn kỹ lưỡng và là các đối tác có nhiều tiềm năng, thế mạnh và thiện chí hợp tác với Trường, trong đó các đối tác của Nhật Bản (Đại học Nagoya, Đại học Keio), các đối tác của Trung Quốc (Đại học Tài chính Chính pháp Trung Nam, Vũ Hán, Đại học Vân Nam, Đại học Quốc lập Đài Loan), CHLB Đức (Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Berlin, Đại học Gottingen), Đại học Victoria (Canada) là những ví dụ điển hình về đối tác nước ngoài hoạt động hiệu quả.

**Thứ hai**, Trường đã triển khai thành công Chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona của Hoa Kỳ, theo đó số lượng sinh viên được tuyển sinh của Chương trình từng năm được cải thiện.

**Thứ ba**, sinh viên của Trường có nhiều cơ hội được tham gia các chương trình trao đổi với các trường đối tác, cơ hội thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp của nước ngoài thông qua các hoạt động hợp tác của Trường với các đối tác. Trường cũng đã tiếp nhận các sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường theo chương trình trao đổi, chương trình ngắn hạn, chương trình đào tạo đại học và sau đại học, trong số đó có cả những nhà hoạt động thực tiễn có kinh nghiệm ở nước ngoài đến nghiên cứu tại Trường.

**Thứ tư**, Trường đã liên kết với đối tác trong và ngoài nước để triển khai các các hoạt động tổ chức diễn đàn khoa học, các hội thảo khoa học quốc tế chung thường niên trong đó có nhiều hoạt động trở thành thương hiệu như “Diễn đàn Luật học và Phát triển” được tổ chức thường kì vào tháng 5; “Tuần lễ pháp luật Đức - Việt” được tổ chức vào tuần đầu tháng 10 hàng năm. Các đối tác chính của các sự kiện này là Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Viện nghiên cứu lập pháp của Văn phòng Quốc hội, Viện FES, Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức – DAAD (CHLB Đức), Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Berlin, Đại học Gottingen (CHLB Đức). Các hoạt động diễn ra dưới nhiều hình thức, sử dụng linh hoạt các nền tảng (trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp với sự tham gia đồng đảo của của đội ngũ giảng viên, sinh viên, các nhà nghiên cứu luật học ở trong và ngoài nước.

**Thứ năm**, các dự án hợp tác quốc tế có tài trợ của nước ngoài trong giai đoạn 2018 -2022 đã hỗ trợ nhiều cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên. Nhiều môn học mới đã được đưa vào chương trình đào tạo của Trường với sự hỗ trợ của Unicef, GIZ, EU, EC như: Môn học “Tư pháp cho người chưa thành niên” (là cơ sở đào tạo luật đầu tiên và đến nay là duy nhất có môn học này); Môn học “Đánh giá tác động xã hội của chính sách trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” (là cơ sở đào tạo luật đầu tiên và đến nay là duy nhất có môn học này”. Các Dự án này cũng tài trợ cả việc biên soạn và xuất bản giáo trình phục vụ giảng dạy được đánh giá là có chất lượng tốt.

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại hàng năm, Trường đã có những biện pháp cải tiến phù hợp để nâng cao chất lượng của hoạt động này, tập trung vào hai nội dung chính: một là, xây dựng chính sách và thể chế phục vụ cho việc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại trong đó phải kể đến việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường thay thế cho Hướng dẫn thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế của Trường trong đó có nhiều quy định liên quan đến tiêu chí lựa chọn đối tác quốc tế, quy trình thực hiện các công việc của hoạt động hợp tác quốc tế; hai là, cách thức phối hợp



các đơn vị trong Trường cùng thực hiện nhiệm vụ vụ phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại bám sát mục tiêu, sứ mạng và chiến lược phát triển Trường.

Các thành tích và giải thưởng nổi bật giai đoạn 2018-2022 được thể hiện ở bảng dưới đây:

### **Thành tích và giải thưởng của SV:**

[Bổ sung] Thành tích của giảng viên và Trường:

[Bổ sung]

***Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7***

### **Đánh giá về tiêu chuẩn 8:**

#### *1. Tóm tắt các điểm mạnh:*

- Trường đã có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược;

- Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện bởi các đơn vị chức năng thông qua đầu mối chung của trường là Phòng HTQT và Phòng HCTH;

- Các hoạt động được tổ chức đa dạng, phong phú liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, các hoạt động của sinh viên, phục vụ cộng đồng;

- Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát, đề xuất cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động.

#### *2. Tóm tắt các điểm tồn tại:*

- Trong giai đoạn và bối cảnh phát triển mới, Nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về hợp tác, mạng lưới đối tác để đáp ứng tốt hơn, linh hoạt hơn các yêu cầu và mục tiêu hợp tác cụ thể (ví dụ: theo mục tiêu chiến lược, theo chương trình đào tạo...);

- Nghiên cứu, đề xuất các mô hình hợp tác mới tiêu biểu, tiên phong đáp ứng các định hướng chiến lược phát triển của Trường, hướng tới mục tiêu hội nhập Khu vực và toàn cầu.

#### *3. Kế hoạch cải tiến:*

Cần đánh giá tổng thể các hoạt động hợp tác giai đoạn 2018-2022 và triển khai xây dựng bộ tiêu chí phân loại, đánh giá hoạt động hợp tác giai đoạn 2022-2026. Phạm vi toàn trường. Đơn vị đầu mối: P. HTQT và HCTH. Thời gian: trong quý II/2023

#### *4. Tự đánh giá:*

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>	<b><i>6,0</i></b>
Tiêu chí 8.1	<b><i>6/7</i></b>

Tiêu chí 8.2	6/7
Tiêu chí 8.3	6/7
Tiêu chí 8.4	6/7

## **Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong**

### ***Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD***

*1. Có hệ thống ĐBCL bên trong bao gồm trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL (trong đó có người được đào tạo/bồi dưỡng về đảm bảo và KĐCLGD).*

Mô tả và nhận định Trường có hệ thống ĐBCL bên trong bao gồm trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL (trong đó có người được đào tạo/bồi dưỡng về đảm bảo và KĐCLGD). [MC: *Quyết định 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí*].

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thiết lập mạng lưới phủ từ Hội đồng Trường, Ban giám hiệu đến Hội đồng ĐBCLGD, Phòng ĐBCLĐT & KT và các tổ ĐBCL ở các đơn vị chức năng để phối hợp triển khai kế hoạch ĐBCL của Trường đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và thể hiện rõ sự cải tiến, nâng cao hoạt động đảm bảo chất lượng

Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan. Hội đồng Trường gồm 15 thành viên. Hội đồng Trường có quyền quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hàng năm của Trường trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, trong đó có ĐBCL bên trong [MC: *Quyết định số 1737/QĐ-BTP ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội nhiệm kỳ 2020 – 2025; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường ĐH Luật HN*]

Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường, trong đó có ĐBCL bên trong. Để chỉ đạo và triển khai kịp thời, hiệu quả các hoạt động ĐBCL, Hiệu trưởng phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trực tiếp công tác ĐBCL bên trong [MC: *Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường ĐH Luật HN; Quyết định 2969/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội* ]

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL, Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL giáo dục gồm 33 thành viên, trong đó Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, 01 Phó hiệu trưởng là Phó chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng ĐBCLĐT và Khảo thí là

Ủy viên thường trực, thành viên Hội đồng ĐBCL là các đại diện của 26 đơn vị trong Trường. Hội đồng ĐBCL giáo dục có chức năng tư vấn, định hướng và điều phối các vấn đề liên quan đến công tác ĐBCL giáo dục trong toàn Trường, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Chiến lược phát triển của Trường, nhằm duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục của Trường ĐH Luật Hà Nội [MC: Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 1188/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục]

Thực hiện nhiệm vụ với tư cách là bộ phận chuyên trách về ĐBCL, Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí của Trường được thành lập từ khá sớm (năm 2006). Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Phòng gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 05 chuyên viên. Chức năng của Phòng là tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, công tác kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo của Trường [MC: Quyết định số 211/QĐ-ĐHLHN ngày 09/02/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo; Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng ĐBCLĐT&KT]

Trường cũng đã thành lập Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị thuộc Trường. Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục, gồm 101 thành viên, được thành lập tại tất cả 26 đơn vị thuộc Trường, lãnh đạo đơn vị là tổ trưởng. Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất và phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, góp phần vào việc hoàn thành tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển của Trường [MC: Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị].

#### **Sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong của Trường**



## Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí



## Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị

2. Có mạng lưới ĐBCL tại các bộ phận/đơn vị trực thuộc của CSGD; có quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL và quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong CSGD.

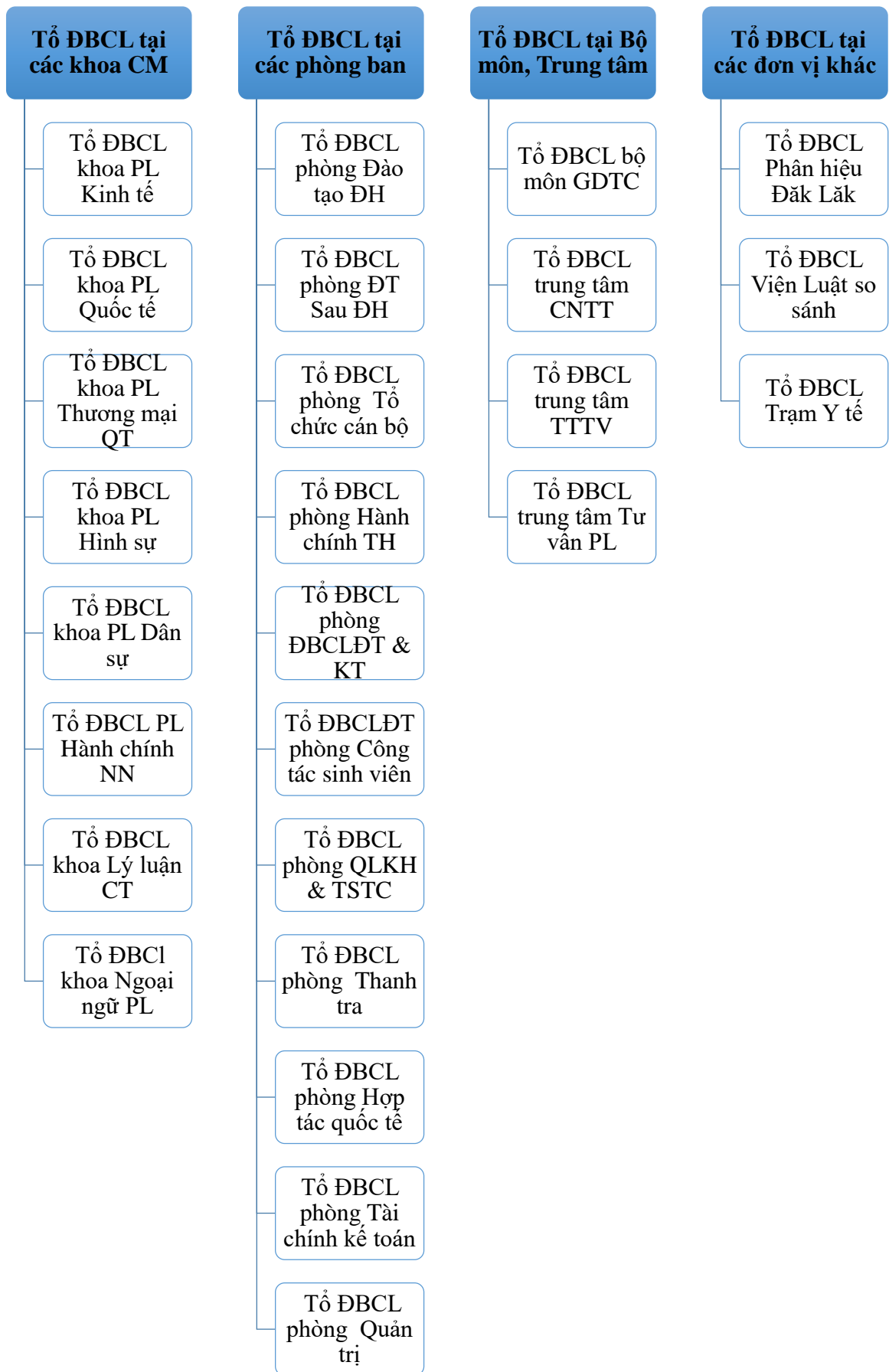
Mô tả và nhận định Trường có mạng lưới ĐBCL tại các bộ phận/đơn vị trực thuộc của Trường; có quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL và quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong Trường. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận chuyên trách về ĐBCL của Trường; sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong Trường]

Nhận thức được đảm bảo chất lượng là yếu tố cơ bản đảm bảo cho sự phát triển bền vững của cơ sở giáo dục, Trường đã thành lập Trung tâm ĐBCL - bộ phận chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng - từ năm 2006 [MC: Quyết định số 211/QĐ-ĐHLHN ngày 09/02/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo]. Khi đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo (Trung tâm ĐBCLĐT) có chức năng, nhiệm vụ cơ bản là tham mưu cho Lãnh đạo Trường: Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đảm bảo chất lượng đào tạo; thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và phương tiện đào tạo; tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, các khóa đào tạo giảng viên trẻ [MC: Quyết định số 823/QĐ-ĐHLHN ngày 05/06/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường]. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm ĐBCLĐT khi mới thành lập gồm 01 Phó giám đốc phụ trách và 01 chuyên viên. Đội ngũ của Trung tâm ĐBCLĐT luôn được lãnh đạo Trường quan tâm, cử tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [MC: Giấy chứng nhận của Bùi Đăng Hiếu, Phạm Thị Hằng]. Từ năm 2006 đến năm 2013, chức năng, cơ cấu tổ chức của Trung tâm ĐBCLĐT thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung, kiện toàn. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư pháp về thu gọn đầu mối và rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ [MC: Văn bản ... của Bộ Tư pháp] và cập nhật các quy định mới của Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018, Trường đã đổi tên Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo thành Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí [MC: Quyết định số 5011/QĐ-ĐHLHN ngày 25/12/2019 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc đổi tên các đơn vị thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội], theo đó, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí được bổ sung về công tác khảo thí và quy định cụ thể hơn đối với công tác ĐBCL [MC: Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí].

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Phòng ĐBCLĐT &KT gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 05 chuyên viên. Chức năng của Phòng là tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, công tác kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo của Trường [MC: Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng ĐBCLĐT&KT; Danh sách trích ngang và nhiệm vụ của viên chức Phòng ĐBCL].

Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị thuộc Trường cũng đã được thành lập tại tất cả 26 đơn vị thuộc Trường, lãnh đạo đơn vị là tổ trưởng. Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất và phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, góp phần vào việc hoàn thành tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển của Trường. [MC: Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị; Danh sách trích ngang các viên chức được các đơn vị phân công làm công tác ĐBCL tại các đơn vị]

#### **Sơ đồ các tổ ĐBCL tại các đơn vị thuộc Trường**



Trong hoạt động ĐBCL bên trong, trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa Hội đồng ĐBCL, Phòng ĐBCLĐT & KT, tổ ĐBCL tại các đơn vị với Hội đồng trường, Hiệu

trường, các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, các quy chế, quy định nội bộ của Trường. [MC: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường ĐH Luật HN; Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí; Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 1188/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị]

3. Có hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý.

Mô tả và nhận định Trường có hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý. [MC: Kế hoạch 740/KH-ĐHLHN ngày 04/3/2022 về việc ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022, Kế hoạch 3731/KH-ĐHLHN ngày 27/9/2022 về việc ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022-2023]

Để triển khai các hoạt động ĐBCL đáp ứng các mục tiêu chiến lược, Trường đã xây dựng được hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý.

Trước tiên là các chiến lược, chính sách, kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm và các kế hoạch cụ thể về ĐBCL xác định những chiến lược, chính sách, kế hoạch định hướng cho các hoạt động ĐBCL trong dài hạn, trung hạn và hàng năm. [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2022) ban hành Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025; Phương hướng hoạt động năm 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết 03/NQ-HĐTĐHLHN ngày 17/2/2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết 06/NQ- HĐTĐHLHN ngày 08/2/2022 của Hội đồng Trường; Kế hoạch số 166/KH-ĐHLHN ngày 03/02/2020 về Kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo; Kế hoạch số 3346/KH-ĐHLHN ngày 08/9/2022 tự đánh giá cơ sở giáo dục; Kế hoạch số 740/KH-ĐHLHN ngày 04/3/2022 về đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022, Kế hoạch số 3731/KH-ĐHLHN ngày 27/9/2022 về đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022-2023].

Trường cũng đã ban hành quy định về công tác ĐBCL giáo dục, trong đó quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm phối hợp của các bộ phận/đơn vị triển khai hoạt động ĐBCL bên trong [MC: Quyết định số 211/QĐ-ĐHLHN ngày 09/02/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo; Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 của

*Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí; Quyết định số 2014/QĐ-ĐHLHN ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2394/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật; Quyết định số 2395/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật; Quyết định số 2396/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế; Quyết định số 2397/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế; Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 1188/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị; Quyết định số 3113/QĐ-ĐHLHN ngày 19/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học]. Đặc biệt, để nâng cao hiệu quả của hoạt động ĐBCL trong Trường, năm 2008, Trường đã chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO 9001:2000, bao gồm 34 quy trình làm việc [MC: Quy trình ISO của Trường]*

Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện về các hoạt động ĐBCL để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và giám sát cũng là một hoạt động mà Trường quan tâm tiến hành. Để triển khai hoạt động ĐBCL, trong những năm gần đây, Trường đã rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy định: quy trình lập kế hoạch GD [MC:...]; quy trình thi, kiểm tra [MC: Quyết định số 452/QĐ-ĐHLHN ngày 10/2/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành “Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo; Quyết định số 2026/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành “Quy chế tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học”]; quy trình thực tập thực tế, thực tập nghề nghiệp [MC: Quy chế thực tập và khoá luận tốt nghiệp QĐ 2726 ngày 12/8/2021]; quy trình, thủ tục lấy ý kiến thăm dò SV và các bên liên quan về chất lượng giáo dục [MC: Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành “Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội”]; quy định thực hiện làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án (bao gồm các hoạt động kiểm tra, giám sát) [MC: Quy chế đào tạo trình độ Đại học (QĐ 2626 ngày 23/8/2018, QĐ 2719 ngày 12/8/2021); Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (QĐ 261 ngày 24/1/2019, QĐ 2744 ngày 16/8/2021); Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (QĐ 2758 ngày 31/8/2018, QĐ 3471 ngày 15/10/2021); Quy định về việc thực hiện khoá luận tốt nghiệp (QĐ 2727 ngày 12/8/2021); Quy định về đánh giá khoá luận, luận văn, luận án theo hình thức trực tuyến (QĐ 2949 ngày 27/8/2021)]. Hệ



thông văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện của Trường được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Trường và các yếu tố bên ngoài tác động đến các hoạt động của Trường (bao gồm cả các quy định của pháp luật), đảm bảo nâng cao chất lượng toàn bộ các hoạt động của Trường [MC: *Bảng đối sánh giữa các quy định, quy chế - nếu thực sự cần thiết vì không phải là minh chứng bắt buộc*]

4. Cán bộ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL, của các đơn vị trong CSGD có văn bằng hoặc chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL.

Mô tả và nhận định cán bộ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL, của các đơn vị trong Trường có văn bằng hoặc chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL. [MC: *Danh sách trích ngang và nhiệm vụ của viên chức Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, các thành viên tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị; các chứng chỉ bồi dưỡng về ĐBCL của các cá nhân trong danh sách*]

Nhằm tăng cường năng lực công tác ĐBCL, Trường luôn quan tâm tới các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về ĐBCL, kiểm định chất lượng cho viên chức, giảng viên trong Trường; đặc biệt là viên chức làm nhiệm vụ ĐBCL giáo dục. 100% viên chức Phòng ĐBCLĐT &KT đã tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trưởng phòng Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí đã được cấp thẻ kiểm định viên năm 2015, Phó trưởng phòng và các chuyên viên đều tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về đảm bảo/kiểm định chất lượng giáo dục, nghiệp vụ đánh giá,... [MC: *Thẻ kiểm định viên của Bùi Đăng Hiếu, Giấy chứng nhận của Phạm Thị Hằng, Vũ Hồng Cường, Hoàng Diệu Linh, Phạm Thu Thủy, Lê Thị Hạnh, Nguyễn Thu Hà*].

Ngoài ra, Trường có 04 viên chức có Chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục [MC: *Chứng chỉ kiểm định viên của Lê Đình Nghị, Bùi Đăng Hiếu, Trần Ngọc Định và Trần Kim Liễu*]. Đội ngũ viên chức của các đơn vị thuộc Trường và tổ ĐBCLGD tại đơn vị đã tham gia tích cực nhiều khoá tập huấn, đào tạo về ĐBCL, công tác kiểm định chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục [MC: *Quyết định, Kế hoạch, tài liệu và các minh chứng hình ảnh về các khoá tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; Kế hoạch 396/KH-ĐHLHN ngày 28/01/2022 tổ chức Hội nghị tập huấn công tác tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022; DS thành viên tổ ĐBCL giáo dục tại các đơn vị và các viên chức khác của Trường tham gia các khoá tập huấn*)]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

**Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD**

1. Có kế hoạch chiến lược ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực).

Mô tả và nhận định Trường có kế hoạch chiến lược ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực). [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL, kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL hằng năm, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan; Sở tay ĐBCL]

Trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, xác định các mục tiêu cụ thể về đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo, trong đó có các mục tiêu quan trọng: (i) Đến năm 2025, Trường thiết lập đầy đủ và vận hành chuyên nghiệp hệ thống đánh giá nội bộ; (ii) Năm 2023, Trường nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; (iii) Đến năm 2025, Trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thứ hạng trong bảng xếp hạng trường đại học theo các tiêu chuẩn quốc tế; (iv) Đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Trường (các bậc đào tạo đại học và sau đại học) đủ điều kiện đánh giá đều nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; (v) Trường phấn đấu trở thành thành viên của mạng lưới kiểm định chất lượng đào tạo Châu Á và có ít nhất 1 chương trình đào tạo được kiểm định theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của AUN; (vi) Năm 2025, 100% cán bộ, giảng viên, chuyên viên và người học thấm nhuần và làm việc theo các yêu cầu văn hóa chất lượng của Trường; (vii) Đến năm 2025, 100% các môn học bắt buộc và 50% các môn học tự chọn có giáo trình, đồng thời có một số giáo trình bằng tiếng Anh...

Trong Chiến lược phát triển Trường xác định các KPIs, chỉ tiêu phấn đấu chính trong các lĩnh vực ĐBCL bao gồm cả các tỉ lệ ĐBCL như: tỉ lệ GV/SV; quy mô tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ/ tổng quy mô tuyển sinh hàng năm; tỷ lệ ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ/tổng số ngành đào tạo cấp bằng; tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Trường có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác; số lượng các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trên thế giới; tỷ lệ sản phẩm đào tạo của Trường được các bên liên quan đánh giá cao... Các mục tiêu cụ thể này đều hướng tới: (i) Hoàn thành công tác KĐCL cơ sở giáo dục và CTĐT theo đúng yêu cầu của Bộ GDĐT; (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ĐBCL của Trường đáp ứng theo chuẩn về ĐBCL của các trường đại học VN và hội nhập QT; (iii) Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn Trường để trở thành yếu tố cốt lõi để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường; (iv) Đẩy mạnh các hoạt động ĐBCL và nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTDHLLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]

Tiếp tục những định hướng chính trong sự phát triển của Trường ở các giai đoạn tiếp theo, Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật” xác định mục tiêu tổng quát: Tiếp tục tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; trung tâm nghiên cứu và truyền bá pháp lý hàng đầu trong các cơ sở đào tạo pháp luật của Việt Nam, có vai trò dẫn dắt trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật của cả nước, có uy tín trong khu vực

Đông Nam Á và thế giới. Đề án cũng xác định các mục tiêu cụ thể, bao gồm cả các KIPs, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có những lĩnh vực liên quan trực tiếp tới ĐBCL như đào tạo, nghiên cứu khoa học, phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng [MC: *Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.”*]

## *2. Có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược*

Mô tả và nhận định Trường có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành chính sách ĐBCL của Trường; kế hoạch tổ chức, danh mục các khóa tập huấn về ĐBCL; thông tin về ĐBCL trên trang thông tin điện tử của Trường*]

Trường đã có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược. Các chính sách ĐBCL được xác định hàng năm là một trong những nội dung của Phương hướng hoạt động năm ban hành kèm theo các Nghị quyết của Hội đồng Trường. Trong các chính sách đều xác định ĐBCL vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu tiên quyết trong hoạt động của Trường về tất cả các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định. Nội dung của chính sách ĐBCL những năm gần đây của Trường tập trung vào: (i) Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo và kiểm định chất lượng CTĐT; (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong để thực thi hiệu quả mục tiêu chiến lược và văn hoá chất lượng; (iii) Đánh giá chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên; (iv) Xây dựng và thực hiện hoạt động khảo thí của Trường theo hướng tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả; (v) Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường [MC: *Phương hướng hoạt động năm 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết 03/NQ-HĐTĐHLHN ngày 17/2/2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết 06/NQ-HĐTĐHLHN ngày 08/2/2022 của Hội đồng Trường*]

Để đảm bảo nguồn lực đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo theo quy định, Trường đã cải tiến, nâng cấp hệ thống ĐBCL bên trong [MC: *Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 1188/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị*]; tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong triển khai hoạt động ĐBCL [MC: *Kế hoạch 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Thư ngỏ trên Cổng thông tin điện tử HLU về việc mời tham gia khảo sát, lấy ý kiến của cựu sinh viên, học viên Trường Đại học Luật Hà Nội*]; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác ĐBCL, tăng cường nhận thức về chất lượng đối với toàn bộ đội ngũ viên chức [MC: *Quyết định, Kế hoạch, tài liệu và các minh chứng hình ảnh về các khóa tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 2/2022; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022; DS viên chức tham gia các khóa tập huấn*)]

Để nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức tham gia hệ thống ĐBCL, Trường tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho đội ngũ cán bộ, viên chức tham gia tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ ĐBCL, nghiệp vụ sư phạm, đồng thời xây dựng chế độ chính sách của Trường với các cá nhân tham gia đóng góp cho công tác ĐBCL. Thông qua việc hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, bồi dưỡng cũng như tập huấn về ĐBCL, sắp xếp nhân sự hỗ trợ các cá nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thành nhiệm vụ với Trường, Trường mong muốn xây dựng được đội ngũ có nghiệp vụ vững vàng về ĐBCL [MC: *Kế hoạch, Dự trù và Quyết toán kinh phí các khoá tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 2/2022; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022*]. Ngoài ra, Trường đã ưu tiên các nguồn lực trong đó có nguồn lực tài chính cho việc kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chương trình đào tạo [MC: *Dự trù và quyết toán kinh phí kiểm định*]; khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, đơn vị đạt những thành tích nổi bật trong hoạt động ĐBCL [MC: *Quyết định khen thưởng của các cá nhân, tổ chức*]

*3. Có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD*

Mô tả và nhận định Trường có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành Kế hoạch lấy ý kiến hoặc khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường; Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL; thông tin về ĐBCL trên trang thông tin điện tử của Trường*]

Trường đặc biệt chú trọng vai trò của các bên liên quan trong hoạt động ĐBCL. Thông tin về ĐBCL được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường (tại mục Ba công khai và mục Thông tin của Phòng ĐBCLĐT và KT) để các bên liên quan dễ tiếp cận và có ý kiến đánh giá [MC: *<https://dbcldt.hlu.edu.vn/>; <https://hlu.edu.vn/News/Details/21125>*].

Trường đã ban hành Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường. Quy trình này thực hiện khảo sát đối với tất cả các bên liên quan của Trường, bao gồm: cán bộ, viên chức, người học (SV, HV cao học, NCS); cựu người học (cựu SV, cựu HV cao học và cựu NCS); người sử dụng lao động và các đối tác của trường [MC: *Kế hoạch 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Thư ngỏ trên Cổng thông tin điện tử HLU về việc mời tham gia khảo sát, lấy ý kiến của cựu sinh viên, học viên Trường Đại học Luật Hà Nội (<https://ctsv.hlu.edu.vn/SubNews/Details/22192>); Phiếu khảo sát, kết quả khảo sát*]

Hàng năm, quá trình triển khai hoạt động ĐBCL được Trường quan tâm, đặc biệt là công tác khảo sát như lấy ý kiến nhận xét của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên [MC: *Phiếu khảo sát và kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên*]; khảo sát tình trạng việc làm của cựu SV, ý kiến của nhà tuyển dụng lao động về mức độ hài lòng đối với cựu SV, chất lượng hỗ trợ kết nối việc làm của Trường, lấy ý kiến đề xuất nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [MC: *Kế hoạch tổ chức “Phiên giao dịch việc làm chuyên đề ngành Luật và ngôn ngữ Anh” vào ngày 13/9/2022, Kế hoạch*

số 7490/KH-ĐHLHN ngày 13/12/2020 về khảo sát tình hình sinh viên khoá 40 tốt nghiệp có việc làm, Kế hoạch số 01/KH-ĐHLHN ngày 11/1/2022 về khảo sát tình hình sinh viên khoá 41 tốt nghiệp có việc làm]. Quá trình xây dựng Chuẩn đầu ra, xây dựng các chương trình đào tạo của Trường đều có sự tham gia của cán bộ, viên chức, giảng viên, SV, cựu SV của Trường và người sử dụng lao động [MC: Hồ sơ xây dựng CDR, Hồ sơ xây dựng các CTĐT]. Dự thảo các chiến lược, kế hoạch cũng như các văn bản, quy định về ĐBCL cũng được gửi lấy ý kiến của toàn thể viên chức trong Trường [MC: Công văn xin ý kiến, Bảng tổng hợp ý kiến góp ý cho các văn bản]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

**Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện**

1. Có các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ĐBCL gắn với kế hoạch chiến lược về ĐBCL của CSGD.

Mô tả và nhận định Trường có các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ĐBCL gắn với kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các bản chiến lược ĐBCL, kế hoạch hoạt động ĐBCL dài hạn, kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL hằng năm]

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, Trường cũng đã ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường xác định 15 nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025: (1) Hoàn thiện các thể chế về đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí; hệ thống ĐBCL bên trong phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của Trường; (2) Ban hành và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá chất lượng các học phần; (3) Tiếp tục hoàn thiện và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên; (4) Tiếp tục khắc phục những tồn tại và hạn chế theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài chu kỳ II; (5) Kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (6) Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; (7) Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; (8) Xây dựng và triển khai Đề án/Kế hoạch nâng cao văn hoá chất lượng; (9) Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận các tiêu chí khu vực và thế giới; (10) Tiến hành phân tích năng lực thực sự của người học đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; (11) Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong nước, đặc biệt là các tiêu chí để trở thành Trường ĐH theo định hướng nghiên cứu; (12) Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN; (13) Nghiên cứu, từng bước chuẩn bị các điều kiện và đăng ký tham gia mạng lưới các trường đại học Châu Á (AUN); (14) Đăng ký kiểm định chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của AUN; (15) Rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường. Các nhiệm vụ về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo trong giai đoạn 2021-2025 được giao cho các đơn vị chuyên môn chủ trì (Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí; Phòng hợp tác quốc tế) và xác

định các sản phẩm và thời gian thực hiện cụ thể [MC: *Quyết định 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2022) ban hành Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025]*

Hàng năm, căn cứ vào Chiến lược và Kế hoạch tổng thể, Trường ban hành kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL theo năm học, trong đó xác định rõ yêu cầu: (i) công tác ĐBCL phải đi vào thực chất trong tất cả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, có sự tham gia phối hợp của tất cả các đơn vị trong toàn Trường; (ii) các đơn vị phải xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, phân công nhiệm vụ, xác định mục tiêu cần đạt và nguồn lực để thực hiện. Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường xác định các chỉ số KPIs, thời gian, đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ĐBCL. [MC: *Kế hoạch 740/KH –ĐHLHN ngày 4/3/2022 Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022; Kế hoạch 3731/KH –ĐHLHN ngày 27/9/2022 Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022-2023*].

Kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL theo năm học còn được thể hiện qua các Kế hoạch công tác năm của Trường, Kế hoạch công tác năm của Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí và Kế hoạch công tác năm của các đơn vị thuộc Trường. Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí lập kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động ĐBCL ở phạm vi toàn trường; các đơn vị thuộc Trường cũng lập kế hoạch và triển khai các hoạt động ĐBCL của đơn vị mình. Các kế hoạch đều bám sát mục tiêu chiến lược của Kế hoạch chiến lược ĐBCL của Trường như: xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn công tác ĐBCL; tổ chức các khoá đào tạo/tập huấn cho viên chức của Phòng và thành viên Hội đồng ĐBCL, Hội đồng TĐG về công tác ĐBCL; triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường, tự đánh giá chương trình đào tạo và chuẩn bị cho đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng [MC: *Kế hoạch công tác năm của Trường, Kế hoạch công tác năm của Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí; Kế hoạch công tác năm của các đơn vị thuộc Trường*]

*2. Phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch, trong đó có các hoạt động tập huấn về ĐBCL*

Mô tả và nhận định Trường có phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch, trong đó có các hoạt động tập huấn về ĐBCL [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành Biên bản các cuộc họp, hội thảo để phổ biến kế hoạch hoạt động về ĐBCL trong Trường; minh chứng về các hoạt động và tài liệu tập huấn về ĐBCL*]

Trường tiến hành phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch, trong đó có các hoạt động tập huấn về ĐBCL. Các Chiến lược, Kế hoạch ĐBCL của Trường được công bố rộng rãi đến toàn thể viên chức, người lao động và người học trong Trường thông qua Cổng thông tin điện tử của Trường [MC: *http://hlu.edu.vn*]. Chiến lược, Kế hoạch ĐBCL ngắn hạn, dài hạn cũng được phổ biến, quán triệt thông qua các cuộc họp (họp đột xuất, họp giao ban hàng tháng, giao ban quý, họp tổng kết năm học, Hội nghị CNVC cuối năm, họp Hội đồng, Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá, họp tại các đơn vị chuyên môn...) [MC: *Biên bản họp, Kết luận của Hiệu trưởng*], gửi qua email tới lãnh đạo các đơn vị và từ lãnh đạo đơn vị tới các bộ môn và

viên chức, giảng viên... [MC: *Ảnh chụp email*], đăng tải trên mục Ba công khai và mục Thông tin của Phòng ĐBCLĐT & KT [MC: *https://hlu.edu.vn/News/Details/21125, http://dbcldt.hlu.edu.vn*], thông qua các hoạt động tập huấn về ĐBCL [MC: *Quyết định, Kế hoạch, tài liệu và các minh chứng hình ảnh về các khoá tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 2/2022; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022*]

### *3. Triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm*

Mô tả và nhận định Trường có triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các kế hoạch/báo cáo hoạt động về công tác ĐBCL; các báo cáo hoạt động hằng năm của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí; Sổ tay ĐBCL*]

Trên cơ sở Kế hoạch ĐBCL năm học, Trường đã thực hiện các hoạt động ĐBCL [MC: *Báo cáo hoạt động hằng năm của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí*]. Cụ thể như: (i) Hội đồng ĐBCL và tổ ĐBCL quán triệt triển khai kế hoạch [MC: *Biên bản họp*]; (ii) Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện các hoạt động ĐBCL như tự đánh giá cơ sở giáo dục [MC: *Kế hoạch số 3346/KH-ĐHLHN ngày 08/9/2022 tự đánh giá cơ sở giáo dục*]; tự đánh giá chương trình đào tạo [MC: *Kế hoạch số 166/KH-ĐHLHN ngày 03/02/2020 về tự đánh giá các chương trình đào tạo*]; thực hiện cải tiến chất lượng sau tự đánh giá [MC: *Kế hoạch khắc phục tồn tại đánh giá ngoài sau chu kỳ đánh giá CSGD lần 2 năm 2017*]; thực hiện công tác tập huấn về đảm bảo và kiểm định chất lượng [MC: *Quyết định, KH các khoá tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 2/2022; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022*]; triển khai các khảo sát tham khảo lấy ý kiến nhận xét của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên; khảo sát chất lượng đào tạo [MC: *Kế hoạch 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Thư ngỏ trên Cổng thông tin điện tử HLU về việc mời tham gia khảo sát, lấy ý kiến của cựu sinh viên, học viên Trường Đại học Luật Hà Nội*]; khảo sát tình trạng việc làm của cựu SV [MC: *Kế hoạch tổ chức “Phiên giao dịch việc làm chuyên đề ngành Luật và ngôn ngữ Anh” vào ngày 13/9/2022, Kế hoạch số 7490/KH-ĐHLHN ngày 13/12/2020 về khảo sát tình hình sinh viên khoá 40 tốt nghiệp có việc làm, Kế hoạch số 01/KH-ĐHLHN ngày 11/1/2022 về khảo sát tình hình sinh viên khoá 41 tốt nghiệp có việc làm*]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### ***Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai***

#### *1. Có hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.*

Mô tả và nhận định Trường có hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; Trang thông tin điện tử của Trường có hệ thống văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL*]

Việc quản lý văn bản đi và văn bản đến Trường, trong đó có văn bản về ĐBCL được thực hiện theo Quy trình quản lý văn bản đến, văn bản đi ban hành ngày 18/08/2008 của Trường theo quy trình ISO 9001:2000 [MC: ISO 2008]. Ngoài ra, để hướng dẫn thực hiện thống nhất về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn trường, năm 2018, Trường đã ban hành Quy chế Công tác văn thư lưu trữ, Quyết định về việc thành lập Hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ của Trường Đại học Luật Hà Nội, [MC: *Quyết định số 3924/QĐ-ĐHLHN, Quyết định số 3925/QĐ-ĐHLHN ngày 30/11/2018*], trong đó quy định về việc soạn thảo, ban hành văn bản hành chính; quản lý và xử lý văn bản; quản lý và sử dụng con dấu trong văn thư; lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; thu thập, chỉnh lý, xác định giá trị, bảo quản, thống kê và sử dụng tài liệu lưu trữ. Quy chế quy định các bước thực hiện từ quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý đến công tác lưu trữ toàn bộ hệ thống văn bản của Trường, trong đó có các văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Phòng Hành chính tổng hợp là đơn vị giúp Hiệu trưởng quản lý thống nhất công tác văn thư, lưu trữ của Trường, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong các lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị. [MC: *Quyết định số 3925/QĐ-ĐHLHN ngày 30/11/2018*].

Đối với văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL, Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí là có chức năng là đơn vị đầu mối phụ trách việc lưu trữ đúng theo quy định của Trường và quy trình riêng của đơn vị [MC: *Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí*]. Phòng có cán bộ chuyên trách phụ trách quản lý hệ thống văn bản đi và đến tại đơn vị.

Để trao đổi thông tin nội bộ, Trường sử dụng phần mềm quản lý công việc, quản lý dữ liệu hệ thống văn bản đến, văn bản đi trong tất cả các lĩnh vực hoạt động do Phòng Hành chính Tổng hợp phụ trách. Mỗi thủ trưởng đơn vị thuộc Trường và chuyên viên được giao phụ trách được cấp 1 tài khoản cá nhân để có thể truy cập vào hệ thống, theo dõi nhiệm vụ được giao, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và truy xuất văn bản khi cần thiết [MC: *qlvb.moj.gov.vn*]

*2. Các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của CSGD được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận*

Mô tả và nhận định các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; Biên bản các cuộc họp rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; Trang thông tin điện tử của Trường có hệ thống văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; các kế hoạch/báo cáo hoạt động về công tác ĐBCL, các báo cáo hoạt động của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí*]

Hiện tại, các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cũng như toàn bộ thông tin để đánh giá chất lượng giáo dục được Trường tổ chức lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống, bao gồm:



- Phòng Hành chính tổng hợp quản lý, lưu trữ các văn bản của Trường trong đó có văn bản về chính sách, quy trình và thủ tục ĐBCLGD. Cổng thông tin điện tử của Trường đăng tải các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL tại mục Ba công khai và mục Thông tin của Phòng ĐBCLĐT & KT [MC: <https://hlu.edu.vn/News/Details/21125>, <http://dbcldt/hlu.edu.vn>]

- Phòng Công tác sinh viên phối hợp với Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học quản lý, lưu trữ toàn bộ thông tin của người học, tình trạng việc làm sau tốt nghiệp và kết quả khảo sát các bên liên quan [MC: *File thông tin của người học, Báo cáo tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên các khoá; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan*].

- Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học quản lý, lưu trữ thông tin quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật các CTĐT; hồ sơ quản lý đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; kết quả học tập của người học [MC: *File minh chứng, thông tin quá trình quản lý đào tạo, kết quả học tập của người học; Quy trình ISO phân bố và quản lý các hoạt động giảng dạy QT-ĐT-03 ban hành ngày 18/08/2008; Quy trình ISO xây dựng và sửa đổi chương trình đào tạo QT-ĐT-01 ban hành ngày 18/08/2008*].

- Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí quản lý, lưu trữ thông tin về việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, người học trong Trường [MC: *File minh chứng, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học*].

- Phòng Tổ chức cán bộ quản lý, lưu trữ thông tin về đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng; toàn bộ kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên làm cơ sở đánh giá viên chức cuối năm và các chế độ thanh toán cho cán bộ, giảng viên [MC: *File minh chứng DS cán bộ, giảng viên; kết quả hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên*]

- Trung tâm Thông tin thư viện quản lý, lưu trữ học liệu giảng dạy, học tập, quản trị các bộ sưu tập số thông qua phần mềm thư viện số Kipos [MC: *File minh chứng dữ liệu thư viện số*]

Đối với văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL, Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí là đơn vị đầu mối phụ trách việc lưu trữ đúng theo quy định của Trường và quy trình riêng của đơn vị. Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí cũng là đơn vị trực tiếp quản lý, lưu trữ và triển khai thực hiện quy trình xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi thi; quy trình ra đề thi; quy trình xây dựng hồ sơ môn học [MC: *Quy trình xây dựng hồ sơ môn học QT-ĐBCL-02 ban hành ngày 18/08/2008; Quy trình ISO kiểm soát quá trình thi học kỳ hệ đại học chính quy QT-ĐT-04 ban hành ngày 18/08/2008*]... Phòng có cán bộ chuyên trách phụ trách quản lý hệ thống văn bản đi và đến tại đơn vị.

Văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường được lưu trữ một cách có hệ thống theo 2 hình thức: bản cứng được lưu trữ tại bộ phận Văn thư thuộc Phòng Hành chính tổng hợp, tại Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí [MC: *Tập hồ sơ văn bản*]; bản mềm được lưu trữ tại phần mềm [MC: [qlvb.moj.gov.vn](http://qlvb.moj.gov.vn)] và trên Cổng Thông tin điện tử của Trường tại mục Ba công khai và mục Thông tin của Phòng ĐBCLĐT & KT [MC: <https://hlu.edu.vn/News/Details/21125>, <http://dbcldt/hlu.edu.vn>]. Sổ ghi chép theo dõi văn bản đi - đến của Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng

ĐBCLĐT và KT cho thấy các văn bản được lưu trữ có hệ thống theo từng năm, có đầy đủ số ban hành, đầy đủ tên văn bản, tên cán bộ phụ trách triển khai thực hiện [MC: *Sổ theo dõi VB đi –đến*]. Hệ thống bản mềm các văn bản được cập nhật cũng được chia thành các mục văn bản đi, văn bản đến, trong đó mỗi mục lại bao gồm các sheet theo từng năm, do vậy việc truy xuất văn bản khi cần sử dụng rất dễ dàng.

3. *Định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL ít nhất 02 năm/lần.*

Mô tả và nhận định Trường định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL ít nhất 02 năm/lần. [MC: *tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành Biên bản các cuộc họp rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; các báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL và kế hoạch công tác ĐBCL của Trường hằng năm*]

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường được rà soát trong tổng thể trong hoạt động rà soát các văn bản, quy chế, quy định của Trường. Trong đó, quan trọng nhất phải kể đến các văn bản, quy chế, quy định sau: (i) Về quy chế đào tạo đại học, Trường đã ban hành Quyết định 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 thay cho Quyết định 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 23/8/2018; Quyết định 2727/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 và Quyết định 2726/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 thay cho Quyết định 1199/QĐ-ĐHLHN ngày 26/3/2019 về thực tập chuyên môn và khoá luận tốt nghiệp; Quyết định 2723/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2018 thay cho Quyết định 2418/QĐ-ĐHLHN ngày 01/10/2014 về đào tạo chất lượng cao...; (ii) Đối với đào tạo sau đại học, Trường đã ban hành QĐ 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 thay cho Quyết định 261/QĐ-ĐHLHN ngày 24/01/2019 quy chế đào tạo tiến sĩ; QĐ 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 thay cho Quyết định 2758/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/2018 quy chế đào tạo thạc sĩ; (iii) Về chế độ làm việc giảng viên: Trường đã ban hành QĐ 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 thay cho Quyết định 1909/QĐ-ĐHLHN ngày 30/03/2017; về chức năng nhiệm vụ của bộ phận chuyên trách về ĐBCL – Phòng ĐBCLĐT và KT, Trường ban hành Quyết định số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 thay cho Quyết định số 211/QĐ-ĐHLHN ngày 09/02/2006 [MC: *Các văn bản, quyết định vừa nêu; Biên bản, tài liệu rà soát chỉnh sửa các văn bản, quyết định*]

Qua hoạt động rà soát, trong hai năm 2021-2022, Trường cũng đã ban hành mới các văn bản về ĐBCL như Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 1188/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định số 2071/QĐ-ĐHLHN ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc thành lập tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị [MC: *Các văn bản, quyết định vừa nêu*]. Nhiều quy chế có liên quan đến ĐBCL cũng được Trường ban hành như Quy chế quản lý hoạt động Khoa học công nghệ [MC: *Quyết định 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/1/2022*]; Quy trình, thủ tục lấy ý kiến thăm dò SV và các bên liên quan về chất lượng giáo dục [MC: *Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022*]. Năm 2022, các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường vẫn tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa. Ngoài ra, trên cơ sở Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025; các Kế hoạch ĐBCL theo năm học cũng được ban hành để xác định các chỉ tiêu ĐBCLĐT cụ thể phù hợp với

điều kiện thực tế của Trường [MC: Báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL và kế hoạch công tác ĐBCL của Trường hằng năm - KH ĐBCL năm học 2021-2022; KH ĐBCL 2022-2023]

4. *Phổ biến cho các bên liên quan trong CSGD về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.*

Mô tả và nhận định Trường có phổ biến cho các bên liên quan trong Trường về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; các kế hoạch, tài liệu hướng dẫn, phổ biến về cho cán bộ, NH về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; các tài liệu giao ban công tác ĐBCL giữa các đơn vị trong Trường]

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của trường sau khi được ban hành đã được phổ biến rộng rãi và bằng nhiều hình thức cho cán bộ, giảng viên, SV và các bên liên quan khác tại Mục thông tin của Phòng ĐBCLĐT và KT trên Cổng Thông tin điện tử của Trường [MC: <http://dbcldt.hlu.edu.vn>], trên phần mềm quản lý văn bản [MC: <http://qlvb.moj.vn>]. Trường cũng đã tổ chức tập huấn về công tác ĐBCL cho thành viên tổ ĐBCL của các đơn vị, cán bộ, giảng viên tham gia công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, chất lượng CSGD [MC: Quyết định, Kế hoạch, tài liệu và các minh chứng hình ảnh về các khoá tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 3/2018; tập huấn tự đánh giá CTĐT tháng 2/2022; tập huấn tự đánh giá CSGD tháng 9/2022].

Bên cạnh đó, tại các buổi họp giao ban cán bộ chủ chốt, họp giao ban tại đơn vị, các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Nhà trường, Hội nghị cán bộ viên chức của các đơn vị, những kết quả triển khai và kế hoạch hoạt động về công tác ĐBCL cũng được phổ biến tới toàn thể cán bộ tham gia. Các hình thức trao đổi thông tin qua email cá nhân, email đơn vị, nhóm zalo, nhóm viber... cũng được Trường sử dụng để duy trì liên lạc thông suốt giữa các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường [MC: Biên bản họp, Kết luận của Hiệu trưởng, Ảnh chụp email, viber, zalo]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

***Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD***

1. *Có bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL.*

Mô tả và nhận định Trường có bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm liên quan đến công tác ĐBCL; các văn bản liên quan đến các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL của Trường]

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, trên cơ sở mục tiêu tổng quát, đưa ra các mục tiêu trên tất cả 07 lĩnh vực hoạt động của Trường, để xác lập 31 chỉ tiêu cụ thể và các chỉ số giám sát trên các lĩnh vực đó : (i) đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo với 10 chỉ tiêu cụ thể; (ii) nghiên cứu khoa học với 05 chỉ tiêu cụ thể; (iii) phổ biến giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng với 02 chỉ tiêu cụ thể; (iv) tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự với 05 chỉ tiêu cụ thể; (v) hợp tác quốc tế với 03 chỉ

tiêu cụ thể; (vi) nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất với 02 chỉ tiêu cụ thể; (vii) công nghệ thông tin với 04 chỉ tiêu cụ thể. Đây là cơ sở, căn cứ để các đơn vị xác lập các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phân đầu trong từng năm để đo lường kết quả công tác ĐBCL [MC: *Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội*]

Trong công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo, Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã xác định một số chỉ tiêu quan trọng như: (i) Đến năm 2025, Trường thiết lập đầy đủ và vận hành chuyên nghiệp hệ thống đánh giá nội bộ; (ii) Năm 2023, Trường nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; (iii) Đến năm 2025, Trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thứ hạng trong bảng xếp hạng trường đại học theo các tiêu chuẩn quốc tế; (iv) Đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Trường (các bậc đào tạo đại học và sau đại học) đủ điều kiện đánh giá đều nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; (v) Trường phấn đấu trở thành thành viên của mạng lưới kiểm định chất lượng đào tạo Châu Á và có ít nhất 1 chương trình đào tạo được kiểm định theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của AUN; (vi) Năm 2025, 100% cán bộ, giảng viên, chuyên viên và người học thấm nhuần và làm việc theo các yêu cầu văn hóa chất lượng của Trường; (vii) Đến năm 2025, 100% các môn học bắt buộc và 50% các môn học tự chọn có giáo trình, đồng thời có một số giáo trình bằng tiếng Anh... Trong Chiến lược phát triển Trường xác định các KPIs bao gồm cả các tỉ lệ ĐBCL như: tỉ lệ GV/SV; quy mô tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ/ tổng quy mô tuyển sinh hàng năm; tỷ lệ ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ/tổng số ngành đào tạo cấp bằng; tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Trường có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác; số lượng các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trên thế giới; tỷ lệ sản phẩm đào tạo của Trường được các bên liên quan đánh giá cao... [MC: *Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội*]

Trong công tác nghiên cứu khoa học, Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã xác định một số chỉ tiêu quan trọng như: (i) đến năm 2025, mỗi năm công bố ít nhất 50 bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm từ 0,15 bài trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới; (ii) đến năm 2030, mỗi năm công bố ít nhất 100 bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu mỗi năm công bố từ 0,3 bài báo trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới; (iii) nguồn thu từ các hoạt động khoa học tăng dần đạt tối thiểu 5% tổng thu của trường vào năm 2025, 10% tổng thu của Trường vào năm 2028 và 15% từ năm 2030; (iv) từ năm 2025, hằng năm có ít nhất 20 lượt giảng viên của Trường có báo cáo, tham luận được trình bày tại các hội thảo quốc tế; (v) đến năm 2025 có ít nhất 05 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai; trong 05 năm tiếp theo có 10 chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác nước ngoài... [MC: *Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị*

quyết số 3778/NQ-HĐTDHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]

Trong hoạt động phục vụ cộng đồng, Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã xác định một số chỉ tiêu quan trọng như: (i) đến năm 2025, số vụ, việc tư vấn cho khách hàng ở các lĩnh vực pháp luật tối thiểu là 300 vụ, việc/năm; số lượt giảng viên, chuyên viên và tương đương, sinh viên tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý từ 250 đến 300 lượt/năm; từ sau năm 2025, hằng năm tăng trưởng ít nhất 5%; (ii) đến năm 2025, Trung tâm Tư vấn pháp luật có hoạt động liên kết, hợp tác với ít nhất 4 cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý khác; đến năm 2030, tăng gấp đôi so với năm 2025 [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTDHLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội]

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, Trường cũng đã ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường xác định 15 nhiệm vụ, chỉ tiêu quan trọng trong giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030. Các nhiệm vụ về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo trong giai đoạn 2021-2025 được giao cho các đơn vị chuyên môn chủ trì (Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí; Phòng hợp tác quốc tế) và xác định các sản phẩm và thời gian thực hiện cụ thể [MC: Quyết định 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2022 ban hành Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025]

**Các chỉ tiêu cơ bản công tác ĐBCL giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030**

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thời gian thực hiện					
		Hàng năm	2023	2022-2023	2023-2025	2024-2028	2026-2030
1	Hoàn thiện các thể chế về đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí; hệ thống ĐBCL bên trong phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của Trường	X					
2	Ban hành và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá chất lượng các học phần		X				
3	Tiếp tục hoàn thiện và vận hành Bộ tiêu chuẩn và quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên	X					

4	Tiếp tục khắc phục những tồn tại và hạn chế theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài chu kỳ II	X					
5	Kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo		X				
6	Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học			X			
7	Xây dựng báo cáo tự đánh giá và thực hiện kiểm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ				X		
8	Xây dựng và triển khai Đề án/Kế hoạch nâng cao văn hoá chất lượng			X			
9	Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận các tiêu chí khu vực và thế giới	X					
10	Tiến hành phân tích năng lực thực sự của người học đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	X (từ năm 2023)					
11	Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong nước, đặc biệt là các tiêu chí để trở thành Trường ĐH theo định hướng nghiên cứu	X					
12	Nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN					X	

13	Nghiên cứu, từng bước chuẩn bị các điều kiện và đăng ký tham gia mạng lưới các trường đại học Châu Á (AUN)				X		
14	Đăng ký kiểm định chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của AUN						X
15	Rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường	X					

## 2. CSGD sử dụng bộ chỉ số để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL.

Mô tả và nhận định Trường có sử dụng bộ chỉ số để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm liên quan đến công tác ĐBCL; báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL của Trường; văn bản thể hiện bộ chỉ số để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL]

Từ các chỉ tiêu phân đầu trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 và Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, Trường đã cụ thể hóa đưa vào trong các kế hoạch trọng tâm và phương hướng cụ thể hằng năm của Trường, từ đó các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch để triển khai nhằm đạt được các mục tiêu bảo đảm chất lượng. Cuối mỗi năm, các đơn vị tổng kết đánh giá tình hình thực hiện (những chỉ tiêu nào chưa đạt được, chỉ nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng mục tiêu phân đầu cho năm tiếp theo). Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và nhiệm vụ trọng tâm của Trường năm học mới trong giai đoạn 2018-2022 cho thấy ngoài những lĩnh vực công tác bị ảnh hưởng của điều kiện khách quan (tỷ lệ SV quốc tế, NCS...), hầu hết trong các mảng công tác từ hoạt động đào tạo, NCKH, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, tuyển dụng đến chính trang, nâng cấp cơ sở vật chất ... hằng năm Nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra [MC: Kế hoạch và các báo cáo công tác năm của Trường, Kế hoạch và báo cáo công tác năm của Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí; Kế hoạch và báo cáo công tác năm của các đơn vị thuộc Trường]

Để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL hàng năm, căn cứ định mức khối lượng công việc theo vị trí việc làm, theo chỉ tiêu phân đầu, kế hoạch hoạt động ngân sách đầu năm của các đơn vị, Trường triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân theo quy trình sau:

- Phòng Tổ chức cán bộ gửi thông báo và hướng dẫn về việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua năm học, trong đó nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại viên chức theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [MC: Kế hoạch và Công văn hướng dẫn thực hiện đánh giá viên chức hàng năm].

- Các cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác và trình bày tại cuộc họp đơn vị. Các thành viên tham gia cuộc họp nhận xét, đóng góp ý kiến với bản báo cáo tự đánh giá của cá nhân.

- Trưởng đơn vị căn cứ ý kiến tại cuộc họp đơn vị, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức do đơn vị quản lý.

- Đối với viên chức giữ chức vụ quản lý, ngoài ý kiến đóng góp tại cuộc họp đơn vị, nhận xét của cấp ủy đảng nơi viên chức công tác cũng là căn cứ để Hiệu trưởng xem xét đánh giá, phân loại cán bộ quản lý.

Các tiêu chí xếp loại, đánh giá viên chức được Nhà trường xây dựng căn cứ trên trên khối lượng công việc quy định tại đề án vị trí việc làm của các đơn vị [MC: Quyết định 2665/QĐ-BTP ngày 29/10/2018 về phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội], theo định mức về giờ giảng, giờ NCKH/1 giảng viên được quy định tại Quy chế làm việc [MC: *Quyết định 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường ĐH Luật Hà Nội*].

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện công tác theo chức năng, nhiệm vụ, Trường dựa trên các chỉ tiêu cụ thể tại kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách, các chỉ tiêu phấn đấu tại báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học để đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kết quả đánh giá viên chức và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm từ 2018 - 2022 cho thấy số lượng cán bộ, viên chức đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến đều tăng lên theo các năm học, số lượng các tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến chiếm khoảng ... % tổng số các đơn vị trong trường. Số lượng các đơn vị đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cấp Bộ cũng chiếm tỷ lệ khá cao (trên ... % tổng số đơn vị trong trường) [MC: *Quyết định đánh giá, phân loại viên chức các năm như Quyết định 4815/QĐ-ĐHLHN ngày 17/12/2019, Quyết định 4642/QĐ-ĐHLHN ngày 4/12/2020*].

Như vậy, mặc dù Trường chưa trực tiếp đưa bộ chỉ số KPIs vào để đánh giá kết quả công tác ĐBCL nhưng các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu đã được xác lập trong Chiến lược phát triển trường, Kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 và được cụ thể hóa trong các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng năm học mới của Trường, trong kế hoạch hành động và kế hoạch ngân sách của các đơn vị. Trường đã sử dụng các chỉ số quy định khối lượng công việc tại đề án vị trí việc làm, quy chế làm việc, văn bản hướng dẫn về công tác đánh giá, phân loại cán bộ, hướng dẫn bình xét thi đua để đánh giá kết quả công tác ĐBCL.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

***Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD***



1. CSGD thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

Mô tả và nhận định Trường có thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo/biên bản rà soát, điều chỉnh và cải tiến quy trình lập kế hoạch, các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính theo mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường; các phiên bản khác nhau của quy trình lập kế hoạch, các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về ĐBCL của CSGD, bản đối sánh sự cải tiến giữa các phiên bản; Sổ tay ĐBCL]

Theo gợi ý của cô giáo (Khẳng định khi XD KHĐBCL, NT có ban hành quy trình lập KH này, gồm bn bước? Mô tả rõ năm nào thì Hội đồng ĐBCL Trường tổ chức họp rà soát việc thực hiện quy trình lập kế hoạch, XD các chỉ tiêu phân đầu chính các GD?. Trên cơ sở rà soát, Trường có điều chỉnh gì quy trình lập kế hoạch và XD các chỉ số phân đầu chính cũ không? và áp dụng quy trình mới để ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL sau khi đã bổ sung, cập nhật và cụ thể hoá thêm các các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phân đầu chính (nêu các bước của quy trình cũ và đã bổ sung, điều chỉnh thành các bước nào của quy trình lập KH mới ban hành (Phải có 2 phiên bản trước và sau rà soát).

Chưa thể viết đầy đủ được tiêu chí này vì trên thực tế khi XD KHĐBCL, HLU chưa ban hành quy trình lập KH ĐBCL; chưa xác định được các bước tiến hành. Hội đồng ĐBCL Trường mới được thành lập tháng 3 năm 2022 nên cũng chưa có các hoạt động họp rà soát việc thực hiện quy trình lập KH để điều chỉnh, cập nhật

Việc xây dựng kế hoạch các hoạt động ĐBCL của Trường được thực hiện theo quy trình như sau:

#### **Quy trình xây dựng kế hoạch các hoạt động ĐBCL**





## Ban giám hiệu ký phê duyệt kế hoạch

2.

CSGD

*thực hiện rà soát và cải tiến các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.*

Mô tả và nhận định Trường có thực hiện rà soát và cải tiến các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo/biên bản rà soát, điều chỉnh và cải tiến quy trình lập kế hoạch, các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính theo mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường; kết quả lấy ý kiến hoặc khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường]

Tháng 10 năm 2020, Trường ban hành Chiến lược phát triển Trường, trong đó có xác định các chỉ tiêu phấn đấu chính, bao gồm cả các chỉ tiêu về ĐBCL. Tháng 6 năm 2022, Trường ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025. Về cơ bản Kế hoạch thực hiện Chiến lược cụ thể hoá các chỉ tiêu đã xác định trong Chiến lược phát triển Trường, bên cạnh đó cũng bổ sung một số chỉ tiêu mới [MC: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025]

- Về công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo, Kế hoạch thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025 đã bổ sung và chi tiết hoá một số chỉ tiêu: (i) Quý IV năm 2022 hoàn thành việc xây dựng CTĐT ngành Luật chuyên ngành PL thi hành án dân sự, ngành Luật chuyên ngành PL sở hữu trí tuệ; (ii) Đến năm 2024, xây dựng Đề án tự chủ tổ chức đào tạo Giáo dục quốc phòng an ninh; (iii) Hàng năm, triển khai diễn án trong lịch trình đào tạo chính khoá của các CTĐT và hệ đào tạo nhằm đổi mới phương pháp đào tạo, dạy và học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; (iv) Đến quý III năm 2023, xây dựng CTĐT thạc sĩ bằng tiếng Anh; (v) Quý III năm 2024, xây dựng đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Thương mại Quốc tế; (vi) Từ năm 2024-2028, nghiên cứu các yêu cầu và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng xếp hạng các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN;

- Về công tác nghiên cứu khoa học, Kế hoạch thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025 đã bổ sung và chi tiết hoá một số chỉ tiêu: (i) Trong giai đoạn 2021-2025, thành lập ít nhất 15 nhóm nghiên cứu để nâng cao năng lực công bố quốc tế; (ii) Hàng năm, ít nhất có 02 đề tài nghiên cứu khoa học do giảng viên của Trường chủ trì có sự tham gia của đối tác nước ngoài; (iii) Năm 2022, xây dựng và vận hành phần mềm quản lý Tạp chí Luật học trực tuyến; (iv) Năm 2022, xây dựng website Tạp chí Luật học bằng tiếng Anh; (v) Hàng năm, có ít nhất 03 đầu sách chuyên khảo do các nhà xuất bản uy tín phát hành; ít nhất 03 kỷ yếu hội thảo quốc tế và trong nước có chỉ số xuất bản quốc tế ISBN; (vi) Từ năm 2025, ít nhất có 200 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên tham gia Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học/năm; ít nhất 10 giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp bộ và tương đương/năm.

Một số chỉ tiêu về công tác nghiên cứu khoa học trong Kế hoạch 2021-2025 cũng được điều chỉnh so với chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển Trường như: từ năm 2022, phát hành ít nhất 2 số Tạp chí luật học bằng tiếng Anh (thay cho chỉ tiêu từ năm 2025, phát hành ít nhất 2 số Tạp chí luật học bằng tiếng Anh); xây dựng Tạp chí Luật học đạt tiêu chuẩn quốc tế, nộp hồ sơ gia nhập ACI từ năm 2021 (thay cho chỉ tiêu xây dựng Tạp chí Luật học đạt tiêu chuẩn quốc tế, được chấp nhận vào ACI năm 2025)

Tiếp tục những định hướng chính trong sự phát triển của Trường ở các giai đoạn tiếp theo, Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật” xác định mục tiêu tổng quát: Tiếp tục tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; trung tâm nghiên cứu và truyền bá pháp lý hàng đầu trong các cơ sở đào tạo pháp luật của Việt Nam, có vai trò dẫn dắt trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật của cả nước, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á và thế giới. Đề án cũng xác định các mục tiêu cụ thể, bao gồm cả các KIPs, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có những lĩnh vực liên quan trực tiếp tới ĐBCL như đào tạo, nghiên cứu khoa học, phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng [MC: *Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.”*]. Một số chỉ tiêu ĐBCL trong Đề án được tiếp tục bổ sung, điều chỉnh như: (i) Về đào tạo: Tăng quy mô đào tạo văn bằng 2, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường 10%/năm. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đến năm 2025 không quá 25 sinh viên/1 giảng viên; năm 2030 không quá 20 sinh viên/1 giảng viên; (ii) Về nghiên cứu khoa học: Đến năm 2025, có 100% giáo sư, phó giáo sư và 85% tiến sĩ của Trường chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án khoa học công nghệ các cấp. Đến năm 2030 số hoá tất cả các bài báo công bố trên Tạp chí Luật học (iii) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng: Tăng số lượng vụ việc tư vấn 15%/năm, trong đó có 20-30% vụ việc miễn phí, đến giai đoạn 2026-2030 đạt 30-40% vụ việc miễn phí... [MC: *Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.”*]

Kết quả thực hiện rà soát, thường xuyên cải tiến các chỉ tiêu phấn đấu cho thấy các chỉ tiêu chính về hoạt động đào tạo, về nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng được cải thiện. Ý kiến khảo sát của các bên liên về các mặt hoạt động của Trường cũng là một trong các căn cứ để Trường tiến hành rà soát các chỉ tiêu ĐBCL [MC: *Kế hoạch 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Kết quả khảo sát*]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà Trường xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

Nhằm đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược dài hạn, Trường xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong với quan điểm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Những năm qua, Trường đã rà soát, giao các đơn vị xây dựng các quy định, quy trình phân bổ nguồn lực, đào tạo con người để đảm bảo vận hành hiệu quả hệ thống ĐBCL bên trong

- Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thiết lập mạng lưới phủ từ Hội đồng Trường, Ban giám hiệu đến Hội đồng ĐBCLGD, Phòng ĐBCLĐT & KT và các tổ ĐBCL ở các đơn vị chức năng để phối hợp triển khai kế hoạch ĐBCL đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và thể hiện rõ sự cải tiến, nâng cao hoạt động đảm bảo chất lượng. Hệ thống ĐBCK bên trong thống nhất trong toàn trường đã góp phần nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường. Phòng ĐBCLĐT và Khảo thí được thành lập từ khá sớm và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trường. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Phòng được kiện toàn theo từng giai đoạn phát triển của Trường. Trường đã tổ chức được mạng lưới ĐBCL thông qua thành lập Hội đồng ĐBCLGD với 33 thành viên và các tổ ĐBCLGD với 101 thành viên tại tất cả 26 đơn vị trong toàn trường; đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của Hội đồng ĐBCLDG và Tổ ĐBCLGD; thiết lập được mô hình ĐBCL cấp trường và cấp đơn vị.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách về ĐBCL có trình độ, năng lực chuyên môn, được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu công việc. Trường đã có 04 viên chức có Chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có 01 Phó hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCL; 01 viên chức có Thẻ kiểm định viên. Đội ngũ viên chức của các đơn vị thuộc Trường và tổ ĐBCLGD tại đơn vị đã tham gia tích cực nhiều khoá tập huấn, đào tạo về ĐBCL, công tác kiểm định chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục

- Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được xây dựng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện các quy định về ĐBCL bên trong. Công tác ĐBCL bên trong của Trường được thực hiện theo đúng các quy định, yêu cầu của các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường đã ban hành Chiến lược về ĐBCL trong tổng thể chiến lược phát triển của Trường. Trên cơ sở Chiến lược, Trường ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược theo giai đoạn và cụ thể hóa thành các nội dung chính sách ĐBCL trong Phương hướng hoạt động năm học và chỉ tiêu trong kế hoạch công tác ĐBCL năm học. Trường cũng đã ban hành hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý. Các Chiến lược, Chính sách, Kế hoạch, hệ thống văn bản, quy trình và thủ tục ĐBCL được Trường phổ biến, quán triệt thông qua nhiều hình thức tới cán bộ, giảng viên, SV và các bên liên quan để biết và triển khai thực hiện.

- Quá trình triển khai hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường đều có sự tham gia của các bên liên quan; đặc biệt là công tác khảo sát đều có sự tham gia của cán bộ, viên chức, giảng viên, SV, cựu SV và người sử dụng lao động.

- Trường đã ban hành Quy chế công tác văn thư để triển khai thống nhất việc quản lý và lưu trữ văn bản. Văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục được lưu

trữ một cách có hệ thống. Trường đã triển khai rà soát, cập nhật văn bản quản lý nội bộ, trong đó có văn bản quản lý, chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- Một số văn bản quy định về hoạt động ĐBCL, các quy trình, quy định về hoạt động ĐBCL (như Chiến lược chuyên biệt về ĐBCL, Kế hoạch chuyên biệt về ĐBCL; sổ tay ĐBCL...) chưa được ban hành và cập nhật đầy đủ, kịp thời.

- Hội đồng ĐBCLGD và Tổ ĐBCLGD tại các đơn vị mới được thành lập và bước đầu đi vào hoạt động.

- Chưa xây dựng Bộ chỉ số KPIs chuyên biệt đánh giá, cho điểm công tác lĩnh vực ĐBCL của các đơn vị trong toàn trường để làm công cụ để đánh giá kết quả thực hiện công tác ĐBCL.

- Hoạt động rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL còn chậm và chưa thực sự đồng bộ

- Chưa ban hành quy định và triển khai thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. Hội đồng ĐBCL Trường mới được thành lập tháng 3 năm 2022 nên mới bắt đầu triển khai các hoạt động hợp rà soát việc thực hiện quy trình lập KH để điều chỉnh, cập nhật

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>A. Khắc phục tồn tại</b>					
1.	Khắc phục tồn tại 1	- Soạn thảo và ban hành Chiến lược, Kế hoạch chuyên biệt về ĐBCL - Ban hành sổ tay ĐBCL	Ban Giám hiệu Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	Quý 4 năm 2022	
2.	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát, cập nhật, sửa đổi các văn bản quy định về hoạt động ĐBCL, các quy trình, quy định về hoạt động ĐBCL theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ban Giám hiệu Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	Thường xuyên	

3.	Khắc phục tồn tại 3	Triển khai kịp thời, hiệu quả hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD và Tổ ĐBCLGD tại các đơn vị đáp ứng yêu cầu đánh giá các CTĐT và CSGD	Hội đồng ĐBCLGD và Tổ ĐBCLGD tại các đơn vị	Thường xuyên	
4.	Khắc phục tồn tại 4	Ban hành Bộ chỉ số KPIs chuyên biệt đánh giá, cho điểm công tác lĩnh vực ĐBCL của các đơn vị trong toàn trường	Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	Quý 4 năm 2022	
5.	Khắc phục tồn tại 5	Định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL	Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	2 năm/lần	
6.	Khắc phục tồn tại 6	Ban hành quy định về quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL	Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	Quý IV năm 2022	
7.	Khắc phục tồn tại 7	Triển khai thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá	- Hội đồng ĐBCLGD; - Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí	Ít nhất một lần trong 5 năm tính từ năm 2022	
<b>B. Phát huy điểm mạnh</b>					
8.	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì, củng cố và kiện toàn hệ thống mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường, từ Hội đồng Trường, Ban giám hiệu đến Hội đồng ĐBCLGD, Phòng ĐBCLĐT & KT và các tổ ĐBCL ở các đơn vị chức năng để phối hợp triển khai kế hoạch ĐBCL	HĐ Trường, BGH, HĐ ĐBCLGD, Phòng ĐBCLĐT & KT và các tổ ĐBCL ở các đơn vị	Hàng năm	
9.	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phát triển về số lượng và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ viên chức làm công tác	Hội đồng ĐBCLGD, Phòng ĐBCLĐT &	Hàng năm	

		ĐBCL thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL, tự đánh giá, kiểm định... đáp ứng yêu cầu công việc.	KT và các tổ ĐBCL ở các đơn vị		
10.	Phát huy điểm mạnh 3	Không ngừng củng cố hệ thống ĐBCL bên trong gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện các quy định về ĐBCL theo đúng các quy định, yêu cầu của các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí - Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	
11.	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phổ biến, quán triệt các Chiến lược, Kế hoạch, hệ thống văn bản, quy trình và thủ tục ĐBCL, thông qua các hình thức đa dạng, tới cán bộ, giảng viên, SV và các bên liên quan	- Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí - Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	
12.	Phát huy điểm mạnh 5	Duy trì và nâng cao hiệu quả sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường	- Phòng ĐBCL đào tạo và Khảo thí - Phòng Công tác sinh viên - Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	

**4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 9: 4,83/7**

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 9.1	5/7
Tiêu chí 9.2	5/7
Tiêu chí 9.3	6/7
Tiêu chí 9.4	4/7
Tiêu chí 9.5	5/7

**Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài**

**Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.**

**1. Mô tả:**

Lộ trình thực hiện kiểm định CSGD và CTĐT của Trường Đại học Luật Hà Nội được thể hiện rõ trong bản Chiến lược phát triển đến năm 2030, theo đó tại mục III.2. có đề ra mục tiêu đến "năm 2023 Trường nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành". Hiện nay Trường đang tiến hành kiểm định chất lượng CSGD chu kỳ 3 để đạt được mục tiêu này. Đối với việc kiểm định CTĐT, hiện nay Trường đang thực hiện 37 CTĐT, trong đó có 7 CTĐT trình độ đại học, 13 CTĐT trình độ thạc sĩ và 7 CTĐT trình độ tiến sĩ. Trong Chiến lược phát triển đến năm 2030 có đề ra mục tiêu "Đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Trường (các bậc đào tạo đại học và sau đại học) đủ điều kiện đánh giá đều nhận được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành" [**Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020**].

Trong mỗi đợt tự đánh giá, Trường đều xây dựng và ban hành Kế hoạch và các hướng dẫn xây dựng báo cáo tự đánh giá, trong đó xác định rõ lộ trình và kế hoạch chi tiết các công việc của quá trình tự đánh giá và quá trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài.

Đối với đánh giá cơ sở giáo dục đại học, cho đến nay Trường trải qua 3 đợt thực hiện tự đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học (năm 2007, năm 2017 và năm 2022).

\* **Đợt tự đánh giá CSGD chu kỳ 1** của Trường thực hiện vào năm 2007 và cũng là đợt 40 trường đại học đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm định chất lượng. Trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm 25 thành viên do GS.TS. Lê Minh Tâm, Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng [**Quyết định số 401/2007/QĐ-DHLHN ngày 27/2/2007 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá trường đại học**]. Trường cũng đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá, trong đó quy định rõ nhiệm vụ của từng thành viên và xác định rõ Lộ trình xây dựng báo cáo tự đánh giá được xác định trong Kế hoạch là từ 22/2/2007 cho đến 10/7/2007. Quy trình xây dựng Báo cáo tự đánh giá bao gồm việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch tự đánh giá, thu thập thông tin và minh chứng, xử lý phân tích các thông tin, viết báo cáo tự đánh giá, triển khai các hoạt động sau tự đánh giá, kiến nghị các công việc cần thực hiện [**Kế hoạch tự đánh giá ngày 22/2/2007**]. Trường phổ biến kế hoạch và các công việc tự đánh giá đến toàn bộ giảng viên, chuyên viên, người học và các bên liên quan nhằm quán triệt tinh thần thực hiện tự đánh giá một cách nghiêm túc nhất và trung thực nhất [**Kế hoạch và nội dung phổ biến cho sinh viên chính quy về công tác tự đánh giá năm 2007**]; [**Kế hoạch và nội dung phổ biến cho học viên hệ vừa làm vừa học về công tác tự đánh giá năm 2007**]; [**Thông báo số 513-TTĐBCL ngày 30-3-2007 v/v/ Kế hoạch và nội dung phổ biến cho học viên cao học và các nghiên cứu sinh về công tác tự đánh giá**



*năm 2007*]. Trường cử 10 cán bộ chủ chốt thuộc Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo, các khoa chuyên môn, Phòng Đào tạo đi tập huấn nghiệp vụ xây dựng báo cáo tự đánh giá từ ngày 03/8/2007 đến ngày 07/8/2007 [**Quyết định số 951/QĐ-TCCB ngày 10/7/2007 v/v cử cán bộ, giảng viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá**]. Trong quá trình xây dựng báo cáo tự đánh giá, Trường liên tục ban hành các công văn hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị [**Công văn của Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo ngày 17/5/2007 v/v đôn đốc các nhóm chuyên trách nộp sản phẩm báo cáo tự đánh giá**]; [**Lịch tuần họp Hội đồng tự đánh giá 7-3-2007**]. Trường cũng dự trù đầy đủ kinh phí cho hoạt động tự đánh giá và phục vụ đánh giá ngoài [**Bản Dự trù kinh phí công tác tự đánh giá**]. Để thu thập thông tin phục vụ tự đánh giá, Trường đã tiến hành khảo sát cựu sinh viên và các bên liên quan khác về chất lượng đào tạo của Trường [**Công văn số 739-TTĐBCL ngày 15/5/2007 v/v/yêu cầu Phòng Công tác sinh viên tiến hành thu thập ý kiến thông qua Phiếu điều tra**].

\* **Đợt tự đánh giá CSGD chu kỳ 2** của Trường được thực hiện từ năm 2016 và hoàn thành vào năm 2017. Trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá [**Quyết định số 1621/QĐ-ĐHLHN ngày 02/6/2016**] và Kế hoạch tự đánh giá, trong đó có phân chia 6 nhóm chuyên trách, mỗi nhóm thực hiện 2 tiêu chuẩn, riêng nhóm 6 có nhiệm vụ thẩm định phần nội dung báo cáo của 5 nhóm chuyên trách. Thời gian thực hiện kế hoạch là 4 tháng, từ đầu tháng 8/2016 đến cuối tháng 11/2016, trong đó có phân bố công việc cụ thể trong từng tuần làm việc [**Kế hoạch TĐG số 2278/KH-ĐHLHN ngày 17/8/2016**]. Do biến động nhân sự cấp cao của Trường nên quá trình xây dựng Báo cáo tự đánh giá CSGD chu kỳ 2 của Trường hoàn thành vào tháng 9/2017. Nhằm phục vụ cho quá trình tự đánh giá, Trường đã phối hợp với Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức khóa tập huấn ”*Kỹ năng thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT*” vào các ngày 12-13-8-2016 với sự tham gia của 71 thành viên Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ chủ chốt khác của Trường [**Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 12-8-2016**]. Tài liệu hướng dẫn thu thập minh chứng và hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá cũng được xây dựng công phu và được gửi đến các nhóm chuyên trách [**Tài liệu tập huấn 12-8-2016**]

**Đối với tự đánh giá CTĐT**, Trường đã ban hành 04 Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá cho 04 CTĐT đại học, bao gồm CTĐT ngành Luật, CTĐT chất lượng cao ngành Luật, CTĐT ngành Luật Kinh tế và CTĐT ngành Luật Thương mại quốc tế) [**Quyết định số 2394/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật**]; [**Quyết định số 2395/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật**]; [**Quyết định số 2396/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế**]; [**Quyết định số 2397/QĐ-ĐHLHN ngày 08/7/2021 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế**]. Cùng với đó Trường cũng đã ban hành 04 Kế hoạch tự đánh giá cho 04 CTĐT nêu trên [**Kế hoạch TĐG số 2703/KH-ĐBCLĐT&KT ngày 11/8/2021 v/v Kế hoạch tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật**]; [**Kế hoạch TĐG số 2704/KH-ĐBCLĐT&KT ngày 11/8/2021 v/v Kế hoạch tự đánh giá CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật**]; [**Kế hoạch TĐG số 2705/KH-ĐBCLĐT&KT ngày 11/8/2021 v/v Kế hoạch tự đánh giá CTĐT**

*trình độ đại học ngành Luật Kinh tế*; [*Kế hoạch TĐG số 2706/KH-ĐBCLĐT&KT ngày 11/8/2021 v/v Kế hoạch tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế*]. Để hướng dẫn nghiệp vụ tự đánh giá CTĐT, Trường đã phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đợt tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT các ngày 29-30/3/2018 cho toàn thể các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các thư ký và các cán bộ chủ chốt của Trường [*Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 29-30/3/2018*]. Sau đó, năm 2022 Trường tiếp tục phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long tổ chức đợt tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT từ ngày 08/2 đến 11/2/2022 cho toàn thể các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các thư ký và các cán bộ chủ chốt của Trường. [*Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 08-11/2/2022*]. Phòng ĐBCLĐT&KT đã xây dựng riêng bộ tài liệu hướng dẫn cụ thể cho từng mốc chuẩn của từng tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT (bao gồm các ý cụ thể cần viết đối với từng mốc chuẩn theo cách "cầm tay chỉ việc".) cùng các biểu mẫu liên quan. Dựa vào đó các nhóm chuyên trách đề dăng viết báo cáo tiêu chí và gắn các minh chứng đi kèm [*Bộ tài liệu hướng dẫn các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá CTĐT*].

Nhằm thu thập thông tin từ các bên liên quan để phục vụ cho việc xây dựng báo cáo tự đánh giá các CTĐT và báo cáo tự đánh giá CSGD chu kỳ 3, Trường đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường [*Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022*] và ban hành Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [*Kế hoạch số 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 v/v khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường*], trong đó phân công Phòng ĐBCLĐT&KT là đơn vị chuyên môn đảm trách xây dựng các phiếu khảo sát. Phòng CTSV tiến hành khảo sát người học, cựu người học, người sử dụng lao động. Phòng TCCB tiến hành khảo sát đối với giảng viên và chuyên viên của Trường. Kết quả khảo sát đã phản ánh tương đối trung thực đánh giá của các bên liên quan về mọi mặt hoạt động của Trường, số liệu thu được từ khảo sát này phục vụ cho việc xây dựng báo cáo tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 này [*Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường năm 2022*].

**2. Điểm mạnh:** Đối với mỗi đợt tự đánh giá cơ sở giáo dục và tự đánh giá CTĐT Trường đều có ban hành Kế hoạch ĐBCL, trong đó xác định rõ lộ trình và kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT; Có các hướng dẫn thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài, có phổ biến cho các bên liên quan của CSGD; Có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận và các cá nhân liên quan để thực hiện; Trường thực hiện đầy đủ các bước chuẩn bị cho tự đánh giá và đánh giá ngoài theo kế hoạch.

3. Tồn tại: Một số Kế hoạch xây dựng báo cáo tự đánh giá còn bị chậm tiến độ.  
Nguyên nhân: Do các đơn vị trong Trường đang chịu áp lực của quá nhiều công việc quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến: ...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 10.2:** Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

## 1. Mô tả:

- CSGD thực hiện tự đánh giá theo quy định; có kế hoạch đánh giá ngoài hoặc được đánh giá ngoài ít nhất 1 lần trong chu kỳ đánh giá.

Đối với đánh giá cơ sở giáo dục đại học, Trường luôn thực hiện tự đánh giá theo quy định. Trường trải qua 2 đợt thực hiện tự đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học: chu kỳ 1 vào năm 2007 và chu kỳ 2 vào năm 2018. Đến nay Trường đang thực hiện tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Đợt tự đánh giá CSGD chu kỳ 1 của Trường thực hiện vào năm 2007 và cũng là đợt 40 trường đại học đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm định chất lượng. Trường đã nhận được kết quả đánh giá ngoài từ Bộ GD&ĐT gửi về ngày 30/6/2009, theo đó Đoàn đánh giá ngoài khẳng định Trường đạt tất cả các tiêu chí, trong đó có phần lớn các tiêu chí đạt mức 2. Kết quả chung Trường đạt được Cấp độ 2- đây là cấp độ rất cao theo quy định về kiểm định giai đoạn đó [***Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo đại học năm 2007***].

Đợt tự đánh giá chu kỳ 2 của Trường được thực hiện vào năm 2016 và hoàn thành vào năm 2017. Trường đã thực hiện đánh giá ngoài CSGD chu kỳ 2 vào các ngày 21-25/10/2017 do Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện. Trường được cấp Giấy chứng nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 80,3%. Giấy chứng nhận có hiệu lực đến hết ngày 30/3/2023. [***Giấy chứng nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp***].

Hiện nay, Báo cáo tự đánh giá này là thuộc công việc tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng báo cáo tự đánh giá với thời hạn đến tháng 12/2022 và được đánh giá ngoài vào Quý 1/2023 đúng tiến độ quy định (Giấy chứng nhận kiểm định có hạn đến 30/3/2023).  
- CSGD có ít nhất 3 cán bộ có chứng chỉ/chứng nhận đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, có ít nhất 1 cán bộ có thể kiểm định viên KĐCLGD. Tất cả các cán bộ tham gia trong hội đồng tự đánh giá CSGD/CTĐT đã từng được tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD.

Trường có 04 cán bộ có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp, trong đó có 01 cán bộ được cấp Thẻ kiểm định viên giáo dục, đó là:

- PGS.TS. Bùi Đăng Hiếu, Trưởng Phòng ĐBCLĐT&KT, Chứng chỉ kiểm định viên năm 2014 do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp, Thẻ kiểm định viên đợt 1/2014 (số thẻ 2014.01.024, cấp ngày 20/10/2014, đổi ngày 20/10/2019) do Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT cấp.

- TS. Trần Kim Liễu, Trưởng Phòng Hành chính tổng hợp, Chứng chỉ kiểm định viên năm 2020 do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

- TS. Lê Đình Nghị, Phó Hiệu trưởng, Chứng chỉ kiểm định viên năm 2022 do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp;

- ThS. Trần Ngọc Định, Trưởng Phòng TCCB, Chứng chỉ kiểm định viên năm 2022 do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Trong mỗi đợt tự đánh giá, Trường đều tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ tự đánh giá nhằm trợ giúp hiệu quả cho việc xây dựng báo cáo tự đánh giá, cụ thể như:

- Trong quá trình tự đánh giá CSGD chu kỳ 1 năm 2007, Trường đã cử 10 cán bộ chủ chốt thuộc Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo, các khoa chuyên môn, Phòng Đào tạo đi tập huấn nghiệp vụ xây dựng báo cáo tự đánh giá từ ngày 03/8/2007 đến ngày 07/8/2007 [**Quyết định số 951/QĐ-TCCB ngày 10/7/2007 v/v cử cán bộ, giảng viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá**].

- Trong quá trình tự đánh giá CSGD chu kỳ 2 năm 2016, Trường đã phối hợp với Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức khóa tập huấn "Kỹ năng thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT" vào các ngày 12-13-8-2016 với sự tham gia của 71 thành viên Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ chủ chốt khác của Trường [**Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 12-8-2016**].

- Trong quá trình tự đánh giá 04 CTĐT đại học, Trường đã phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đợt tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT các ngày 29-30/3/2018 cho toàn thể các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các thư ký và các cán bộ chủ chốt của Trường [**Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 29-30/3/2018**]. Sau đó, năm 2022 Trường tiếp tục phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long tổ chức đợt tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT từ ngày 08/2 đến 11/2/2022 cho toàn thể các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các thư ký và các cán bộ chủ chốt của Trường. [**Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 08-11/2/2022**].

- Nhằm phục vụ tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 năm 2022, Trường đã phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long tổ chức đợt tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD từ ngày 09/9 đến 11/9/2022 cho toàn thể các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các thư ký và các cán bộ chủ chốt của Trường [**Chương trình và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn 09-11/9/2022**].

## 2. Điểm mạnh:

+ Công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục được thực hiện định kỳ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT;

+ Trường có đội ngũ đảm bảo chất lượng chuyên nghiệp, được đào tạo và có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại: Kế hoạch tự đánh giá CTĐT còn bị chậm tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến:

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.**

## 1. Mô tả:

- Các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích qua quá trình tự đánh giá.

- Có kế hoạch hành động khả thi để khắc phục tồn tại phát hiện qua quá trình tự đánh giá.

- Có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá chu kỳ 2 diễn ra qua các năm 2016-2017. Trong suốt thời gian tự đánh giá các nhóm chuyên trách rà soát lại toàn bộ các hoạt động của Trường trong 5 năm đánh giá để tìm ra những tồn tại của Trường. Nhiều tồn tại được phát hiện chỉ sau khi đối chiếu với các mốc chuẩn và được Trường khắc phục kịp thời, điều này giúp cho Trường cải tiến được nhiều công việc của mình. Các tồn tại đã được khắc phục về thể chế có thể khắc phục được ngay bằng cách ban hành các quy định tương ứng. Ví dụ: hoàn thành ngay việc cập nhật các CTĐT tiến sĩ, bổ sung hình thức đào tạo văn bằng đại học thứ hai chính quy cho các ngành Luật Thương mại quốc tế (bắt đầu từ năm 2016) và ngành Luật Kinh tế (bắt đầu từ năm 2017) nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tàoaj của xã hội, ... Các tồn tại về cơ sở vật chất cũng đã được khắc phục kịp thời trong quá trình tự đánh giá như: gắn biển giới thiệu Sứ mạng, Tầm nhìn và giá trị cốt lõi, ... ở các địa điểm dễ nhận biết trong Trường, các thông tin được bổ sung và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Trường, hệ thống phòng cháy chữa cháy được kiểm tra tổng thể và được bảo dưỡng, ... Các hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan, khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp, ... được bổ sung kịp thời để có kết quả phục vụ viết báo cáo tự đánh giá.

Một số tồn tại rất khó khắc phục cũng được Trường quyết tâm thực hiện. Ví dụ: Trường đẩy nhanh quá trình nhận bàn giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phân hiệu tại Đắk Lắk và nhận được Giấy chứng nhận ngay trước khi Đoàn đánh giá ngoài vào làm việc.

Một số tồn tại chưa thể khắc phục được ngay trong quá trình tự đánh giá (như cải tạo và nâng cấp các phòng học tại nhà B, nhà E, nhà C, hội trường D, lắp đặt hệ thống thang máy bên ngoài của nhà A để tạo điều kiện cho sinh viên di chuyển, ... không thể thực hiện được ngay do cần trình phê duyệt kinh phí và tiến hành thủ tục đấu thầu) được Trường ghi nhận đầy đủ trong Báo cáo tự đánh giá và được Trường đề ra kế hoạch khắc phục phù hợp. Mỗi kết quả khắc phục được cập nhật ngay vào Báo cáo tự đánh giá giúp cải thiện kết quả tự đánh giá. Việc xây dựng Báo cáo tự đánh giá qua 5 dự thảo khác nhau đã thể hiện rõ nét quá trình tự phát hiện và tự cải tiến của Trường ngay trong quá trình tự đánh giá. Điều này cho thấy hoạt động tự đánh giá của Trường đã được thực hiện bài bản, đi vào thực chất và đem lại hiệu quả tích cực.

- Các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích qua quá trình đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài).
- Có kế hoạch hành động khả thi để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài).
- Có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài).

Trường nhận được kết quả đánh giá ngoài vào tháng 12/2017. Nếu thống kê theo cách chia riêng từng nội dung nhỏ thì trong Báo cáo đánh giá ngoài có nêu 162 nội dung khuyến nghị mà Trường cần thực hiện. Ngay sau khi nhận được Báo cáo đánh giá ngoài (trước khi nhận được Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định), vào ngày 26/12/2017, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội đã có công văn giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong Trường đề xuất ngay các giải pháp thực hiện các khuyến nghị này [**Công văn số 4124 ngày 26/12/2017 v/v xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại theo kết quả kiểm định chu kỳ 2 của Trường**]. Ngay khi nhận được Công văn này, các đơn vị trong Trường đã tổ chức họp nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài và đề xuất các hoạt động cụ thể

thực hiện các khuyến nghị này. Các đơn vị cũng xác định rõ thời gian, nội dung, nguồn lực và kết quả cần đạt được của các hoạt động khắc phục này. Đề xuất của các đơn vị được gửi đến Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo để tập hợp thành bản Kế hoạch khắc phục chung của Trường trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và trình Hiệu trưởng ban hành.

Ngày 10/01/2018, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Kế hoạch khắc phục các tồn tại nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài [**Quyết định số 70/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2018 v/v ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại sau đánh giá ngoài**]. Vào ngày 24/02/2018 Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội đã trình bày trước Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội bản Kế hoạch này [**Chương trình và ảnh chụp Phiên họp Hội đồng ngày 24-25/02/2018 tại Đà Nẵng**].

Nhằm rà soát và tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch này, ngày 12/2/2020 Trường tiếp tục ban hành Công văn số 562 với nội dung giao các công việc thực hiện các khuyến nghị này cho từng đơn vị của Trường thực hiện với thời hạn hoàn thành cụ thể. Trong Công văn này có chia nhóm các khuyến nghị theo thời hạn thực hiện, cụ thể là:

- + 36 khuyến nghị đã thực hiện xong trong thời gian từ tháng 2/2018 đến tháng 2/2020 cần viết giải trình và cung cấp ngay minh chứng,
- + 114 khuyến nghị cần thực hiện xong trước ngày 31/5/2020;
- + 12 khuyến nghị cần thực hiện xong trước ngày 31/12/2020.

**[Công văn số 562/ĐHLHN-ĐBCLĐT&KT ngày 12/2/2020 v/v giao các đơn vị chủ trì thực hiện khắc phục, giải trình các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài].**

Kết quả thực hiện các khuyến nghị sau đánh giá ngoài được thể hiện trong Báo cáo giữa chu kỳ gửi Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó thể hiện rõ: 108 khuyến nghị đã thực hiện xong và 55 khuyến nghị đang tiếp tục thực hiện trong nửa sau của chu kỳ đánh giá. Kết quả khắc phục được thể hiện rõ trong các minh chứng đi kèm [**Công văn số 650/ĐHLHN-ĐBCLĐT kèm theo Báo cáo giải trình các khắc phục tồn tại theo báo cáo đánh giá ngoài kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội**].

## 2. Điểm mạnh:

- + Hoạt động tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, thực chất và đem lại hiệu quả rõ nét cải thiện nhiều hoạt động của Trường;
- + Hoạt động cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của đánh giá ngoài đã được Trường thực hiện nghiêm túc, có kết quả rõ ràng.

3. Tồn tại: Hoạt động cải tiến còn chậm hoàn thành.

4. Kế hoạch cải tiến:

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.**

## 1. Mô tả:

- CSGD thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá (kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm trong hội đồng tự đánh giá, các bước thực hiện, cách thức thực hiện, xử lý kết quả,...) ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

- Quy trình tự đánh giá CSGD/CTĐT được cải tiến.

Quy trình tự đánh giá của Trường luôn được cải tiến qua các đợt tự đánh giá.

Đợt tự đánh giá CSGD chu kỳ 1 năm 2007 được Trường thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1318/BGDĐT-KT&KĐ ngày 09/02/2007 v/v triển khai kiểm định chất lượng các trường đại học năm 2007. Phạm vi tự đánh giá được thực hiện theo Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học (ban hành kèm theo Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004 và Quyết định số 27/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/6/2006. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 25 thành viên và đảm bảo tính đại diện theo đúng quy định tại Điều 18 của Quyết định 38/2004/QĐ-BGD&ĐT [**Quyết định số 401/2007/QĐ-ĐHLHN ngày 27/2/2007 v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá trường đại học**]. Trường cũng đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá gồm 5 bước bao gồm: 1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá; 2) Lập Kế hoạch tự đánh giá; 3) Thu thập thông tin và minh chứng; 4) Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; 5) Viết Báo cáo tự đánh giá; 6) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá [**Kế hoạch tự đánh giá ngày 22/2/2007**].

Đến năm 2016 – 2017, Trường thực hiện tự đánh giá CSGD chu kỳ 2 theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012. Khác với chu kỳ trước, năm 2016, bên cạnh việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Trường đã thành lập bổ sung Ban thư ký giúp việc, trong đó trường đơn vị đảm bảo chất lượng giáo dục được chỉ định làm trưởng ban [**Quyết định số 1621/QĐ-ĐHLHN ngày 02/6/2016**]. Bên cạnh 5 nhóm chuyên trách thực hiện xây dựng báo cáo cho các tiêu chuẩn, Trường đã bổ sung thêm Nhóm 6 – Nhóm tư vấn nội bộ gồm những cán bộ được tập huấn đầy đủ nhất về công tác đảm bảo chất lượng để hướng dẫn cho các nhóm viết báo cáo và thẩm định các dự thảo báo cáo của các nhóm. Kế hoạch tự đánh giá năm 2016 cũng được cải tiến đáng kể, bao gồm 12 bước, mỗi bước từ 1 tuần đến 3 tuần để thực hiện từng công đoạn của quá trình xây dựng Báo cáo tự đánh giá. So với đợt tự đánh giá chu kỳ 1, có nhiều hoạt động được bổ sung như: tổ chức hội nghị quán triệt chủ trương tự đánh giá, chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ Trường để các đơn vị góp ý, gửi file báo cáo tự đánh giá về Cục KT&KĐCLGD [**Kế hoạch TĐG số 2278/KH-ĐHLHN ngày 17/8/2016**].

Đến năm 2022, Trường thực hiện tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, theo hướng dẫn tại Công văn 766/QLCL-KĐCLGD và Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD. So với chu kỳ 2, thì trong Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 3 có số lượng thành viên Hội đồng và số lượng thư ký tăng lên rõ rệt (gồm 29 thành viên Hội đồng và ... thư ký. Số lượng các nhóm chuyên trách tăng từ 6 nhóm (ở chu kỳ 2) lên 9 nhóm (ở chu kỳ 3), trong đó bao gồm cả nhóm thẩm định báo cáo (nhóm 9) và nhóm khảo sát các bên liên quan (nhóm 8). Kế hoạch tự đánh giá chu kỳ 3 được cải tiến theo hướng rút ngắn thời gian từ 6 tháng xuống còn 4 tháng cho phù hợp với tiến độ cấp Giấy chứng nhận kiểm định chu kỳ 3 nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các hoạt động theo hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT. Trong Kế hoạch này Trường cũng đã cải tiến tích hợp thêm các công việc liên quan đến chỉ định thầu/đầu thầu lựa chọn đơn vị kiểm định chất lượng giáo dục, ký hợp đồng với đơn vị kiểm định trúng thầu, các công việc gửi báo cáo các cơ quan quản lý và các hoạt động cơ bản khác chuẩn bị cho đánh giá ngoài [**Kế hoạch số 3346/KH-ĐHLHN ngày 08/9/2022 v/v ban hành Kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục**].

Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ cho tự đánh giá chu kỳ 3 cũng được cải tiến cơ bản. Trường đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường [**Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21/3/2022**] và ban hành Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [**Kế hoạch số 1182/KH-ĐHLHN ngày 21/3/2022 v/v khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường**]. Trong Kế hoạch này Phòng ĐBCLĐT&KT là đơn vị chuyên môn đảm trách xây dựng các phiếu khảo sát. Phòng đã xây dựng 9 phiếu khảo sát cho 5 đối tượng các bên liên quan, trong đó thể hiện các nội dung cần khảo sát trong toàn bộ 111 tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định CSGD. Phòng CTSV tiến hành khảo sát người học, cựu người học, người sử dụng lao động theo phương thức online nhằm khảo sát được phạm vi rộng nhất các bên liên quan trong thời gian ngắn nhất. Phòng TCCB tiến hành khảo sát đối với giảng viên và chuyên viên của Trường. Việc khảo sát có định danh từng người tham gia khảo sát, do vậy đảm bảo được tính khách quan, chuẩn xác. Kết quả khảo sát được sử dụng trong việc xây dựng báo cáo tự đánh giá CSGD chu kỳ 3 này [**Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường năm 2022**].

- CSGD thực hiện rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài (kế hoạch, phân công trách nhiệm, các bước thực hiện, cách thức chuẩn bị, lập kế hoạch cải tiến,...) ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.
- Quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài được cải tiến.
- Có tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong CSGD.

Quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài được Trường rà soát và cải tiến liên tục qua mỗi đợt tự đánh giá. Đợt đánh giá ngoài chu kỳ 1 được thực hiện theo quy định tại Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học (ban hành kèm theo Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004), theo đó Đoàn chuyên gia đánh giá bên ngoài do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập (khoản 1 Điều 20 Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT). Quy trình làm việc của Đoàn đánh giá ngoài được quy định tại Điều 21 Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT, chỉ bao gồm 3 hoạt động chính là: 1) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá của trường đại học đã đăng ký kiểm định chất lượng. Thu thập, nghiên cứu xử lý các thông tin liên quan ; 2) Tiến hành khảo sát tại trường đại học, xác định cấp độ trường đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo qui định tại Điều 22 của Quy định này ; 3) Viết báo cáo đánh giá và đề nghị Hội đồng Kiểm định chất lượng trường đại học xem xét, đệ trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trường đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Kinh phí cho hoạt động đánh giá ngoài được Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục chi trả bằng nguồn kinh phí của Nhà nước.

Đến đợt đánh giá ngoài chu kỳ 2 Trường đã cải tiến và thực hiện các công việc chuẩn bị đánh giá ngoài theo hướng dẫn của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội. Khác với đánh giá ngoài chu kỳ 1, quá trình chuẩn bị đánh giá ngoài chu kỳ 2 bao gồm 2 giai đoạn: 1) Công tác chuẩn bị cho khảo sát sơ bộ và 2) Công tác chuẩn bị cho khảo sát chính thức. Dựa trên Công văn số 334/KĐCL ngày 14/9/2017 và các hướng dẫn chuẩn bị đánh giá ngoài của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội [**Công văn số 334/KĐCL ngày 14/9/2017 của**



**Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội**], Trường đã ban hành Kế hoạch số 3224/KH-ĐHLHN ngày 10/10/2017 v/v phục vụ đợt khảo sát chính thức của Đoàn đánh giá ngoài, trong đó phân công các nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị của Trường. Phòng HCTH phụ trách chuẩn bị phòng làm việc và các cơ sở vật chất khác cho Đoàn đánh giá ngoài trong thời gian khảo sát. Trung tâm ĐBCLĐT chuẩn bị bộ minh chứng và các tài liệu cung cấp cho Đoàn đánh giá ngoài, hỗ trợ Đoàn trong suốt thời gian khảo sát. Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm ĐBCLĐT và của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện dự trù và thanh toán kinh phí cho hoạt động đánh giá ngoài. Các đơn vị khác (như Phòng Quản trị, Phòng CTSV, Phòng QLKH&TSTC, các đơn vị quản lý đào tạo và các khoa chuyên môn,...) cũng được phân công cụ thể các công việc cần thực hiện trong suốt quá trình đánh giá ngoài [**Kế hoạch số 3224/KH-ĐHLHN ngày 10/10/2017 v/v phục vụ đợt khảo sát chính thức của Đoàn đánh giá ngoài**]; [**Bảng phân công nhiệm vụ đợt khảo sát chính thức**]. Qua thực tiễn đánh giá ngoài chu kỳ 2 cho thấy đợt đánh giá ngoài đã diễn ra thuận lợi, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội và Đoàn đánh giá ngoài rất hài lòng và đánh giá cao công tác chuẩn bị phục vụ đánh giá ngoài của Trường. Sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài, Trường cũng đã tổ chức họp giao ban để tổng kết quá trình phục vụ đánh giá ngoài và kịp thời biểu dương các đơn vị có nhiều đóng góp cho quá trình kiểm định [**Giấy khen của các đơn vị có thành tích trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm 2018**].

Hiện nay, sau khi hoàn thành Báo cáo tự đánh giá này, Trường cũng đang thực hiện thủ tục chỉ định thầu/đấu thầu công khai để lựa chọn đơn vị kiểm định giáo dục thực hiện kiểm định chất lượng CSGD chu kỳ 3 cho Trường. Trường cũng sẵn sàng tiếp nhận các yêu cầu và hướng dẫn của đơn vị kiểm định sẽ trúng thầu để từ đó xây dựng kế hoạch chuẩn bị đánh giá ngoài. Tương tự như vậy Trường cũng sẽ xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài 4 CTĐT đại học trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh:

- + Quy trình tự đánh giá của Trường luôn được cải tiến qua các đợt tự đánh giá theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT.
- + Công tác phục vụ đánh giá ngoài được đánh giá và cải tiến.

3. Tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch cải tiến:

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của CSGD mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, CSGD phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tỷ đánh giá
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>	
Tiêu chí 10.1	5/7
Tiêu chí 10.2	5/7
Tiêu chí 10.3	5/7
Tiêu chí 10.4	5/7

#### **Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong**

***TC 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập***

1. Trường Đại học Luật Hà Nội luôn xác định công tác quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Trường. Vì vậy Đảng uỷ, Ban giám hiệu rất quan tâm, chỉ đạo và các đơn vị thuộc Trường đã tích cực triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả. Đặc biệt, Trường Đại học Luật Hà Nội chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ quản lý thông tin đảm bảo chất lượng, qua đó ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, viên chức, người lao động đối với công tác này được nâng lên rõ rệt.

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý thông tin (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các BLQ) với nhiều hình thức

để trao đổi, nhận, chuyển thông tin như: báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; các cuộc hội họp; văn bản thông báo; email, điện thoại trực tiếp; hình thức thu thập thông tin online, ứng dụng mạng xã hội như chat nhóm zalo, facebook,...

Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo [CHỦA CÓ MINH CHỨNG], NCKH [Quyết định 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04 tháng 1 năm 2022 về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội], và phục vụ cộng đồng [Quyết định 1891/QĐ-ĐHLHN ngày 31 tháng 5 năm 2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm thông tin thư viện]. Trong đó, chức năng quản lý thông tin nội bộ được giao cho Trung tâm công nghệ thông tin [Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ tin học]. Trung tâm này có chức năng quản trị về mặt kỹ thuật Cổng thông tin điện tử và các trang tin điện tử chính thức của Nhà trường, tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản trị kỹ thuật hạ tầng CNTT và hệ thống các ứng dụng CNTT của toàn trường; đề xuất xây dựng, triển khai, quản lý vận hành, tích hợp, mở rộng hạ tầng mạng và trung tâm dữ liệu; đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin cho các hệ thống của Trường; xây dựng các phương án dự phòng, tổ chức thực hiện sao lưu dữ liệu và đảm bảo dự phòng rủi ro cho các hệ thống của Trường; chủ trì công tác bảo trì, quản trị và hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ hệ thống máy tính, các trang thiết bị CNTT của các đơn vị trong toàn trường, Phân hiệu và cơ sở II đảm bảo khả năng vận hành, kết nối và an toàn thông tin phục vụ các hoạt động của Trường; tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý thống nhất thông tin dữ liệu phần mềm toàn trường; đảm bảo an toàn thông tin, phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu tập trung trên các ứng dụng CNTT toàn trường [Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ tin học]; Trung tâm này cũng được giao quản lý hạ tầng CNTT của Trường; đồng thời có trách nhiệm quản lý và báo cáo với Ban giám hiệu về tình hình hoạt động hạ tầng CNTT và các vấn đề phát sinh [Quyết định số 2579/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghệ thông tin tại Trường Đại học Luật Hà Nội]; Các đơn vị, cá nhân thuộc Nhà trường có trách nhiệm khai thác, bảo vệ hạ tầng CNTT của đơn vị, hạ tầng CNTT của Nhà trường [Quyết định số 2579/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghệ thông tin tại Trường Đại học Luật Hà Nội].

Đối với việc chủ trì về kỹ thuật CNTT trong các hoạt động đào tạo, NCKH của trường, trung tâm được giao chủ trì về kỹ thuật CNTT và phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giảng dạy, đánh giá người học trong đào tạo trực tuyến, các hoạt động hội nghị, hội thảo, hội họp trong NCKH và các hoạt động điều hành, chuyên môn khác của Trường; đề xuất các giải pháp về CNTT để nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động khác của Trường trên nền tảng CNTT [Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ tin học].

Trường đã chủ động xây dựng lộ trình, bước đầu bắt tay vào việc chuyển đổi số từ đầu tháng 11/2021 và chỉ đạo trực tiếp Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai ký hợp đồng và thực hiện Hợp đồng tư vấn chuyển đổi số với đơn vị tư vấn chuyên nghiệp bắt đầu từ tháng 10/11/2021. Quá trình triển khai đã thực hiện qua những bước bao gồm xây dựng kế hoạch khảo sát, thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát, xây dựng báo cáo tư vấn chuyển đổi số, dự thảo Kế hoạch chuyển đổi số, gửi lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến các đơn vị để hoàn thiện. [*Quyết định số 755/QĐ-ĐHLHN ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: CHƯA CÓ MINH CHỨNG*]. Trường cũng đã ban hành được Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Quy chế hoạt động và Kế hoạch Chuyển đổi số [*Quyết định số 753/QĐ-ĐHLHN về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi của Trường Đại học Luật Hà Nội*].

Đối với công tác thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan là người học, cựu người học, nhà tuyển dụng hay các bên liên quan khác, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 1182/KH-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, nhằm nâng cao chất lượng về mọi mặt hoạt động; Đồng thời tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học nhằm nâng cao chất lượng trong mọi lĩnh vực hoạt động của Trường qua link: <https://forms.office.com/r/tgADTy3x26>; ý kiến nhà tuyển dụng qua link: <https://forms.office.com/r/ZhsNEFqmGW>. Nhà Trường cũng ban hành các quy định liên quan đến phát ngôn và cung cấp thông tin báo chí [*Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin báo chí của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 1411/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội*].

Đối với công tác lưu trữ, Nhà trường đã có văn bản quy định về trách nhiệm đối với công tác văn thư lưu trữ, theo đó: *Trách nhiệm của Hiệu trưởng*: chỉ đạo việc tổ chức xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, quy định về công tác văn thư, lưu trữ tại trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc nghiên cứu, ứng dụng CNTT vào công tác văn thư, lưu trữ; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác văn thư, lưu trữ đối với các đơn vị; chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ theo thẩm quyền. *Trưởng phòng hành chính – tổng hợp* giúp hiệu trưởng trực tiếp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác văn thư, lưu trữ; chỉ đạo việc hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ về công tác văn thư, lưu trữ đối với các đơn vị; *Thủ trưởng các đơn vị thuộc trường* chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện các quy định về công tác văn thư, lưu trữ và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Trường về việc sử dụng hệ thống văn bản và điều hành tại đơn vị mình [*Quyết định 2128/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 6 năm 2021 Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Trường Đại học Luật Hà Nội*].

Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các quy định bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tại đơn vị: Quy chế sử dụng máy tính, mạng máy tính (mạng nội bộ, mạng Internet, các thiết bị điện tử sử dụng soạn thảo, lưu trữ, truyền tải văn bản theo dạng số hóa...); Quy chế quản lý, sử dụng các dịch vụ email, cổng thông tin điện tử: Dự thảo QĐ Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng TĐHLHN; Dự thảo Quy che

hoạt động Doi ung cuu 2022\_TTCNTT\_Final; Dự thảo\_Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng CNTT của TĐHLHN; Quy chế về quản lý, sử dụng công thông tin điện tử và thư điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội. Trường cũng đã cử 01 viên chức là Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ Bí mật nhà nước; 01 viên chức là Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng [Quyết định số 2583/QĐ-ĐHLHN ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế bảo vệ Bí mật nhà nước của Trường Đại học Luật Hà Nội].

Trường đã ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng CNTT tại trường nhằm tăng cường năng lực quản lý, nhu cầu về khai thác và sử dụng hạ tầng CNTT của Nhà trường trong các hoạt động chung và hoạt động chuyên môn của các cá nhân, đơn vị; đồng thời đảm bảo hiệu quả đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật trong việc ứng dụng CNTT, góp phần hỗ trợ công tác chuyên môn của các đơn vị thuộc Trường thông qua việc quản lý và sử dụng hạ tầng CNTT của Trường [Quyết định số 2579/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghệ thông tin tại Trường Đại học Luật Hà Nội].

2. Về phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD, Trường đã ban hành Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ tin học, trong đó giao nhiệm vụ cho Trung tâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT, chuyển đổi số trong từng giai đoạn phát triển của trường; tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý thống nhất các hoạt động ứng dụng CNTT trong toàn Trường; chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị nghiên cứu giải pháp, lựa chọn các ứng dụng CNTT để đưa vào áp dụng đảm bảo tăng cường hiệu quả công tác quản lý và nâng cao hiệu quả các hoạt động của Trường trên cơ sở đảm bảo khả năng tích hợp và đồng bộ với các ứng dụng khác; Đồng thời Trung tâm có chức năng quản trị về mặt kỹ thuật Cổng thông tin điện tử và các trang tin điện tử chính thức của Nhà trường, quản trị hệ thống điện tử nội tên miền @hlu.edu.vn (dành cho viên chức, người lao động) và @st.hlu.edu.vn (dành cho người học); tư vấn, hỗ trợ cho các đơn vị, các nhân trong Trường về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý các hoạt động khác của trường.

Quyết định số 2494/QĐ-ĐHLHN ngày 22/7/2021 cũng nêu rõ, Trung tâm sẽ phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá trình độ sử dụng, khai thác ứng dụng CNTT của các đối tượng là viên chức, người lao động trong trường; phối hợp với Phòng Quản trị và Phòng tài chính kế toán trong công tác đầu tư, mua sắm tài sản liên quan đến lĩnh vực CNTT theo quy định; Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Công tác sinh viên thực hiện công tác quản lý sinh viên theo quy định và phân công của Hiệu Trưởng.

3. Để nâng cao hiệu quả trong việc thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan, Nhà trường đã sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, cho phép thu thập, lưu trữ, xử lý và phân tích ý kiến của các bên liên quan cũng như các dữ liệu trong hoạt động

đào tạo và NCKH. Trường đang sử dụng các ứng dụng trong các hoạt động của trường như:

- *Quản lý điểm: phần mềm quản lý đào tạo CMC Soft*
- *Giao việc: <https://red.moj.gov.vn/>*
- *Cổng thông tin điện tử: Cổng thông tin (<http://hlu.edu.vn>)*
- *Thư điện tử: <https://outlook.office.com/mail/>*

Trường cũng đã ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng Cổng Thông tin điện tử và Thư điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội, tiến hành quản trị hệ thống điện tử nội tên miền @hlu.edu.vn (dành cho viên chức, người lao động) và @st.hlu.edu.vn (dành cho người học). Trên website của Trường đã thiết kế Nút đăng ký nhận thông tin tuyển sinh nhằm hỗ trợ cho người học tiếp cận với các thông tin tuyển sinh của Trường một cách kịp thời.



Nhà trường cũng đã có nút “Ba Công khai” trên trang website để mọi người có thể tiếp cận được với các thông tin công khai cốt lõi của Trường.

Ngoài ra Trường đã thực hiện các nhiệm vụ cụ thể bảo đảm an toàn thông tin, ANM như: Trang bị bản quyền hệ điều hành Microsoft cho các máy tính của Trường đảm bảo theo quy định; khuyến cáo đội ngũ giảng viên sử dụng phần mềm có bản quyền sử dụng trên máy tính các nhân; Trang bị hệ thống email riêng của Trường có đuôi: hlu.edu.vn và quán triệt viên chức sử dụng email trường. Trong thời gian dịch bệnh, việc sử dụng các hệ thống hỗ trợ giảng dạy trực tuyến thì Trường cung cấp mật khẩu và pass theo tên miền của Trường; Trường có đội ngũ kỹ sư quản trị mạng đảm bảo an ninh mạng và hoạt động của hạ tầng CNTT [*Quyết định số 2581/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tại Trường Đại học Luật Hà Nội*].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***TC 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.***

1. Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng CNTT để hỗ trợ ra quyết định với các thành phần: (i) Website (ii) Hệ thống email nội bộ; (iii) Các nền tảng trực tuyến (Viber và Zalo); (iv) Hệ thống wifi, mạng LAN; (v) các phần mềm chuyên dụng như phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý nhân sự, cổng thông tin điện tử trường, phần mềm quản lý kế toán, phần mềm quản lý thư viện

v.v. (vi) Hệ thống thiết bị phần cứng... (vii) Các CBGV-NV và SV được cấp tài khoản sử dụng tên miền @hlu.edu.vn (dành cho viên chức, người lao động) và @st.hlu.edu.vn (dành cho người học) để cập nhật, trao đổi và xử lý các thông tin phục vụ kịp thời.

Tất cả các cán bộ, giảng viên, sinh viên đều được cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến các hoạt động của trường, hoạt động chuyên môn... thông qua các nền tảng hỗ trợ này. Các cán bộ giảng viên và SV đều được cấp ID và mật khẩu để truy cập vào các hệ thống được phép sử dụng. Hiện nay, để nâng cao hiệu quả của công tác thu thập cơ sở dữ liệu ĐBCL bên trong, Nhà trường đang tiến hành thực hiện chuyển đổi số CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

Hệ thống kê khai giờ giảng và NCKH cho phép thực hiện việc kê khai, đối chiếu, xác nhận thời gian giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khác trên phần mềm kê khai giờ giảng theo hướng dẫn của Trung tâm Công nghệ thông tin tại địa chỉ: <http://210.245.13.149:8082/> hoặc đường link trên Cổng Thông tin điện tử của Trường. Thông tin về tài khoản của từng bộ môn, cá nhân do Trung tâm Công nghệ thông tin cung cấp (CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN KÊ KHAI). Mỗi GV được cấp một mật khẩu để truy cập, lãnh đạo bộ môn vào vào tài khoản cá nhân để kê khai giờ giảng, giờ NCKH của mình. Trưởng các Khoa, Viện, Trung tâm thuộc Trường, Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đối chiếu và xác nhận đối với phần công việc mà đơn vị phụ trách (CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN KÊ KHAI)].

Phần mềm quản lý đào tạo với nhiều module cho các mảng như: module lập TKB, module đăng ký HP, module quản lý SV, module quản lý điểm, module quản lý thi, module quản lý nhân sự, module thu học phí; các ứng dụng trên Internet về triển khai lấy ý kiến phản hồi từ BLQ. Báo cáo thông tin công khai hàng năm trên địa chỉ..., thông tin về ĐT, NCKH, kết nối và PVCĐ được đăng tải trên trang web của NT được khai thác trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định của BGH. Nêu rõ vì các đơn vị đầu mối đã được phân công lưu trữ thông tin chịu trách nhiệm lưu trữ cơ sở dữ liệu và sẵn sàng trích xuất khi cần. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

Kết quả, tiến trình học tập của SV được lưu trữ một cách khoa học theo lớp, ngành, khóa học để thuận tiện trong việc truy xuất và quản lý; cơ sở dữ liệu, thông tin về các BLQ trong đánh giá CTĐT, CDR và CTDH được lưu trữ theo từng kì rà soát, đánh giá, theo từng loại và theo từng đối tượng; cơ sở dữ liệu về việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động giảng dạy, về các dịch vụ phục vụ hỗ trợ NH, về đội ngũ, về NCKH và PVCĐ,... hàng năm được lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCL theo năm học, từng đối tượng với đầy đủ các thông tin; cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của SV sau khi ra trường được lưu trữ theo từng khóa học, để dàng trích xuất.

2. Hệ thống thông tin ĐBCL được quản lý bằng các phần mềm chuyên dụng có kịp thời và thuận lợi trong việc trích xuất các thông tin theo các biểu mẫu phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành của lãnh đạo Nhà trường không?; cho QLĐT, quản lý SV, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản v.v. và các hoạt động của các đơn vị chức năng trong Trường theo từng lĩnh vực. Nhà trường có phân quyền cho các đơn vị khai thác, quản lý và cung cấp thông tin để trích xuất thông tin.

Phần mềm quản lý đào tạo: Phần mềm QLĐT với nhiều module cho các mảng HĐ như: module lập TKB, module đăng ký HP, module quản lý SV, module quản lý điểm, module quản lý thi, module quản lý nhân sự, module thu học phí; các ứng dụng trên Internet về triển khai lấy ý kiến phản hồi từ BLQ. Báo cáo thông tin công khai hàng năm trên địa chỉ..., thông tin về ĐT, NCKH, kết nối và PVCĐ được đăng tải trên trang web của NT được khai thác trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định của BGH. Nêu rõ vì các đơn vị đầu mối đã được phân công lưu trữ thông tin chịu trách nhiệm lưu trữ cơ sở dữ liệu và sẵn sàng trích xuất khi cần. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]. Kết quả, tiến trình học tập của SV được lưu trữ một cách khoa học theo lớp, ngành, khóa học để thuận tiện trong việc truy xuất và quản lý; cơ sở dữ liệu, thông tin trong đánh giá CTĐT, CDR và CTDH được lưu trữ theo từng kì rà soát, đánh giá, theo từng loại và theo từng đối tượng; cơ sở dữ liệu về việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động giảng dạy, về các dịch vụ phục vụ hỗ trợ NH, về đội ngũ, về NCKH và PVCĐ,... hàng năm được lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCL theo năm học, từng đối tượng với đầy đủ các thông tin; cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của SV sau khi ra trường được lưu trữ theo từng khóa học, để dàng trích xuất. CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

Phần mềm quản lý kế toán [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

phần mềm quản lý thư viện [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

3. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong cũng được quan tâm củng cố, thực hiện. Trong đó, trách nhiệm phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc BMNN, bí mật công tác, bí mật kinh doanh trên không gian mạng:

+ Từ năm 2019, Trường Đại học Luật Hà Nội đã mua bản quyền phần mềm diệt Virus Kaspersky cho các máy chủ và máy trạm trong toàn trường.

+ Trường Đại học Luật Hà Nội phối hợp chặt chẽ với Cục CNTT của Bộ Tư pháp để được tư vấn, hỗ trợ và đánh giá định kỳ cho các Hệ thống thông tin tại Trường.

+ Trường có đội ngũ kỹ sư quản trị mạng đảm bảo an ninh mạng và hoạt động của hạ tầng CNTT.

- Trường Đại học Luật Hà Nội đã triển khai biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi gián điệp mạng, xâm phạm BMNN, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, trên hệ thống thông tin và kịp thời gỡ bỏ thông tin liên quan đến hành vi này:

+ Tường lửa bên ngoài (Firewall Gateway)

+ Tường lửa CSDL (Firewall Database) – thiết lập các luật an toàn riêng (policy) cho vùng máy chủ CSDL, từng máy chủ CSDL.

+ Tường lửa nội bộ (Firewall Internal) – Thiết lập các policy cho các kết nối của mạng LAN.

- Trường Đại học Luật Hà Nội (Trung tâm Công nghệ thông tin) thường xuyên tuyên truyền, cảnh báo các lỗ hổng bảo mật cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

+ Mục văn bản pháp luật trên cổng thông tin của nhà trường trong đó có đưa các văn bản, quy định, quy chế và an toàn thông tin



<https://giangvien.hlu.edu.vn/SubNews/GetListNewsByCategoryId/?catid=2213>

+ Trung tâm Công nghệ thông tin thường xuyên tập huấn cho các đơn vị về các phần mềm nghiệp vụ và trong các buổi tập huấn có lồng ghép các nội dung về an toàn thông tin và an ninh mạng.

Ngoài ra, Trường Đại học Luật Hà Nội đã thực hiện các nhiệm vụ cụ thể bảo đảm an toàn thông tin, ANM như:

+ Trang bị bản quyền hệ điều hành Microsoft cho các máy tính của Trường đảm bảo theo quy định; khuyến cáo đội ngũ giảng viên sử dụng phần mềm có bản quyền sử dụng trên máy tính các nhân.

+ Trang bị hệ thống email riêng của Trường có đuôi: hlu.edu.vn và quán triệt viên chức sử dụng email trường. Trong thời gian dịch bệnh, việc sử dụng các hệ thống hỗ trợ giảng dạy trực tuyến thì Trường cung cấp mật khẩu và pass theo tên miền của Trường.

+ Phối hợp với Cục công nghệ thông tin Bộ Tư pháp trong việc đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin của Trường, thực hiện các giải pháp phòng chống tấn công vào hệ thống Trung tâm Dữ liệu điện tử và mạng công nghệ thông tin của Trường;

+ Cập nhật các phần mềm bảo mật tại các máy chủ và máy trạm của Trường;

+ Thường xuyên giám sát an toàn thông tin trong hệ thống mạng của Nhà trường. *(Quyết định số 2580/QĐ-ĐHLHN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng tại Trường Đại học Luật Hà Nội).*

+ Duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

+ Duy trì và xác thực tên miền (SSL) nhằm đảm bảo tính chính danh tin cậy và xác thực các địa chỉ tên miền của Trường Đại học Luật Hà Nội hoạt động trên môi trường mạng internet; [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

+ Tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

+ Xây dựng các kịch bản tấn công mạng nhằm chủ động ứng phó, khắc phục các sự cố ANM có thể xảy ra. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

+ Thực hiện các biện pháp tăng cường việc triển khai chính sách an toàn thông tin cho hệ thống tương lửa cũng như thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin hệ thống mạng máy tính của Trường Đại học Luật Hà Nội. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

+ Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 trong đó có kinh phí nâng cấp toàn diện hạ tầng CNTT của Trường Đại học Luật Hà Nội. *[Quyết định số 755/QĐ-ĐHLHN ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường*

*Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.]*

+ Thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tích cực tham gia vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng (*Quyết định Số 2581/QĐ-ĐHLHN V/v ban hành Quy chế Hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tại Trường Đại học Luật Hà Nội*).

\* Đối với thông tin dạng văn bản giấy, Nhà trường có quy định về công tác hành chính, văn thư, theo đó các tài liệu, hồ sơ đều có các dấu hiệu nhận biết như: tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, tình trạng thay đổi tài liệu,... trước khi ban hành.

\* Đối với các tài liệu chứa bí mật nhà nước: về cơ bản, từ năm 2019 đến nay Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức thực hiện việc bảo vệ BMNN và ANM theo quy định của pháp luật như: Luật Bí mật nhà nước; Nghị định số của 26/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an về ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước và Quyết định số 1326/QĐ-BTP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Bộ Tư pháp. Trong năm 2022, Trường đã có chủ trương cụ thể hóa những quy định của pháp luật, Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Bộ Tư pháp trong một văn bản nội bộ thống nhất của Trường là Quy chế bảo vệ Bí mật nhà nước (hoàn thành việc xây dựng và ban hành đầu tháng 7/2022). Để tổ chức thực hiện Quy chế, Hiệu trưởng đã giao Phòng Hành chính – Tổng hợp triển khai và trực tiếp quản lý, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, việc bố trí cơ sở vật chất, trang cấp thiết bị để phục vụ cho công tác bảo vệ BMNN.

Trường giao đầu mối là Phòng Hành chính – Tổng hợp là nơi tiếp nhận tài liệu mật đến và đi, là đơn vị thường trực thực hiện nhiệm vụ triển khai các thông báo, kết luận, chỉ đạo về công tác bảo vệ BMNN [*Quyết định số 1330/QĐ-ĐHLHN ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc phê duyệt đầu mối thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn an ninh mạng*]. Văn thư Trường được phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ BMNN, đầu mối xử lý các văn bản mật đến, đi theo, lưu văn bản, tài liệu mật đã sao chụp có địa chỉ nhận là Hiệu trưởng. Theo phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu, 01 phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý đối với phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm chỉ đạo các nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ BMNN theo quy định pháp luật. Việc đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của luật bảo vệ BMNN: Viên chức được giao nhiệm vụ bảo vệ BMNN (Phó Hiệu trưởng phụ trách phòng HCTH, Trưởng phòng HCTH và Văn thư Trường đều đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn – được bồi dưỡng kiến thức về BMNN theo quy định). Để bảo đảm công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Trường được kịp thời theo quy định, thực hiện Luật Bảo vệ BMNN và Nghị định số 26/2020/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 01/7/2020), năm 2021, Lãnh đạo Trường đã chỉ đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp phối hợp với các đơn vị nghiên cứu các quy định để xây dựng Quy chế bảo vệ BMNN và Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng tại Trường Đại học Luật Hà Nội tại

Trường đồng thời gửi Công văn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị quán triệt việc thực hiện nghiêm hai quy chế này [*Quyết định số 410/QĐ-ĐHLHN ngày 08/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước năm 2022*].

Về việc phân quyền giữa các Lãnh đạo Trường liên quan đến việc sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội đã ký ban hành Quyết định số 410/QĐ-ĐHLHN ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước năm 2022, theo đó các Phó Hiệu trưởng được ủy quyền sao, chụp các tài liệu và vật chứa bí mật nhà nước trong phạm vi lĩnh vực mà mình phụ trách.

5. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin về ĐBCL bên trong được Nhà Trường thông báo cho tất cả CB, GV, nhân viên thông qua văn bản gửi các đơn vị, thông báo trên cổng thông tin điện tử của Trường; mạng nội bộ, được phổ biến trong HN CBVC cuối năm; thông qua việc phổ biến các quy định, chính sách nội bộ (Hướng dẫn sử dụng các phần mềm; phổ biến cách tiếp cận thông tin trên website; Hướng dẫn khai thác Thư viện số,...) ...đối với SV, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường phổ biến các quy định về đảm bảo an toàn và bảo mật các dữ liệu, tập huấn cho SV về các quy định sử dụng và khai thác hệ thống CNTT của Nhà trường.

- Về chế độ chính sách: Hiện tại, chưa có chế độ, chính sách riêng đối với người được phân công nhiệm vụ bảo vệ BMNN. Ngoài các lớp tập huấn chung về công tác bảo vệ BMNN, viên chức kiêm nhiệm chưa có điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

- Việc bố trí lực lượng bảo vệ ANM, tổ chức bồi dưỡng kiến thức về ANM cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nâng cao năng lực bảo vệ ANM cho lực lượng bảo vệ ANM: Trường Đại học Luật Hà Nội đã bố trí 01 đồng chí chuyên viên thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn an ninh mạng và chỉ đạo các đơn vị phân công cán bộ đầu mối kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn an ninh mạng tại từng đơn vị thuộc Trường. Trường cũng phân công 01 Phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện những nhiệm vụ về đảm bảo ANM theo quy định chung và thực hiện các chỉ đạo của Bộ Tư pháp và bộ ngành liên quan. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

Đối với hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác bảo vệ BMNN và ANM: Sau khi nhận được các văn bản liên quan đến công tác bảo vệ BMNN và ANM của các cơ quan có thẩm quyền gửi đến, Nhà trường đã triển khai phổ biến, quán triệt đến các đơn vị thuộc Trường thông qua hình thức: Lãnh đạo Trường chỉ đạo trực tiếp, thông qua các cuộc họp giao ban Ban giám hiệu, giao ban Thủ trưởng các đơn vị và thường xuyên quán triệt, nhắc nhở tại các cuộc làm việc của Lãnh đạo Trường với các đơn vị. Cụ thể:

- Phổ biến, tuyên truyền về công tác bảo vệ BMNN thông qua các phương tiện truyền thông, điện tử: Trường đã cập nhật những văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến BMNN và ANM trên Cổng TTĐT của Trường như Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước, các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Công nghệ thông tin và các nghị định, thông tư hướng dẫn về an toàn ANM.

- Phổ biến, tuyên truyền thông qua các cuộc họp giao ban tại Trường: Trường thường xuyên lồng ghép việc quán triệt, tuyên truyền tại các cuộc Hội nghị, họp giao ban tháng, quý, năm hoặc trong các thông báo kết luận của Hiệu trưởng chỉ đạo trực tiếp về các nội dung liên quan đến bảo vệ BMNN và ANM, cụ thể như Kết luận tại phiên họp giao ban công tác tháng 3/2022, tháng 5 (ngày 10/5/2022), giao ban công tác tháng 6 (Ngày 9/6/2022).

- Đặc biệt, Trường đã cử 10 lượt viên chức tham gia tập huấn nghiệp vụ liên quan đến BMNN và ANM (theo Quyết định số 1486/QĐ-ĐHLHN ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng về việc cử viên chức tham gia lớp Tập huấn công tác bảo vệ nhà nước và an ninh mạng của Bộ Tư pháp năm 2022), trong đó thành phần tham dự bao gồm: 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách phòng Hành chính – Tổng hợp (là đầu mối thực hiện công tác bảo vệ BMNN), Lãnh đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp, Giám đốc trung tâm Công nghệ thông tin, chuyên viên các đơn vị có liên quan như Văn phòng Đảng uỷ, Thanh tra, Đào tạo đại học, Công tác sinh viên.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***TC 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.***

1. Thông qua hoạt động kiểm kê hằng năm, Nhà trường đã tiến hành rà soát toàn bộ cơ sở hạ tầng CNTT; Phòng Tài chính – kế toán rà soát về các chỉ số tài chính; Phòng đào tạo rà soát về kết quả đào tạo, kết quả tuyển sinh; Phòng Hành chính tổng hợp rà soát về các vấn đề văn thư, lưu trữ, hành chính; P.ĐBCL rà soát kết quả thực hiện các HĐ ĐBCL, .. các văn bản của Bộ GD&ĐT và của NT liên quan hoạt động ĐBCL, các biểu mẫu về công tác điều tra, khảo sát...được rà soát, cập nhật. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

Để đảm bảo việc công bố thông tin trên website được liên tục, Trung tâm Công nghệ thông tin tiến hành sao lưu dữ liệu website định kỳ [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]. Ngoài ra, Nhà trường cũng sử dụng các mẫu thu thập dữ liệu phục vụ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo để xây dựng hệ thống thu thập cơ sở dữ liệu ĐBCL bên trong. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]. Hệ thống kê khai giờ giảng, giờ NCKH và các công việc khác đang được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu dụng của cán bộ giảng viên và SV. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

2. Hàng năm, Lãnh đạo Trường đều chỉ đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp thường xuyên thực hiện kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ trong đó có công tác bảo vệ BMNN; chỉ đạo các đơn vị thuộc Trường phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình ANM tại đơn vị. Hiện tại, theo sự phân công của Hiệu trưởng, 02 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách Phòng Hành chính – Tổng hợp và Trung tâm Công nghệ thông tin trực tiếp thực hiện việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhắc nhở, đôn đốc việc bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm an toàn an ninh mạng trong các đơn vị thuộc Trường. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG].

3. Bên cạnh đó, Trường cũng tiến hành việc kiểm tra việc thực hiện các hoạt động quản lý, kiểm soát bảo mật trong vận hành, quản lý, sử dụng mạng, kiểm soát an ninh các thiết bị mạng, thiết bị bảo vệ mạng máy tính theo quy định thực hiện đồng thời với

kế hoạch bảo trì thiết bị hoặc theo kế hoạch đột xuất [CHƯA CÓ MINH CHỨNG];; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin không gian mạng đối với các đơn vị thuộc Trường đồng thời tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời sự cố khi nhận được phản ánh của các phòng, khoa, đơn vị thuộc Trường. Đồng thời, Trường thường xuyên tuyên truyền, cảnh báo các lỗ hổng bảo mật cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. [CHƯA CÓ MINH CHỨNG];

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

***TC 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng***

1. Nhà trường cũng thường xuyên có những điều chỉnh và cập nhật về mặt quy định chính sách nhằm hướng dẫn các đơn vị thực hiện thu thập đầy đủ các thông tin ĐBCL bên trong, cũng như hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường.

Nhà Trường đã cải tiến quản lý trên hệ thống phần mềm gồm: Trang thông tin ĐBCL được tích hợp trên cổng thông tin điện tử; nâng cấp các phần mềm quản lý; nâng cấp máy chủ, phần mềm bảo mật, an ninh mạng; số hóa nguồn tài nguyên học liệu, thư viện số, nâng cấp hệ thống mạng Wifi cho các phòng làm việc và phòng học; điều chỉnh, bổ sung và ban hành quy định lưu trữ hồ sơ chuyên môn nghiệp vụ; Quy trình hóa các hoạt động đào tạo, NCKH, thanh tra, khảo thí, ĐBCL...

Việc cải tiến này tạo sự thuận lợi, hiệu quả trong việc quản lý, khai thác thông tin trong ĐBCL của Nhà trường; đồng thời ban hành hướng dẫn hoặc KH hoạt động ứng dụng CNTT để đảm bảo những hệ thống quản lý thông tin tại trường được xây dựng phù hợp với các yêu cầu, nhiệm vụ; CB, GV, NV đều sử dụng hòm thư với tên miền @hlu.edu.vn; hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện trực tuyến qua hệ thống phần mềm, qua Google Forms (thay cho các phiếu hỏi bản cứng),... Hoạt động khảo sát và xử lý kết quả khảo sát được dễ dàng hơn trong việc thống kê, khai thác, xử lý dữ liệu khi mà dữ liệu đã được Google forms biểu đồ hóa, xuất ra dạng file có thuộc tính xls.

2. Trên cơ sở số liệu khảo sát về chất lượng đội ngũ, CSVC, tình hình việc làm, Nhà trường có căn cứ xây dựng chính sách/Đề án tuyển sinh hàng năm phù hợp hơn; căn cứ báo cáo phân tích kết quả NCKH hằng năm, Nhà trường đã cải tiến chính sách NCKH (rà soát, sửa đổi và ban hành *Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 4/1/2022*); trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát về loại hình và khối lượng các hoạt động PVCĐ qua các năm học, Nhà trường đã cải tiến chính sách hỗ trợ và hoạt động PVCĐ, gia tăng được số lượng và chất lượng hoạt động PVCĐ; bổ sung, cải tiến, tin học hóa công tác văn thư, lưu trữ...

Đối với mỗi lĩnh vực ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường có ban hành các quy trình, hướng dẫn thực hiện cụ thể như:

*Về ĐBCL gồm các quy trình:* Quy trình tự đánh giá CSGD; Quy trình tự đánh giá CTĐT; Quy trình đối sánh chất lượng nội bộ; Quy trình đối sánh chất lượng với các đối tác của Trường; Quy trình rà soát và cải tiến chất lượng; Trình tự các bước thực hiện công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra; Quy trình coi thi tuyển sinh; Quy trình ra đề thi và

chấm thi tuyển sinh.

*Về đào tạo gồm các quy trình:* Quy trình thẩm định, phê duyệt ĐCHP; Quy trình thẩm định, phê duyệt CTĐT theo hệ thống tín chỉ; Quy trình thi và kiểm tra kết thúc học phần (*Quyết định số 452/QĐ-ĐHLHN ngày 10/2/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình thi và kiểm tra kết thúc học phần trên máy (*Quyết định số 2026/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình, thủ tục và phương pháp tiến hành lấy ý kiến thăm dò SV về CL giảng dạy của GV [CHƯA CÓ MINH CHỨNG]; Quy trình tổ chức đăng ký học tập, đánh giá kết quả học tập (*Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình thực tập chuyên môn và bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (*Quyết định số 1199/QĐ-ĐHLHN ngày 26/3/2019 ban hành quy định về thực tập chuyên môn và khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội, Quyết định số 2726/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 về việc ban hành quy định về thực tập chuyên môn đối với sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình về thực hiện khoá luận tốt nghiệp (*Quyết định số 2727/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 về việc ban hành quy định về thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên của Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình về đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ [CHƯA CÓ MINH CHỨNG];..

*Về NCKH có các quy trình:* tuyển chọn đề tài và giáo trình; công bố khoa học; đăng ký sở hữu tài sản trí tuệ [*Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 4/1/2022 về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội*];

*Về công tác SV có các quy trình:* Quy trình xét học bổng SV hệ chính quy, đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy,... [CHƯA CÓ MINH CHỨNG];

*Về công tác nhân sự có các quy trình:* Quy trình tuyển dụng lao động, Quy trình giao mục tiêu và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động (*Quyết định số 03/QĐ-ĐHLHN ngày 4/1/2022 về ban hành Quy chế tiền lương đối với người lao động làm việc theo hợp đồng tại Trường Đại học Luật Hà Nội*); Quy trình xét thu đua – khen thưởng của viên chức, người lao động của trường Đại học Luật Hà Nội (*Quyết định số 2266/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 về ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Luật Hà Nội*); quy trình thực hiện kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ (*Quyết định số 267/QĐ-ĐHLHN ngày 30/1/2015 quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu; Quyết định số 4397/QĐ-ĐHLHN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 267/QĐ-ĐHLHN ngày 30/1/2015 quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu*); quy trình liên quan đến quản lý viên chức, người lao động của Phân hiệu Đắk Lắk (*Quyết định số 2275/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 về việc phân cấp quản lý viên chức, người lao động của Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk*)...

*Các quy trình khác:* Trường cũng đã ban hành quy định về việc soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản hành chính đối với các đơn vị, cá nhân trong Trường (*Quyết định số 3074/QĐ-ĐHLHN ngày 17/8/2022 về ban hành quy định về soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản hành chính của Trường Đại học Luật Hà Nội*); quy trình cung cấp thông tin cho báo chí (*Quyết định số 1411/QĐ-ĐHLHN ngày 24/4/2018 về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Trường Đại học Luật Hà Nội*)... Trường cũng đã có các quy trình quản lý, vận hành, khai thác hệ thống, thiết bị bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an toàn vật lý:

- Hệ thống máy chủ (ứng dụng, cơ sở dữ liệu):

\* *Ứng dụng:*

+ *HYPHER-V, VMWARE*

+ *Windows Server 2012, 2016*

\* *Cơ sở dữ liệu:*

+ *SQL SERVER, MYSQL*

- Các máy trạm có lưu trữ dữ liệu Mật:

+ *03 máy tính không kết nối mạng*

- Hệ thống mạng và thiết bị an toàn mạng:

+ *01 Tường lửa (Firewall)*

+ *17 Chia mạng (Switch Cisco 2960)*

- Thiết bị lưu trữ:

+ *Lưu trữ trên HDD máy chủ (Server), Cloud (Microsoft)*

- Thiết bị camera giám sát; lưu điện; phòng cháy, chữa cháy, điều hòa nhiệt độ phòng máy chủ:

+ *01 Camera IP giám sát*

+ *02 lưu điện (UPS)*

+ *02 bình cứu hỏa*

+ *02 điều hòa (24000 BTU/01)*

- Đảm bảo an ninh trong việc sửa chữa, hủy và thanh lý trang thiết bị:

+ *Xóa, hủy nội dung trước khi thay thế, thanh lý*

\* Trường cũng đã có phân công trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. Sau mỗi năm hoạt động theo kế hoạch, nhà trường chú trọng hơn đến việc xây dựng KH và thực hiện cải tiến. Đồng thời cũng công khai cam kết chất lượng/cải tiến chất lượng giáo dục thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện. CSDL được lưu trữ, sắp xếp có cấu trúc, đảm bảo an toàn dữ liệu đối với từng phần mềm, đảm bảo tính phân quyền, bảo mật tốt và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc của Nhà trường.

3. Thông tin về kết quả học tập của SV giúp Phòng ĐT, các khoa/các CVHT nắm được tiến độ học tập của người học để kịp thời cảnh báo kết quả học tập đối với người học; hỗ trợ trong chuẩn bị các báo cáo cho việc xét, công nhận tốt nghiệp; thông tin về chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV giúp Nhà trường có căn cứ để xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm; kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về CLDH giúp các GV nâng cao chất lượng DH; ý kiến phản hồi của CB, GV, NV và NH về đào tạo, NCKH, PVCĐ, các dịch vụ hỗ trợ giúp nhà trường, các đơn vị chức năng có giải pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng về đào tạo, NCKH và PVCĐ....

Cơ sở dữ liệu được lưu trữ, sắp xếp có cấu trúc, đảm bảo an toàn dữ liệu đối với từng phần mềm, đảm bảo tính phân quyền, bảo mật tốt và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc của Nhà trường.

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:**

##### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường thường xuyên cải tiến về mặt chính sách và quy định để hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong.

- Công nghệ số sớm được sử dụng trong công tác này để đảm bảo tính bảo mật, chính xác và kịp thời trong việc cung cấp thông tin để đưa ra quyết định cho ban lãnh đạo Nhà trường.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cũng được thường xuyên bảo trì để đảm bảo tính liên tục trong vận hành.

- Tinh thần cởi mở, tiếp thu ý kiến đóng góp để liên tục cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.

- Cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ BMNN và ANM ngày càng được quan tâm, đáp ứng theo yêu cầu của các công tác này. Người được phân công phụ trách về công tác bảo vệ BMNN tại Phòng Hành chính – Tổng hợp của Trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tinh thần cảnh giác, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sâu và nắm vững các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN.

##### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ còn chung chung, chưa xác định cụ thể từng hoạt động, các mốc thời gian, nguồn lực đầu tư cần thiết và phân công thực hiện; chưa có hệ thống chung để quản lý thông tin ĐBCL bên trong.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác của Nhà trường còn chưa thực sự tương xứng với khối lượng, yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Việc rà soát, đánh giá hệ thống thông tin ĐBCL bên trong Nhà trường chưa dựa trên các tiêu chí cụ thể nên kết quả đánh giá chủ yếu là định tính, thiếu các số liệu định để giúp việc cải tiến được hiệu quả hơn.



- Hệ thống quản lý thông tin của Nhà trường đang được thực hiện trên các phần mềm khác nhau sử dụng chung mà chưa có phần mềm ĐBCL riêng; chưa xây dựng hệ thống quản lý tích hợp dưới dạng trang quản trị tổng hợp để đảm bảo sự thống nhất trong liên kết dữ liệu, việc trích xuất dữ liệu còn chưa thuận lợi.

- Nhà trường có dữ liệu thống kê các chỉ số chính đối với đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, nhưng chủ yếu là để phục vụ cho công tác báo cáo tổng kết năm học hoặc phục vụ trực tiếp trong thực hiện TĐG và viết báo cáo TĐG mà chưa thực hiện thường xuyên để sử dụng cho việc hỗ trợ các cấp quản lý ra quyết định điều chỉnh chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Trường.

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong Trường chưa đầy đủ và được thực hiện thường xuyên; các ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa được sử dụng (hoặc chưa đầy đủ) để bổ sung, điều chỉnh hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Đối với hệ thống khảo sát trực tuyến và phân tích kết quả khảo sát, việc rà soát các dữ liệu đầu vào được thực hiện dựa trên quy trình thu thập, xử lý thông tin phản hồi các bên liên quan: chưa có quy trình, quy định rõ ràng;

- Việc rà soát để cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL bên trong chưa có tính hệ thống.

- Hệ thống thiết bị kỹ thuật và đội ngũ cán bộ hiện tại về cơ bản đã đáp ứng được phần nào trong yêu cầu về công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin. Tuy nhiên, với tình hình việc mạng bị tấn công với nhiều công nghệ mới thì cần phải có một hệ thống chất lượng cao hơn và đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện có năng lực trình độ cao hơn.

### 3. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 11</b>	4/7
Tiêu chí 11.1	4/7
Tiêu chí 11.2	5/7
Tiêu chí 11.3	3/7
Tiêu chí 11.4	4/7

### Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

**Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng**

Nâng cao chất lượng là mục tiêu mang tính chiến lược của Trường Đại học Luật Hà Nội: Phát triển Trường trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật; trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục

vụ cộng đồng [*Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23/10/2020*]. Với quan điểm tập trung nâng cao chất lượng song song với phát triển quy mô, Trường đã xây dựng hệ thống, chính sách và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường.

Đối với hoạt động đào tạo, chính sách được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030: Tập trung nâng cao chất lượng song song với phát triển quy mô; không ngừng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và khu vực; tăng cường đào tạo tư duy pháp lý và kiến thức thực tiễn cho người học, bảo đảm người học tốt nghiệp đáp ứng được ngay yêu cầu của công việc; hỗ trợ tối đa cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp; đầu tư xây dựng và thu hút đội ngũ giảng viên có chất lượng vượt trội, đặc biệt là đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành, chú trọng nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên trẻ [*Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23/10/2020*]. Hệ thống, quy trình của Trường để vận hành hoạt động này, bao gồm: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 đã xây dựng 15 nhiệm vụ cụ thể với các chỉ tiêu, thời hạn hoàn thành, phân công rõ ràng đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm đạt được [*Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHNLN ngày 30/6/2022*]; các quy chế đào tạo đối với từng trình độ đào tạo phù hợp quy định pháp luật và sự phát triển của Trường [*Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-ĐHNLN ngày 12/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-ĐHNLN ngày 16/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHNLN ngày 15/10/2021*]; quy chế đào tạo trình độ đại học chất lượng cao để thực hiện sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội [*Quy chế đào tạo trình độ đại học ngành Luật chất lượng cao ban hành kèm theo Quyết định số 2.../QĐ-ĐHNLN ngày 12/8/2021*]. Hằng năm, Trường có tổ chức Hội nghị tổng kết năm học, triển khai nhiệm vụ năm học mới để đưa ra các chỉ tiêu phấn đấu [*Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác năm học 2021-2022, triển khai nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023,...*]; Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học để theo dõi kết quả và cải tiến chất lượng [*Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022, 2022-2023*]; Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội [*Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ-ĐHNLN ngày 10/02/2022*]; Quy chế xây dựng, rà soát và cập nhật đề cương học phần của Trường Đại học Luật Hà Nội [*Quy chế xây dựng, rà soát và cập nhật đề cương học phần của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-ĐHNLN ngày 19/5/2022*], bên cạnh đó còn có các quy trình cụ thể: Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần tự luận; Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần vấn đáp; Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần trên máy tính; Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm, Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi tự luận, Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi vấn đáp, Quy trình thanh tra thi. Về nguồn lực thực hiện hoạt động đào tạo, bao gồm đội ngũ nhân lực, trang thiết bị làm việc luôn đáp ứng với quy mô đào tạo của Trường và các chi phí hoạt động được quy

định cụ thể đối với từng nhiệm vụ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [*Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 thay thế Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐHLHN ngày 30/8/2011*]. Có thể khẳng định về hệ thống, chính sách và nguồn lực để thực hiện hoạt động đào tạo của Trường tương đối đầy đủ, phù hợp và đáp ứng mục tiêu chiến lược.

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của Trường, chính sách được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030: Tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng gắn với nhiệm vụ giảng dạy, xây dựng và thực hiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng Trường thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, có năng lực hàng đầu về nghiên cứu khoa học pháp lý, phản biện, đánh giá pháp luật; tăng cường năng lực nghiên cứu của giảng viên, từng bước xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, hình thành trường phái học thuật [*Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020*]. Trường có hệ thống, quy trình để vận hành hoạt động này, bao gồm: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 đã xây dựng 17 nhiệm vụ cụ thể với các chỉ tiêu, thời hạn hoàn thành, phân công rõ ràng đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm đạt được [*Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2022*]; Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 với 04 nhiệm vụ cơ bản và 08 giải pháp chủ yếu [*Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 2392/QĐ-ĐHLHN ngày 14/8/2017*]; Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học của Trường gồm 08 tiêu chuẩn năng lực và 06 tiêu chuẩn đạo đức đối với công chức, viên chức của Trường ĐH Luật Hà Nội khi tham gia hoạt động khoa học [*Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 1970/QĐ-ĐHLHN ngày 02/6/2017*]; Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu quy định về chính sách, thành phần và tiêu chuẩn đối với trường nhóm, thành viên nhóm nghiên cứu của Trường [*Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 01/01/2021*]; Quy chế quy định nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐH Luật Hà Nội [*Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022*]. Trường đã xây dựng các quy định mới về đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, nguồn lực đã được nâng cao đáng kể về nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính. Đội ngũ chuyên viên phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí và trang bị cơ sở vật chất làm việc đã được tăng đáng kể, các khoản chi cho hoạt động NCKH đã thay đổi vượt bậc [*Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 thay thế Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐHLHN ngày 30/8/2011*]. Có thể khẳng định về hệ thống, chính sách và nguồn lực để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường ngày càng bám sát các quy định pháp luật và hoàn thiện hơn làm cơ sở để thực hiện việc xây dựng và đầu tư mạnh các nguồn lực về con người và tài chính cho các nhóm nghiên cứu mạnh và các chương trình nghiên cứu theo định hướng phát triển của Trường, từ đó, số lượng các công bố quốc tế ngày càng

nhiều [*Thống kê công bố quốc tế - Phòng QLKH&TSTC*].

Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường, chính sách được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030: Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng pháp lý thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý chất lượng cao, kết hợp với hoạt động giáo dục, phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. Coi hoạt động phục vụ cộng đồng là một trong ba trụ cột hoạt động của Trường với mục đích vừa truyền bá, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, vừa góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội [*Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030, ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLN ngày 23/10/2020*]. Đồng thời, Trường có hệ thống, quy trình để vận hành hoạt động này, bao gồm: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 đã xây dựng 09 nhiệm vụ cụ thể với các chỉ tiêu, thời hạn hoàn thành, phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm đạt được [*Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLLN ngày 30/6/2022*]; Kế hoạch công tác năm của Trung tâm Tư vấn pháp luật, Phòng Công tác sinh viên xây dựng các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện hoạt động phục vụ cộng đồng [*Kế hoạch công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Trung tâm Tư vấn pháp luật, Phòng Công tác sinh viên*]; Kế hoạch hoạt động Đoàn Thanh niên Trường Đại học Luật Hà Nội hằng năm thực hiện đa dạng các nhóm hoạt động trong đó có hoạt động phục vụ cộng đồng [*Kế hoạch Đoàn Thanh niên năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022*]; Quy trình xét học bổng SV hệ chính quy, Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy... Về nguồn lực thực hiện, Trường luôn quan tâm về nhân lực và cơ sở vật chất đối với hoạt động này để đảm bảo hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường được thực hiện đa dạng và hiệu quả nhất qua từng năm [*Quyết định học bổng đại học chính quy năm 2018, 2019, 2020, 2021; Quyết định miễn giảm học phí đại học chính quy năm 2018, 2019, 2020, 2021; Quyết định hỗ trợ chính sách quy năm 2018, 2019, 2020, 2021; Phê duyệt chi hoạt động tình nguyện các năm 2018, 2019, 2020, 2021; ...*].

Với quan điểm kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo của Trường là nhiệm vụ cấp thiết để đưa ra các phương hướng cải tiến chất lượng đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng của Trường, năm 2012, Trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ I, năm 2018 Trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ II. Hiện nay, Trường đã hoàn thành tự đánh giá, chuẩn bị đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo trình độ đại học, đang tiến hành tự đánh cơ sở giáo dục chu kỳ III. Qua đó, Trường đã thường xuyên cập nhật bổ sung các kế hoạch, quy định, hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Sau khi đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, Trường có kế hoạch khắc phục các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để kịp thời đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [*Kế hoạch khắc phục các tồn tại sau đánh giá ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-ĐHLLN ngày 10/01/2018;*]; hằng năm, Trường chi hơn 1 tỷ đồng cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên để đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm [*Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHLLN ngày //2018; Quyết định số .../QĐ-ĐHLLN ngày //2019; Quyết định số .../QĐ-ĐHLLN ngày //2020; Quyết định*

số .../QĐ-ĐHLHN ngày //2021; Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN ngày //2022; Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020, 2021]; kế hoạch thu hút đội ngũ giảng viên chất lượng cao cũng được triển khai hàng năm để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội [Kế hoạch thu hút .... ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN ngày //2018; ]; kế hoạch ĐBCLGD các năm học được xác định rõ các KPIs, mốc thời gian, phân công rõ ràng các đơn vị thực hiện cho từng lĩnh vực hoạt động của Trường [Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022 ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-ĐHLHN ngày 04/3/2022, Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022-2023 ban hành kèm theo Quyết định số 3731/QĐ-ĐHLHN ngày 27/9/2022]; kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua các Hội nghị Tổng kết năm học và triển khai năm học mới, có đối sánh KPIs thực hiện với các KPIs trong kế hoạch, phân tích nguyên nhân của các tồn tại và xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng; việc rà soát, đánh giá các điều kiện ĐBCL tổng thể cũng được Trường thực hiện qua Báo cáo của các bộ phận và được tổng hợp chung trong Báo cáo tổng kết năm học [Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022].

Nhìn chung, Trường đã quản lý chất lượng theo các kế hoạch, đầy đủ các bước từ việc lập kế hoạch, thực hiện, đến việc rà soát, cải tiến với sự phân công và mốc thời gian, kết quả đạt được. Vì vậy kế hoạch nâng cao chất lượng luôn có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### ***Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập***

Việc đối sánh để biết được các hoạt động đang ở mức độ nào và vị thế của Trường trong xã hội. Chất lượng các hoạt động của Trường ngày càng được nâng cao chính là nhờ vào việc Trường lựa chọn đối tác, so chuẩn và đối sánh. Trong hoạt động mở ngành đào tạo, xây dựng, rà soát cập nhật chương trình đào tạo, Trường đã đưa ra nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn đối tác trong nước là các cơ sở giáo dục công lập tương đồng về ngành đào tạo, quy mô đào tạo, về vị trí địa lý, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, đã được kiểm định hoặc công nhận các điều kiện ĐBCL giáo dục, như Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Luật – Đại học Huế, ... [Biên bản họp Ban xây dựng CTĐT 2018-2019]; nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn đối tác nước ngoài là các cơ sở đào tạo đại học tiên tiến, uy tín trên thế giới và khu vực tương đồng về ngành đào tạo, đã được kiểm định, có quy mô và hiệu quả đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cao hơn về cơ bản so với Trường: (điền tên Trường) [Biên bản họp Ban xây dựng CTĐT 2018-2019]. Trong hoạt động NCKH, Trường đã đưa ra nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn đối tác trong nước là các cơ sở giáo dục trong mạng lưới cơ sở đào tạo luật của Việt Nam. Hàng năm, Trường tổ chức gần 100 hội thảo khoa học đều có sự tham gia của các nhà khoa học thuộc các cơ sở giáo dục trong mạng lưới cơ sở đào tạo luật của Việt Nam (phòng QLKH&TSTC). Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn đối tác nước ngoài là các cơ sở đào tạo đại học uy tín trên thế giới và khu vực tương đồng về ngành đào tạo. Tính đến nay, Trường đã hợp tác và trao đổi nghiên cứu khoa học với ... cơ sở giáo dục đại học quốc tế (phòng HTQT). Trong hoạt động giảng dạy, Trường

đã đưa ra nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn đối tác trong nước là các cơ sở giáo dục công lập tương đồng về ngành đào tạo, quy mô đào tạo và các chuyên gia thực tiễn thuộc Bộ Tư pháp, hệ thống tòa án và các văn phòng Luật uy tín [*Quyết định phê duyệt giảng viên giảng dạy chất lượng cao năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*]. Ngoài ra, Trường thường xuyên thực hiện đối sánh năm sau với năm trước trong các hoạt động đào tạo: tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp; đội ngũ nhân lực và kinh phí đầu tư [*Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*].

Để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác so chuẩn, đối sánh chất lượng trong toàn trường, Trường đã ban hành quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [*Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023*], trong đó quy định rõ các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng đào tạo về khung CTĐT, chuẩn đầu ra, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thi lại, học lại học phần, tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; so chuẩn, đối sánh chất lượng CTĐT về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo toàn khóa, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục về đội ngũ, số lượng CTĐT, kết quả quan hệ quốc tế, kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và kết quả tài chính; so chuẩn, đối sánh chất lượng NCKH về số lượng, chất lượng các đề tài NCKH các cấp, công trình, bài báo...; so chuẩn, đối sánh chất lượng HTQT về số lượng, chất lượng, hiệu quả HTQT trong đào tạo, NCKH; so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng về hiệu quả kết nối, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng lao động; hiệu quả hợp tác, liên kết về đào tạo và NCKH, số lượng hoạt động thiện nguyện; so chuẩn, đối sánh chất lượng tài chính về tỉ lệ thu, chi cho hoạt động đào tạo, NCKH và mức thu học phí. Việc đối sánh đã giúp Trường xác định được những vấn đề cần cải tiến để nâng cao chất lượng [*Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng năm học 2022-2023*].

Căn cứ so chuẩn theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí); Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT (25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí); Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT quy chế đào tạo trình độ đại học, Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; quy định về quản lý hoạt động KHCN, về sử dụng CSVC,... của Bộ GDĐT và của Trường, Trường đã phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện từng bước đối sánh từng nội dung theo hướng dẫn tại Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường [*Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023*] để đề xuất cải tiến, nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động [*Báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục năm 2022*].

Nhìn chung, Trường đã thực hiện so chuẩn, đối sánh đối với các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với đầy đủ các tiêu chí theo quy định. Trong giai đoạn

2022-2025, Trường sẽ hoàn thiện hệ thống vận hành hoạt động so chuẩn đối sánh để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

**Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo**

Trên cơ sở quy định về đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và các tiêu chí lựa chọn đối tác, nội dung đối sánh, Trường đã phân công các đơn vị thực hiện việc so chuẩn và đối sánh chất lượng với Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh theo các nội dung sau: (1) Tỷ lệ tốt nghiệp, (2) Tỷ lệ thôi học, (3) Tỷ lệ thi lại, học lại học phần, (4) Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, (5) Loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, (6) Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học, (7) Loại hình và số lượng các công bố khoa học, (8) Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, (9) Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, (10) Kết quả NCKH và sáng tạo.

Bảng đối sánh về đào tạo:

TT	NỘI DUNG ĐỐI SÁNH	NĂM ĐỐI SÁNH	TRƯỜNG ĐH LUẬT HN	TRƯỜNG ĐH LUẬT TPHCM	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐHQGHN	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐẠI HỌC HUẾ
1	Tỷ lệ tốt nghiệp	2017-2018	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
2	Tỷ lệ thôi học	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
3	Tỷ lệ thi lại	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				

		2021-2022				
4	Tỷ lệ học lại học phần	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
5	Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				

Bảng đối sánh về NCKH của giảng viên:

TT	NỘI DUNG ĐỐI SÁNH	NĂM ĐỐI SÁNH	TRƯỜNG ĐH LUẬT HN	TRƯỜNG ĐH LUẬT TPHCM	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐHQGHN	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐẠI HỌC HUẾ
1	Bài báo, bài hội thảo	2017-2018	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:	SL: Tỷ lệ:
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
2	Đề tài cấp cơ sở	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				



		2021-2022				
3	Đề tài cấp bộ	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
4	Đề tài cấp NN	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
5	Giáo trình, tập bài giảng	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
6	Sách chuyên khảo	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
7	Số lượng đăng ký bản quyền	2017-2018				
		2018-2019				

		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
8	Chi cho hoạt động NCKH	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
9	Thu từ hoạt động NCKH	2017-2018				
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				

Bảng đối sánh về NCKH của người học:

TT	NỘI DUNG ĐỐI SÁNH	NĂM ĐỐI SÁNH	TRƯỜNG ĐH LUẬT HN	TRƯỜNG ĐH LUẬT TPHCM	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐHQGHN	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐẠI HỌC HUẾ
1	Bài báo, bài hội thảo	2017-2018	SL:    Tỷ lệ:	SL:    Tỷ lệ:	SL:    Tỷ lệ:	SL:    Tỷ lệ:
		2018-2019				
		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				
2	Đề tài NCKH	2017-2018				
		2018-2019				

		2019-2020				
		2020-2021				
		2021-2022				

Theo kết số liệu đối sánh ở 3 bảng trên cho thấy Trường đã đạt được những kết quả nhất định. ...

Trên cơ sở kết quả so chuẩn, đối sánh, trong giai đoạn đánh giá Trường đã điều chỉnh, bổ sung khung CTĐT, CDR 01 lần để phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và tình hình thực tiễn của Trường. Đối với công tác tuyển sinh, năm 2018, 2019 Trường chủ yếu thực hiện xét tuyển đại học theo kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia [*Đề án tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020*], từ năm 2020 Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi tốt nghiệp THPT để các cơ sở giáo dục đại học chủ động đánh giá năng lực thí sinh, Trường đã điều chỉnh phương án tuyển sinh theo hướng có 30% chỉ tiêu xét tuyển kết quả học tập THPT (trong đó 80% các trường THPT chuyên, 20% các trường THPT không chuyên) và 70% chỉ tiêu xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT [*Đề án tuyển sinh năm học 2020-2021*], năm 2021 Trường tiếp tục điều chỉnh phương án tuyển sinh theo hướng có 30% chỉ tiêu xét tuyển kết quả học tập THPT (bao gồm chuyên và không chuyên) và 70% chỉ tiêu xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT [*Đề án tuyển sinh năm học 2021-2022*], năm 2022 Trường tiếp tục điều chỉnh phương án tuyển sinh theo hướng có 40% chỉ tiêu xét tuyển kết quả học tập THPT (bao gồm chuyên và không chuyên) và 60% chỉ tiêu xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT [*Đề án tuyển sinh năm học 2022-2023*]. Đối với công tác, qua kết quả đối sánh, Trường đã triển khai công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của SV hàng năm; tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về GV, nội dung môn học/học phần, về hoạt động đào tạo ngay khi chuẩn bị kết thúc học phần, năm học, khóa học nhằm nâng cao CLĐT [*Kế hoạch đánh giá kết quả học tập và rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*]; hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa người học với HT nhằm trao đổi thông tin hai chiều, giúp Hiệu trưởng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của người học, từ đó giúp Trường điều chỉnh quản lý điều hành nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học ngày càng tốt hơn [*Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa người học với HT năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*]. Đối với CTĐT, trên cơ sở kết quả đối sánh, năm 2021 Trường đã rà soát, cập nhật ban hành mới 06 CTĐT trình độ đại học, năm 2022 Trường đã rà soát, cập nhật ban hành mới 13 CTĐT trình độ thạc sĩ, 07 CTĐT trình độ tiến sĩ theo hướng đo lường được chuẩn đầu ra, nội dung các học phần được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu xã hội và nhu cầu của người học [*Quyết định ban hành CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*]. Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, Trường căn cứ kết quả so chuẩn để bổ sung chính sách thu hút đội ngũ có kinh nghiệm thực tiễn, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, GV, chuyên viên và nhân viên [*Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022; Danh sách các lớp đào tạo bồi dưỡng*]. Đối với công tác NCKH và hợp tác quốc tế,

Trường căn cứ kết quả so chuẩn để điều chỉnh các quy định, chính sách nhằm khuyến khích hợp tác quốc tế và nâng cao về số lượng và chất lượng công trình NCKH [*Quy chế quản lý khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2021; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022; Quy chế hợp tác quốc tế*]. Đối với công tác phục vụ cộng đồng, Trường căn cứ kết quả so chuẩn để mở rộng hình thức và quy mô hoạt động hiệu quả hơn [*Quy định hoạt động phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN ngày ...2022*]

Trên cơ sở kết quả so chuẩn, đối sánh, Trường đã có nhiều chính sách khuyến khích cũng như đầu tư cho GV, NCV đổi mới, sáng tạo thể hiện ở các kết quả NCKH và các giải thưởng về NCKH: Tăng mức chi cho công trình NCKH đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCOPUS, ISI và giáo trình, tạp chí thuộc các Trường Đại học uy tín thế giới [*Báo cáo hằng năm về số lượng công trình NCKH đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCOPUS, ISI và giáo trình, tạp chí thuộc các Trường Đại học uy tín thế giới; Báo cáo tài chính về khoản chi cho công trình NCKH đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCOPUS, ISI và giáo trình, tạp chí thuộc các Trường Đại học uy tín thế giới*]; đề nghị khen thưởng, tôn vinh ở nhiều cấp đối với GV của Trường có nhiều thành tích về NCKH [*Quyết định khen thưởng thành tích NCKH các năm 2018, 2019, 2020, 2021*]. Ngoài ra, Trường cũng tổ chức các cuộc thi nhằm thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo trong toàn trường thu hút nhiều giảng viên và sinh viên tham gia: EUREKA, MOOT COURT, Hòa giải viên quốc tế, Trọng tài viên quốc tế, ... [*Quyết định thành lập đội dự thi các năm 2018, 2019, 2020, 2021; Chứng nhận đạt giải...*]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

#### ***Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát***

Theo quy định về hoạt động ĐBCL của Trường, so chuẩn là hoạt động đối chiếu, so sánh cơ sở giáo dục với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc đối chiếu, so sánh một chương trình đào tạo với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đối sánh là hoạt động so sánh Trường hoặc một chương trình đào tạo của Trường với cơ sở giáo dục tương đồng về ngành đào tạo, quy mô đào tạo, vị trí địa lý, ... Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Trường căn cứ vào kết quả đối sánh các hoạt động trên cơ sở các báo cáo công tác quý, năm của các năm trước đó để tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu đồng thời điều chỉnh các quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế để đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường, như ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ, Quy định về tài sản trí tuệ, [*Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021; Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 01/01/2021; Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐH Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022; Quy định về tài sản trí tuệ*]. Về

hoạt động khảo sát nhằm cải tiến chất lượng các mặt hoạt động của Trường, Trường đã ban hành bộ phiếu khảo sát các bên liên quan [*Quyết định số 1601/QĐ-ĐHLHN ngày 25/4/2022 ban hành mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường ĐH Luật Hà Nội*]. Để thực hiện một cách thống nhất và đúng quy định pháp luật, năm 2022 Trường đã ban hành quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục. Quy định này đã xác định rõ việc giám sát, đối sánh kết quả hoạt động cốt lõi của Trường, bao gồm: (i) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động đào tạo; (ii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động NCKH; và (iii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng. [*Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023*].

Trong quá trình thực hiện đối sánh, Trường có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của một số CSGD khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn như Trường ĐH Luật - Đại học Quốc gia Hà nội, trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh... để áp dụng vào điều kiện thực tế tại Trường [*Tiêu chí, thang đo chuẩn của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà nội, trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh*] và ban hành danh mục các tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh chất lượng [*Danh mục các tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh chất lượng ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023*]. Về nội dung so chuẩn, Trường căn cứ Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD-ĐT làm chuẩn mực trong thực hiện nhiệm vụ ĐBCL và nâng cao chất lượng: Thông tư số 08/2021 ban hành Quy chế đào tạo đại học; Thông tư số 18/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ; Thông tư số 23/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học; Thông tư số 17/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng thẩm định, ban hành CTĐT của giáo dục đại học; các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD-ĐT; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ban hành Khung trình độ QGVN... Về đối sánh chất lượng CTĐT, Trường đã xác định và thực hiện 7 nội dung: (1) Mục tiêu đào tạo; (2) Chuẩn đầu ra; (3) Thời gian đào tạo toàn khóa; (4) Khối lượng kiến thức toàn khóa; (5) Đối tượng tuyển sinh; (6) Quy trình đào tạo; (7) Điều kiện tốt nghiệp. Về đối sánh chất lượng CSGD, Trường đã xác định 10 tiêu chí đối sánh chất lượng nội bộ và 16 tiêu chí đối sánh chất lượng với các CSGD khác về các hoạt động đào tạo, NCKH, kết nối và phục vụ cộng đồng [*Phụ lục 8 của Báo cáo TĐG CSGD*]. Việc rà soát được thực hiện thông qua hình thức gửi về các đơn vị hợp góp ý [*Biên bản góp ý của các đơn vị*].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

***Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng***

Trong những năm trước đây, việc so chuẩn và đối sánh của Trường chỉ dừng ở mức so sánh kết quả thực hiện các công tác giữa năm này với năm khác thông qua báo cáo tổng kết năm, sau đó đưa ra chỉ tiêu thực hiện cho năm học mới. Việc xây dựng, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo thực hiện đối sánh về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và một số học phần trong chương trình đào tạo của Trường với

các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo luật tương đương về quy mô, vị trí địa lý trong nước hoặc một số trường uy tín ngoài nước cũng chỉ ở mức độ đối sánh cơ học và đánh giá một cách chủ quan về chất lượng [*Bảng đối sánh kết quả CTĐT ngành Luật, LKT, Luật chất lượng cao, Luật TMQT*]. Về kết quả NCKH, chủ yếu đối sánh trong nước ở mức độ số lượng công trình và kinh phí đầu tư cho NCKH [*Bảng đối sánh kết quả NCKH*]. Về công tác phục vụ cộng đồng, việc đối sánh về lĩnh vực hoạt động, hình thức hoạt động chỉ dừng ở mức độ so sánh số lượng [*Bảng đối sánh kết quả PVCD*]. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các yêu cầu trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD/CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường nhận thấy cách thức đối sánh trước đây không còn phù hợp để xác định và đánh giá chính xác các công tác cải tiến chất lượng của Trường. Năm 2022, Trường đã ban hành quy định về hệ thống ĐBCL bên trong; quy định về tiêu chí lựa chọn so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường nhằm thực hiện việc cải tiến chất lượng của Trường một cách hệ thống và phù hợp với quy định mới, hướng tới đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường [*Quy định về hệ thống ĐBCL bên trong ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023; Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHLHN ngày 10/01/2023*].

Thông qua các kết quả so chuẩn, đối sánh trong thời gian qua, Trường đã có sự đổi mới về nhận thức cải tiến các quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường để đạt được mục tiêu là trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, đóng góp tích cực trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng. Trường đã có những bước đột phá trong công tác cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh là ban hành quy định, quy trình cụ thể để thực hiện nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Chiến lược phát triển Trường và Kế hoạch thực hiện chiến lược đã xác định các nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
- Trường đã ban hành quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với các tiêu chí lựa chọn rõ ràng.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Hoàn thiện các quy định, quy trình nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
- Trường chưa thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL hàng năm.

- Trường chưa thực hiện rà soát thường xuyên Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh.

- Việc thực hiện cải tiến Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chưa thường xuyên, liên tục.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Hoàn thiện các quy định, quy trình nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng ĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, Phòng ĐTSĐH, Phòng QLKH&TSTC, Phòng CTSV.	Năm học 2022-2023	.....
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh hàng năm nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL	Phòng ĐBCLĐT&KT chủ trì, Các đơn vị khác phối hợp	Tháng 8 hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Triển khai kế hoạch rà soát thường xuyên Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh	Phòng ĐBCLĐT&KT chủ trì, Các đơn vị khác phối hợp	Tháng 11 hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện cải tiến Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chưa thường xuyên, liên tục	Phòng ĐBCLĐT&KT chủ trì, Các đơn vị khác phối hợp	Tháng 1 hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Bổ sung các nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng ĐTĐH, ĐTSĐH, Phòng QLKH&TSTC, Phòng CTSV.	Năm học 2022-2023	.....
6	Phát huy điểm mạnh 2	Giám sát thực hiện quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn	Phòng ĐBCLĐT&KT	Năm học 2022-2023	

	và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	chủ trì, Các đơn vị khác phối hợp		
--	---	--------------------------------------	--	--

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 12: 5,0

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 12.1	5/7
Tiêu chí 12.2	5/7
Tiêu chí 12.3	5/7
Tiêu chí 12.4	5/7
Tiêu chí 12.5	5/7

#### **Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học**

##### ***Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của cơ sở giáo dục.***

Trường hiện đang tuyển sinh các trình độ đại học và SDH với các hình thức/CTĐT khác nhau. Tương ứng với mỗi hình thức/CTĐT, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông phù hợp. Về kế hoạch tuyển sinh: Hằng năm, trên cơ sở Quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [ Quy chế, Quy định về tuyển sinh; Kế hoạch tuyển sinh],

Hội đồng Trường thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường và phương hướng tuyển sinh [Nghị quyết của Hội đồng Trường] làm cơ sở để Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào năng lực hiện có và nghiên cứu về các phương thức đánh giá đối tượng người học hướng tới nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển chiến lược [Báo cáo của đơn vị đào tạo với Hội đồng Trường]

Phân tích kết quả tuyển sinh của những năm trước [Bảng đối sánh về kết quả tuyển sinh các năm], Trường xây dựng đề án/phương án tuyển sinh và thông báo xét tuyển cho các trình độ/hình thức đào tạo [Đề án tuyển sinh các năm 2018;2019;2020;2021;2022]. Đề án, kế hoạch tuyển sinh đều nêu rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển, các chính sách ưu tiên và kế hoạch xét tuyển. Với mỗi hình thức đào tạo khác nhau, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông, quảng bá tuyển sinh. Để thực hiện việc tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ này [QH thành lập Hội đồng tuyển sinh, Quyết định thành lập Ban đề thi; Ban coi thi; Ban làm phách bài thi; Ban thư ký trực chấm, Ban chấm thi]. Hội đồng tuyển sinh sẽ cho ý kiến về Đề án/kế hoạch tuyển sinh, trong đó xác định cụ thể các chính sách tuyển sinh. Các chính sách này được bổ sung, và điều chỉnh qua các năm, qua các thời điểm để phù hợp với tình hình thực tế [Quyết định điều chỉnh Đề án tuyển sinh]. Hội đồng tuyển sinh dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sẽ tiến hành họp để xây dựng kế hoạch, phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành đào tạo [Biên



bản họp Hội đồng tuyển sinh]. Trên cơ sở chính sách tuyển sinh được đưa ra trong Đề án/phương án tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh hằng năm theo từng trình độ, hình thức đào tạo được xây dựng chi tiết, có các mốc thời gian cụ thể, xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị. trong đó đơn vị chủ trì là các đơn vị quản lý đào tạo, các đơn vị chức năng phối hợp, các đơn vị chuyên môn và thời gian thực hiện các nội dung liên quan tới tuyển sinh. [Kế hoạch tuyển sinh hằng năm].

Về chính sách tuyển sinh: Nhà trường xây dựng và công bố công khai các chính sách tuyển sinh thông qua Nghị quyết của Hội đồng Trường về tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo/ Đề án/phương án/kế hoạch tuyển sinh, cụ thể bao gồm các nội dung: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác. Các chính sách này tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định của pháp luật có liên quan, các chủ trương của Nhà trường và được điều chỉnh cho phù hợp hằng năm. Đề án/phương án tuyển sinh được thông qua tại Hội đồng tuyển sinh [Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh; Các kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh]. Trong giai đoạn từ năm 2017 trở về trước, Trường tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy chủ yếu dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức. Từ năm 2018 đến nay, Trường tuyển sinh bằng nhiều phương thức khác nhau: Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc trung học phổ thông (xét học bạ); Xét tuyển dựa trên cơ sở kết quả thi THPT; Xét tuyển dựa trên cơ sở chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và các phương thức xét tuyển riêng khác của Trường với số lượng các phương thức ngày càng đa dạng hơn, đảm bảo lựa chọn được thí sinh có chất lượng và phù hợp với từng CTĐT [Đề án tuyển sinh các năm 2018;2019;2020; 2021; 2022].

Về truyền thông tuyển sinh: Kế hoạch truyền thông và tư vấn tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin đến với thí sinh và người học về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan. Truyền thông tuyển sinh được xác định là nhiệm vụ thường xuyên được cải tiến và được thực hiện trên nhiều phương thức, cách thức truyền thông và được thể hiện trên nhiều ấn phẩm truyền thông. Để thông tin tuyển sinh được truyền tải chính xác và rộng rãi với thí sinh cả nước, Trường chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin [Danh sách các kênh thông tin Trường thực hiện ký kết thỏa thuận để truyền thông]. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Công tác sinh viên là các đơn vị chủ trì, phối hợp với Khoa chuyên môn và các Phòng chức năng liên quan trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông cho tuyển sinh đối với các trình độ, loại hình đào tạo [Kế hoạch truyền thông và tư vấn tuyển sinh hằng năm]. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh hằng năm, các Phòng, Khoa chức năng sẽ phối hợp để triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh của các CTĐT qua các kênh thông tin - truyền thông như: tham gia các sự kiện tư vấn ở quy mô quốc gia như Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hằng năm do báo Tuổi trẻ tổ chức [ ]; tham gia các buổi tư vấn, hướng nghiệp do các địa phương tổ chức (như Bắc Ninh, Hải Phòng; Quảng Ninh; Phú thọ; Nghệ an, tại Đại học Bách Khoa Hà Nội – Chương trình do Báo tuổi trẻ tổ chức...). Nhà trường cũng tổ chức tư vấn trực tiếp tại các trường THPT để giới thiệu cho học sinh về các ngành đào tạo của trường cũng như các chính sách tuyển sinh cụ thể [Kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh ở các tỉnh]. Ngoài việc truyền thông và tư vấn trực tiếp, Nhà trường cũng khai thác hiệu quả các kênh tư vấn trực tuyến như

đăng tải thông tin tuyển sinh hàng năm lên các phương tiện truyền thông xã hội như website, fanpage để cập nhật liên tục các thông tin liên quan đến tuyển sinh như: phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian trong Kế hoạch tuyển sinh, các ngành đào tạo, cơ hội nghề nghiệp,...; và thông qua các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá [Các tài liệu quảng bá tuyển sinh].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### ***Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.***

Xây dựng tiêu chí lựa chọn người học là một khâu quan trọng trong hoạt động tuyển sinh của trường. Việc xác định tiêu chí lựa chọn người học được thực hiện hàng năm, trên cơ sở tham mưu của các đơn vị phụ trách đào tạo (Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học), sự đóng góp ý kiến của lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường, các thành viên Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học, trình độ sau đại học [Biên bản cuộc họp lãnh đạo các đơn vị có đề cập đến nội dung về phương thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh; Biên bản các cuộc họp của hội đồng tuyển sinh], cụ thể như sau:

\* Về xác định các tiêu chí:

Trên cơ sở căn cứ vào Mục tiêu đào tạo và CĐR của mỗi CTĐT [Bản mô tả các Chương trình đào tạo của Trường], Trường xác định các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng và phù hợp với từng CTĐT để lựa chọn người học có chất lượng đáp ứng mục tiêu phát triển chiến lược của Trường. Theo quy trình tuyển sinh hàng năm, trước khi công bố Đề án tuyển sinh cho từng trình độ/hình thức đào tạo, các đơn vị quản lý đào tạo sẽ có dự thảo phương án tuyển sinh để trình Hội đồng tuyển sinh thông qua, trong đó xác định các tiêu chí lựa chọn người học cho từng CTĐT trên cơ sở: (1) Nghiên cứu về các phương thức đánh giá đối tượng người học hướng tới; (2) Phân tích kết quả tuyển sinh của những năm trước: Kết quả tuyển sinh hàng năm được tổng kết, đánh giá và báo cáo Bộ GD&ĐT [Báo cáo năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022]; (3) Phân tích nhu cầu của thị trường về ngành nghề đào tạo [Báo cáo của Phòng Công tác sinh viên về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp]; (4) Những quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [Quy chế về tuyển sinh; các hướng dẫn của Bộ GD & ĐT].

Tiêu chí tuyển sinh cơ bản được chia ra làm 3 nhóm bao gồm các tiêu chí về năng lực tư duy, ngoại ngữ và kinh nghiệm. Tùy vào đặc điểm của đối tượng tuyển sinh, các tiêu chí được áp dụng một cách phù hợp. Hội đồng tuyển sinh sẽ họp thảo luận các nội dung trên, thống nhất và trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt để công khai rộng rãi cho thí sinh trên các kênh thông tin chính thức và các kênh thông tin hỗ trợ [Công thông tin điện tử của Trường], [Trang fanpage], [facebook, Zalo, ]. Trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, các quy chế tuyển sinh và đào tạo của Trường, Trường xác định các hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp với từng đối tượng người học và tuân thủ quy định.

\* Các tiêu chí tuyển sinh được Trường công khai rõ ràng đến người học. Hàng năm trên cơ sở Báo cáo thực hiện chỉ tiêu của năm tuyển sinh trước, căn cứ vào các tiêu chí: cơ sở vật chất; nguồn lực đội ngũ giảng viên, chuyên viên, Trường thực hiện việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các trình độ đào tạo, các hình thức đào tạo và công khai các chỉ tiêu tuyển sinh này trên Cổng thông tin của Trường. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh, Trường ban hành các đề án tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy chế, quy định về tuyển sinh của Trường [Báo cáo thực hiện chỉ tiêu và đăng ký chỉ tiêu các năm 2018;2019;2020;2021,2022] [Đề án tuyển sinh các năm 2018;2019;2020;2021, 2022]. Các quy định này đều được công khai trên các cổng thông

tin điện tử của Trường, fanpage của các đơn vị quản lý đào tạo, các Khoa chuyên môn giúp người học tiếp cận nhanh với nguồn thông tin tuyển sinh. Bên cạnh đó, người học cũng có thể tiếp cận thông tin tuyển sinh qua số điện thoại đường dây nóng của từng đơn vị quản lý đào tạo hay thông qua Ngày hội tư vấn tuyển sinh tổ chức tại Trường và tại các địa phương Hải phòng; Quảng Ninh; Bắc Ninh; Hòa Bình, Phú Thọ... . Năm 2017, Trường xét tuyển dựa trên kết quả kì thi THPT Quốc Gia do Bộ GD & ĐT tổ chức.

- Năm 2018, Trường xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kì thi THPTQG năm 2018.

- Trong năm 2019, Trường xét tuyển dựa trên cơ sở xét kết quả học tập bậc THPT của thí sinh các trường chuyên/trường trọng điểm quốc gia và xét kết quả thi THPT năm 2019.

- Trong năm 2020, Trường xét tuyển dựa trên cơ sở xét kết quả học tập bậc THPT của thí sinh các trường chuyên/trường trọng điểm quốc gia và các trường THPT khác và xét kết quả thi THPT năm 2020.

- Trong năm 2021, Trường tuyển sinh theo 4 phương thức: (i) Xét tuyển các thí sinh tham dự kỳ thi tháng/quý/năm cuộc thi “Đường lên đỉnh Olimpia”; (II) Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ); (III) Xét tuyển dựa trên cơ sở kết quả kỳ thi THPT năm 2021; (IV) Xét tuyển dựa trên cơ sở chứng chỉ tiếng Anh quốc tế vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ. Trong đó, Trường dành 40% chỉ tiêu cho phương thức xét kết quả học tập bậc THPT (30% chỉ tiêu dành cho thí sinh thuộc hệ chuyên của trường THPT trọng điểm quốc gia/THPT chuyên theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT và 10% chỉ tiêu dành cho thí sinh các trường THPT khác). Trường dành 60 % chỉ tiêu xét tuyển theo phương thức xét kết quả kỳ thi THPT năm 2021.

- Năm 2022, Trường tiếp tục tuyển sinh theo 4 phương thức: (i) Xét tuyển các thí sinh tham dự kỳ thi tháng/quý/năm cuộc thi “Đường lên đỉnh Olimpia”; (II) Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ); (III) Xét tuyển dựa trên cơ sở kết quả kỳ thi THPT năm 2022; (IV) Xét tuyển dựa trên cơ sở chứng chỉ tiếng Anh quốc tế vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ. Trong đó, Trường dành 2% xét tuyển thẳng, xét tuyển các thí sinh tham dự kỳ thi tháng/quý/năm cuộc thi “Đường lên đỉnh Olimpia”, 49% chỉ tiêu xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập THPT (xét học bạ) (không phân chỉ tiêu riêng của Trường chuyên và Trường THPT khác), 49% chỉ tiêu dành xét tuyển theo phương thức xét kết quả kỳ thi THPT năm 2022. Ngoài ra, Trường thực hiện việc cộng điểm khuyến khích khi xét học bạ đối với thí sinh thuộc hệ chuyên của trường THPT trọng điểm quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT) và cộng điểm khuyến khích với các thí sinh đạt giải các cuộc thi khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, thể thao ... [Đề án tuyển sinh 2018, 2019, 2020, 2021, 2022].

Để đảm bảo chất lượng đầu vào của người học cho từng ngành đào tạo, ngay từ quy trình tuyển sinh, Trường đã lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với từng ngành học, dành các tỷ lệ chỉ tiêu phù hợp cho từng tổ hợp để xét tuyển. Các tổ hợp môn này có tính chất điển hình, yêu cầu thí sinh cần phải đạt để bảo đảm phù hợp khi người học vào học ngành học tương ứng. Hàng năm, Trường Đại học Luật Hà Nội khi xây dựng Đề án tuyển sinh đều xác định rõ về chỉ tiêu cho từng ngành/từng phương thức xét tuyển/từng tổ hợp xét tuyển và công bố để thí sinh được biết [Các phụ lục kèm theo Đề án tuyển sinh]. Cụ thể năm 2021: Bảng : Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 đối với từng ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo TT Tên ngành Chỉ tiêu, Tổ hợp môn xét tuyển 1 theo KQ thi THPT; Theo phương thức khác. Tại Trụ sở chính

Ngành Luật A00 A01 D01.02,03,05,06; Luật Kinh tế quốc tế A00 A01 D01.02,03,05,06; Luật TMQT A01 D01; Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh pháp lý): A01 D01.  
Chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành như sau:  
(Bảng thông kê chỉ tiêu tuyển sinh chi tiết)

- Đối với tuyển sinh đại học liên thông từ cao đẳng hệ vừa làm vừa học Hiện nay Trường đang tuyển sinh các ngành: Luật; Luật kinh tế. Hằng năm, Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh [Thông báo tuyển sinh các lớp vừa làm vừa học văn bằng 1, văn bằng hai]. Đối với tuyển sinh ThS Các tiêu chí để tuyển chọn ứng viên SDH được ban hành rõ ràng [Quy chế tuyển sinh; Thông báo tuyển sinh] .

Các thông tin tuyển sinh SDH cũng được công khai trên các cổng thông tin điện tử của Nhà trường, fanpage của Phòng Đào tạo đại học để người học tiếp cận nhanh với nguồn thông tin tuyển sinh. Bên cạnh đó, người học cũng có thể tiếp cận thông tin tuyển sinh qua số điện thoại đường dây nóng của Phòng Đào tạo sau đại học hay thông qua các chương trình tư vấn tuyển sinh sau đại học,... []. Đối với tuyển sinh NCS Nhà trường hiện tuyển sinh các ngành

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### ***Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.***

Trường thành lập Phòng Thanh tra để thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra và pháp chế trong đó có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng chủ trì tổ chức các hoạt động thanh tra theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng trong phạm vi trách nhiệm quản lý của Hiệu trưởng: thanh tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; việc quản lý tài chính, tài sản, khoa học và công nghệ, công tác tổ chức công chức, viên chức và điều kiện cần thiết khác đảm bảo chất lượng giáo dục [Quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐTĐH]. Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi [Quy trình thanh tra] quy định về nội dung giám sát trong đó công tác tuyển sinh, nhập học và trách nhiệm của các bên liên quan. Quy chế tuyển sinh và đào tạo quy định về kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [Quy chế tuyển sinh các trình độ đào tạo, các hình thức đào tạo]. Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh được Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập trước mỗi kỳ thi hoặc kỳ xét tuyển nhằm thực thi các nhiệm vụ trong công tác tuyển sinh như thi tuyển, chấm thi và xét tuyển. Trưởng Phòng Thanh tra độc lập với Hội đồng tuyển sinh và có nhiệm vụ tham gia giám sát toàn bộ quy trình tuyển sinh và nhập học [Kế hoạch thành tra; Báo cáo kết quả thanh tra]. Đối với tuyển sinh đại học, trong những năm gần đây Trường không tổ chức thi tuyển sinh mà thực hiện xét tuyển đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT và việc xét tuyển được thực hiện trên cơ sở sử dụng kết quả thi THPT, kết quả học tập, trong đó kết quả thi THPT chiếm tỷ trọng cao.

Hàng năm, theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Trường cử Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm tra kỳ thi THPT nhằm đảm bảo chất lượng của kỳ thi, đảm bảo cơ sở chất lượng xét tuyển. Hội đồng tuyển sinh phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Thanh tra thực hiện nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện xét tuyển và nhập học [ Kế hoạch thực hiện kỳ kiểm tra; Quyết định cử viên chức tham gia]. Đối với hoạt động tuyển sinh SDH, xuất phát từ hình thức tổ chức kỳ thi tuyển sinh, Trường thành lập Ban Thanh tra [Quyết định thành lập] theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo với nhiệm vụ điều hành toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát kỳ thi từ khâu ra đề thi cho đến khâu chấm thi, chấm phúc khảo; thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ với ... thi tuyển sinh SDH được quy định rõ tại Quy định đào tạo trình độ ThS của Trường Đại

học Luật Hà Nội. Theo đó, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Ban Thanh tra để thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành. Ban Thanh tra bao gồm: Trưởng ban do Trưởng phòng Thanh tra và các ủy viên là các viên chức phòng Thanh tra và/hoặc viên chức một số đơn vị. Quy trình giám sát thể hiện, Trưởng Ban Thanh tra chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát kỳ thi từ khâu ra đề thi cho đến khâu chấm thi, chấm phúc khảo; thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ thi tuyển sinh SDH [Biên bản và các tài liệu khác của Ban thanh tra qua các kỳ thi].

Bên cạnh đó, trong mỗi kỳ tuyển sinh SDH, Nhà trường đều mời Phòng PA03 - Công an thành phố Hà Nội đến trực tiếp giám sát in, sao đề thi cho kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm đảm bảo việc tổ chức thi được đảm bảo, khách quan và đúng quy chế [Biên bản làm việc] Ban Thanh tra có nhiệm vụ: (i) Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt thi tuyển sinh đại học, SDH do Nhà trường tổ chức tại các địa điểm thi của Nhà trường; (ii) Kiểm tra hồ sơ xét tuyển của thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét tuyển trong Kỳ thi tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy và hình thức vừa làm vừa học; (iii) Kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển. Theo quy trình tuyển sinh, sau khi Ban Thư ký xử lý hồ sơ, Ban Thanh tra sẽ kiểm tra lại kết quả trước khi công bố nhằm đảm bảo tính chính xác tuyệt đối. Kết quả này sẽ được phản hồi lại cho Ban Thư ký, Hội đồng tuyển sinh để kiểm tra, xử lý và đưa ra những đánh giá, phân tích và làm rõ tỷ lệ tuyển sinh, nhập học hằng năm tại Trường. Nhờ làm tốt công tác giám sát trong tuyển sinh, trong giai đoạn đánh giá, công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, không có sai phạm trong công tác tuyển sinh [ ].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

#### ***Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học***

Để giám sát việc tuyển sinh và nhập học, Trường có các biện pháp giám sát như sau:

- Thứ nhất, Trường thực hiện giám sát thông qua đối chiếu việc thực thi với quy định về tuyển sinh và nhập học, đối chiếu quy mô tuyển sinh với chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả về chất lượng tuyển sinh với yêu cầu chất lượng NH của CTĐT. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo đánh giá tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành; điểm trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh, điểm trúng tuyển theo ngành để đánh giá các công tác thanh tra, giám sát nhằm đưa ra phương hướng giám sát tuyển sinh cho năm tiếp theo. [Bảng phân tích đối sánh kết quả tuyển sinh hằng năm] [Báo cáo thực hiện chỉ tiêu hằng năm]. Từ năm 2015 đến nay, Bộ GD&ĐT đã triển khai Hệ thống quản lý thi và tuyển sinh chung cho Hệ đào tạo đại học Chính quy trên cả nước nên thí sinh hoàn toàn đăng ký dự thi, xét tuyển trực tuyến. Với đào tạo SDH, các CTĐT trình độ ThS tuyển sinh theo hình thức thi tuyển đối với thí sinh Việt Nam, xét tuyển đối với thí sinh người nước ngoài (sinh viên Lao, Campuchia theo Hiệp định).

Nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, từ năm 2018, ngoài phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi THPTQG, từ năm 2018 đến năm 2021 Nhà trường sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng (bao gồm xét kết quả học tập THPT cho đối tượng thi học sinh giỏi quốc gia, học sinh giỏi tỉnh/thành phố và hệ chuyên; chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT, kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông). Các phương thức xét tuyển riêng của Trường được thực hiện trước khi thực hiện phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT. Để làm tốt công tác tuyển sinh, Nhà trường luôn định kỳ rà soát và đánh giá nhu

cầu đào tạo cũng như cập nhật các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy trình tuyển sinh.

Số lượng SV, HV, NCS trúng tuyển được giám sát đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đã được thông qua bởi Hội đồng trường và đăng ký với Bộ GD&ĐT. Thực tế cho thấy, Trường Đại học Luật Hà Nội có biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học minh bạch, công khai. Số lượng tuyển sinh qua nhiều năm vẫn đáp ứng đúng, đủ các tiêu chuẩn được giao, phù hợp với năng lực đào tạo. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh và các ban có liên quan được thành lập để giám sát các quy trình thực hiện tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường, các điều kiện đảm bảo cho công tác xét tuyển, đặc biệt việc ban hành các văn bản hướng dẫn xét tuyển theo thẩm quyền của Trường [Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh] [Kế hoạch tuyển sinh]. Trường Phòng Thanh tra độc lập với Hội đồng tuyển sinh tham gia toàn bộ các khâu của quá trình tuyển sinh và nhập học, được cung cấp đầy đủ thông tin về tuyển sinh và nhập học, được quan sát quá trình chạy dữ liệu của phần mềm tuyển sinh/xét tuyển, hậu kiểm... Đối với đào tạo trình độ ThS, TS, Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Ban Thanh tra [Quyết định thành lập] cho các kỳ thi tuyển sinh áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ ThS, TS của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Luật Hà Nội[ ]. Ban Thanh Tra thực hiện giám sát các hoạt động chuẩn bị tuyển sinh và công tác xét tuyển theo quy trình. Ngoài ra, Trường thực hiện họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học trong đó chỉ rõ những kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân. Hàng năm, Nhà trường thực hiện định kỳ giám sát công tác tuyển sinh thông qua các buổi họp tổng kết về công tác tuyển sinh. Các cuộc họp đều có phân tích đánh giá so sánh với năm trước, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, khắc phục những bất cập trong các kỳ tuyển sinh các năm tiếp theo, có các biên bản kết luận của các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh [Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều đánh giá các nội dung tuyển sinh và được cụ thể hóa thành văn bản giao cho Phòng Thanh tra thực hiện kiểm tra và giám sát nhằm đảm bảo khách quan [Kết luận của chủ tịch HĐTS; Biên bản họp HĐTS có sự tham dự của Thanh tra]. Trường thực hiện công khai các quy định, quy trình xét tuyển và nhập học để tăng cường sự giám sát của xã hội và tự giám sát của NH Các tiêu chí xét tuyển rõ ràng, đều được công bố trong đề án tuyển sinh [Công thông tin tuyển sinh của Trường]. Danh sách trúng tuyển của các phương thức xét tuyển đều được công bố công khai theo quy định tại công tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Luật Hà Nội [Công tuyển sinh của Trường]. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch nhập học cho SV, HV và NCS, trong kế hoạch Nhà trường có cụ thể hóa các nội dung như: thời gian nhập học, phân công nhiệm vụ các đơn vị trong ngày nhập học [Kế hoạch đón tiếp sinh viên]. Thực hiện giám sát công tác xét tuyển thông qua Kế hoạch tuyển sinh và các quy trình thực hiện tuyển sinh [ ]. Các quy trình chuẩn bị xét tuyển và công tác xét tuyển bao gồm: Thông báo tuyển sinh (Nội dung, thời gian và hình thức TS, đối tượng tuyển sinh (bao gồm cả đối tượng tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển); quy trình cập nhật công bố thông tin xét tuyển (việc phát, nhận hồ sơ xét tuyển về thời gian, hình thức, các loại giấy tờ xác nhận kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp THPT); Quy trình xác định điểm trúng tuyển (Quy trình xác định điểm trúng tuyển; việc thực hiện quy định nhân hệ số trong xét tuyển; đối tượng ưu tiên, cử tuyển trong tuyển sinh; công khai kết quả xét tuyển, tuyển thẳng, danh sách thí sinh trúng tuyển; triệu tập thí sinh trúng tuyển); Quy trình nhập học thực hiện thông qua việc nhập học và hồ sơ thí sinh trúng tuyển (Các loại giấy tờ theo quy định bắt buộc và giấy tờ ưu tiên khi thí sinh nhập học); việc thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ thí sinh nộp với bản gốc; việc tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, xử lý thí sinh nhập học muộn; việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh

trúng tuyển; việc quy định và tổ chức thu các khoản phí và lệ phí xét tuyển); Quy trình lưu giữ hồ sơ thí sinh trúng tuyển. Quy trình giám sát công tác nhập học được Nhà trường thực hiện như sau: Căn cứ số lượng SV trúng tuyển, sau mỗi buổi nhập học, Phòng Đào tạo đại học và Phòng CTSV phối hợp báo cáo số lượng SV đến nhập học. Phòng Đào tạo đại học có phân công nhiệm vụ rõ ràng trong việc tiếp đón và kiểm tra hồ sơ nhập học của SV. Quy trình nhập học của Phòng ĐTDH được tổ chức qua việc thu và kiểm tra các loại giấy tờ theo quy định bắt buộc và giấy tờ ưu tiên khi thí sinh nhập học; việc thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ thí sinh nộp với bản gốc; việc tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, xử lý thí sinh nhập học muộn; việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển; việc quy định và tổ chức thu các khoản phí và lệ phí xét tuyển [ ]. Đối với tuyển sinh SDH, các quy định về quá trình tổ chức thi tuyển được ban hành nhằm việc tổ chức kỳ thi được diễn ra có tổ chức [Thông báo tuyển sinh]. Căn cứ vào số lượng HV, NCS trúng tuyển, Phòng Đào tạo sau đại học ban hành thông báo nhập học. Khoa SDH chịu trách nhiệm trong việc tiếp đón, hướng dẫn và kiểm tra hồ sơ nhập học của HV, NCS; báo cáo số lượng HV, NCS nhập học sau mỗi buổi nhập học để ra quyết định công nhận HV và NCS [F13.13.04.12]. Đối với các CTĐT trình độ TS, việc giám sát tuyển sinh được tiến hành một cách thuận lợi và minh bạch.

Năm 2021, Nhà trường đã có bước đổi mới trong khâu tuyển sinh. Căn cứ theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký ngày 30/8/2021 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS. Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh, nhập học hàng năm, Nhà trường xem xét lại các mốc thời gian tuyển sinh, nhập học cho SV, HV, NCS xem xét tính hợp lý đúng kế hoạch đề ra, thảo luận và đưa ra điều chỉnh mốc thời gian nếu chưa hợp lý. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều thực hiện hậu kiểm các nội dung tuyển sinh và được cụ thể hóa thành kế hoạch hậu kiểm được thực hiện bởi các đơn vị đầu mối quản lý là Phòng ĐTDH, SDH, với sự giám sát của Phòng Thanh tra nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan trong quá trình tuyển sinh và nhập học [ ].

Trường thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về hoạt động thanh tra, kiểm tra tuyển sinh đại học và tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ GD&ĐT. Các biện pháp giám sát cũng được thực hiện theo chức năng của đơn vị thanh tra và các đơn vị chức năng khác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### ***Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.***

Công tác cải tiến hoạt động tuyển sinh và nhập học được Nhà trường đặc biệt chú trọng và thực hiện liên tục hàng năm, có các giải pháp cải tiến cần thiết, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh và thuận lợi hóa quá trình nhập học, đồng thời, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, Nhà trường đều có tổng kết và đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học cấp Trường và cấp đơn vị nhằm đưa ra những cải tiến, phương hướng, kế hoạch tuyển sinh cho năm tiếp theo [Biên bản lấy ý kiến BHG;HĐTS về Đề án tuyển sinh]. Nhà trường đều có báo cáo đánh giá tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành; điểm trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh [Báo cáo tuyển sinh hàng năm; báo cáo tuyển sinh từng lớp, từng khóa]. Việc tổng kết cũng được tiến hành ở cấp đơn vị (phòng, khoa chức năng...) nhằm bàn các biện pháp đổi mới và nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo [Hội nghị viên chức hàng năm].

Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến hàng năm, thể hiện ở một số điểm như sau: Thứ nhất, rà soát điều chỉnh các quy định liên quan tới tuyển sinh và nhập học, tiêu chí tuyển sinh, hình thức tuyển sinh/xét tuyển [Điều chỉnh ĐATS]. Nhà trường cũng có bước cải tiến về phương thức tuyển sinh. Cụ thể như: ...

Cải tiến quy trình tuyển sinh và nhập học Do tình hình dịch bệnh và việc giãn cách xã hội nên các phương thức nhập học đã được Nhà trường kịp thời thay đổi theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến cho năm học 2021-2022. Văn bản thông báo tuyển sinh luôn được cập nhật trên website và FB, các kênh truyền thông của Nhà trường

Việc ứng dụng công nghệ trong tuyển sinh/xét tuyển. Với tiêu chí thích ứng với thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Nhà trường chú trọng việc sử dụng công nghệ thông tin trong các quy trình nhập học hay cung cấp thủ tục hành chính khác để đẩy mạnh tuyển sinh, nhập học trực tuyến, đưa thông tin đến học sinh, SV và phụ huynh nhanh nhất và chất lượng nhất. Cụ thể, Nhà trường đã xây dựng và hướng dẫn chi tiết cho SV, HV cách thức nhập học trực tuyến (thay vì phải đến tận nơi làm thủ tục như trước) [Các hướng dẫn của Trung tâm CNTT]. Các văn bản hướng dẫn này luôn được cập nhật thông tin kịp thời trên website, fanpage và các công cụ truyền thông khác của từng đơn vị đầu mối và website chung của Nhà trường. ]

Việc cải tiến công tác tư vấn và truyền thông tuyển sinh Công tác truyền thông tuyển sinh luôn được chú trọng và thường xuyên có các giải pháp cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Năm được nhu cầu của NH, Nhà trường cũng đẩy mạnh truyền thông, tích cực thay đổi và tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh các trình độ đào tạo, các buổi tọa đàm, nghiên cứu khoa học thường niên nhằm lan tỏa thông tin về ngành nghề đào tạo, chính sách tuyển sinh đến NH. Trường tăng cường quảng bá, tuyên truyền về chính sách tuyển sinh trực tiếp đến NH: Tham gia các đợt tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp do các đơn vị tổ chức tại các địa phương, tổ chức tư vấn tại các trường THPT, chủ động đưa các thông tin về tuyển sinh lên các kênh phương tiện thông tin đại chúng, biên tập và công bố những câu hỏi thường gặp giúp thí sinh hiểu rõ hơn về quy trình tuyển sinh cũng như những thông tin về ngành nghề, chỉ tiêu và cơ hội làm việc của từng ngành [ ]. Trong thời kỳ dịch bệnh toàn cầu Covid-19, Nhà trường đã phát triển và đẩy mạnh các kênh thông tin trên các phương tiện truyền thông như website, mạng xã hội, fanpage... tuyển sinh trực tuyến thay vì các kênh truyền thống trực tiếp. Liên tục cập nhật, kịp thời thay đổi để phù hợp hơn, tiếp thu ý kiến của các SV để nâng cao, điều chỉnh công tác tuyển sinh, đón tiếp SV phù hợp [ ].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:**

#### ***1.Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Trường luôn quan tâm, cải thiện công tác tuyển sinh và nhập học đáp ứng sự thay đổi của bối cảnh, tình hình mới. Công tác này được quy định và thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận và thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng theo đúng quy chế tuyển sinh và đào tạo. Bên cạnh đó, Trường cũng sử dụng nhiều phương tiện, phương pháp để quảng bá, truyền thông cho hoạt động tuyển sinh nhằm mở rộng nguồn tuyển.

- Trường đã xây dựng được quy trình giám sát tuyển sinh và nhập học cho SV, HV một cách rõ ràng, cụ thể. Công tác triển khai được thực hiện đúng tiến độ và mục tiêu đề ra.

- Tiêu chí xét tuyển thường xuyên được rà soát, đổi mới; thường xuyên lấy ý kiến của SV, HV nhằm nâng cao, điều chỉnh công tác tuyển sinh, nhập học để phù hợp với nhu cầu và tình hình hiện tại.



- Đa dạng hóa hình thức, phương thức tuyển sinh các hệ đào tạo, thu hút và tuyển sinh chọn được thí sinh đạt giải quốc tế, quốc gia, các học sinh xuất sắc ở các trường chuyên trong cả nước
- Với việc đa dạng hóa phương thức xét tuyển giúp cho Trường không bị động trong công tác tuyển sinh, tuyển sinh được các thí sinh có chất lượng tốt, phù hợp với các chương trình từ khắp cả nước.
- Thời gian tuyển sinh các phương thức của Trường linh hoạt, kéo dài từ đầu năm đến cuối năm giúp phụ huynh và thí sinh có thể lựa chọn, đăng ký xét tuyển nhiều phương thức tuyển sinh của Trường. Điều này góp phần giảm căng thẳng cho phụ huynh, thí sinh trong việc xét tuyển, thích ứng với bối cảnh dịch bệnh Covid-19. - Với việc tổ chức xét tuyển phương thức kết hợp chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế, Nhà trường đã tuyển được thí sinh xuất sắc theo học các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.
- Hệ thống xét tuyển và nhập học trực tuyến của trường hỗ trợ cho thí sinh ở các vùng miền tiếp cận thông tin và thực hiện xét tuyển trực tuyến, cũng như nhập học trực tuyến.
- Công tác truyền thông tuyển sinh được đẩy mạnh dựa vào công nghệ thông tin và kết nối internet như qua mạng xã hội, báo điện tử, email... - Công tác tuyển sinh triển khai tuân thủ đúng các quy định hiện hành, theo đúng kế hoạch và mục tiêu đề ra.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Quy định liên quan tới giám sát công tác tuyển sinh hiện đang được thể hiện trong nhiều văn bản của Trường. Do đó, cần có văn bản hợp nhất, nhất là quy định về quy trình giám sát để thuận lợi cho triển khai nội dung giám sát.

## **3. Kế hoạch cải tiến:**

- Hợp nhất văn bản về giám sát tuyển sinh và nhập học
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức đánh giá năng lực để tìm kiếm các công cụ đánh giá phù hợp nhằm tuyển chọn thí sinh một cách hiệu quả Phòng Thanh tra, Phòng ĐTDH, Phòng Đào tạo Sau đại học thường xuyên phát huy điểm mạnh
- Tiếp tục triển khai quy trình giám sát tuyển sinh và nhập học có hiệu quả Phòng Thanh tra
- Thường xuyên phát huy điểm mạnh
- Không ngừng cải thiện công tác tuyển sinh và nhập học.
- Tăng cường, đa dạng hóa các kênh thu thập ý kiến của SV và HV.
- Tăng cường tham khảo ý kiến của các trường khác, các doanh nghiệp, địa phương nhằm kịp thời đổi mới công tác tuyển sinh. Đơn giản hóa các thủ tục tuyển sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyển sinh và nhập học
- Thời gian tuyển sinh linh hoạt giúp thí sinh có thể chọn thời điểm xét tuyển phù hợp với năng lực của đơn vị quản lý đào tạo

## **Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<i>Tiêu chí 13.1</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 12.2</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 13.3</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 13.4</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 13.5</i>	<i>6/7</i>

## **Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học**

**Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.**

Với quan điểm phát triển được khẳng định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 là “tập trung nâng cao chất lượng song song với phát triển quy mô: không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và khu vực; tăng cường đào tạo tư duy pháp lý và kiến thức thực tiễn cho người học, bảo đảm người học tốt nghiệp đáp ứng được ngay yêu cầu của công việc”, nhà trường đã chú trọng các hoạt động xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan [MC: Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Hà Nội đến năm 2030].

Nhà trường đã ban hành 29 CTĐT trong đó có 9 CTĐT trình độ đại học, 7 CTĐT trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, 6 CTĐT trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng và 7 CTĐT trình độ tiến sĩ. *09 CTĐT trình độ đại học bao gồm:* (1) Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật; (2) Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chất lượng cao ngành Luật; (3) Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế; (4) Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chất lượng cao ngành Luật Kinh tế; (5) Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật thương mại quốc tế; (6) Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh; (7) Chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học Arizona Hoa Kỳ năm 2020 (đã được thay thế); (8) Chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học Arizona Hoa Kỳ năm 2022 ; (9) Chương trình đào tạo đại học ngành Luật dành cho cán bộ pháp chế bộ ngành. Trong đó, CTĐT trình độ đại học hệ chất lượng cao ngành Luật Kinh tế mới được ban hành và bắt đầu tuyển sinh từ 2022 [MC: Quyết định 2260/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật, QĐ 2261/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật CLC, QĐ 2262/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành LKT, 2263/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành LTMQT, QĐ 2677/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh, QĐ 2264/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học dành cho cán bộ pháp chế bộ ngành; QĐ 1145/QĐ-ĐHLHN ban hành CTĐT trình độ đại học ngành LKT hệ CLC; QĐ số 151/QĐ-ĐHLHN ngày 21/1/2020 ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật liên kết đào tạo với Đại học Arizona của Hoa Kỳ; QĐ số 393a/QĐ-ĐHLHN ngày 28/1/2022 ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật liên kết đào tạo với Đại học Arizona của Hoa Kỳ]. *07 CTĐT trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu bao gồm:* (1) CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu; (2) CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu; (3) CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính theo định hướng nghiên cứu; (4) CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu; (5) CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lý

luận và lịch sử nhà nước & pháp luật theo định hướng nghiên cứu; (6) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Quốc tế theo định hướng nghiên cứu và (7) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng nghiên cứu [MC: Quyết định số 2633/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Kinh tế theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2634/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật HS và TTHS theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2635/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật HP và LHC theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2636/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành LDS và TTDS theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2637/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành LL và LSNNPL theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2638/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Quốc tế theo định hướng nghiên cứu; Quyết định số 2639/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành TPH và PNTP theo định hướng nghiên cứu;].

*06 CTĐT trình độ thạc sỹ theo định hướng ứng dụng bao gồm:* (1) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng; (2) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng ứng dụng; (3) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính theo định hướng ứng dụng; (4) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự theo định hướng ứng dụng; (5) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật Quốc tế theo định hướng ứng dụng và (6) CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng ứng dụng [MC: Quyết định số 2640/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành TPH và PNTP theo định hướng ứng dụng; Quyết định số 2641/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật quốc tế theo định hướng ứng dụng; Quyết định số 2642/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng; Quyết định số 2643/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật HS và TTHS theo định hướng ứng dụng; Quyết định số 2644/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật HP và LHC theo định hướng ứng dụng; Quyết định số 2645/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ ngành Luật DS và TTDS theo định hướng ứng dụng];

*Bảy CTĐT trình độ tiến sỹ bao gồm:* (1) CTĐT trình độ Tiến sỹ ngành Luật kinh tế; (2) CTĐT trình độ Tiến sỹ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự; (3) CTĐT trình độ Tiến sỹ ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính; (4) CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; (5) CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước & pháp luật; (6) CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Luật Quốc tế và (7) CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm [MC: Quyết định số 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Quyết định số 2627/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành LDS và TTDS; Quyết định số 2628/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành LHS và TTHS; Quyết định số 2629/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành TPH và Phòng ngừa TP; Quyết định số 2630/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành LL và LSNNPL; Quyết định số 2631/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Luật Kinh tế; Quyết định số 2632/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 ban hành CTĐT trình độ tiến sỹ ngành Luật Quốc tế].

\*Nhà trường có hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan, có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển các CTĐT được nhà trường phân công cho đơn vị chủ trì là Phòng Đào tạo đại học (đối với các CTĐT trình độ đại học), Phòng Đào tạo Sau đại học (đối với các CTĐT trình độ sau đại học) và đơn vị phối hợp là các khoa chuyên môn [MC: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường năm 2020]; [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng đào tạo đại học năm 2021]; [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đào tạo sau đại học]; [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa chuyên môn]

Nhà trường thực hiện xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT dựa trên căn cứ pháp lý là các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định/hướng dẫn của nhà trường, cụ thể gồm: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; QĐ 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [MC: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017; QĐ 1982/2016 Khung trình độ QGVN; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT].

Trên cơ sở này, nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về xây dựng và phát triển CTĐT [MC: Văn bản sẽ ban hành: Quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học:]. Trường cũng ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy; Công văn hướng dẫn quy trình rà soát cập nhật CTĐT; Kế hoạch đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng; Công văn hướng dẫn quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ [MC: Kế hoạch số 4578/KH-ĐHLHN ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội]; [MC: Công văn số 4579/ĐHLHN-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật các CTĐT] [MC: Kế hoạch số 3524/KH-ĐHLHN ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội về rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ]; [Công văn số 1715/ĐHLHN-ĐT ngày 6 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về hướng dẫn quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ].

Trường thành lập Ban rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học [MC: Quyết định số 582/QĐ-ĐHLHN ngày 26/2/2021 về thành lập Ban rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học], thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [MC: Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN ngày / /2021 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Trong các quy định/quy trình này, nhà trường phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện, cụ thể như sau:

- Ban rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo/ Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo được thành lập để trực tiếp điều hành hoạt động xây dựng và phát triển CTĐT. Các Ban/Hội đồng rà soát, cập nhật gồm đại diện lãnh đạo: trường, khoa chuyên môn, phòng đào tạo đại học, phòng đào tạo sau đại học, Phòng đảm bảo chất lượng đào tạo & khảo thí và các chuyên gia có chuyên môn sâu và kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo lĩnh vực có liên quan [MC: Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội]
- Phòng Đào tạo đại học chủ trì các hoạt động xây dựng, rà soát, cập nhật, chỉnh lý các chương trình đào tạo trình độ đại học. Năm 2019 – 2021, thực hiện rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và ban hành mới 9 CTĐT trình độ đại học, Phòng đào tạo đại học và Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí (đồng chủ trì) đã xây dựng kế hoạch rà soát, xây dựng các biểu mẫu, triển khai các hoạt động rà soát, thẩm định, đánh giá CTĐT đến các khoa chuyên môn, tổng hợp kết quả rà soát, tổng hợp và hoàn chỉnh các Dự thảo CTĐT trình Hội đồng khoa học và đào tạo của trường [[MC: Kế hoạch số 4578/KH-ĐHLHN ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội];[Các Biểu mẫu rà soát do Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo cung cấp để ban hành 6 CTĐT đại học năm 2021];
- Phòng Đào tạo sau đại học chủ trì các hoạt động xây dựng, rà soát, cập nhật, chỉnh lý các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Năm 2022, phòng Đào tạo sau đại học đã chủ trì thực hiện đánh giá, cập nhật, chỉnh sửa và trình ban hành mới 13 CTĐT trình độ thạc sĩ, 7 CTĐT trình độ tiến sĩ. Các nhiệm vụ đã thực hiện gồm: xây dựng kế hoạch rà soát, xây dựng các biểu mẫu, triển khai các hoạt động rà soát, thẩm định, đánh giá CTĐT đến các khoa chuyên môn, tổng hợp kết quả rà soát, tổng hợp và hoàn chỉnh các Dự thảo CTĐT trình Hội đồng khoa học và đào tạo của trường [MC: Kế hoạch số 3524/KH-ĐHLHN ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội về rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng]; [Các Biểu mẫu rà soát do Phòng đào tạo sau đại học cung cấp để ban hành 20 CTĐT sau đại học năm 2022 **CHƯA CÓ**];

- Các khoa chuyên môn có nhiệm vụ phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo đại học trong xây dựng và phát triển các CTĐT theo phân công. Với vai trò phối hợp, khoa chuyên môn chỉ đạo các bộ môn thực hiện rà soát toàn bộ các học phần thuộc CTĐT, đánh giá về: Cấu trúc CTĐT, mức độ đáp ứng CDR của học phần, mục tiêu của CTĐT, hình thức tổ chức dạy và học, hình thức kiểm tra đánh giá... [MC: [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa chuyên môn]; [Biên bản họp bộ môn, Biên bản họp Khoa/Hội đồng khoa về rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các CTĐT đại học]; [Biên bản họp Khoa/Hội đồng khoa về rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ]. Trong trường hợp cụ thể, nhà trường phân công khoa chuyên môn đồng chủ trì với Phòng Đào tạo đại học để xây dựng và phát triển CTĐT thuộc lĩnh vực chuyên ngành do khoa chuyên môn phụ trách. [MC: [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa chuyên môn]; [Kế hoạch số 2390/KH –ĐHLHN ngày 7/7/2021 về Triển khai xây dựng đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật Kinh tế]
- Hội đồng khoa học và đào tạo của trường thực hiện thẩm định, đánh giá và cho ý kiến về các đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Hội đồng khoa học và đào tạo của trường đóng vai trò là hội đồng thẩm định cuối cùng trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành CTĐT [Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo cho ý kiến và thông qua CTĐT đại học]; [Biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo cho ý kiến và thông qua CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ].

Trong chu kỳ đánh giá (2017 – 2022), nhà trường không mở thêm mã ngành đào tạo mới nhưng có mở hệ đào tạo chất lượng cao thuộc ngành Luật Kinh tế và ban hành mới CTĐT trình độ đại học chất lượng cao ngành Luật kinh tế, tuyển sinh từ tháng 9 năm 2022 [MC: Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật kinh tế hệ đại học chính quy; [CTĐT trình độ đại học CLC ngành LKT]; [Công văn 1568/BGD&ĐT – GDDH ngày 22/4/2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc xác nhận đề án đào tạo CLC ngành LKT của Trường Đại học Luật Hà Nội]. CTĐT trình độ đại học CLC ngành LKT được xây dựng dựa trên các cơ sở pháp lý là Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018; Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 6249/QĐ-BGDĐT ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Luật Hà Nội đào tạo ngành luật kinh tế trình độ đại học hệ chính quy. [MC: Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018; Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016;

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 6249/QĐ-BGDĐT ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Luật Hà Nội đào tạo ngành luật kinh tế trình độ đại học hệ chính quy].

Quy trình ban hành mới CTĐT được thực hiện gồm các bước:

1. Thành lập Hội đồng/Ban xây dựng CTĐT, Ban hành Kế hoạch xây dựng đề án và CTĐT
2. Khảo sát và xác định nhu cầu và yêu cầu của người sử dụng lao động
3. Xác định mục tiêu của CTĐT và CDR của CTĐT
4. Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT và dự thảo CTĐT đảm bảo đáp ứng mục tiêu và CDR
5. Đối sánh CTDH khác của cơ sở giáo dục và Cơ sở đào tạo khác
6. Thiết kế ĐCHP theo CTĐT
7. Tổ chức Hội thảo để nghe ý kiến của chuyên gia trong và ngoài CSGD và các bên liên quan
8. Hoàn thiện Dự thảo CTĐT dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan
9. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định CTĐT (đối với các CTĐT áp dụng theo TT 17/TT-BGD&ĐT)
10. Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường cho ý kiến
11. Chính sửa Dự thảo CTĐT theo ý kiến của HĐ khoa học và Đào tạo, trình Hiệu trưởng ký ban hành
12. Đánh giá, cập nhật CTĐT

Quy trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT được thực hiện với các bước chính:

1. Thành lập Hội đồng/Ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT
2. Ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT và văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện, Phổ biến, tập huấn và phát hành các biểu mẫu
3. Khảo sát ý kiến của các bên liên quan
4. Rà soát, đánh giá các học phần tại Bộ môn, khoa chuyên môn
5. Đối sánh với CTDH hiện hành và của cơ sở đào tạo khác
6. Tổ chức Hội thảo để nghe ý kiến của chuyên gia trong và ngoài CSGD và các bên liên quan
7. Hoàn thiện Dự thảo CTĐT dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các chuyên gia và của các bên liên quan
8. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định CTĐT (đối với các CTĐT áp dụng theo TT 17/TT-BGD&ĐT)
9. Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường cho ý kiến
10. Chính sửa Dự thảo CTĐT theo ý kiến của HĐ khoa học và Đào tạo, trình Hiệu trưởng ký ban hành

Năm 2022, Trường đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội và ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. [MC Quyết định số 1181/2022/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ]; [MC: Kế hoạch số 1182/KH-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 về khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Trên cơ sở quy định này, Trường đã có hệ thống gồm quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp...) phục vụ phát triển CTDH và ĐCHP. Quy định đã ghi nhận cụ thể về phạm vi khảo sát, lấy ý kiến phản hồi theo từng lĩnh vực hoạt động; nội dung, hình thức và quy trình lấy ý kiến phản hồi. Theo đó, quy trình khảo sát được thực hiện theo 7 bước cơ bản:

Bước 1: Xây dựng và ban hành kế hoạch khảo sát, bộ công cụ khảo sát;

Bước 2: Họp triển khai hoạt động khảo sát;

Bước 3: Tổ chức khảo sát theo kế hoạch;

Bước 4: Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát; viết báo cáo khảo sát trình Hiệu trưởng phê duyệt; công bố kết quả khảo sát;

Bước 5: Tổ chức họp tổng kết, rút kinh nghiệm; đề xuất giải pháp hoàn thiện chất lượng; xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá;

Bước 6: Triển khai, theo dõi, giám sát, đôn đốc và báo cáo kết quả các hoạt động cải thiện chất lượng với Hiệu trưởng

Bước 7: Thực hiện lưu trữ hồ sơ, minh chứng theo đúng quy định của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

Trường đã triển khai hiệu quả hệ thống này để thu thập đầy đủ cơ sở dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy; đã dùng kết quả phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH, xây dựng và hoàn thiện ĐCHP. Phòng Công tác sinh viên là đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách triển khai hệ thống này cùng với sự phối hợp của Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí và các khoa chuyên môn. Căn cứ vào tình hình thực tế trong quá trình triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Trường quyết định hình thức lấy ý kiến phản hồi theo những hình thức: Khảo sát trực tuyến; Khảo sát trực tiếp qua phiếu; Phỏng vấn trực tiếp, gọi điện thoại hoặc hình thức khác do Hiệu trưởng quyết định. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan là căn cứ điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh ĐCHP nhằm không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, đào tạo của Trường.

\*Nhà trường có hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.



Việc ban hành các môn học/học phần nằm trong quy trình ban hành CTDH/CTĐT (như đã mô tả). Trên cơ sở CTDH/CTĐT đã được ban hành, trường thực hiện quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương môn học/học phần. Bộ môn, khoa chuyên môn được giao tổ chức biên soạn và phê duyệt ĐCHP [MC: QĐ số 2036/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Khoa chuyên môn]. Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí có nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn các bộ môn xây dựng ĐCHP, thẩm định và quản lý hệ thống ĐCHP thuộc các CTĐT của trường, phối hợp rà soát học liệu trong quá trình xây dựng, thẩm định ĐCHP [MC: QĐ số 2707/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí]. Ý kiến phản hồi của người học, người sử dụng lao động, của giảng viên, của chuyên gia được tiếp thu để xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy học/đề cương môn học/học phần. Ngoài các hình thức khảo sát (như đã mô tả), các hội thảo, đề tài khoa học cấp trường, các cuộc họp chuyên môn cũng là những kênh phản hồi hiệu quả ý kiến từ người dạy, từ chuyên gia, từ người học, người sử dụng lao động [[MC: Bản Tổng hợp và giải trình ý kiến của cựu sinh viên; MC: Bản Tổng hợp và giải trình ý kiến của sinh viên sắp tốt nghiệp; MC: Bản Tổng hợp và giải trình ý kiến của người sử dụng lao động; Bản Tổng hợp và giải trình ý kiến của khoa chuyên môn]MC: Bản Tổng hợp và tiếp thu ý kiến tại Hội thảo cấp khoa rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2020]; [ Biên bản Hội thảo cấp trường về rà soát, chỉnh sửa CTĐT trình độ đại học năm 2020]; Bản Tổng hợp và tiếp thu ý kiến tại Hội thảo cấp trường về rà soát, chỉnh sửa CTĐT ]; [ Ý kiến 2 chuyên gia về ĐCHP chương trình CLC ngành LKT]; [Đề tài khoa học cấp trường “Đào tạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại tại Trường Đại học Luật Hà Nội” năm 2020 ] [Đề tài khoa học cấp trường “Hoàn thiện nội dung và phương pháp giảng dạy môn học Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Trường Đại học Luật Hà Nội” năm 2021]; [Biên bản họp Bộ môn về xây dựng, chỉnh sửa ĐCHP]. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh sửa ĐCHP nói riêng và CTDH nói chung.

**Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.**

**Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.**

(14.2. Có 2 tiêu chí: có hệ thống xây dựng và có hệ thống rà soát điều chỉnh → CHƯA TÌM ĐƯỢC ĐỦ MC lúc XD NÊN VIẾT GỘP)

Nhà trường thực hiện xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CDR của CTĐT và các môn học/học phần dựa trên căn cứ pháp lý là các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định/hướng dẫn của nhà trường, cụ thể gồm: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ; Công văn số 2196/BGDĐT-GD&DH ngày 22/4/2010 hướng dẫn xây dựng và công bố CDR các ngành đào tạo; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở

ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; QĐ 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 mở ngành trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ; [MC: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017; QĐ 1982/2016 Khung trình độ QGVN; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010; Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017;].

Trên cơ sở này, nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần. [MC: Văn bản sẽ ban hành ]. Bên cạnh đó trường đã ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần; Công văn hướng dẫn quy trình rà soát cập nhật CĐR; [MC: Kế hoạch số .../KH-ĐHLHN ngày tháng năm .. của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR CTĐT trình độ đại học,] Kế hoạch số .../KH-ĐHLHN ngày tháng năm .. của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR CTĐT trình độ thạc sỹ theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng; [MC: Công văn số ..../ĐHLHN-ĐT ngày ..tháng .. năm ... của hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT đại học,] [Công văn số .../ĐHLHN-ĐT ngày tháng năm ... hướng dẫn quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ]. **CHƯA TÌM THẤY**

Trường thành lập Ban rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ [MC: Các Quyết định số .../QĐ-ĐHLHN ngày / /2021 về việc thành lập ban/hội đồng xây dựng CĐR chương trình đào tạo đại học, thạc sỹ, tiến sỹ] **CHƯA TÌM THẤY**. Trong các quy định này, nhà trường phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện, cụ thể như sau:

- Ban/Hội đồng rà soát, cập nhật, sửa đổi, ban hành CĐR của chương trình đào tạo được thành lập để trực tiếp điều hành hoạt động xây dựng, điều chỉnh, cập nhật, sửa đổi, ban hành CĐR của CTĐT. Thành phần của các Ban/Hội đồng này gồm đại diện lãnh đạo: trường, khoa chuyên môn, phòng đào tạo đại học, phòng đào tạo sau đại học, Phòng đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí và các chuyên gia có chuyên môn sâu và kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo lĩnh vực có liên quan;
- Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí chủ trì, phối hợp với các đơn vị giám sát chất lượng CĐR các chương trình đào tạo, lập Biểu mẫu để hướng dẫn các Bộ môn đánh giá CĐR học phần, lập ma trận [MC: Quyết định 2107/QĐ-ĐHLHN ngày 11/8/2021 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí]
- Khoa chuyên môn chủ trì hoặc phối hợp với Phòng đào tạo đại học, Phòng đào tạo sau đại học xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT [MC: QĐ số 2636/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của các Khoa thuộc trường]

- Hội đồng khoa học và đào tạo của trường thực hiện thẩm định, đánh giá và cho ý kiến về các đề xuất xây dựng, điều chỉnh CDR các CTĐT. Hội đồng khoa học và đào tạo của trường đóng vai trò là hội đồng thẩm định cuối cùng trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành CTĐT.

Quy trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh CDR được thực hiện với các bước chính:

1. Thành lập Hội đồng/Ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CDR
2. Ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CDR và văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện
3. Phổ biến, tập huấn và phát hành các biểu mẫu
4. Rà soát, đánh giá CDR tại Bộ môn/khoa chuyên môn
5. Đối sánh với CDR của các CTĐT khác
6. Khảo sát ý kiến của các bên liên quan
7. Tổ chức Hội thảo để nghe ý kiến của chuyên gia trong và ngoài CSGD và các bên liên quan
8. Hoàn thiện Dự thảo CDR dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các chuyên gia và của các bên liên quan
9. Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường thẩm định, cho ý kiến
10. Chỉnh sửa Dự thảo CDR theo ý kiến của HĐ khoa học và Đào tạo, trình Hiệu trưởng ký ban hành

Trong chu kỳ đánh giá, trường đã rà soát và ban hành 27 CDR các CTĐT, trong đó có 7 CDR của CTĐT trình độ đại học, 13 CDR của CTĐT trình độ thạc sỹ và 7 CDR của CTĐT trình độ tiến sỹ [MC: Quyết định 3773/QĐ-ĐHLHN ngày 9/10/2019 công bố CDR trình độ đại học của 6 CTĐT, [CTĐT ARIZONA không có QĐ riêng về CDR][ Quyết định số 603/QĐ-ĐHLHN ngày 1/3/2022 ban hành CDR trình độ ĐH CTĐT chất lượng cao ngành Luật Kinh tế ; [13 QĐ ban hành CDR của CTĐT thạc sỹ năm 2020]; [ 7 Quyết định ban hành CDR của CTĐT trình độ tiến sỹ năm 2020].

Trường thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan làm căn cứ cập nhật, chỉnh sửa CDR các CTĐT. Năm 2022, Trường đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội và ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. [MC: Quyết định số 1181/2022/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội ]; [MC: Kế hoạch số 1182 ngày 21 tháng 3 năm 2022 khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Trên cơ sở quy định này, Trường đã có hệ thống gồm quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp...) phục vụ phát triển CTDH và ĐCHP. Quy định đã ghi nhận cụ thể về phạm vi khảo sát, lấy ý kiến phản hồi theo từng lĩnh vực hoạt động; nội dung, hình thức và quy trình lấy ý kiến phản hồi. Theo đó, quy trình khảo sát được thực hiện theo 7 bước cơ bản (như đã mô tả tại TC 14.1).

CDR được xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa dựa trên quá trình đánh giá, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát, hội thảo [dùng Bộ MC tự đánh

**giá CTĐT CLC ngành Luật:** Biên bản tham khảo ý kiến của các BLQ thông qua các cuộc khảo sát, hội thảo; Biên bản tổng hợp ý kiến của nhóm chuyên gia; Biên bản Hội thảo “Góp ý xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành luật – chương trình đào tạo chất lượng cao của Trường Đại học Luật Hà Nội” ngày 31/5/2019]; Phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan]; [Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các bên liên quan]; Biên bản Hội thảo góp ý chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành LKT năm 2019, Biên bản Hội thảo góp ý chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành TMQT năm 2019]; Bản Tổng hợp giải trình ý kiến của khoa chuyên môn]; Bản Tổng hợp giải trình ý kiến của người sử dụng lao động]; Bản Tổng hợp giải trình ý kiến của cựu sinh viên]; → CÁC MC NÀY LẤY TỪ BỘ MC đánh giá 4 CTĐT đã có.

CĐR các CTĐT được rà soát, điều chỉnh 2 năm 1 lần, vào các năm 2017, 2019 và 2021 [MC: Bảng tổng hợp những thay đổi về CĐR qua các lần ban hành (trích từ 4 BC Tự ĐG 4 CTĐT)]. Quá trình cập nhật, chỉnh sửa CĐR có tham khảo, đối sánh với CĐR của các trường cơ sở đào tạo ĐH khác [MC CĐR của các trường ĐH trong nước], [MC: Bảng đối sánh CĐR của ngành Luật CLC với CĐR CTĐT ngành luật CLC của Khoa Luật Đại học quốc gia và của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; NGUỒN: MC CTĐT CLC ngành Luật]

#### **Tự đánh giá: Đạt mức 5/7**

**Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.**

Trường đã ban hành và công bố chính thức đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy dựa trên CĐR. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin: tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc trường, ĐCHP được các bộ môn/Khoa chuyên môn xây dựng, có sự hướng dẫn, rà soát của Phòng đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí [MC: [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa chuyên môn] [Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí]. Trên cơ sở nội dung cơ bản của học phần được ghi nhận tại Mục 11 Bản mô tả CTĐT trình độ đại học, mỗi môn học/học phần trong CTĐT có ĐCHP được xây dựng và ban hành riêng, được công bố trên Website hlu.edu.vn khi bắt đầu mỗi kỳ học [MC: CTĐT trình độ đại học ngành Luật năm 2021 (Mục 11); CTĐT trình độ đại học CLC ngành Luật năm 2021(Mục 11); CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế năm 2021 (Mục 11); CTĐT trình độ đại học ngành Luật dành cho cán bộ pháp chế bộ ngành năm 2021 (Mục

11); CTĐT trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế năm 2021 (Mục 11); CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh năm 2021 (Mục 11); CTĐT trình độ đại học CLC ngành Luật Kinh tế năm 2022 (Mục 11)]; [Các Bộ đề cương môn học đăng tải trên hlu.edu.vn ]

Sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, ĐCHP được lưu giữ tại Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí. Giáo viên, học viên, sinh viên và các bên liên quan tiếp cận, sử dụng hoặc tham khảo đề cương trên Cổng thông tin chính thức của nhà trường. 100% ĐCHP của các CTĐT được công khai trên cổng thông tin điện tử Nhà trường. ĐCHP của 100% học phần của CTĐT đều được gửi mail tới cho các giảng viên để sử dụng giảng dạy. Các bên liên quan khác đều dễ dàng tiếp cận với nội dung dạy học của từng học phần qua website hlu.edu.vn. [MC: Ảnh chụp màn hình Trưởng BM gửi ĐCHP qua email][ website hlu.edu.vn, mục Đề cương môn học ]

ĐCHP được các GV cung cấp cho SV ngay trong tuần đầu tiên của kì học và giới thiệu kỹ trong giờ học đầu tiên của mỗi học phần để SV có thể trực tiếp nắm bắt nội dung của HP [MC: Lịch trình chi tiết Tuần 1 ĐCHP Luật Thương mại 1, Tuần 1 ĐCHP Luật Thương mại 2; Tuần 1 ĐCHP Luật Tài chính] Tuần 1 ĐCHP Luật TMQT] [Kế hoạch bài dạy của GV]

Các hoạt động dạy học trong đề cương môn học/học phần được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CĐR:

(i) Khoa/ Bộ môn đã chỉ đạo GV tổ chức dạy học cho SV trên cơ sở bám sát mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục và CĐR của CTĐT. Bộ môn đã hướng dẫn và có nhiều thảo luận với các GV để xây dựng các tổ hợp giảng dạy hiện đang được áp dụng có hiệu quả tại Khoa để đạt được CĐR của ngành ĐG [MC: Biên bản bộ môn về chỉnh sửa đề cương, về các hình thức tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá và các hoạt động chuyên môn khác]

(ii) ĐCHP đã thể hiện PPGD mà Khoa/Bộ môn đã và đang thực hiện là tương đối đa dạng, phù hợp với đặc thù môn học và điều kiện thực tế của Nhà trường. Các GV đã sử dụng các PPDH như: lý thuyết, thảo luận, đóng vai, diễn án, thuyết trình, làm việc nhóm, làm bài tập cá nhân; dạy học tình huống... [MC: Đề cương môn học][MC: Hình ảnh, clip Diễn án Kỹ năng giải quyết TC lao động tại Phòng diễn án]

(iii) Trong quá trình GD, các GV đã lựa chọn các hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng học phần, đảm bảo vai trò của học phần được xác định trong ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần vào thực hiện CĐR (ma trận về mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT với các PPGD). PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các học phần [MC: Đề cương môn học]; [Lịch phân công giảng dạy].

(iv) Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo v.v. cho SV. Trong quá trình giảng dạy, GV đã hướng dẫn SV cách thức nghiên cứu, tìm hiểu nội dung môn học để đạt CĐR, có hướng dẫn cụ thể về tài liệu và đặt ra các yêu

cầu đối với SV trong tự học, tự nghiên cứu; [MC: Đề cương môn học]; [Lịch phân công giảng dạy] .

(iv) GV triển khai sử dụng PPDH đa dạng, linh hoạt và hiệu quả; kết hợp giữa PPDH truyền thống và PPDH hiện đại để phát huy tính tự giác, chủ động, sáng tạo của SV. Để phát huy tính chủ động của SV, trong quá trình giảng dạy GV chuẩn bị bài giảng với nhiều câu hỏi gợi mở để SV tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, ngoài việc thay đổi cách thức giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT như soạn bài giảng điện tử, soạn bài giảng online; minh họa bằng hình ảnh, video; sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau như máy chiếu, sơ đồ, bảng biểu... để truyền tải kiến thức như nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CĐR. [MC: Đề cương môn học]; [Lịch phân công giảng dạy].

(v) SV còn được học tập tại các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động ngoài nhà trường như đi thực tập ở các đơn vị sử dụng lao động để gắn lý thuyết với thực tiễn [MC: Báo cáo thực tập], một số hoạt động ngoại khóa góp phần đạt CĐR [MC: Hoạt động ngoại khóa đóng góp vào CĐR] [Cuộc thi sinh viên với môi trường SE năm 2021 <https://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/20934> ] [Cuộc thi Phiên tòa giả định cấp Quốc gia Vmoot 2021 <https://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/21664>][Hoạt động trải nghiệm tại rừng Cúc Phương trong khuôn khổ cuộc thi Cuộc thi sinh viên với môi trường SE năm 2021 <https://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/20981> ]

**Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.**

**Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.**

1. Rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học ít nhất 1 lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá

Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH được thực hiện trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD & ĐT, trước đây là Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và hiện nay là Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GD đại học [MC: Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015][ Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/06/2021]

Trường đã ban hành Quy trình xây dựng và sửa đổi chương trình đào tạo. [MC: Quy trình số QT-ĐT-01 ngày 18/8/2008 của Phòng Đào tạo – Trường Đại học Luật Hà Nội]. Từ quy định đầu tiên này, trên cơ sở các quy định của Bộ GD & Đào tạo, Trường ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy và công văn hướng dẫn quy trình để tiến hành hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT [MC: Kế hoạch số 4578/KH-ĐHLHN ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội] [Công văn số

4579/ĐHLHN-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật các CTĐT]. Đối với các CTĐT đại học, trường phân công cho các khoa chuyên môn chủ trì phối hợp với Phòng Đào tạo đại học và Phòng đảm bảo chất lượng đào tạo và khảo thí thực hiện rà soát. Đối với các CTĐT sau đại học, trường phân công cho các khoa chuyên môn chủ trì phối hợp với Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện rà soát.

Đối với các học phần, Trường đã xây dựng Quy trình ISO về Xây dựng hồ sơ môn học [MC: Quy trình số QT-ĐBCL-02 ngày 18/8/2008 Quy trình ISO về Xây dựng hồ sơ môn học của Trung tâm Đảm bảo chất lượng - Trường Đại học Luật Hà Nội ].

Năm 2019, Trường đã tiến hành rà soát 6 Chương trình đào tạo trình độ đại học, trong đó: Khoa Pháp luật Quốc tế chủ trì rà soát CTĐT cử nhân ngành Luật chất lượng cao, Khoa Pháp luật Kinh tế chủ trì rà soát CTĐT ngành Luật kinh tế, Khoa Pháp luật Thương mại quốc tế chủ trì rà soát CTĐT ngành Luật Thương mại quốc tế, Khoa Pháp luật hành chính chủ trì rà soát CTĐT ngành luật dành cho cán bộ pháp chế bộ ngành, Khoa Pháp luật Hình sự và Khoa Pháp luật dân sự chủ trì rà soát CTĐT ngành Luật và Khoa Ngoại ngữ pháp lý chủ trì rà soát CTĐT ngành ngôn ngữ Anh. Sau khi Hội đồng rà soát các CTĐT của nhà trường được thành lập và triển khai hoạt động, hoạt động rà soát được bắt đầu tại các khoa chuyên môn, cụ thể là:

- + Các bộ môn chuyên môn đã tiến hành họp và đề xuất về việc điều chỉnh các vấn đề liên quan đến các học phần mà bộ môn đảm nhiệm trong CTĐT và rà soát khối lượng, nội dung kiến thức các học phần giảng dạy trong CTĐT [MC: Các Biên bản họp bộ môn/hợp khoa về Rà soát, chỉnh sửa CTĐT trình độ đại học và Sau ĐH].

- + Khoa chủ trì rà soát CTĐT đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên góp ý về chỉnh sửa CTĐT [MC: Các Biên bản Hội thảo khoa học “Góp ý xây dựng Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức 2019; Các Biên bản Hội thảo khoa học cấp khoa, trường Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các chương trình đào tạo tổ chức năm 2020]

- + Khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan

- + Các ý kiến đề xuất của Khoa/Bộ môn (thuộc Trường) và các bên liên quan tại các hội thảo và các cuộc khảo sát được Khoa chủ trì, xử lý giải trình về việc tiếp thu hoặc không tiếp thu [MC: Bản Tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, khoa chuyên môn, ý kiến chuyên gia tại các hội thảo] để rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi CTĐT tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

- + Ban rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi CTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung học phần của các Khoa chuyên môn, tổng hợp các ý kiến đóng góp, góp ý, giải trình những vấn đề đã tiếp thu và những vấn đề cần phải nghiên cứu, xem xét lại. Ban rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi CTĐT tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo CTĐT

+ Hội đồng Khoa học đào tạo của Trường tổ chức họp và đánh giá về các ý kiến đề xuất điều chỉnh, bổ sung CTĐT của các khoa chuyên môn [MC: Các Biên bản họp và Kết luận của Hội đồng Khoa học đào tạo về CTĐT]

Kết quả rà soát giai đoạn 2017 – 2022, Trường đã ban hành 8 CTĐT trình độ đại học, 13 CTĐT trình độ thạc sỹ và 7 CTĐT trình độ tiến sỹ và ban hành mới 1 CTĐT chất lượng cao ngành Luật kinh tế. Từ năm 2019 – 2022, trường đã thực hiện rà soát và ban hành mới CTĐT trình độ đại học các ngành: Luật, Luật Kinh tế, Luật Thương mại quốc tế, Luật CLC, Luật dành cho cán bộ pháp chế Bộ ngành và ngành Ngôn ngữ Anh. Riêng CTĐT liên kết với đại học Arizona của Hoa Kỳ có 2 lần cập nhật năm 2020 và 2022 [MC: QĐ 151/QĐ-ĐHLHN ngày 21/1/2020 ban hành CTĐT liên kết với đại học Arizona] [QĐ 395a/QĐ-ĐHLHN ngày 28/1/2022 ban hành CTĐT liên kết với đại học Arizona] [ 6 QĐ ban hành 6 CTĐT đại học 2021] . Quá trình soát, cập nhật, sửa đổi CTĐT có đối sánh CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế để tham khảo xây dựng chương trình [MC: Đối sánh CTĐT đại học mỗi ngành với CTĐT của 1 số trường ĐH trong nước] [MC: Đối sánh CTĐT đại học mỗi ngành với CTĐT của 1 số trường ĐH quốc tế] [[MC: Đối sánh CTĐT sau đại học mỗi ngành với CTĐT của 1 số trường ĐH trong nước] [[MC: Đối sánh CTĐT sau đại học mỗi ngành với CTĐT của 1 số trường ĐH quốc tế] **CÁC KHOA CHUYÊN MÔN triển khai phục dựng MC nếu thiếu.**

Trong quy trình rà soát, trường lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo nhiều hình thức cách thức khác nhau như tổ chức hội thảo, họp bộ môn/khoa, Phiếu khảo sát..., sau đó đã có phân tích, giải trình tiếp thu trong chỉnh sửa CTĐT [MC: Mẫu 13 Báo cáo Kết quả rà soát CTĐT đại học của mỗi CTĐT][Bản tổng hợp, giải trình ý kiến phản hồi của các bên liên quan]. Các nội dung chỉnh sửa CTĐT được thể hiện trong bản tổng hợp và bản đối sánh CTĐT cũ và CTĐT mới ban hành [MC: Mẫu 13 Báo cáo Kết quả rà soát CTĐT đại học của mỗi CTĐT]; [Bảng đối sánh CTĐT cũ và CTĐT mới ban hành] **CÁC KHOA CHUYÊN MÔN triển khai phục dựng MC nếu thiếu.**

**Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.**

**Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.**

1. Có ban hành quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học:

Trên cơ sở pháp lý là các quy định của Bộ GD&ĐT gồm Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; QĐ 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học [MC: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày



06/9/2017; QĐ 1982/2016 Khung trình độ QGVN; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT]. [MC: Quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học → CHƯA BAN HÀNH] .

Trong các năm từ 2017 - 2020, trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, sửa đổi và ban hành CĐR của các chương trình đại học, thạc sỹ và tiến sỹ. [MC: Kế hoạch số .../KH-ĐHLHN ngày tháng năm 2019 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi CĐR trình độ đại học] [Công văn số ... /ĐHLHN-ĐT ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật CĐR trình độ ĐH][ Kế hoạch số .../KH-ĐHLHN ngày .. tháng ... năm ... của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi CĐR trình độ thạc sỹ, tiến sỹ] [Công văn số .... /ĐHLHN-ĐT ngày ... tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật CĐR thạc sỹ, tiến sỹ]; [MC: Các QĐ CĐR trình độ ĐH 2017, Các QĐ CĐR trình độ ĐH 2019; Các QĐ CĐR trình độ thạc sỹ 2020 Các QĐ CĐR trình độ tiến sỹ năm 2020]

Các CTĐT đại học ban hành năm 2021, 2022 và các CTĐT sau đại học hành năm 2022 được thiết kế, phát triển theo CĐR và được xây dựng, công bố theo Quy trình xây dựng và công bố CĐR được quy định tại văn bản số...HLU CHƯA CÓ QUY TRÌNH NÀY Theo đó, quy trình xây dựng và công bố CĐR được xác định theo các bước chính:

- ✓ Thành lập Hội đồng/Ban xây dựng, rà soát
- ✓ Ban hành Kế hoạch và văn bản hướng dẫn, biểu mẫu, phân công đơn vị chủ trì
- ✓ Khảo sát các bên liên quan
- ✓ Hội thảo/ tọa đàm
- ✓ Dự thảo và hoàn thiện dự thảo trên cơ sở phân tích ý kiến chuyên gia và các bên liên quan
- ✓ Hội đồng khoa học và đào tạo cho ý kiến
- ✓ Hiệu trưởng ký QĐ ban hành

Năm 2019 -2022, trường tiếp tục rà soát, cải tiến CTDH trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và công văn hướng dẫn của trường dựa trên Thông tư 07/2015/Bộ GD&ĐT và QĐ 1982 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 17/2021/Bộ GD&ĐT [MC: Kế hoạch số 4578/KH-ĐHLHN ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội] [Công văn số 4579/ĐHLHN-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật các CTĐT][ Kế hoạch số .../KH-ĐHLHN ngày .. tháng ... năm ... của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ] [Công văn số .... /ĐHLHN-ĐT ngày ... tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc hướng dẫn quy trình rà soát, cập nhật các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ]. Quy trình rà soát, cải tiến CTDH được thực hiện theo các bước chính và chú trọng khâu khảo sát phản hồi của các bên liên quan:

- ✓ Thành lập Hội đồng/Ban xây dựng, rà soát

- ✓ Ban hành Kế hoạch và văn bản hướng dẫn, biểu mẫu, phân công đơn vị chủ trì
- ✓ Khảo sát các bên liên quan
- ✓ Hội thảo/ tọa đàm, lấy ý kiến chuyên gia
- ✓ Dự thảo và hoàn thiện dự thảo trên cơ sở phân tích ý kiến chuyên gia và các bên liên quan
- ✓ Thẩm định dự thảo CTĐT theo TT17/2021 (đã thực hiện đối với 13 CTĐT thạc sỹ và 7 CTĐT Tiến sỹ ban hành năm 2022)
- ✓ Hội đồng khoa học và đào tạo cho ý kiến
- ✓ Hiệu trưởng ký QĐ ban hành

Các chương trình dạy học do trường ban hành được cải tiến và đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

CTDH có sự cập nhật. So với các CTĐT được ban hành trước đây, các CTĐT đại học ban hành năm 2021 và 2022 được điều chỉnh, bổ sung với đầy đủ các mục: Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu đào tạo bổ sung đầy đủ hơn và được mã hóa bao nhiêu mục tiêu CTĐT, CĐR của CTĐT được rà soát kỹ thuật và được mã hóa, thiết lập ma trận đáp ứng giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, thiết lập ma trận đáp ứng CĐR của các học phần, CTĐT với quy định CĐR của Khung trình độ QGVN, mối liên hệ giữa CĐR với PPDH và PPĐG, thống nhất thời lượng tín chỉ cho các khối kiến thức toàn khóa (đại học) là 129 TC; cấu trúc lại chương trình, thống nhất khối kiến thức bắt buộc gồm các môn học nền tảng của mỗi lĩnh vực pháp luật, giảm tín chỉ của một số môn học, thay đổi tên và nội dung của một số học phần; tăng số lượng các môn dạy bằng Tiếng Anh và môn kỹ năng, bổ sung một số học phần tự chọn thành học phần bắt buộc; chuyển một số học phần tự chọn vào khối kiến thức chuyên ngành; điều chỉnh tên một số học phần cho phù hợp; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ học phần tiên quyết, học trước, học song hành cho từng học phần; xác định rõ tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, chiến lược giảng dạy – học tập... [MC: Các CTĐT đại học năm 2021; CTĐT chất lượng cao ngành LKT năm 2022][Mẫu 13 – Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát CTĐT ngành Luật, ngành LKT, ngành Luật TMQT, ngành ngôn ngữ Anh, ngành Luật CLC, ngành Luật dành cho cán bộ PC bộ ngành][ Bảng đối sánh CTĐT cũ và CTĐT đại học vừa ban hành năm 2021] [[ Bảng đối sánh CTĐT cũ và CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ vừa ban hành năm 2022]

Do trong quá trình cải tiến cập nhật, trường khảo sát ý kiến các bên liên quan thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, họp hội môn, họp khoa và đối sánh với các CTĐT khác trong và ngoài nước nên đã đáp ứng được nhu cầu các bên liên quan [MC: [ Bảng đối sánh CTĐT vừa ban hành với CTĐT của một số cơ sở đào tạo trong nước] [Bảng đối sánh CTĐT vừa ban hành với CTĐT của một số cơ sở đào tạo nước ngoài] [Bản tổng hợp giải trình ý kiến các bên liên quan: sinh viên, Cựu SV, người sử dụng lao động, khoa chuyên môn; Hội thảo rà soát sửa đổi CTĐT]

**Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.**

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Phân công rõ trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân và có hướng dẫn thực hiện quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTDH, đề cương môn học/học phần; thực hiện lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần, đảm bảo đáp ứng CTDH đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp các quy định của Bộ GD&ĐT và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Phân công rõ trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân và có hướng dẫn thực hiện quá trình quá trình xây dựng, rà soát, khảo sát và điều chỉnh CDR của CTĐT, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, các quy định của Bộ GD&ĐT và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

- Ban hành đủ ĐCHP và công bố chính thức công khai với đa dạng nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo thực hiện các hoạt động dạy học trong đề cương môn học/học phần được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CDR.

- Các chương trình dạy học được rà soát và ban hành mới trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về nội dung và quy trình, trên cơ sở có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước, quốc tế và ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Đã ban hành quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá CTĐT và CDR, có hướng dẫn cụ thể ở mỗi lần thực hiện, theo đó, Chương trình dạy học đã có cải tiến rõ rệt về nội dung, hình thức và đáp ứng nhu cầu, yêu cầu của các bên liên quan.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Thành phần Hội đồng/Ban rà soát: Còn có Hội đồng/Ban rà soát chưa có sự tham gia của chuyên gia và đại diện bên liên quan. Việc thực hiện lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần được thực hiện chưa đủ rộng tới các bên liên quan ở một số CTDH

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quá trình quá trình xây dựng, rà soát, khảo sát và điều chỉnh CDR của CTĐT được thực hiện mang tính vụ việc ở mỗi lần thực hiện rà soát chỉnh sửa. Hoạt động lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan được thực hiện chưa đủ rộng tới mọi bên liên quan khi rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CDR

- Trường chưa tổ chức tổng kết để đánh giá một cách khoa học, toàn diện về mức độ phù hợp của mỗi PPGD đối với mỗi học phần và đối với các nhóm đối tượng người học khác nhau. Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học được trình bày tổng quát trong ĐCHP nhưng chưa minh chứng được một cách đầy đủ tính phù hợp của các tổ hợp phương pháp dạy học của học phần hướng đến việc đạt CDR. GV đều có giới thiệu ĐCHP ở buổi đầu tiên của HP song điều này chưa được thể hiện rõ trong tất cả ĐCHP.

- Các chương trình dạy học được rà soát và ban hành mới trên cơ sở có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tuy nhiên minh chứng cho điều này chưa đủ thuyết phục ở mọi CTDH đã ban hành. CTDH cũng chưa định kỳ rà soát 2 năm/1 lần.

- Chậm ban hành Quy trình thiết kế, rà soát, cập nhật CTĐT và CĐR, trường mới chỉ có Hướng dẫn quy trình ở mỗi đợt rà soát. Quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chậm cải tiến.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	-Bổ sung thành phần tham gia các Hội đồng/Ban rà soát CTDH là chuyên gia và đại diện bên liên quan -Hướng dẫn cụ thể và thống nhất về số lượng, đối tượng các bên liên quan khi rà soát mọi CTĐT	-Hiệu trưởng -Phòng CTSV, PĐBCLĐT, ĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH,Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	-Hướng dẫn cụ thể và thống nhất về số lượng, đối tượng các bên liên quan khi rà soát mọi CĐR -Ban hành và thường xuyên cập nhật cải tiến quy trình xây dựng, rà soát, khảo sát và điều chỉnh CĐR	Hiệu trưởng -Phòng CTSV, PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH, Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	-Tổ chức tổng kết để đánh giá về mức độ phù hợp của mỗi PPGD -Đánh giá, minh chứng tính phù hợp của các tổ hợp PPDH của học phần hướng đến việc đạt CĐR. – - Thực hiện giới thiệu ĐCHP ở tất cả các buổi học đầu tiên của HP và	-Phòng ĐBCLĐT&KT - Bộ môn - Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	

		cập nhật điều này trong ĐCHP			
4	Khắc phục tồn tại 4	-Đổi sách CTDH tiên tiến trong nước/quốc tế một cách rõ ràng đầy đủ ở tất cả các lần rà soát - Lưu giữ đầy đủ MC lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan -Rà soát CTDH ban hành năm 2021, 2022	-Phòng CTSV, PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH,Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025 (Riêng biện rà soát CTDH thực hiện từ 6/2023 – 6/2024 đối với CTĐT đại học)	
5	Khắc phục tồn tại 5	-Ban hành Quy trình về thiết kế và phát triển CTDH và thường xuyên rà soát quy định này	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH Phòng CTSV, Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Cập nhật thường xuyên các quy định của Bộ GD&ĐT, thành lập Hội đồng/Ban rà soát đủ thành phần theo quy định, hướng dẫn áp dụng thống nhất quy trình rà soát và lấy ý kiến các bên liên quan trong rà soát CTDH	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH Phòng CTSV, Khoa chuyên môn	Từ 2023 - 2025.	.....
7	Phát huy điểm mạnh 2	Cập nhật thường xuyên các quy định của Bộ GD&ĐT, thành lập Hội đồng/Ban rà soát đủ thành phần theo quy định, hướng dẫn áp dụng thống nhất quy trình rà soát và lấy ý kiến các bên liên quan trong rà soát CDR	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH Phòng CTSV, Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	
8	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên rà soát, cập nhật, chỉnh sửa toàn bộ ĐCPP và công bố chính thức công	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSĐH Phòng CTSV,	Từ 2023 – 2025	

		khai với đa dạng nhiều hình thức khác nhau: đăng web, gửi email, giới thiệu và hướng dẫn ở tuần 1 và các cuộc họp khoa/Bộ môn	Khoa/Bộ môn chuyên môn		
9	Phát huy điểm mạnh 4	Cập nhật quy định mới về thiết kế và phát triển CTDH của Bộ GD&ĐT, cập nhật CTDH trong nước và quốc tế, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở chỉnh sửa CTDH	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSDH Phòng CTSV, Khoa/Bộ môn chuyên môn	Từ 2023 – 2025	
10	Phát huy điểm mạnh 5	Ban hành, áp dụng và rà soát chỉnh sửa quy trình thiết kế và phát triển CTDH, nhằm đảm bảo CTDH có cải tiến rõ rệt về nội dung, hình thức và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	PĐBCLĐT&KT, Phòng ĐTĐH, PĐTSDH Phòng CTSV, Khoa chuyên môn	Từ 2023 – 2025	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 14</b>	
Tiêu chí 14.1	5/7
Tiêu chí 14.2	5/7
Tiêu chí 14.3	5/7
Tiêu chí 14.4	5/7
Tiêu chí 14.5	5/7

#### **Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập**

**Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR**

Trường Đại học Luật Hà Nội đã có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục; triết lý giáo dục của nhà trường phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của cơ sở giáo dục và phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội.

Triết lý giáo dục được định nghĩa là một tập hợp những niềm tin liên quan có ảnh hưởng đến những gì và cách sinh viên được giảng dạy. Triết lý giáo dục của Nhà

trường: “*Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc*” [MC: Các CTĐT được ban hành kèm theo Quyết định 2260,2261,2262, 2263]. Với triết lý giáo dục trên, Trường Đại học Luật Hà Nội mong muốn hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao đồng thời nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được xác định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 đã được Hội đồng Trường ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội. Mục tiêu của Nhà trường là tập trung nâng cao chất lượng song song với phát triển quy mô; không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo các bậc; xây dựng các CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và khu vực; tăng cường đào tạo tư duy pháp lý và kiến thức thực tiễn cho người học, bảo đảm người học tốt nghiệp đáp ứng được ngay yêu cầu của công việc. Nhà trường cũng tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng gắn với nhiệm vụ giảng dạy, xây dựng và thực hiện Trường thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, có năng lực hàng đầu về nghiên cứu khoa học pháp lý, phản biện, đánh giá pháp luật. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tích cực đẩy mạnh truyền bá tư tưởng pháp lý thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý chất lượng cao, kết hợp với hoạt động giáo dục, phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. Coi hoạt động phục vụ cộng đồng là một trong ba trụ cột hoạt động của Nhà trường với mục đích vừa truyền bá, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, vừa góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội.

Mục tiêu và triết lý giáo dục được công khai trên Cổng thông tin của Trường với tên miền chính thức là <http://hlu.edu.vn> [MC: Hình ảnh bảng công bố sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục; bìa kẹp file của Trường]

Nhà trường hướng tới việc xây dựng phát triển phát triển các CTĐT theo hướng đa dạng các ngành đào tạo với nhiều bậc đào tạo từ cử nhân đến thạc sĩ và tiến sĩ. Với bậc đào tạo đại học, nhà trường đã xây dựng và triển khai các CTĐT là ngành luật, ngành luật kinh tế, ngành luật thương mại quốc tế và ngành ngôn ngữ Anh. [MC: Quyết định 2626/QĐ-ĐHLLHN ngày 23/8/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLLHN ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2262/QĐ-ĐHLLHN ngày 30/6/2021 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế; Quyết định số 2263/QĐ-ĐHLLHN ngày 30/6/2021 về việc ban hành CTĐT ngành LTMQT trình độ đại học của Trường ĐH Luật HN; Quyết định 2260/QĐ-ĐHLLHN ngày 30/6/2021 v/v ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Luật của Trường ĐH Luật HN; Quyết định số 2595/QĐ-ĐHLLHN ngày 21/10/2014 v/v ban hành CTĐT đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý.] Bên cạnh đó, Nhà trường còn có những CTĐT mang hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu của xã hội cũng như xu hướng hội nhập, hợp tác quốc tế. Đó là các CTĐT của ngành luật dành cho CBPC Bộ, Ngành, UBND, HĐND và Doanh nghiệp nhà nước; chương

trình ngành luật chất lượng cao; chương trình ngành luật hệ liên kết đào tạo giữa Trường ĐH Luật HN với Trường Đại học Arizona của Hoa Kỳ; chương trình ngành Luật kinh tế CLC [MC: Quyết định số 2373/QĐ-ĐHLHN ngày 29/9/2014 v/v ban hành CTĐT đại học hệ chính quy chất lượng cao ngành Luật theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 151/QĐ-ĐHLHN ngày 21/1/2020 v/v ban hành CTĐT đại học chính quy ngành Luật, chương trình LKĐT giữa Trường ĐH Luật HN và ĐH Arizona Hoa Kỳ; Quyết định số 1913/QĐ-ĐHLHN ngày 08/6/2017 v/v ban hành CTĐT đại học hệ chính quy ngành Luật dành cho cán bộ pháp chế Bộ, ngành, UBND, HĐND và Doanh nghiệp nhà nước; Quyết định số 1145/QĐ-ĐHLHN ngày 18/3/2022 v/v ban hành CTĐT đại học chính quy ngành Luật kinh tế CLC]

Cùng với đó, Nhà trường cũng chú trọng phát triển các CTĐT ở những bậc sau đại học là đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Với bậc đào tạo thạc sĩ, Nhà trường có các CTĐT được thiết kế theo khung của Bộ GDĐT bao gồm cả việc đào tạo theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu đối với mã ngành sau: Luật Hành chính và Luật Hiến pháp; Luật kinh tế; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật dân sự và tố tụng DS; LQT; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm và ngành Lý luận và Lịch sử NN&PL [MC: Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; QĐ số 2633/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2634/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2635/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2636/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2637/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2638/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật quốc tế theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2639/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tội phạm và phòng ngừa tội phạm theo định hướng nghiên cứu; QĐ số 2640/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng ứng dụng; QĐ số 2641/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật quốc tế theo định hướng ứng dụng; QĐ số 2642/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng; QĐ số 2643/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng ứng dụng; QĐ số 2644/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng ứng dụng; QĐ số 2645/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng ứng dụng]

Với bậc đào tạo tiến sĩ, CTĐT của nhà trường cũng thiết kế theo khung của Bộ Giáo dục đào tạo với các mã ngành như Lý luận và Lịch sử NN&PL, Luật Hành chính và Luật Hiến pháp; Luật kinh tế; Luật hình sự và tố tụng hình sự; chuyên ngành Luật



dân sự và tố tụng DS; Luật QT; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. [MC: Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Quyết định 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; QĐ số 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Luật hiến pháp và luật hành chính; QĐ số 2627/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự; QĐ số 2628/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự; QĐ số 2629/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; QĐ số 2630/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; QĐ số 2631/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế; QĐ số 2632/QĐ-ĐHLHN ngày 8/7/2022 v/v ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Luật quốc tế]

Triết lý giáo dục của Nhà trường thể hiện trong việc thiết kế, xây dựng chương trình các bậc học theo hướng linh hoạt và đổi mới sáng tạo. Ngoài các học phần bắt buộc trong CTĐT, các CTĐT của Nhà trường được thiết kế theo hướng mở với nhiều học phần tự chọn để sinh viên có thể phát huy khả năng của mình [MC: Quyết định 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 23/8/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học; Quyết định 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ]

Nhà trường hướng tới việc phát triển các ngành/CTĐT mới hướng tới sự xuất sắc thông qua việc khơi dậy năng lực cá nhân, hình thành hệ tư tưởng về đổi mới sáng tạo, tư duy mở, rèn luyện bản lĩnh và khả năng thích ứng, hội nhập quốc tế, phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước [MC: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020].

CTĐT, ĐCCTHP được rà soát bổ sung, sửa đổi theo hướng mở, linh hoạt, thiết kế các bài giảng gắn lý thuyết với thực hành, mời chuyên gia về nói chuyện với SV và thay đổi phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng lấy người học làm trung tâm, đào tạo con người năng động, có tri thức đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội [MC: H1.02.01.06 Kế hoạch số 4578/KH-ĐHLHN ngày 26/11/2019 về rà soát, cập nhật, đánh giá và sửa đổi chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội; H02.10.02.03 Quyết định số 582/QĐ-ĐHLHN ngày 26/2/2021 v/v thành lập Ban rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đại học chính quy]

Để thực hiện triết lý giáo dục trên, Nhà trường đã ban hành các hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường [MC: H1.02.01.12 Quyết định số 2217/QĐ-ĐHLHN ngày 28/6/2021 về việc ban hành Quy định tỷ lệ và phân bổ hình thức tổ chức giảng dạy và học tập các học phần thuộc trình độ đào tạo đại học của Trường ĐH Luật HN; Quyết định 3471/QĐ-ĐHLHN ngày

15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ].

Các phương pháp dạy học ở các bậc, hệ đào tạo đã được thiết kế khá đa dạng, linh hoạt phù hợp với người học. Nhà trường hiện đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng các phương pháp như thuyết giảng; thảo luận – seminar; bài tập tình huống; tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm; các phiên tòa tập sự - diễn án; hướng dẫn tiểu luận; dạy học nêu và giải quyết vấn đề; dạy học bằng các tình huống; dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, lấy người học làm trung tâm; phương pháp viết luận; thuyết trình; dạy học theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin [MC: Quyết định 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 23/8/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học; Quyết định 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Đề cương các HP thuộc các bậc đào tạo được đăng công khai trên trang web chính thức <http://hlu.edu.vn> mục Đề cương môn học]

Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, các GV trực tiếp giảng dạy cũng kết hợp thực hiện các phương pháp đánh giá mức độ tích lũy CĐR của NH, qua đó, GV cũng tự đánh giá sự phù hợp của nội dung và phương pháp dạy, học đang áp dụng để tự điều chỉnh các hoạt động dạy và học chi tiết của từng buổi học hoặc đề xuất các thay đổi cần thiết về nội dung và phương pháp dạy, học trong ĐCCTHP trong các CTĐT. Mỗi ngành/CTĐT đều được xây dựng CĐR phù hợp với triết lý giáo dục và xu thế phát triển chung của xã hội, SV tốt nghiệp phải đảm bảo được CĐR về mặt kiến thức và kỹ năng theo đúng chuyên ngành đào tạo của mình [MC: Quyết định 1562/QĐ-ĐHLHN ngày 16/5/2017 về Chuẩn đầu ra đại học dành cho các CTĐT của Trường ĐH Luật HN; Quyết định 3773/QĐ-ĐHLHN ngày 9/10/2019 về việc công bố CĐR trình độ đại học đối với các ngành/CTĐT của Trường ĐH Luật HN].

Để đảm bảo việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo của trường [MC: Quyết định 2626/QĐ-ĐHLHN ngày 23/8/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN v/v ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học; Quyết định 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ] cụ thể hóa việc xây dựng kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu cho các khóa [MC: Chương trình Hội nghị triển khai kế hoạch năm học; Kế hoạch giảng dạy chung của Trường; Lịch giảng của các bộ môn; Thời khóa biểu các năm học từ 2017 – 2022]

Nhà trường cũng đã ban hành những hướng dẫn cụ thể về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học cho NH cũng như người dạy để đạt được CDR của CTĐT [MC: Mẫu 7 ma trận], hướng dẫn vẽ ma trận nội dung với phương pháp dạy và học của từng học phần trong ĐCHP [MC: Mẫu 7 Ma trận đáp ứng CDR các HP]. Các phương pháp cho hoạt động dạy và học của học phần được thể hiện trên ĐCCTHP. Nhà trường cũng ban hành những quy định để hướng dẫn về tổ chức giảng dạy, học tập để đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và CNTT [MC: Quyết định số 120/QĐ-ĐHLHN về việc ban hành CDR ngoại ngữ đối với sinh viên chính quy ngày 15/1/2018]

Nhà trường quản lý giảng dạy và học tập bằng hệ thống đào tạo tín chỉ trên phần mềm IU và MS Team để quản lý giảng viên và SV. Các học phần tín chỉ sẽ được thêm các thông tin về giảng viên giảng dạy và SV theo dõi cũng như CTĐT và thời khóa biểu qua hệ thống IU và MS Team.

Bên cạnh đó, trong điều kiện dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp, Nhà trường cũng đã kịp thời đưa ra các phương án, kế hoạch nhằm bảo đảm công tác dạy, học không bị gián đoạn. Theo chủ trương chung, các cơ sở và đơn vị đào tạo của Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch học tập, thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống quản lý MS Team. Ngay cả đối với các hoạt động bảo vệ khóa luận, đánh giá chuyên đề TS, luận án TS cấp cơ sở thì Nhà trường cũng đều tổ chức, hướng dẫn cho NH bảo vệ theo hình thức trực tuyến bảo đảm tính trung thực, khách quan và đúng quy định khi đánh giá [MC: Thông báo giảng dạy trực tuyến của Trường; H1.03.01.04 Quyết định số 2026/QĐ-ĐHLHN ngày 11/6/2021 v/v ban hành Quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2949/QĐ-ĐHLHN ngày 27/8/2021 v/v ban hành Quy định về đánh giá khóa luận, luận văn, luận án theo hình thức trực tuyến]

Nhà trường cũng có những quy định về việc lấy ý kiến của người học cũng như các bên liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Trường để kịp thời có những sự điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của nhà trường [MC: Quyết định số 1181/2022/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Kế hoạch và biên bản các buổi đối thoại với người học của Hiệu trưởng]

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

#### **Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh**

Đối tượng quản lý của Nhà trường tại cả 2 cơ sở (Trụ sở Hà Nội, Cơ sở II – Đak Lak): Tính đến 15/9/2022, Trường Đại học Luật Hà Nội có 495 viên chức và người lao động làm việc dưới các loại hợp đồng. Trong đó, có 435 viên chức, 42 người lao động theo hợp đồng (bao gồm cả các trường hợp chuyển đổi từ 68 sang); 17 giảng viên làm việc dưới hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học 12 tháng, 04 người lao động theo hợp đồng khoán việc. [MC: báo cáo số 3196/BC-ĐHLHN của Trường Đại học Luật Hà

Nội ngày 22/9/2021 về “Tình hình, kết quả thực hiện quản lý biên chế gắn với vị trí việc làm giai đoạn 2016-2021; đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026 và hằng năm”]

Để đảm bảo có đủ đội ngũ giảng viên về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong giai đoạn sắp tới, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội); trong đó có nội dung về phát triển đội ngũ giảng viên, cụ thể:

- Năm 2025, 100% cán bộ, giảng viên, chuyên viên thâm nhuần và làm việc theo các yêu cầu văn hoá chất lượng của nhà trường.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Trường có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác đạt 20% vào năm 2025, đạt 50% vào năm 2030.

- Đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế. Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Hà Nội có khoảng 450 người, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra trong Quyết định số 549/QĐ-TTg trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 40%, trong đó tối thiểu 15% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt tối thiểu 50%, trong đó ít nhất 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài. Chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên được đào tạo tại nước ngoài, xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến năm 2030 có thể đảm nhiệm ít nhất 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường.

- Đến năm 2025, 100% đội ngũ quản lý, giảng viên, chuyên viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phấn đấu đến năm 2030, 100% viên chức công nghệ thông tin chuyên trách đạt chuẩn kỹ sư quốc tế về công nghệ thông tin.

- Ban hành quy định cụ thể về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên, đảm bảo kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với giảng dạy và các nhiệm vụ khác theo hướng tăng cường tỷ lệ và định mức thời gian dành cho nghiên cứu khoa học, có sự phân loại đối với chức danh nghề nghiệp giảng viên, tiếp tục nâng cao yêu cầu về chất lượng, uy tín các sản phẩm khoa học, công bố quốc tế nhất là đối với đội ngũ giảng

viên có trình độ cao.

- Hàng năm, 100% giảng viên công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong hoặc ngoài nước và có ít nhất 01 báo cáo tại các tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước. Đến năm 2025, 100% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, 75% giảng viên có trình độ tiến sĩ chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án khoa học công nghệ các cấp. Đến năm 2025, mỗi năm công bố ít nhất 50 bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới, đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm từ 0,15 bài trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới. Đến năm 2030, mỗi năm công bố ít nhất 100 bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu mỗi năm công bố từ 0,3 bài báo trở lên trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới.

- Khuyến khích giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ và người học tham gia vào hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, pháp luật, tham gia hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật để có thêm kiến thức phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Chú trọng rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm, khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật; đa dạng hoá hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.

- Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước, mời các giáo sư, chuyên gia pháp luật có uy tín là người Việt Nam ở nước ngoài, các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các toà án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính – sự nghiệp và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên.

[MC: Chiến lược phát triển trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng

## Trường Đại học Luật Hà Nội]

Ngoài các yêu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, Nhà trường cũng xác định các năng lực cụ thể đối với giảng viên làm căn cứ để tuyển dụng để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập, Nhà trường đã xây dựng Khung năng lực từng vị trí việc làm của trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Cụ thể:

### • Năng lực:

- Hiểu và vận dụng đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công tác đào tạo cán bộ pháp luật;
- Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tế môn học được phân công giảng dạy;
- Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, chương trình môn học thuộc chuyên ngành đào tạo, quy chế giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Trường;
- Có năng lực tham gia hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo của bộ môn;
- Có năng lực sư phạm, quản lý lớp, tương tác với sinh viên ;
- Có năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy sáng tạo.

### • Kỹ năng:

- Kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp, phân tích để phục vụ triển khai công tác chuyên môn được phân công;
- Kỹ năng tham mưu giải quyết vấn đề;
- Có các kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch, kỹ năng giao tiếp công vụ, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, xử lý tình huống sư phạm;
- Kỹ năng giảng dạy;
- Kỹ năng báo cáo, kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ hình thể

### • Trình độ và kinh nghiệm:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với giảng viên giảng dạy đại học, có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên dạy chuyên đề, hướng dẫn luận án tiến sĩ;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;
- Đang giữ chức danh giảng viên trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 (A2) trở lên, khung năng lực ngoại ngữ

Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo, đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (A2) theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành của Bộ Thông tin và truyền thông;

- Đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học và các văn bản có liên quan.

[MC: Khung năng lực từng vị trí việc làm của trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp]

Tuy nhiên, từ chiến lược phát triển trường, và Khung năng lực từng vị trí việc làm của trường, Nhà trường chưa ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm phát triển đội ngũ giảng viên hàng năm; chưa có đề án vị trí việc làm.

Quá trình tuyển dụng giảng viên của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức ; và Quy định số 45-QĐ/BCSĐ ngày 14/6/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của Bộ Tư pháp. [MC: hiện nhà trường chưa ban hành quy định riêng, vẫn đang áp dụng quy định của pháp luật và quy định của Bộ tư pháp]. Kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên hàng năm được xây dựng trên cơ sở nhu cầu của các khoa đào tạo và có thông báo tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển với các tiêu chí rõ ràng, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường. [Minh chứng: Báo cáo số 03/BC-TCCB ngày 9/1/2018 về dự kiến xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức; Tổng hợp nhu cầu, đề xuất tuyển dụng viên chức năm 2018]

Trong giai đoạn đánh giá, tại cả 2 cơ sở (Trụ sở Hà Nội, Cơ sở II – Phân hiệu Đak Lak ), Nhà trường đã tuyển dụng, đã thu hút, tiếp nhận và bổ nhiệm được số lượng nhân sự cụ thể như sau:

Ngày 10/6/2019 Đảng uỷ Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban Nghị quyết số 24-NQ/ĐU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Trường đã thực hiện thu hút, tiếp nhận người đã được đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ về làm việc tại trường, cụ thể: từ năm 2019 đến 31/12/2021, Trường đã xem xét tiếp nhận 07 viên chức chuyển công tác từ các cơ quan nhà nước

khác về trường; tiếp nhận 45 viên chức, người lao động từ Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột sang Trường Đại học Luật Hà Nội (Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk).

Trong năm 2022, Trường đã thu hút 08 viên chức, trong đó có 03 TS, 04 ThS, 01 cử nhân. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện chính sách và cơ chế ký hợp đồng lao động để làm công tác trợ giảng đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu thống nhất nhằm thu hút, tạo nguồn nhân sự tốt cho sự phát triển đội ngũ giảng viên của Trường, Nhà trường đã ký hợp đồng lao động làm công tác trợ giảng đối với 17 ứng viên, trong đó có 01 cá nhân có trình độ tiến sĩ; 04 cá nhân có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc; 12 cá nhân tốt nghiệp thạc sĩ tại các trường đại học có uy tín tại nước ngoài.

Từ thời điểm 2018 đến 2022 Trường đã tổ chức 01 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào năm 2019 và công nhận kết quả trúng tuyển của 21 thí sinh và 02 thí sinh thuộc trường hợp xét tuyển. Cụ thể: vòng xét tuyển có 02 thí sinh trúng tuyển; vòng thi tuyển: 21 thí sinh trúng tuyển tương ứng với 21 vị trí dự tuyển; các ứng viên đều đã đến trường nhận quyết định và nhận việc kể từ ngày 15/8/2019.

[MC: chờ phòng TCCB cung cấp số hiệu văn bản]

**Bảng 24: Thống kê về số cán bộ bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	Bổ nhiệm mới	Bổ nhiệm lại
2018	17	04
2019	13	21
2020	22	12
2021	25	05
2022	15	03

Để có được đề án xây dựng vị trí việc làm một cách hoàn chỉnh và có hiệu quả trong giai đoạn hiện nay và trong những thời gian tới. Trường Đại học Luật Hà Nội phải dựa trên tình hình thực tế của Nhà trường từ những năm học trước, cho đến hiện tại và dự báo cho sự phát triển của Nhà trường trong thời gian tiếp theo. Tuy nhiên, trường Đại học Luật Hà Nội luôn chú trọng thực hiện việc bồi dưỡng và phát triển nhân tài, tạo nguồn giảng viên có chất lượng cao cho Nhà trường, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Một số hoạt động và kết quả cụ thể của công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tại Trường ĐHTT là:

- Hiện Nhà trường đang cử 09 giảng viên đi đào tạo TS, thạc sĩ tại nước



ngoài.

- Ngoài việc cử viên chức đi đào tạo dài hạn, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi để các viên chức trong Trường đi bồi dưỡng ngắn hạn, tham dự hội thảo, tham gia giảng dạy ở trong và ngoài nước. Năm 2020-2022, do tình hình dịch bệnh xảy ra trên toàn cầu nên việc cử viên chức đi nước ngoài tham dự các cuộc hội thảo, nghiên cứu, giảng dạy từ đầu năm 2020 đến nay bị hạn chế tối đa.

Kết quả đào tạo bồi dưỡng viên chức mà Nhà trường đã đạt được trong thời gian vừa qua: Số lượng viên chức đạt trình độ ThS và TS các năm: -

Năm	Thạc sĩ		Tiến sĩ	
	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
2018				
2019				
2020				
2021				
2022				

[MC: số liệu cụ thể và minh chứng đi kèm: chờ phòng TCCB tổng hợp và cung cấp]

Giảng viên sau khi được tuyển dụng sẽ được triển khai phân công nhiệm vụ cho giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của họ nhằm đáp ứng yêu cầu của môn học, ngành học; dựa trên cơ sở đó các đơn vị cũng sẽ phân công cho giảng viên hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt, ... một cách hợp lý. Việc phân công giảng viên giảng dạy hàng năm diễn ra theo quy trình như sau: Phòng Đào tạo trên cơ sở kế hoạch năm học mới sẽ xây dựng thời khoá biểu cho từng lớp, từng khoá và chuyển về đơn vị đào tạo để phân công giảng viên dựa trên năng lực và trình độ chuyên môn cụ thể, và gửi danh sách giảng viên giảng dạy thực tế về phòng Đào tạo. [MC: hiện chỉ có bản phân công giờ giảng của các tổ bộ môn, không có sự sao lưu ở phòng đào tạo. Khi phân công lịch giảng, các khoa không xây dựng thành tiêu chí phân công giảng dạy cụ thể]

Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4078/QĐ-ĐHLHN ngày 11/12/2018 về thời gian làm việc, nghỉ ngơi của công chức, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong đó Nhà trường có quy định phân công giảng viên đảm nhận vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực và kinh

nghiệm của mỗi giảng viên; đối với giảng viên/trợ giảng sau khi được tuyển dụng (trong giai đoạn thực hiện hợp đồng tập sự) phải hoàn thành định mức khối lượng công việc theo quy định, hỗ trợ, đảm nhiệm một phần công tác giảng dạy môn học trình độ đại học; giúp việc cho giảng viên;... tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên giao kỹ thuật công nghệ; tự đào tạo bồi dưỡng; tham gia các công tác phục vụ cộng đồng khác... [MC: Quyết định số 4078/QĐ-ĐHLHN ngày 11/12/2018 về thời gian làm việc, nghỉ ngơi của công chức, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Luật Hà Nội]. Quy định về chế độ làm việc của viên chức và người lao động năm 2018 được sử dụng:

- Làm căn cứ để Nhà trường phân công, bố trí, sử dụng lao động, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động của viên chức và người lao động;
- Làm căn cứ để Nhà trường kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chế độ chính sách cho viên chức và người lao động
- Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Làm cơ sở để đánh giá, xếp loại chất lượng, thi đua – khen thưởng viên chức hàng năm và giải quyết các chế độ, chính sách cho viên chức và người lao động; đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ chính sách, quyền và nghĩa vụ của viên chức và người lao động.

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

#### **Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt CDR**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về học tập suốt đời, Bác đề ra quan điểm học tập suốt đời, học tập thường xuyên để không bị lùi so với yêu cầu công việc, yêu cầu xã hội. Học tập suốt đời là quá trình học không chỉ trên lớp, bên ngoài lớp học theo các phương thức giáo dục chính quy, không chính quy. Học tập suốt đời từ lâu đã được thế giới đặc biệt quan tâm bởi nhu cầu tất yếu của con người và của xã hội trong thời đại công nghiệp. Học tập suốt đời sẽ tạo cơ hội cho tất cả mọi người để có thể chống chọi được với những thách thức của thời kỳ mới và được khẳng định là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân của các nước.

Theo quan điểm đổi mới trong giáo dục, coi NH là trung tâm của hoạt động đào tạo. Điều đó có nghĩa là trong quá trình dạy học, người học giữ vị trí then chốt, quyết định chất lượng giáo dục. Giảng viên là người hướng dẫn, định hướng, gợi mở tạo vấn đề còn NH sẽ chủ động tìm hiểu và thực hiện, không bị động tiếp thu kiến thức do giảng viên cung cấp. Các CTĐT không chỉ tập trung vào các kiến thức chuyên môn mà còn

bổ sung những môn học liên ngành giúp khai mở những kiến thức mới mẻ, hướng tới việc phát huy tối đa sáng tạo của cá nhân, giải phóng tư duy, năng lực trí tuệ của con người và tạo điều kiện cho họ phát huy hết khả năng cá nhân, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp sang nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Thông qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu tài liệu, làm bài tập tình huống theo nhóm, NH được rèn luyện những kỹ năng tự học như: kỹ năng phân tích, tổng hợp; kỹ năng phát hiện vấn đề; kỹ năng trình bày và giải quyết vấn đề và đạt được các kỹ năng và kiến thức cụ thể theo yêu cầu của môn học.

Với triết lý giáo dục “tạo ra những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc”, Trường ĐHLHN đã xác định phương châm giáo dục là đặt chất lượng lên hàng đầu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có trách nhiệm xã hội, ý thức phục vụ cộng đồng và có khả năng tham gia vào thị trường lao động toàn cầu.

Bên cạnh các CTĐT tiêu chuẩn, Nhà trường đã xây dựng và phát triển các chương trình chất lượng cao và chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động quốc tế và đào tạo ra những công dân toàn cầu. Hiện nay, Trường ĐHLHN đào tạo 4 ngành với 6 chuyên ngành ở bậc đại học, 2 chương trình chất lượng cao, 2 chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế [MC: QĐ 2261/2021]. Hoạt động đào tạo của Nhà trường luôn gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong và ngoài nước.

Hàng năm, căn cứ CTĐT, kế hoạch giảng dạy chung được phê duyệt của Nhà trường, các đơn vị đào tạo của cả 3 cơ sở sẽ xây dựng Kế hoạch giảng dạy và học tập cho từng kỳ học, năm học, khóa học [MC: Kế hoạch từ 2017 -2021 – 4 file nén], cho tất cả các loại hình đào tạo; từ kế hoạch giảng dạy và học tập, các đơn vị quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu chi tiết theo từng môn, từng lớp, từng giai đoạn của học kỳ để tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc học tập, nghiên cứu và sắp xếp thời gian tham gia các lớp học kỹ năng khác.

Các CTĐT của Nhà trường đều hướng đến khả năng học tập suốt đời và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho NH nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của NH. Do vậy, trong quá trình học tập, các đơn vị đào tạo phối hợp với Viện/Khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức cho NH đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành đào tạo [MC: QĐ số 2726/2021].

Nhằm đáp ứng nhu cầu được tiếp xúc và trải nghiệm nhiều nền văn hóa mới, khám phá thế giới xung quanh, phát triển bản thân, đồng thời được tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến ở các quốc gia khác nhau trên thế giới, hàng năm, Nhà trường tổ chức các chương trình trao đổi cho SV chính quy (Phòng hợp tác quốc tế - Phiếu trình có chữ ký lãnh đạo) thông qua mạng lưới các trường đối tác nước ngoài. Điều này mở ra cơ hội học hỏi, mở mang kiến thức và đặc biệt đây là một môi trường thuận lợi để trau dồi khả năng ngoại ngữ.

Về việc triển khai các hoạt động học tập đa dạng: các hoạt động hỗ trợ để SV nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu để xây dựng khả năng tự học, tự đọc được

triển khai rộng rãi thông qua các cuộc thi SV nghiên cứu khoa học [MC: Thẻ lệ và Báo cáo tổng kết, QĐ 3356/2020, QĐ 3846/2022]. Sau mỗi năm tổ chức, Nhà trường đều có những thống kê, báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của cả cán bộ, giảng viên, NH để có cái nhìn tổng quát hơn; từ đó điều chỉnh qua các năm, xây dựng những phương án mới phù hợp hơn, hiệu quả hơn trong việc tạo dựng môi trường học tập cho NH.

Theo xu hướng hiện nay, CTĐT đã được xây dựng ngày càng gần sát với thực tế, yêu cầu của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp. Chính vì thế, nhu cầu được đi thực tế, trực tiếp tiếp cận các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội... càng trở nên cấp thiết và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giảng dạy. Các đơn vị (Phòng Đào tạo ĐH, Khoa, Viện, Đoàn Thanh niên) cũng chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, trong đó có mời nhiều báo cáo viên, chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực để chia sẻ, định hướng cho SV [MC: Báo cáo của Đoàn Thanh niên – tháng 12/2019].

Bên cạnh năng lực chuyên môn, Nhà trường luôn chú trọng tạo lập một môi trường rèn luyện và học tập cho SV nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng, quan tâm phát triển các năng lực khác. Thông qua hoạt động của gần 30 câu lạc bộ SV, các thế hệ SV ĐHLHN luôn giữ được truyền thống năng động, sáng tạo, giỏi ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức tốt nên được thị trường lao động đánh giá cao.

Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần: Nhà trường cũng thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị dạy học để đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR; Giảng đường đầy đủ máy chiếu, rèm che nắng; TV đầy đủ tài liệu tham khảo và kết nối TV số với hệ thống dữ liệu TV số trong toàn trường; Hội trường trong nhà có sân khấu và màn hình led phục vụ các lớp học kỹ năng, các hoạt động chuyên môn sâu của các lớp, Phòng tập thể thao.

Công tác đảm bảo chất lượng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng tại Nhà trường. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần được BGH đặc biệt quan tâm và chú trọng vì đây là nhân tố quyết định cho sự thành công của công tác đảm bảo chất lượng. Hệ thống đảm bảo chất lượng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần được thiết kế, xây dựng và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan.

Hệ thống đảm bảo chất lượng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần có cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự vận hành thống nhất từ cấp chỉ đạo là Ban Giám hiệu, bên dưới là Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, rồi đến Tổ đảm bảo chất lượng tại các đơn vị. BGH phân

công 01 thành viên trong BGH phụ trách chỉ đạo, định hướng triển khai, thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng.

Bên cạnh chú ý đến ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần, Nhà trường cũng chú trọng tới các trang thiết bị phục vụ đào tạo của trường, cung cấp cho SV các học liệu cần thiết (qua hình thức mượn có nộp cọc tiền)

Nhà trường đặc biệt quan tâm và chú trọng việc sử dụng các phương pháp, phần mềm giảng dạy [MC: Quyết định 2026 ngày 11/6/2021] nhằm gia tăng lợi ích của NH cũng như cung cấp cơ sở hạ tầng cho việc áp dụng các phương pháp, phần mềm giảng dạy. Đồng thời kiểm tra chất lượng cơ sở vật chất phục vụ công tác học tập và giảng dạy. Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, Nhà trường đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các loại hình đào tạo. Để thực hiện tốt việc đào tạo theo hình thức mới, Nhà trường thành lập Tổ hỗ trợ đào tạo trực tuyến tại các đơn vị quản lý đào tạo, Tổ hỗ trợ có trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ giảng viên và NH việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập, giảng dạy và triển khai các hoạt động đào tạo khác. Để đảm bảo việc triển khai được thống nhất, Nhà trường ban hành các văn bản Hướng dẫn việc giảng dạy trực tuyến [MC: Trên web k có văn bản, chỉ thể hiện thời gian tập huấn ngày 19/2/2021] và Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến [MC: Quyết định 2026 ngày 11/6/2021]

Song song với việc chú trọng phát triển cơ sở vật chất, ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, Nhà trường định kỳ lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, NH về việc ứng dụng phương pháp, công nghệ giảng dạy đồng thời thúc đẩy các hoạt động cải tiến từ các kết quả khảo sát này. Việc khảo sát về công tác giảng dạy được tiến hành thường xuyên sau mỗi đợt học [MC: phiếu khảo sát người học về giảng viên và giờ giảng dạy] và sử dụng ý kiến phản hồi này như 1 kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, Phòng ĐTDH tại trụ sở Hà Nội, Phân hiệu của Trường tại Đắk Lắk tổ chức các khóa thực tập giữa khóa dành cho các SV của Trụ sở Hà Nội, Phân hiệu tại Đắk Lắk đã hoàn thiện đủ số lượng tín chỉ đã tích lũy. [MC: QĐ 2726/2021, Thông báo số 2160/2022]

Các CTĐT theo chuẩn chính quy đều hướng đến khả năng học tập suốt đời và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho SV nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của NH. Các Viện/Khoa chuyên môn cũng phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng thời khóa biểu của từng lớp học cho phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo.

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và học tập giúp NH chủ động trong học tập, tăng dần mức tự học qua từng học kỳ, từng năm học, để đạt được CĐR. Đầu năm học, SV chính quy khóa mới tại các Cơ sở được tham gia những buổi định hướng đầu khóa do các đơn vị phối hợp với các Viện/Khoa chuyên môn tổ chức hướng dẫn về phương pháp học tập cũng như những kiến thức thuộc chuyên ngành mà SV đăng ký học (Phòng Đào tạo ĐH, Đoàn TN); giúp cho SV có thể hiểu rõ hơn những gì mình tham

dự sau này. Sau khi kết thúc chương trình học, SV được làm quen với môi trường thực tiễn và hình thành kỹ năng làm việc chuyên nghiệp thông qua hoạt động viết khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

**Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát để đảm bảo và cải tiến chất lượng**

Nhà trường thực hiện chặt chẽ việc giám sát giờ giảng của giảng viên. Giảng viên phải lên lớp đúng thời khóa biểu, đúng giờ quy định cho từng ca học [MC: Kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu các năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022]. Phòng Đào tạo thường xuyên theo dõi việc lên lớp của người dạy, việc đi muộn, về sớm hoặc vắng mặt trong quá trình giảng dạy đều được ghi chép và báo cáo tới cấp có thẩm quyền [MC: Sổ theo dõi của Phòng Đào tạo – chưa có ]; [MC: Báo cáo cuối năm về tình hình lên lớp của GV- chưa có]. Trường cũng có cơ chế giám sát chuyên cần của người học thông qua hoạt động điểm danh, kiểm diện của giảng viên trên lớp [MC: Đề cương môn học các môn học; sổ thảo luận] và thông qua tình hình sử dụng thư viện [MC: thống kê lượt SV ra vào thư viện; thống kê lượt SV mượn trả sách; thống kê lượt tư vấn hỗ trợ SV; thống kê số lượng tài khoản sử dụng thư viện số - chưa có].

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên được thống kê vào cuối năm học thông qua hoạt động kê khai giờ giảng và nghiên cứu khoa học [MC: Cổng thông tin 210.245.13.149:8082; Báo cáo hội nghị viên chức hàng năm]. Kết quả rèn luyện của người học được Phòng Công tác sinh viên thống kê sau từng học kỳ [MC: Quyết định 760/QĐ-ĐHLHN ngày 10 tháng 3 năm 2016 về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy; Thống kê kết quả rèn luyện của sinh viên Khóa 43; Thống kê kết quả rèn luyện của sinh viên Khóa 44].

Nhà trường có các thể chế nội bộ làm cơ sở đánh giá năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên [MC: Quyết định số 2665/QĐ-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tư pháp phê duyệt bản mô tả công việc vị trí việc làm và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội; Phụ lục 1: Bản mô tả công việc vị trí việc làm của trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo quyết định Số 2665); Phụ lục 2: Khung năng lực từng vị trí việc làm của trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo quyết định Số 2665; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội; Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội; Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2392/QĐ/ĐHLHN ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội].

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được đánh giá theo chu kỳ 3 năm/ lần đối với mỗi giảng viên, thời gian được đánh giá là 1 học kỳ [MC: Quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Luật Hà Nội]. Giảng viên được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn gồm 4 tiêu chuẩn lớn, thang điểm tối đa 100 [MC: Bộ tiêu chuẩn đánh

giáo hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Luật Hà Nội]. Tổ thẩm định giáo án do trưởng khoa thành lập đánh giá giáo án theo các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 2 [MC: Mẫu ĐGGD-05]. Tổ dự giảng do trưởng khoa thành lập đánh giá dự và đánh giá giờ lên lớp theo các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 3 [MC: Mẫu ĐGGD-06; ĐGGD-07]. Người học (là người của lớp học mà giảng viên được đánh giá đã thực hiện ít nhất 06 tiết lý thuyết và 06 tiết seminar) thực hiện các yêu cầu của trường thông qua trả lời vào Phiếu ý kiến phản hồi của người học về các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 3 [MC: Mẫu ĐGGD-08]. Trưởng bộ môn và các đơn vị quản lý đào tạo cung cấp thông tin về giảng viên được đánh giá theo các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 1 và 4 [MC: Mẫu ĐGGD-09; Mẫu ĐGGD-10]. Việc tổng hợp kết quả, đánh giá và đề xuất biện pháp khắc phục được thực hiện theo đúng quy trình. Hồ sơ đánh giá giảng viên được Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo lưu trữ vô thời hạn.[MC: Báo cáo tổng hợp tình hình đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2016-2021] Bên cạnh đó, nhà trường tiến hành hoạt động đánh giá hết tập sự để đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên trẻ mới được tuyển dụng. Hoạt động NCKH của giảng viên được đánh giá qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH hàng năm [MC: Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học của trường Đại học Luật Hà Nội năm 2018, 2019, 2020, 2021].

Trường đã tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng dạy và học từ người học thông qua nhiều hình thức, bao gồm cả phát phiếu trực tiếp và khảo sát online [MC: Quyết định 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành “Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội”]; [Kế hoạch số 1182 ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành “Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội”]. Đối tượng được khảo sát bao gồm cả sinh viên các hệ đang theo học [MC: Mã phiếu SV-L-2022; SV-LKT-2022; SV-LTMQT-2022; SV-NNA-2022; SV-LCLC-2022] và cựu sinh viên đã ra trường [MC: Mã phiếu CSV-2022]. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát chú trọng vào việc thu thập phản hồi của người học về chất lượng chương trình đào tạo nói chung và chất lượng các học phần nói riêng. Kết quả từ những khảo sát này là một kênh thông tin hiệu quả góp phần giúp nhà trường đánh giá chất lượng dạy - học. Trên cơ sở xử lý kết quả những khảo sát từ sinh viên và cựu sinh viên, các đơn vị đào tạo và giảng viên tổ chức rút kinh nghiệm để cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra - đánh giá.

Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn về thiết kế chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến cho giảng viên cũng như cử các chuyên viên, giảng viên của trường tham dự các lớp tập huấn về những những nội dung này do các đơn vị khác tổ chức [MC: Bảng tổng hợp đào tạo bồi dưỡng của viên chức, người lao động trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2017-2021]; [Quyết định số 3987/QĐ-ĐHLHN ngày 5 tháng 10 năm 2022 về việc cử viên chức tham gia khóa đào tạo, tập huấn do Ngân hàng Thế giới (SAHEP) tài trợ].

Nhà trường khuyến khích các bộ môn áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá. Đối với đầu điểm 40%, bộ môn có thể lựa chọn hình thức bài tập cá nhân hoặc bài

tập nhóm. Hình thức thi kết thúc học phần do bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt, có sự thay đổi linh hoạt giữa hình thức thi viết, trắc nghiệm máy và thi vấn đáp đối với từng khóa [MC: Quyết định số 3291/QĐ-ĐHLHN ngày 5 tháng 9 năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội về việc duyệt hình thức thi kết thúc học phần đối với các học phần được giảng dạy tại học kỳ I năm học 2022-2023].

Đặc biệt trong bối cảnh dạy - học trực tuyến đảm bảo giãn cách xã hội, nhà trường đã có những giải pháp, cải tiến kịp thời [MC: Quyết định số 2026/QĐ-ĐHLHN về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Nhiều giảng viên đã chủ động áp dụng các phương tiện hiện đại hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá như tư vấn, giao nhiệm vụ cho sinh viên thông qua ứng dụng Teams, thay một số bài kiểm tra trên lớp bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm online bằng Google Form hoặc các nền tảng tương tự.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

**Tiêu chí 15.5. *Triết lý giáo dục cũng hoạt động dạy và học được cải thiện để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời***

Với bề dày lịch sử hơn 40 năm hình thành và phát triển, Nhà trường luôn không ngừng tìm kiếm và xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với mục tiêu đào tạo đặc thù cũng như phù hợp với nhu cầu, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trước năm 2021, nhà trường đào tạo theo triết lý tạo ra những người có hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng vào giải quyết thực tiễn pháp lý, tuy nhiên, triết lý này chưa được thể hiện cụ thể bằng văn bản chính thức của nhà trường.

Căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn phát triển của nhà trường (Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Luật Hà Nội) và Luật giáo dục đại học năm 2012, trong năm 2020 và năm 2021, Trường đã lấy ý kiến các bên có liên quan về dự thảo dự thảo mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục trình độ đại học đi kèm với chương trình đào tạo đại học dành cho các ngành đào tạo của nhà trường : “Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc”. [MC: Triết lý được ban hành kèm theo các Chương trình đào tạo của từng mã ngành]

Ngày 30/6/2021, trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan, bối cảnh phát triển kinh tế xã hội, xu hướng phát triển, sứ mạng... Trường đã ban hành các chương trình đào tạo mới cho các ngành Luật, Luật Chất lượng cao, Luật Kinh tế, Luật Thương mại quốc tế kèm theo các quyết định số 2260, 2261, 2262, 2263 của Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong các Chương trình đào tạo này đều nêu rõ, triết lý giáo dục của nhà trường là “Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc”. [Minh chứng: các Chương trình đào tạo các ngành].

Hoạt động dạy và học được rà soát, cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy học có chất lượng, học tập suốt đời. Các CTĐT được cập nhật, điều chỉnh theo triết lý giáo dục của nhà trường, theo đó mỗi chuyên ngành đào tạo đều chú trọng đến việc xây



dựng mục tiêu đào tạo và CĐR cho từng ngành. [MC: Biên bản họp Dự thảo Kế hoạch tự đánh giá và thành viên hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo]. Thời điểm bắt đầu áp dụng các CTĐT mới chính là thời điểm triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức: Tháng 6/2021. So sánh với các CTĐT cũ của nhà trường được ban hành vào năm 2015, có thể thấy rõ nhà trường đã thay đổi và điều chỉnh rất nhiều trong việc xây dựng CTĐT cho từng ngành phù hợp với triết lý giáo dục, xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR trong từng CTĐT, xu hướng chung là giảm thời lượng học lý thuyết, tăng các giờ học thực hành, thực tế, bổ sung các hoạt động thực tập bắt buộc; tổ chức cho SV đi thực tế tại các Tòa án, nâng cấp/ đầu tư mới các phòng thực hành chuyên môn, xây dựng mới phòng diễn án; tăng cường đào tạo kỹ năng mềm thông qua bổ sung các CĐR về kỹ năng, thái độ từ đó làm tiền đề để bổ sung các học phần sâu về đào tạo và rèn luyện kỹ năng cho người học... Trong giai đoạn 2015 đến nay, Trường cũng thường xuyên thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT cả định kỳ và đột xuất để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. [MC: Các chương trình đào tạo đã công bố, Biên bản họp Dự thảo kế hoạch tự đánh giá và thành viên hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ]

Để có cơ sở cải tiến hoạt động dạy và học, hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát về công tác giảng dạy và học tập sau mỗi đợt học.[MC: Quyết định 1181/QĐ-ĐHLHN ngày 21/05/2022 về việc ban hành “Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội; Kế hoạch số 1182/KH-ĐHLHN Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội] .Đối tượng khảo sát gồm: SV (đang học hoặc đã tốt nghiệp), giảng viên và viên chức hành chính. Hoạt động khảo sát được thực hiện cho tất cả các CTĐT: ngành Luật, ngành Luật Kinh tế, ngành Luật Thương mại quốc tế, ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Luật CLC...[MC: mẫu phiếu khảo sát online cho sinh viên và cựu sinh viên tại địa chỉ

<https://forms.office.com/pages/responsepage.aspx?id=LhnbBQxs6kGowIRaOGthOPj1UTsC2YVEkCpyYTU4Ce1UQIAzWDg4NUQxMkhNU1IxUE1TTTBQTTIDWC4u&fbclid=IwAR3hu8YjvbpGfR6NV3QPqoaDULcs3LOWNhkQy7MQlnUa8hDhxGMcjEevvg>

STT	Nội dung	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
<b>Về Chương trình đào tạo và Hoạt động đào tạo</b>						
1	Đánh giá về phương pháp dạy – học (thuyết giảng, thảo luận, tình huống, diễn án của CTDDT theo các tiêu chí sau đây:					
	Phù hợp với triết lý GD của CTĐT	1	2	3	4	5
	Phù hợp với CĐR của CTĐT	1	2	3	4	5
	Nêu cụ thể những nội dung không phù hợp (nếu có)					
2	Đánh giá về phương pháp thi kiểm tra (BT cá nhân, BT nhóm, thi...) của CTĐT theo các tiêu chí sau đây:					
	Phù hợp với Triết lý GD của CTĐT	1	2	3	4	5

	Phù hợp với CĐR của CTĐT	1	2	3	4	5
	Nêu cụ thể những nội dung về phương pháp thi kiểm tra không phù hợp (nếu có)					
3	Đánh giá các vấn đề sau đây liên quan đến hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của nhà trường					
	Đánh giá hiệu quả của cố vấn học tập	1	2	3	4	5
	Đánh giá hiệu quả của buổi giới thiệu học tuần ở tuần đầu tiên	1	2	3	4	5
	Đánh giá hiệu quả của giờ tư vấn mỗi tuần của học phần	1	2	3	4	5
	Đánh giá hiệu quả tư vấn của giảng viên	1	2	3	4	5
	Đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát học tập, cảnh báo học tập cho người học	1	2	3	4	5
	Nêu những hạn chế trong công tác hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường (nếu có)					
4	Đánh giá về chất lượng, hiệu quả các hoạt động, hỗ trợ việc làm cho người học của Trường ở một số khía cạnh cụ thể sau đây:					
	Đánh giá công tác định hướng nghề nghiệp	1	2	3	4	5
	Đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác hỗ trợ tìm kiếm việc làm	1	2	3	4	5
	Đánh giá hoạt động ngoại khóa	1	2	3	4	5
	Đánh giá hoạt động kiến tập	1	2	3	4	5

Căn cứ kết quả khảo sát, các đơn vị chức năng có kế hoạch cải tiến về hoạt động dạy và học để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, các hoạt động đã cải tiến theo ý kiến của SV... . [MC: về kết quả khảo sát của sinh viên – chưa có]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xác định được triết lý giáo dục rõ ràng, tuyên bố chính thức bằng văn bản, điều chỉnh hoạt động dạy và học, thay đổi CTĐT từng ngành phù hợp với sự thay đổi của triết lý giáo dục

- Nhà trường đã thể hiện tinh thần cầu thị, cởi mở, không ngừng cải thiện thông qua đối thoại trực tiếp với người học (bao gồm cả cựu sinh viên và sinh viên đang tham gia theo học tại nhà trường)

- Nhà trường xây dựng được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, đảm bảo điều kiện giảng dạy các ngành được phép đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại**

- Một số đối tượng bên ngoài trường như cựu sinh viên và nhà tuyển dụng vẫn còn một tỉ lệ chưa nắm bắt được Triết lý giáo dục của Nhà trường. Các hình thức giới thiệu, phổ biến về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan chưa đa dạng, hiệu quả tuyên truyền còn hạn chế, nhất là đối với các đơn vị và cá nhân ngoài trường.

- Chưa có chiến lược đồng bộ và giải pháp hiệu quả để thu hút và tuyển chọn được những giảng viên giỏi về trường; Đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, học hàm PGS; GS còn ít; Đội ngũ giảng viên được đào tạo chuyên môn ở nước ngoài chưa nhiều.

- Số ngành và chuyên ngành đào tạo còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng của Trường. Thiết kế lịch thi chưa tính đủ thời gian ôn tập cho sinh viên/học viên. Nhà trường chưa có phòng dạy và học thể chất cho sinh viên. Một số văn bản manh mún, chưa có sự liên tục (sinh viên nghiên cứu khoa học, tổ chức lớp trao đổi sinh viên có yếu tố quốc tế). Cần khảo sát về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy... thường xuyên hơn nữa (mới khảo sát được 1 lần).

- Hoạt động đánh giá giảng viên bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và sự chuyển đổi sang hình thức dạy - học trực tuyến; Phiếu ý kiến phản hồi của người học chưa thể hiện rõ nội dung về phương pháp kiểm tra - đánh giá của giảng viên, mức độ tham gia trả lời khảo sát của người học còn khiêm tốn.

## **3. Kế hoạch cải tiến**

<b>STT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường truyền thông về mục tiêu và triết lý giáo dục của nhà trường đến với các đối tượng (cựu sinh viên, doanh nghiệp -	Phòng ĐTĐH, Phòng ĐTSĐH, Phòng CTSV	Triển khai thường xuyên, liên tục trước – trong – sau khi tuyển	

		đơn vị tuyển dụng và những người quan tâm)		sinh và đào tạo	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch và các giải pháp đồng bộ nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn ở các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp và tương xứng với chất lượng đội ngũ giảng viên	Ban giám hiệu, Phòng TCCB, Phòng TCKT	Định kỳ hàng năm bắt đầu từ năm học 2022-2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng số lượng ngành đào tạo theo hướng hiện đại, thực tiễn, thúc đẩy năng lực hội nhập của Trường; Thiết kế lịch thi phù hợp với người học; Hiện đại hóa công tác quản lý khoa học.	Phòng ĐTĐH, Phòng QLKH&TSTC	Định kỳ hàng năm từ năm học 2022 - 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng phương án và quy trình đánh giá giảng viên trong điều kiện dạy học trực tuyến; Cập nhật mẫu phiếu thu thập ý kiến, tối ưu hóa cách thức phát và thu phiếu	TTCNTT Phòng ĐTĐH; Phòng ĐBCL&KT Phòng CTSV	Định kỳ hàng năm từ năm học 2022 - 2023	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 15</b>	<b>4.4</b>
Tiêu chí 15.1	6/7
Tiêu chí 15.2	3/7

Tiêu chí 15.3	6/7
Tiêu chí 15.4	3/7
Tiêu chí 15.5	4/7

## **Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học**

**Tiêu chí: TC 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.**

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Nhà trường đã ban hành một hệ thống văn bản liên quan đến việc lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học trong quá trình học tập, bao gồm: Quy chế đào tạo trình độ đại học<sup>2</sup>, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ,<sup>3</sup> Quy chế đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy<sup>4</sup>, Quy định về đào tạo để liên thông cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy đối với người đã có bằng đại học<sup>5</sup>, Quy định về thực tập chuyên môn đối với sinh viên<sup>6</sup>, Quy định về thực hiện khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội<sup>7</sup>, các chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học, sau đại học, Quy chế đào tạo thạc sĩ<sup>8</sup>, Hướng dẫn về việc áp dụng quy chế đào tạo trình độ đại học<sup>9</sup>, Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo<sup>10</sup>, Quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học<sup>11</sup>, Quy chế tạm thời về tổ chức thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học,<sup>12</sup> Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ<sup>13</sup>.

- Nhà trường giao đơn vị ... xây dựng hệ thống các quy trình lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.<sup>14</sup> Nhà trường giao đơn vị ... xây dựng hệ thống các quy trình lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá kết quả học tập của sinh viên.<sup>15</sup> Trong Ban giám hiệu phân công một Phó hiệu trưởng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo đại học, trong đó có

<sup>2</sup> Quy chế 2719

<sup>3</sup> .....

<sup>4</sup> Quy chế 2723

<sup>5</sup> Quy chế 2725

<sup>6</sup> Quy chế 2726

<sup>7</sup> Quy chế 2727

<sup>8</sup> ...

<sup>9</sup> Hướng dẫn 2496/2021

<sup>10</sup> Quyết định số 452.

<sup>11</sup> Quyết định 2026.

<sup>12</sup> Quyết định 3307.

<sup>13</sup> Quyết định 605

<sup>14</sup> .....

<sup>15</sup> .....

công tác kế hoạch đánh giá người học.<sup>16</sup> Hằng năm trước khi bắt đầu học kỳ 2 tháng, Trường công khai lịch trình học, lịch trình thi hết môn dự kiến cho toàn học kỳ. Lịch thi kết thúc các học phần cụ thể của hình thức đào tạo chính quy bậc đại học được Phòng Đào tạo Đại học công bố chậm nhất 30 ngày trước khi tổ chức thi học phần đầu tiên. Lịch thi cụ thể của hình thức đào tạo vừa làm vừa học được Phòng Đào tạo Công bộ trong kế hoạch giảng dạy của năm học theo từng lớp trước khi bắt đầu năm học. Lịch thi các môn cụ thể trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được Phòng Đào tạo Sau đại học công khai trong tuần đầu của kỳ học.<sup>17</sup> Các bộ môn có trách nhiệm công khai hình thức đánh giá chi tiết của học phần (bao gồm đánh giá nhận thức, thái độ, bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân, thi kết thúc học phần), thời gian tiến hành đánh giá từng hình thức kiểm tra, đánh giá cụ thể trong đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần quy định rõ thời gian nộp bài kiểm tra, thời gian diễn ra hình thức kiểm tra đánh giá.<sup>18</sup> Quy định của Nhà trường yêu cầu rõ thời gian chấm thi của các bộ môn, thời gian nhập điểm, lưu trữ điểm thi. Trách nhiệm, quy trình thực hiện cụ thể, thủ tục<sup>19</sup> phúc khảo được áp dụng đối với hình thức thi kết thúc học phần và được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ của Trường.

Các quy chế đào tạo, quy chế thi kết thúc học phần quy định rõ thời gian thực hiện, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong việc tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học. Hình thức đánh giá đối với học phần được quy định đa dạng gồm: điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (10%), điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân (30%), điểm thi kết thúc học phần (60%). Các hình thức này phù hợp với đặc thù của đào tạo luật vốn khuyến khích khả năng tư duy, trình bày quan điểm của người học. Hình thức đánh giá nhận thức và thái độ cho phép bộ môn đánh giá quá trình học tập thường xuyên của người học. Bên cạnh đó, các hình thức kiểm tra đánh giá cũng trao cho bộ môn sự linh hoạt lựa chọn hình thức bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm để đánh giá giữa học phần.<sup>20</sup> Thi kết thúc học phần có thể được thực hiện dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận hoặc vấn đáp. Trên cơ sở quy định chung về đánh giá học phần, các Bộ môn chuyên môn lựa chọn và cụ thể hóa trong đề cương chi tiết các học phần các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với học phần tương ứng cùng với từng thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá cụ thể.<sup>21</sup> Hình thức bài tập nhóm dưới dạng tranh biện, diễn án ngày càng được các bộ môn sử dụng phổ biến hơn, phù hợp với đặc thù của đào tạo luật là tập trung hình thành khả năng tư duy, lập luận cho sinh viên. Qua hình thức đánh giá này, sinh viên cũng tôi luyện được kỹ năng phối hợp làm việc nhóm; các nhóm phải bảo vệ quan

---

<sup>16</sup> .....

<sup>17</sup> Quyết định 452.

<sup>18</sup> Đề cương chi tiết học phần; Quy chế 2719 và các quy chế trước 2719.

<sup>19</sup> Quyết định 452.

<sup>20</sup> Quy chế 2719

<sup>21</sup> Đề cương các môn học.

điểm của mình trước quan điểm phản biện của các nhóm khác, qua đó rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với quan điểm của mình.

**2. Điểm mạnh** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được thực hiện trong suốt quá trình học môn học, bảo đảm đánh giá liên tục đối với người học trong suốt quá trình học tập. Trong đó đặc biệt hình thức đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên đã đem đến cho giảng viên và bộ môn công cụ vừa đánh giá liên tục sự tiếp thu kiến thức nội dung vừa khích lệ tinh thần học tập của sinh viên.

- Một số bộ môn đã áp dụng rất chi tiết và khoa học đối với hình thức đánh giá bài tập nhóm, thực hiện đánh giá bài tập nhóm dưới hình thức tranh biện, có kế hoạch chi tiết cho từng phần công việc khi đánh giá thuyết trình bài tập nhóm<sup>22</sup>

- Trong bối cảnh đại dịch Covid phải chuyển đổi hình thức học tập, đánh giá kết quả học tập để thích ứng, Trường đã kịp thời ban hành quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến.<sup>23</sup>

**1. Điểm tồn tại** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Các quy định về kiểm tra, đánh giá đối với người học tuy đã được ban hành tương đối đầy đủ song còn nằm tản mạn ở nhiều văn bản khác nhau.

- Các quy định về quy trình lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học trong quá trình học tập chưa thực sự rõ ràng trong các văn bản hiện hành; quy định về trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong quy chế liên quan tới kiểm tra, đánh giá chưa thực sự cụ thể.

- Các quy định hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học ở trình độ cao học chưa thực sự chi tiết.

**2. Kế hoạch hành động** (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Xem xét ban hành một văn bản thống nhất về khảo thí	Phòng ĐBCLĐT&KT	2023	.....

<sup>22</sup> Hướng dẫn thực hiện bài tập nhóm của một số bộ môn dưới dạng tranh biện (ví dụ Tổ Luật Hiến pháp)

<sup>23</sup> Quyết định 2026.

	tồn tại	cho tất cả các trình độ đào tạo.			
	Khắc phục tồn tại	Bổ sung vào quy chế đào tạo hiện hành các quy định về quy trình lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học trong quá trình học tập chưa thực sự rõ ràng trong các văn bản hiện hành; quy định về trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong quy chế liên quan tới kiểm tra, đánh giá	Phòng ĐBCLĐT&KT	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Bổ sung các quy định, hướng dẫn chi tiết đánh giá kết quả học tập của người học ở trình độ sau đại học	Phòng ĐBCLĐT&KT	12/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với đào tạo luật như tranh biện, diễn án trong quá trình giảng dạy các học phần	Các bộ môn	Hàng năm	.....
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng các hình thức đánh giá nhận thức, thái độ phong phú để		Hàng năm	



		kiểm tra, đánh giá hiệu quả hơn nữa quá trình học tập thường xuyên, liên tục của sinh viên.			
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện, ban hành chính thức quy chế tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến. Hoặc lồng ghép nội dung quy định vào các quy chế hiện có.		2023	

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7

### Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định cụ thể hóa kịp thời các quy định của Bộ Giáo dục đào tạo về tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các văn bản được cụ thể hóa bao gồm: Quy chế đào tạo trình độ đại học<sup>24</sup>, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ,<sup>25</sup> Quy chế đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy<sup>26</sup>, Quy định về đào tạo đề liên thông cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy đối với người đã có bằng đại học<sup>27</sup>, Quy định về thực tập chuyên môn đối với sinh viên<sup>28</sup>, Quy định về thực hiện khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội<sup>29</sup>, các chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học, sau đại học, Quy chế đào tạo thạc sĩ<sup>30</sup>, Hướng dẫn về việc áp dụng quy chế đào tạo trình độ đại học<sup>31</sup>, Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo<sup>32</sup>, Quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học<sup>33</sup>, Quy

<sup>24</sup> Quy chế 2719

<sup>25</sup> .....

<sup>26</sup> Quy chế 2723

<sup>27</sup> Quy chế 2725

<sup>28</sup> Quy chế 2726

<sup>29</sup> Quy chế 2727

<sup>30</sup> ...

<sup>31</sup> Hướng dẫn 2496/2021

<sup>32</sup> Quyết định số 452.

<sup>33</sup> Quyết định 2026.

chế tạm thời về tổ chức thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học,<sup>34</sup> Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ<sup>35</sup>. Toàn bộ quá trình đánh giá đối với một học phần cụ thể được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần.

Các quy chế, quy định và đề cương chi tiết các học phần đều được phổ biến công khai, rộng rãi tới người học và các giảng viên. Các quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá đều được đăng tải trên Cổng TTĐT của Trường ngay sau khi được ban hành. Các đề cương chi tiết học phần đều được công bố trên Cổng Thông tin điện tử của Trường trước mỗi học kỳ.<sup>36</sup>

Việc tuyển sinh đầu vào của Trường được thực hiện theo quy định và hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, Trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT, xét tuyển theo đề án riêng của Trường (xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia, xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT, xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT của năm, xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương cho chương trình Arizona). Ngưỡng đầu vào được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh hằng năm.<sup>37</sup>

Trong quá trình học tập, Nhà trường áp dụng nhiều phương pháp KTĐG phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, cụ thể:

+ Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, chỉ có một điểm đánh giá là điểm bài tập nhóm hoặc điểm thi kết thúc học phần có trọng số 100%.

+ Đối với các học phần có khối lượng từ 02 tín chỉ trở lên, điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số sau đây:

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận có trọng số 10%;
- Điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân có trọng số 30%;
- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

+ Bộ môn chuyên môn quy định chi tiết phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

+ Đối với các học phần có điểm thi kết thúc học phần được tổ chức đánh giá bằng hình thức trực tuyến thì điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số sau đây:

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận có trọng số 10%;
- Điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân có trọng số 40%;

---

<sup>34</sup> Quyết định 3307.

<sup>35</sup> Quyết định 605

<sup>36</sup> <https://dbcldt.hlu.edu.vn/SubNews/GetListNewsByCategoryId?catid=7617>

<sup>37</sup> Đề án tuyển sinh các năm.

- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50%.<sup>38</sup>

Các hình thức KTĐG thi kết thúc học phần được quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo của Trường, bao gồm: tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, diễn án, thực hành trên máy tính, thực hành ngoài trời (giáo dục thể chất), tiểu luận. Các bước tổ chức thi được quy định chi tiết đối với từng hình thức KTĐG. Đối với hình thức thi tự luận và bán trắc nghiệm, các bước gồm: thành lập ban coi thi kết thúc học phần, phân công cán bộ coi thi; Phó trưởng ban coi thi nhận đề thi từ Phòng ĐBCLĐT&KT; Thư ký Ban coi thi bàn giao cơ sở vật chất tổ chức thi cho cán bộ coi thi; cán bộ coi thi ghi mã số sinh viên lên bàn thi; cán bộ coi thi rà soát, kiểm tra không để gian lận thi; cán bộ coi thi thu bài khi kết thúc thời gian làm bài và nộp về Thư ký Ban coi thi; Thư ký ban coi thi kiểm tra túi bài thi, xác nhận nhận bài. Đối với hình thức thi vấn đáp, quy trình tổ chức thi bao gồm: Trưởng bộ môn nhận Bộ đề thi vấn đáp từ Phòng ĐBCLĐT&KT để tổ chức hỏi thi; Trưởng bộ môn phân công cán bộ hỏi thi đúng chuyên môn của học phần; giảng viên hỏi thi cho người thi bốc thăm đề thi và chuẩn bị từ 10-15 phút; kết thúc hỏi thi, phiếu trả lời vấn đáp được nộp cho Trưởng bộ môn; Bộ môn công bố kết quả thi vào cuối buổi thi. Đối với hình thức thi trắc nghiệm khách quan, quy trình tổ chức thi trắc nghiệm trên giấy thực hiện như các bước đối với thi tự luận. Đối với hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, quy trình gồm các bước: Bộ môn gửi danh sách sinh viên dự thi cho Trung tâm CNTT để xếp ca thi phù hợp; Trưởng, phó ban coi thi phân công 1 CBCT cùng 1 cán bộ kỹ thuật trực phòng thi; người thi làm bài theo đề đã cấp theo tài khoản trên máy tính; công bố kết quả thi ngay sau khi kết thúc bài thi. Đối với hình thức thi thực hành trên máy tính, quy trình tổ chức thi tương tự thi trắc nghiệm trên máy tính. Đối với hình thức viết tiểu luận, quy trình tổ chức thi gồm: bộ môn hoặc giảng viên trực tiếp giảng chuyên đề của bậc sau đại học xây dựng và thông báo công khai danh mục chủ đề viết tiểu luận theo sự phân công của Trưởng khoa chuyên môn. Người học đăng ký đề tài tiểu luận, triển khai viết tiểu luận và nộp tiểu luận về bộ môn đúng thời gian quy định.

Quy trình chấm thi kết thúc học phần hình thức tự luận được thực hiện như sau: Phòng ĐBCLĐT&KT cung cấp biểu mẫu cho công tác chấm thi; Trưởng khoa/Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên chấm thi cho mỗi bài thi; nếu giữa hai lần chấm chênh lệch từ 1 điểm trở xuống thì hai giảng viên chấm thi thảo luận thống nhất điểm, nếu chênh lệch trên 1 điểm thì Trưởng khoa/Trưởng bộ môn phân công người chấm thứ ba; nhập kết quả chấm thi kết thúc học phần; lưu trữ, bảo quản bài thi tại kho của Trường theo quy định. Quy trình chấm thi kết thúc học phần hình thức trắc nghiệm trên giấy được thực hiện như sau: Hiệu trưởng thành lập Ban xử lý bài thi trắc nghiệm; chấm bài thi xuất ra file excel; Phòng ĐBCLĐT&KT phối hợp bộ môn và đại diện Phòng Thanh tra xử lý những trường hợp phát sinh; lưu, bảo quản bài thi tại kho của Trường; nhập kết quả chấm thi vào hệ thống quản lý đào tạo.<sup>39</sup>

---

<sup>38</sup> Quy chế 2719.

<sup>39</sup> Quy chế số 452.

Các Đề cương chi tiết học phần đều quy định cụ thể hình thức đánh giá đối với học phần như đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân, thi kết thúc học phần. Đối với mỗi hình thức KTĐG đều có hệ số điểm và trọng số điểm thành phần.<sup>40</sup> Đề cương môn học được công khai trên Cổng TTĐT của trường vào đầu mỗi học kỳ.

Đánh giá thực tập chuyên môn được thực hiện theo quy định về thực tập chuyên môn đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội. Kết quả thực tập được thể hiện trong Nhật ký thực tập và Báo cáo thực tập chuyên môn, trong đó: điểm chuyên cần (Nhật ký thực tập) chiếm 30%; điểm chuyên môn (Báo cáo thực tập) chiếm 70%. Quy trình chấm điểm thực tập chuyên môn bao gồm: Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên có đủ tiêu chuẩn thực hiện chấm báo cáo thực tập chuyên môn; các giảng viên cho điểm độc lập; Bộ môn tổng hợp điểm theo mẫu và hoàn chỉnh bảng điểm; lưu trữ báo cáo thực tập chuyên môn theo quy định.<sup>41</sup>

Việc xét tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế đào tạo của Trường. Đối với trình độ đại học, sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bao gồm cả các học phần thuộc chương trình môn học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng-an ninh, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo;

b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.<sup>42</sup>

Đối với trình độ sau đại học, học viên cao học được xét tốt nghiệp khi đạt được đủ điều kiện sau: .....

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá của mỗi học phần đều gắn với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Mỗi nội dung của học phần đều có liên hệ với phương pháp kiểm tra, đánh giá, qua đó thể hiện mỗi phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm tới mục đích đạt được nội dung kiến thức nào của học phần, đạt được chuẩn đầu ra nào của học phần và của chương trình đào tạo.<sup>43</sup>

## **2. Điểm mạnh** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

Một số bộ môn đã áp dụng phương pháp phiên tòa giả định (Moot trial) để vừa làm hình thức giảng dạy vừa là phương pháp kiểm tra đánh giá bài tập nhóm. Đây là phương

---

<sup>40</sup> Đề cương các môn học.

<sup>41</sup> Quy chế 2726.

<sup>42</sup> Quy chế 2719

<sup>43</sup> Ma trận về quan hệ giữa PPKTĐG và CĐR của học phần và CĐR CTĐT. Ma trận về ND học phần với CĐR của HP.

pháp hiện đại và đặc biệt phù hợp với đào tạo luật, giúp sinh viên luật tiếp cận nhanh tới kiến thức nội dung cũng như rèn luyện các kỹ năng cốt lõi của nghề luật.<sup>44</sup>

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá của trường khá phong phú, toàn diện, vừa kiểm tra thường xuyên quá trình tiếp thu kiến thức, vừa có các bài thi lớn tập trung đánh giá lượng kiến thức tích lũy được của sinh viên, học viên sau khi kết thúc môn học.

### **3. Điểm tồn tại** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Nhà trường chưa có văn bản quy định các quy trình rõ ràng về kiểm tra, đánh giá người học; chưa có hướng dẫn cụ thể quy trình đánh giá và việc thiết kế các PPKTĐG để bảo đảm phù hợp với mục tiêu tương ứng với mức độ đạt được CĐR của các học phần, CĐR chương trình đào tạo.

- Đề cương chi tiết học phần chưa có hướng dẫn áp dụng tiêu chí đánh giá theo thang BLOOM.

- Nhà trường chưa xây dựng công cụ đánh giá (Rubric) để đánh giá các hình thức: điểm chuyên cần, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm, bài tập, kiểm tra viết, vấn đáp...

- Việc phân tích, đánh giá phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nhiệm chưa được thực hiện thường xuyên, bài bản; chưa tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh phương pháp ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm để có điều chỉnh kịp thời.

### **4. Kế hoạch hành động** (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành văn bản quy định quy trình rõ ràng về kiểm tra, đánh giá người học ở các bậc đào tạo	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	... ....
	Khắc phục tồn tại	Ban hành hướng dẫn cụ thể quy trình đánh giá và việc thiết kế các PPKTĐG để bảo đảm phù hợp với mục	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	

<sup>44</sup> Hồ sơ, báo cáo tổ chức phiên tòa giả định của một số bộ môn.

		tiêu tương ứng với mức độ đạt được CDR của các học phần, CDR của CTĐT.			
	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn áp dụng thang đánh giá BLOOM trong tất cả các đề cương chi tiết học phần	Phòng ĐBCLĐT & KT, các tổ bộ môn	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Lập Rubrics đánh giá các hình thức: điểm chuyên cần, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm, bài tập, kiểm tra viết, vấn đáp... Thể hiện trong các đề cương chi tiết học phần	Phòng ĐBCLĐT & KT, các tổ bộ môn	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	- Làm báo cáo phân tích, đánh giá phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm chưa được thực hiện thường xuyên, bài bản; tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh phương pháp ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm để có điều chỉnh kịp thời.	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Báo cáo Kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại môn học/học phần	Các bộ môn, Phòng ĐBCLĐT & KT.	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Công khai các văn bản, quy chế của Trường và đề cương chi tiết học phần lên 1 mục riêng của Công TTĐT.	Phòng ĐBCLĐT & KT, Trung tâm CNTT	12/2022	
2	Phát huy	Tăng cường, mở rộng áp dụng phương pháp phiên tòa giả định (Moot trial) đối với một số học phần	Phòng ĐBCLĐT & KT, một số bộ môn phù hợp áp dụng phiên tòa giả định	2023	... ....

	điểm mạnh				
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy việc áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá của trường	Các bộ môn	Thường xuyên	

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7

### Tiêu chí: 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt CDR

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá của Trường hiện nay được quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường, Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đào tạo.

Hằng năm, trước khi bắt đầu học học kỳ mới, các bộ môn rà soát, chỉnh sửa đề cương học phần chi tiết môn học của mình. Trong quá trình rà soát, các bộ môn phân tích, đánh giá hiệu quả các hình thức kiểm tra đánh giá và quyết định hình thức kiểm tra, đánh giá của học phần trong năm học sắp tới. Hai tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới, các bộ môn gửi đề cương chi tiết học phần để Nhà trường công khai các đề cương này trên Cổng TTĐT của Trường.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với mỗi học phần bao gồm:

- Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, chỉ có một điểm đánh giá là điểm bài tập nhóm hoặc điểm thi kết thúc học phần có trọng số 100%.

- Đối với các học phần có khối lượng từ 02 tín chỉ trở lên, điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số sau đây:

- + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận có trọng số 10%;
- + Điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân có trọng số 30%;
- + Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

Căn cứ vào các quy định này, Bộ môn chuyên môn quy định chi tiết phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hình thức thi kết thúc học phần bao gồm: Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, diễn án, thực hành trên máy tính, thực hành ngoài trời (giáo dục thể chất), tiểu luận. Các tổ bộ môn lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần phù hợp với đặc thù môn học của mình và quy định trong Đề cương chi tiết học phần.

Bên cạnh đó, các Khoa, bộ môn cũng thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bằng nhiều hình thức như thông qua họp chuyên môn đầu năm học tại khoa, bộ môn; mỗi học kỳ giảng viên tự đánh giá quá trình dạy và học; Khoa, Bộ môn tổ chức các buổi dự giờ giảng viên ...

Các khoa, bộ môn thông qua các cuộc họp chuyên môn phân tích, đánh giá công tác ra đề thi, chấm thi, phúc khảo, công bố kết quả thi, phân tích phổ điểm, đề thi, phân tích điểm quá trình và điểm thi hết học phần, phân tích chung kết quả kiểm tra, đánh giá người học, tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học, từ đó quyết định phương pháp kiểm tra đánh giá cho học phần ở năm học tới.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của người học được đăng tải công khai trên Cổng TTĐT của trường, đăng tải tài khoản của từng sinh viên, học viên trên App HLU-Connect.

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả, Phòng ĐBCLĐT&KT có phân công nhân viên phụ trách để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người học (??)

Các bộ môn công bố kết quả thi hết môn trong thời gian quy định. Đối với hình thức thi tự luận, các bộ môn công bố chậm nhất sau 2 tuần kể từ ngày thi. Hình thức công bố là các bộ môn phối hợp với Phòng Đào tạo đại học tự nhập điểm lên hệ thống và sinh viên có thể tự mình xem điểm sau khi các bộ môn đã nhập điểm. Đối với hình thức thi vấn đáp và thi thực hành, Bộ môn công bố điểm thi kết thúc học phần ngay sau khi thi xong. Đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy, người thi biết kết quả làm bài ngay sau khi kết thúc làm bài.<sup>45</sup>

Kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất 3 tuần kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp.<sup>46</sup>

Sau khi điểm thi kết thúc học phần được công bố trên hệ thống thông tin của Trường, nếu thắc mắc về kết quả thi, người học làm đơn phúc khảo điểm thi nộp về Phòng ĐBCLĐT&KT trong vòng 7 ngày kể từ ngày điểm thi được công bố. Sau khi nhận được đơn, Phòng ĐBCLĐT&KT, Phòng Thanh tra và đại diện bộ môn tìm bài thi của người phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo theo quy định. Việc chấm phúc phải hoàn thành trong vòng 5 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo. Đối với bài thi tự luận, bài thi phúc khảo được chấm bởi hai giảng viên khác với hai giảng viên chấm lần đầu. Sau đó Trưởng bộ môn kết luận về điểm phúc khảo. Đối với bài thi trắc nghiệm, Ban xử lý bài thi trắc nghiệm chấm phúc khảo theo đúng quy trình chấm lần đầu. Đa số sinh viên nắm được quy định về việc phúc khảo bài thi. Số sinh viên phúc khảo bài thi là tương đối ít trong chu kỳ đánh giá.

---

<sup>45</sup> Quy chế 452

<sup>46</sup> Quy chế 2719.



TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2022 NHÀ TRƯỜNG CHƯA KHẢO SÁT, LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC, CỰU NGƯỜI HỌC VỀ CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ.

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Việc rà soát các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện từ cấp sát với người học nhất là cấp bộ môn và cấp khoa nên bảo đảm độ tin cậy cao. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được lựa chọn vì vậy cũng có sự phù hợp cao nhất với đặc thù của mỗi học phần.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Thống kê, khảo sát, đánh giá còn chưa thường xuyên về các hình thức kiểm tra đánh giá đối với đặc thù mỗi môn học.

- Nhà trường chưa có hướng dẫn phân tích kết quả KTĐG của người học và chưa sử dụng các kết quả phân tích để nâng cao hiệu quả lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá; chưa có tiêu chí để rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp KTĐG để đảm bảo tương thích và phù hợp với mức độ đạt CDR của HP.

- Chưa lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan khác (ngoài NH) về việc sử dụng PPDH, quy trình đánh giá KQHT của NH.

- Việc sử dụng phản hồi của các bên liên quan để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT còn hạn chế.

- Một số bộ môn còn nhập điểm chưa đúng thời hạn quy định.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng, ban hành hướng dẫn phân tích kết quả KTĐG của người học (có tiêu chí rà soát rõ ràng)	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	.....
	Khắc phục tồn tại	Thống kê, khảo sát, đánh giá thường xuyên đối với PPKTĐG và sử dụng kết quả phân	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	

		tích để nâng cao hiệu quả lựa chọn PPKTĐG			
	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, ngoài người học, và sử dụng ý kiến phản hồi của người học để cải tiến các hình thức KTĐG.	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Quản triệt các bộ môn nhập điểm KTĐG đúng hạn.	Phòng ĐBCLĐT & KT	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò các bộ môn trong việc rà soát, cải tiến PPKTĐG phù hợp đặc thù các môn học	Các bộ môn	Hàng năm	

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7

**Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.**

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trên cơ sở rà soát, đánh giá hàng năm về các loại hình KTĐG, các tổ bộ môn đều cân nhắc việc điều chỉnh, cải tiến, thay đổi các loại hình KTĐG bảo đảm phù hợp với CĐR của học phần. Khi rà soát và quyết định thay đổi, cải tiến, các tổ bộ môn căn cứ vào ma trận liên hệ giữa PPKTĐG với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Giáo viên khi được giao nhiệm vụ rà soát đề cương học phần cũng bắt đầu từ rà soát CĐR của học phần, xác định lại tổ hợp PPKTĐG phù hợp với đối với người học nhằm bảo đảm độ chính xác, công bằng và khách quan, phù hợp với từng hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu học phần, đáp ứng CĐR chương trình đào tạo. Các thay đổi.<sup>47</sup>

Thông qua việc xây dựng các ma trận KTĐG trong đề cương chi tiết học phần ở từng học kỳ, thông qua rà soát, phân tích, đánh giá các đề thi, kiểm tra, các PPKTĐG

<sup>47</sup> Các biên bản họp các tổ bộ môn hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trước mỗi học kỳ, trong đó có nội dung cải tiến các loại hình, PPKTĐG.

và kết quả đánh giá người học sau mỗi học kỳ, các khoa, bộ môn đã có những đánh giá về mức độ tin cậy, độ chính xác của các PPKTĐG người học.

Độ tin cậy, chính xác của của những loại hình, phương pháp KTĐG người học thể hiện từ khâu ra đề thi, chấm thi, nhập điểm. Tất cả các đề kiểm tra giữa kỳ, thi hết học phần đều được thiết kế bám sát đề cương học phần. Việc biên soạn đề thi hết học phần được thực hiện theo quy trình chặt chẽ.

Đối với đề thi trắc nghiệm khách quan, Trường bộ môn phân công người biên soạn câu hỏi thi trắc nghiệm là giảng viên có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn vững. Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm được biên soạn theo nhóm nội dung của học phần và theo mẫu đã được Hiệu trưởng duyệt. Nội dung của ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu CĐR của học phần theo đề cương chi tiết học phần. Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm khi được biên soạn phải đi kèm các phương án trả lời, trong đó có 1 phương án đúng. Số lượng câu hỏi thi trắc nghiệm trong ngân hàng câu hỏi phải tỉ lệ thuận với số yêu cầu CĐR học phần, bảo đảm tối thiểu 250 câu hỏi đối với học phần 2 tín chỉ, 300 câu hỏi đối với học phần 3 tín chỉ và 350 câu hỏi đối với học phần 4 tín chỉ. Trên cơ sở phân công của trưởng khoa, trưởng bộ môn để biên soạn câu hỏi nguồn, bộ môn cử 2 giảng viên thực hiện tổ hợp ngân hàng câu hỏi theo kế hoạch. Ngân hàng được rà soát, loại bỏ, làm mới hằng năm theo đề xuất của đơn vị chuyên môn.

Đối với đề thi tự luận, trưởng bộ môn phân công người biên soạn đề thi là giảng viên có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn vững. Trên cơ sở đề nguồn, bộ môn cử 2 giảng viên thực hiện tổ hợp ngân hàng đề thi theo kế hoạch của Trường. Mỗi ngân hàng đề thi tự luận có tối thiểu 30 đề thi. Đối với học phần chưa kịp xây dựng ngân hàng đề thi thì trước mỗi đợt thi bộ môn làm 3 đề thi chính thức cho 1 ca thi để chọn 1 đề thi nhưng không được lặp lại nội dung đề thi trong kỳ trước gần nhất.

Đối với đề thi vấn đáp, trưởng bộ môn phân công người biên soạn câu hỏi thi vấn đáp là giảng viên có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn vững. Số lượng câu hỏi đủ để tổ hợp 30 đề khác nhau, mỗi đề thi tối thiểu 2 câu hỏi chính. Trên cơ sở đề nguồn, bộ môn cử 2 giảng viên tổ hợp ngân hàng câu hỏi thi vấn đáp.<sup>48</sup>

Các tiêu chí thiết kế kiểm tra đánh giá của Nhà trường luôn bảo đảm độ tin cậy, có thể đo được năng lực của người học theo từng mục tiêu học phần đã đề ra. Đáp án và thang điểm chấm điểm bộ phận là bài tập nhóm được giảng viên công bố cho người học ngay trên lớp. Đáp án điểm thi hết học phần và thang điểm được biên soạn cùng với đề kiểm tra đánh giá. Đáp án này được công bố cho người học ngay sau kỳ thi để người học kiểm soát.<sup>49</sup>

Hằng năm, Trường có rà soát, đánh giá hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP, quy trình ra đề thi để đảm bảo được độ bảo mật cao của đề, nhất là với những môn đã có ngân hàng câu hỏi hoặc đề thi trắc nghiệm trên máy. Các bộ môn đã rà soát về hình

---

<sup>48</sup> Quy chế 452.

<sup>49</sup> Quy chế 452.

thức thi, cấu trúc đề thi, ma trận đề thi theo thang bloom để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ hướng tới chuẩn đầu ra.

Thông qua việc rà soát các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá, ở một số khoa/bộ môn đã có những đề xuất điều chỉnh đề thi các học phần để cải thiện quá trình đánh giá để cải thiện tính giá trị và tính tin cậy: tăng cường phát huy mức độ vận dụng, tổng hợp, tính sáng tạo của sinh viên, tăng cường sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá (bài tiểu luận, bài tập lớn). Thay đổi hình thức thi từ tự luận chuyên sang thi vấn đáp, thực hành. Bổ sung câu hỏi trong các ngân hàng đề thi để phù hợp với thực tiễn hằng năm và trình độ nhận thức của sinh viên, tránh sự trùng lặp giữa các kỳ, các năm. Các học phần ..... đã thay đổi hình thức thi từ Tự luận sang hình thức Tự luận+Trắc nghiệm. PPĐG kết quả học tập cũng có sự chuyển đổi từ đánh giá vào cuối quá trình học sang đánh giá theo cả quá trình học.<sup>50</sup>

Khi các bộ môn xây dựng các PPKTĐG đều gắn với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Mỗi nội dung của HP đều chỉ ra mối liên hệ giữ PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT.<sup>51</sup>

Việc xây dựng ma trận kiểm tra đánh giá trong ĐCCT học phần, đề thi được GV, lãnh đạo khoa/bộ môn rà soát. Sau mỗi học kỳ, các khoa cũng đã tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá các phương pháp đánh giá người học và chất lượng bộ đề thi kết thúc học phần, kết hợp với việc phân tích phổ điểm thi của người học, từ đó xác định các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần đối với từng môn học, đồng thời bổ sung, cập nhật các bộ câu hỏi thi, đề thi tương ứng với từng học phần cụ thể<sup>52</sup>. Việc xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các PPKTĐG được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho người học ở buổi học đầu tiên của học phần, trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần thông qua sổ tay sinh viên và ĐCCT học phần.

Các hướng dẫn tổ chức đánh giá kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến được Nhà trường ban hành tháng 6 năm 2021 được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến chuyên môn của các đơn vị có liên quan bao gồm các tổ bộ môn và Trung tâm CNTT. Quy định này được xây dựng thích ứng với bối cảnh học tập thời kỳ dịch Covid-19. Vai trò chính trong việc ra đề thi, chấm thi vẫn là các tổ bộ môn. Tuy nhiên, hình thức thi, phương thức ra đề thi, thu bài, chấm bài, công bố điểm đã được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh học trực tuyến. Đề thi được chuyển sang hình thức làm tiểu luận, cũng là hình thức phù hợp với đặc thù các môn học trong các chương trình đào tạo luật. Vai trò của Trung tâm CNTT tham gia là hết sức quan trọng để bảo đảm tính chính xác, khách quan và sự hoạt động trôi chảy của hệ thống thu nhận, chấm bài, công bố điểm trực tuyến.<sup>53</sup>

<sup>50</sup> Hồ sơ chỉnh sửa đề cương chi tiết môn học của một số môn đã có hoàn thiện PPKTĐG theo các nội dung trên (chuyển từ tự luận sang vấn đáp, thực hành, từ tự luận sang tự luận và trắc nghiệm..

<sup>51</sup> (Ma trận về quan hệ giữa PPKTĐG và CĐR của học phần và CĐR CTĐT).

<sup>52</sup> (các Biên bản họp, công văn báo cáo về việc rà soát đề thi kết thúc học phần của các khoa các học kỳ năm học; các Biên bản họp Hội đồng thẩm định bộ đề thi của các khoa)

<sup>53</sup> Quy chế 2026.

Các quy trình, quy định hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá được Nhà trường phổ biến cho người học qua Cổng TTĐT của Trường, các đơn vị chuyên môn. Trong tuần sinh hoạt công dân và trong buổi đầu tiên của học phần các giảng viên đều phổ biến công khai, đầy đủ tới người học. Sổ tay sinh viên của nhà trường được đăng tải lên App HLU Connect cũng có các nội dung chi tiết về phương pháp KTĐG đang áp dụng tại trường.

Các trường hợp NH đề nghị xem xét về kết quả KTĐG đều được giải quyết và thông báo kịp thời đến NH, trong đó không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PPDG kết quả học tập. Tất cả các trường hợp NH gửi đơn phúc tra kết quả thi đều được giải quyết và NH hài lòng với kết quả sau khi chấm phúc tra.<sup>54</sup>

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Việc thay đổi, cải tiến các loại hình PPKTĐG còn chưa được thực hiện đồng đều ở tất cả các bộ môn, khoa.

Nhà trường chưa có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của PPKTĐG.

Một số trường hợp xem xét khiếu nại kết quả học tập của người học còn chậm trễ.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của PPKTĐG	Phòng ĐBCLĐT & KT	12/2022	.....
2	Khắc phục tồn tại	Làm các báo cáo tổng kết, sơ kết hiệu quả của các PPKTĐG được áp dụng trong CTĐT	.....	12/2022	.....

<sup>54</sup> Kết quả khảo sát người học về việc công bằng, minh bạch trong sử dụng các PPDG kết quả học tập. Hoặc thống kê của Phòng ĐBCLĐT và KT, thống kê qua các hộp thư của Phòng HCTH về tình hình khiếu nại kết quả kiểm tra đánh giá của các môn học.

		Thực hiện việc cải tiến PPKTĐG đồng đều ở các khoa, bộ môn	Các khoa, bộ môn	12/2022	
	Khắc phục tồn tại	Quản triệt việc giải quyết khiếu nại điểm, chấm phúc tra điểm đúng hạn của các bộ môn.	Phòng ĐBCLĐT & KT.	12/2022	

### 5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7

#### Đánh giá chung tiêu chuẩn 16:

Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chí 16.1</i>	3/7
<i>Tiêu chí 16.2</i>	3/7
<i>Tiêu chí 16.3</i>	3/7
<i>Tiêu chí 16.4</i>	3/7

#### Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học

**Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học**

Nhà trường có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH

Hoạt động hỗ trợ NH tại Trường ĐHLHN được chú trọng ở mức cao nhất với các hoạt động đa dạng, thực chất hướng đến toàn bộ SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Trường đã ban hành các quy chế, quy định liên quan tới hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, bao gồm: quy chế đào tạo, quy chế công tác sinh viên, quy định về chính sách hỗ trợ SV, quy định và các văn bản liên quan tới hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH về hỗ trợ học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp, hỗ trợ kỹ năng, hỗ trợ đời sống và các hoạt động hỗ trợ khác. [MC: Quy chế CTSV; Quy chế ĐTDH]

Trong quy chế tổ chức hoạt động của Trường quy định rõ các chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan tới các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH bao gồm các đơn vị Phòng ĐTDH, Phòng CTSV, Trung tâm hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng, Phòng QLKH & TSTC, TTTTV, TTCNTT, Phòng QT ... [MC: Quy chế hoạt động của nhà trường - chức năng nhiệm vụ của các đơn vị liên quan đến hoạt động hỗ trợ người học]

Về cơ bản, hoạt động hỗ trợ được chia thành 6 nhóm: hỗ trợ học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp, hỗ trợ kỹ năng, hỗ trợ đời sống và một số hoạt động hỗ trợ khác.

### 1. Hỗ trợ học tập:

Học tập đạt kết quả cao là mục tiêu của SV khi đến trường, do đó các hoạt động hỗ trợ học tập được triển khai xuyên suốt năm học với sự tham gia của gần như tất cả các đơn vị. Hệ thống cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm được triển khai giúp SV, đặc biệt là SV năm nhất, làm quen với môi trường và phương pháp học tập ở bậc đại học, giải đáp thắc mắc về CTĐT và cách sắp xếp thời gian biểu phù hợp [MC: Danh sách GVCN và cố vấn học tập; Sổ tay sinh viên]

Hoạt động NCKH của SV ngày càng được Nhà trường quan tâm, chú trọng. SV được khuyến khích và hỗ trợ tham gia nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức [MC: Các hoạt động NCKH sinh viên]

Để có kết quả học tập tốt, môi trường học tập và hệ thống học liệu là rất quan trọng. Ý thức được điều này, Nhà trường đã đầu tư trọng điểm cho TTTTTV với số lượng sách lớn cả ngoại tuyến lẫn trực tuyến. [MC: Tài nguyên thư viện]

### 2. Hỗ trợ tài chính:

Bên cạnh nguồn học bổng lấy từ quỹ hỗ trợ SV, các tổ chức, cá nhân cũng đóng góp tài chính rất lớn cho các hoạt động SV của nhà trường thông qua các chương trình học bổng cho SV [MC: Các nguồn học bổng ở ngoài dành cho sv]

. Đối với các trường hợp SV có hoàn cảnh khó khăn, Nhà trường cũng có những quy định về hỗ trợ học phí trong điều kiện đặc biệt, cho tất cả các loại hình và bậc đào tạo (chính quy, SĐH, vừa học vừa làm...)[MC: Các QĐ miễn giảm học phí cho sinh viên]

### 3. Hỗ trợ việc làm và hướng nghiệp:

Mặc dù tỷ lệ SV có việc làm sau khi ra trường ở mức rất cao, Nhà trường vẫn luôn đặt mục tiêu hỗ trợ SV xây dựng nền móng của sự nghiệp ngay từ khi còn đang học. Để nâng cao chất lượng và chuyên nghiệp hoá hoạt động tư vấn - hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm, Nhà trường thành lập Trung tâm HTNH và KNCĐ vào năm 2020 với chức năng chính là triển khai các hoạt động phát triển kỹ năng cho SV và kết nối doanh nghiệp. [MC: QĐ Thành lập TT HTNH và KNCĐ ]

Các hoạt động hướng nghiệp được triển khai đến SV ngay từ năm thứ nhất qua hoạt động của Trung tâm HTNH và KNCĐ và Phòng CTSV được duy trì thường xuyên cho đến khi SV ra trường

Các lớp sinh hoạt công dân do Phòng CTSV tổ chức hàng năm đều có các nội dung hướng nghiệp với sự tham gia của đại diện doanh nghiệp giúp SV có cái nhìn thực tế về thị trường lao động [MC: Các kế hoạch hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên]

### 4. Hỗ trợ kỹ năng:

SV Trường ĐHLHN thường được đánh giá có kỹ năng tốt và một bộ phận không nhỏ có thể làm việc trong những ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo. Có được điều này là do Nhà trường rất chú trọng đào tạo những kỹ năng dành cho SV qua các hoạt động của Nhà trường, của hệ thống CLB SV [Hoạt động của các CLB sinh viên]

### 5. Hỗ trợ đời sống:

Đảm bảo SV có một cuộc sống ngoài lớp học tích cực và lành mạnh là mục tiêu của các hoạt động hỗ trợ đời sống được Nhà trường tổ chức. Sức khoẻ là ưu tiên hàng đầu của Nhà trường với các hoạt động của phòng Y tế như chăm sóc sức khoẻ, quản lý hồ sơ bảo hiểm y tế cho SV [MC: Hồ sơ - Kế hoạch bảo hiểm y tế cho Sinh viên]

Cùng với đó, Nhà trường cũng hỗ trợ SV thuộc diện ưu tiên chỗ ở trong KTX để đảm bảo đời sống. Chương trình Tìm nhà cùng bạn do Đoàn thanh niên và CLB Tình nguyện triển khai, giúp các tân SV ngoại tỉnh tìm được nhà trọ an toàn với mức giá phù hợp [Các kế hoạch hỗ trợ tìm nhà cùng sinh viên, phê duyệt sinh viên đủ điều kiện vào KTX ]

Cùng với đó, các tọa đàm, hội thảo giải đáp về các vấn đề khó khăn trong cuộc sống cũng thường xuyên được Đoàn thanh niên, các Khoa/Viện tổ chức để hỗ trợ SV [Các kế hoạch Hội thảo, Tọa đàm hỗ trợ giải đáp khó khăn trong cuộc sống]

Trường đã xây dựng bảng hỏi khảo sát NH trong đó có bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ. Quy chế làm việc, Quy chế khen thưởng, Quy định về đánh giá viên chức... quy định về đánh giá năng lực và kết quả thực hiện của đội ngũ viên chức phục vụ và hỗ trợ. Hàng năm, trường triển khai khảo sát NH định kỳ bao gồm khảo sát của Phòng ĐBCL & KT khi kết thúc học phần, SV tốt nghiệp, khảo sát của Phòng ĐTDH trong quá trình triển khai các học phần để thực hiện cải tiến kịp thời [Kết quả khảo sát của Phòng ĐBCL và KT]

Khen thưởng SV kịp thời, kỷ luật những SV có hành vi không phù hợp cũng được thực hiện dựa trên [TB, QĐ, DS khen thưởng sinh viên]

Ngoài ra, hệ thống giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập cũng là cơ sở để nắm bắt tình hình, giám sát kết quả học tập và hỗ trợ SV kịp thời khi có vấn đề ,góp phần hỗ trợ Nhà trường và SV kiểm soát hành vi bản thân và đưa ra những cảnh báo kịp thời khi kết quả không như mong muốn [KH tổ chức sinh hoạt giữa cố vấn học tập và sinh viên]

Đối với các SV – Đoàn viên, kết quả hoạt động ngoại khoá cũng được phản ánh qua hệ thống đánh giá và ghi chép của Đoàn thanh niên hàng năm [Ảnh chụp số đoàn viên]

Các CLB SV hàng năm đều phải nộp kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động và kế hoạch hoạt động dự kiến năm học. Ngoài ra mỗi phòng/ban và đơn vị chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ của phòng/ban/đơn vị. Hệ thống tiếp nhận thông tin được triển khai qua các đơn vị chức năng như phòng ĐTDH, CTSV, Trung tâm HTNH & KNCĐ...bằng hình thức online và trực tuyến qua các kênh thông tin như mạng xã hội, website, email [Hệ thống tiếp nhận thông tin trực tuyến qua các kênh]

Các khảo sát mức độ hài lòng của NH và kết quả đạt được trong quá trình học được đánh giá hàng năm qua khảo sát của Phòng ĐBCL & KT. [Khảo sát mức độ hài lòng của người học]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan**



Năm 2020, Trường ĐHLHN thành lập Trung tâm HTNH và KNCĐ với nhiệm vụ chính là cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ SV [QĐ thành lập Trung tâm HTNH và KNCĐ]

Cùng với các phòng/ban chức năng, Đoàn thanh niên – Hội SV, Trung tâm HTNH và KNCĐ đã góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Các đơn vị chức năng trong trường đều có một hệ thống nhân sự chất lượng, có chuyên môn cao, đảm bảo công tác hỗ trợ SV được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp

Nhà trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ dựa trên các quy định và kế hoạch được lập từ đầu năm học, nhằm cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ cho SV trong thời gian học tập tại trường.

### 1. Hỗ trợ học tập:

Khoa/Viện và Phòng CTSV phân công giảng viên CN kiêm cố vấn học tập cho các lớp hàng năm với nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập. Các đơn vị như Phòng ĐTDH, Phòng SĐH, Phòng CTSV phân công các chuyên viên trong phòng hỗ trợ cho SV về học tập, về sử dụng phần mềm tin chỉ [QĐ phân công cố vấn học tập]

Đầu các khoá học và năm học, SV được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của nhà trường, các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV [QĐ thành lập Trung tâm HTNH và KNCĐ]

Các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được khuyến khích, số lượng SV tham gia cuộc thi SVNCKH và đạt giải cao ngày càng tăng [Các hoạt động NCKH sinh viên]

### 2. Hỗ trợ tài chính:

Quyết định số 40 v/v quy định về chính sách hỗ trợ SV hệ chính quy đã thực sự đem lại nguồn hỗ trợ tài chính dồi dào và lành mạnh đến với các hoạt động SV. Hàng năm mỗi CLB SV được hỗ trợ 7,000,000VNĐ để vận hành bộ máy, các hoạt động do SV tổ chức được hỗ trợ kinh phí tổ chức lên tới 100,000,000VNĐ/sự kiện [MC: Các QĐ miễn giảm học phí cho sinh viên]

Ngoài ra trong những trường hợp cụ thể, Nhà trường cũng có những chính sách hết sức kịp thời đến SV như hỗ trợ SV bị kẹt tại Hà Nội trong đợt dịch covid (tháng 8/2020), hỗ trợ các SV là F0, hỗ trợ SV mắc bệnh hiểm nghèo. [MC: QĐ hỗ trợ sinh viên khó khăn trong đại dịch Covid]

Bên cạnh các chương trình hỗ trợ tài chính và miễn giảm học phí, Học bổng Đinh Thiện Lý, Hessen cũng là chương trình được SV Trường ĐHLHN quan tâm, giúp các em và gia đình giảm áp lực tài chính trong suốt quá trình học tập tại đây [Học bổng Đinh Thiện Lý, HB Hessen]

### 3. Hỗ trợ việc làm và hướng nghiệp:

Các hoạt động hướng nghiệp ngày càng được tổ chức bài bản và chuyên nghiệp, qua đó số lượng SV tham gia các hoạt động hướng nghiệp ngày càng nhiều

Lộ trình phát triển nghề nghiệp được phát triển và xây dựng cho SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư với các hoạt động cụ thể được xây dựng và thông tin tới SV qua các buổi sinh hoạt công dân do Trung tâm HTNH và KNCĐ tổ chức

Số lượng SV tham gia chương trình Ngày hội việc làm và các sự kiện bên lề như Chụp ảnh chân dung nghề nghiệp, Tư vấn 1-1, hội thảo về ngành nghề tăng dần theo từng năm [hoạt động ngày hội việc làm]

Phản hồi của Doanh nghiệp về mức độ hài lòng với chương trình và SV Nhà trường là rất tích cực [Khảo sát người sử dụng lao động về độ hài lòng với chương trình đào tạo và sinh viên Trường]

Để SV, đặc biệt là SV năm 3,4 có cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp tốt hơn, Nhà trường có kế hoạch Ngày hội việc làm định kỳ hàng năm với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn, đa dạng trong các lĩnh vực, ngành nghề. [hoạt động ngày hội việc làm]

Để đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin tuyển dụng, công thông tin việc làm cho SV Trường ĐHLHN được xây dựng và đưa vào hoạt động công thông tin việc làm SV [Website công thông tin mục tuyển dụng, việc làm]

#### 4. Hỗ trợ kỹ năng:

Kỹ năng mềm/Kỹ năng hành nghề luôn là một trong các thế mạnh của SV Trường ĐHLHN và hệ thống hoạt động ngoại khóa, đặc biệt là các CLB SV đóng một vai trò hết sức quan trọng để có được kết quả này. Với hơn 20 CLB hàng năm trên dưới 30 chương trình lớn nhỏ được thực hiện [hệ thống chương trình CLB]

Đoàn thanh niên với hệ thống chi Đoàn và CLB là hệ thống đem lại sự khác biệt về chất lượng đào tạo kỹ năng của SV Trường ĐHLHN. Thông qua hoạt động của CLB, SV được trải nghiệm và thực hành các kỹ năng như lãnh đạo, quản lý thời gian, tổ chức công việc...rất hữu ích cho quá trình tìm hiểu và hoàn thiện bản thân. Phần lớn các hoạt động của CLB SV Nhà trường là do chính SV đề xuất, xây dựng và triển khai dựa trên sự tư vấn của Ban giám hiệu và BCH Đoàn trường, với sự tham gia đông đảo của SV. Thường xuyên có hơn 2000 SV tham gia hoạt động CLB tại một thời điểm

Chi Đoàn cũng là nòng cốt của hệ thống Đoàn thanh niên, nơi các SV – Đoàn viên được rèn luyện để trưởng thành thông qua các chương trình tập huấn, các cuộc thi về trí tuệ, thể thao và giải trí [hệ thống các cuộc thi trí tuệ, giải trí]

Ban chủ nhiệm CLB và Ban chấp hành chi Đoàn được tập huấn nâng cao các kỹ năng quản trị, lãnh đạo để nâng cao chất lượng của hoạt động SV

#### 5. Hỗ trợ đời sống:

Cuộc sống ngoài lớp học của SV được Nhà trường hết sức chú trọng. Hàng năm hơn 100 SV có hoàn cảnh khó khăn được xét ở trong KTX của Nhà trường, bao gồm các SV quốc tế

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát**

1. Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục

vụ và hỗ trợ NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát

Việc thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau:

Thông qua các Hội nghị đối thoại giữa nhà trường với SV, HV được tổ chức hàng năm trực tiếp giữa Hiệu trưởng, các lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị đào tạo như Phòng ĐTDH, các đơn vị phục vụ của nhà trường: Phòng CTSV, phòng Quản trị, phòng TC - KT, TTTTThư viện, Trung tâm HTNH và KNCĐ với SV nhà trường. Thông qua buổi đối thoại nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của NH, cung cấp và giải thích các thông tin, và chia sẻ với NH các vấn đề được quan tâm.....

Trên cơ sở đó Nhà trường có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ NH [ Biên bản đối thoại giữa hiệu trưởng và người học]

Việc tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của NH thông qua các kênh online như forum, hotline, email lãnh đạo. [Email tiếp nhận phản hồi của lãnh đạo trường] và kênh trực tiếp cũng là hình thức quan trọng để nhà trường rà soát các hoạt động hỗ trợ và phục vụ SV. Hàng năm nhà trường đều tiến hành Khảo sát NH về chất lượng giảng dạy cũng như hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [Kết quả khảo sát của phòng ĐBCL và khảo thí]

Sau mỗi đợt kiểm định nhà trường, trên cơ sở khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, Phòng ĐBCL & KT ban hành kế hoạch cải tiến các hoạt động trong đó có hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [Kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định]

2. Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát

Nhà trường thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát thông qua các số liệu báo cáo hàng kỳ, hàng năm về tình hình học tập và rèn luyện của SV: trình trạng cảnh báo học tập và buộc thôi học của SV kết quả rèn luyện của SV [Kết quả đánh giá kết quả rèn luyện]

Tình hình thực hiện BHYT của SV [Danh sách sinh viên tham gia bảo hiểm y tế] tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm[ báo cáo khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp] Dựa trên kết quả các báo cáo và phân tích nguyên nhân thực trạng, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ NH để cải tiến chất lượng sau rà soát, cụ thể: nghiên cứu sửa đổi các quy định liên quan đến công tác SV cho phù hợp với tình hình thực tế, nghiên cứu đổi mới nội dung các chuyên đề sinh hoạt công dân SV [Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa, Tuần sinh hoạt công dân sinh viên giữa khóa, cuối khóa]

+ Trung tâm HTNH và KNCĐ : Có kế hoạch hỗ trợ SV trong việc nâng cao kỹ năng, tìm kiếm cơ hội việc làm.

+ Bộ phận y tế: Có kế hoạch phối hợp với các bên liên quan như phòng/ban công tác chính trị và SV, phòng/ban quản lý đào tạo, giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền về vai trò và sự cần thiết bắt buộc của BHYT.

+ Giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập: có kế hoạch tăng cường công tác quản lý và theo dõi SV đặc biệt đối với những SV thuộc diện cảnh báo học tập, SV đi trao đổi

nhằm giúp SV cải thiện tình hình học tập, rèn luyện và xây dựng lộ trình học tập phù hợp, tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ [Quy chế công tác sinh viên]

+ Phòng Truyền thông và quan hệ đối ngoại, các khoa chuyên môn có kế hoạch mở rộng mạng lưới đối tác, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho SV đi thực tế, thực tập [Kế hoạch của trung tâm tư vấn pháp luật]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 17.4 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.**

1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong thời gian từ 2017 đến nay, Nhà trường đã luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Về công tác hỗ trợ học tập

+ Công tác hỗ trợ thủ tục hành chính cho SV từ các phòng/ban được cải thiện: Kết nối các phân hệ Quản lý đào tạo, Quản lý SV và Quản lý học phí của SV, Quản lý SV tại chức và bằng hai, HV cao học trong phần mềm tổng thể để tạo thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ NH

Trong thời gian dịch bệnh covid-19 Nhà trường đáp ứng các yêu cầu cấp giấy chứng nhận của SV bằng hình thức đăng ký online thông qua địa chỉ mail [danh sách đăng ký giấy xác nhận]

Công tác nhập học cho SV khóa mới cũng được cải tiến các khâu như nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây, khâu khám sức khỏe đầu khóa cũng được cải tiến nhằm tạo điều kiện hơn cho SV, SV có thể khám ở các cơ sở khám chữa bệnh và nộp phiếu khám cho Bộ phận y tế của nhà trường [quy trình nhập học]

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập được tập huấn thường xuyên để có thể tư vấn giúp đỡ NH trong việc tổ chức học tập, quá trình đánh giá rèn luyện và những khó khăn vướng mắc của SV trong quá trình học tập [kế hoạch tập huấn cố vấn học tập]

Các hoạt động hỗ trợ cho quá trình học tập của NH như các câu lạc bộ chuyên môn của SV ngày càng đa dạng về hình thức và nội dung và được giám sát nội dung bởi Đoàn trường các cuộc thi nghiên cứu khoa học của SV được tổ chức hàng năm thu hút SV tham gia [các cuộc thi nghiên cứu khoa học của sinh viên]

Về Hỗ trợ kỹ năng cho SV

Hệ thống các câu lạc bộ được kiện toàn, chia làm các nhóm: nhóm CLB chuyên môn, nhóm CLB truyền thông, nhóm CLB ngoại ngữ, nhóm CLB sở thích, nhóm CLB Tình nguyện và nhóm CLB phong trào để giúp SV phát huy năng lực của mỗi cá nhân [Đề án các clb]

Công tác này cũng có nhiều cải thiện thông qua tìm kiếm thêm nhiều học bổng dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn nhưng có ý thức vươn lên trong học tập như Học bổng Honda, học bổng hessen [thông báo học bổng]

Trong thời gian dịch bệnh covid-19 Nhà trường đã hỗ trợ cho SV về học phí, hỗ trợ bằng tiền cho toàn bộ SV nhà trường và SV có hoàn cảnh khó khăn hỗ trợ cho những SV ở các tỉnh bị kẹt lại tại Hà Nội [Quyết định hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn trong thời gian dịch bệnh covid 19]

Công tác hỗ trợ việc làm cho SV của nhà trường cũng được quan tâm và tổ chức thường xuyên ngay cả trong thời gian dịch bệnh covid-19. Từ 2018, Ngày hội việc làm được tổ chức định kỳ hàng năm nhằm cung cấp thông tin về việc làm cho SV. Năm 2020, do tình hình dịch bệnh nên Ngày hội việc làm được tổ chức bằng hình thức trực tuyến [ngày hội việc làm]

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác:

+ Sổ tay SV cung cấp các thông tin hữu ích cho SV trong quá trình học tập được cập nhật hàng năm [sổ tay sinh viên]

Thư viện được nâng cấp ngày càng hiện đại, số lượng đầu sách và tài liệu tham khảo của các chuyên ngành ngày càng, phong phú đa dạng đáp ứng yêu cầu của NH [tài nguyên trung tâm thông tin thư viện]

Dịch vụ căngtin, nhà xe, khu vệ sinh, ký túc xá, nhà tập của nhà trường được nâng cấp cải thiện đáp ứng nhu cầu của NH

Đường truyền internet và hệ thống wifi của nhà trường không ngừng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu của NH

2. Hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hệ thống giám sát NH được cải tiến và các kết quả của NH được cải thiện, cụ thể:

+ Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện SV được sửa đổi và ban hành năm 2021 để phù hợp hơn với thực tế [đánh giá kết quả rèn luyện] và Ngày hội việc làm được Trung tâm HTNH và KNCĐ liên kết với các doanh nghiệp tổ chức thường niên từ năm 2018 [ngày hội việc làm] được tổ chức từ năm 2020, số lượng SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm luôn đạt tỷ lệ trên 75%, được duy trì và cải thiện [báo cáo khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tự đánh giá tiêu chuẩn:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<i>Tiêu chí 17.1</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 17.2</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 17.3</i>	<i>5/7</i>
<i>Tiêu chí 17.4</i>	<i>5/7</i>

## **Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học**

***Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu***

- 1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện, giám sát, rà soát các hoạt động NCKH từ cấp Trường đến các đơn vị khoa, bộ môn. Ở cấp Trường luôn có 1 Phó hiệu trưởng được phân công trực tiếp chỉ đạo, điều hành lĩnh vực quản lý khoa học. Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí là đơn vị cấp phòng có chức năng tham mưu cho lãnh đạo trường trong lĩnh vực quản lý khoa học, tổ chức, giám sát, rà soát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học trong toàn Trường. Quy chế tổ chức, hoạt động của Phòng QLKH&TSTC cũng như Quy chế quản lý khoa học của Trường quy định rõ Phòng QLKH&TSTC là đầu mối quản lý hoạt động NCKH của Trường và đồng thời là thường trực Hội đồng khoa học và đào tạo. Phòng QLKH&TSTC có phân công cụ thể trong lãnh đạo phòng và chuyên viên chuyên quản theo dõi, quản lý, rà soát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động NCKH hằng năm của Trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng trong lĩnh vực quản lý, nghiên cứu khoa học, thông qua kế hoạch nghiên cứu khoa học hằng năm còn có Hội đồng KH&ĐT của Trường. Các khoa chuyên môn thuộc Trường có nhiệm vụ lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học của khoa. Các khoa chuyên môn đều phân công 01 lãnh đạo khoa phụ trách lĩnh vực quản lý khoa học của khoa. Các bộ môn thuộc khoa có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện ác dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Trường, khoa, bộ môn. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đề được đề xuất từ cấp khoa, bộ môn, được lãnh đạo Trường phê duyệt đưa vào kế hoạch thực hiện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường được thực hiện thông qua hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát hoạt động nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, được thể chế hóa qua các quy định như Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Việc rà soát các hoạt động nghiên cứu được tiến hành định kỳ hằng quý, nửa năm và hằng năm. Trong báo cáo quý, nửa năm và cuối năm các khoa chuyên môn đều phải báo cáo tiến độ thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học theo kế hoạch và báo cáo điều chỉnh nếu có. Mỗi điều chỉnh kế hoạch nghiên cứu khoa học đều phải được sự phê duyệt của lãnh đạo trường phụ trách NCKH. Hằng năm Trường đều tổ chức hội nghị khoa học năm (thường vào tháng 11 hằng năm, từ năm 2021 trở về trước là tháng 5 hằng năm). Đây là dịp rà soát hoạt động nghiên cứu khoa học ở cấp độ trường, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học trong năm, đề ra phương hướng hoạt động nghiên cứu khoa học của năm sau. Đối với các giảng viên đều phải kê khai giờ nghiên cứu khoa học vào cuối năm, đó là lúc rà soát, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của cá nhân trong năm.

Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình và hướng dẫn chi tiết về quản lý đề tài nghiên cứu khoa học, quy trình quản lý hội thảo, tọa đàm khoa học, biên soạn giáo trình, quy trình tuyển chọn, quản lý đề tài, công bố khoa học, đăng ký sử hữu trí tuệ, trách nhiệm cập nhật hoạt động khoa học của cá nhân. Nhà trường cũng đã quy định chi tiết khối lượng, sản phẩm nghiên cứu khoa học giảng viên trong năm đối với mỗi giảng viên. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học mỗi năm giảng viên không chỉ phải hoàn thành định mức về giờ nghiên cứu khoa học tương ứng với ngạch giảng viên của mình mà còn phải hoàn thành định mức tối thiểu là các hình thức công bố kết quả nghiên cứu khoa học. Theo đó, giảng viên phải có tối thiểu 01 bài đăng tạp chí có chỉ số ISSN và tương đương; giảng viên chính phải có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí được chấm tối đa 0,5 điểm trong danh mục tạp chí của Hội đồng giáo sư nhà nước và tương đương; giảng viên cao cấp phải có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí được chấm tối đa 0,75 điểm trong danh mục của Hội đồng giáo sư nhà nước và tương đương. Giảng viên có thể đăng ký giảm định mức giờ giảng để hoàn thành định mức giờ nghiên cứu khoa học của ngạch giảng viên bậc cao hơn để phát huy khả năng nghiên cứu khoa học của mình.

Hàng năm Trường đều lập dự toán chi tiết hoạt động nghiên cứu khoa học tới từng hoạt động nghiên cứu khoa học của năm. Trong kế hoạch có KPIs chi tiết cho từng hoạt động. Dự toán được lập trên cơ sở đề xuất hoạt động nghiên cứu khoa học năm của các khoa chuyên môn, Phòng quản lý khoa học và trị sự tạp chí tổng hợp, đề xuất bổ sung hoạt động, thẩm định về chuyên môn, Phòng Tài chính kế toán thẩm định về tài chính, Hội Đồng khoa học và Đào tạo thông qua. Sau đó, dự toán kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học được đưa vào kế hoạch tài chính năm do Hiệu trưởng trình, Hội đồng trường thông qua. Các đơn vị chuyên môn được phân cấp sâu trong triển khai các hoạt động NCKH, kể cả việc tổ chức hội thảo cấp trường và đánh giá sơ bộ đề tài cơ sở. Phòng QLKH&TSTC và Phòng TCKT phối hợp quản lý, giám sát triển khai các đề tài đúng kế hoạch. Mỗi hoạt động NCKH ở cấp độ trường (hội thảo, tọa đàm, đánh giá đề tài cơ sở) đều có sự tham gia của đơn vị có chức năng quản lý NCKH là Phòng QLKH&TSTC và Phòng TCKT. Kết quả, sản phẩm của các hoạt động NCKH được thực hiện theo kế hoạch hằng năm là cơ sở để Phòng QLKH&TSTC xác nhận khối lượng, chất lượng giờ NCKH và Phòng TCKT triển khai công tác thanh, quyết toán.

Quy định về chế độ làm việc của giảng viên quy định rõ khối lượng và định mức NCKH hằng năm của giảng viên. Cụ thể: **(Phụ lục Quy định)**

Các loại hình NCKH được quy định rất đa dạng, phong phú. Nhà trường có hướng dẫn cụ thể về quy trình đánh giá đề tài, tiêu chí đánh giá, xếp loại đề tài. Phòng QLKH&TSTC là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng các NCKH của trường. Ngoài ra, Trường có cơ chế theo dõi giám sát thông qua kê khai, đánh giá giờ NCKH hằng năm.

Các đề tài NCKH cơ sở được đánh giá qua hai vòng. Vòng đánh giá sơ bộ do cấp đơn vị chuyên môn chủ trì. Trong hội đồng đánh giá có sự tham gia của Phòng QLKH&TSTC để theo dõi, giám sát, bảo đảm chất lượng của đề tài. Vòng đánh giá chính thức ở cấp Trường do Phòng QLKH&TSTC chủ trì thành lập hội đồng trên cơ

sở Hội đồng đánh giá sơ bộ đã thông qua. Trường có hướng dẫn chi tiết về tổ chức đánh giá sơ bộ đề tài nhằm bảo đảm chất lượng khoa học của đề tài.

**2. Điểm mạnh** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Quy định về tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH của trường có sự phân biệt rõ giữa các ngạch giảng viên. Ngạch giảng viên càng cao thì yêu cầu không chỉ giờ NCKH nhiều hơn mà chất lượng công trình NCKH càng cao xếp theo tiêu chí khách quan đánh giá chất lượng của các công trình. Nhờ vậy thúc đẩy chất lượng công trình NCKH nói chung của Trường.

- Trường chú trọng xây dựng, phát triển một số điển hình chất lượng NCKH để phát huy vai trò dẫn đầu trong khoa học pháp lý, ví dụ Điển đàn Luật học và Phát triển là chuỗi các sự kiện trung tâm của hoạt động NCKH hằng năm với sự tham gia của các nhà khoa học pháp lý đầu ngành của cả nước. Tạp chí Luật học là một trong những tạp chí uy tín nhất của khoa học pháp lý Việt Nam với các số phát hành dày dặn cả bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

**3. Điểm tồn tại** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Hoạt động rà soát, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự đồng đều ở các đơn vị chuyên môn.

**4. Kế hoạch hành động** (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Quản triệt thực hiện quy chế quản lý khoa học đồng đều ở các đơn vị chuyên môn	Phòng QLKH&TSTC, các đơn vị chuyên môn	Hằng năm	.....
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến, nâng cao nhận thức về yêu cầu chất lượng khoa học đối với các công trình	Phòng QLKH&TSTC, các đơn vị chuyên môn	Hằng năm	.....

**5. Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**



***Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD***

**1. Mô tả (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)**

Để tăng nguồn thu cho hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp như khuyến khích việc thực hiện các đề tài khoa học với nguồn kinh phí ngoài trường, xã hội hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường các thỏa thuận hợp tác với các đối tác về nghiên cứu khoa học. Về việc thực hiện tăng cường thực hiện các đề tài khoa học với nguồn kinh phí bên ngoài, trường đã có chính sách khuyến khích các giảng viên, nhóm nghiên cứu, nhà khoa học tham gia xét tuyển chọn các đề tài có nguồn vốn nghiên cứu khoa học của các bộ, ngành, địa phương. Trường có quy định hỗ trợ kinh phí chuẩn bị thuyết minh tham gia xét tuyển chọn đề tài các cấp có nguồn kinh phí ngoài trường. Trong giai đoạn từ 2018-2022, Trường đã và đang thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước, 8 đề tài cấp bộ của Bộ Tư pháp, 2 đề tài trọng điểm cấp Thành phố Hà Nội, 1 đề tài cấp tỉnh, với tổng kinh phí khoảng ... tỷ đồng, bằng ...% so với kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở của Trường. Bên cạnh đó Trường cũng thực hiện các hoạt động NCKH dưới dạng các hội thảo, tọa đàm có nguồn xã hội hóa với các tổ chức ngoài trường, ví dụ Hội thảo “Pháp luật về bất động sản du lịch – thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam” ngày ..... trên cơ sở hợp tác với Hiệp hội bất động sản Việt Nam. Các MOU với các đối tác cũng đem lại nguồn lực bổ sung phục vụ nghiên cứu khoa học cho Trường dưới hình thức mỗi bên chịu chi phí cho phần đóng góp của mình để tiến hành các hoạt động NCKH chung.

Tăng cường phát hành sách, giáo trình cho các cơ sở đào tạo cũng là một nguồn thu đáng kể từ hoạt động NCKH của Trường. Hiện tại trường là một trong số ít các cơ sở đào tạo cung cấp giáo trình phục vụ giảng dạy của các cơ sở đào tạo luật khác. Nguồn thu từ giáo trình tăng đều trong những năm vừa qua, đạt trung bình khoảng ... tỷ đồng/năm với khoảng ... đầu giáo trình, tương ứng với ... bản được cung cấp hằng năm.

Trường có quy định và hướng dẫn chi tiết về thành lập, hoạt động, hỗ trợ hoạt động của các nhóm nghiên cứu, bao gồm Quy chế quản lý khoa học, Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã thành lập và đi vào vận hành 10 nhóm nghiên cứu ở tất cả các chuyên ngành của luật học. Các nhóm nghiên cứu nhận được sự hỗ trợ của trường trong hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ đăng ký, tham gia các đề tài từ cấp bộ trở lên và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể đăng ký với Trường hằng năm. Trường cũng có chính sách thu hút giảng viên, người học tham gia hoạt động nghiên cứu. Đối với giảng viên, Trường đặc biệt khuyến khích việc tham gia đấu thầu thực hiện đề tài khoa học ngoài trường. Các giảng viên tham gia đấu thầu đề tài ngoài trường được hỗ trợ kinh phí làm thuyết minh. Mức hỗ trợ công bố quốc tế của Trường ở mức cao hàng đầu trong các cơ sở đào tạo luật hiện nay với mức cao nhất là 100 triệu đồng cho các bài báo đăng trên tạp chí ISI và mức thấp nhất là 20 triệu đồng cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN. Nhờ chính sách khuyến khích mạnh mẽ mà công bố quốc tế của Trường tăng đều trong những năm vừa qua.

Nhà trường hiện có nhiều Thỏa thuận hợp tác quốc tế với các đối tác rất đa dạng từ Câu lạc bộ Luật sư thương mại quốc tế, Quỹ hòa bình và phát triển, Học viện Công nghệ Bru chính Viễn Thông đến các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực luật học. Bên cạnh đó nhà trường hiện có ... thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài. Nhờ các thỏa thuận này mà hằng năm Nhà trường đều có các hoạt động hợp tác NCKH rất phong phú với cả các đối tác trong nước và nước ngoài.

Các hoạt động NCKH của trường được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch đề ra. Phòng QLKH&TSTC là đơn vị theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch NCKH nói chung của Trường và kế hoạch NCKH của các đơn vị chuyên môn. Tất cả các kế hoạch NCKH đều được duyệt từ đầu năm và mỗi sự thay đổi trong kế hoạch NCKH ở cấp Trường hay cấp đơn vị chuyên môn đều phải được sự chấp thuận của lãnh đạo Trường. Việc giải ngân đối với các hoạt động NCKH cũng được thực hiện đúng quy định và đúng kế hoạch. Trong giai đoạn 2018 – 2022 Nhà trường đã chi tổng cộng ... tỷ đồng để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Trường có chính sách thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động công bố quốc tế và bước đầu đã có tác dụng trong việc tăng số lượng công bố quốc tế của trường.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Một số trường hợp các đơn vị chuyên môn còn điều chỉnh kế hoạch năm.
- Một số hoạt động NCKH điều chỉnh thời gian thực hiện trong năm hoặc kéo dài thời gian thực hiện.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quán triệt việc thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm tại tất cả các đơn vị	Phòng QLKH&TSTC, các đơn vị chuyên môn	Thường xuyên	.....

2	Phát huy	Tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế khuyến khích mạnh công bố quốc tế	Phòng QLKH&TSTC, Phòng TCKT	Thường xuyên	.....
	điểm mạnh				

### 5. Mức đánh giá tiêu chí:..../7

#### ***Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu***

- Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trường đã xây dựng các chỉ số thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn cụ thể và cho từng đối tượng giảng viên (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên) [MC: Chiến lược phát triển khoa học 2016 - 2021, Chiến lược 2030 và Kế hoạch thực hiện chiến lược 2021 - 2025].

Trường có quy định về yêu cầu chất lượng đối với mỗi loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng đến tính mới, khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Các đề tài khoa học cấp cơ sở đều tổ chức hội đồng xét chọn đề tư vấn trước khi thực hiện, tổ chức nghiệm thu (bao gồm cả đánh giá sơ bộ trước khi nghiệm thu chính thức) với những tiêu chí cụ thể. [MC: Quy chế QLKH, Hồ sơ tư vấn xét chọn, Hồ sơ nghiệm thu đề tài]. Các hội thảo được tổ chức đều thành lập Ban tổ chức Hội thảo để xây dựng kế hoạch, các báo cáo hội thảo đều được thẩm định độc lập theo các tiêu chí cụ thể. [MC: Quy chế QLKH, Hồ sơ hội thảo]. Đối với giáo trình, sách chuyên khảo đều thành lập Hội đồng đánh giá đề cương và Hội đồng nghiệm thu. [MC: Quy chế QLKH, Hồ sơ nghiệm thu giáo trình, sách chuyên khảo].

Định kỳ và hằng năm, Trường có chỉ số để đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học, trong đó có yêu cầu cụ thể về số giờ nghiên cứu phải đạt được và sản phẩm khoa học cần có đối với giảng viên, căn cứ vào năng lực nghiên cứu khoa học. Trường có chỉ số để đánh giá hoạt động của các Nhóm nghiên cứu được thành lập. [MC: Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược; Kế hoạch NCKH của Trường; Kế hoạch NCKH các đơn vị các năm 2018 - 2022; Quy định chế độ làm việc của giảng viên; Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu].

Việc đo đếm khối lượng hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên tuân thủ theo quy định của pháp luật và của Trường, thể hiện trong Quy định chế độ làm việc của giảng viên, kê khai giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên [MC: Quy định chế độ làm việc của giảng viên; Mẫu và tổng hợp Kê khai giờ giảng và giờ NCKH hằng năm của giảng viên].

Thành tích công việc nói chung và nghiên cứu khoa học nói riêng của giảng viên được thể hiện trong kết quả đánh giá và xếp loại viên chức hằng năm [MC: Báo cáo

tổng hợp xếp loại viên chức của đơn vị và của Trường; Báo cáo tự đánh giá của viên chức]

Căn cứ vào chỉ số thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ đặt ra, hằng năm, Trường tổ chức tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó tiếp nhận các ý kiến phản hồi của các đơn vị, giảng viên và người học để trên cơ sở đó, có sự điều chỉnh phù hợp cho năm tiếp theo [MC: Báo cáo tổng kết, Biên bản Hội nghị tổng kết NCKH hằng năm]. Các chỉ số được báo cáo và giám sát bởi Hội đồng Trường [MC: Nghị quyết của Hội đồng Trường thông qua kế hoạch công tác, báo cáo tổng kết hằng năm].

**Bảng....: Các chỉ số hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2018 - 2022**

STT	Nội dung	2018	2019	2020	2021	2022
	<b>Số lượng đề tài khoa học các cấp</b>					
	Đề tài/Đề án cấp Nhà nước	0	0	2	1	0
	Đề tài/Đề án cấp Bộ	4	3	1	1	2
	Đề tài/Đề án cấp tỉnh	0	0	0	0	0
	Đề tài cấp cơ sở	43	34	40	36	chưa nghiệm thu
	Nhóm Nghiên cứu	0	0	0	10	2
	Giáo trình, tập bài giảng	27	29	28	15	
	Sách chuyên khảo/ tham khảo của giảng viên	0	1	0	0	
	<b>Số lượng công bố quốc tế</b>					
	Bài báo ISI/Scopus	0	1	3	16	
	Bài báo tạp chí quốc tế có phản biện	0	3	10	22	
	Chương sách quốc tế	1	3	2	2	

Báo cáo hội thảo quốc tế tổ chức ở nước ngoài	0	0	1	2	
<b>Số lượng bài báo tạp chí khoa học trong nước</b>	300	300	300	600	
<b>Số lượng hội thảo, tọa đàm khoa học</b>					
Hội thảo quốc tế	1	9	9	6	3
Hội thảo cấp trường	12	3	15	13	19
Hội thảo cấp cơ sở	36	54	48	33	28
Số lượng bài hội thảo (trừ hội thảo quốc tế tổ chức ở nước ngoài)					
Số lượng tọa đàm khoa học cấp Trường					
Số lượng tọa đàm khoa học cấp khoa					
<b>Số lượng công trình dự thi Cuộc thi Sinh viên NCKH cấp Trường</b>					

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Trường đã xây dựng được những chỉ số, tiêu chuẩn cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu đối với đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm khoa học v.v..

Trường sử dụng thường xuyên các tiêu chí để đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được của các chỉ số. Nhờ đó, số lượng và chất lượng nghiên cứu tăng dần hàng năm. Số lượng công bố quốc tế cũng tăng đáng kể trong thời gian gần đây.

Những kết quả nghiên cứu của Trường có đóng góp đáng kể cho cộng đồng và xã hội, nhất là những vấn đề nóng mà xã hội quan tâm thông qua các chủ đề nghiên cứu, các giải pháp được đưa ra. Trường cũng định kỳ rà soát, đánh giá các chỉ số, tiêu chuẩn đã thực hiện làm cơ sở để điều chỉnh, đề xuất kế hoạch khoa học và công nghệ cho giai đoạn 2016 - 2021, 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Các chỉ số về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên chỉ số công bố quốc tế trong một số năm đầu giai đoạn đánh giá chưa đạt mức trung bình. Tỷ lệ giảng viên tham gia các đề tài, đề án khoa học các cấp chưa đạt chỉ số theo kế hoạch.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

Rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ về kế hoạch, chỉ số nghiên cứu khoa học cho phù hợp

Rà soát, sửa đổi các quy định hỗ trợ nghiên cứu khoa học để khuyến khích cụ thể, phù hợp hơn trong từng giai đoạn.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các đề tài, đề án khoa học và công bố quốc tế.	Phòng QLKH&TSTC	2022 - 2025	.....
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ghi nhận các chỉ tiêu đã đạt được, nâng mức các chỉ tiêu về NCKH phù hợp từng giai đoạn	Phòng QLKH&TSTC	2022 - 2025	.....

**5. Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**

**Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học**

- Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trường thường xuyên tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình quản lý nghiên cứu để cải tiến nâng cao chất lượng. Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí là đơn vị đầu mối, Phòng Hợp tác quốc tế, các khoa chuyên môn và Phân hiệu là đơn vị phối hợp. Hằng năm, Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, cho ý kiến đối với kế hoạch nghiên cứu khoa học của năm tiếp theo trình Hiệu trưởng ban hành [MC. Biên bản họp HĐKHĐT về kế hoạch NCKH hằng năm].

Trường lấy ý kiến các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp về dự thảo Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trước khi ban hành. [MC: công văn, thông báo lấy ý kiến; Kết luận của Hiệu trưởng; Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa của Phòng QLKH&TSTC].

Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, Hội nghị viên chức để lấy ý kiến viên chức về hoạt động nghiên cứu khoa học. Những tham luận, góp ý tại Hội nghị đã góp phần nâng cao chất lượng quản lý nghiên cứu. Trường tổ chức Tuần lễ Nghiên cứu khoa học (nay là Diễn đàn Luật học và Phát triển), trong đó có Hội nghị về nghiên cứu khoa học để lắng nghe các ý kiến góp ý của đội ngũ các nhà khoa học là giáo sư, phó giáo sư của Trường. [MC: Báo cáo tổng kết, Biên bản hội nghị tổng kết NCKH, hội nghị viên chức hằng năm, Kế hoạch tổ chức Tuần lễ NCKH, Biên bản Tọa đàm GS, PGS].

Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác nghiên cứu khoa học sinh viên để người học cho ý kiến, góp ý [MC: Báo cáo tổng kết, Biên bản hội nghị]

Trên cơ sở yêu cầu từ thực tiễn, Trường đã có chính sách hỗ trợ đối với công bố quốc tế để khuyến khích giảng viên có công bố quốc tế có chất lượng. Mức hỗ trợ công bố quốc tế phụ thuộc vào chất lượng công bố. [MC: Quy chế chi tiêu nội bộ, Hướng dẫn hỗ trợ công bố quốc tế]

Trường ban hành quy định về nhóm nghiên cứu để hỗ trợ các giảng viên, nhà khoa học trong việc tổ chức nghiên cứu, bao gồm hỗ trợ về tài chính và hỗ trợ về quy trình, thủ tục tham gia các đề tài khoa học [MC. Quy định về nhóm nghiên cứu; Quy chế CTNB]. Trường khuyến khích giảng viên in sách chuyên khảo từ kết quả nghiên cứu khoa học [MC. Quy chế KHCN].

Trường công khai các quy định, quy chế nội bộ của Trường trên Cổng thông tin điện tử của Trường, sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến đóng góp về công tác quản lý khoa học trên các kênh khác nhau (Cổng thông tin điện tử, email, trang facebook của Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí v.v..) [Minh chứng: website, email, trang FB].

Trường phát động Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học hằng năm, trên cơ sở danh mục sinh viên đăng ký, Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí cho ý kiến để hoàn thiện tên và cách tiếp cận đối với các đề tài dự thi. Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí cũng phối hợp với Đoàn trường để tập huấn, hướng dẫn phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên. [MC: Văn bản cho ý kiến của Phòng QLKH&TSTC, Video hoặc hình ảnh về Chương trình tập huấn cho sinh viên].

Trường có Trang Nghiên cứu khoa học trên Cổng Thông tin điện tử của Trường (địa chỉ <https://research.hlu.edu.vn/>), là nơi công khai các thông tin về quy định, quy

chế, hoạt động khoa học của Trường cũng như tạo diễn đàn để trao đổi khoa học của giảng viên và người học. [MC: Trang Nghiên cứu khoa học].

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Công tác quản lý khoa học thường xuyên được cải tiến để nâng cao chất lượng.

Các chính sách hỗ trợ (đặc biệt là hỗ trợ về nguồn lực tài chính) ngày càng rõ nét và mang lại hiệu quả tích cực.

Số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học được nâng cao. Trường thường xuyên tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan để từng bước cải tiến công tác quản lý.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Hoạt động quản lý còn được thực hiện thủ công, chưa có phần mềm quản lý hoạt động khoa học. Việc lấy ý kiến các bên liên quan chủ yếu ở nội bộ Trường, rất ít khi thực hiện lấy ý kiến của các đối tác của Trường.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Xây dựng phần mềm quản lý khoa học	Trung tâm Công nghệ thông tin Phòng QLKH&TSTC	2022 - 2023	.....
	tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến của các đối tác để cải tiến chất lượng			
2	Phát huy	Tăng cường vai trò của Hội đồng KH&ĐT và các đơn vị chuyên môn trong hoạt động quản lý khoa học	Hội đồng KH&ĐT Phòng QLKH&TSTC Các khoa chuyên môn	2022 - 2023	.....
	điểm mạnh				



## **5. Mức đánh giá tiêu chí: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Quy định về tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH của trường có sự phân biệt rõ giữa các ngạch giảng viên. Ngạch giảng viên càng cao thì yêu cầu không chỉ giờ NCKH nhiều hơn mà chất lượng công trình NCKH càng cao xếp theo tiêu chí khách quan đánh giá chất lượng của các công trình. Nhờ vậy thúc đẩy chất lượng công trình NCKH nói chung của Trường.

- Trường chú trọng xây dựng, phát triển một số điển hình chất lượng NCKH để phát huy vai trò dẫn đầu trong khoa học pháp lý, ví dụ Diễn đàn Luật học và Phát triển là chuỗi các sự kiện trung tâm của hoạt động NCKH hằng năm với sự tham gia của các nhà khoa học pháp lý đầu ngành của cả nước. Tạp chí Luật học là một trong những tạp chí uy tín nhất của khoa học pháp lý Việt Nam với các số phát hành dày dặn cả bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

- Trường có chính sách thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động công bố quốc tế và bước đầu đã có tác dụng trong việc tăng số lượng công bố quốc tế của trường.

Trường đã xây dựng được những chỉ số, tiêu chuẩn cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu đối với đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm khoa học v.v..

Trường sử dụng thường xuyên các tiêu chí để đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được của các chỉ số. Nhờ đó, số lượng và chất lượng nghiên cứu tăng dần hằng năm. Số lượng công bố quốc tế cũng tăng đáng kể trong thời gian gần đây.

Những kết quả nghiên cứu của Trường có đóng góp đáng kể cho cộng đồng và xã hội, nhất là những vấn đề nóng mà xã hội quan tâm thông qua các chủ đề nghiên cứu, các giải pháp được đưa ra. Trường cũng định kỳ rà soát, đánh giá các chỉ số, tiêu chuẩn đã thực hiện làm cơ sở để điều chỉnh, đề xuất kế hoạch khoa học và công nghệ cho giai đoạn 2016 - 2021, 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm.

Công tác quản lý khoa học thường xuyên được cải tiến để nâng cao chất lượng.

Các chính sách hỗ trợ (đặc biệt là hỗ trợ về nguồn lực tài chính) ngày càng rõ nét và mang lại hiệu quả tích cực.

Số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học được nâng cao. Trường thường xuyên tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan để từng bước cải tiến công tác quản lý.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- Hoạt động rà soát, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự đồng đều ở các đơn vị chuyên môn.

Các chỉ số về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên chỉ số công bố quốc tế trong một số năm đầu giai đoạn đánh giá chưa đạt mức trung bình. Tỷ lệ giảng viên tham gia các đề tài, đề án khoa học các cấp chưa đạt chỉ số theo kế hoạch.

Hoạt động quản lý còn được thực hiện thủ công, chưa có phần mềm quản lý hoạt động khoa học. Việc lấy ý kiến các bên liên quan chủ yếu ở nội bộ Trường, rất ít khi thực hiện lấy ý kiến của các đối tác của Trường.

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 18:

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 18.1	5/7
Tiêu chí 18.2	.../7
Tiêu chí 18.3	5/7
Tiêu chí 18.4	4/7

#### Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

**Tiêu chí: 19.1 Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu**

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Theo Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành ngày 18/11/2020, Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường, thực hiện chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng các vấn đề chuyên môn và phối hợp với các đơn vị thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: (i) Tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; (ii) Tham mưu xây dựng văn bản quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường; (iii) Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý tài sản trí tuệ của Trường; (iv) Tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; (v) Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong Trường, là đầu mối tổ chức hòa giải tranh chấp về sở hữu trí tuệ trong Trường; (vi) Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có nhiệm vụ phối hợp với Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí thực hiện các nhiệm vụ: Phát hiện và thông báo kịp thời các tài sản trí tuệ được tạo ra trong khuôn khổ hoạt động của Đơn vị; Yêu cầu viên chức, người lao động, người học trong phạm vi quản lý của đơn vị tiến hành hoạt động ghi nhận, khai báo các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành; Cung cấp thông tin và hỗ trợ Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ do đơn vị tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này; Hỗ trợ Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí xúc tiến việc khai thác thương mại tài sản trí tuệ do đơn vị tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này; Có các biện pháp phòng, chống việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị [Quy chế quản lý hoạt động SHTT]

Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cũng quy định rõ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của Trường, theo đó Trường Đại học Luật Hà Nội là chủ sở hữu đối với những tài sản trí tuệ được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường theo chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm; Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng ký kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường; Tài sản trí tuệ được chủ sở hữu là các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Trường. Trường là đồng chủ sở hữu đối với những tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác nghiên cứu, đầu tư với tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường trong đó có sử dụng nguồn lực hoặc kinh phí của các bên. Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân khác trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tài sản trí tuệ của Trường là tác giả hoặc đồng tác giả của tài sản trí tuệ đó. Quy chế cũng đồng thời quy định về quyền sở hữu trí tuệ của viên chức, người lao động, đối với những tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra bằng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật của mình; quyền sở hữu trí tuệ của người học đối với các tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra trong hoạt động học tập, nghiên cứu tại Trường.[Quy chế quản lý hoạt động SHTT].

Viên chức, người lao động đang công tác tại Trường, Người học, Đơn vị thuộc Trường, tổ chức, cá nhân ngoài trường có hoạt động hợp tác, nghiên cứu, đào tạo, khai

thác tài sản trí tuệ với Trường đều có trách nhiệm bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu hay hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ của Trường, các tổ chức, cá nhân cần kịp thời thông báo cho Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí hoặc đơn vị quản lý trực tiếp để có biện pháp xử lý. [Quy chế quản lý hoạt động SHTT]. Trên thực tế, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tiến hành những biện pháp thích hợp để bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường như tiến hành các hoạt động giám sát, xử lý việc mua bán, sử dụng giáo trình giả; gửi thư khuyến cáo đến các tổ chức số hoá trái phép giáo trình của Trường...[Minh chứng Thông báo giám sát, xử lý việc mua bán, sử dụng giáo trình giả; thư khuyến cáo xâm phạm...].

Trường cũng đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH, theo đó những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chiếm đoạt, chuyển giao bất hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học, giả mạo trong nghiên cứu khoa học là những hành vi bị nghiêm cấm và tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường [Quy định tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong các hoạt động khoa học của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Hàng năm, trường đã tiến hành tra soát luận văn, luận án và có biện pháp xử lý thích hợp đối với những trường hợp vi phạm trong việc sao chép, trích dẫn tài liệu[Minh chứng số liệu tra soát]

Mô tả và nhận định Trường có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu. Trường có chính sách tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên, viên chức khác và người lao động của Trường thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp bằng việc dành kinh phí từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và của Trường [Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ]. Nhà trường có chính sách khuyến khích các nhóm nghiên cứu đăng ký tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học được đầu tư kinh phí... ; các nhóm đăng ký đề tài NCKH cấp Bộ và tương đương, cấp Nhà nước và tương đương như hỗ trợ kinh phí tạm ứng cho việc thuyết minh và chuẩn bị tài liệu tham gia đấu thầu... [Minh chứng?]. Nhà trường quy định cụ thể chính sách khuyến khích trong công bố quốc tế, hoạt động của nhóm nghiên cứu, thực hiện đề tài [Minh chứng]. Các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần kết nối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ được khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định [Quy chế chi tiêu nội bộ; Minh chứng khác]

Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của trường đã có những quy định cụ thể về việc khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ của trường cũng như việc phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ của trường.

Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật nêu rõ Trường có quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác. Viên chức, người lao động chỉ được công bố tài sản trí tuệ của Trường khi Trường chấp thuận. Trong trường hợp Trường không thực hiện việc công bố tác phẩm trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi tác phẩm đủ điều kiện công bố, trừ trường hợp do trở ngại khách quan hoặc có thỏa thuận

khác thì tác giả hoặc các đồng tác giả của tác phẩm được thực hiện quyền công bố sau khi thông báo cho Trường bằng văn bản [Quy chế quản lý hoạt động SHTT]

Giảng viên nhà trường có trách nhiệm công bố sản phẩm khoa học hàng năm năm theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên do Hiệu trưởng ban hành [Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ; Quy định về chế độ làm việc của giảng viên]. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên công bố quốc tế [Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ; Quy chế chi tiêu nội bộ]. Nhóm nghiên cứu được Hiệu trưởng công nhận có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế theo quy định của Trường. Trường khuyến khích giảng viên, viên chức khác, người lao động và người học của Trường công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên Tạp chí Luật học của trường [Quy định về chế độ làm việc của giảng viên].

Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân, tổ chức khi học tập, nghiên cứu tại Trường có nhiệm vụ phát hiện, khai báo, ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi hoạt động, nhiệm vụ hay công việc được giao. [Quy chế quản lý hoạt động SHTT]. Giảng viên, viên chức, người lao động của Trường tham gia nghiên cứu khoa học có trách nhiệm kê khai, cập nhật thông tin và cung cấp minh chứng về hoạt động khoa học theo định kỳ hàng năm theo cả hình thức kê khai bằng văn bản và kê khai trực tuyến [Minh chứng].

2. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; thống kê và danh mục các đề tài NCKH của CSGD thực hiện trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (chủ trì, tên, cấp quản lý, ...)]

**3. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

**4. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Thiếu quy định về định giá đối tượng SHTT
- VB về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại (Quy chế quản lý hoạt động KHCN hiện nay chỉ quy định có chính sách hỗ trợ, tuy nhiên không cụ thể về chính sách hỗ trợ tài chính như thế nào)
- Có văn bản quy định về quy trình công bố, theo dõi, lưu trữ kết quả NCKH (Quy chế quản lý hoạt động KHCN hiện nay quy định về công bố; nhưng thiếu nội dung hướng dẫn về theo dõi, lưu trữ

**5. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....

2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: Đạt

### ***Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai***

**Hệ thống đăng ký TSTT đã được triển khai:** Hiện nay nhà trường đang triển khai đăng ký nhãn hiệu đối với các yếu tố nhận diện thương hiệu, logo của trường. Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội thảo, Toạ đàm khoa học để phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, giảng viên quy định về quyền SHTT, về đăng ký; khiếu nại; khởi kiện về xâm phạm quyền SHTT.

Mô tả và nhận định Trường có phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, GV thuộc Trường). [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành kế hoạch phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ; các văn bản yêu cầu, quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ]

**Hệ thống lưu trữ TSTT:** Nhà trường đã có phần mềm quản lý kết quả NCKH; Các dữ liệu, hồ sơ, kết quả nghiên cứu được cập nhật hàng năm [Minh chứng]

Văn bản yêu cầu, hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ, khai thác TSTT [Minh chứng]

Xây dựng cơ sở dữ liệu, rà soát, phát hiện hành vi xâm phạm TSTT [Minh chứng]

Minh chứng rà soát đạo văn; xâm phạm TSTT đối với tài liệu số hoá

Mô tả và nhận định Trường có thực hiện việc xây dựng CSDL; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành hệ thống dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của CSGD cập nhật từng năm; các hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ; các ấn phẩm khoa học]

### **Hệ thống khai thác TSTT**

[Các hợp đồng thương mại hoá TSTT: hợp đồng bán giáo trình]

Mô tả và nhận định các tài sản trí tuệ của Trường được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành quy định về tài sản trí tuệ của Trường; các bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu...]

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Chưa tiến hành đăng ký nhãn hiệu đối với các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường
- Chưa có Tập huấn (Hội thảo) về quản lý TSTT: đăng ký; khởi kiện, xử lý xâm phạm quyền SHTT
- Chưa xây dựng văn bản hướng dẫn việc ghi nhận, lưu trữ, khai thác TSTT

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	.....	.....	.....	.....
2	Phát huy điểm mạnh	.....	.....	.....	.....

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: Không đạt

**Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện**

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Công tác kiểm tra, giám sát các HDSHTT được thực hiện theo Quy định về quản lý HDSHTT trong cơ sở GDĐH của Bộ GD&ĐT (Quyết định số 78/QĐ-BGDĐT ngày

29/12/2008) và Hướng dẫn thực hiện công tác QLHĐSHTT của Trường. Theo quy định của Trường, Phòng QLKH&TSTC là đơn vị có nhiệm vụ quản lý tài sản trí tuệ. Theo đó, Phòng QLKH&TSTC có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý, việc thực hiện quy định về quản lý TSTT và kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu về TSTT của Trường [MC1: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; MC2: Quyết định số 1852/QĐ-ĐHLHN ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí].

Phòng QLKH&TSTC đã phân công chuyên viên phụ trách các hoạt động liên quan tới sở hữu trí tuệ của Trường. Các chuyên viên được giao nhiệm vụ phụ trách quản lý các đề tài/nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành của các đề tài/nhiệm vụ thông qua các hoạt động kiểm tra giữa kỳ và các hoạt động nghiệm thu đề tài/nhiệm vụ. Định kỳ, Phòng QLKH&TSTC kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các đề tài/nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký kết, lưu trữ hồ sơ, theo dõi, báo cáo theo quy định. Phòng QLKH&TSTC có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động KH&CN [MC1: Bổ sung Kế hoạch rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ; MC2: Biên bản kiểm tra giữa kỳ các đề tài; MC3: Hội đồng nghiệm thu các đề tài; MC4: Các Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm]

Liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, từ năm 2018 đến nay, Trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện việc rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường hai lần. Hoạt động rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường lần thứ nhất được tiến hành vào năm 2020. Theo Kế hoạch rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ lần thứ nhất [MC: Bổ sung kế hoạch rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường lần 1 khoảng đầu năm 2020], Phòng QLKH&TSTC đã phối hợp với Trung tâm Thông tin thư viện tiến hành rà soát các cơ sở giáo dục số hoá giáo trình của Trường mà chưa được sự đồng ý [MC: Báo cáo kết quả kiểm tra việc số hoá giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội ở các cơ sở đào tạo luật ngày 21/8/2020 (Trung tâm thông tin thư viện đã có Báo cáo gửi mail cho thầy Hải - Phòng QLKH&TSTC). Báo cáo này cần được hoàn thiện về hình thức để đảm bảo sự phù hợp]. Hoạt động rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường lần thứ hai được tiến hành vào năm 2021. Theo Kế hoạch rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường lần thứ hai [MC: Bổ sung kế hoạch rà soát hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường lần 2 khoảng đầu năm 2021], Phòng QLKH&TSTC đã phối hợp với Trung tâm Thông tin thư viện tiến hành rà soát các cơ sở giáo dục số hoá giáo trình của Trường mà chưa được sự đồng ý [MC: Báo cáo kết quả kiểm tra việc số hoá giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội ở các cơ sở đào tạo luật ngày 22/11/2021]. Sau khi có kết quả rà soát, Trường gửi Công văn tới các đơn vị đã số hoá giáo trình của Trường mà chưa được sự đồng ý [MC1: Biên bản cuộc họp ngày 25/3/2022 về các biện pháp triển khai công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội (Phòng QLKH hoàn thiện biên bản để trình Phó Hiệu trưởng Tô Văn Hoà ký); MC2: Phiếu trình giải quyết công việc đề xuất phê duyệt Công văn về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội; MC3: Công văn số



1589/ĐHLHN-QLKH&TSTC ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với giáo trình].

Sau rà soát, Phòng QLKH&TSTC xây dựng Báo cáo kết quả rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ từng năm và đề xuất các giải pháp cải tiến cho năm tiếp theo. Hoạt động này giúp cho các đơn vị, cán bộ, giảng viên tổ chức tốt việc thực hiện các hoạt động NCKH trong năm học được kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Kết quả NCKH (bao gồm hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ) hàng năm được nhà trường công khai tại các Hội nghị tổng kết hoạt động NCKH. Qua đó, tiếp nhận các ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về công tác quản lý tài sản trí tuệ, công tác NCKH đặc biệt là những nội dung hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động này. [MC: Phòng QLKH&TSTC cần gia cố các Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm, trong đó cần bổ sung nội dung liên quan đến tổng kết, đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường (cần nêu rõ những ưu điểm và hạn chế của hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, làm căn cứ để xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ)]

**2. Điểm mạnh** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

Trường đã ban hành các văn bản quan trọng, làm cơ sở cho việc thực hiện công tác quản lý tài sản trí tuệ. Trong đó xác định rõ nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường trong hoạt động quản lý tài sản trí tuệ. Bên cạnh đơn vị đầu mối là Phòng QLKH&TSTC, các văn bản của Trường cũng xác định các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Phòng QLKH&TSTC trong việc thực hiện hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ. Trong đó, Trung tâm Thông tin thư viện là đơn vị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ nhất trong công tác quản lý tài sản trí tuệ, đặc biệt là hoạt động rà soát việc số hoá giáo trình của Trường tại các cơ sở đào tạo luật trong cả nước. Thực tiễn cho thấy, hoạt động rà soát việc số hoá giáo trình của Trường tại các cơ sở đào tạo luật đã được thực hiện liên tục qua các năm.

Là một trong các cơ sở đào tạo luật hàng đầu của cả nước, Trường có một lực lượng lớn cán bộ, giảng viên có trình độ cao về sở hữu trí tuệ nói chung, về công tác quản lý tài sản trí tuệ nói riêng. Đây là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường.

Ngoài việc tiến hành rà soát hoạt động số hoá giáo trình của Trường tại các cơ sở đào tạo luật, Trường đã tiến hành gửi Công văn về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với giáo trình tới các cơ sở này. Đây là hoạt động quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động rà soát hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của Trường.

Báo cáo tổng kết, đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được sử dụng làm cơ sở cho việc thực hiện hoạt động cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

**3. Điểm tồn tại** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

Khi Phòng QLKH&TSTC gia cố các Báo cáo hoạt động NCKH hàng năm (trong đó có bổ sung việc đánh giá kết quả hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ) mới có đầy đủ cơ sở để đánh giá điểm tồn tại.

Liên quan đến hoạt động rà soát các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của Trường: mặc dù thường xuyên thực hiện hoạt động rà soát hoạt động quản lý tài sản trí tuệ, song nội dung rà soát mới chỉ tập trung vào việc số hoá giáo trình của Trường tại các cơ sở đào tạo luật mà chưa mở rộng ra các nội dung khác. Đặc biệt là hoạt động rà soát việc sao chép giáo trình, tài liệu của Trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện trong thời gian vừa qua.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần mở rộng phạm vi rà soát hoạt động quản lý tài sản trí tuệ ngoài hoạt động rà soát việc số hoá giáo trình của Trường tại các cơ sở đào tạo luật trong cả nước. Để khắc phục tồn tại này, Phòng QLKH&TSTC cần mở rộng phạm vi rà soát ngay từ khi ban hành Kế hoạch rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ.	Phòng QLKH&TSTC và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phối hợp	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	.....
2	Phát huy	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các quy định của Trường liên quan đến hoạt động quản lý tài sản trí tuệ nói chung, hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ nói riêng. Tiếp tục phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực hiện có vào rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ.	Phòng QLKH&TSTC và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phối hợp	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023.	.....

	điểm mạnh	Mở rộng phạm vi cảnh báo hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của Trường đến các tổ chức, cá nhân khác ngoài các cơ sở đào tạo luật.			
--	-----------	---	--	--	--

### Mức đánh giá tiêu chí:

#### ***Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng***

- 1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trên cơ sở các Báo cáo rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, Trường đã xây dựng các kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ [MC: Phòng QLKH&TSTC cần bổ sung các Kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất hai lần theo Báo cáo rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ]. Trên cơ sở các Kế hoạch này, Trường kịp thời điều chỉnh, bổ sung các văn bản, các quy định, quy trình nghiệp vụ thực hiện hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên không phù hợp, còn thiếu như: đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [MC: Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [MC: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; Quy chế làm việc của cán bộ, giảng viên [MC: Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; Quy chế chi tiêu nội bộ [MC: Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; quy định về thực hiện khoá luận tốt nghiệp [MC: Quy định về thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2727/QĐ-ĐHLHN ngày 21/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; quy định về thực hiện luận văn thạc sĩ của học viên cao học [MC: Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHLHN ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]; quy định về thực hiện luận án tiến sĩ [MC: Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]. Các văn bản này quy định đầy đủ về ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ. Trong đó, quy định rõ việc công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; quy định quy đổi giờ NCKH cho các tác giả công bố các sản phẩm trí tuệ; hướng dẫn trích dẫn tài liệu

tham khảo nhằm hướng dẫn, xác lập việc cán bộ, giảng viên, người học không vi phạm quyền tác giả; nâng mức hỗ trợ cho đề tài, ... Nhờ có các quy định này mà các khoa, cán bộ, giảng viên, người học đã triển khai tốt quy định nộp lưu chiểu các đồ án, khoa luận, luận văn, luận án, báo cáo đề tài NCKH; thực hiện đúng quy định hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo (thể hiện trong nhận xét và biên bản họp hội đồng chấm luận văn, luận án); chưa có hiện tượng vi phạm quyền tác giả. Qua thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ cho thấy nhận thức của cán bộ, giảng viên, người học về quyền sở hữu trí tuệ được nâng lên; căn cứ Danh mục các tài sản trí tuệ, Phòng QLKH&TSTC đã có thể phát hiện chủ động, phối hợp với các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ. Cho đến nay, Trường chưa nhận được phản hồi nào về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong cán bộ, giảng viên và người học; cơ sở dữ liệu về sản phẩm trí tuệ được lưu trữ ngày càng tăng lên.

Từ thực tiễn thực hiện hoạt động cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ được mô tả ở trên và kết quả công tác quản lý tài sản trí tuệ hàng năm [MC: Phòng QLKH&TSTC cần gia cố các Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm, trong đó cần bổ sung nội dung liên quan đến tổng kết, đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường (cần nêu rõ những ưu điểm và hạn chế của hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, làm căn cứ để xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ) - MC này trùng với MC tại mốc chuẩn 2 của tiêu chí 19.3. Tuy nhiên, ở mốc chuẩn này đòi hỏi đánh giá tổng nguồn thu từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ. Do đó, Phòng QLKH&TSTC cần bổ sung nội dung thể hiện nội dung này khi gia cố các Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm], ngày ..., Phòng QLKH&TSTC đã xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ [MC: Phòng QLKH&TSTC cần xây dựng Báo cáo này, trong đó cần mô tả rõ những điểm mới tiến bộ của các văn bản liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ do Trường ban hành so với các văn bản cũ. Đây chính là yếu tố thể hiện sự cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ].

Để khẳng định hiệu quả của công tác quản lý tài sản trí tuệ, Trường đã ban hành Kế hoạch khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường [MC: Phòng QLKH xây dựng Kế hoạch khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan (cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động) về mức độ hài lòng đối với công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường]. Trên cơ sở Kế hoạch này, Trường đã xây dựng bộ Phiếu khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường. Phiếu khảo sát tập trung vào các nội dung gồm: .... (Phụ thuộc vào phiếu khảo sát được xây dựng). Trên cơ sở bộ Phiếu khảo sát này, từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm, Trường đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan bằng hình thức phát phiếu trực tiếp kết hợp với trực tuyến đối với công tác quản lý tài sản trí tuệ. Kết quả khảo sát cho thấy ...% số người được khảo sát thể hiện sự hài lòng với công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường [MC: Phòng QLKH&TSTC xây dựng Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan đối với công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội].

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Hoạt động cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện thường xuyên thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định có liên quan. Tất cả các văn bản trước khi được ban hành đều được lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, cán bộ, giảng viên, người học nên hoàn toàn phù hợp với thực tiễn công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Việc thực hiện hoạt động cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện thường xuyên nhưng chưa theo kế hoạch cụ thể. Việc khảo sát ý kiến chủ yếu tập trung vào đối tượng là cán bộ, giảng viên trong trường mà chưa mở rộng sang các đối tượng khác như cựu sinh viên, cựu học viên, cựu nghiên cứu sinh cũng như các đơn vị sử dụng lao động **(ĐÁNH GIÁ NÀY DỰA TRÊN THỰC TRẠNG CÁC MINH CHỨNG. KHI CÁC MINH CHỨNG ĐƯỢC BỔ SUNG THEO NHỮNG PHÂN TÍCH CỤ THỂ Ở MỤC 1 THÌ VIỆC ĐÁNH GIÁ CÓ THỂ THAY ĐỔI THEO)**

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường cần xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể cho việc cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ. Cần mở rộng các đối tượng được lấy ý kiến đánh giá về công tác quản lý tài sản trí tuệ.	Phòng QLKH&TSTC và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo đề xuất của Phòng QLKH&TSTC	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	.....
2	Phát huy điểm mạnh	Trường cần tận dụng lợi thế về nguồn nhân lực có chất lượng cao để rà soát, đánh giá nhằm sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, ban hành mới các quy định về quản lý tài sản trí tuệ	Phòng QLKH&TSTC và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo đề xuất của Phòng QLKH&TSTC	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	.....

### Mức đánh giá tiêu chí:

#### Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà Trường xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

-  
-  
...

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

-  
-  
...

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 19:

Tiêu chí	Tự đánh giá
----------	-------------

Tiêu chí 19.1	<b><i>Đạt</i></b>
Tiêu chí 19.2	<b><i>Không đạt</i></b>
Tiêu chí 19.3	<b><i>Không đạt</i></b>
Tiêu chí 19.4	<b><i>Không đạt</i></b>

## **Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học**

### ***Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu***

Mô tả và nhận định Trường có quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản về chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu; thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, các CTĐT liên kết quốc tế; Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của Trường với các CSGD/tổ chức quốc tế]

Thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu được Trường hết sức quan tâm. Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội đã xác định: “Mở rộng hợp tác về nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước; tiến hành các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học khác để tăng cường phát triển các nguồn lực của Trường; đồng thời tạo cơ chế hỗ trợ công bố quốc tế đối với các kết quả nghiên cứu.” Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 ngày 23/10/2020 của Hội đồng Trường cũng chỉ rõ: “Mở rộng hợp tác về nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường phát triển các nguồn lực và khai thác hiệu quả nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học chất lượng cao của Trường.” Hợp tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được cụ thể hoá tại nhiệm vụ 12 về “Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học” của Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2020, tại Mục 2 về hoạt động khoa học và công nghệ, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý, việc xây dựng các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học của Trường cũng được xác định rõ: “Hợp tác nghiên cứu với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, tổ chức trong và ngoài nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.” Chính sách khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022 cũng quy định: “...tìm kiếm các đối tác tài trợ, đơn vị đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước”, “Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần kết nối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ sẽ được khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.”[H20.20.1.28], [H20.20.1.1], [H20.20.1.2], [H20.20.1.3], [H20.20.1.4].



Hàng năm, Trường chủ trì hoặc phối hợp với cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, tuần lễ pháp luật có chất lượng chuyên môn rất cao, thu hút sự quan tâm của giảng viên, học viên, sinh viên, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cũng như chuyên gia làm công tác thực tiễn.[H20.20.1.7 liệu mc này đã phù hợp chưa?]. Để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, Kế hoạch hành động tài chính hàng năm của Trường đã xác định rõ các khoản chi cho hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học.[H20.20.1.8 chưa có mc này].

Để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học có hiệu quả cao, một Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng Nhà trường phân công chuyên trách chỉ đạo điều hành công tác nghiên cứu khoa học trong đó có hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác trong nước, một Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng Nhà trường phân công chuyên trách chỉ đạo điều hành công tác hợp tác quốc tế trong đó có hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học.[H20.20.1.13]. Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí là đơn vị chủ trì, tham mưu và đề xuất với hiệu trưởng phát triển mạng lưới đối tác, ký kết các thoả thuận hợp tác về khoa học ở trong nước.[H20.20.1.9]. Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí cũng chính là đơn vị chủ trì, phòng Hợp tác quốc tế và các đơn vị khác trong trường là các đơn vị phối hợp thực hiện việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học hàng năm.[H20.20.1.3], [H20.20.1.10], [H20.20.1.11], [H20.20.1.12]. Các Khoa chuyên môn có thẩm quyền đề xuất với Hiệu trưởng và triển khai hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của Khoa theo quy định của Trường và phân công của Hiệu trưởng. [H20.20.1.10]. Các đơn vị khác trong trường triển khai các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.[H20.20.1.11], [H20.20.1.12], [H20.20.1.23].

Trong Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội, Phần mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học nhấn mạnh việc đẩy mạnh các chương trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài. Đến năm 2021 có ít nhất 02 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai.[H20.20.1.28]. Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 và Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học với chỉ tiêu cụ thể là: hàng năm, phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức ít nhất 03 hội thảo quốc tế/năm; có ít nhất 06 đề tài khoa học do giảng viên của Trường chủ trì thực hiện có sự hợp tác tham gia của các đối tác nước ngoài; đến năm 2025 có ít nhất 05 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai. Trong 05 năm tiếp theo có 10 chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác nước ngoài; hàng năm có ít nhất 20 lượt giảng viên của Trường có báo cáo/tham luận được trình bày tại các hội thảo quốc tế.[H20.20.1.1], [H20.20.1.3] [còn thiếu mc KHCLPT giai đoạn .... và tầm nhìn 2030, KHCL phát triển HTQT giai đoạn ... và tầm nhìn đến.....,KHCL phát triển KHCN của Nhà trường giai đoạn ... và tầm nhìn .....,Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hàng năm của CSGD\*..]. (số liệu hợp tác trong nước không thấy quy định ở đâu?). Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, nhiều kế hoạch hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác nghiên cứu trong và ngoài nước được xây dựng và



triển khai thành công, như hợp tác nghiên cứu với Viện Khoa học Pháp lý – Bộ Tư pháp, Viện nghiên cứu lập pháp của Quốc Hội, Viện nghiên cứu ASEAN, Viện Nhà nước và Pháp luật, Quỹ Hoà bình, Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại thương, Đại học Huế, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, Công ty Luật Hồng Đức, Công ty luật Baker Mackenzi, Đại học Victoria Canada, Viện FES Cộng hoà Liên Bang Đức, Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội... Bên cạnh đó, Trường cũng đã đẩy mạnh công tác thu hút nguồn nhân lực trong hợp tác nghiên cứu khoa học (như viết bài hội thảo, tạo chí, chuyên đề đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, chương sách trong giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo) là các nhà khoa học, chuyên gia thực tiễn có trình độ cao trong và ngoài nước, từng bước kết nối với mạng lưới cựu sinh viên để phục vụ nghiên cứu khoa học.[H20.20.1.24],[H20.20.1.25],[H20.20.1.26],[H20.20.1.27], [còn thiếu các biên bản, thoả thuận ký kết với đối tác]. Bố trí nguồn lực tài chính cho hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học cũng được Trường chú trọng, xem như là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công của công tác hợp tác nghiên cứu khoa học. Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 cũng như Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025, xác định rõ đầu tư kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng tăng dần tỉ lệ thu chi đối với hoạt động khoa học công nghệ của Trường: Kinh phí so với tổng chi cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tăng ít nhất 15-20% mỗi năm, đạt 5% tổng chi vào năm 2025 và trên 10% tổng chi vào năm 2030. Nguồn thu từ các hoạt động khoa học tăng dần đạt tối thiểu 5% tổng thu của Trường vào năm 2025, 10% tổng thu của Trường vào năm 2028, 15% tổng thu của Trường từ năm 2030.[H20.20.1.1], [H20.20.1.3].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

#### ***Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu***

Hàng năm, trên cơ sở các chỉ tiêu về hợp tác nghiên cứu khoa học đã được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016-2021 cũng như trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 và được cụ thể hoá trong Kế hoạch 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025, Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí, Phòng hợp tác quốc tế, Phòng hành chính tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ của mình lập kế hoạch hoạt động hàng năm, trong đó có hoạt động hợp tác phát triển nghiên cứu khoa học với các đối tác: các trường đại học..., viện nghiên cứu..., các cơ quan/doanh nghiệp trong và ngoài nước... tương ứng với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. [Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hàng năm\*]. Trong giai đoạn ĐG, NT đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác trong NCKH với các hình thức đa dạng như: phối hợp thực hiện đề tài NCKH với...; thành lập nhóm NC đề tài chung với...; thực hiện CGCN; kí hợp đồng hợp tác với các chuyên gia từ nước...; công bố chung các kết quả nghiên cứu với...; đồng tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học với...; đưa CB, GV, SV đi học tập, tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài ...; các đoàn ngoài đến trường hợp tác NCKH...(nêu cụ thể hợp tác với đơn vị nào, số lượng hợp đồng/bản ghi nhớ,...cụ thể); [Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hàng năm; các minh chứng triển khai các

hoạt động theo kế hoạch\*],[Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu)], [các CTĐT liên kết quốc tế],[Thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá\*],[Thống kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá],[Thống kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung],[Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)\*],[Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động hợp tác nghiên cứu hàng năm của CSGD],[Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế\*].

Trường đã lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Các tiêu chí lựa chọn đối tác của Trường được quy định cụ thể là: (i) Có thể mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn; (ii) Quan tâm đến cùng vấn đề nghiên cứu; (i) Có năng lực và nguồn lực phù hợp; (iv) Sẵn sàng hợp tác; (v) Ưu tiên những đối tác đã ký kết thỏa thuận hợp tác khác với Trường. [Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hàng năm\*].

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường là “trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.” Trên cơ sở sứ mạng và tầm nhìn của Trường, trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, Trường đã hợp tác với...(bao nhiêu)..đối tác trong và ngoài nước về những nội dung hợp tác như.....Nhìn chung, các đối tác được Trường lựa chọn cũng như nội dung hợp tác về nghiên cứu khoa học trong giai đoạn này phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường. [Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hàng năm; các minh chứng triển khai các hoạt động theo kế hoạch\*],[Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu)], [các CTĐT liên kết quốc tế],[Thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá\*],[Thống kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá],[Thống kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung],[Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)\*],[Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động hợp tác nghiên cứu hàng năm của CSGD],[Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế\*].

Để thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu với các đối tác, Nhà trường thực hiện nhiều hình thức phương pháp đa dạng, cách thức phù hợp như: đối ngoại giữa các cấp lãnh đạo nhằm thỏa thuận hợp tác đào tạo, nghiên cứu cấp trường liên kết thực hiện các dự án đào tạo, NCKH cấp tỉnh, Bộ; cử các GV và CB nghiên cứu đi dự hội nghị, hội thảo trao đổi chuyên môn để giao lưu học hỏi và mở rộng mạng lưới quan hệ, liên kết với

các doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu để tham gia xây dựng hoặc đấu thầu các đề tài, dự án nhằm áp dụng kết quả NCKH vào thực tế; mở rộng liên kết trong đào tạo, hỗ trợ SV trong quá trình thực tập; tăng cường gắn kết Trường và các tổ chức xã hội và gắn kết với địa phương tạo điều kiện SV được gia nhập, tìm hiểu thực tế, gắn học đi đôi với thực hành, đồng thời liên kết doanh nghiệp để giải quyết vấn đề việc làm cho SV, tạo niềm tin, động lực cho SV sau khi học ngành mình đã chọn đồng thời đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, xã hội; phối hợp cùng các đơn vị đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ KHCN, mời các nhà khoa học quốc tế có uy tín, doanh nhân giỏi tham gia Hội đồng KH&ĐT của Trường và hội đồng nghiệm thu, đánh giá đề tài; các đối tác cũng cử các chuyên gia, các nhà khoa học phối hợp NCKH với Trường;... [Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hằng năm; các minh chứng triển khai các hoạt động theo kế hoạch\*],[Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu)], [các CTĐT liên kết quốc tế],[Thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá\*],[Thống kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá],[Thống kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung],[Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)\*],[Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động hợp tác nghiên cứu hằng năm của CSGD],[Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế\*].

Nhà trường đã quan tâm đầu tư thích hợp cho việc thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường năm 2022 đã dành toàn bộ Chương VI để quy định về chi hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Theo đó, các khoản chi được phân bổ cho: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường; thẩm định công nhận và hỗ trợ hoạt động của nhóm nghiên cứu; Nghiên cứu đề tài khoa học cấp trường, đề tài cấp bộ có kinh phí đối ứng của Trường; chi hỗ trợ xây dựng hồ sơ tham gia đấu thầu đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước do Trường làm đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện; Hội thảo, tọa đàm khoa học; Hỗ trợ công bố quốc tế; hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng và tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế; hoạt động khoa học của sinh viên... một điểm cần nhấn mạnh là Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 đã bổ sung kịp thời các khoản chi hỗ trợ công bố quốc tế theo hướng tăng lên, đặc biệt là các công bố quốc tế trong danh mục cơ sở dữ liệu ISI, Scopus. [H20.20.2.1]. Ngoài việc được hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, các công trình nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các công bố khoa học quốc tế được quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cao đã thúc đẩy hoạt động NCKH của nhà trường phát triển và nhận được sự hài lòng của giảng viên, lãnh đạo trường và các cơ quan đơn vị liên quan. [H20.20.2.4].[Thống kê nguồn kinh phí thu chi hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá\*], [Thống kê kinh phí đầu tư cho việc hợp tác đối ngoại].

Trong quá trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác, Trường đã có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả cao về nghiên cứu khoa học, chẳng hạn như: Hội thảo, tọa

đàm khoa học có sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước; đồng tổ chức hội thảo khoa học với các đối tác trong và ngoài nước; phối hợp thực hiện đề tài khoa học; mời chuyên gia viết bài, sách, giáo trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu; đưa cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học tập, tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài; tiếp nhận học viên nước ngoài đến học tập, tham quan, trao đổi kinh nghiệm tại Trường.[Thông kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu)], [các CTĐT liên kết quốc tế],[Thông kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá],[Thông kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung],[Thông kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)\*],[Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động hợp tác nghiên cứu hằng năm của CSGD],[Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế\*].

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: Không đạt**

***Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.***

Nhà Trường đã có văn bản quy định về theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác NCKH. Theo văn bản này(chưa có), đơn vị X có nhiệm vụ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác NCKH. Đơn vị này cử cán bộ chuyên trách theo dõi các hoạt động hợp tác đối tác. [Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả\*].

Hàng năm, Ban Giám hiệu đưa vào kế hoạch và thông báo triển khai trong toàn Trường về rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH.[Kế hoạch và thông báo của BGH về triển khai rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH trong toàn trường]. Hiệu trưởng phân công PHT phụ trách chung đối với hoạt động hợp tác và đối tác phục vụ cho hoạt động NCKH.[H20.20.1.13]. Trường có quyết định về việc thành lập Ban rà soát các chính sách hợp tác và đối tác trong NCKH, ban hành các văn bản quy định cụ thể các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác về NCKH. [Văn bản quy định cụ thể Các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác\*],[Quyết định thành lập Ban rà soát các chính sách hợp tác và đối tác trong NCKH].

Quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH gồm có Y bước: (i) Lập kế hoạch; (ii) Xây dựng tiêu chí rà soát, đánh giá; (iii) Phân công cho từng đơn vị rà soát, đánh giá; (iv) Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá (báo cáo); (v) Báo cáo BGH để chỉ đạo việc cải tiến hoạt động hợp tác trong NCKH. [Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả\*].

Trường có kế hoạch rà soát, đánh giá tính hiệu quả hợp tác và đối tác NCKH định kỳ. Hằng năm, hằng tháng Trường thông qua đơn vị đầu mối là Phòng Quản lý khoa học và trị sự tập chí và Phòng hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính tổng hợp tiến hành rà soát, theo dõi, đánh giá các đề tài, dự án và chương trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác. [Kế hoạch và thông báo của BGH về triển khai rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH trong toàn trường]. Định kỳ rà soát, lấy ý kiến của các bên liên quan và đánh giá hiệu quả của các nội dung hợp tác để làm căn cứ điều chỉnh hoạt động hợp tác hằng năm.

[Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác\*]. Các đề tài hợp tác với đối tác được kiểm tra định kỳ theo KH và kiểm tra nghiệm thu kế hoạch năm. [Kế hoạch và thông báo của BGH về triển khai rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH trong toàn trường], [Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD]. Các dự án, đề tài hợp tác cấp TP/Tỉnh, cấp Bộ được Trường phối hợp với các cơ quan chủ quản rà soát tiến độ và kiểm tra tiến trình thực hiện, đồng thời có báo cáo định kỳ (theo giai đoạn và giữa giai đoạn) về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn lực con người và tổng kết hoạt động hợp tác phát triển. [Kế hoạch và thông báo của BGH về triển khai rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH trong toàn trường], [Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD]. Giữa giai đoạn, các đối tác ngồi lại sơ kết, tổng kết đánh giá các nội dung của hợp đồng/chương trình/dự án để rút kinh nghiệm điều chỉnh nội dung hợp tác cho phù hợp. [Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD].

Trường có các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác dựa vào tiến độ và kết quả thực hiện các công việc cụ thể so với kế hoạch. Tiêu chí đánh giá tính hiệu quả hợp tác NCKH gồm: nguồn thu; số hợp đồng/thỏa thuận/ghi nhớ; số hợp đồng chuyên giao; số hội nghị/hội thảo, tọa đàm đồng tổ chức; số công trình khoa học công bố chung và riêng trên cơ sở hợp tác; số CB, GV, SV được đào tạo, tham gia hội nghị, hội thảo, tham quan, trao đổi kinh nghiệm; số đề tài, dự án được thực hiện; số đoàn ra tham gia hoạt động ĐT& KHCN; số đoàn vào tham gia hoạt động ĐT (trao đổi GV, SV; trao đổi học thuật,..) &KHCN; số giải thưởng NCKH&CN. [Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả\*]. Phòng Quản lý Khoa học phối hợp với Phòng hợp tác quốc tế và các Khoa chuyên môn rà soát tính hiệu quả của từng đối tác theo các tiêu chí đánh giá hiệu quả hợp tác NCKH được xác định trong Kế hoạch rà soát và theo các tiêu chí trong Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả hợp tác NCKH. [Kế hoạch và thông báo của BGH về triển khai rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH trong toàn trường], [Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác\*],[Văn bản quy định cụ thể Các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác\*]

Kết quả rà soát, đánh giá cho thấy: Nêu cụ thể..... [Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác\*],[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD].

#### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: Không đạt**

***Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu***

Sau rà soát, Trường đã thực hiện các hoạt động cải thiện hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước. Nhà trường xác định được thế mạnh của Trường trong NCKH với từng đối tác và tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với các đối tác có hiệu quả như:...liệt kê các đối tác trường duy trì nhiều năm trong giai đoạn đánh giá. [Văn bản quy định cụ thể các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác,

các đối tác, các hoạt động hợp tác\*],[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*]. Để tăng tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu, nhà trường giao cho các phòng quản lý Khoa học và trị sự tạp chí, phòng hợp tác quốc tế, các Khoa chuyên môn triển khai thêm các chương trình hợp tác với đại học nước ngoài nhằm trao đổi học thuật, trao đổi GV, SV, tổ chức hội thảo khoa học chuyên ngành và đào tạo SV tài năng và nâng cấp đối tác chiến lược như: nêu tên các đối tác tầm cỡ của Trường. [Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*]. Đã xuất hiện loại hình hợp tác nghiên cứu với cơ quan...., tập đoàn doanh nghiệp, ...???[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*]

Sau các chính sách, biện pháp thúc đẩy, rà soát tính hiệu quả, nhà trường giao cho phòng quản lý Khoa học và trị sự tạp chí, phòng hợp tác quốc tế, các Khoa chuyên môn triển khai thêm các chương trình hợp tác với đại học nước ngoài, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế nhằm trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên, tổ chức hội thảo khoa học chuyên ngành và đào tạo sinh viên tài năng và nâng cấp đối tác chiến lược. Cụ thể là: (Mô tả cụ thể với các đối tác nào và với những ND hợp tác nào) ...???[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*].

Kết quả của hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Nhà trường đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu gắn với đào tạo và chuyển giao công nghệ của Trường. Các đề tài hợp tác nghiên cứu đã góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của ngành và đất nước: Nêu kết quả sản phẩm chuyển giao công nghệ. ...???[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*].

Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học của Trường làm gia tăng các nguồn lực cho Trường. Các hoạt động hợp tác NCKH đã góp phần gia tăng nguồn lực của Nhà trường: Vị thế của Nhà trường được nâng lên (xếp hạng...); năng lực NCKH của CB, GV của Trường được nâng cao (hơn .... lượt CB, GV được tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và học tập, bồi dưỡng, tham quan... ở nước ngoài, nêu trường nào?); có được nguồn thu từ hoạt động hợp tác NCKH và CGCN giai đoạn .... là: ... đồng. ...???[Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD\*].

### **Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: Không đạt**

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà Trường xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

- Trường đã có hệ thống chính sách và kế hoạch thiết lập phát triển hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.

- Các hoạt động hợp tác NCKH của Trường với các tổ chức, CSGD trong và ngoài nước được thể hiện ở nhiều hình thức đa dạng, phong phú....

- Thu hút được sự quan tâm của cán bộ, giảng viên Nhà trường, sự mong muốn hợp tác của các đối tác là cơ quan nhà nước, tổ chức hành nghề trong lĩnh vực pháp luật, Trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có liên quan.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

(i) Trường có triển khai các chính sách để khuyến khích cá nhân, đơn vị xây dựng và mở rộng hợp tác NCKH nhưng cơ chế chưa rõ ràng và cụ thể, chưa trở thành động lực cho cá nhân và đơn vị thực hiện tối ưu hoạt động này.

(ii) Chưa thực sự mở rộng, khai thác hiệu quả các mối quan hệ thúc đẩy hợp tác và đối tác các CSGD uy tín trong và ngoài nước.

(iii) Công tác rà soát hiệu quả hợp tác và các đối tác còn sơ sài, các biện pháp cải thiện thực hiện hiệu quả chưa cao. Hoạt động NCKH của trường vẫn còn hạn chế.

(iv) Các hoạt động hợp tác NCKH của Trường với các tổ chức, CSGD trong và ngoài nước được thể hiện ở nhiều hình thức và mức độ, tập trung phổ biến vẫn là: hội thảo khoa học; đưa cán bộ, giảng viên, sinh viên đi giao lưu, tham quan thực tế. Chưa có sự liên kết hoạt động NCKH trao đổi kinh nghiệm thường xuyên giữa Trường và các trường ĐH có uy tín trong nước và nước ngoài, các tổ chức quốc tế và nước ngoài có liên quan.

(v) Nhà trường và các đối tác ít có đề tài NCKH chung để mang lại hiệu quả về kinh tế cho cả hai bên.

(vi) Nhà trường chưa có tiêu chí cụ thể và qui trình cho việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH; chưa thực hiện khảo sát các bên liên quan về tính hiệu quả và các nguồn lực mang lại từ hoạt động hợp tác NCKH của Trường.

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

--	--	--	--	--	--

**4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 20:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
Tiêu chí 20.1	4/7
Tiêu chí 20.2	.../7 (Không đạt)
Tiêu chí 20.3	.../7 (Không đạt)
Tiêu chí 20.4	.../7 (Không đạt)

**Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng**

**Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD**

Mô tả và nhận định Trường có các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản về chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; các nghị quyết, quyết định của đảng và chính quyền về các hoạt động phục vụ cộng đồng; Các thông tin có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Trường]

Kết nối và PVCD là trách nhiệm cao cả của Trường Đại học Luật Hà Nội, trách nhiệm này được thể hiện ngay trong sứ mạng của Trường là “Đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội)

Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 cũng chỉ rõ “Hoạt động PVCD là một trong ba trụ cột hoạt động của Trường với mục đích vừa truyền bá, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, vừa góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội”. [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội).]

Một số hoạt động liên quan đến kết nối và PVCD được xác định là một trong những chức năng quan trọng của Trường như: hoạt động giáo dục thường xuyên; cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; tổ chức và hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm góp phần giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; phổ biến giáo dục pháp luật; phát triển các hoạt động tư vấn pháp luật và các dịch vụ hợp pháp khác để phục vụ xã hội và cộng đồng [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường (ban hành kèm theo



Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội)]

Xem thêm Nghị quyết của BCH Đảng bộ về phương hướng nhiệm vụ công tác Đảng xem có chỉ đạo gì liên quan đến PVCD không?

Trên cơ sở Sứ mạng, Chiến lược, quy định chức năng của Trường, các đơn vị chuyên môn đã xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình trong đó có nhiều hoạt động liên quan đến kết nối và PVCD.

- Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo hệ vừa học vừa làm tại các địa phương [MC: Kế hoạch, lịch.... ];

- Phòng Quản lý Khoa học và Tạp chí trị sự xây dựng Quy định về quản lý đề tài nghiên cứu khoa học [MC.....] hướng việc NCKH phải gắn với đào tạo và gắn với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương và trên cả nước; xây dựng Kế hoạch nghiên cứu khoa học các năm trong đó phát triển nhóm nghiên cứu các đề tài có thể chuyển giao công nghệ, đề tài có tính ứng dụng cao góp phần PVCD hiệu quả, xuất bản số Tạp chí PVCD - những người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật [MC.....];

- Phòng Hợp tác Quốc tế xây dựng các chương trình liên kết, tham gia các dự án có tài trợ của nước ngoài để PVCD [MC.....];

- Trung tâm Tư vấn pháp luật xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn hạn, tập huấn cho cơ quan tổ chức doanh nghiệp [MC: Kế hoạch công tác năm của Trung tâm Tư vấn pháp luật được phê duyệt các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022], tư vấn pháp luật cho cá nhân tổ chức có yêu cầu, trợ giúp pháp lý cho cán bộ nhân viên của Trường và cho các đối tượng chính sách [MC: Kế hoạch công tác của Trung tâm Tư vấn pháp luật được Hiệu trưởng phê duyệt các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022]; tổ chức hoạt động tiếp nhận sinh viên đến thực hành luật [MC: Kế hoạch công tác năm của Trung tâm Tư vấn pháp luật được Hiệu trưởng phê duyệt các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022], tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, trong đó quan tâm nhiều hơn đến sinh viên hệ CLC và sinh viên chương trình liên kết đào tạo với đại học Arizona [MC: Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên chương trình đào tạo Chất lượng cao và sinh viên chương trình liên kết đào tạo với đại học Arizona các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 được Ban điều hành chương trình CLC phê duyệt];

- Phòng Công tác sinh viên cùng Đoàn Thanh niên tổ chức hoạt động hướng nghiệp và đào tạo kỹ năng mềm cho người học để tìm việc làm, tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên [MC.....], tổ chức một số hoạt động để tìm chỗ ở cho sinh viên ngoại trú [MC.....], tổ chức nhiều câu lạc bộ về khoa học và câu lạc bộ theo sở thích nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa [MC.....], tổ chức nhiều hoạt động với các hình thức khác nhau như các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, cuộc thi về tuyên truyền phổ biến pháp luật nhằm tăng cường công tác giáo dục cho người học hiểu biết và tôn trọng pháp luật [MC.....], hoạt động tình nguyện [MC.....], kế hoạch tiếp nhận đối tượng chính sách vào ở ký túc xá [MC.....]

Mô tả và nhận định Trường có quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật (quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng). [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật; ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan về quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối, cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng]

(Chưa có, đang chờ Quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng). Nếu ban hành kịp sẽ viết nội dung này

Mô tả và nhận định Trường có quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan về phân công nhiệm vụ và nhân sự xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối, cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng]

Thực hiện sứ mạng, chiến lược, chức năng của Trường đã đề ra, cũng như để triển khai hoạt động liên kết và PVCĐ một cách hiệu quả, Trường đã quy định chế độ tài chính, chỉ rõ nguồn thu, mức chi cho các hoạt động liên kết PVCĐ [MC: Quy chế Tài chính của Trường ĐHLHN (được ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐTTĐHLHN ngày 04/06/2021 của Hội đồng trường Trường ĐHLHN; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội (được ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHLHN); Trường giao nhiệm vụ cụ thể của hoạt động liên kết và PVCĐ cho một số đơn vị chuyên môn phụ trách: [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường; Kế hoạch công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường; Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và Kế hoạch công tác năm của các đơn vị: Phòng Đào tạo đại học; Phòng Quản lý Khoa học và Tạp chí trị sự; Trung tâm Tư vấn pháp luật; Phòng Thanh tra – pháp chế; Phòng Công tác sinh viên; Đoàn Thanh niên; Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Hội sinh viên được Hiệu trưởng ký ban hành/phê duyệt].

**Bảng phân công nhiệm vụ liên kết và PVCĐ**

STT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
1	Góp ý xây dựng chính sách, pháp luật	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Các đơn vị thuộc Trường
2	Tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao	Trung tâm Tư vấn pháp luật	Các giảng viên

3	Thực hiện Trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người cao tuổi, thanh thiếu niên, viên chức, người lao động trong Trường	Trung tâm Tư vấn pháp luật	Phòng Công tác sinh viên, các Khoa chuyên môn, các đơn vị khác thuộc trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên
4	Mở rộng phạm vi, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ pháp lý và các dịch vụ hợp pháp khác nhằm kết nối, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và cá nhân trong xã hội và phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng	Trung tâm Tư vấn pháp luật	Các đơn vị thuộc Trường
5	Tổ chức và quản lý các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	Trung tâm Tư vấn pháp luật	Các đơn vị thuộc Trường
6	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi sáng tác tiểu phẩm, ấn phẩm tuyên truyền pháp luật dành cho thanh thiếu niên	Phòng Công tác sinh viên	Phòng Công tác sinh viên, Phân hiệu Đắc Lắc, các Khoa chuyên môn, Viện Luật So sánh và các đơn vị khác thuộc Trường
7	Tăng cường các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng	Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Công đoàn Trường, Hội Cựu Chiến binh; Hội Sinh viên.	Phân hiệu Đắc Lắc, các Khoa chuyên môn, Viện Luật So sánh và các đơn vị khác thuộc Trường

*Nguồn: Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025*

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện**

Mô tả và nhận định về các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường được triển khai, mang lại kết quả cụ thể (các hoạt động tình nguyện của GV và NH; các chuyên gia KH-CN, ...). [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và dịch vụ cộng đồng; hồ sơ thực hiện từng hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; các phê duyệt kinh phí đầu tư của Trường cho các hoạt động xã hội; bản kê kinh phí thu được từ các hoạt động dịch vụ]

Các chính sách, kế hoạch kết nối và PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường đã được các đơn vị chuyên môn triển khai một cách tích cực, đem lại kết quả cụ thể trên các mặt hoạt động như sau:

(i) Hoạt động đào tạo:

- Hoạt động đào tạo tại địa phương: Trường liên kết với một số địa phương trong cả nước để tổ chức chương trình đào tạo cử nhân luật hệ Vừa làm vừa học để đáp ứng nhu cầu của những người đang đi làm nhưng muốn học luật phục vụ thiết thực cho công việc [MC: là chương trình đào tạo, các Thỏa thuận liên kết hợp tác, Danh sách các lớp VLVH...]

- Hoạt động đào tạo dành cho cán bộ pháp chế các bộ, ngành, UBND, HĐND, DNNN: Trường xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cử nhân luật nhưng hướng đến đối tượng rất đặc biệt đó là các cán bộ đang làm các công việc liên quan đến pháp luật tại các bộ, ngành, UBND, HĐND, DNNN nhưng chưa có bằng cử nhân luật nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện quy chuẩn hướng đến sự phát triển bền vững cho các tổ chức đó [MC: Chương trình đào tạo, các hợp đồng ký với các Tập đoàn Điện lực...]

- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn: Với lợi thế có đội ngũ giảng viên đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật, Trường đã giao cho Trung tâm Tư vấn pháp luật làm đầu mối xây dựng, tổ chức và quản lý các lớp đào tạo ngắn hạn phục vụ sinh viên, cá nhân, tổ chức có nhu cầu: Hiện nay Trung tâm Tư vấn pháp luật đã xây dựng gần 100 chương trình tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng khác nhau để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo các Kỹ năng mềm và Kỹ năng chuyên môn cho sinh viên thực hành tại Trung tâm Tư vấn pháp luật hoàn toàn miễn phí [MC: Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên hệ CLC các năm 2018,2019, 2020,2021,2022], Đặc biệt là chương trình đào tạo “Pháp luật dành cho doanh nghiệp/ các nhà kinh doanh” tổ chức thường xuyên với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn Hà Nội [MC: .....]; Các chương trình tập huấn được Trung tâm thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn liên quan đến các văn bản pháp luật mới ban hành như: Tọa đàm “Những tác động của Bộ Luật Lao động mới đến Doanh nghiệp và giải pháp” với sự tham gia của hơn 500 khách mời đến từ hàng trăm Doanh nghiệp” [MC: .....] Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn không chỉ góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật sâu rộng, góp phần phục vụ nhu cầu được đào tạo nâng cao trình độ của các cá nhân và tổ chức; mà còn góp phần gắn đào tạo luật với sự phát triển của các cơ quan, doanh nghiệp.

(ii) Hoạt động nghiên cứu khoa học:

- Các đề án cấp Nhà nước
- Đề tài khoa học cấp bộ
- Đề tài cấp cơ sở...

(Liên hệ với Phòng Quản lý Khoa học xin các đề án đề tài gắn với việc liên kết PVCD để viết vào)

(iii) Hoạt động hợp tác quốc tế:

Trường đã ký thỏa thuận hợp tác với một số tổ chức nước ngoài để thực hiện hoạt động liên kết và PVCĐ: tổ chức lễ ra mắt sách “Giáo trình tư pháp cho người chưa thành niên” với sự tham gia của đại diện Unicef và EU tại Việt Nam [MC: .....]; tổ chức phiên họp giả định tại Ủy ban Liên hợp quốc về quyền trẻ em thực hiện Báo cáo quốc gia của Việt Nam về quyền trẻ em [MC.....]; tổ chức Lễ trao học bổng đặc biệt của Quốc hội Bang Hessen CHLB Đức cho 08 sinh viên có thành tích xuất sắc của Trường [MC.....]; tổ chức buổi nói chuyện về chủ đề “tư pháp người chưa thành niên ở Pháp” do bà Laetitia Pons – Phó Viện trưởng Viện công tố - Tòa án Tarascon Cộng hòa Pháp thực hiện [MC.....]

(iv) Hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho các đối tượng chính sách:

Tư vấn pháp luật là một trong những hoạt động thể hiện rõ trách nhiệm PVCĐ của Trường, với đội ngũ tư vấn viên, cộng tác viên là các chuyên gia tư vấn chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật, hàng năm Trường tham gia ký kết, tư vấn, giải đáp pháp luật, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rất nhiều cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp [MC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường và của Trung tâm Tư vấn pháp luật].

Với chính sách hoạt động vì mục đích xã hội, Trung tâm Tư vấn pháp luật chú trọng thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho viên chức, người lao động trong Trường, cho các đối tượng chính sách được trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý [MC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường và của Trung tâm Tư vấn pháp luật ].

Hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý của Trường có ý nghĩa rất lớn đối với xã hội: Giúp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Nâng cao hiểu biết pháp luật cho cá nhân, tổ chức; Giảm gánh nặng cho các cơ quan tố tụng; Giúp hoàn thiện pháp luật, giám sát việc tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý góp phần nâng cao chất lượng đào tạo luật, gắn đào tạo luật với thực tiễn.

(v) Hoạt động góp ý xây dựng chính sách, pháp luật:

Trường thường xuyên tham gia thực hiện lấy ý kiến của các đơn vị nhằm góp ý xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước, của ngành Tư pháp, giáo dục. Liệt kê các góp ý cho các chính sách, pháp luật [ MC cụ thể.....]

(vi) Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật không chỉ được lồng ghép thực hiện trong các hoạt động đào tạo ngắn hạn, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý của Trường, mà còn được triển khai bài bản qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi sáng tác tiểu phẩm, ấn phẩm tuyên truyền pháp luật dành cho thanh thiếu niên: Cuộc thi Sáng tác tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật – Spirit of Law năm 2020 [MC: .....]

(vii) Hoạt động kết nối, phục vụ người học:

- Trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên: Trường đã tổ chức một số hoạt động ngoại khóa cho sinh viên như tham gia các phiên tòa thực tế tại Tòa án [MC: .....], đến tham quan và học tập tại Tòa nhà Quốc hội [MC:

.....], các công ty lớn như Sam sung [MC: .....] và các hoạt động về nguồn...

- Trường hỗ trợ học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [MC: .....]

- Trường tổ chức nhiều hội chợ hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp: Ngày hội việc làm Job Fair 202 năm 2021 [MC: .....]; Gala Metanoia năm 2021 [MC: .....]

- Trường thực hiện công tác hỗ trợ sinh viên ngoại trú: Hoạt động tìm chỗ ở [MC: .....]

- Trường hỗ trợ chỗ ở tại Ký túc xá cho sinh viên là con liệt sĩ, thương binh, gia đình khó khăn, người dân tộc vùng sâu vùng xa; sinh viên Lào, Campuchia. [MC: .....]

(viii) Hoạt động thiện nguyện

- Hỗ trợ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường có hoàn cảnh khó khăn

- Tổ chức các chương trình thiện nguyện: Mùa hè xanh, Đông ấm, Xây nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách do các tổ chức chính trị xã hội của Trường thực hiện (Hội cựu chiến binh, công đoàn trường, Đoàn thanh niên...) [MC: .....]

Mô tả và nhận định về các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng của Trường tuân thủ các quy định của pháp luật (quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng) được thực hiện. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và dịch vụ cộng đồng; các hợp đồng, ký kết hợp tác, giữa Trường và đối tác; các thông tin có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Trường; các hình ảnh tổ chức các hoạt động; ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan]

Các hoạt động liên kết và PVCĐ khi được triển khai thực hiện đều trên cơ sở các quy định quản lý và hướng dẫn của Trường, cũng như tuân thủ mọi quy định của pháp luật. Các chương trình liên kết đào tạo, đào tạo cho cán bộ pháp chế phải phù hợp với Luật Giáo dục Đại học và theo đúng Quy chế đào tạo của Trường [MC:.....]; Việc ký kết tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn thực hiện theo đúng quy định tại ...[MC: .....]; Việc đề xuất, đánh giá, xét chọn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo nguyên tắc của Trường [MC: Nguyên tắc đề xuất, đánh giá, xét chọn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 2021]; Công tác liên kết với tổ chức nước ngoài theo đúng Hiệp định ...[MC: .....]; Trường đã tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật để xây dựng Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật để triển khai hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý [MC: .....]; Hoạt động kết nối, phục vụ người học có các quy định riêng cho nội dung công việc: Ngoại khóa [MC: .....], Học bổng [MC: .....], Hướng nghiệp [MC:.....], Ký túc xá [MC: .....]; Công tác thiện nguyện của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh; Hội sinh viên đều được tổng kết, đánh giá [MC: .....]

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng**

Mô tả và nhận định Trường có xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng; minh chứng hệ thống đo lường]

(Nếu xây dựng được Quy định kết nối và PVCĐ thì viết lại theo hướng khác)

Trường hiện chưa xây dựng được hệ thống đo lường kết quả kết nối và PVCĐ một cách chuyên biệt, nhưng tại một số văn bản của Trường đã thể hiện rõ cơ sở để đánh giá kết quả kết nối và PVCĐ:

- Chỉ số về các lớp liên kết đào tạo [MC: .....] Theo quy định hàng năm tổ chức được bao nhiêu lớp, thu học phí bao nhiêu...[MC: .....]
- Chỉ số về các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn [MC: .....], Trường đưa ra chỉ tiêu hàng năm Trung tâm Tư vấn pháp luật tổ chức được bao nhiêu khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, nộp về cho Trường bao nhiêu
- Chỉ số về nghiên cứu khoa học để chuyển giao công nghệ [MC: .....]
- Chỉ số về liên kết hợp tác quốc tế [MC:.....]
- Chỉ số về một số hoạt động liên kết PVCĐ khác được quy định cụ thể tại Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025 [MC: .....]

**Bảng tham chiếu sản phẩm cần có đối với hoạt động liên kết và PVCĐ**

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	THỜI HẠN
1	Tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao	Hội thảo, tọa đàm, tập huấn kỹ năng nhằm trao đổi rút kinh nghiệm giữa các nhóm giảng viên, các chuyên gia tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, xây dựng ban hành chính sách khuyến khích giảng viên tham gia tư vấn pháp luật và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao; thường xuyên rà soát bổ sung đội ngũ tư vấn viên, cộng tác viên tư vấn pháp luật	Hàng năm
2	Thực hiện Trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người cao tuổi, thanh	Các chương trình trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đối tượng chính sách, người dân tộc ở vùng khó khăn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số kết hợp với chương trình sinh viên tình nguyện, mùa hè xanh	Hàng năm

	thiếu niên, viên chức, người lao động trong Trường	do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường tổ chức	
3	Mở rộng phạm vi, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ pháp lý và các dịch vụ hợp pháp khác nhằm kết nối, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và cá nhân trong xã hội và phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng	Ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp luật trực tuyến cho khách hàng; ít nhất 04 Hợp đồng/Thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm với các cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý có uy tín khác	Hàng năm
4	Tổ chức và quản lý các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	Xây dựng và hoàn thiện các Chương trình đào tạo ngắn hạn tổ chức định kỳ hằng năm và Chương trình tập huấn, khóa đào tạo theo yêu cầu của khách hàng; tăng cường quảng bá hoạt động đào tạo của Trung tâm đến các đối tượng có nhu cầu.	Hàng năm
5	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi sáng tác tiểu phẩm, ấn phẩm tuyên truyền pháp luật dành cho thanh thiếu niên	Các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo kế hoạch hằng năm, cuộc thi sáng tác các tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật	Hàng năm
6	Tăng cường các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng	Các chương trình phục vụ cộng đồng thường xuyên trên địa bàn Hà Nội, Đắk Lắk, Bắc Ninh và các địa bàn vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trong các chiến dịch tình nguyện hè, tình nguyện mùa đông, tình nguyện tháng thanh niên.	Hàng năm

*Nguồn: Kế hoạch 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2021-2025*

Mô tả và nhận định Trường có CSDL về các hoạt động phục vụ cộng đồng: kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; hồ sơ phê duyệt kinh phí đầu tư của CSGD cho các hoạt động xã hội; hồ sơ về nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ; hồ sơ, điều kiện về việc thực hiện từng hoạt động phục vụ cộng



*đồng; kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao]*

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động liên kết PVCD, cụ thể như sau:

- Hoạt động liên kết đào tạo tại địa phương có: kế hoạch, danh sách các địa phương liên kết với Trường, nguồn thu từ hoạt động liên kết đào tạo tại địa phương.[MC: .....]

- Hoạt động đào tạo ngắn hạn bao gồm: Kế hoạch; danh sách giảng viên của Trường tham gia giảng dạy các khóa đào tạo ngắn hạn; danh sách khách hàng là cá nhân, tổ chức tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn; danh sách người học được cấp Giấy chứng nhận; nguồn thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn, ảnh, bài đăng trên trang thông tin của Trung tâm Tư vấn pháp luật [MC: .....]

Bảng thống kê số lượng các lớp đào tạo ngắn hạn qua 5 năm

2018	2019	2020	2021	Hết tháng 09/ 2022
09 khóa/lớp	16 Khóa/ lớp	04 Khóa/ lớp	03 lớp	04 lớp

Bảng thống kê nguồn thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn qua 5 năm

2018	2019	2020	2021	2022
200.500.000	441.100.000	216.000.000	132.492.350	

- Hoạt động tư vấn pháp luật bao gồm: kế hoạch; danh sách tư vấn viên, cộng tác viên tư vấn pháp luật; danh sách khách hàng lẻ, khách hàng ký hợp đồng tư vấn thường xuyên; danh sách khách hàng được trợ giúp pháp lý; bảng thống kê nguồn thu từ hoạt động tư vấn pháp luật. [MC: ]

Bảng thống kê lượt khách hàng được tư vấn, được trợ giúp pháp lý qua 5 năm

2018	2019	2020	2021	Hết tháng 6/ 2022
186 vụ việc	209 vụ việc	203 vụ việc	175 vụ việc	75 vụ việc

Bảng thống kê nguồn thu từ hoạt động tư vấn pháp luật qua 5 năm

2018	2019	2020	2021	2022
2.765.050.000	1.960.975.041	2.308.363.893	3.713.573.145	

- Hoạt động NCKH để chuyển giao công nghệ: kế hoạch, danh sách các đề tài NCKH để chuyển giao công nghệ....

Số lượng đề tài NCKH để chuyển giao công nghệ được nghiệm thu qua 5 năm

2018	2019	2020	2021	2022

- Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật: kế hoạch, danh sách sinh viên được giải thưởng qua các cuộc thi tuyên truyền pháp luật, tranh, ảnh, chuyên... .

- Hoạt động thiện nguyện: kế hoạch, danh sách các địa chỉ (cá nhân, tổ chức thụ hưởng) tổ chức thiện nguyện trong 5 năm, tổng số tiền quyên góp được để thực hiện thiện nguyện, tổng số kinh phí Trường chi cho hoạt động thiện nguyện, ảnh, bài viết... .

Mô tả và nhận định Trường có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành văn bản quy định cơ chế giám sát, kế hoạch giám sát và báo cáo công tác giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng]

Trường có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối PVCĐ. Những đơn vị được giao thực hiện các hoạt động liên kết và PVCĐ sẽ thực hiện quản lý, giám sát hoạt động đó thông qua cơ chế báo cáo từng công việc cụ thể đến báo cáo tổng hợp từng hoạt động [MC là các quy định đơn vị có nhiệm vụ giám sát, MC là các báo cáo từng công việc, báo cáo theo quý, theo năm của từng hoạt động PVCĐ]

Phòng Thanh tra đào tạo của Trường có nhiệm vụ thanh tra giám sát các hoạt động liên quan đến đào tạo, giảng viên, người học [MC]. Trường bầu Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc thanh tra giám sát mọi mặt hoạt động của Trường [MC]

Mô tả và nhận định Trường có triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để tăng trách nhiệm đối với xã hội. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; các thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Trường; các hình ảnh tổ chức các hoạt động; ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan]

Song song với việc giám sát, Trường triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ thông qua việc giao cho các đơn vị chức năng nhiệm vụ giám sát, đánh giá hoạt động PVCĐ bằng cách gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Việc đánh giá được các đơn vị thực hiện tại các cuộc họp giao ban hàng tháng [MC: Báo cáo kết quả công tác hàng tháng của Trường và của một số đơn vị thuộc trường], sau đó được tổng hợp lại tại các Bản báo cáo, đánh giá của các đơn vị quản lý các hoạt động PVCĐ theo quý, theo năm [MC: Báo cáo kết quả công tác tháng, quý, năm của Trường và của các đơn vị có liên quan trong các năm ]. Đặc biệt, việc đánh giá hoạt động liên kết và PVCĐ được các đơn vị chuyên môn thực hiện thông qua các cuộc khảo sát đối với người học, khảo sát đối với nhà tuyển dụng, khảo sát đối với khách hàng để có thể phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực, có sự cải tiến kịp thời nhằm nâng cao hoạt động PVCĐ, tăng cường trách nhiệm đối với công tác xã hội. [MC: Phiếu khảo sát và bản Tổng hợp đánh giá kết quả từng khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.....];

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

Mô tả và nhận định Trường có kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng]

Các Kế hoạch công tác hằng năm của Trường đều triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ phù hợp với nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị, đồng thời mục tiêu, nội dung, phương thức, phân bổ tài chính cho các hoạt động PVCĐ thực hiện trong kế hoạch được cải tiến cho phù hợp với thực tiễn của từng năm [MC: Kế hoạch công tác năm chỉ rõ phân công công việc, thời gian, kết quả - Bảng kế hoạch công tác năm của Trường và các đơn vị thuộc Trường].

Mô tả và nhận định các hoạt động thực hiện cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan theo kế hoạch. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành báo cáo kết quả thực hiện các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan hằng năm; Bảng kê danh mục thu nhập từ các dịch vụ cộng đồng]

Trường có nhiều cơ chế, chính sách điều chỉnh, cải tiến hoạt động liên kết và phục vụ cộng đồng như:

- Ban hành Quy định về kết nối và PVCĐ trong đó có nêu rõ chỉ số, kết quả, nguyên tắc, chế độ báo cáo, phương thức giám sát, đánh giá... để giúp hoạt động liên kết và PVCĐ được thực hiện một cách thống nhất, đạt hiệu quả cao hơn. [MC:..... ]

- Thành lập thêm Trung tâm hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng, thuộc Phòng Công tác sinh viên có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học và kết nối phục vụ cộng đồng [MC: Quyết định thành lập, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng do Hiệu trưởng ban hành]

- Mở thêm Chương trình đào tạo dành cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa đối tượng người học, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của bộ, ngành, UBND, HĐND, DNNN.

- Thực hiện việc xây dựng tài liệu số, học liệu mở để phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giảng viên, người học và cộng đồng.

- Ban hành Quy định về chính sách cấp “Học bổng vượt khó” cho SV đưa ra tiêu chí “SV tham gia các hoạt động tình nguyện/nhân đạo,...”; Quy định miễn giảm học phí cho SV xét với 5 đối tượng (SV là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, SV có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (thuộc hộ nghèo), SV tàn tật/khuyết tật (gia đình khó khăn), SV có gia đình gặp hoạn nạn.

- Ban hành kế hoạch ngoại khóa chung cho sinh viên CLC và Arizona để trên cơ sở đó ban hành kế hoạch ngoại khóa cho từng khóa học.

- Mở rộng mạng lưới đối tác trong nước và ngoài nước để triển khai thêm các hoạt động PVCĐ;

- Tăng cường hoạt động kết nối với các doanh nghiệp
- Mở rộng địa bàn và số lượng chất lượng các hoạt động tình nguyện...

Mô tả và nhận định Trường có ít nhất 75% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. [MC: tên đầy đủ, ngày tháng năm ban hành kế hoạch khảo sát; CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng]

- Kết quả khảo sát cho thấy nhà tuyển dụng và cựu sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo khá tốt [MC: .....], người sử dụng lao động hài lòng và đánh giá rất cao năng lực làm việc của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Luật Hà Nội [MC:.....]. Tuy nhiên, người tuyển dụng lao động cũng nhận xét rằng sinh viên cần được trang bị nhiều hơn các kỹ năng mềm và trình độ ngoại ngữ cần được nâng cao hơn để đáp ứng yêu cầu công việc của nghề luật. Dựa trên đánh giá của người tuyển dụng lao động, Trường đã có các biện pháp kịp thời chỉnh sửa CTĐT theo hướng tăng cường thêm các học phần kỹ năng, bổ sung các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh [MC:.....]

- Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trong 5 năm qua cho thấy có .....% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng chuyên ngành [MC]

- Kết quả khảo sát hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho thấy đa số các khách hàng đều hài lòng với kết quả tư vấn và thái độ phục vụ của Trung tâm Tư vấn pháp luật [MC: .....]

- Kết quả khảo sát sau khi kết thúc mỗi lớp đào tạo ngắn hạn cho thấy có trên 75% người học đánh giá lớp học khá hiệu quả [MC: Phiếu khảo sát và kết quả tổng hợp phiếu khảo sát đối với các lớp đào tạo ngắn hạn.....]

- Nhiều bài viết, ý kiến nhận xét trên trang fanpage của Trường, của Khoa đánh giá hoạt động liên kết và PVCĐ của Trường khá tích cực [MC: .....]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà Trường xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

- 
- 
- ...

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

-

-  
...

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 21:

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 21.1	5/7
Tiêu chí 21.2	5/7
Tiêu chí 21.3	5/7
Tiêu chí 21.4	5/7

#### Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Trong giai đoạn 2016-2022, Trường Đại học Luật Hà Nội đo lường kết quả đào tạo thông qua các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm và mức thu nhập của NH sau khi tốt nghiệp (Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp). Những chỉ số này được xác định và giám sát cũng như đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng đào tạo thường xuyên và nâng cao chất lượng của các bộ phận phục vụ công tác đào tạo.

**Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức đào tạo theo tín chỉ. Hàng năm, Trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh để tuyển chọn sinh viên phù hợp với yêu cầu và chiến lược

phát triển của Trường.

Quá trình học tập của NH được xếp theo khóa học, năm học và kỳ học (Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và 01 kỳ phụ). Thời gian đào tạo của một khóa học được quy định khác nhau, tùy thuộc vào trình độ đào tạo. Đối với đào tạo trình độ đại học, thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 4 năm (2,5 – 3 năm đối với người đã tốt nghiệp 1 bằng đại học); đối với trình độ thạc sĩ, thời gian đào tạo là 1,5 - 2 năm; đối với trình độ tiến sĩ, thời gian đào tạo là 3 - 4 năm.

Xác định rõ nhu cầu của người học, cùng với xu thế đa dạng hoá loại hình đào tạo, hình thức đào tạo cũng được Trường chú trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho người học. Trường xây dựng hệ thống văn bản pháp lý đầy đủ quy định cụ thể về đào tạo đối với mỗi loại hình đào tạo của Trường, bao gồm: (Minh chứng: Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy định về Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ).

- Đối với bậc đào tạo cử nhân hệ chính quy văn bằng thứ nhất, Trường đang triển khai 07 CTĐT thuộc 4 ngành đào tạo: ngành Luật (trong đó có CTĐT hệ đại trà, CTĐT hệ chất lượng cao và CTĐT dành cho cán bộ pháp chế bộ, ngành), ngành Luật Kinh tế (trong đó có CTĐT hệ đại trà, CTĐT hệ chất lượng cao), ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh (Minh chứng: Các chương trình đào tạo đại học chính quy văn bằng thứ nhất).

- Đối với hệ văn bằng đại học thứ hai chính quy, CTĐT được áp dụng là ngành Luật (đã tuyển sinh từ Khoa 1 đến nay), ngành Luật Thương mại quốc tế (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2016), ngành Luật Kinh tế (bắt đầu tuyển sinh năm 2017) (Minh chứng: Các chương trình văn bằng đại học thứ hai chính quy).

- Đối với hệ vừa làm vừa học, Trường triển khai CTĐT ngành Luật, trong đó bao gồm (Minh chứng: Các chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học):

+ Hình thức văn bằng đại học thứ nhất hệ vừa làm vừa học cho các đối tượng thí sinh dự tuyển tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương, tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

+ Hình thức văn bằng đại học thứ hai hệ vừa làm vừa học cho các đối tượng đã tốt nghiệp một trường đại học và đã có bằng đại học hoặc các bằng cấp cao hơn.

- Đối với bậc đào tạo thạc sĩ, Trường đã xây dựng chương trình, tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng ở tất cả các chuyên ngành, bao gồm: Lý luận và lịch sử Nhà nước pháp luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật Dân sự và Luật tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Luật Kinh tế, Luật Quốc tế (Minh chứng: Các chương trình đào tạo thạc sĩ nghiên cứu và ứng dụng).

- Đối với bậc tiến sĩ, Trường có các CTĐT tiến sĩ ngành luật ở tất cả các chuyên ngành: Lý luận và lịch sử Nhà nước pháp luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật Dân sự và Luật tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Luật Kinh tế, Luật Quốc tế (Minh chứng: Chương trình đào tạo tiến sĩ).

Hàng năm, Trường công bố CTĐT toàn khóa, kế hoạch đào tạo năm học, thời

khoá biểu năm học, kế hoạch thực hiện học phần tốt nghiệp và thời gian xét tốt nghiệp (Minh chứng: CTĐT toàn khóa, kế hoạch đào tạo năm học, thời khoá biểu năm học, kế hoạch thực hiện học phần tốt nghiệp và thời gian xét tốt nghiệp). Trường theo dõi, giám sát việc học tập của người học trong từng khóa học, năm học và thời khoá biểu của từng học kỳ, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT (Minh chứng: Bảng thống kê kết quả tốt theo từng năm, bao gồm: tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp đúng và tốt nghiệp muộn). NH được thông báo về thời gian và kế hoạch đào tạo để chủ động sắp xếp, xây dựng kế hoạch học tập và các hoạt động phục vụ nghề nghiệp, đặc biệt là thực tập nghề nghiệp (Minh chứng: Kế hoạch thực tập của người học).

Trong từng năm học, Trường xét buộc thôi học cho NH các khóa đang học trong trường. Theo thống kê về tỷ lệ buộc thôi học, tỷ lệ buộc thôi học theo khóa so với số NH trúng tuyển nhập học chỉ ở mức thấp và có xu hướng ngày càng giảm (Minh chứng: Thống kê tỷ lệ buộc thôi học trong từng năm học). Các đơn vị đào tạo, đơn vị chuyên môn, cố vấn học tập luôn tạo điều kiện và hỗ trợ NH hoàn thành chương trình học tập của mình. Trường đồng thời thực hiện đánh giá điểm rèn luyện NH theo từng học kỳ, qua đó nắm bắt tình hình học tập của NH (Minh chứng: Kết quả đánh giá rèn luyện hàng năm).

Hàng năm, Trường tổ chức xét tốt nghiệp cho NH thành nhiều đợt để xét cho NH tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp đúng khoá tốt nghiệp và tốt nghiệp bổ sung. Để có biện pháp kịp thời cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, Trường thực hiện việc tổng hợp tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của NH (Minh chứng: Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình, tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp đúng hạn và tốt nghiệp muộn hệ chính quy và hệ VLVH; thống kê sinh viên tốt nghiệp theo CTĐT). Trường tiến hành phân tích, đánh giá tình hình tốt nghiệp của NH. Thực tiễn cho thấy: NH có xu hướng muốn tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp đúng hạn theo thiết kế của CTĐT. Vì vậy, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH của các khoá về sau và của các bậc, hệ đào tạo đảm bảo đúng tiến độ và được rút ngắn.

Theo thống kê về tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của NH, NH xếp loại xuất sắc, giỏi có xu hướng tăng lên, NH xếp loại khá và trung bình có xu hướng giảm qua từng năm. Tỷ lệ đó là một trong những minh chứng về chất lượng đào tạo của Trường; NH được khuyến khích, tạo động lực học tập tốt và đạt kết quả cao trong học tập (Minh chứng – Tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của NH).

Đối với đào tạo SDH, NH được các khoa, phòng ban chuyên môn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Cán bộ chuyên trách tại Phòng Đào tạo sau đại học theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở NH lưu ý về thời gian học tập để đảm bảo tiến độ theo quy chế (Minh chứng: Nhắc nhở, đôn đốc học tập). Tình hình tuyển sinh và đào tạo sau đại học được Trường báo cáo định kỳ cho Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ tốt nghiệp gần 100% cho thấy sự quan tâm, chú trọng về công tác đào tạo của Trường, luôn hướng đến NH, lấy NH làm trung tâm, đào tạo để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sự theo dõi sát sao của cán bộ chuyên trách tại Phòng Đào tạo sau đại học hỗ trợ NH trong việc đảm bảo tiến độ học tập, đồng thời giúp Trường nắm bắt tình hình học tập và kết quả học tập của NH (Minh chứng: Bảng tổng hợp kết quả học tập của người học).

Để hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu khoa học, các Khoa chuyên môn, Đoàn

thanh niên, Hội SV và các CLB thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, chương trình tọa đàm khoa học, tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học. Nhờ đó, NH tự xây dựng cho mình phương pháp học tập phù hợp và đạt kết quả tốt trong học tập (Minh chứng: ok).

Tỷ lệ lượt SV đăng ký học lại, cải thiện điếm qua các năm có xu hướng giảm từ xấp xỉ 4% xuống còn khoảng 3%. Để đạt được điều này, công tác cố vấn học tập của Nhà trường, hỗ trợ của các phòng ban chức năng được chú trọng đề tư vấn, nhắc nhở, động viên SV trong học tập. Nhà trường thực hiện đổi mới giảng dạy, rà soát lại chương trình phù hợp để tăng tính chủ động và năng lực tự học của SV (Minh chứng: ok).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

***Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

Thời gian đào tạo và thời gian đào tạo tối đa cho các trình độ đào tạo được quy định rõ trong các quy chế đào tạo các trình độ của Trường. Trong kế hoạch đào tạo của trường đều dự kiến thời gian tốt nghiệp trung bình của NH cho các hệ đào tạo đại học chính quy, liên kết, ThS, vừa làm vừa học (Minh chứng: ok – dự kiến thời gian tốt nghiệp).

Trong từng năm học, các đơn vị Quản lý đào tạo tổng hợp và thống kê số lượng số lượng NH tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của NH, HV, NCS các khóa để từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp (Minh chứng (...): từ đó có nhận xét thời gian tốt nghiệp trung bình qua các năm; tỷ lệ TN sớm và đúng hạn theo các năm). Nhìn chung thời gian tốt nghiệp trung bình càng được rút ngắn cho thấy CTĐT thiết kế phù hợp với thực tế, giúp NH chủ động, linh hoạt sắp xếp thời gian học và tốt nghiệp đúng theo quy định. Bên cạnh đó, việc NH tốt nghiệp sớm và đúng hạn chứng tỏ công tác tổ chức quản lý NH từ Phòng/Khoa/Viện chuyên môn, các đơn vị hỗ trợ NH ngày càng được cải thiện cộng thêm NH cũng có ý thức hơn trong việc tự giác học tập tích lũy tín chỉ để ra trường sớm hoặc đúng hạn.

Để tăng cường và có những cải tiến phù hợp về chất lượng đào tạo với cơ sở giáo dục đại học khác, Trường đều có thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của NH tương đương với các trường đại học khác. Kết quả đối sánh cho thấy tỷ lệ NH tốt nghiệp hàng năm ở tất cả các CTĐT luôn có tỷ lệ đồng đều với các trường đại học khác. Dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh, Nhà trường có được cái nhìn tổng thể về kết quả đào tạo, hoạt động đảm bảo chất lượng từng bước được cải tiến và là cơ sở để Nhà trường tiếp tục xây dựng, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, phát huy các thế mạnh của Nhà trường (Minh chứng: đối sánh tỷ lệ TN với các trường khác).

Nhằm hỗ trợ NH có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, Nhà trường đã triển khai các hoạt động hỗ trợ NH. Hoạt động này được thực hiện trong cả 03 giai đoạn: trước khi NH tham gia đào tạo, trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp. NH có thể theo dõi qua thời khóa biểu từng kỳ trong năm để chủ động trong quá trình học tập. Ngoài ra, đối với các NH có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng QLĐT phối hợp với các đơn vị tiến hành xét học vụ, gửi kết quả đến những NH bị cảnh báo kết quả học tập. Số liệu về kết quả học tập, rèn luyện của NH



được lưu giữ bởi phần mềm quản lý đào tạo và được thể hiện trong báo cáo hàng năm (Minh chứng...).

Đối với đào tạo SDH, vào đầu mỗi khóa học, giáo viên chủ nhiệm sẽ xây dựng kế hoạch học tập và giảng dạy toàn khóa. Thông tin về kế hoạch học tập sẽ được thông tin tới HV qua email cho HV. Giáo viên chủ nhiệm sẽ theo dõi tình hình học tập của HV, cập nhật bảng điểm và thông báo tới HV, giám sát chặt chẽ các vấn đề về điều kiện dự thi, học lại, thi lại và kịp thời cảnh báo cho HV qua email, tin nhắn. Hàng năm, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt định kỳ với NCS nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, cũng như đôn đốc NCS hoàn thành kế hoạch học tập, nghiên cứu đúng hạn (Minh chứng: ok).

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ NH hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để NH có thể tốt nghiệp sớm. Nhà trường tổ chức giảng dạy và học tập mỗi năm gồm 02 học kỳ chính và 01 học kỳ hè. Tùy theo điều kiện và khả năng, NH có thể đăng ký học vượt các học phần trong CTĐT nhằm rút ngắn thời gian theo học tại Trường. Sau khi hoàn thành chương trình và các điều kiện, NH có thể nộp đơn đề nghị xin xét tốt nghiệp để được xét công nhận và nhận bằng tốt nghiệp. NH tốt nghiệp sớm sẽ tiết kiệm thời gian và có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm việc làm so với các NH cùng khóa. Song song đó, Nhà trường cũng có ban hành các văn bản hướng dẫn NH thực hiện và theo dõi quá trình học tập và có các chương trình đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với NH để giúp NH chủ động và tốt nghiệp đúng tiến độ (Minh chứng: ok).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### ***Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

Trường ban hành CDR của các CTĐT để làm cơ sở đào tạo, đánh giá sau đào tạo, sự phù hợp giữa việc làm của người tốt nghiệp với ngành nghề được đào tạo. Các CTĐT mô tả/đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm (Minh chứng: ok). Trên cơ sở khảo sát, thống kê tình trạng việc làm của NH, trong Đề án Tuyển sinh hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho từng ngành đào tạo đảm bảo NH sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo (Minh chứng: ok).

Để có dữ liệu về tình hình có việc làm của NH, Trường xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT (Minh chứng: Quy trình khảo sát việc làm đối với SV TN). Trên cơ sở đó, lập bảng báo cáo tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp (Minh chứng: báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp), trong đó nêu rõ tỷ lệ NH có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp, lý do chưa có việc làm, thống kê thời gian NH tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo. Qua khảo sát với các khóa 2016-2021, có thể thấy rằng, tỉ lệ SV có việc làm của Trường là rất cao (Minh chứng: Tỷ lệ có việc làm của người học; Tỷ lệ thời gian NH tốt nghiệp tìm được việc làm; Mức độ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo; Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ; Tỷ lệ có việc làm của NH giữa các CTĐT của Nhà trường).

Từ các bảng minh chứng, nhận xét về:

- thời gian tìm được việc? Nguyên nhân (nếu có)
- tỷ lệ việc làm đúng ngành nghề
- Mức độ thu nhập bình quân
- tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của NH sau khi tốt nghiệp giữa các CTĐT

Các đơn vị trong trường và các CLB luôn quan tâm và tổ chức nhiều hoạt động, các cuộc thi, tọa đàm, trải nghiệm thực tiễn, tư vấn việc làm cho NH, kết nối NH với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm (Minh chứng: ok). Qua đó, NH được trao đổi trực tiếp nên hiểu rõ hơn hoạt động của doanh nghiệp và tìm hiểu sâu hơn về các vị trí tuyển dụng để NH có sự lựa chọn chính xác phù hợp với ngành nghề đào tạo và khả năng đáp ứng công việc, các buổi gặp gỡ với cựu NH Nhà trường để trao đổi kinh nghiệm về các kỹ năng, kiến thức giúp các em NH dễ dàng tìm được việc làm. Hàng năm, Nhà trường cũng lấy ý kiến phản hồi của NH đối với đào tạo SDH về mức độ hài lòng về CTĐT, phương pháp giảng dạy, về giảng viên... để kịp thời cải tiến nhằm đáp ứng cao nhất những yêu cầu của NH (Minh chứng: ok). Đồng thời, Nhà trường cũng khảo sát ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ cần thiết về CDR kiến thức và kỹ năng mà NH được trang bị tại Trường ĐHNT đối với công việc tại doanh nghiệp (Minh chứng: ok).

Hàng năm Đoàn Thanh niên, Hội NH và các CLB đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ giúp cho NH đang học và NH tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm phù hợp thông qua các hình thức như các hội chợ việc làm và các hoạt động như: gặp gỡ các nhà tuyển dụng và tuyển dụng tại chỗ, tọa đàm về nghề nghiệp và việc làm, cuộc thi về các kỹ năng và nghề nghiệp (Minh chứng: ok).

Nhằm tăng cơ hội thăng tiến, thích ứng nghề nghiệp, học đi đôi với hành, trong các CTĐT trình độ ThS theo định hướng ứng dụng, đều thiết kế các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, chú trọng lồng ghép mời các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan môn học tới nói chuyện, chia sẻ với HV những trải nghiệm, kinh nghiệm thực tế, hiểu biết của họ, giúp HV có được kiến thức thực tế, có cái nhìn toàn cảnh về lĩnh vực liên quan (Minh chứng: ok); Ngoài ra Trường cũng tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học với các chủ đề mang tính thời sự, nhằm hỗ trợ HV cao học, NCS nâng cao tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, mở rộng mối quan hệ trong nghiên cứu khoa học cũng như trong cuộc sống (Minh chứng: ok).

Trường tổ chức các buổi tham quan, đi thực tế cho NH, tổ chức khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng NH tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Trường cải tiến CTĐT có những môn học định hướng nghề nghiệp cho NH; tổ chức các buổi tham quan, thực tập ngoài trường giúp NH có những trải nghiệm thực tế về công việc sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các khóa trao đổi ngắn hạn giúp NH có cơ hội tiếp xúc, trao đổi văn hóa, trau dồi vốn ngoại ngữ với NH quốc tế tổ chức các lớp học kỹ năng dành cho NH (Minh chứng: ok).

Như vậy, có thể khẳng định Nhà trường đã luôn chủ động, tích cực và có rất nhiều chủ trương, chính sách và các hoạt động nhằm hỗ trợ NH có việc làm hoặc cơ hội thăng

tiên nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ NH có việc làm và việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp luôn ở mức cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

***Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

Chất lượng NH tốt nghiệp là vấn đề rất quan trọng, qua đó phản ánh chất lượng đào tạo của Trường. Vì vậy, việc đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp luôn là một trong những vấn đề Trường đặc biệt quan tâm.

Hàng năm, Trường định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan: i/cán bộ giảng viên, ii/NH, iii/cựu SV, iv/nhà tuyển dụng và coi đó là cơ sở quan trọng để Trường nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và làm hài lòng các bên liên quan (Minh chứng: ok).

Phòng CTSV và Phòng ĐBCLĐT & KT là những đơn vị đầu mối triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tiến hành phân tích, đánh giá kết quả khảo sát (Minh chứng: Quy trình khảo sát và xử lý kết quả). Phương pháp khảo sát được thực hiện thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến (Nêu thông tin cụ thể về địa chỉ khảo sát trực tuyến, cấu trúc phiếu khảo sát (công cụ khảo sát) và cách thức, thời gian xử lý kết quả khảo sát). Trên cơ sở thống kê kết quả khảo sát của các bên liên quan, kết quả về mức độ hài lòng của các bên như sau:

- mức độ hài lòng của cán bộ, viên chức
- mức độ hài lòng từ phía NH: Về nội dung của các CTĐT tiêu chuẩn, tiên tiến, chất lượng cao; Về đội ngũ giảng viên; Về phương pháp giảng dạy; Về hỗ trợ học tập và cơ sở vật chất
- mức độ hài lòng của Cựu NH: mức độ phù hợp của chuyên ngành đào tạo với công việc đang đảm nhận
- Về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng (DN) đối với chất lượng NH tốt nghiệp: về kiến thức và kỹ năng.

Các báo cáo được trình BGH xem xét, có kế hoạch và biện pháp khắc phục kịp thời. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng nhằm hỗ trợ NH tốt nghiệp có thể dễ dàng kiếm được việc làm, Trường tập trung vào cải tiến chất lượng các CTĐT đang được thực hiện theo các hướng như sau:

- Điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng cường thời gian thực tế của NH, tạo điều kiện cho NH tiếp xúc với môi trường doanh nghiệp trong suốt quá trình đào tạo;
- Giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức phù hợp với sự biến đổi nhanh chóng của môi trường xung quanh. Các giảng viên lên kế hoạch cá nhân về việc tự đào tạo, tự rèn luyện bản thân.
- Các đơn vị chức năng liên quan lập kế hoạch cải tiến quy trình và chất lượng phục vụ NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch; có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của NH trong quá trình học tập.
- Kết quả học tập của NH đạt kết quả khá giỏi chiếm tỷ lệ cao; số lượng NH bỏ học, thôi học rất ít.
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp cao và đa số SV có thời gian tốt nghiệp trung bình gần với thời gian trong CTĐT được thiết kế thể hiện chất lượng đào tạo các chuyên ngành của Nhà trường có hiệu quả và được kiểm soát chặt chẽ.
- Trường xây dựng hệ thống các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá NH từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo minh bạch, công bằng và công khai với NH trong quá trình học tập.
- Trường phát huy được thế mạnh của học chế tín chỉ tạo điều kiện cho sinh viên rút ngắn thời gian đào tạo, học cải thiện những học phần đạt kết quả chưa cao.
- Phong trào hoạt động ngoại khóa của NH Nhà trường rất mạnh, sôi động với hệ thống các CLB chuyên môn gắn với các chuyên ngành đào tạo đã hỗ trợ cho NH nâng cao hiểu biết về chuyên môn, thái độ làm việc, các kỹ năng mềm cần thiết và trải nghiệm thực tiễn.
- Tỷ lệ kiến thức và kỹ năng phục vụ cho công việc sau tốt nghiệp của NH cao cho thấy CTĐT được thiết kế phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- Tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi ra trường và tỷ lệ có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo cao.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Việc triển khai đa dạng các hình thức đào tạo còn gặp nhiều khó khăn khi cơ sở vật chất chưa mạnh (hệ thống giảng đường, phòng diễn án, thực hành cho sinh viên), đội ngũ giảng viên còn có hạn chế nhất định về năng lực ngoại ngữ trong việc liên kết đào tạo với nước ngoài (số lượng giảng viên được đào tạo bài bản tại các nước tiên tiến còn quá ít, số lượng giảng viên có trình độ ngoại ngữ để giảng dạy bằng tiếng nước ngoài cho sinh viên còn khiêm tốn).
- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức quản lý đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.
- Việc thực hiện thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin về tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên được thực hiện nhưng chưa bài bản, kết quả khảo sát phản ánh chưa đầy đủ tình hình sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
-----------	-----------------	-----------------	----------------------------------	--	----------------

1	Khắc phục tồn tại 1	- tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy - xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên	Phòng Quản trị Phòng TCCB	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2	thường xuyên tổ chức tổng kết, đánh giá quá trình tổ chức, quản lý đào tạo thường xuyên, liên tục trong từng theo học kỳ và từng năm học	Phòng ĐT ĐH và Phòng ĐT SDH		
3	Khắc phục tồn tại 3	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT Ban hành quy định cụ thể về quy trình thực hiện và xử lý kết quả khảo sát Có cơ chế thường xuyên kết nối với SV sau khi TN	Trung tâm CNTT Phòng ĐBCLĐT&KT Phòng CTSV		

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 22:

Tiêu chí	Tỷ đánh giá
Tiêu chí 22.1	5/7
Tiêu chí 22.2	6/7
Tiêu chí 22.3	6/7
Tiêu chí 22.4	6/7

#### Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

**Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

- Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Khoa học và công nghệ (KH&CN) được xem là một trong những trụ cột chiến lược của Trường Đại học Luật Hà Nội (bên cạnh lĩnh vực đào tạo và phục vụ cộng

đồng). Vì thế, loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được Nhà Trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Cụ thể như sau:

\* Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được xác lập:

- Thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển, Trường Đại học Luật Hà Nội đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, trong đó có chiến lược, mục tiêu về nghiên cứu khoa học chia thành giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Trước đó, Trường đã ban hành chiến lược về phát triển khoa học giai đoạn 2016 - 2021. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường cũng như kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN đã được xây dựng [MC. các văn bản nói trên]

- Để các giảng viên, viên chức dễ dàng thực hiện các loại hình nghiên cứu cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, Trường ban hành nhiều văn bản như quy định về chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, hướng dẫn thực hiện đề tài ứng dụng v.v.. [MC. Các quy chế đã nêu]

- Trường điều chỉnh, bổ sung quy định chế độ làm việc của giảng viên để phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành. Văn bản này đã quy định mức chuẩn thời gian làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc nghiên cứu khoa học của giảng viên tương ứng với nhiều loại hình, sản phẩm khoa học khác nhau. [MC. Quy định chế độ làm việc của giảng viên bản cũ và bản mới 2021].

\* Công tác theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của giảng viên đã được Nhà Trường thực hiện ở cả hai cấp độ: cấp Trường và cấp đơn vị.

- Các đơn vị được phân cấp trong hoạt động NCKH có bộ phận theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của giảng viên. Các khoa chuyên môn đều phân công 01 thành viên lãnh đạo Khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động khoa học của giảng viên.

- Ở cấp Trường, Phòng Quản lý Khoa học và trị sự Tạp chí là đơn vị đầu mối theo dõi, giám sát, kiểm tra, giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động KH&CN của Trường. Phòng Quản lý Khoa học và trị sự Tạp chí có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, phát triển, nâng cao hiệu quả công tác NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí [MC. Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường, Khoa chuyên môn, Phòng QLKH&TSTC].

- Các loại hình nghiên cứu khoa học đều được thông báo rộng rãi, công khai tới các giảng viên [MC. Thông báo của Phòng QLKH&TSTC về đăng ký nhiệm vụ khoa học hằng năm]. Việc đăng ký nhiệm vụ khoa học của giảng viên được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng được quy định cụ thể trong Quy định Quản lý hoạt động KH&CN của Trường và Nguyên tắc xét chọn được Hội đồng Khoa học và Đào tạo ban hành mỗi năm [MC. Các văn bản trên]. Các giảng viên đều được tư vấn để hoàn thiện đề xuất và thuyết minh thông qua các Hội đồng tư vấn xét chọn đề

tài/nhiệm vụ KH&CN các cấp [MC. Quy chế QLKH và hồ sơ biểu mẫu Hội đồng xét chọn].

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học sau khi được hoàn thành đều được đánh giá theo đúng quy định (báo cáo hội thảo được thẩm định trước khi đưa vào kỷ yếu hội thảo, đề tài khoa học được nghiệm thu sơ bộ và nghiệm thu chính thức). Kết quả nghiên cứu được công bố dưới hình thức tài liệu trong Thư viện của Trường.

- Để xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu về loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được cũng như đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, hàng năm giảng viên đều thực hiện kê khai giờ nghiên cứu khoa học theo thông báo của Phòng Tổ chức cán bộ và gửi về Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí kiểm tra, xác nhận, đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên một cách rõ ràng, cụ thể. Việc kê khai được thực hiện trên phần mềm và bản in được xác nhận. [MC. Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Thông báo của Phòng QLKH&TSTC, biểu mẫu kê khai)

\* Thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, Trường đã tiến hành đối sánh, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên, cụ thể:

- Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được xác lập thông qua Hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, Hội nghị viên chức và người lao động của Trường hàng năm. Trường tổng hợp các ý kiến phản hồi liên quan đến chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên thông qua các biên bản họp xin ý kiến góp ý đối với Quy chế làm việc của giảng viên, Quy chế quản lý hoạt động KH&CN, báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học. [MC. Các biên bản, báo cáo].

Hàng năm, giảng viên cơ hữu thực hiện thống kê kết quả hoạt động NCKH của mình và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong Quy định chế độ làm việc của giảng viên. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH của từng giảng viên và của mỗi đơn vị chuyên môn.

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển Trường và chiến lược phát triển hoạt động KH&CN, Trường cũng đã tiến hành đối sánh, đánh giá về chất lượng cũng như khối lượng nghiên cứu của giảng viên với một số cơ sở đào tạo Luật (Dự kiến đối sánh: Trường Đại học Luật (Đại học Quốc gia Hà Nội); Trường Đại học Luật (Đại học Huế); Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh) giai đoạn 2017-2022, [SAU KHI CÓ THÔNG TIN ĐỐI SÁNH SẼ CẬP NHẬT]

Bên cạnh đó, hoạt động đối sánh, đánh giá về chất lượng, khối lượng nghiên cứu của giảng viên cũng được thể hiện rõ trong các chỉ tiêu so sánh với cùng kỳ năm trước trong báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN hàng năm của Trường [MC. Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm].

Trường đã tiến hành cải tiến, áp dụng những chính sách nhằm khuyến khích cũng như nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN ví dụ như: điều chỉnh các định

mức chi cho hoạt động KH&CN, mức hỗ trợ cho công bố quốc tế trong Quy chế chi tiêu nội bộ; Ban hành quy định thành lập các Nhóm nghiên cứu, từng bước thương mại hóa kết quả nghiên cứu [MC. Quy chế CTNB, quy định về Nhóm nghiên cứu, Quy định về mức xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo].

Kết quả là số lượng, chất lượng các đề tài/nhiệm vụ KH&CN tăng lên nhanh. Số lượng các đề tài/nhiệm vụ cấp quốc gia, Quỹ Nafosted, cấp Bộ/Tỉnh/Thành phố, cấp cơ sở đều tăng trong giai đoạn 2017-2022. Các đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan tới các chủ đề khoa học pháp lý có tính thời sự, gắn liền với Chương trình cải cách tư pháp, thi hành Hiến pháp, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII và XIII, gắn liền với hoạt động đào tạo nên có tính ứng dụng cao. Số lượng công bố khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín tăng. Số lượng các công bố quốc tế tăng nhanh trong giai đoạn 2017-2022. Nhiều sản phẩm NCKH thông qua các đề tài/nhiệm vụ được công bố và ứng dụng trong thực tiễn [MC. Thống kê số liệu công trình khoa học, Báo cáo ứng dụng đề tài].

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

*Chưa công bố kết quả nghiên cứu trên Cổng thông tin điện tử của Trường.*

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

**5. Mức đánh giá tiêu chí: Đạt**

*Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến*



***Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

***Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

- 1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trường quy định cụ thể về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ trong Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội [MC1: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; MC2: Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội]. Trong đó, các tài sản trí tuệ trong hoạt động KH&CN của Trường đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế. Đồng thời, ở Trường Đại học Luật Hà Nội, học phần Luật Sở hữu trí tuệ là học phần được giảng dạy trong các chương trình đào tạo như: CTĐT trình độ đại học ngành Luật (là học phần tự chọn), CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật (là học phần bắt buộc), CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế (là học phần bắt buộc), CTĐT trình độ đại học ngành luật dành cho cán bộ pháp chế bộ, ngành, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và doanh nghiệp nhà nước (là học phần tự chọn) [MC: các CTĐT trình độ đại học ngành luật, ngành luật chất lượng cao, ngành luật kinh tế, ngành luật dành cho cán bộ pháp chế bộ, ngành, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và doanh nghiệp nhà nước]. Đặc biệt, từ năm 2022 Trường bắt đầu đào tạo cử nhân ngành luật - chuyên ngành luật sở hữu trí tuệ.

Về việc theo dõi, giám sát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ, Trường giao cho Phòng QLKH&TSTC là đơn vị chủ trì, phối hợp cùng với các đơn vị Hội đồng KH&ĐT của Trường theo dõi, giám sát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Trường thông qua quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ, quy trình công bố các sản phẩm khoa học, quy trình thương mại hoá sản phẩm NCKH. Hoạt động này không chỉ được thực hiện thông qua việc ban hành văn bản về quản lý hoạt động khoa học công nghệ, mà còn được thực hiện thông qua việc tổ chức cho cán bộ, giảng viên của Trường đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH hàng năm, tổ chức các cuộc họp xét duyệt thuyết minh các công trình NCKH đã đăng ký [MC1: Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; MC2: Thông báo việc đăng ký nhiệm vụ NCKH hàng năm; MC3: Quyết định phê duyệt kế hoạch NCKH các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022; MC4: các Biên bản Buổi họp xét duyệt thuyết minh các công trình khoa học đã đăng ký; MC5: Biên bản các buổi họp đánh giá kết sản phẩm nghiên cứu các công trình đã đăng ký].

Trong thực tiễn triển khai các công tác về quản lý tài sản trí tuệ, Nhà Trường đã thực hiện việc bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu theo quy định. Hàng năm, Nhà Trường ra quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, nhiệm vụ NCKH của cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH và được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về hoạt động KH&CN của Trường. Việc tăng cường phổ biến, công khai các kết quả NCKH tại website, lưu Thư viện theo quy định lưu trữ của Nhà nước và của trường góp phần đảm bảo quyền SHTT đối với các kết quả NCKH của Nhà Trường [MC1: Biên bản các buổi họp đánh giá kết sản phẩm nghiên cứu các công trình đã đăng ký; MC2: các sản phẩm NCKH của cán bộ, giảng viên được số hoá trên website <http://thuvien.hlu.edu.vn/>].

Ngoài ra, để theo dõi số liệu công bố khoa học cũng đồng thời là hoạt động quản lý tài sản SHTT, Phòng QLKH đã xây dựng các quy định để quản lý cơ sở dữ liệu các công bố khoa học, gắn liền với từng cán bộ khoa học và đề tài nghiên cứu. Cơ sở dữ liệu được cập nhật về tài sản trí tuệ thông qua: Danh sách các bài báo khoa học quốc tế, bài hội thảo quốc tế, sách xuất bản ở nhà xuất bản nước ngoài [MC: Danh mục công bố quốc tế của cán bộ, giảng viên], Danh sách các đề tài KH&CN các cấp [MC: Danh mục các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường được công bố trên website <https://qlkh.hlu.edu.vn/>], Danh sách giáo trình, tập bài giảng do Trường biên soạn [MC: Danh mục giáo trình, tập bài giảng do Trường biên soạn được công bố trên website <https://qlkh.hlu.edu.vn/>], Danh sách đề tài sinh viên NCKH [MC: Quyết định phê duyệt danh mục đề tài NCKH sinh viên các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023].

Công tác đối sánh, cải tiến chất lượng các loại hình tài sản trí tuệ của Trường Nhà Trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. Bên cạnh đó, Nhà Trường cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm. Nhà Trường cũng có kế hoạch cải tiến chất lượng các tài sản trí tuệ căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Trường [MC1: Phòng QLKH&TSTC cần bổ sung các Biên bản họp rà soát, đối sánh loại hình và số lượng tài sản trí tuệ; MC2: Phòng QLKH&TSTC cần bổ sung Bảng đối sánh loại hình và số lượng tài sản trí tuệ qua các năm].

Trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Trường [MC: Phòng QLKH&TSTC cần xây dựng mẫu Phiếu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, thực hiện việc khảo sát thông qua hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, tập hợp phiếu khảo sát, xây dựng Báo cáo kết quả khảo sát], Trường xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [MC1: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội; MC2: Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội].

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Trường đã ban hành hệ thống các văn bản nội bộ quy định về số lượng và loại hình tài sản trí tuệ. Đồng thời, ban hành các văn bản quy định về quy trình đăng ký, thực hiện, công bố các sản phẩm NCKH và các tiêu chí cần đáp ứng để hoàn thành sản phẩm NCKH đã đăng ký. Hệ thống danh mục các sản phẩm trí tuệ của Trường được tập hợp và công bố trên website của Trường góp phần vào việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ này.

**3. Điểm tồn tại** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

Mặc dù khi ban hành các văn bản liên quan đến loại hình và số lượng tài sản trí tuệ, Trường đều lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên nhưng chưa thực hiện việc lấy ý kiến của người học, cựu người học, người sử dụng lao động nên các kế hoạch cải tiến số lượng và chất lượng các loại hình tài sản trí tuệ chưa thực sự toàn diện (ĐÁNH GIÁ NÀY ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN CƠ SỞ HIỆN TRẠNG CHƯA TỔ CHỨC KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ LOẠI HÌNH VÀ SỐ LƯỢNG TÀI SẢN TRÍ TUỆ. KHI VIỆC KHẢO SÁT ĐƯỢC THỰC HIỆN THÌ VIỆC ĐÁNH GIÁ CÓ THỂ THAY ĐỔI).

**4. Kế hoạch hành động** (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Cần mở rộng phạm vi các đối tượng khảo sát lấy ý kiến về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ để bảo đảm việc cải tiến số lượng và chất lượng các loại hình tài sản trí tuệ đạt hiệu quả.	Phòng QLKH&TSTC và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp.	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	.....
2	Phát huy	Tiếp tục rà soát các văn bản có liên quan, kết hợp với việc mở rộng phạm vi các đối tượng được khảo sát để ban hành các quyết	Phòng QLKH&TSTC và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp.	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	.....

		định phù hợp về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ.			
	điểm mạnh				

### 5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7

#### ***Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

- Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

\* Nhà trường có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa đáp ứng các quy định hiện hành.

Hàng năm, Nhà trường phê duyệt Kế hoạch công tác và dự toán kinh phí hoạt động của từng đơn vị, trong đó có kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học (MC: Kế hoạch công tác và Dự toán kinh phí của các đơn vị). Dựa trên Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm (MC: Kế hoạch nghiên cứu khoa học từ năm 2018 – 2022) đã được Hiệu trưởng phê duyệt, các đơn vị trong Trường xây dựng Kế hoạch công tác và dự toán ngân sách, sau đó lấy ý kiến của các đơn vị liên quan (Phòng tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính - tổng hợp, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính - Kế toán). Hồ sơ cuối cùng được lấy ý kiến phê duyệt của Ban Giám hiệu (MC: Hồ sơ phê duyệt Kế hoạch công tác năm và Dự toán kinh phí các năm của Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tập chí).

Việc quy định về mức chi cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (MC: Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022) và việc phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể (MC: Dự toán kinh phí hoạt động của Phòng Quản lý khọc và trị sự tập chí; Kế hoạch tài chính hàng năm được Hội đồng Trường phê duyệt).

Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện theo đúng quy định. Đối với các đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ trở lên (nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước), việc thực hiện chi căn cứ theo Quy định của Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cũng như các hoạt động khoa học và công nghệ khác từ ngân sách của Nhà trường được chi theo định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (MC: Kết luận thanh tra, biên bản kiểm toán, xét duyệt của Cục Kế hoạch tài chính, Bộ Tư pháp hàng năm; Biên bản quyết toán kinh phí hàng năm). Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa đảm bảo quy định của Nghị định số 99/NND-CP (MC: Bảng thống kê chi cho hoạt động khoa học công nghệ từng năm – Bảng đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu).

\* Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu thông qua Hội nghị cán bộ viên chức của Trường (MC: Báo cáo Hội nghị viên chức

2018 – 2022; Hồ sơ khảo sát về việc đánh giá về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu). Bên cạnh đó, thông qua Biên bản họp và góp ý chỉnh sửa Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị (MC: Biên bản họp về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và góp ý của các đơn vị), Nhà trường thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo... Phòng Tài chính - Kế toán được giao là đơn vị vị đầu mối thực hiện và phối kết hợp với các đơn vị chức năng trong Trường.

\* Nhà trường có hệ thống giám sát việc chi cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Nhà nước (đối với các nhiệm vụ/đề tài sử dụng ngân sách nhà nước) và theo Quy chế chi tiêu nội bộ (đối với những nhiệm vụ/đề tài/hoạt động sử dụng kinh phí của Trường).

Nhà trường giao cho Phòng Tài chính - Kế toán là đơn vị chủ trì phối hợp giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc giám sát được thực hiện theo quy trình: Hằng năm căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính (MC: Báo cáo tài chính 2018 -2022), Kế hoạch công tác của Trường, của Phòng Quản lý khoa học (MC: Kế hoạch công tác năm của Trường, Kế hoạch công tác năm của Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí), Phòng Tài chính - Kế toán sẽ tham mưu cho Ban giám hiệu có kế hoạch điều chỉnh các lại hình ngân quỹ cho phù hợp, trên cơ sở lấy ý kiến của các đơn vị liên quan.

Các kết quả thanh tra, kiểm toán hàng năm cho thấy việc chi cho nghiên cứu khoa học đảm bảo theo đúng dự toán, theo đúng quy định của Nhà nước; Nhà trường và việc thực hiện ngân sách hàng năm được giám sát (MC: Kết luận thanh tra, biên bản kiểm toán, xét duyệt của Cục Kế hoạch tài chính, Bộ Tư pháp hàng năm; Biên bản quyết toán kinh phí hằng năm; Báo cáo tài chính các năm 2018 - 2022).

\* Nhà trường thực hiện đối sánh, điều chỉnh ngân quỹ cho từng loại hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm. Có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu

Thông qua hệ thống giám sát, hệ thống thu thập thông tin về việc chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà trường cân đối và điều chỉnh ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã nâng cao mức đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ cũng như áp dụng nhiều biện pháp nhằm đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước, ngân sách của trường, trên cơ sở các quy định mới của Trường về hoạt động khoa học và công nghệ (MC: Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường năm 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022), Quy định hướng dẫn về nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2021). Trong thời gian qua, nhiều định mức ví dụ như chi cho biên soạn giáo trình, hỗ trợ công bố quốc tế, hoạt động của nhóm nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, mức chi cho các loại đề tài, mức chi cho hội thảo... đều được tăng lên (MC: Quy chế chi tiêu nội bộ các thời kỳ)

Trong giai đoạn 2018 - 2022, nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ có xu hướng tăng (MC: Bảng thống kê chi cho hoạt động khoa học công nghệ từng năm).

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Hoạt động giám sát việc chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định

Trong giai đoạn đánh giá, kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học được có nhiều cải tiến theo hướng nâng cao mức đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, cũng như áp dụng các chính sách, biện pháp, quy định hỗ trợ cho hoạt động này.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Nhà trường cho các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và người học tuy có nhiều thay đổi song vẫn thấp hơn so với quy định trong Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

Điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc tiếp tục điều chỉnh tăng kinh phí cho đề tài; điều chỉnh, cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế và nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; tăng cường tuyển chọn, đầu tư cho đề tài nghiên cứu khoa học và các giải thưởng nghiên cứu khoa học của sinh viên và các đề tài trọng điểm cấp Trường

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	.....	.....	.....	.....
2	Phát huy điểm mạnh	.....	.....	.....	.....

**5. Mức đánh giá tiêu chí:..../7**

**Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

**1. Mô tả** (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của CSGD trong 5 năm gần nhất kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

\* Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) trong hoạt động khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại Quy chế quản lý hoạt động và công nghệ và Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ (MC: Quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 4366/QĐ-ĐHLHN ngày 18/11/2020; Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHLHN ngày 04/01/2022). Hằng năm, các hình thức của hoạt động nghiên cứu khoa học, số lượng, chỉ số của các hoạt động nghiên cứu khoa học được cụ thể hóa trong Kế hoạch nghiên cứu khoa học cũng quy định cụ thể (MC: Kế hoạch nghiên cứu khoa học 2018 - 2022; Kế hoạch xuất bản giáo trình hằng năm).

Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo được ghi nhận thông qua các báo cáo hoạt động khoa học và công nghệ (MC: Báo cáo Hội nghị viên chức hằng năm). Các kết quả nghiên cứu từ các đề tài/nhiệm vụ cấp trên cơ sở (cấp quốc gia, cấp Bộ) được chuyển giao cho các cơ quan quản lý Nhà nước; Các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh/thành phố được chuyển giao cho các địa phương (MC: Phiếu ứng dụng khoa học và công nghệ của các đề tài cấp Nhà nước, Bộ).

\* Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)

Hằng năm, Nhà trường có hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các cán bộ, giảng viên về hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (MC: Báo cáo Hội nghị tổng kết nghiên cứu khoa học nghiên cứu khoa học các năm; Hồ sơ khảo sát đánh giá về kết quả nghiên cứu và sáng tạo). Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí là đơn vị chủ trì triển khai hoạt động lấy ý kiến góp ý về các hoạt động nghiên cứu khoa học, trên cơ sở phối hợp với các đơn vị trong Trường (MC: Thông báo đến các đơn vị, Bản góp ý của các đơn vị cho hoạt động NCKH các năm).

\* Nhà trường chưa có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).

Do lĩnh vực nghiên cứu của Trường Đại học Luật Hà Nội là lĩnh vực đặc thù, vì vậy Trường chưa có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo mà hoạt động này được giao chức năng này cho một đơn vị trong Trường.

Nhà trường cũng định hướng và có nhiều hoạt động với các chủ đề về khởi nghiệp (MC: Đề tài về khởi nghiệp của sinh viên Phan Vũ; Hội thảo về hoạt động khởi nghiệp).

Nhà trường đã tích cực, chủ động, sáng tạo thực hiện sứ mạng phục vụ cộng đồng thông qua các hoạt động (MC: *Các khóa đào tạo để phát triển cộng đồng...*), đầu tư cho các hoạt động và dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hướng tới phục vụ cộng đồng (MC: *dự án “Kho hợp đồng” trong Cuộc thi “Học viện, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” lần thứ IV – SV – STARTUP 2022 – Chứng nhận của Dự án, các hình ảnh của Dự án*).

\* Thực hiện việc đổi mới về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên gia, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)

Nhà trường thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo thông qua các Hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, Nhà trường có thực hiện đổi mới kết quả nghiên cứu và sáng tạo qua các năm (MC: *Bảng đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo*). Dựa trên kết quả đối sánh và phân tích tại các Hội nghị (MC: *Báo cáo tại Hội nghị tổng kết nghiên cứu khoa học*), Nhà trường thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo phù hợp trong từng năm (MC: *Kế hoạch nghiên cứu khoa học, Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu khoa học hằng năm*).

Nhà trường có các hoạt động để cải tiến chất lượng các hoạt động nghiên cứu căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo như: thành lập các nhóm nghiên cứu (MC: *Quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu của Trường*), tổ chức các hoạt động có chủ đề về khởi nghiệp (MC: *Đề tài về khởi nghiệp của sinh viên Phan Vũ; Hội thảo về hoạt động khởi nghiệp*); điều chỉnh kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH (MC: *Quy chế chi tiêu nội bộ các thời kỳ*); khuyến khích cán bộ, giảng viên đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp trường, các đề tài theo đặt hàng của các đơn vị (MC: *Định hướng nghiên cứu khoa học hằng năm; Chiến lược hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội*).

**2. Điểm mạnh** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

So với giai đoạn đánh giá trước, Nhà trường đã có nhiều quy định cụ thể trong hoạt động khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục. Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo được cụ thể hóa trong các văn bản, quy định của Trường.

**3. Điểm tồn tại** (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

- Kết quả đối sánh về số lượng các công bố chung với các tác giả nước ngoài trên các tạp chí nước ngoài có uy tín còn ít so với tổng số công bố quốc tế của Trường.

- Mức chi cho hoạt động NCKH, CGCN của NT cho các hoạt động NCKH của GV và người học thấp so với tổng nguồn thu hợp pháp của Trường. Tỷ lệ chi này thấp hơn nhiều so với quy định trong Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

**4. Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

- Tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học như: Đào tạo về ngoại ngữ (chú trọng tiếng Anh pháp lý); Tổ chức các khóa học hướng dẫn, tập huấn về công bố quốc tế;



- Việc học ngoại ngữ để phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, nhất là đối với các giảng viên trẻ cần được coi là một nhiệm vụ bắt buộc. Nhà trường nghiên cứu phương án hỗ trợ như cấp học bổng, tạo điều kiện về thời gian để giảng viên đi học ngoại ngữ, đồng thời khi kết thúc khóa học giảng viên phải đạt chứng chỉ quốc tế theo cam kết với Nhà trường. Nhà trường khi thực hiện tuyển dụng mới giảng viên, ngoài vấn đề chuyên môn cần có yêu cầu cao về ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh) đầu vào và sau khi hết tập sự.

- Tiếp tục nghiên cứu để tăng cường cơ chế hỗ trợ (bao gồm tài chính, cơ sở vật chất, thông tin và những ưu đãi khác) cho các nhóm nghiên cứu đã được thành lập, chú trọng hướng đến các sản phẩm công bố quốc tế.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	.....	Phòng Quản lý khoa học và trị sự Tạp chí	.....	.....
2	Phát huy điểm mạnh	.....	.....	.....	.....

## 5. Mức đánh giá tiêu chí: Đạt

### Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:** chỉ ra các điểm mà Trường xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất.

-

-

...

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:** chỉ ra các điểm mà Trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

-

-

...

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của Trường mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, Trường phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	.....	.....	.....	.....
2	Khắc phục tồn tại 2				
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá Tiêu chuẩn 23:

Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 23.1	.../7 (Đạt)
Tiêu chí 23.2	.../7 (Chưa viết)
Tiêu chí 23.3	.../7 (Chưa viết)
Tiêu chí 23.4	3/7
Tiêu chí 23.5	..../7
Tiêu chí 23.6	..../7 (Đạt)

#### Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

**Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Trường Đại học Luật Hà Nội luôn coi hoạt động kết nối và PVCĐ là một trong những hoạt động cần thiết, thể hiện trách nhiệm của Nhà trường đối với xã hội. Loại

hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường [MC: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội)]. Trường đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối và PVCĐ trong đó CB, GV, NV, SV tham gia với nhiều loại hình và thu hút ngày càng nhiều người tham gia. Có nhiều loại hình kết nối và PVCĐ được đưa vào kế hoạch hoạt động của các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong Nhà trường, kèm theo đó là những quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động PVCĐ, đóng góp cho Xã hội [MC cần bù đắp: Văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội].

Đối với CB, GV, NV đó là các hoạt động phong trào của các tổ chức chính quyền, đoàn thể; tham gia công tác tư vấn hướng nghiệp hàng năm [MC: Báo cáo tổng kết các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, các chương trình Job Fair của ĐTN]; giao lưu, hợp tác đào tạo trong và ngoài nước [MC: Kế hoạch và tổng kết hợp tác quốc tế hằng năm của Phòng Hợp tác Quốc tế]; tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ; biên soạn giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; triển khai các khóa học ngắn hạn cho CBGV, SV, các cuộc thi về khởi nghiệp, sáng tạo dành cho toàn thể SV trên mọi miền của tổ quốc [Minh chứng] và các công tác xã hội khác...

Đối với SV: Các hoạt động PVCĐ là những hoạt động tình nguyện có ý nghĩa như Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, Đông ấm, Tiếp sức mùa thi, các công tác xã hội khác [MC: Kế hoạch và báo cáo công tác hàng năm của ĐTN]...

Để giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Nhà trường ban hành các văn bản pháp quy nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động kết nối và PVCĐ [MC: Quy chế công tác sinh viên, Quy chế ĐTDH của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Việc giám sát thường xuyên thông qua quy chế phối hợp, khảo sát ý kiến các bên liên quan; Các văn bản kết nối, PVCĐ của Công đoàn trường; Quy chế hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên [MC: Quy chế hoạt động của Công đoàn, ĐTN]. Các hoạt động giám sát được báo cáo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Nhà trường [MC: Biên bản các cuộc họp giao ban liên quan đến công tác SV] để điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai.

Sau mỗi hoạt động, Nhà trường tổ chức họp đánh giá rút kinh nghiệm, đề ra hướng cải tiến nhằm tìm kiếm thêm và làm phong phú hơn loại hình PVCĐ, ngày càng thu hút được nhiều người tham gia hơn [MC: Biên bản họp của CTSV, Hợp tác quốc tế, ĐTDH]. Đến cuối năm học Nhà trường đánh giá, tổng kết về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học [MC: Quy chế CTSV], từ đó đưa ra biện pháp cải tiến phù hợp.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các bên có liên quan để nắm bắt nhu cầu và cách thức triển khai phù hợp, đồng thời thu nhận các thông tin phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động. Kết quả triển khai các hoạt động PVCĐ của Nhà trường được cấp trên, các bên thụ hưởng ghi nhận, đánh giá tốt như: Thư cảm ơn, Các ý kiến đánh giá ghi nhận qua tin nhắn; Các ý kiến đánh giá ghi nhận qua phỏng vấn và truyền thông. Ngoài ra Nhà trường còn triển khai lấy ý kiến phản hồi về hoạt động PVCĐ đối với SV của Nhà trường và HV tham dự lớp bồi dưỡng bằng phiếu hỏi. HV, SV đánh giá

tốt hoạt động PVCĐ của Nhà trường [MC: Báo cáo tổng kết, Phiếu khảo sát]. Thông qua ý kiến phản hồi đó, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh cho các chương trình hành động tiếp theo.

Nhà trường cùng Đoàn TN tổ chức ngày hội việc làm hàng năm [MC: Kế hoạch, báo cáo tổng kết kèm hình ảnh của ĐTN] nhằm đưa các bạn SV tiếp cận gần hơn với doanh nghiệp và cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho doanh nghiệp

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Hoạt động kết nối và PVCĐ là những hoạt động được thiết lập nhằm tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với địa phương, cơ quan Nhà nước, các tổ chức trong và ngoài nước. Kết nối và PVCĐ mang lại lợi ích cho cả Nhà trường và cả cộng đồng. Qua đó, Nhà trường thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình vì lợi ích chung của xã hội, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng.

Nhà trường xác lập các chỉ tiêu qua việc lập kế hoạch năm học và kế hoạch của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội.]. Theo đó, Nhà trường chỉ rõ: *“Hoạt động PVCĐ là một trong ba trụ cột hoạt động của Trường với mục đích vừa truyền bá, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, vừa góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội”*

Dựa trên kế hoạch và chỉ tiêu đề ra, các bộ phận, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng về công tác kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội qua từng hoạt động [MC: Quy chế, kế hoạch kết nối và PVCĐ, Quy chế công tác SV], triển khai, rà soát, có những khắc phục điều chỉnh kịp thời và lập kế hoạch cho năm học tiếp theo, để đánh giá tác động xã hội và lợi ích mà hoạt động này đem đến cho Nhà trường, xã hội và đáp ứng mục tiêu chiến lược.

Kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ tác động đến xã hội được thể hiện ở các nội dung chính sau:

Về hoạt động Tình nguyện: Nhằm góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động Tình nguyện đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. SV tham gia vào chiến dịch mùa hè Xanh với số lượng tham gia đông đảo (từ 2017-2021). Chiến dịch này cũng đưa SV đến những vùng địa phương khó khăn như các vùng sâu vùng xa trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Lào Cai; được ghi nhận và đánh giá cao [MC: Bằng khen của Thành đoàn Hà Nội và tỉnh đoàn, huyện đoàn các địa phương Các biên bản hợp tác với địa phương, và các đơn vị đoàn phối hợp...]. Hàng năm, SV trường tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo số lượt SV tham gia trong giai đoạn 2017-2021 rất đông đảo. Các hoạt động tình nguyện của đoàn trường cũng đi vào chiều sâu gắn liền với thế mạnh về chuyên môn thông qua các mô hình tình nguyện như giúp đỡ các sinh viên gặp hoàn cảnh khó khăn, thiện nguyện ở vùng sâu vùng xa, vùng có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ trẻ em

người dân tộc thiểu số [MC: Báo cáo của ĐTN, Hội sinh viên về công tác tình nguyện và hỗ trợ cộng đồng].

Hợp tác đào tạo và giao lưu: Các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa trường Đại học Luật Hà Nội với các đối tác đã được triển khai hiệu quả, bước đầu mang lại lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như hợp tác đào tạo, trao đổi SV [MC: Biên bản ghi nhớ, hợp tác với Đại học Arizona, Đại học Nagoya...] trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, giao lưu thi đấu thể thao trong khu vực và ngoài nước... Nhà trường đã tiếp tục tiếp Lưu học sinh Lào đến trường học tập theo CTĐT đại học và sau đại học theo diện học bổng Hiệp định [MC: Hồ sơ thống kê sinh viên Lào của phòng CTSV, Các văn bản kí kết khác].

Về hoạt động giao lưu hợp tác doanh nghiệp: từ năm 2017 đến nay Đoàn Thanh niên cộng sản HCM Trường Đại học Luật Hà Nội cùng với Trung tâm Hỗ trợ người học và kết nối cộng đồng của Trường đã kết hợp với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và Trung tâm hỗ trợ việc làm của Thành đoàn Hà Nội tổ chức ngày hội việc làm và hướng nghiệp thu hút được nhiều đơn vị tham gia đã giúp SV chuẩn bị tốt những kỹ năng cần thiết để ứng tuyển trước nhà tuyển dụng. Đồng thời giúp nhà tuyển dụng lựa chọn các ứng viên phù hợp [MC: Báo cáo công tác tư vấn hướng nghiệp của ĐTN, CTSV, Trung tâm TVPL].

Về công tác nghiên cứu khoa học, Nhà Trường luôn tạo điều kiện tối đa để cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học [MC: báo cáo hoạt động NCKH qua các năm của phòng QLKH, Báo cáo tổng kết các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học]

Về các hoạt động ngoại khóa có tính xã hội, thiện nguyện khác: Các hoạt động ngoại khóa, thiện nguyện của các đơn vị trong trường phát động đã tạo được tác động xã hội to lớn, thu hút được sự tham gia và đóng góp của đông đảo cán bộ, GV, SV. Tổng số tiền quyên góp ủng hộ của Nhà trường trong 5 năm gần đây lên đến hàng trăm triệu đồng [Các báo cáo tổng kết của Công đoàn] và những hiện vật giá trị khác.

Việc giám sát tác động xã hội và kết quả các hoạt động này cũng được thực hiện chặt chẽ [Báo cáo kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội – Phòng ĐBCL và Khảo thí, Phòng CTSV]. Thông qua cơ chế tự giám sát, các bộ phận thực hiện phải cập nhật tình hình tới cán bộ phụ trách hoạt động để báo cáo tiếp lên các cấp trên thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng [MC: Biên bản họp giao ban các đơn vị được triển khai hàng tháng].

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều hài lòng về kết quả PVCD của Nhà trường thông qua thư cảm ơn của các đơn vị trực tiếp được hỗ trợ từ các hoạt động. Sau mỗi đợt triển khai, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá trực tiếp của các bên liên để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động bồi dưỡng [MC: Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về công tác hỗ trợ của phòng CTSV, Biên bản họp giao ban đơn vị].

Thông qua các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết các hoạt động trong năm của Công đoàn và Đoàn thanh niên Nhà trường, báo cáo hoạt động bồi dưỡng, đặc biệt trong phần đánh giá rút kinh nghiệm và phương hướng hoạt động tiếp theo trong

các báo cáo đã thể hiện rất cụ thể kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng về chất lượng phục vụ và kết nối cộng đồng đóng góp cho xã hội. [MC: Báo cáo tổng kết năm học của Trường, Báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phòng CTSV và các đơn vị]

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Vào đầu năm học Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học bao gồm các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCĐ [MC: Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội.]. Trong đó, hoạt động kết nối và PVCĐ đã được các đơn vị triển khai theo chức năng nhiệm vụ của mình. Để đánh giá tác động của đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường tiến hành tổng kết các hoạt động này, việc đánh giá được thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, các đoàn thể [MC: Báo cáo tổng kết năm học của Trường, Báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phòng CTSV và các đơn vị]. Đối với SV, kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ ngoài việc là một tiêu chí tính điểm rèn luyện... Hoạt động này dần đã giúp thay đổi kỹ năng, nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của SV tham gia những chương trình tình nguyện (Mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo...). Đối với giảng viên kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ có thể là cơ sở để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc vào cuối năm [MC: Báo cáo của ĐTN, Hội sinh viên về công tác tình nguyện và hỗ trợ cộng đồng].

Hoạt động PVCĐ của CB, GV, NV và SV bao gồm các chương trình tình nguyện của Đoàn thanh niên, các hoạt động từ thiện của công đoàn trường: ủng hộ qua chương trình Tết sum vầy, ủng hộ chiến dịch Mùa hè xanh, quỹ khuyến học, hiến máu nhân đạo, ủng hộ đồng bào thiên tai... Để hoạt động PVCĐ có hiệu quả, Nhà trường có chính sách hỗ trợ các cá nhân tham gia các hoạt động của các tổ chức đoàn thể [MC: Báo cáo của ĐTN, Hội sinh viên về công tác tình nguyện và hỗ trợ cộng đồng].

Nhà trường đã ban hành quy định về giám sát về tác động xã hội trong công tác PVCĐ [MC: Cần bổ sung minh chứng này] để làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo.

Tổng kết việc thực hiện giám sát, đánh giá của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên cũng như kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức điều tra khảo sát lấy ý kiến về hoạt động dịch vụ công của trường trong đó các nội dung về hoạt động PVCĐ đối với SV. Đối với ý kiến phản hồi của CB, GV được trao đổi, tiếp thu thông qua hội nghị viên chức trường [MC: Biên bản Hội nghị viên chức qua các năm, Lịch tiếp nhận ý kiến của CB, GV của lãnh đạo Nhà trường].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

Nhà trường tập hợp ý kiến đánh giá sự hài lòng của các bên liên dưới nhiều hình thức: Thư cảm ơn, bằng khen, giấy khen, kết quả điều tra khảo sát, báo cáo tổng kết các hoạt động... [MC:...]

Căn cứ kết quả phản hồi, sau mỗi hoạt động, Nhà trường tiến hành rà soát tổng kết và đề xuất các biện pháp cải tiến các hoạt động nhằm đạt được kết quả tốt hơn. Tất cả các hoạt động này được tổng kết trong tổng kết năm học hàng năm [MC:...].

Do đó, hoạt động PVCD của trường thu hút được nhiều CB, GV, SV tham gia hơn. Đối tượng phục vụ được mở rộng hơn, chất lượng phục vụ ngày càng được đánh giá cao chi tiết xem các bảng dưới đây. .

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

Hoạt động kết nối, PVCD và đóng góp cho xã hội của Nhà trường phong phú về loại hình, đa dạng về hình thức đã thu hút được ngày càng nhiều đối tượng tham gia. Nhà trường luôn xác lập các chỉ tiêu rõ ràng qua việc lập kế hoạch, giám sát để cải tiến liên tục các hoạt động. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín ngày càng tăng của Nhà trường.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Một số hoạt động thiện nguyện không đưa vào chỉ tiêu bắt buộc đối với CBGV- NV vì vậy chưa lan tỏa hết trong tập thể cho mọi đối tượng tham gia.

**3. Kế hoạch cải tiến:** các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của CSGD mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, CSGD phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng một số chỉ tiêu ngay từ đầu năm học để phát huy tối đa nguồn lực, vật	.....	.....	.....

		lực trong CB, GV, NV, SV Nhà trường.			
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục rà soát, giám sát, cải tiến hoạt động PVCD trong Nhà trường để nâng cao chất lượng công tác này ngày một hiệu quả hơn.			
3	..				
4	Phát huy điểm mạnh 1	.....	.....	.....	.....
5	Phát huy điểm mạnh 2				

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 24</b>	<b>5,0</b>
Tiêu chí 24.1	5/7
Tiêu chí 24.2	5/7
Tiêu chí 24.3	5/7
Tiêu chí 24.4	5/7

#### **Tiêu chí 25. Kết quả tài chính và thị trường**

**Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

##### **1. Mô tả**

Trong những năm qua, các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Giai đoạn 2017-2022, kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường đã được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến, cụ thể như sau:



- Về việc quy định kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2018-2022, với mục tiêu đo lường kết quả tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Chiến lược phát triển Trường đã đưa ra mục tiêu chiến lược “Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính bằng việc gia tăng, đa dạng hoá nguồn thu, tại được nguồn lực tài chính đáp ứng cơ bản yêu cầu xây dựng và phát triển Trường. Đến năm 2020 Trường tự chủ được hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư; thu nhập của cán bộ, viên chức và người lao động tăng lên tối thiểu từ 10-20%/năm. Mức thu hút tài chính bằng nguồn xã hội hoá tăng tối thiểu từ 10% hằng năm” [Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHNLN ngày 23/10/2020 ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030]. Hàng năm, trên cơ sở Chiến lược phát triển và Kế hoạch hoạt động của Trường, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo xây dựng Phương án tài chính, báo cáo dự kiến thu chi tài chính và dự toán ngân sách của Nhà trường, trong đó xác định rõ các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho từng năm như: học phí các loại hình đào tạo, lệ phí tuyển sinh, mức chi tiền giảng, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp,... [Phương án tài chính, Báo cáo dự kiến thu chi tài chính]. Mức học phí các hệ đào tạo, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona Hoa Kỳ của Nhà trường được xác định trên cơ sở tương xứng để bù đắp chi phí đào tạo ứng với chuẩn chất lượng tuân thủ các quy định trong Đề án tự chủ của Nhà trường được phê duyệt theo [QĐ 349/QĐ-BTP ngày 03/3/2016 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2016-2018 cho Trường ĐHLHN; Phương án 3381/PA-ĐHLHN ngày 24/10/2018 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 cho Trường ĐHLHN; Phương án 1586/PA-ĐHLHN ngày 22/4/2022 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2026 cho Trường ĐHLHN]. Hàng năm, Nhà trường lập dự toán ngân sách và báo cáo Bộ Tư pháp phê duyệt đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 [Dự toán ngân sách năm 2019, 2020, 2021, 2022] Cùng với các kế hoạch, dự toán tài chính hàng năm của Trường, các đơn vị đã xây dựng Kế hoạch công tác năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt. Trong kế hoạch công tác và dự toán kinh phí năm, các đơn vị đã dự kiến và làm rõ các khoản thu chi cho các hoạt động được tổ chức thực hiện trong năm [Kế hoạch công tác năm của các đơn vị, Dự toán kinh phí năm của các đơn vị]. Mức học phí các loại hình đào tạo của Nhà trường hàng năm đều được báo cáo Hội đồng trường xem xét, thông qua [Phiếu trình Hội đồng trường].

- Về việc giám sát kết quả và các chỉ số tài chính: Là một đơn vị có kinh nghiệm trong việc tự chủ, đặc biệt là tự chủ về tài chính, Trường Đại học Luật Hà Nội luôn đảm bảo các hoạt động tài chính được triển khai minh bạch, công khai, tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường thường xuyên theo dõi, đôn đốc đảm bảo kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trường có hệ thống giám sát kết quả và các chỉ số tài chính phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trước tiên là Trường có quy định về chức năng, nhiệm vụ [Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN ngày 6/1/2017 ban hành Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trường

ĐH Luật HN, Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Phòng Hành chính tổng hợp được giao nhiệm vụ là đơn vị đầu mối tổng hợp tình hình triển khai các kế hoạch công tác năm của các đơn vị và kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu về tiến độ cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Phòng HCTH]. Đối với kế hoạch ngân sách hàng năm của các đơn vị, Phòng Tài chính – Kế toán là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng kết công tác triển khai thực hiện, báo cáo Hiệu trưởng để kịp thời đưa ra những chỉ đạo, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính Kế toán]. Việc công khai tài chính góp phần tăng cường quyền kiểm tra, giám sát của tập thể cán bộ, viên chức; đảm bảo tính công khai, minh bạch của công tác quản lý tài chính; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức và các tổ chức đoàn thể của Trường trong việc thực hiện sự công bằng trong phân phối thu nhập; đánh giá đúng kết quả hoạt động tài chính của trường. Trường luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát đối với công tác tài chính như: Định kỳ báo cáo kết quả tài chính và việc quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường, Báo cáo công khai quyết toán tài chính, việc sử dụng các quỹ của Nhà trường cho Hội đồng trường và tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [Quyết định số 189/QĐ-ĐHLHN ngày 31/1/2013 ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Luật Hà Nội], [Quyết định số 3757/QĐ-ĐHLHN ban hành Quy chế dân chủ của Trường Đại học Luật Hà Nội], [Báo cáo hội nghị viên chức, người lao động], [Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm]. Hàng năm Cục Kế hoạch – Tài chính, Bộ Tư pháp đều phê duyệt số liệu quyết toán của Trường. Các báo cáo thẩm tra quyết toán đều khẳng định công tác tài chính của Trường được thực hiện tốt, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính [Biên bản duyệt quyết toán]. Ngoài ra, công tác giám sát việc phát triển kết quả và chỉ số tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng đã được triển khai qua phần mềm EIE [Phần mềm kế toán], CMC [Phần mềm quản lý học phí] để theo dõi hệ thống tài chính trong toàn trường, từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý kế hoạch tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Về việc đối sánh để cải tiến: Trường có thực hiện đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác đối sánh chưa được Nhà trường thường xuyên thực hiện nhằm đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động, đồng thời đưa ra các kết quả và chỉ tiêu phù hợp lý cho giai đoạn tiếp theo. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp suốt 2 năm qua, Trường Đại học Luật Hà Nội đã chung tay hỗ trợ tài chính đối với sinh viên bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19 học kỳ II năm học 2019-2020, hỗ trợ cho sinh viên hệ chính quy VB1. Mức học phí đối với các hệ đào tạo chính quy văn bằng 1, văn bằng 2, vừa làm vừa học áp dụng theo NĐ 86/2015 NĐ-CP ngày 02/10/2015 (đến năm 2020), chương trình đào tạo chất lượng cao của Nhà trường được xác định trên cơ sở đảm bảo đầy đủ chi phí đào tạo hợp lý ứng với chuẩn chất lượng, trong đó tích lũy bù đắp được khấu hao tài sản và chi phí tái tạo nguồn lực phục vụ công tác đào tạo, tuân thủ các quy định trong Đề án tự chủ của Nhà trường được phê duyệt theo [Quyết định mức thu học phí hàng năm]

- Trường đã tổ chức hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Để vận hành, giám sát và đối sánh kết quả và chỉ số tài chính hiệu quả, Trường giao Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Phòng Đào tạo đại học, Đào tạo sau đại học [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Phòng HCTH, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Phòng Công tác sinh viên]. Trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua hệ thống thông tin qua các buổi đối thoại của Hiệu trưởng với sinh viên, phiếu khảo sát, các bước lấy ý kiến, kết quả khảo sát... [Quy định Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Kết quả khảo sát năm 2022, Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm 2022], [Kế hoạch đối thoại của Hiệu trưởng với sinh viên], [Biên bản đối thoại Hiệu trưởng học kỳ 1 năm 2021-2022].

- Việc cải tiến để nâng cao chất lượng: Trường luôn chú trọng việc cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan, kết quả đối sánh ở trên, Trường ban hành các Nghị quyết, quyết định, kết luận để điều chỉnh các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và cộng đồng, trong đó xác định các yêu cầu về thể chế, chính sách, nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, việc tổ chức thực hiện, những hạn chế khó khăn và quan điểm, mục tiêu và giải pháp cụ thể. [Nghị quyết số 09-NQ/ĐU-NKKXI ngày 23/2/2016 về lãnh đạo nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện đề án Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật], [Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, Quyết định 3778/NQ-HĐTĐHLHN ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội], [Kế hoạch Kiểm định chương trình đào tạo, Kế hoạch Kiểm định cơ sở giáo dục], [Nghị quyết của hội nghị viên chức, người lao động 2020-2021], [Kế hoạch công tác năm của Trường 2018-2022], [Kế hoạch công tác năm của Phòng ĐTĐT, Quản lý khoa học và TSTC, Công tác sinh viên, Đảm bảo chất lượng và khảo thí, Trung tâm tư vấn pháp luật, Công đoàn, Đoàn thanh niên].

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu về kết quả và các chỉ số tài chính được lưu trữ bằng bản in tại Phòng Tài chính kế toán. Ngoài ra, Trường sử dụng phần mềm phần mềm EIE và phần mềm CMC để theo dõi kết quả và các chỉ số tài chính trong toàn trường từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý kế hoạch tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [Hồ sơ phần mềm kế toán EIE và Phần mềm CMC, kết quả tài chính hàng năm].

## **2. Điểm mạnh:**

- Trường đã thiết lập được các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ. Các mục tiêu, chỉ tiêu đưa ra hợp lý, đảm bảo vừa

thể hiện được sự phát triển của Nhà trường, vừa phù hợp mục tiêu phát triển khoa học pháp lý, cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước.

- Trường có phân công thực hiện việc giám sát, đồng thời đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan và đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan, nghiêm túc các kết quả và chỉ số tài chính.

- Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan tương đối đầy đủ.

- Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ được theo dõi, đánh giá, giám sát và có xu hướng tăng lên hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu, vị thế là cơ sở đào tạo luật hàng đầu ở Việt Nam.

### **3. Điểm tồn tại:**

- Trường chưa tập trung phân tích, đối sánh các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong nội bộ của Trường và các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài.

- Chiến lược phát triển nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

- Trường chưa thực hiện tham khảo mức học phí của các trường đại học trong cùng khối ngành để có những sự cân nhắc, điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, vừa tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chưa có báo cáo phân tích, đối sánh số kế hoạch tài chính giữa các năm.

### **4. Kế hoạch hành động**

- Tiếp tục thiết lập kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm trên cơ sở phân tích, đánh giá, cải tiến kết quả thực hiện của năm trước;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát nội bộ về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan;

- Thường xuyên thực hiện công tác đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cả trong nội bộ và với các trường đại học trong cùng khối ngành nhằm đưa ra những cải tiến, điều chỉnh phù hợp;

- Có giải pháp mở rộng nguồn thu từ các tiềm năng sẵn có của Trường.

### **5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7**

**Tiêu chí: 25.2 Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

#### **1. Mô tả**

Xu hướng kết quả hoạt động thị trường của Trường là xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành Trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật, Trung tâm truyền bá khoa học pháp lý đáp ứng yêu cầu của sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu

hành động của Trường. Giai đoạn 2017-2022, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường đã được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến, cụ thể như sau:

- Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng: Trường có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường [Quyết định số 36/QĐ-ĐHLHN ngày 6/1/2017 ban hành Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật HN, Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Tổng số viên chức của Trường hiện có 492 người (theo báo cáo Hội nghị viên chức năm 2021), trong đó có 317 giảng viên (có 04 giáo sư (chiếm tỉ lệ 1,26%), 35 phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 11,04%), 101 tiến sĩ (chiếm tỉ lệ 31,86%), 174 thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 54,88%), 03 cử nhân (chiếm tỉ lệ 0,95%), 175 viên chức hành chính và người lao động. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có năng lực, kinh nghiệm quản lý. [Kế hoạch công tác năm của Trường 2017-2022], [Danh sách giảng viên thỉnh giảng các năm]. Với cơ cấu tổ chức và đội ngũ viên chức, người lao động trên, Trường chú trọng xây dựng các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng: 1) Hoạt động đào tạo xác định các nội dung, gồm: vị thế, chương trình đào tạo, tỷ lệ giảng viên cơ hữu giảng dạy bằng tiếng Anh, tỷ lệ sinh viên/giảng viên, quy mô tuyển sinh, sản phẩm đào tạo, chương trình đào tạo được kiểm định, văn hoá chất lượng của cán bộ, giảng viên và người học, giáo trình môn học bắt buộc và môn học tự chọn; 2) Hoạt động nghiên cứu khoa học, gồm: công bố quốc tế hoặc công bố trong nước, tham gia đề tài, đề án khoa học các cấp, bài báo, kinh phí cho nghiên cứu khoa học, số đề tài/nhiệm vụ/dự án NCKH cấp Nhà nước/Bộ/Tỉnh hàng năm; 3) Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và phục vụ cộng đồng, gồm: tỷ lệ tư vấn cho khách hàng và tư vấn miễn phí, tư vấn pháp luật, giảng viên, sinh viên tham gia tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, mở rộng kết nối, hợp tác các cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý [Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 4/4/2013 phê duyệt Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”], [Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23/10/2020 ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030], [Quyết định số 2538/QĐ-ĐHLHN ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện chiến lược phát triển Trường đến năm 2025], [Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học năm 2018-2020], [Chiến lược phát triển khoa học giai đoạn 2016 -2021].

Các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD

Tên hoạt động	Chỉ số từ nay đến năm 2025	Chỉ số năm 2030
<b>Chỉ số hoạt động đào tạo</b>		

Quy mô đào tạo 2 trường (ĐHLHN&ĐHLTPHCM)	36,000	49,000
Vị thế trong nước	Hàng đầu	Hàng đầu
Xếp hạng		Có thứ hạng quốc tế
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu giảng dạy bằng tiếng Anh và ngoại ngữ khác	20%	50%
Tỷ lệ sinh viên/giảng viên	30	20
Chương trình đào tạo liên kết đào tạo đại học	2	
Chương trình đào tạo liên kết đào tạo sau đại học	2	
Quy mô tuyển sinh trình độ Thạc sỹ, tiến sỹ/tổng quy mô tuyển sinh	20%	
Sản phẩm đào tạo được đánh giá cao	75%	
Cấp bằng tiến sĩ	20 bằng	
Ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ/ tổng số ngành đào tạo	50%	
Chứng nhận kiểm định CSGD chu kỳ 3	Năm 2023	
Chứng nhận kiểm định chương trình đào tạo		100%
Chương trình kiểm định theo AUN	1	
<b>Giáo trình</b>	<b>100% bắt buộc, 50% tự chọn</b>	
<b>Chỉ số về nghiên cứu khoa học</b>		
Công bố quốc tế ISI/Scopus hoặc trong nước hàng năm	100%	100%
GV là GS, PGS chủ trì đề tài, đề án các cấp	100%	100%
Giảng viên cơ hữu chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án khoa học các cấp	75%	75%
Công bố quốc tế	50 bài (0,15 bài/GV)	100 bài (0,3 bài/GV)
Kinh phí tăng	15-20%	

Nguồn thu từ hoạt động NCKH	5%	15%
Hội thảo quốc tế	3	3
Báo cáo tại Hội thảo quốc tế	20	20
Chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài	5	10
<b>Chỉ số phục vụ cộng đồng</b>		
Tư vấn cho khách hàng tăng	10%	
Tư vấn miễn phí/ tổng lượt tư vấn	20-30%	
Tư vấn trợ giúp pháp lý/năm	250-300 vụ	
Mở rộng kết nối	4	8

- Trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng: Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường thường xuyên theo dõi, đôn đốc đảm bảo kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra. Phòng Hành chính tổng hợp được giao nhiệm vụ là đầu mối trong công tác theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các hoạt động, kịp thời báo cáo BGH về tiến độ cũng như những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó BGH sẽ đưa ra những chỉ đạo, điều chỉnh cho phù hợp. Bên cạnh đó, Trường cũng giao nhiệm vụ cho các đơn vị đầu mối giám sát như Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí, Phòng Đào tạo Đại học, Đào tạo sau đại học, Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm Tư vấn pháp luật, Phòng Thanh tra pháp chế, Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí [Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội], [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Phòng HCTH, Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí, Phòng Đào tạo Đại học, Đào tạo sau đại học, Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm Tư vấn pháp luật, Phòng Thanh tra pháp chế, Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí]. Ngoài việc tự giám sát, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có thể giám sát về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: Định kỳ báo cáo Hội đồng trường về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thực hiện báo cáo Bộ Tư pháp thông qua các văn bản báo cáo tình hình hoạt động của quý, năm và các báo cáo khác khi có yêu cầu. Tổ chức lấy ý kiến góp ý và báo cáo công khai tại Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động hàng năm: [Quyết định số 189/QĐ-ĐHLLHN ngày 31/1/2013 ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Luật Hà Nội], [Báo cáo gửi Hội đồng Trường các năm], [Báo cáo tình hình hoạt động của quý, năm gửi Bộ Tư pháp], [Báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động từ 2017-2021], [Báo cáo hội nghị tổng kết năm học], [Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân], [Quy chế về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ].

- Trường có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường và rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được Trường triển khai hàng năm như đối sánh về tỉ lệ tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ công bố quốc tế, công bố trong nước [Báo cáo thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng], [Báo cáo rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ 2017-2021], [Báo cáo Hội nghị viên chức từ 2017-2021], [Đề án tuyển sinh của Trường từ 2017-2021]; [Báo cáo kết quả tuyển sinh, [Kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2017-2022], [Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm]. [Báo cáo công tác của Phòng Đào tạo đại học, Sau đại học, Phòng QLKH&TSTC, Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm Tư vấn pháp luật, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra, Đoàn Thanh niên, Công đoàn từ 2017-2021], [Bảng tổng hợp số liệu người học các năm]. Trường có thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [Nghị quyết số 35 NQ-HĐTĐHLLHN Nghị quyết về việc điều chỉnh Kế hoạch công tác năm 2021 của Trường Đại học Luật Hà Nội]. Có thể kể đến một số chỉ số như sau:

#### **Các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD giai đoạn 2017-2022**

Chỉ số thị trường của hoạt động đánh giá chương trình đào tạo

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Số CTĐT được kiểm định trong nước						

#### **Chỉ số thị trường của hoạt động tuyển sinh của Trường**

<b>Nội dung</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>
Tổng quy mô của Trường	16814	16521	14766	14968	13656
Chương trình đào tạo đại trà (nhập học)	1851	2010	1997	1984	1760
Chương trình chất lượng cao	191	173	175	194	249
Liên kết đào tạo			5	11	46
Đào tạo liên thông		43			



Đào tạo văn bằng 2 chính quy	811	753	765	298	743
Đào tạo vừa làm vừa học	812	982	878	609	815
Thạc sĩ	470	486	433	218	435
Tiến sĩ	42	14	19	7	31

**Chỉ số thị trường của sinh viên có việc làm sau khi ra trường**

<b>Tình hình việc làm</b>	<b>Khoá 37</b>	<b>Khoá 38</b>	<b>Khoá 39</b>	<b>Khoá 40</b>	<b>Khoá 41</b>
	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>
Có việc làm	64,29%	84,46%	75,36%	88,78%	85,32%
Chưa có việc làm	17,81%	10,54%	16,21%	8,24%	14,68%
Đang học nâng cao	17,9%	5%	8,43%	2,98%	15,61%

**Các chỉ số thị trường của hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2022**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>2017- 2018<sup>55</sup></b>	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021- 2022</b>
1.	Bài báo quốc tế ISI/SCOPUS				3	16
2.	Công bố quốc tế		30		12	26
3.	Bài viết tạp chí trong nước	150	300	300	300	300

<sup>55</sup> Bảo vệ thành công trước thời hạn tăng gấp 3 lần so với năm 2016 với 01 đề tài cấp Bộ và 14 đề tài cấp cơ sở (Báo cáo Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2017 của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2017”

4.	Số đề tài, đề án cấp quốc gia	2	2 <sup>56</sup>	3 <sup>57</sup>	2	3
5.	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ	3	4	3	1	1
6.	Đề tài khoa học cấp cơ sở	40	43	34	40	37
7.	Hội thảo, tọa đàm các cấp	57 <sup>58</sup>	49	71 <sup>59</sup>	67	58
8.	Đề tài khoa học của sinh viên	89 <sup>60</sup>	143 <sup>61</sup>	110 <sup>62</sup>	98 <sup>63</sup>	196
9.	Nghiệm thu giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo	10	10	15		38
10.	Tạp chí Luật học (số)	12	14	14	12	12

### Các chỉ số thị trường của hoạt động PVCD

Phục vụ	2017	2018	2019	2020	2021
---------	------	------	------	------	------

<sup>56</sup> Đề án cấp Nhà nước “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học 2012” thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020; Đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai bảo đảm phát triển bền vững khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay” thuộc Chương trình Tây nguyên giai đoạn 2016-2020.

<sup>57</sup> Tiếp tục thực hiện 2 đề tài của năm trước và Đề tài đột xuất của Quỹ Nafoted “Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất chủ trương, phương án đàm phán của Việt Nam trong xây dựng văn kiện pháp lý quốc tế

<sup>58</sup> Trong đó có 7 Hội thảo quốc tế

<sup>59</sup> Trong đó có 9 Hội thảo quốc tế

<sup>60</sup> Trong đó có 3 giải nhất, 3 giải ba đề tài cấp Bộ, 3 đề tài đạt giải khuyến khích Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka lần thứ XIX

<sup>61</sup> Trong đó có 07 đề tài đạt giải cấp Bộ (2 giải nhì, 2 giải ba, 3 giải khuyến khích); 03 đề tài đạt giải trong Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học – Eureka lần thứ XX (1 giải ba, 2 giải khuyến khích). (Báo cáo Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2018 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

<sup>62</sup> Trong đó có 07 đề tài đạt giải cấp Bộ (2 giải nhì, 2 giải ba, 3 giải khuyến khích); 04 đề tài đạt giải khuyến khích trong Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học – Eureka lần thứ XX

<sup>63</sup> Trong đó có **09** giải nhất, **16** giải nhì, **20** giải ba và **25** giải khuyến khích

cộng đồng										
	Số vụ tư vấn	Tư vấn miễn phí	Số vụ tư vấn	Tư vấn miễn phí	Số vụ tư vấn	Tư vấn miễn phí	Số vụ tư vấn	Tư vấn miễn phí	Số vụ tư vấn	Tư vấn miễn phí
Tư vấn	151		186	24	206	18	203	27	150	27
Công đoàn quyền góp							250triệu		1,4 tỷ	
Tuyên truyền phổ biến pháp luật							15 buổi	1000 lượt tham gia	4 điểm	1000 lượt tham gia
Hiến máu							500 sinh viên và cán bộ	989 đơn vị máu	3 chương trình	1.000 đơn vị máu
Tặng quà							250 phần quà		330 suất quà	

Nghiên cứu đề án tuyển sinh của các cơ sở đào tạo cho thấy, kết quả đối sánh với các cơ sở đào tạo Luật trong nước [Đề án tuyển sinh của Trường ĐH Luật HN, Đại học Luật TPHCM, Đại học kinh tế Luật TPHCM]

Stt	Thông tin tuyển sinh	2017-		2018-		2019-		2020-		2021-	
		Chỉ tiêu TS	Kết quả TS	Chỉ tiêu TS	Kết quả TS	Chỉ tiêu TS	Kết quả TS	Chỉ tiêu TS	Kết quả TS	Chỉ tiêu TS	Kết quả TS
1.	Đại học Luật Hà Nội	2070	2074	1878	2191	1409	1762	2265	2189	2000	2055

2.	Đại học Luật TPHCM	1600	167 3	1900	1946	210 0	221 9	210 0	202 5	2100	2141
3.	Đại học Kinh tế Luật TPHCM			2030		202 0	151 2	210 0	222 2	2230	2317

- Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Để vận hành, giám sát và đối sánh kết quả và chỉ số thị trường hiệu quả, Trường giao cho các đơn vị đầu mối thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi là các đơn vị Phòng Đào tạo Đại học đối với hoạt động đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Trị sự tạp chí với hoạt động nghiên cứu khoa học, Phòng Công tác sinh viên đối với công tác quản lý sinh viên và các đơn vị có nhiệm vụ phối hợp như Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Công đoàn, Đoàn thanh niên. Trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua hệ thống thông tin là các quy định, phân công đơn vị, cá nhân, nội dung, công cụ khảo sát, phiếu khảo sát, các bước lấy ý kiến, kết quả khảo sát. [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Phòng HCTH, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Công đoàn, Đoàn thanh niên], [Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật Hà Nội], [Quy định Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội, Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên năm 2018, Kết quả khảo sát năm 2022, Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm 2022], [Tổng hợp ý kiến của người sử dụng lao động, sinh viên sắp tốt nghiệp, cựu sinh viên và các khoa chuyên môn], [Bảng tổng hợp ý kiến của các khoa chuyên môn, giảng viên], [Ý kiến đóng góp của các đơn vị], [Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng], [Kế hoạch đối thoại của Hiệu trưởng với sinh viên], [Biên bản đối thoại với sinh viên, Biên bản đối thoại Hiệu trưởng HK1 21-22]. Kết quả khảo sát của các bên liên quan năm 2022 như sau:

--	--	--	--

- Trường có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng: Căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan, kết quả đối sánh ở trên, Trường ban hành các Nghị quyết, quyết định, kết luận để điều chỉnh các chỉ số thị trường đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và cộng đồng, trong đó xác định các yêu cầu về thể chế, chính sách, nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, việc tổ chức thực hiện, những hạn chế khó khăn và quan điểm, mục tiêu và giải pháp cụ thể. [Nghị quyết số 09-NQ/ĐU-NKKXI ngày 23/2/2016 về lãnh đạo nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện đề án Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường

trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật], [Nghị quyết số 24-NQ/ĐU ngày 10/06/2019 về việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật], [Nghị quyết số 1044/NQ-HĐTTĐHLHN ngày 17/3/2020, Nghị quyết số 1473/ NQ-HĐTTĐHLHN ngày 18/5/2020, Nghị quyết số 1474/ NQ-HĐTTĐHLHN ngày 18/5/2020, Nghị quyết số 3775/ NQ-HĐTTĐHLHN ngày 23/10/2020], [Nghị quyết số 3778/NQ-HĐTTĐHLHN ngày 23/10/2020 ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2030, Quyết định 3778/NQ-HĐTTĐHLHN ban hành Kế hoạch 5 năm thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội], [Kế hoạch chuyển đổi số của Trường Đại học Luật Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030], [Kế hoạch quảng bá tuyển sinh], [Kế hoạch Kiểm định chương trình đào tạo, Kế hoạch Kiểm định cơ sở giáo dục], [Nghị quyết của hội nghị viên chức, người lao động từ 2017-2021], [Kế hoạch công tác năm của Trường 2017-2022], [Kế hoạch công tác năm của Phòng ĐTĐT, Quản lý khoa học và TSTC, Công tác sinh viên, Đảm bảo chất lượng và khảo thí, Trung tâm tư vấn pháp luật, Công đoàn, Đoàn thanh niên].

- Trường có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Về công tác tuyển sinh: các quyết định trúng tuyển và nhập học được quản lý bằng bản cứng và phần mềm tại Phòng Đào tạo, Đào tạo sau đại học của Trường. Kết quả công tác đào tạo, quyết định tốt nghiệp và các chỉ số người học được lưu trữ tại các khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo đại học, Đào tạo sau đại học. Về công tác nghiên cứu khoa học: các chỉ số được lưu trữ bản cứng tại Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí và Trung tâm Thông tin thư viện Trường, đã được số hoá cho bạn đọc khai thác miễn phí. Về hoạt động phục vụ cộng đồng, dữ liệu các lớp đào tạo ngắn hạn, tư vấn pháp luật và các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn, Đoàn thanh niên được lưu trữ bằng bản cứng tại các đơn vị. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu của Trường phục vụ việc nhập điểm, đăng ký tín chỉ, theo dõi người học,... để điều hành, quản lý bằng phần mềm quản lý đào tạo, Website, các văn bản, báo cáo của các đơn vị có liên quan...) Ngoài ra, các đơn vị chức năng của Trường có trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và bổ sung, cập nhật vào cơ sở dữ liệu. [Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2018, 2020, 2022], [Bảng điểm, Sổ theo dõi bằng tốt nghiệp]. [Báo cáo kết quả và dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm], [Hình ảnh các bộ sưu tập kết quả nghiên cứu khoa học tại của Trường tại Thư viện], [Hình ảnh các cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng].

## **2. Điểm mạnh** (*phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CSGD trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí*)

- Trường đã thiết lập được các kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ. Các mục tiêu, chỉ tiêu đưa ra hợp lý, đảm bảo vừa thể hiện được sự phát triển của Nhà trường, vừa phù hợp mục tiêu phát triển khoa học pháp lý, cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước.

- Trường có phân công thực hiện việc giám sát, đồng thời đảm bảo sự giám sát của

các bên liên quan và đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan, nghiêm túc.

- Trường đã tập trung phân tích, đối sánh các chỉ số của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong nội bộ của Trường.

- Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan tương đối đầy đủ.

- Trường đã chú trọng đến công tác cải tiến chất lượng của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Kết quả và các chỉ số thị trường về của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ được theo dõi, đánh giá, giám sát và có xu hướng tăng lên hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu, vị thế là cơ sở đào tạo luật hàng đầu ở Việt Nam.

### 3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tham gia xếp hạng GDDH với tổ chức xếp hạng ngoài nước.

- Thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ chưa đầy đủ, thường xuyên, khoa học.

- Nhà trường chưa thực hiện phân tích, đối sánh các kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong chu kỳ trong nội bộ trường và của Trường với một số trường ĐH khác có cùng ngành đào tạo để xác định lợi thế cạnh tranh hay khó khăn trong cạnh tranh giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế số. Công tác đối sánh để cải tiến được chưa thực hiện bài bản, thường xuyên, liên;

- Trường chưa thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Các kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các BLQ về kết quả và chỉ số thị trường còn hạn chế.

- Hoạt động PVCĐ đã được Nhà trường quan tâm triển khai từ lâu, tuy nhiên các chỉ số thị trường của hoạt động này thì mới được đưa vào các văn bản chính thức trong những năm gần đây, do đó cần có thêm thời gian để cân đối, điều chỉnh cho phù hợp.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	Tiếp tục thiết lập kết quả và các chỉ số kết quả và thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm trên cơ sở phân tích, đánh giá, cải tiến kết quả thực hiện của năm trước	BGH, Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	

2		Tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát nội bộ về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	BGH, Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	
3		Chú trọng hơn nữa đến công tác cải tiến chất lượng của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	BGH, Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	
4		Tiếp tục duy trì việc phân tích, đối sánh nội bộ kết quả và chỉ số thị trường về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.	BGH, Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	
5		Tiếp tục vận hành hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan tương đối đầy đủ.	BGH, Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	
6		Tiếp tục phát huy kết quả và các chỉ số thị trường về của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ được theo dõi, đánh giá, giám sát theo xu hướng tăng lên hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu, vị thế là cơ sở đào tạo luật hàng đầu ở Việt Nam.	Phòng ĐTDH, ĐTSĐH, QLKH&TSTC, CTSV	Hàng năm	
1	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Phấn đấu tham gia xếp hạng GĐĐH với tổ chức xếp hạng ngoài nước	Ban giám hiệu,  Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí và các đơn vị liên quan	2025	2025 Thực hiện , 2030 hoàn thành
2		Chú trọng công tác đối sánh về kết quả và chỉ số thị trường về hoạt động ĐT, NCKH & PVCĐ trong nội bộ và	Ban giám hiệu,	Từ 2022	

		các cơ sở đào tạo luật khác để thực hiện bài bản, thường xuyên, liên tục nhằm cải tiến chất lượng (lập Kế hoạch, xây dựng báo cáo đối sánh về kết quả và chỉ số thị trường)	Phòng ĐTDH, QLKH&TSTC, CTSV và các đơn vị liên quan		
3		Thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Ban giám hiệu, Phòng ĐTDH, QLKH&TSTC, CTSV và các đơn vị liên quan	Từ 2022	
4		Củng cố và duy trì việc tổ chức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD thường xuyên, khoa học và đảm bảo giám sát chặt chẽ	Ban giám hiệu, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí và các đơn vị liên quan	Hàng năm	Phòng CTSV chủ trì
5		Hoàn thiện các kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Ban giám hiệu, Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí và các đơn vị liên quan	Hàng năm	Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí
6		Duy trì ghi nhận chính thức qua các văn bản, kế hoạch về các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, có sự điều chỉnh hàng năm cho phù hợp theo xu hướng tăng lên của các chỉ số.	Ban giám hiệu Phòng Đào tạo đại học, Phòng Quản lý khoa học và Trị sự tạp chí, Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị liên quan	Từ 2022	Phòng ĐTDH chủ trì



**5. Mức đánh giá tiêu chí: 3/7**

***Đánh giá chung tiêu chuẩn 25:***

<b>Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chí 25.1</i></b>	<b><i>3/7</i></b>
<b><i>Tiêu chí 25.2</i></b>	<b><i>3/7</i></b>